

**CHÚ GIẢI
CÁC QUY TẮC
NHẬN ĐỊNH THẦN LOẠI
CỦA THÁNH I-NHÃ**



Nguyên tác: A Commentary on
Saint Ignatius' Rules
for the Discernment Of Spirits
Jules J. Toner, S.J.

Nhà Tập Thánh Tâm

MỤC LỤC

LỜI TỰA CỦA NHÀ BIÊN TẬP.....	vii
LỜI TỰA CỦA TÁC GIẢ.....	xi

PHẦN I

SỰ HƯỚNG DẪN TRONG THỜI GIAN AN ỦI VÀ SẦU KHỔ

Chương 1

NHU CẦU ĐƯỢC HƯỚNG DẪN

<i>Thánh Thần Là Ai Đối Với Tôi?</i>	4
<i>Nhu Cầu Cho Một Sự Hướng Dẫn</i>	7
<i>Thánh I- Nhã và Những Quy Tắc Của Ngài Cho Việc Nhận Định Thần Loại</i>	10
<i>Nhận Định Thần Loại Khác Với Nhận Định Thánh Ý Thiên Chúa</i>	16
<i>Linh Đạo Ki-Tô Hữu, I-nhã và Giê-Su Hữu</i>	20
<i>Mục Đích Cuốn Sách Đây</i>	21
<i>Cấu Trúc Của Hai Bộ Nhận Định Thần Loại Của Thánh Inhã</i>	22

Chương 2

BẢN VĂN HAI BỘ QUY TẮC NHẬN ĐỊNH THẦN LOẠI CỦA THÁNH I-NHÃ

<i>Bản Văn Những Quy Tắc của Thánh I-nhã, Được Dịch Sát Chữ</i>	27
<i>Những Quan Điểm Thần Học</i>	36
<i>Sa-tan và Sự Nhận Định: Hai Vấn Đề</i>	41
<i>Những “Chuyển Động Khác Nhau”</i>	45
<i>Bối Cảnh của Những Quy Tắc Đây trong Linh Thao</i>	47

Ba Mục Đích (threefold purpose) Của Bộ Quy Tắc: để Nhận Biết, để Hiểu, để Đón Nhận Hay Loại Bỏ.(notice, understand, accept or reject).....49

PHẦN II

THẦN LÀNH VÀ THẦN DỮ. NHỮNG TÁC ĐỘNG VÀ DẤU HIỆU TRÁI NGƯỢC NHAU CỦA CÁC THẦN

Chương 3

NHỮNG NGUYÊN TẮC CĂN BẢN GIÚP NHẬN ĐỊNH THẦN LOẠI

<i>Những Loại Người được đề cập trong các Quy Tắc I :1 - 256</i>	
<i>“Sự Trái Ngược” trong Ý Tưởng của Thánh I-nhã.....</i>	<i>57</i>
<i>Hai Loại Người Trái Ngược: Những Ki-tô Hữu Đang Tấn Tới và Những Ki-tô Hữu Đang Sa Sút.....</i>	<i>59</i>
<i>Những Tác Động của Hai Loại Thần lên Một Ki-tô Hữu Đang Sa Sút. Quy tắc I:1.....</i>	<i>65</i>
<i>Những Tác Động của Hai Loại Thần lên Một Ki-tô Hữu Đang Tấn Tới. Quy tắc I:2.....</i>	<i>67</i>
<i>1. Những Tác Động của Thần Dữ.....</i>	<i>69</i>
<i>2. Những Tác Động của Thần Lành.....</i>	<i>73</i>
<i>Những Phúc Tạp Cụ Thể Trong Sự Tương Phản đối với những trường hợp rõ ràng (pure cases).....</i>	<i>85</i>

Chương 4

NHỮNG PHÂN TÍCH SƠ KHỞI VỀ AN ỦI VÀ SẦU KHỔ THIÊNG LIÊNG

<i>Ý Hướng Của Thánh I-nhã Trong Quy Tắc I:3.....</i>	<i>97</i>
<i>Phân Tích Mô Tả Về An Ủi.....</i>	<i>99</i>

<i>Ý Nghĩa của Sự Bình An.....</i>	<i>105</i>
<i>Sự Bình An Thiêng Liêng.....</i>	<i>108</i>
<i>Bình An Thiêng Liêng thiết yếu và phụ thuộc (essential and contingent).....</i>	<i>109</i>

Chương 5

MIÊU TẢ VỀ AN ỦI THIÊNG LIÊNG

<i>Lời Miêu Tả Đầu Tiên.....</i>	<i>114</i>
<i>Lời Miêu Tả Thứ Hai.....</i>	<i>121</i>
<i>Miêu Tả Thứ Ba và Thứ Bốn về An Ủi Thiêng Liêng....</i>	<i>125</i>
<i>Trật Tự của Các Lời Miêu Tả.....</i>	<i>131</i>
<i>Cấu Trúc Căn Bản của An Ủi Thiêng Liêng.....</i>	<i>133</i>
<i>Một Vài Mẫu An Ủi Thiêng Liêng trong Tin Mừng.....</i>	<i>138</i>
<i>Những Bằng Chứng Về Nhận Định Thần Loại Từ An Ủi Không Thiêng Liêng(non - spiritual).....</i>	<i>141</i>

Chương 6

MÔ TẢ CON SẦU KHỔ THIÊNG LIÊNG

<i>Ý Nhắm của Quy Tắc.....</i>	<i>149</i>
<i>Phân Tích Miêu Tả về Sầu Khổ.....</i>	<i>149</i>
<i>Sự Tương Phản và Những Ấn Chứa của Nó Trong Quy Tắc I:4</i>	<i>152</i>
<i>Mô Tả Sầu Khổ Thiêng Liêng.....</i>	<i>154</i>
<i>Sầu Khổ Thiêng Liêng như là Một Kinh Nghiệm Đúc Tin của Người Ki-tô Hữu Trưởng Thành.....</i>	<i>168</i>
<i>Nguyên Do Kép của Sầu Khổ Thiêng Liêng: Thiêng Liêng và Thiêng Liêng Đối Nghịch.....</i>	<i>172</i>
<i>Những Tư Tưởng từ An Ủi và Sầu Khổ.....</i>	<i>173</i>

*Tổng kết: Những Nhân Tố Trong Cấu Trúc Năng Động
(dynamic structure) Của Sâu Khổ Thiêng Liêng.....175*

PHẦN III
THẦN LÀNH TRONG THỜI GIAN SÂU KHỔ
Quy Tắc I : 5 -14

Chương 7

NHẬN ĐỊNH VÀ ĐÁP TRẢ THÁNH THẦN
TRONG THỜI GIAN SÂU KHỔ THIÊNG LIÊNG:
NHỮNG LỜI KHUYÊN CƠ BẢN

*Những Bước Thực Hành cho Người Trong Sâu Khổ Thiêng
Liêng.....179*

*Bước Thứ Nhất : Nhận ra Một cách có Phản tỉnh về Sâu Khổ
Thiêng Liêng.....182*

*Bước Thứ Hai: Chống Lại Việc Thay Đổi Các Quyết Định.
.....184*

*Bước Thứ Ba: Thay Đổi Chính Mình Cách Mạnh Mẽ Trong
những Cách thế ngược lại với Sâu Khổ Thiêng Liêng...188*

Hai Nguyên Tắc Cơ Bản làm nền tảng cho Bước Thứ Ba.189

*Áp dụng Hai Nguyên Tắc này, Trong Quy Tắc I:6 đối với Sâu
Khổ Thiêng Liêng.....196*

*Những Cách Thay Đổi Chính Mình để Chống Lại Sâu Khổ
.....200*

Chương 8

NHẬN ĐỊNH VÀ ĐÁP LẠI TIẾNG CHỨA THÁNH THẦN
TRONG SUỐT THỜI GIAN GẶP SÂU KHỔ THIÊNG LIÊNG
PHÁT HUY NHỮNG LỜI KHUYÊN THIẾT YẾU

Sâu Khổ Thiêng Liêng như là Một Thách Thức: quy tắc I:7213

<i>Kiên Nhẫn và Trông Đợi: Quy Tắc I:8.....</i>	<i>216</i>
<i>Những Lý Do Thiên Chúa Cho Phép Sầu Khô: Quy Tắc I: 9</i>	<i>221</i>
<i>Trong Lúc An Ủi [Chúng ta hãy] Chuẩn Bị Cho Lúc Sầu Khô: quy tắc I: 10 - 11.....</i>	<i>233</i>
<i>Chiến Thuật và Cách Thức của Ma Quỷ. Quy tắc I: 12-14</i>	<i>241</i>

Chương 9

TỔNG HỢP QUA MỘT CÂU CHUYỆN KINH THÁNH

PHẦN IV THẦN DŨ TRONG THỜI GIAN AN ỦI

Chương 10:

TRÒ LỬA PHỈNH KHỞI ĐI TỪ AU THIÊN LIÊNG	
<i>AU Có và Không Có Nguyên Do Trước. Quy tắc II:2-3</i>	<i>261</i>
<i>TLP qua Ôn AUCNDT. Quy tắc II:4.....</i>	<i>268</i>
<i>Cách Thức Vạch Trần TLP Thứ Nhất. Quy tắc II:5- 6. .</i>	<i>278</i>
<i>Rút bài học nhờ phản tỉnh kinh nghiệm. Quy tắc II: 6.</i>	<i>284</i>
<i>Sự Bảo Đảm và Sự Diễn Giải. Quy tắc II:7.....</i>	<i>286</i>

Chương 11

TRÒ LỬA PHỈNH TRONG THỜI GIAN DƯ HƯỜNG CỦA AU THIÊN LIÊNG

<i>Bước thứ nhất: Không Có TLP trong AUKNDT.....</i>	<i>294</i>
<i>Bước thứ hai: Phân Biệt AU với Sự Dư Hường.....</i>	<i>295</i>
<i>Một câu hỏi: Phải Chẳng Sự Dư Hường là Một AUTL?</i>	<i>296</i>
<i>Bước thứ ba: TLP Khả Thê.....</i>	<i>299</i>
<i>Bước thứ tư: Làm thế nào để tránh TLP.....</i>	<i>301</i>
<i>Một vấn đề và một giải pháp được đề nghị.....</i>	<i>305</i>

PHẦN V
PHỤ LỤC
VÀ CÁC VẤN ĐỀ TRÍCH DẪN GIỚI THIỆU VỀ PHỤ LỤC

Phụ lục I: SỰ TỒN TẠI CỦA SA-TAN VÀ ÁC THẦN.....310

**Phụ lục II: SO SÁNH VÀ ĐỐI CHIẾU: “SÀU KHỔ THIÊN
LIÊNG” CỦA THÁNH I-NHÃ LOYOLA VÀ “ĐÊM TỐI” CỦA
THÁNH GIOAN THÁNH GIÁ.....324**

**Phụ lục III: MỘT VÀI GIẢI THÍCH KHÁC NHAU VỀ AU VÀ SK
THEO THÁNH I-NHÃ.....339**

**Phụ lục IV: “ON AUKNDT” CỦA THÁNH I-NHÃ: CÁC CHÚ
GIẢI VỀ VAI TRÒ VÀ BẢN CHẤT CỦA ON AUKNDT TRONG
VIỆC NĐTL.....349**

Mục Đích Kép.....351

A. Phần Giải trình.....353

Karl Rahner và Harvey D. Egan.....353

Hervé Coathalem.....359

Daniel Gil.....360

*B. Đánh Giá – Phê Bình Tiểu Luận của Cha Rahner về Bộ
Nhập Định của Thánh I-nhã.....361*

*1. Tiêu Chí Đánh Giá Tiểu Luận Đây: Mục Đích Của Cha
Rahner Và Những Giới Hạn Trong Việc Đánh Giá Đây361*

2. Hai Vấn Đề Cơ Bản.....363

LỜI TỰA CỦA NHÀ BIÊN TẬP

Cha Jules J. Toner, S.J., tác giả của cuốn sách này, đã chủ yếu dạy triết từ khi cha lấy bằng tiến sĩ về triết tại trường đại học Toronto vào năm 1952. Cha đã xuất bản nhiều bài viết trên các tạp chí *Thought*, *the Journal of Religion*, *the Review For Religion* và hai bài về nhận định trên tạp chí *Studies in the Spirituality of Jesuits*. Cha cũng đã xuất bản hai cuốn sách, một cuốn nghiên cứu về lịch sử mang tựa đề “*Modern Ethical Theories*” (cùng cộng tác với James V. McGlynn, SJ.) và một cuốn nghiên cứu về hiện tượng học, “*The Experience of Love*”. Trong khoảng 25 năm qua cha cũng đã tham gia rất nhiều vào việc linh hướng cho giáo dân, chủng sinh, linh mục, và tu sĩ nam nữ. Từ năm 1969 đến năm 1971 cha là giám tập hai tỉnh dòng Detroit và Chicago của dòng Tên. Từ năm 1970 cha dành nhiều thời gian cho các hội thảo hướng dẫn và giảng dạy về nhận định thiêng liêng theo I-nhã.

Song song với những hoạt động này, cha cũng tiếp tục quan tâm đặc biệt đến những nguyên tắc nhận định thần loại và nhận định ý Chúa của thánh I-nhã. Cha đã liên tục nghiên cứu và phân tích các “quy tắc” hay các chỉ dẫn của I-nhã cách đọc chúng cách bao quát và áp dụng chúng cách thực tế vào trong việc linh hướng và giảng dạy. Vì thế, hiển nhiên trong cuốn sách này, cha cố gắng hiến cho mọi người một nghiên cứu có chiều sâu, là hoa trái sau thời gian nghiên cứu và kinh nghiệm lâu dài.

Cha trình bày những ý tưởng của mình dưới dạng chú giải bằng cách dịch và giải thích từng quy tắc của thánh I-nhã một, cũng như mối tương quan nội tại của các quy tắc ấy với nhau, bối cảnh của chúng trong tắc Linh Thao và những nguyên tắc

của linh đạo ẩn bên dưới chúng. Tuy nhiên, cha làm tất cả điều này với mục đích rất thiết thực: là để giới thiệu một luận thuyết giúp ích cho nhiều người ngày nay sử dụng, là những người có quan tâm đặc biệt đến chủ đề này. Chẳng hạn những vị hướng dẫn các cuộc tĩnh tâm, những người tĩnh tâm, những vị linh hướng, các học viên thần học thiêng liêng, và cả những người có quan tâm dẫn thân vào đời sống thiêng liêng nữa. Cha có ý giúp đỡ những độc giả này hiểu các nguyên lý của thánh I-nhã một cách chính xác và áp dụng chúng vào thực tế một cách khéo léo, dù trong thời gian tĩnh tâm hay trong đời sống hàng ngày.

Đặc biệt, kể từ công đồng Vaticanô II, chủ đề về nhận định dần dần được các tu sĩ quan tâm nhiều hơn và cụ thể là nhận định theo những hướng dẫn đã được tìm thấy trong Linh Thao của thánh I-nhã. Nhưng cũng có một chút khác biệt về khái niệm nhận định là gì, về những cách viết khác nhau, và về thuật ngữ đôi khi mơ hồ hoặc không chính xác. Chú giải của cha Toner sẽ giúp làm sáng tỏ tình huống hay gặp rắc rối này. Điều đáng chú ý ở đây là sự phân biệt rõ ràng của cha, mà cách chung ít được người ta nhấn mạnh hoặc ngay cả không được người ta để tâm, giữa những hướng dẫn của thánh Inhã về nhận định các thần và hướng dẫn về nhận định ý Chúa. Hai chủ đề này đương nhiên có sự tương trợ, làm sáng tỏ cho nhau. Nhưng trong sách này, một cách khôn ngoan, tác giả tập trung chủ yếu vào việc nhận định thần loại, và cha dự kiến viết một cuốn sách khác đề cập đến nhận định ý Chúa. Chính khi mỗi loại nhận định tự nó được hiểu một cách chính xác thì nó sẽ soi sáng nhiều hơn cho loại kia.

Hai bộ những quy tắc nhận định thần loại của thánh I-nhã - một luận đề nhỏ chỉ có hai mươi hai đoạn, nếu đọc nhanh thì dường như chúng rất đơn giản cách sai lạc (misleadingly simple). Người ta có thể nhanh chóng nắm được một vài quy tắc mà họ tin có thể áp dụng được vào thực tế. Nhưng cũng có những phát biểu sâu xa, đi xa hơn điều mà người ta thấy được lúc đầu. Chúng đưa người ta vào trong lãnh vực ấy, nơi mà những hiểu biết về thần học vẫn còn chưa chắc chắn thì rất đáng để khám phá. Khi đối diện với những điều không chắc đó, nhiều nhà chú giải Linh Thao đã cố gắng làm sáng tỏ những quy tắc của I-nhã bằng cách chỉ chọn lựa những phần chính yếu và diễn giải chúng. Nhưng cũng có nhiều người khác đã cố gắng, nỗ lực nghiên cứu cách cẩn thận và bao quát.

Tất cả các nhà chú giải đã tiếp cận với những quy tắc của I-nhã bằng đức tin Công giáo của mình như là sự tiền giả định về cách giải thích của họ. Xa hơn, họ đã dùng những phương pháp khác nhau mà xuất phát phần lớn từ những mục đích hoặc những phương pháp luận khác nhau của họ. Để đem lại nhiều lợi ích cho độc giả của mình, một số nhà chú giải đã cố gắng làm sáng tỏ hơn nhờ nghiên cứu các quy tắc đó dưới ánh sáng của các hệ thống triết học chẳng hạn như thuyết hiện sinh và thuyết Hegel. Như thế họ cho thấy tư tưởng của I-nhã cũng hòa hợp với sự tốt lành (the good) trong những hệ thống này. Và như thế tư tưởng của I-nhã cũng được diễn tả nhiều trong cấu trúc và thuật ngữ của triết học; hoặc họ đã tìm thấy trong bản văn của I-nhã một nguồn dẫn tới việc khám phá kiến thức mới về thần học, dù cho chưa được thiết lập cách vững chắc hay chỉ có tính thăm dò hay đề xuất, mà điều này vượt quá điều mà chính thánh Inhã sở đắc hay đã thể hiện cách rõ ràng. Tất cả những điều này đều tốt đẹp. Trong những nghiên cứu tìm kiếm chân lý ấy, bất cứ nguồn nào ta thấy được nhiều ánh sáng hơn thì ta sử dụng nhiều hơn.

Tuy nhiên, các nguồn và các phương pháp chính mà cha Toner đã dùng trong cuốn chú giải này là những nghiên cứu có tính giải thích về bản văn I-nhã. Ngài đã phân tích cẩn thận ý tưởng của mỗi quy tắc, và cấu trúc của các quy tắc như một tổng thể. Và ý nghĩa của chúng nằm trong bối cảnh của Linh Thao. Cũng có thể ngài tìm cách làm rõ thêm từ những bài viết khác của I-nhã mà chúng giải quyết được những vấn nạn đang được đặt ra. Hướng dẫn của ngài nhằm chú giải mỗi quy tắc đã đặt ra câu hỏi cách rõ ràng: ở đây I-nhã muốn truyền đạt lại điều gì cho những người thao luyện, những người hướng dẫn hoặc những người cố vấn trong thế kỷ 16? Và làm cách nào

chúng ta hôm nay có thể hiểu được một cách chính xác và áp dụng vào thực tế một cách thích hợp?

Sau bốn thế kỷ, những quan điểm và những cái nhìn khác nhau đã nổi lên giữa các nhà chú giải về những bản văn ngắn ngủi của I-nhã. Do đó, chẳng ngạc nhiên gì khi cha Toner cũng có cách chú giải khác với những học giả sáng giá khác. Nhưng ngài có ý diễn tả chính xác quan điểm của họ và phân tích bằng sự tôn trọng và trung dung. Sự bàn luận như thế về những điều khác biệt là phương tiện thông thường trong tiến trình tìm kiếm chân lý. The Institute Of Jesuit Sources vui mừng; vì việc xuất bản tập sách này có thể sử dụng như một diễn đàn để nghiên cứu về chủ đề này.

Cũng có một số vấn đề mà tự bản chất nó cần phải được bàn luận sâu sắc, qua các cuộc bàn luận tinh tế và thậm chí có phương pháp; vì đối với một số độc giả, điều đó rất quan trọng, nhưng đối với một số người khác, việc trình bày tương đối ngắn gọn theo khung của cuốn sách là đủ rồi. Thậm chí, tốt hơn là để những tiến triển của tư tưởng khỏi phải gặp quá nhiều khó khăn và phức tạp. Tuy nhiên, đối với những người quan tâm đến chúng sẽ tìm thấy phần đề cập dài hơn trong phần phụ lục mà tác giả giải thích một cách rõ ràng và vững chắc. Trong đó điểm nổi bật nhất và có lẽ quan trọng nhất đối với phần lớn các độc giả là sự hiện hữu của các ngôi vị thần thiêng được tạo dựng: thần lành hoặc thần dữ, thiên thần hay ma quỷ. Trong những thập niên gần đây, người ta hoài nghi về sự hiện hữu của các thần đã lan tràn khắp nơi - bằng cách nói bóng nói gió hơn là nói rõ ràng và trình bày lợi hại của nó. Điều này để lại cho những người hướng dẫn và người tinh tâm sự hoài nghi và đôi khi bối rối. Nếu ma quỷ hoặc các thiên thần không thực sự hiện hữu thì có gì tốt khi cố gắng phân định chúng? Và vị hướng dẫn Linh Thao phải nói gì về chúng,

chúng có được trình bày y như trong bản văn của thánh I-nhã không? Điều gì xảy ra với lời dạy của vị hướng dẫn nói chung? Những chủ đề đặc biệt khác rất thú vị cho một số độc giả, là việc so sánh sự sâu khổ thiêng liêng của I-nhã với đem tối của tâm hồn trong các bài viết của thánh Gioan Thánh Giá; những câu hỏi đã được bàn cãi về bản chất của an ủi hoặc sâu khổ thiêng liêng mà đã được I-nhã diễn tả; và vài vấn đề tương tự về bản chất và tính thường xuyên của những điều mà I-nhã gọi là “an ủi mà không có nguyên do trước”.

Cuộc bàn luận mang tính thần học về những câu hỏi gây tranh cãi được đề cập ở trên sẽ tiếp tục kéo dài nhiều thập niên trước khi đạt được sự nhất trí chung- nếu điều ấy là có thể. Cha Toner không khẳng định để nói lời chung cục, nhưng với sự phân tích cẩn thận của mình về bản văn của thánh I-nhã, bằng sự diễn giải những câu hỏi đã được tranh luận rất rõ ràng trong quyển sách này, bằng việc lựa chọn cho nó một vị trí, ngài làm tăng thêm sự hiểu biết của chúng ta. The Institute Of Jesuit Sources vui mừng trình bày sách *Chú Giải Những Quy Tắc Nhận Định Thần Loại của I-nhã* của cha Toner trong loạt thứ III, những nghiên cứu căn bản về Giêsu hữu, được viết bằng tiếng Anh.

George E. Ganss, S.J.
Director and General Editor
The Institute of Jesuit Sources
Pentecost, 1979

LỜI TỰA CỦA TÁC GIẢ

Nhiều người phấn đấu để được lớn lên trong Thần Khí và nhiều người có kinh nghiệm là những bậc thầy về đời sống thiêng liêng hoặc là những nhà linh hướng đã bày tỏ nhu cầu cần có loại sách này, và tôi đã cố gắng cho ra tập sách này. Một vấn đề quan trọng lúc này thì không phải là bài giải trình có tính lịch sử về một chủ đề không đậm tính văn chương, cũng không phải là một bộ môn thần học suy lý cao siêu về nhận định thần loại, cũng không phải là bản trình bày sơ sài về một vài nguyên lý nền tảng truyền thống.¹ Nói như thế không phải

1

Chỉ sau khi bản thảo của tôi được chỉnh sửa nhiều lần và đã được chuyển tới nhà xuất bản, thì cuốn sách gần đây của Cha Thomas Dubay S.M. đã dần dần thu hút tôi: *Authenticity: A Biblical Theology of Discernment* (Denville, N.J., 1977). Nếu không thì nó hẳn đã đáng gây chú ý hơn nhiều so với phần đề cập ở đây trong cuộc chú này và trong thư mục sách tham khảo đã được chọn.

Cuốn sách của Cha Dubay và của tôi nhất định là trùng nhau; tuy nhiên hai cuốn sách này rất khác nhau về phạm vi, mục đích, và phương pháp. Cha Dubay đã viết một bài về thần học nhận định - tất cả các kiểu nhận định thiêng liêng, gồm có những hình thức nhận định thần loại ở nhiều khía cạnh, cũng như nhận định ý Chúa, và những việc sắp đặt thiêng liêng cần thiết cho việc nhận định. Một luận thuyết trên phạm vi rộng lớn của ngài dẫn ngài, một cách khá tự nhiên, đi vào nhiều trang sách tranh luận thần học liên quan đến mối tương quan thần học nói chung, và thần học luân lý nói riêng, cho tới huấn quyền của Giáo Hội. Về phần tôi, tôi đã giới hạn mình vào việc nghiên cứu chú giải về giáo thuyết của thánh I-nhã trong các quy tắc nhận định thần loại của ngài, phần lớn là dành riêng cho một cuộc nghiên cứu sâu hơn về giáo huấn của ngài về cách thức nhận định ý Chúa và những sắp đặt cần thiết đối với loại

là đánh giá thấp giá trị của các trình thuật lịch sử hoặc giá trị của luận lý thần học về chủ đề này. Cả hai đều tối cần thiết. Vấn đề hiện tại mà tôi nhận thấy rất cần thiết và khát vọng cấp bách hơn là điều gì đó đáp ứng nhu cầu thực tế.

Tôi cũng không muốn coi nhẹ giá trị của nhiều bản trình bày về những nguyên tắc thực hành truyền thống (thường quảng diễn những nguyên tắc nhận định thần loại của thánh I-

nhận định như thế. Như sẽ được làm sáng tỏ trong chương 1, các quy tắc của thánh I-nhã liên quan đến một phạm vi rất hẹp về nhận định thần loại. Những quy tắc mà có điểm nhấn hẹp như vậy đã giới hạn việc nghiên cứu của tôi một cách tương tự; và chúng đòi hỏi sự nỗ lực hiểu biết sâu xa hơn về phạm vi hẹp đó hơn là Dubai có thể đảm nhận và ôm lấy tất cả các vấn đề quan trọng khác khi ông bàn tới – và chúng cần được xét đến. Mặt khác, một trong những mục đích chính của thánh I-nhã trong các quy tắc nhận định thần loại, một trong những mục đích được bàn tới trong suốt cuốn sách này là phải dạy cho các Ki-tô hữu đang tiến tới cách xử lý kinh nghiệm thiêng liêng khi họ nhận ra nó. Mục đích này dường như nằm ngoài phạm vi cuốn sách của cha Dubai. Khi đưa ra những khác biệt như thế, thì hai nghiên cứu này hy vọng có thể bổ sung cho nhau (mặc dù chúng ta có thể có những quan điểm khác nhau về một vài vấn nạn mà Cha Dubai nêu ra nhưng những vấn nạn này không đụng chạm gì đến cuốn sách của tôi).

Thậm chí gần đây hơn, trước khi gửi bản thảo này đến những người đánh máy (typesetters), có một luận thuyết dài khác nữa đã xuất hiện đáng cho ta lưu tâm hơn phần chú thích tóm lược này, nếu điều đó có thể: Cha Brian O'Leary's "The Discernment of Spirits in the Memoriale of Blessed Peter Farve" (*The Way, Supplement* no. 35 [Spring, 1979]). Chắc chắn cuốn sách hiện hành này sẽ phong phú hơn nhiều nhờ cuộc nghiên cứu về việc nhận định nơi bạn đường đầu tiên và môn sinh này của thánh I-nhã, nhưng không chừng nó sẽ bị hoãn lại. Đối với mỗi tác giả, thời khắc đến khi tác giả đó phải nói về tác phẩm của mình rằng: nó phải thế này cơ, ít

nhà) mà đã được trình bày cho chúng ta trong những năm gần đây. Tuy nhiên, trong số những liên hệ mật thiết với những nguyên lý đó, có một nhu cầu cần thiết để hiểu đầy đủ hơn về ý nghĩa của chúng, nhu cầu hiểu chính xác hơn về cách thức áp dụng chúng trong trường hợp cụ thể, nhu cầu nắm vững thực hành một cách sâu xa hơn về cách nhận định thần loại sao cho phù hợp với đời sống người Ki-tô hữu và về cách thức ứng phó tình huống xảy ra khi thực hiện việc nhận định thần loại. Cuốn sách này được viết với hy vọng đóng góp ở mức độ nào đó vào việc nâng cao sự hiểu biết đó.

Mặc dù quá ngắn gọn và cô đọng để có sự rõ ràng và đôi khi có những từ ngữ hơi thiếu chính xác dẫn đến sai lạc, nhưng từ bao thế kỷ tới nay bộ qui tắc nhận định thần loại của I-nhã vẫn chứng tỏ là bộ hướng dẫn nhận định thần loại hoàn hảo nhất và giúp ích trong thực hành nhất. Bộ nhận định thần loại này được phổ biến và sử dụng rộng rãi nhất. Cuốn sách này là một nỗ lực nhằm làm sáng tỏ những qui tắc nhận định thần loại bằng việc phân tích cách kỹ lưỡng bộ nhận định thần loại trong văn cảnh của Linh Thao của thánh Inhã, và qua việc nghiên cứu các bản văn chép tay khác của ngài. Mục đích của tôi là trình bày toàn bộ lời giảng dạy của thánh Inhã cách chặt chẽ và biểu lộ tính xác thực về những điều mà tôi trình bày. Lý do thừa nhận thánh Inhã là một bậc thầy xuất sắc về bộ môn nhận định thần loại và lý do gắn bó mật thiết với những điều ngài nói sẽ được khai triển trong chương thứ nhất.

Mục tiêu vừa đề ra đó không thể thành tựu nếu không có một vài nghiên cứu học thuật, và đôi khi có những bài phân tích bản văn khó hiểu, hoặc các cuộc thảo luận phê bình về những điều giải thích đối nghịch. Tất cả điều đó làm cho việc thực hiện một mục đích khác khó khăn, dù là mục đích thứ

nhất là đối với hiện tại.

yếu nhưng rất quan trọng, đó là viết một cuốn sách dễ đọc. Tôi không muốn hi sinh mục đích thứ nhất cho mục đích thứ hai này, nhưng tôi đã làm những gì có thể để đạt mục tiêu thứ hai này trong khi vẫn ưu tiên cho mục tiêu thứ nhất. Một trợ giúp cho tôi để làm việc đó là việc đưa vào trong các chú thích cuối trang và các phụ lục bất cứ nơi đâu có thể, và bất cứ điều gì không phải mối bận tâm chung. Chính vì trường hợp đó mà những chú thích cuối trang và những phụ lục sẽ là mối quan tâm đặc biệt đối với một số độc giả.

Vì những tài liệu tham khảo liên quan đến sách Linh Thao của thánh Inhã thì phong phú và nhiều độc giả muốn dễ dàng có sẵn chúng trong tay cũng như các sách tài liệu tham khảo đối chiếu với Thánh Kinh, trong phần chính của bản văn, tôi vẫn thường viết tắt chữ Linh Thao thành LT và ghi số đoạn trong dấu ngoặc, theo chuẩn hiện hành, mà đã được thêm vào cách khôn ngoan trong bản văn của I-nhã vào năm 1928.

Nếu độc giả tìm thấy có một vài điều lặp lại trong vấn đề mà tôi cho là những ý tưởng nền tảng và quan trọng, có tính phê bình thì tôi sẽ không ân hận về điều này; nhưng tôi nghĩ rằng tôi nên đưa ra thông báo trước và lời biện minh. Cho dù kết quả thế nào đi nữa, ý của tôi là viết một cuốn sách có đường hướng tiến bộ rạch ròi nhưng cũng là cuốn sách để tra cứu về điều này điều kia khi cần thiết. Nếu không có một vài điều lặp lại về những ý quan trọng thì khi một cuốn sách được sử dụng như thế sẽ dẫn ta đi lệch hướng trừ phi độc giả đã nắm vững và đã nhớ kỹ nội dung quá rõ ràng đến nỗi mỗi bước chính yếu mà ta tìm thấy có mối liên hệ với bất kỳ bước nào còn lại mà ta cảm thấy cần thiết để có thể xác định rõ hoặc cân nhắc. Vị linh hướng có thể tìm thấy trong cuốn sách này những chương hay những đoạn thích hợp để đề nghị ai đó có thể đọc một chương hay một vài trang nếu họ không có thời

gian để đọc toàn bộ quyển sách ngay lúc này. Tuy nhiên, điều này sẽ rất ích lợi khi tìm thấy có một vài điều gì đó trong bản văn theo quan điểm riêng để ta có thể nghiên ngẫm và cân nhắc kỹ lưỡng trong thời gian rảnh rỗi. Nếu những ý tưởng chủ chốt không được lập lại thì sẽ thật khó để sử dụng cuốn sách theo cách thức này.

Lời cảm ơn

Tôi xin được bày tỏ lòng biết ơn của mình đến tất cả những ai đã giúp tôi qua việc khích lệ và hỗ trợ thiết thực khi tôi viết cuốn sách này. Tôi xin có lời cảm ơn đặc biệt đến cha Louis Gilbert, Sr Peggy Burns, cha John Auloffe, SJ, và toàn thể anh em đã quảng đại giúp tôi đánh máy các phiên bản của bản viết tay. Cảm ơn cha Robert Voglewede, SJ đã không cho phép tôi rút lui khi tôi có ý ấy. Sau cùng, George E. Ganss SJ, giám đốc học viện Jesuit Sources về những cải thiện của bản chép tay đạt được kết quả là nhờ lời khuyên của cha. Với công việc của mình, cha đã mang lại không những khả năng chuyên môn của một chủ biên mà còn có những phản tinh sâu rộng về các bản văn của I-nhã với một tầm hiểu biết sâu rộng và chuẩn xác về các nguồn thứ hai. Từ nền tảng vững chắc của mình ngài đã không những phác họa nên những gợi ý hữu ích cho việc trình bày của tôi về lời dạy của thánh Inhã mà còn cung cấp thêm thông tin học thuật có tính nghiên cứu chuyên môn quan trọng. Một vài chú thích cuối trang thuộc về những khả năng uyên bác của ngài mà tôi cảm thấy cần phải đề cập ở đây: chú thích 15 của chương 1 về nghĩa của thuật ngữ “nhận định”, chú thích 4 của chương 2 về nghĩa của từ “cảm thấy” trong các bản văn của thánh Inhã và chú thích 4 của chương 7 về việc trình bày nguyên lý của niềm tín thác và hành động của thánh I-nhã. Hơn nữa, trong mục của chương 7 tôi đã đề cập đến nguyên lý “tin và hành động” những những gợi ý của

cha Ganss đã giúp tôi có sửa đổi lớn để trình bày tư liệu trong bản văn của I-nhã rõ ràng hơn.

PHẦN I

SỰ HƯỚNG DẪN TRONG THỜI GIAN AN ỦI VÀ SẪU KHỔ

Chương 1:

NHU CẦU ĐƯỢC HƯỚNG DẪN

Sự hoạt động của Thánh Thần bên trong ý thức của từng Ki-tô hữu là trọng tâm của cuốn sách này. Đời sống của nhân loại là đời sống Ki-tô hữu ở mức độ mà đời sống ấy được sống dưới sự gọi hứng của Thần Khí của Đức Ki-tô. Thần Khí được ban cho Giáo Hội và cho từng thành viên Ki-tô hữu trong Giáo Hội. Thần Khí dạy và đánh động nơi mỗi người chúng ta qua Giáo Hội, qua những người có thẩm quyền nơi Giáo Hội, qua những người có ơn lãnh đạo thiêng liêng trong Giáo Hội, qua những biến cố lịch sử; nhưng Ngài còn hoạt động trong tâm hồn mỗi người cách riêng biệt. Trong suy nghĩ và tình cảm của họ, Ngài dẫn dắt và hướng dẫn mỗi người mà không qua trung gian nào khác – mặc dầu đôi lúc vẫn có sự giúp đỡ của người khác trong việc nhận ra và đáp trả lại Ngài.

Không phải tất cả mọi ý nghĩ và tình cảm tốt trong tâm hồn của chúng ta là hoạt động của Thánh Thần trong vai trò của Ngài như là Đấng Phù Trợ đang cư ngụ trong tâm hồn. Ngài là món quà Đức Ki-tô ban cho những kẻ tin. Dĩ nhiên, mỗi ý nghĩ và tình cảm, trong thực tế được tạo thành của mình, là hoạt động của Chúa Thánh Thần như là Đấng Tạo Hoá và là điều mà sự quan phòng của Ngài dự định hay cho phép một cách tích cực như thế nó điều khiển mọi chi tiết của đời sống cho vinh danh Thiên Chúa nơi những ai yêu mến Ngài. Những thúc đẩy trực tiếp của Thánh Thần như là Đấng Phù Trợ xuất hiện trong đời sống phức tạp, đang tuôn chảy, có ý thức của chúng ta mà chúng bị che dấu khỏi tất cả ngoại trừ

Chương 1: Nhu cầu được hướng dẫn

Thiên Chúa và bản thân ta; và những thúc đẩy ấy phải được phân biệt với những xung động tự phát của chúng ta (ích kỷ hay rộng lượng) và với những thúc đẩy của môi trường sống của chúng ta (tốt hay xấu) hay của thần dữ.

*Lắng Nghe Thần Khí Là Điều Thiết Yếu Cho Sự Sống
Trần Đây của Ki-Tô Hữu*

“Vậy ai trong loài người biết được những gì nơi con người, nếu không phải là thần trí của con người trong con người?” (1Cr 2, 11).² Thần trí của con người có thể biết không? Vì “không gì nham hiểm và bất trị như lòng người, ai dò thấu được? Ta là Đức Chúa, Ta dò xét lòng người, thử thách mọi tâm can. Ta sẽ thưởng phạt ai nấy tùy theo cách nó sống và việc nó làm” (Gr 17, 9-10). Tuy nhiên nhờ ơn Chúa giúp, chúng ta phải hiểu chính lòng mình. Vì chính từ nơi lòng dạ chúng ta nảy sinh những hành động tốt hay xấu (Lk 6, 43-45; Mt. 15:19). Chính trong tâm hồn chúng ta mà Thiên Chúa đã viết giới luật của Ngài (Dt 8,10; Gr 31,33); Thiên Chúa ban Thần Khí vào lòng chúng ta (Gal. 6:4).

Chúng ta không thể biết tâm hồn của chúng ta hay của người khác chỉ qua những hành động bên ngoài. Đó là lý do tại sao chỉ có Thiên Chúa, Đấng thấu suốt tâm hồn, mới có thể xét đoán chúng ta cách tối hậu và chính đáng. Những việc bên ngoài tốt cũng như xấu thường thì không rõ ràng. Đôi khi những việc tốt được thực hiện bởi một lý do xấu, với một động lực xấu, thậm chí là cách lừa dối chúng ta cũng như người khác. Đôi khi những sự việc xấu công khai được thực hiện bởi sự thiếu hiểu biết, với một ý hướng tốt đến từ một tâm hồn trong sáng. Cho dù những hành động như thế cho

2

Mọi trích dẫn Kinh Thánh được lấy từ phiên bản chuẩn, nếu không thì đã không đưa ra, Nhà Xuất Bản Tôn Giáo, tác quyền 1965 và 1966 của Division of Christian Education of the National Council of Churches of Christ in the U.S.A., và được phép lưu hành. **Trong bản tiếng Việt, chúng tôi sử dụng bản dịch do nhóm các Giờ Kinh Phụng Vụ, nxb Thành Phố Hồ Chí Minh, 1995**

Chương 1: Nhu cầu được hướng dẫn

thấy tâm hồn một cách đầy đủ, thì điều nào hơn để hành động một cách đúng đắn; chúng ta cần đọc ra tâm hồn của chúng ta trước khi hành động. Để phụng sự Thiên Chúa cách khôn ngoan, để thoát khỏi những hiểm độc và lừa đảo của Sa-tan và của chính tội lỗi chúng ta, để mở chính mình ra với Thánh Thần, để nhận ra và nhường chỗ cho hơi thở dịu dàng và tinh tế của Ngài, thì chúng ta phải nỗ lực học bao nhiêu có thể, để đọc được chính tâm hồn của chúng ta. Chúng ta chỉ có thể làm điều này trong sức mạnh của Thần Khí, Đấng không chỉ thấy tận thẳm sâu mỗi tâm hồn, mà còn khơi lên những ý nghĩ của chúng ta, đánh động cảm xúc của chúng ta, và soi sáng tâm trí chúng ta để nhận thấy và hiểu được những gì Ngài hoạt động trong chúng ta. “Thần Khí thấu suốt mọi sự ngay cả những gì sâu thẳm nơi Thiên Chúa”(1Cr 2, 10), và chắc chắn đụng chạm đến chiều sâu của con người. “Bây giờ... chúng ta lãnh nhận Thần Khí phát xuất từ Thiên Chúa, để nhận biết những ân huệ Thiên Chúa đã ban cho chúng ta” (1Cr 2, 12).

Nhờ quyền năng Thánh Thần ban cho tôi, tôi nhận ra khi nào Ngài khởi hứng những tư tưởng và tình cảm của tôi, và khi nào Ngài thúc đẩy tôi hành động và hiểu những tư tưởng và tình cảm đó một cách đúng đắn, để tôi có thể mở lòng mình ra một cách tự do đón nhận chúng và đáp trả một cách thành thật những điều Ngài linh hứng; điều này thì thiết yếu để sống sự sống tràn đầy của một Ki-tô hữu. Chỉ bằng cách này tôi mới có thể đáp trả một cách hoàn toàn tiếng gọi duy nhất của Thiên Chúa dành cho tôi để vào trong sự hiệp nhất duy nhất với Ngài và làm cho những ơn riêng của tôi tháp nhập vào toàn thân thể Đức Ki-tô. Việc nhận ra Thiên Chúa - được ban cho quyền hành và những lời mời gọi rõ ràng của đức ái trong những hoàn cảnh cụ thể thì không đủ nếu tôi sống như tôi có thể cách tràn đầy một sự sống của tình yêu vâng phục giống Đức Ki-tô. Duy chỉ có Thánh Thần, Đấng nói với tôi

trong chính tâm hồn tôi cũng như qua thẩm quyền và những nhu cầu hiển nhiên của người lân cận với tôi, mới có thể dẫn dắt và hướng dẫn tôi vào một đời sống như thế.

Cuốn sách này đề cập đến cách sống một đời sống như thế. Trước khi tiếp tục vào chủ đề chính, thật là quan trọng để suy nghĩ về Thánh Thần, Đấng là hay ít nhất muốn trở thành cá vị đối với mỗi người trong chúng ta, cho riêng tôi, và những gì Ngài đang làm trong đời sống cá nhân của mỗi người, trong đời tôi. Chỉ dựa vào nền tảng này thì chúng ta mới có thể giải quyết được câu hỏi làm thế nào để nhận ra, hiểu và đáp trả lại những linh hứng của Chúa Thánh Thần.

Thánh Thần Là Ai Đối Với Tôi?

Thần Khí Thiên Chúa xuất hiện trong Kinh Thánh như năng quyền, quyền năng sáng tạo, sự thân mật, hơi thở ban sự sống của Thiên Chúa. Chính Thần Khí bay là là trên sự hỗn độn và sinh ra sáng tạo; là Thần Khí gọi tên các vì sao và sắp đặt chúng trong quỹ đạo của chúng; Thần Khí trao ban sự sống cho tất cả mọi loài thọ tạo; Thần Khí không ngừng làm mới lại bộ mặt trái đất; Thần Khí có thể làm khô ráo biển cả và biến sa mạc thành ruộng vườn. Khi Thần Khí được ban cho các tiên tri, các vua, thẩm phán của dân Chúa, thì sức mạnh được ban – sức mạnh để dẫn dắt và thống trị, để chinh phục kẻ thù, để tiên báo và phục sinh kẻ chết. Thậm chí Thần Khí có sức mạnh thay đổi con tim nhân loại, thanh tẩy và tái tạo nó. Bởi Thần Khí, Thiên Chúa luôn luôn hiện diện một cách yêu thương và uy quyền trong thụ tạo và trong dân Ngài, Ngài phá hủy những gì cản trở mục đích tốt đẹp của Ngài và thống trị mọi sự cách khôn ngoan và dễ dàng bất chấp sự dữ. Khi thời gian đến thời viên mãn, Thần Khí rợp bóng trên Đức Maria và sinh ra điều diệu kỳ tuyệt đỉnh của tình yêu, sự khôn ngoan và sức mạnh của Thiên Chúa là Đức Giê-su Ki-tô trong

Chương 1: Nhu cầu được hướng dẫn

Mẹ, nối kết Thiên Chúa với con người để Thiên Chúa trở nên một con người và một con người là Thiên Chúa— cho tất cả, cho mỗi người và cho tôi. Thần Khí bay là là trên mặt nước lúc tạo dựng, Đấng rợp bóng trên Đức Maria trong Mẫu Nhiệm Nhập Thế, bao bọc Đức Giê-su trong suốt quãng đời của Ngài. Trong ý thức nhân tính của Đức Giê-su, chính Thần Khí dẫn Đức Giê-su đến nhận thức có suy xét ngày càng rõ ràng hơn về chính Ngài là ai. Ngang qua Thần Khí, Đức Giê-su biết mình là Tôi Trung được xúc đầu của Gia vê, nghe và hiểu những gì Cha nói: “Con là Con Yêu dấu của ta” (Mc 1, 11). Ngài được tràn đầy sức mạnh Thần Khí cách có chủ ý để mang lại sự chữa lành và tự do cho con người qua nhân tính của Ngài, qua cuộc đời của Ngài, lời dạy và lời hứa của Ngài, các phép lạ của Ngài, cuộc khổ nạn, chết, phục sinh và vinh quang của Ngài. Trong mọi sự, Thần Khí dẫn dắt, hướng dẫn, chống đỡ, trao quyền cho Ngài – cho tất cả, cho mỗi người và cho tôi.

Bây giờ, Đức Giê-su vinh quang có được sự tràn đầy của Thần Khí rửa chúng ta trong Thánh Thần, ban cho chúng ta Thần Khí của Ngài, hầu chúng ta được chìm trong Thần Khí của Ngài, được tràn đầy Thần Khí của Ngài, và nhờ Thần Khí đó làm cho ta nên một sự sống với Ngài, được tiền định có chủ ý sống cuộc sống của Ngài như là của chúng ta cũng như bây giờ Ngài sống cuộc sống của chúng ta như của Ngài. Trong Ngài, bởi Chúa Cha, nhờ Chúa Thánh Thần, chúng ta được sinh ra là con cái của Chúa, là những kẻ thừa kế niềm vui của Thiên Chúa – tất cả chúng ta, mỗi người chúng ta, và tôi.

Sức mạnh để tin, cậy, mến, để hiểu tôi là ai và để sống theo sự thật về tôi là ai thì xuất phát từ Thần Khí. Ngài dạy tôi biết Đức Giê-su một cách tường tận. Ngài mở trí cho tôi hiểu Kinh Thánh, cho tôi gặp được Đức Giê-su và hiểu lời Ngài

dành cho tôi. Ngài đảm bảo cho tôi về những gì tôi là, là con của Thiên Chúa, những kẻ không bao giờ bị tách khỏi tình yêu của Ngài được mặc khải nơi Đức Giê-su Ki-tô. Ngài ghi khắc trong thẳm sâu sự hiện hữu của tôi lời diễn tả sự sống Đức Giê-su và thực tại thẳm sâu nhất của tôi trong Ngài: “Abba” – “Cha ơi”. Ngài bảo vệ sự sống Đức Ki-tô trong tôi, làm chứng cho Đức Giê-su Ki-tô trước sự ý thức của tôi; chỉ cho tôi thấy rằng thế giới vô tín phạm tội vì không có niềm tin, rằng Đức Giê-su là người công chính và ở trong vinh quang Chúa Cha, rằng kẻ thù của Đức Giê-su đã bị xét xử và đã bị kết án, rằng nếu tôi bền đỗ đến cùng thì tôi sẽ uống nước từ dòng sông sự sống và tôi sẽ được đưa đến ánh sao mai rực rỡ trong vinh quang.

Trong ánh sáng và bóng tối, trong sự sống và sự chết, Ngài là cố vấn, là Đấng an ủi, là bạn tôi. Ngài chỉ ra con đường sự sống, hướng đi cho suốt cả đời tôi, và đường lối trong mỗi hoàn cảnh cụ thể. Ngài đem đến sự can đảm để chịu đựng tối tăm và khổ đau bằng lòng trung thành và kiên nhẫn. Ngài mang ánh sáng đến khi tôi cần, an ủi, niềm vui, phấn chấn tinh thần của tôi. Ngài là ngọn gió tạo nên mùa xuân trong tôi, là mạch suối nước trường sinh cho tôi uống sự sống, là ngọn lửa đang cháy để chinh phục quyền lực sự chết và bóng tối đang chống lại tôi. Như Thánh Âutinh nói, Ngài là sự dịu ngọt vô tận “hiệp thông cùng một chất thể của Cha và Con” (*communio quaedam consubstantialis Patris et Filii...*)³ Ngài được ban như một ân huệ vào tâm hồn tôi, như lời hứa đời sống vĩnh cửu trong sự tràn đầy của nó, khởi đầu của sự chia sẻ trọn vẹn trong đời sống Thiên Chúa của sự hiệp thông trong tình yêu, tự do, bình an và niềm vui hoàn hảo.

³ *De Trinitate*, XV, 27, [50], Giáo Phụ Latinh, 42, col. 1097.

Chương 1: Nhu cầu được hướng dẫn

Chính Thánh Thần đưa tôi vào sự hiệp thông với mọi người trong thân thể Đức Ki-tô để chia sẻ đời sống với họ. Ngài ban cho tôi ân sủng vì lợi ích của tất cả mọi người; và Ngài muốn dẫn tôi đến chỗ biết thực chất ân sủng của tôi là gì và sử dụng nó khi nào, ở đâu và thế nào.

Để làm được mọi sự mà Ngài được ban để thực hiện trong tôi, cho tôi và cho tất cả người khác qua tôi, ngài không chỉ hướng dẫn những sự kiện hằng ngày của đời tôi và của thế giới để làm mọi sự vận hành theo mục đích yêu thương của Ngài; nhưng ngày qua ngày, Ngài còn đụng chạm trực tiếp đến tâm trí và cảm xúc của tôi, nói với tôi qua những suy nghĩ và tình cảm của tôi cũng như thông qua hoàn cảnh và những biến cố được quan phòng của cuộc đời tôi trong thế giới. Bằng cách trực tiếp và qua những người khác, Ngài dạy tôi cách nhận ra tiếng nói của Ngài và cách hiểu những lời đó.

Tất cả những điều trên đều nói đến Thánh Thần là ai đối với tôi thì được tìm thấy trong Sách Thánh và được xác nhận qua kinh nghiệm của những người đã sống đời sống Ki-tô hữu cách tràn đầy nhất qua mọi thời đại.

Nhu Cầu Cho Một Sự Hướng Dẫn

Nếu tôi đang nghe tiếng Ngài, nhận biết sự đụng chạm của Ngài khác biệt với những thứ khác, cởi mở chính mình với Ngài để làm những gì Ngài muốn, lắng nghe và hiểu để đáp lại điều Ngài nói trong tôi, thì tôi phải cộng tác bằng nhiều cách. Tôi phải chú tâm và nhận biết, lắng nghe và giải thích những gì Ngài đang nói qua những suy nghĩ, những thôi thúc, những tình cảm của tôi và qua những sự kiện mà tôi đang đáp lại.

Để làm điều này thì không dễ. Có những trở ngại trong tôi thậm chí trong việc để lắng nghe tiếng của Ngài ở mọi biến cố,

để cảm được sự đụng chạm của Ngài trong tâm hồn tôi. Ngài thường nói một cách trầm lặng. Tâm hồn tôi thì đầy những tiếng ồn ào khác. Ngài đụng chạm rất êm dịu. Tôi bị xô đẩy và lôi kéo từ nhiều phía. Những gì đến từ Thánh Thần có thể chỉ còn ở sự chú ý bên ngoài và chìm vào dòng chảy hỗn độn của rất nhiều yếu tố trong sự nhận thức – một điều không thể phân biệt từ những cái khác và không ý nghĩa gì đối với tôi, giống như tiếng âm nhạc ở rất xa hay tiếng ồn ào của giao thông bên ngoài căn phòng của tôi, khi tôi đang nói chuyện hay đọc sách. Ngay cả khi tôi dành sự chú ý đặc biệt đến vài chuyển động bên trong, thì tôi vẫn là người không xác định được là ai đang nói; giọng đó chỉ là một giọng như bao giọng khác trong đám đông. Làm sao tôi nói được khi đó là tiếng của Thánh Thần đang nói mà không phải chính tôi hay thế giới hay thần dữ nói? Nếu tôi có thể nhận ra Thánh Thần trong kinh nghiệm bên trong của tôi, tôi vẫn có thể bị bối rối hay nhầm lẫn về ý của Ngài, giống như một người nghe ngoại ngữ. Cho dù tôi giải thích đúng những suy nghĩ và tình cảm được thúc đẩy bởi Thần Khí, tôi cũng không có thể nhớ những thông điệp ẩn tàng và quan trọng nhất trong mỗi sự soi sáng, thúc đẩy, hay cảm xúc từ Thánh Thần, rằng Ngài yêu thương tôi.

Những gì là rất khó khăn với bản tính con người thì có thể nên dễ dàng bởi “ơn” đặc biệt “của phân định thần khí” (1Cr 12, 10). Bởi điều này, con người ơn sủng đó biết được nhờ trực giác rằng thần lành hay thần dữ đang tác động nơi ai đó, nơi chính bản thân hay nơi người khác, mà không cần chú ý đến cách thức hiển nhiên này hay cách thức khác, đánh giá nó bởi những quy tắc và cân nhắc những kết quả để đi đến một phán đoán hợp lý – như những người khác phải làm. Trong số những người này, một vài người dường như tiến đến sự nhạy cảm và kỹ năng tuyệt vời, nhờ vào việc phản tỉnh kinh nghiệm

Chương 1: Nhu cầu được hướng dẫn

của họ hay kinh nghiệm của những ai giải bày tâm sự với họ, mà không được dạy bởi bất cứ một vị thầy nhân loại nào. Chính Thần Khí dường như hướng dẫn những suy nghĩ của họ. Tuy nhiên, những người như vậy thì hiếm. Hầu hết chúng ta không có đặc sủng để thực hiện những phán đoán của trực giác, và hầu hết chúng ta không thể ngay cả học biết cách nhận định thần loại, ngay cả với những nguyên tắc chúng ta có thể lượm lặt từ Sách Thánh, trừ khi chúng ta có sự chỉ dạy của một vị thầy nhân loại.

Người ta có thể nghĩ rằng bất cứ Ki-tô hữu trí thức nào cũng có thể nhận định các thần nhờ việc nghiên cứu Kinh Thánh, hay ít ra là họ có thể làm được như vậy nhờ sự giúp đỡ của những học giả Kinh Thánh ưu tú, là những người tổng hợp và sắp xếp những tài liệu nằm rải rác về nhận định thần loại trong Cựu Ước và Tân Ước. Trong một số hình thức nhận định thần loại, điều này dường như là đúng. Nhưng đối với kiểu nhận định thần loại mà chúng ta đang nói đến, là kinh nghiệm thiêng liêng và giáo huấn và thiêng liêng của những người đã sống nhờ Kinh Thánh dưới sự tác động của Thánh Thần và đã phát triển một giáo thuyết hữu ích, thì việc nghiên cứu Kinh Thánh đơn đơn lẻ có thể là một cách thức hoàn toàn vô ích cho hầu hết chúng ta để học [nhận định thần loại].

Do đó, chúng ta phải tìm kiếm một người thầy giữa những người đã có kinh nghiệm lâu dài, mạnh mẽ và sâu sắc về Thánh Thần hoạt động trong họ; những người tư vấn thiêng liêng mà đã có cơ hội được biết kinh nghiệm bên trong của nhiều người khác; những người đã có khả năng phản tỉnh kinh nghiệm đó nơi chính họ và nơi những người khác bằng cách hiểu thấu được những động lực riêng biệt của kinh nghiệm đó; những người có thể diễn tả tất cả những điều này bằng những mô tả chính xác và những chỉ dẫn hợp lý; và tốt

nhất là những người để lại lời dạy mà chúng tỏ sinh nhiều hoa trái cho nhiều người qua nhiều thế hệ những người dâng hiến để sống đời sống Ki-tô hữu trong Thân Khí. Những vị thầy vĩ đại về đời sống thiêng liêng như thế thì thật sự hiếm trong lịch sử Giáo Hội và ngay cả hiếm hơn trong bất cứ thời đại cụ thể nào. Một số vị thầy thiêng liêng vĩ đại trong quá khứ đã để lại cho chúng ta những bài viết quý giá; nhưng phải nói rằng, trong số chúng, có ít bài về nhận định các thần và nhận định Thánh Ý Thiên Chúa, bài mà dễ hiểu cách rõ ràng hay thích hợp cho hầu hết các độc giả đương thời là những người đang cần được sự giúp đỡ thực tế. Mặt khác nhu cầu thì rộng và gia tăng rất nhanh trong thời đại của chúng ta.

Một số người khác mà không được Thiên Chúa ban cho những kinh nghiệm và những đặc sủng của trí lòng (mind and heart) như đã ban cho những bậc thầy vĩ đại về đời sống thiêng liêng vì lợi ích cho toàn thân thể Đức Ki-tô, họ có thể làm trung gian cho giáo huấn của những bậc thầy đó. Nhưng để có khả năng đích thực cho công việc này, chính họ phải có đủ kinh nghiệm thiêng liêng, có nền tảng thần học thích hợp, có sự tinh tuyền (fresh) trong tâm trí, và có cơ hội để nghiên cứu lâu dài về các bậc thầy thiêng liêng. Vì ai không có đặc sủng quý hiếm về trực giác nhận định thần loại, thì thật là hấp tấp và thiếu trách nhiệm khi nhận một trách nhiệm lớn lao là giúp đỡ người khác nhận định những thần nào đang tác động người ấy trước khi chính họ trải qua sự chuẩn bị lâu dài và đầy đòi hỏi và nghiệm ra lời mời gọi của Chúa để làm công việc như thế. Một trong những yếu tố chính của việc chuẩn bị cho công việc đó là học biết giáo huấn của một số bậc thầy về đời sống thiêng liêng ấy. Không có điều đó thì một người dù có thể có sự hiểu biết khá tốt về thần học hay có kỹ năng tư vấn tâm lý hoặc có cả hai thì không đủ năng lực để là người tư vấn thiêng liêng.

Chương 1: Nhu cầu được hướng dẫn

Thánh I- Nhã và Những Quy Tắc Của Ngài Cho Việc Nhận Định Thần Loại.

Vậy thì chúng ta tìm đâu cho ra người mà nhờ ơn huệ của Thần Khí là thầy dạy sự đúng đắn bằng cách nhận ra các thần khác nhau thúc đẩy chúng ta và biết cách giúp ta luôn mở ra với Thần Khí? Chúng ta nghĩ về Cassian, Gregory, Bernard, Thomas a Kempis, Teresa, Gioan Thánh Giá, Francis the Sales, và những người tương tự.⁴ Chúng ta cũng nghĩ đến I-nhã Loyola. Có lẽ các bậc thầy khác trội vượt hơn I-nhã về giáo huấn xét về giá trị và tâm ảnh hưởng liên quan đến những vấn đề khác của đời sống thiêng liêng Ki-tô hữu. Nhưng khi bàn về nhận định thần loại và nhận định ý Chúa thì tên của I-nhã ít nhất cũng được nhắc đến trong số những bậc thầy xuất sắc, và có lẽ là một trong những người có tâm ảnh hưởng lớn nhất.

Những ai biết ngài chỉ nhờ vào những giai thoại phổ biến mà thường chế giễu về con người thực của I-nhã, người ta nghĩ ngài như một nhà tổ chức và quản trị nghiêm khắc và hữu hiệu. Nếu ai hiểu ngài theo kiểu này nên đọc trình thuật về những năm đầu của ngài trong cuốn *Tự thuật*, họ sẽ thấy được nhân cách và một cuộc đời giống thánh Francis Assisi một cách ấn tượng: một người lãng mạn, nhà thần bí; một người chọn làm hành khất vì Chúa Ki-tô; một kẻ hành hương, giảng dạy Tin Mừng cách đơn giản cho mọi người ngài đã gặp, vui mừng chịu mọi cực nhọc và si nhục và những mối nguy hiểm của việc nên nghèo đích thực với Đức Kitô; một người đã suýt bị mù bởi những giọt nước mắt của tình yêu, niềm vui và sự

⁴ Để khảo sát lịch sử về việc dạy nhận định thần loại, xem "Discernment des Esprits," Dictionnaire de Spiritualité: *Ascétique et Mystique* (Paris: Beauchesne et Ses Fils, 1957), III, cols. 1222-1291 (viết tắt *DSp*). Có một bản dịch tiếng Anh của Sister Innocentia Richards; *Discernment of Spirits* (Collegeville, 1970).

dị dạng vượt sức kiểm soát của ngài khi ngài chiêm niệm về đẹp và tình yêu của Thiên Chúa; một con người hoàn toàn vị tha, có khả năng nghiêm khắc khi lòng tốt thực đòi hỏi phải nghiêm nhưng lại rất hiền và vui vẻ. Họ sẽ phàm phá ra một người được dạy trực tiếp bởi Thánh Thần như một người thầy dạy một cậu học trò. Như ngài đã nói cho chúng ta về ngài như sau:

Và vào thời ấy, Thiên Chúa đối xử với ông cùng một cách thức của một người thầy giáo đối xử với học trò mình: Ngài dạy dỗ ông ta. Điều này phải xảy ra do sự cứng cõi và do lòng trí ngu muội của ông, hoặc vì ông không có ai dạy dỗ, hoặc do bởi lòng muốn mãnh liệt mà Thiên Chúa muốn ban cho ông để phụng sự Ngài: ông ta xét thấy rõ ràng và luôn xét thấy rằng Thiên Chúa đã đối xử với ông theo cách đó. Và lại, nếu ông nghi ngờ về điều này, ông nghĩ rằng mình xúc phạm đến Thiên Chúa Chí Tôn.⁵

Họ sẽ thấy một người được xức (anointed) bằng đặc sủng đặc biệt nhất để nhận định các thần và để cho lời khuyên thiêng liêng. Chính nhờ vào đặc sủng hướng dẫn thiêng liêng của ngài mà đã gây ấn tượng mạnh cho những ai biết đến ngài cách cá vị.

Đến cuối đời, I-nhã bị buộc phải nhận công việc viết Hiến chương Dòng Tên và quản trị Dòng trong những năm đầu

⁵ *Tự Thuật-Autobiography*, số 27 (viết tắt là *Autobiog*). Đây là bản dịch của W. J Young, S. J., trong *St. Ignatius' Own Story as Told to Luis Gonzalez de Cámará* (Chicago, 1956, có thể tìm từ ấn bản của đại học Loyola), tr. 22. Đây là tự thuật của I-nhã về thời gian hoán cải của ngài (1521) cho đến trước khi ngài và các bạn quyết định thành lập Dòng Tên năm 1539. Câu chuyện này do cha Luis Gonçalves da Cámará đã thuyết phục được thánh I-nhã kể và đã được ghi chép lại thành những đoạn ngắn gọn rời rạc. Ngài luôn luôn kể về mình ở ngôi thứ ba, thường là "người hành hương."

Chương 1: Nhu cầu được hướng dẫn

phát triển, đây là điều rất ngược với khuynh hướng của ngài nhưng ngài đã phải chấp nhận chỉ vì vị linh hướng của ngài đã thuyết phục ngài rằng đó là thánh ý Thiên Chúa muốn ngài phải làm. Việc ngồi bàn giấy đọc và trả lời các thư, thực hiện các quyết định về đường lối hoạt động, và viết Hiến Chương không chút nào là cuộc sống ưa thích của con người mơ mộng, đi đây đó, và thần bí - người mà Thiên Chúa ban cho ơn được thấy Chúa trong mọi sự, ơn nhận định các chuyển động của Thánh Thần và nhận định thánh ý Thiên Chúa, và ơn khơi lên trong người khác điều gì đó của chính ngọn lửa yêu mến của ngài dành cho Thiên Chúa được mặc khải trong Đức Giê-su. Ngài trở thành một nhà lập pháp, nhà tổ chức hay một nhà quản trị vĩ đại, tuy nhiên những khả năng thiên phú lớn nhất của ngài để phục vụ những người bước theo ngài và những ơn ban đặc trưng nhất của ngài không phải là những điều đó. Đúng hơn là, những khả năng thiên phú và ơn ban quan trọng nhất của ngài là ơn kết hiệp với Chúa và ơn hướng dẫn thiêng liêng mà ngài thể hiện trong Linh thao, cùng với tài lãnh đạo thiêng liêng của ngài. Những điều này đã làm cho công việc lập pháp và quản trị của ngài trở sinh hoa trái thiêng liêng.

Trong *Linh Thao*⁶ có hai bộ chỉ dẫn mà trong đó, bằng sự hiểu biết của ngài về làm cách nào để phân biệt những chuyển động bên trong của Thánh Thần⁷ với những chuyển động đến

⁶ Trong toàn bộ cuốn sách này, "*Spiritual Exercises - Linh Thao*" (viết nghiêng) chính yếu muốn nói đến sách Linh thao của Inhã; còn những Bài Tập Thiêng Liêng (viết kiểu La-mã) nói đến các hoạt động trong một cuộc tĩnh tâm. Sự tham chiếu đến sách của thánh I-nhã như *Linh Thao*, [21], được viết tắt *SpEx*, [21]. Đối với những cách sử dụng khác liên quan đến hạn từ "Những Bài Tập Thiêng Liêng", xem chú thích trang 319 phía dưới.

⁷ Ngày nay điều làm chúng ta ngạc nhiên là sao ít khi thánh I-nhã đề cập cách rõ ràng đến Chúa Thánh Thần trong *Linh Thao* của ngài.

từ bất kỳ nguồn nào khác và về những cách gìn giữ sự mở ra với Thánh Thần ở mọi thời thì được hệ thống hóa cho người khác sử dụng. I-nhã đã dành những chỉ dẫn này trước tiên cho các nhà hướng dẫn linh thao, sau đó cho những người khác được các nhà hướng dẫn giảng dạy, trong mức độ mà mỗi người ấy đều có thể sử dụng. Những chỉ dẫn này đã cho thấy chúng được hiểu dễ dàng hơn và được sử dụng phổ biến hơn bất cứ tài liệu nào về đề tài này trước đây hay từ khi I-nhã viết chúng. Chúng không chỉ hữu ích trong các kinh nghiệm thiêng liêng quyết định và còn trong đời sống thường ngày của Ki-tô hữu.

Hai bộ chỉ dẫn này thường được đặt tiêu đề là “Những quy tắc nhận định thần loại”. Hầu như không thể thay đổi cách dùng sai lệch đó. Tôi sẽ không cố để thay đổi điều đó. Nhưng khi chính tôi dùng tiêu đề đó, tôi sẽ làm hai điều để chống lại những ảnh hưởng xấu có thể có: trước tiên tôi sẽ chỉ ra những điểm không nhất quán giữa tiêu đề và nội dung, và thứ đến tôi sẽ dùng những cách khác nhau để qui chiếu những chỉ dẫn này vào những điều phù hợp với nội dung hơn.

Từ “những quy tắc”, mặc dầu nó là từ dịch theo nguyên văn những gì I-nhã viết, nhưng theo cách dùng thông thường nó có hàm ý là những hướng dẫn cứng rắn được áp đặt bởi người có chuyên môn. Tuy nhiên điều hàm ý như thế hoàn toàn làm lệch đi nội dung. Nội dung đó, thường đơn giản, là một sự mô tả hay một giải thích kinh nghiệm thiêng liêng,

Havey D. Egan S.J. có lời giải thích về sự kiện gây khó xử này trong quyển *The Spiritual Exercises and the Ignatian Mystical Horizon* (St. Louis, 1976) tr.120-122 (viết tắt là *Mystical Horizon*). Ngày nay chúng ta thường nói về Thánh Thần trong nhiều bối cảnh nơi mà thánh I-nhã nói về Thiên Chúa hoặc một thần lành; nhưng dường như rõ ràng rằng trong những trường hợp này chúng ta vẫn đang theo tinh thần của ngài.

Chương 1: Nhu cầu được hướng dẫn

hoặc là sự trình bày những qui luật nhằm đánh giá kinh nghiệm đó. Khi những chỉ dẫn này được đưa ra, giống như những chỉ dẫn còn lại trong Linh Thao thì chúng trở nên linh động và thích nghi với mỗi cá nhân và mỗi hoàn cảnh.

Hơn nữa, cụm từ “nhận định thần loại” vừa quá rộng lại vừa quá hẹp để đề cập đến nội dung những chỉ dẫn của thánh I-nhã. Hãy cân nhắc các loại khác nhau của nhận định thần loại. Trong Phúc Âm, Đức Giê-su dạy cho các thánh giá cách thức nhận định giữa tiên tri thật và tiên tri giả:⁸ họ có thể được nói “bởi hoa trái của họ”(Mt 7,15-20). Ngài nói rằng những tâm hồn tốt và tâm hồn xấu có thể được phân biệt qua những lời nói của họ (Mt 12, 33-35; Lc 6, 43-45). Người môn đệ thực của Ngài có thể được phân biệt: “là người nghe những lời Thầy nói đây mà đem ra thực hành”, và là người “thi hành ý muốn của Cha tôi ở trên Trời”(Mt 7, 21-27). Ý muốn đó là chúng ta hãy yêu thương nhau như Ngài đã yêu thương chúng ta (Ga 13, 15; 14, 21-24). Và tình yêu đó được nhận ra qua những gì chúng ta làm cho những người khác (Mt 25, 31-46). Chúa Giê-su còn kêu gọi các thánh giá của Ngài nhận ra nơi các dấu chỉ của thời đại, ý nghĩa thiêng liêng của những gì mà họ thấy đang diễn ra trong thế giới này. Đối với những người Phariseu và Xadốc đã xin Chúa một dấu lạ và Ngài đáp: “*chiều đến, các ông nói: ‘ráng vàng thì nắng, rồi sớm mai, các ông nói: ‘ráng trắng thì mưa’. Cảnh sắc bầu trời thì các ông biết cắt nghĩa, còn thời điểm thì các ông lại không cắt nghĩa nổi.*” (Mt 16, 2-4). Đối với những môn đệ của ông Gioan Tẩy Giả đến hỏi Ngài rằng liệu Ngài có phải là Đấng phải đến không, Ngài đã trả lời bằng cách chỉ ra cho họ những dấu chỉ của thời đại: “*Các anh cứ về thuật lại cho ông Gioan những điều mắt thấy tai nghe: người*

⁸ Đối với cuộc thảo luận về nhận định như thế, xem phần trình bày của Jacques Guillet, S.J., trong *Discernment of Spirits* (được dịch bởi I. Richards, 1970), tr. 21-24.

mù xem thấy, kẻ què được đi, người cùi được sạch, kẻ điếc được nghe, người chết sống lại, kẻ nghèo được nghe Tin Mừng. Và phúc thay người nào không vấp ngã vì tôi” (Mt 11, 4-5). Ngài đã kết án những người Phariseu vì đã không phân biệt giữa những lệnh truyền của Thiên Chúa và những truyền thống chỉ của con người (Mt 15, 1-9). Trong Giáo Hội sau khi Đức Giê-su lên trời, có vấn đề phân biệt đức tin và giáo lý chân thực với đức tin và giáo lý không chân thực. Chúng ta đọc trong 1 Ga 4:1-3,6:

“Anh em thân mến, anh em đừng cứ Thần Khí nào cũng tin, nhưng hãy cân nhắc các Thần Khí xem có phải bởi Thiên Chúa hay không, vì đã có nhiều ngôn sứ giả lan tràn khắp thế gian. Căn cứ vào điều này, anh em nhận ra Thần Khí của Thiên Chúa: Thần Khí nào tuyên xưng Đức Giê-su Ki-tô là Đấng phải đến và trở nên người phạm, thì Thần Khí ấy bởi Thiên Chúa; còn Thần Khí nào không tuyên xưng Đức Giê-su, thì không bởi Thiên Chúa; đó là Thần Khí của tên phản Ki-tô. Anh em nghe nói là nó đang tới, và hiện nay nó ở trong thế gian rồi... Ai biết Thiên Chúa thì nghe chúng ta, ai không thuộc về Thiên Chúa thì không nghe chúng ta. Chúng ta cứ dựa vào đó mà nhận ra thần khí dẫn đến sự thật và thần khí làm cho sai lầm”

Bằng cách này hay cách khác, tất cả chúng ta phải tập luyện những hình thức nhận định thần loại này. Một số phải sử dụng đến những hình thức nhận định khác, ví dụ như để nhận định xem ai đó có bị quá ức chế hay bị ám (possessed) nặng không? Và nhận định xem nên xin gì trong mọi bước giải thoát người bị như thế.⁹

Không có loại nhận định nào vừa được đề cập ở trên là loại mà I-nhã đề cập đến trong các qui tắc của Ngài. Tất nhiên ở một vài khía cạnh sẽ có sự đan xen giữa các chỉ dẫn của ngài với những chỉ dẫn thuộc những hình thức khác của phân định

⁹ Francis MacNutt, O.P., *Healing* (Notre Dame, 1974), tr. 218, 223, và chương 17.

Chương 1: Nhu cầu được hướng dẫn

thiên liêng. Nhưng không một chỉ dẫn nào trong các hình thức này và bộ các chỉ dẫn của ngài có thể phục vụ cho nhau. Bởi vì I-nhã không quan tâm đến việc phán đoán ai là một tiên tri hay tính chân thực của một lời tiên báo cụ thể của bất cứ tiên tri nào.¹⁰ Ngài không đưa ra bất kỳ cách phân biệt liệu xem lòng người tốt hay xấu, hay liệu người ta có phải là môn đệ đích thực của Chúa Ki-tô hay không. Sự phân biệt này được giả định trước bởi điều ngài nói, và I-nhã sẽ kể cho chúng ta biết cách để hiểu những *kinh nghiệm* của những người mà tâm hồn họ đặt nơi Chúa và những ai đi từ điều xấu đến điều tệ hơn (Quy tắc I:1-2). Nhận định những dấu chỉ thời đại không có chỗ trong những quy tắc của I-nhã và những quy tắc này thì không thích hợp cho việc nhận định như thế. Để cho kiểu nhận định đó, người ta phải xét đến những sự kiện bên ngoài và giải thích chúng dưới ánh sáng tiên tri đã được ban cho hoặc sử dụng chúng để đoán trước tương lai.

Những quy tắc của I-nhã liên quan đến những biến cố riêng tư bên trong, những chuyển động trước hết nơi tâm trí của cá nhân người nhận định, thậm chí trước cả những hành động bên ngoài của anh ta xuất phát từ những chuyển động bên trong này, cho dù là tức thời hay tùy thuộc vào chọn lựa tự do của tác nhân. Những quy tắc này chỉ cho chúng ta cách khám phá ra liệu những chuyển động này được thúc đẩy bởi thần lành hay thần dữ. Những quy tắc này không quan tâm trực tiếp trong việc nhận định những kinh nghiệm nổi bật như

¹⁰ Đối với cách nhận định của thánh I-nhã về các ngôn sứ thật giả và những lời tiên đoán, xin xem lá thư của ngài gửi vào tháng 7 năm 1549 đến Francis Borgia, trong *Letters of St. Ignatius of Loyola*, bản dịch của William J. Young, S.J. (Chicago, 1959), (viết tắt *LettersIgn*), tr. 196-211.

là cầu nguyện thần bí hay quý ám, hoặc chỉ cho chúng ta cách giải quyết chúng.¹¹

Liên quan đến những chuyển động bên trong, I-nhã không hài lòng để chúng trôi qua (go) và nhìn những kết quả của chúng là gì trong đời sống của chúng ta. Đích nhắm của ngài là chúng ta học để phân định (judge) chúng, bao nhiêu chúng ta có thể, trước khi chọn lựa và hành động và thậm chí phán đoán chúng ngay từ lúc chúng bắt đầu trước khi chúng có thể đạt được sức đẩy tới (momentum). Ở một vài ví dụ, ngài biết rằng tất cả những gì chúng ta có thể làm được là theo dõi kỹ lúc một tiến trình của tư tưởng và tình cảm bày ra trước mắt, và để tìm bất cứ dấu hiệu nào lộ diện; dấu hiệu mà bằng cách hồi tưởng quá khứ, tiết lộ vài điều về lúc bắt đầu, về thần loại mà toàn bộ quá trình có nguồn gốc từ đó. (II, 4-5, Lt 333) Nhưng khi điều này diễn ra, ngài thúc người có kinh nghiệm này phản tỉnh nó ngay để xem nó đã xảy ra như thế nào và vì thế để học cho tương lai làm sao để đưa sự phán đoán lên thời điểm sớm hơn của quá trình bên trong – càng gần chính lúc bắt đầu càng tốt (II: 6, Lt 334). Ngài còn biết rằng đôi khi chúng ta phải thực hiện việc nhận định tốt nhất như chúng ta có thể và phải đặt những ý tưởng và khao khát của chúng ta vào hành động với sự sẵn sàng để thay đổi khi có bất cứ dấu hiệu nào xuất hiện để mời gọi nhận định. Nhưng những quy

¹¹ Có những lý do xác đáng về quan điểm của một số nhà chú giải rằng những gì thánh I-nhã gọi “an ủi không có nguyên do trước” trong Qui Tắc II:2 và 8 là kinh nghiệm thần bí khác thường và cao siêu, (xem tr. 229-300 dưới đây). Nhưng nếu đích thực như vậy thì cũng đúng là thánh I-nhã không tiếc công nhấn mạnh đến đặc tính thần bí của nó. Những gì ngài muốn làm là cảnh báo chúng ta chống lại cách mà trong đó sự an ủi như thế có thể là một dịp bị mắc lừa về những lời khuyên thiêng liêng. Toàn bộ vấn đề này được thảo luận nhiều trong chương 11.

Chương 1: Nhu cầu được hướng dẫn

tắc của ngài luôn luôn nhắm đến việc nhận định hết mức có thể rằng liệu những chuyển động ban đầu của tâm trí và tình cảm có đến từ Chúa Thánh Thần hay không.

Nhận Định Thần Loại Khác Với Nhận Định Thánh Ý Thiên Chúa

Khi xem xét phạm vi giới hạn nhận định thần loại của thánh I-nhã, có một việc cuối cùng phải làm rõ vì rất quan trọng: Nhận định thần loại của I-nhã cần phải được phân biệt rõ với nhận định ý Chúa.

Những hướng dẫn nhận định thần loại nhằm giúp chúng ta (1) phân biệt, giữa hàng loạt những chuyển động nội tâm, chuyển động nào chỉ đến từ nơi ta và chuyển động nào trong ta được thúc đẩy bởi các thần, và (2) trong số các thần có thể liên quan tới này, phân biệt những chuyển động được thúc đẩy bởi Thần Khí với những chuyển động được thúc đẩy bởi thần dữ. Nhận định như vậy tự nó không phải là nhận định những gì là ý Chúa trong hoàn cảnh cụ thể cho việc chọn lựa mà ta đang làm. Những chỉ dẫn để nhận định ý Chúa của I-nhã được tìm thấy trong những chỗ khác – rõ ràng chẳng hạn như trong kết luận của Nguyên lý và Nền tảng đầu tiên (điều nào “dẫn tới hơn” cứu cánh của tôi) và trong những chỉ dẫn của ngài để làm một việc chọn lựa (Lt 23, 169 -189). Những chỉ dẫn này của I-nhã về việc nhận định thánh ý Thiên Chúa sẽ bao gồm những hướng dẫn để nhận định thần loại nhưng còn đi xa hơn những hướng dẫn của nhận định thần loại. Chúng chỉ cho chúng ta cách sử dụng không chỉ những chuyển động của các thần mà còn những yếu tố khác như là những dấu hiệu của thời đại, những bài học kinh nghiệm quá khứ của chúng ta và của người khác, và những dự đoán hợp lý những hệ quả trong tương lai từ những tiến trình chọn lựa tốt lành của hành động, để đánh giá xem điều gì của những tiến trình

hoạt động này hoặc những chọn lựa có khả năng “dẫn tới hơn” cho vinh danh Thiên Chúa.¹²

Mặc dầu khác biệt nhưng nhận định thần loại và nhận định thánh ý Chúa liên hệ rất mật thiết với nhau, thậm chí chúng đan xen nhau đến nỗi để đề cập đến cái thứ nhất mà riêng biệt với cái thứ hai thì đôi khi khó hiểu và không làm thoả mãn. Tuy nhiên, mặt khác, nó không những khó hiểu mà thậm chí còn không thể trình bày giáo huấn của I-nhã về việc nhận định thánh ý Thiên Chúa mà không có giả định trước một sự hiểu biết có cơ sở về giáo huấn của ngài về nhận định thần loại. Nhưng phải cần một tập sách lớn bằng hai lần cuốn này để đem lại một giải pháp thỏa đáng cho cả hai đề tài này. Vì thế dường như tốt nhất là viết nghiên cứu này về nhận định thần loại trước, và sau đó tiếp tục viết nghiên cứu thứ hai về nhận định thánh ý Thiên Chúa theo cách của Inhã. Do đó, nếu thỉnh thoảng sự tiến triển của tư tưởng trong sách này kết thúc lấp lửng khi được hy vọng để đi vào cuộc thảo luận về nhận định thánh ý Thiên Chúa thì độc giả sẽ hiểu rằng điều này là kết quả của những vấn đề vừa là khoa sư phạm và là công việc xuất bản.

¹² Thánh I-nhã không hướng dẫn chúng ta cách thức phân biệt giữa các ý hướng và các hành động hòa hợp hay không hòa hợp với những giáo huấn luân lý tự nhiên (material) và càng không lao vào thiết lập những giáo huấn như thế trong các lời khuyên về nhận định thần loại và nhận định ý Chúa. Ngài thiết nghĩ rằng các độc giả của ngài có một sự hiểu biết đúng đắn thông thường về các giáo huấn luân lý, ngài muốn nó như một sự trợ giúp trong việc nhận định thần loại và như là cách loại bỏ những chọn lựa không thích hợp để cân nhắc về nhận định ý Thiên Chúa theo kiểu ngài dạy. Cách nhận định ý Thiên Chúa của ngài là để tìm điều tốt hơn giữa những lựa chọn mà không bị cấm bởi một giáo huấn luân lý tự nhiên nào.

Chương 1: Nhu cầu được hướng dẫn

Khi đó chúng ta hiểu rằng, bằng nhiều cách, mục đích của những quy tắc của I-nhã nhằm lắng nghe và đáp trả tiếng Thần Khí thì trong một nghĩa hẹp hơn đáng kể so với những gì người ta gọi chúng chỉ là “những quy tắc nhận định” hay ngay cả là “những quy tắc nhận định thần loại”. Mặt khác, cũng đúng là trong một cách khác, mục đích của các quy tắc xét về phạm vi thì rộng hơn điều được ngụ ý bởi những tiêu đề được dùng thông thường kia. Vì các quy tắc bao gồm những lời khuyên thực tế khởi đi từ nhưng cũng nằm ngoài phạm vi thích hợp của bất cứ loại nhận định nào. Những quy tắc bao gồm các lời khuyên này mà tôi đang nói đến nhằm giúp chúng ta nhận định hoạt động thầm lặng của Thánh Thần trong những lúc tối tăm, hoặc lúc sầu khổ và căm dỗ, lúc mà tác động của thần dữ và tội lỗi của chúng ta được nhận ra cách dễ dàng. Nhưng chúng còn khuyên chúng ta cách minh nhiên về việc phải làm gì cách tích cực trong những lúc như thế để lãnh nhận sức mạnh của Thánh Thần, và nhờ sức mạnh đó để kháng cự và chinh phục sức mạnh của bóng tối. 8 trong 14 quy tắc của bộ nhận định thứ nhất của thánh I-nhã¹³ thuộc

¹³ Qua tập sách này, chúng tôi có ý lần lượt nói về Bộ Nhận Định Thần Loại thứ nhất và thứ hai của thánh I-nhã. Những tiêu đề trong sách *Linh Thao* của thánh I-nhã [313 và 328] p. 18 và 22 dưới đây thú thật là dài dòng nhưng chính xác. Nhiều nhà chú giải, các diễn giả và cả những dịch giả đã rút ngắn chúng lại thành “Những Quy Tắc Cho Tuần I” hay “Những Quy Tắc Cho Tuần II”, nhưng điều này đã làm mất đi sắc thái quan trọng và dễ dàng dẫn đến hiểu sai.

Thánh I-nhã không muốn Bộ Quy Tắc Thứ Nhất (I:1-14) chỉ dùng cho tuần I hay bộ thứ II chỉ dùng cho Tuần II. Chúng có thể hữu ích hơn, và cần thiết để giải thích chúng thì có thể đưa ra, cách riêng, trong những tuần đó chứ không loại trừ. Bộ thứ II thì không thể không dựa vào bộ thứ I. Do đó, việc gọi chúng là những qui tắc cho Tuần I hoặc cho Tuần II dễ dàng dẫn đến hiểu sai ý về việc áp dụng chúng. Xem pp. 17, 214-216 và cước chú 3 trong chương 10.

về loại này. Trong những lúc bình an và hoan hỷ thiêng liêng, hai quy tắc khác đề cập đến làm sao để chuẩn bị đối mặt với những tối tăm và cám dỗ thiêng liêng hoặc trong một mức độ nào đó làm sao để ngăn chặn được nó. Chỉ 4 trong toàn bộ 14 quy tắc là những quy tắc dành riêng cho nhận định thần loại. Bộ thứ hai gồm 8 quy tắc thì liên quan hoàn toàn với việc nhận định thần loại như vậy.

Vì thế những quy tắc này của thánh I-nhã, ở một vài khía cạnh nào đó cần một tiêu đề cụ thể hơn là những quy tắc nhận định hay thậm chí những quy tắc nhận định thần loại, và ở vài khía cạnh khác chúng cần một tiêu đề bao hàm hơn. Do đó, tốt hơn gọi chúng là “những quy tắc hay những chỉ dẫn để nhận định và cởi mở chính mình ra với Thần Khí trong ánh sáng và bóng tối” hoặc “những quy tắc để lắng nghe và đáp trả Thần Khí”. Hoặc bởi vì việc đáp trả giả định là lắng nghe thì chúng có thể được gọi cách đơn giản là “những hướng dẫn để đáp trả Thần Khí”; hoặc bởi vì tất cả những quy tắc này nhằm làm cho chúng ta sẵn sàng lãnh nhận hay duy trì bình an của Đức Ki-tô nên gọi chúng là “những lời khuyên và những điều chỉ dẫn nhằm sống trong sự bình an thiêng liêng”.

Những lời khuyên này xuất hiện trong sách Linh Thao của thánh I-nhã. Tuy nhiên, liệu có vấn đề về nhận định thần loại hay về hoạt động bởi Thần Khí chống lại những tác động của thần dữ trong những suy nghĩ và tình cảm của chúng ta, những kinh nghiệm này mà trong đó những quy tắc giúp chúng ta, không chỉ là những kinh nghiệm xảy ra trong Linh Thao hay trong một lúc đặc biệt nào đó mà còn là những kinh nghiệm xảy ra trong đời sống hằng ngày - nơi mà chúng ta thành công hay thất bại như một Kitô hữu. Việc chúng ta coi chúng chỉ hữu ích khi chúng ta làm Linh Thao, hay một vài quyết định căn bản về đời sống của chúng ta, hay cố gắng hiểu

Chương 1: Nhu cầu được hướng dẫn

một kinh nghiệm thiêng liêng một cách nào đó, sẽ là một sai lầm nghiêm trọng. Chúng còn có giá trị rộng hơn khi được áp dụng vào kinh nghiệm hằng ngày trong lúc chúng ta sống những chủ đích được ấp ủ trong những giây phút được khởi hứng hay quyết định.

Thật không thể phủ nhận rằng điều này, đôi lúc có một giá trị đặc biệt trong những lúc chúng ta chú tâm vào đời sống thiêng liêng hoặc những cơ hội đặc biệt cho sự trưởng thành hoặc cho những quyết định chính yếu về việc phục vụ Thiên Chúa. Vì trong những lúc như thế, những thế lực trái ngược nhau của thần lành và thần dữ không ngừng làm việc, sẽ hoạt động tích cực hơn để nâng đỡ hay cản trở biến cố hoán cải quan trọng hoặc trưởng thành hoặc quyết định quan trọng về công việc tông đồ. Tuy nhiên khác với việc nói rằng chúng dành riêng hay chủ yếu được dành cho những lúc này. Chúng ta cần nhận định hằng ngày và đáp lại bằng những cách thế như đã được chỉ ra trong những quy tắc này nếu đời sống của chúng ta không thay đổi hoặc mất định hướng; hay nếu chúng ta không đánh mất ơn Chúa hay bị suy yếu, lầm đường và bị quấy rối bởi những nghi ngờ hay những bối rối khiến ta bực mình, hoặc cuối cùng mất can đảm và chán ngán trong đời sống Ki-tô hữu.

Linh Đạo Ki-Tô Hữu, I-nhã và Giê-Su Hữu

Nội dung cơ bản của các chỉ dẫn về cách thức nhận định thần loại và về cách đáp trả lại chúng, khi chúng được nhận định, một cách lạ thường không phải là của riêng thánh I-nhã. Nó thuộc về tất cả truyền thống Ki-tô giáo. Sự thật là bằng chứng tiểu sử của ngài dường như cho thấy rằng, những gì I-nhã cho chúng ta chính yếu được rút ra từ những kinh nghiệm cá nhân, được hiểu và kiểm chứng dưới ánh sáng của Kinh Thánh và giáo huấn của Giáo Hội, hơn là nói ngài lấy chúng

từ những điều ngài đọc được trong các sách hay nghe người khác nói. Tuy nhiên những gì ngài biết được nhờ phản tỉnh và nhờ ánh sáng của Thánh Thần thì tương đồng với những gì được tìm thấy rải rác toàn bộ truyền thống Ki-tô giáo.¹⁴ Tính trật tự của các yếu tố vì những mục đích thực tiễn, việc nhấn mạnh đến tính năng động trong nhận định và đáp trả, và tính hình tượng – tất cả những điều này làm nên đặc tính riêng của I-nhã, nhưng tính trật tự, tính hệ thống nếu bạn muốn là sự đóng góp riêng của ngài. Dù thấy lạ rằng, trước thời của ngài không có ai thành công trong việc cho chúng ta một bộ những lời khuyên thực tiễn có tổ chức như thế và từ thời của ngài, không ai sáng kiến ra điều gì có thể thay thế được nó. Như đã nói nội dung thì hợp với truyền thống Ki-tô hữu và với mọi nền linh đạo trong Giáo Hội. Việc nghĩ rằng sẽ không thích hợp cho những người được hướng dẫn bởi Thiên Chúa trong một truyền thống linh đạo khác hơn thánh Inhã chắc hẳn là một sai lầm. Những cá nhân tu trì khác (religious personalities) có những điểm nhấn và phong thái khác nhau, nhưng về thực chất những gì họ nói trong một cách thể kém tổ chức hơn ít được sử dụng hơn thì giống những gì I-nhã dạy.

Người ta thấy ít nhất những quy tắc này, linh thao hay thậm chí linh đạo I-nhã được xem như đặc tính đặc biệt của Giê-su hữu, nhằm giáo dục cách đặc biệt tinh thần của người Giê-su hữu và hướng dẫn họ bằng lối sống đặc biệt đó giữa những lối sống khác mà ở đó họ có thể phục vụ Thiên Chúa. Chính Hiến Chương Dòng Tên đã nói điều đó. Linh Thao, với

¹⁴ Quan tâm đến nối kết này là Hugo Rahner's "Be Prudent Money Changers: Toward the History of Ignatius' Teaching on the Discernment of Spirits," in *Ignatius of Loyola: His Personality and Spiritual heritage, 1556-1956*, ed. F. Wulf, S.J., (St Louis, 1978), pp. 272-279; also H. Bacht's study, *ibid.*, pp. 200-230, "Early Monastic Element in Ignatian Spirituality."

Chương 1: Nhu cầu được hướng dẫn

quy tắc nhận định thần loại và đáp trả lại Thánh Thần, nói cách riêng không phải dành riêng cho Giê-su hữu như tổng luận thần học của thánh Tôma Aquinô thì không đặc biệt dành riêng cho tu sĩ Đaminh, hay tự thuật của thánh Âutinh và những tác phẩm khác của ngài thì không đặc biệt dành cho tu sĩ Âutinh. Mỗi nền linh đạo này là một phần thừa kế của mọi Ki-tô hữu mà tu sĩ Đaminh, Âutinh, và Giê-su hữu có trách nhiệm tôn trọng cách đặc biệt để gìn giữ và thích nghi và làm sinh hiệu quả trong đời sống Ki-tô hữu hiện nay. Thực ra tinh thần và lối sống của người Giê-su hữu bắt nguồn từ trong Linh Thao, nhưng cũng đúng thực là những bài tập này, mặc dù chưa được I-nhã in ấn hay hoàn chỉnh nhưng thực chất đã được hoàn tất và đang được sử dụng trong những năm trước I-nhã và các bạn của ngài thành lập dòng tu. Trước khi Dòng Tên xuất hiện như một dòng tu và kể từ đó Linh Thao đã được dùng và đã thấy hoa trái ngang qua các vị giáo hoàng, các giám mục, linh mục địa phận, anh chị em giáo dân, người độc thân hay có gia đình và nam nữ tu sĩ của nhiều dòng tu khác, dù dọ sống chiêm niệm hay hoạt động tông đồ. Tất cả những thành phần này đã tìm thấy trong các bài tập Linh Thao – một phương tiện để gặp gỡ Đức Giê-su và để hấp thụ sứ điệp Tin Mừng bằng cách giúp cho họ tìm thấy và sống các ơn gọi khác nhau của họ từ nơi Thiên Chúa. Một số người trong thành phần này cũng đã hiểu Linh Thao tốt hơn nhiều so với hầu hết các Giê-su hữu.

Mục Đích Cuốn Sách Đây

Vì những lý do liên quan, có thể không đơn giản để đề cập cho độc giả những quy tắc này và mong muốn họ có thể hiểu và sử dụng chúng. Thứ nhất, khi đọc qua, chúng bị nhầm tưởng là đơn giản, trong thực tế khi ai cố gắng sử dụng chúng sẽ khám phá ra chúng thường rất khó để hiểu và khó để áp

dụng trong thực tiễn. Chúng cần nhiều giải thích, sự cân nhắc và biết những giả định nằm bên dưới các nguyên tắc. Tăng trưởng khả năng hiểu chúng và kỹ năng áp dụng chúng chỉ có thể có nhờ qua các hoạt động tương tác lâu dài: phản tỉnh không ngừng về kinh nghiệm dưới ánh sáng của chúng, tái diễn lại bản văn dưới ánh sáng của kinh nghiệm đó, nghiên cứu những tác phẩm khác của I-nhã và thảo luận với những người mà có kinh nghiệm và đã nghiên cứu những quy tắc này. Thứ hai: Kiểu viết ngắn gọn của ngài tạo thêm phần khó khăn. Kiểu viết của ngài có lợi là mời gọi sự chú ý của độc giả vào điểm chính mà không phải sàng lọc khỏi một mớ chất liệu ít quan trọng hơn; nhưng nó thường làm cho ý của ngài trở nên không chắc chắn và dẫn đến hiểu sai. Thứ ba: những gì ngài đã nói nhằm giúp chúng ta hiểu những quy tắc đó (trình bày, minh họa, lý lẽ, nói lại bằng những cách khác nhau) được nằm rải rác đây đó trong các bài viết khác của ngài, nhưng không được gộp lại dưới sự khai triển mạch lạc của tư tưởng, chẳng hạn như: trong tự thuật, các thư, nhật kí thiêng liêng, Linh Thao và Hiến Chương Dòng Tên. Chỉ có ai đọc về I-nhã cách bao quát, nêu lên vấn đề và tìm câu trả lời, xem xét những điều được tìm thấy và cố gắng tổng hợp những yếu tố nằm rải rác thì họ có thể đọc các quy tắc với sự tự tin vì đã hiểu ý nghĩa của I-nhã cách chính xác hay ít ra là với một sự đầy đủ nào đó, nếu như họ không nhờ ai đó giúp họ thực hiện công việc này. Đa phần những người cần và muốn hiểu và sử dụng những quy tắc thì không có nền tảng hay thời gian để nghiên cứu theo yêu cầu, và cũng cần những tư duy cần thiết để giải thích những điều họ tìm thấy và tổng hợp thành những nguyên tắc. Chính vì hy vọng gặp được nhu cầu của những người như vậy mà cuốn sách này được thực hiện.

Vì những lý do hiển nhiên dưới ánh sáng của những điều được nói trước đây, tôi đã không dám viết về nhận định thần

Chương 1: Nhu cầu được hướng dẫn

loại trừ khi với tư cách là môn đệ muốn làm rõ giáo huấn của I-nhã. Những “quy tắc” của ngài đã được phổ biến như là trọng điểm. Cách hiểu của tôi về cấu trúc khai triển và trình bày cách mạch lạc từ đầu đến cuối, sẽ xuất hiện như những tiến bộ của việc trình bày. Việc đọc cẩn thận bản nội dung sẽ hiểu được cấu trúc của nó là gì. Tuy nhiên, bởi vì mỗi quy tắc phải được đặt trong bối cảnh của cấu trúc đó nên việc trình bày ngắn gọn toàn bộ cấu trúc sẽ có giá trị ngay trước khi người ta bắt đầu phân tích mọi nguyên tắc.

Cấu Trúc Của Hai Bộ Nhận Định Thần Loại Của Thánh Inhã

Những quy tắc của I-nhã được nói cách chung bằng những tiêu đề vắn tắt như là: “những quy tắc nhận định thần loại”... “cho tuần thứ nhất” hoặc “cho tuần thứ hai”. Những kiểu đơn giản như thế, như nhiều cách viết khác không may làm mất đi nhiều sắc thái riêng của ngài và chúng quá thoáng đến nỗi hiểu sai hay cho nhiều kết luận quá đơn giản. Bởi vì việc tư duy và phân tích chính xác một bản dịch nguyên văn của chính bản văn của ngài là điều cần thiết, nên thường được lấy từ bản thủ bút bằng tiếng Tây Ban Nha.¹⁵ Một bản dịch các tựa đề của ngài như thế để chỉ ra cấu trúc những quy tắc của ngài và có thể được đưa ra như sau:

¹NHỮNG QUY TẮC ĐỂ CẢM THẤY VÀ NHẬN BIẾT CÁCH NÀO ĐÓ NHỮNG CHUYỂN ĐỘNG KHÁC NHAU ²VỐN GÂY RA TRONG LINH HỒN ĐIỀU TỐT ĐỂ ĐÓN NHẬN VÀ ĐIỀU XẤU ĐỂ LOẠI BỎ. CÁC QUY TẮC NÀY THÍCH HỢP HƠN CHO TUẦN THỨ NHẤT (Lt 313).

¹⁵ Mọi qui tắc được đưa ra dưới đây pp. 22-30 trong bản dịch của tôi từ bản văn Tụ Thuật.

NHỮNG QUY TẮC VỀ CÙNG MỘT HIỆU QUẢ VỚI VIỆC NHẬN ĐỊNH TỐT HƠN VỀ CÁC THẦN LOẠI VÀ CÁC QUY TẮC NÀY THÍCH HỢP HƠN CHO TUẦN THỨ HAI (Lt 328)

Trong các quy tắc I:1-4 của bộ thứ nhất, I-nhã bàn về các thần ánh sáng và bóng tối trái ngược nhau, chúng đã ảnh hưởng đến những người Ki-tô hữu trưởng thành ra sao, và những dấu hiệu nào cho thấy sự ảnh hưởng của chúng lên những người đang cố gắng để thoát khỏi tội và trở nên giống Chúa Ki-tô hơn, cũng như chống lại những ảnh hưởng của các thần này trên những ai đang dần dần rời xa lý tưởng của Chúa Ki-tô. Trong các quy tắc I:5-14 của bộ thứ nhất, I-nhã nhắm đến việc giúp chúng ta nhận biết và đáp trả Thánh Thần ngay khi những lúc tối tăm của sâu khổ và cám dỗ thiêng liêng. Ở phần này chỉ ra chi tiết hơn những ghi chú trong các quy tắc trước đó về các thần bóng tối tấn công chúng ta như thế nào, chiến thuật của nó, để mà chúng ta biết tốt hơn cách chống lại nó bằng sức mạnh của thần ánh sáng là người luôn hiện diện cách yêu thương với chúng ta.

Mặt khác, trong các quy tắc II:1-8 của bộ thứ hai, I-nhã chỉ cho chúng ta biết cách nhận ra thần bóng tối đang hoạt động ngay cả trong hay qua ánh sáng của bình an hoan hỉ thiêng liêng và những tư tưởng tốt lành, tất cả được bắt rễ trong đức tin. Ngài phân biệt hai cách đặc biệt mà thần dữ cố gắng sử dụng những kinh nghiệm này để lừa dối chúng ta và ngài chỉ cho chúng ta cách khám phá ra cách hoạt động của nó trong mỗi kinh nghiệm.

Mỗi quy tắc phải được giải thích không chỉ trong bối cảnh của cấu trúc này nhưng còn trong cấu trúc của Linh Thao như một tổng thể và phải được soi sáng bởi những gì I-nhã đã nói trong những bài viết khác của ngài, đặc biệt trong các thư của

Chương 1: Nhu cầu được hướng dẫn

ngài. Trong khi tôi cố gắng càng gần bao nhiêu có thể với bản văn của chính I-nhã, giải thích I-nhã bằng chính I-nhã, tôi thấy cần thiết thêm vào những phân tích cụ thể của một vài kinh nghiệm nào đó mà không được rút ra từ I-nhã. Khi làm như vậy, tôi sẽ làm rõ điều tôi đang làm và chắc rằng những phân tích của tôi không mâu thuẫn với những gì I-nhã đã nói.

Điểm chính của chương này có thể nói cách ngắn gọn. Sách này cung cấp một nền thần học thực hành cho người Ki-tô hữu trong việc mở ra với Thánh Thần được dựa trên những bài viết của I-nhã Loyola; Nó được sử dụng như một tâm điểm những quy tắc nhận định cho mục đích này mà I-nhã đưa vào làm Linh Thao hàng năm của ngài. Nó là nền thần học Ki-tô giáo vì nó được chi phối bởi giáo huấn của Kinh Thánh và truyền thống Ki-tô giáo và được bắt rễ nhờ vào kinh nghiệm Ki-tô giáo trong việc thực hành lời giáo huấn đó dưới sự dẫn dắt và hướng dẫn của Thần Khí Chúa Ki-tô. Nó là nền *thần học thực tiễn* (practical theology). Nó không đề cập thuần túy những vấn đề thần học viễn tượng (speculative theological matters), thậm chí cũng không phải với những thứ mà được tiên giả định bởi một thần học thực hành trừ khi trong chừng mực nào cần để hiểu những gì I-nhã khuyên chúng ta phải làm để sống đời sống Ki-tô hữu được kiểm chứng - một đời sống có phản tỉnh và tích cực đi vào cuộc chiến giữa Chúa Ki-tô và Sa-tan, nhận ra những thế lực nơi mình, cộng tác một cách tích cực hay chống lại bằng sự hiểu biết và tự do phù hợp với những người con của Thiên Chúa.

Chương 2:
BẢN VĂN HAI BỘ QUY TẮC NHẬN ĐỊNH THẦN
LOẠI CỦA THÁNH I-NHÃ

Sau những nghiên cứu mở đầu được trình bày ở trên trong chương 1, chúng ta bước vào đọc Những Quy Tắc Nhận Định Thần Loại của I-nhã một cách chính xác với những kỳ vọng được xác định một cách rõ ràng về những gì chúng ta có thể, không thể, kỳ vọng tìm thấy nơi chúng. Tuy nhiên, để đưa ra và phân tích ba mục tiêu của chúng, chúng ta phải sử dụng cách dịch tiếng Anh chính xác, tới mức có thể và bảo tồn một cách trung thực sắc thái từ ngữ mà I-nhã dùng. Với mục đích này, chúng ta in ra chỉ một bản dịch dưới đây nhằm tới tính trung thực từ ngữ hơn là chú tâm đến gọt giũa văn phong mà không giữ được nét nguyên thủy của bản tiếng Tây Ban Nha.

Tiếng mẹ đẻ của I-nhã là tiếng Basque, nên ngài soạn thảo cuốn *Linh Thao* bằng tiếng Tây Ban Nha với lối văn thô và khó hiểu, nơi đó ngài thường sử dụng từ ngữ với ý nghĩa rất cá biệt. Bản tiếng Tây Ban Nha nguyên thủy của I-nhã để lại cho chúng ta, được gọi là “Bản Thủ Bút”, là bản chép tay do một người nào đó chép lại, có lẽ vào năm 1544. Nhưng bản này được chính I-nhã dùng, hiệu chỉnh, và nó cho chúng ta tư tưởng xác thực và nguyên thủy của thánh I-nhã.

Ngoài ra còn có hai bản dịch cổ sang tiếng La Tinh. Bản thứ nhất, bản *Versio Prima* vào năm 1541 (được gọi là bản P1) và vào năm 1547 (được gọi là P2), lời văn thô và không được trau chuốt và có thể được chính I-nhã dịch, hoặc ít nhất là có ngài tham gia vào việc dịch. Bản thứ hai, gọi là Bản Phổ Thông (*Versio Vulgate*), được André des Freux, một nhà nhân văn, giới thiệu vào năm 1546 và 1547 sau khi đã được Đức Giáo Hoàng

Chương 2: Bản văn những quy tắc nhận định thần loại

Phao-lô III phê chuẩn, và được xuất bản vào năm 1548. Tuy nhiên, Des Freux đã quá quan tâm đến sử dụng văn phong trôi chảy của ngôn ngữ La Tinh thời Phục Hưng hơn là truyền tải sắc thái của thánh I-nhã.¹⁶

16

Đối với những thảo luận chuyên môn về những bản văn của sách Linh Thao, xem *Obras completas de san Ignatio de Loyola* (Madrid: Biblioteca de Autores Cristianos, 1997), pp. 191-196; *SpExMHSJ* (Madrid, 1919), pp. 83-139; *SpExMHSJTe* (Rome, 1969), pp. 83-139.

Bản Thủ Bút và Bản Phổ Thông là hai bản cơ sở bản cần thiết cho những người nghiên cứu *Linh Thao* một cách nghiêm túc. Nói chung, Bản Thủ Bút được xem là bản diễn đạt tư tưởng của I-nhã một cách đáng tin cậy nhất, và được xem là bản nền tảng để sử dụng.¹⁷ Bản dịch sau đây được dịch từ Bản Thủ Bút này. Tuy nhiên, nhiều lần, trong phần bình luận về Bản Thủ Bút, thì Bản Phổ Thông sẽ được sử dụng để soi sáng thêm cho những điều I-nhã muốn nói. Mặc dù Bản Phổ Thông không được tin cậy như Bản Thủ Bút, nhưng chúng ta cũng không nên quên rằng bản này được chính I-nhã kiểm tra và chuẩn nhận, đồng thời lại được trình bày cho Đức Giáo Hoàng xác chuẩn. Đó là bản được xuất bản đầu tiên, và sau khi xuất bản, Bản Phổ Thông được I-nhã và các Giê-su hữu ban đầu sử dụng để hướng dẫn linh thao.

Bản Văn Những Quy Tắc của Thánh I-nhã, Được Dịch Sát Chữ

(Bản tiếng Việt do cha Giuse Lê Quang Chúng chuyển dịch, xin xem thêm Giuse Lê Quang Chúng, *Ngu Đại và Diên Rô Vì Đức Kitô*, nhà tập Thánh Tâm, 2006.)

[BỘ THỨ NHẤT]

[313]. NHỮNG QUY TẮC GIÚP CON NGƯỜI¹⁸ CẢM BIẾT¹⁹
VÀ HIỂU BIẾT PHẦN NÀO NHỮNG CHUYỂN ĐỘNG

¹⁷ Đối với ý kiến thiếu số mà có một sức mạnh đáng kể, thì xin xem Lewis Delmage, S.J., *Spiritual Exercises of St. Ignatius Loyola* (New York, 1968), pp. iii-iv. Đối với những lý do hỗ trợ cho tự thuật này và trả lời những lý do này mà đã được chấp nhận bởi Delmage, thì xin xem *SpExMHSJ*, pp. 135-139.

Chương 2: Bản văn những quy tắc nhận định thần loại

KHÁC NHAU ĐƯỢC GÂY RA NƠI HỌ, ĐIỀU TỐT ĐỂ ĐÓN NHẬN VÀ ĐIỀU XẤU ĐỂ LOẠI BỎ. CÁC QUY TẮC NÀY THÍCH HỢP HƠN CHO TUẦN THỨ NHẤT.²⁰

[314]. Quy tắc I: Nơi những người sa ngã hết tội trọng này sang tội trọng khác, kẻ thù thường quen bày cho họ những vui thú bề ngoài, xui họ tưởng đến những khoái lạc và vui thú

¹⁸ Tiếng Tây Ban Nha mà thánh I-nhã dùng ở đây là từ *ánima*. Tác giả đã dịch từ *ánima* thành từ *person* hoặc *persons*. Xin xem cước chú số dưới đây.

¹⁹ *para en alguna manera sentir y cognoscer*: Một bản dịch nguyên văn rất sát với bản văn của thánh I-nhã là “nhằm trợ giúp cách nào đó để tri giác và hiểu được...”; tư tưởng của ngài ở đây khởi đi từ tri giác ban đầu (sentir - cảm nhận theo ng

hiã nguyên khởi của nó) nơi những động lực bên trong đến một sự hiểu biết tốt hơn (cognoscer) về chúng. Do đó, tôi dịch là liên lạc và hiểu biết.” Từ Tây Ban Nha sentir, giống như gốc từ Latin sentire, mang ý nghĩa căn bản là cảm nhận bằng giác quan – giác cảm (vd: bằng cảm xúc) và sau đó bằng lí trí (vd: bằng quan sát hay phán đoán); và do vậy mà những ý nghĩa đã thủ đắc được trong những bản văn mới trở nên quá phong phú đến nỗi không thể liệt kê ở đây. Thánh I-nhã sử dụng từ sentir thường xuyên và với nhiều ý nghĩa, có một vài ý nghĩa là của riêng ngài, đặc biệt trong những đoạn văn ghi nhận những kinh nghiệm thần bí của ngài. Những kinh nghiệm thần bí của ngài được diễn tả ở chiều sâu và với những tham khảo sao chép của Iparraguirre trong *Vocabulario de Ejercicios Espirituales: Ensayo de hermeneutica* (Rome: Centrum Ignatianum Spiritualitatis, 1972), pp. 192-197. Trong Linh Thao, thánh I-nhã sử dụng từ sentir đến 32 lần, với những ý nghĩa và nhiều sắc thái khác nhau thay đổi theo từng văn mạch (Lt MHSJTe, p. 781).

Một nhận thức thường được trình bày có ý nghĩa cơ bản là thuộc về trí năng; và thường có những gợi ý có tính cảm xúc và thần bí được thêm vào. Trong những bản văn khác của thánh I-nhã, từ

giác quan để dễ cầm giữ họ và gia tăng nơi họ những vết xấu và tội lỗi. Với những người như thế, thần lành dùng phương pháp ngược lại, bằng cách thôi thúc và cắn rứt lương tâm họ bằng “lương tri” của lẽ phải.

[315]. *Quy tắc II*. Nơi những người vốn tiến bước cách mạnh mẽ từ điều tốt đến tốt hơn, trong việc diệt trừ tội lỗi của mình và trong việc phụng sự Thiên Chúa, Chúa chúng ta, thì lại có

sentir chỉ ra sự nhận thức được lặp đi lặp lại đến nỗi nó trở thành một cái khung tham khảo mà được sử dụng một cách bản năng hoặc cảm tính để hướng dẫn việc suy nghĩ, quyết định và hành động của một ai đó – ví dụ, trong Lt, [352] về những hướng dẫn *para el sentido verdadero que en la Iglesia debemos tener*, “đi đến đòi hỏi một thái độ chân thực mà chúng ta nên duy trì trong Giáo Hội chiến đấu...” (xem Leturia, *Estudios Ignatianos*, II, 153; Ganss, *Studies in the Spirituality of Jesuits*, VII, no. 1 [Jan, 1975,]. Nhật ký thiêng liêng của thánh I-nhã, [63] ngày 21 tháng 2 năm 1544, nói rằng “Trong suốt thánh Lễ đó mà tôi biết, những cảm xúc sâu xa, hay nhìn thấy, Đức Chúa biết...” (*conocia, sentia, o veía, Dominus scit...*), trình bày một minh họa mà căn bản là nhận thức thuộc trí năng được cảm nếm trong những bối cảnh của sự chiêm niệm thiên phú, và nơi đó tất cả những điều này được sử dụng như một cái khung tham chiếu qua sự nỗ lực thánh I-nhã để nhận định ý Chúa.

Những gợi ý có tính cảm xúc và thần bí của *sentir* trong các bản văn của thánh I-nhã được John Futrell bàn thảo rõ ràng trong bài viết *Making an Apostolic Community of love* (St. Louis, 1970) tr. 111-116, và súc tích hơn trong tập sách nhỏ của ông “Ignatian Discernment” (*Studies in the Spirituality of Jesuits*, II, no. 2 [tháng 04, năm 1970], 56-57). “Trong tiến trình nhận định,” ông nói ở tr. 47 rằng, “*sentir* có nghĩa trước hết là “thụ cảm,” một cảm xúc,” nhận thức trực giác này có được qua những phản ứng của tình cảm con người đối với kinh nghiệm nội tại và ngoại tại.”

Đích thực đây là những đoạn văn của thánh I-nhã; nhưng minh họa chúng ta đưa ra ở đây về tựa đề cho những quy tắc nhận

Chương 2: Bản văn những quy tắc nhận định thần loại

phương pháp ngược lại với quy tắc thứ nhất. Vì khi đó, đặc điểm riêng của thần dữ là cắn rứt, làm buồn phiền và đặt chướng ngại bằng cách gây băn khoăn lo lắng với những lý lẽ giả tạo để người ta khỏi tiến tới, còn đặc điểm riêng của thần lành là đem đến sự can đảm và sức mạnh, an ủi, nước mắt, an ủi, soi giục và an nghỉ, bằng cách làm cho vượt thắng cách dễ dàng và huỷ diệt mọi trở ngại để cho người ta tiến lên trong đường lành.

định của thánh I-nhã (Lt, [313]) thì không thuộc một trong những số đó. Bởi vì dịch từ *sentir* là “cảm thấy” hay “có một nhận thức thụ cảm” thì không có nghĩa hay. Những quy tắc nhận định thần loại này chắc hẳn không được xem như trợ lực nhằm giúp một người cảm nhận bất cứ điều gì. Chúng giả thiết là một cảm xúc và những “chuyển động nội tâm khác,” và chúng giúp chúng ta ý thức hay hiểu về chúng, chứ không phải để cảm nhận chúng. Trong bản văn Lt [313], “có vẻ mục đích xác của nó là nhằm “thấu đạt” hay để “tiếp cận.”

Hai tác phẩm của Futrell được đề cập ở trên thì rất quan trọng đối với việc nghiên cứu về nhận định của thánh I-nhã. Tuy nhiên, chúng hầu hết đề cập toàn bộ đến nhận định của thánh I-nhã về ý muốn của Thiên Chúa, trong khi quyển sách hiện thời của chúng ta quan tâm đến nhận định các thần loại. Sự khác nhau này giải thích tại sao những quyển sách của Futrell dường như không nổi bật trong tác phẩm hiện hành này.

²⁰ Linh Thao được phân chia thành bốn giai đoạn được gọi là “các tuần,” nhưng những giai đoạn này không được hiểu là những giai đoạn của bây giờ. Sự phân biệt giữa tuần I và tuần II không phải là điểm nhấn ở đây; Nó sẽ được nêu ra trong cuộc thảo luận về sự khác nhau của bộ quy tắc thứ hai so với bộ thứ nhất. Xin xem phần phụ lục, tr. 319.

[316]. *Quy tắc III*: Về an ủi thiêng liêng. Tôi gọi là an ủi khi trong linh hồn²¹ phát khởi một chuyển động nội tâm nào đó, khiến linh hồn bùng cháy lửa kính mến Đấng Tạo Hóa và Chúa mình và do đó, không có thể yêu một thụ tạo nào trên mặt đất vì chính thụ tạo ấy, nhưng chỉ yêu trong Đấng tạo dựng mọi sự. Đó cũng là, khi linh hồn chảy nước mắt vốn thúc đẩy đến lòng yêu mến Chúa của mình, hoặc bởi đau đớn vì tội

²¹ Tiếng Tây Ban Nha là *en el ánima*. Ở đây, như trong Linh Thao số [313], và cũng như trong những trường hợp ở các số khác, tôi dịch từ *ánima* của thánh I-nhã là “person – con người” hơn là “soul-linh hồn.” Thánh I-nhã không dùng ý niệm về con người theo như Platon hay Cartesie; ngài dùng từ *ánima* đơn thuần theo nghĩa bóng thay cho tất cả (phép cái dung). Phần chú giải của cha George E. Ganss, S.J. rất quan trọng giúp để hiểu đúng cách thánh I-nhã dùng từ *ánima*, trong phần dịch của ngài về Hiến Chương Dòng Tên (St. Louis, 1970), (ở đây viết tắt (*ConSJComm*), tr. 77: “...*ánimas* trong tiếng Tây Ban Nha của thánh I-nhã ở đây nghĩa là những con người, những con người được xem như những cái tôi trọn vẹn. Đây là một nghĩa thông thường của ngôn từ để chỉ “linh hồn” trong tất cả ngôn ngữ của Kitô giáo, như chính từ gốc Latin *anima* trong cổ thời (Ví dụ, *Aeneid*, xi, 24; Horace, *Satires*, i, 5, 41) và cũng như trong các tác giả thuộc Ki-tô giáo. I-nhã cũng sử dụng từ *ánima*, nghĩa là linh hồn, tương phản với từ *cuervo*, thể xác, ví dụ như trong Hiến Chương số [812-814].

“Việc sử dụng tiếng Latin *anima* và tiếng Tây Ban Nha *ánima* có nghĩa một con người sống động, một bản ngã, một nhân vị, là rất Kinh Thánh và thường xuất hiện trong bản văn Latin Phổ Thông – Latin Vulgata, đặc biệt trong những bản văn được trích dẫn thường xuyên chẳng hạn như Matthew 16:26; Mark 3:48, 8:36 (Cf., vd., Blaise, *Dictionnaire...des auteurs chrétiens*, s.v. ‘anima’, 4; cũng như, Peter Lombard’s *Sentences* II, 1, no. 8). Việc ý thức về cách sử dụng này là điều thiết yếu cho việc diễn giả đúng đắn của tất cả các tác giả Kitô giáo về linh đạo. Vì nền di sản triết học Hy Lạp của họ, nên các

Chương 2: Bản văn những quy tắc nhận định thần loại

lỗi mình, hay vì sự thương khó của Đức Ki-tô, Chúa chúng ta, hay vì những điều khác trực tiếp hướng về việc phụng sự và ca tụng Ngài. Sau cùng, tôi gọi là an ủi mọi gia tăng của đức cậy, đức tin và đức mến, cùng mọi niềm vui bề trong mời gọi và lôi kéo (*tâm hồn*) đến những sự trên trời và phần rỗi riêng của linh hồn mình, làm cho linh hồn được nghỉ ngơi và an bình trong Đấng Tạo Hóa và Chúa mình.

[317]. Quy tắc IV: Về sâu khổ thiêng liêng. Tôi gọi là sâu khổ tất cả những gì trái ngược với quy tắc [thứ nhất] *thứ ba*, như sự [mù lòa] *tối tăm* trong linh hồn, xao xuyến bề trong, chuyển động về những điều thấp hèn và phạm tục, lo lắng từ những xao động và cảm dỗ khác nhau vốn xui bẩy đến chỗ thiếu lòng tin tưởng, mất niềm hy vọng, mất lòng yêu mến, khi cảm thấy mọi sự luòi biếng, khô khan, buồn sầu và nhu bị lìa xa Đấng Tạo Hóa và Chúa mình. Vì như an ủi trái ngược với sâu khổ thế nào, thì các tư tưởng phát xuất từ sự an ủi

các thần học gia thời trung cổ cùng với các tác giả linh đạo thời sau này xem việc này, thường xuyên hơn các học giả Thánh Kinh thời hiện đại, như phép cải dung qua đó một bộ phận (*anima*) được dùng thay cho toàn thể, đó là một con người sống động (*homo*). Tuy nhiên, phép cải dung này có nền tảng Thánh Kinh (Khôn Ngoan- Wisdom 3:1, 8:19-20). Trong bản văn bằng tiếng Tây Ban Nha của những năm 1300 (như chúng tôi thu thập từ *Tesodo* [A.D. 1611] của Covarrubias, ông tham chiếu đến St 12:5; 14:21), hạn từ *anima* và từ đồng nghĩa *alma* của nó đều mang những nghĩa 'mà qua đó chúng ta sống' và chúng ta 'thường được sử dụng thay cho những con người'. Cách thánh I-nhã dùng từ *ánima* đúng hơn là từ *hombre* hoặc từ *homo* đôi khi được trung dẫn như bằng chứng của thuyết Nhị nguyên thái quá hay thậm chí của chủ thuyết Tân Platon trong luồng tư tưởng của ngài. Dưới tầm ảnh hưởng soi sáng của bản văn Latin Phổ Thông và việc sử dụng hạn từ *anima* xuyên suốt thời Trung Cổ, thì lời diễn giải này có vẻ gượng gạo và không có nền tảng."

cũng trái ngược với các tư tưởng phát sinh từ sâu khổ như vậy.

[318]. Quy Tắc V: Trong thời gian sâu khổ, đừng bao giờ thay đổi, nhưng hãy vững vàng và kiên trì trong những dốc lòng và quyết định có được trước ngày gặp sự sâu khổ này, hoặc những quyết định đã có khi được an ủi trước đây. Vì cũng như khi được an ủi, thần lành hướng dẫn và khuyên nhủ ta hơn thế nào, thì trong cơn sâu khổ, thần dữ cũng (*hơn*) như vậy, mà theo lời khuyên của nó, ta chẳng thể gặp được con đường đưa tới đích.

[319]. Quy tắc VI: Mặc dù trong cơn sâu khổ, không nên thay đổi những điều đã quyết định, thì lại rất ích lợi khi cương quyết thay đổi chính mình để chống lại với cơn sâu khổ ấy, chẳng hạn bằng cách kiên trì hơn trong việc cầu nguyện, suy gẫm, xét mình nhiều hơn và gia tăng việc hãm mình đền tội theo cách nào thích hợp.

[320]. Quy tắc VII: Người đang gặp sâu khổ, hãy suy xét rằng Chúa đã để họ ở trong sự thử thách, theo những khả năng tự nhiên của họ như thế nào, để họ chống trả các tác động và cám dỗ khác nhau của kẻ thù; như vậy họ vẫn có thể chống trả được, nhờ sự trợ giúp của Chúa vẫn luôn ở trong họ, dù họ không cảm thấy rõ ràng. Vì Chúa rút bớt lòng sốt sắng nồng nàn, lòng mến bao la và ân sủng mãnh liệt, nhưng vẫn để lại ân sủng đủ cho sự cứu rỗi đời đời.

[321]. Quy tắc VIII: Người đang gặp sâu khổ hãy gắng giữ sự nhẫn nại, là điều trái ngược với những xáo trộn xảy đến cho họ, và nghĩ rằng, chẳng bao lâu nữa sẽ được an ủi, bằng cách nỗ lực vận dụng sự kiên trì chống lại cơn sâu khổ ấy, như đã nói ở quy tắc [thứ bốn] *thứ sáu*.

Chương 2: Bản văn những quy tắc nhận định thân loại

[322]. Quy tắc IX: Có ba nguyên do chính yếu khiến ta gặp sầu khổ:

Thứ nhất: Vì ta lạnh nhạt, lười biếng hay chảnh mắng trong các việc thao luyện thiêng liêng của chúng ta; và như vậy, vì lỗi ta mà sự an ủi thiêng liêng liả bỏ ta;

Thứ hai: Để thử coi ta tới đâu và ta đáng giá điều gì trong việc phụng sự và ca ngợi Chúa, khi không được hưởng biết bao sự an ủi và ân sủng bao la như thế.

Thứ ba: Để cho ta một sự hiểu biết và nhận thức đích thực đến nỗi ta cảm thấy cách sâu xa rằng không phải tự ta làm phát sinh hay duy trì được lòng sốt sắng vô ngần, lòng mến mạnh mẽ, nước mắt hoặc bất cứ một ơn an ủi thiêng liêng nào khác, nhưng tất cả đều là ân ban và ơn sủng của Thiên Chúa, Chúa chúng ta, và để ta đừng “làm tổ ở cái khác”, bằng cách nâng trí khôn của ta đến sự kiêu ngạo hay hư danh nào đó, khi tự gán cho mình lòng sốt sắng hay các hình thức khác của ơn an ủi thiêng liêng.

[323]. Quy tắc X: Người đang được an ủi, phải nghĩ tới cách xử sự trong cơn sầu khổ sẽ đến, bằng cách dành lấy sức mạnh mới cho lúc đó.

[324]. Quy tắc XI: Người được an ủi, phải gắng tự khiêm và tự hạ chừng nào có thể, bằng cách nghĩ mình nhỏ hèn biết mấy trong thời gian sầu khổ, khi không có ân sủng hay sự an ủi như thế. Trái lại, người lâm cơn sầu khổ phải nghĩ mình có thể làm được nhiều với ơn sủng đủ, để chống trả mọi kẻ thù của mình, nhờ lấy sức nơi Đấng Tạo Hóa và Chúa mình.

[325]. *Quy tắc XII*: Kẻ thù xử sự như đàn bà, trở nên yếu nhược vì ta mạnh mẽ và mạnh mẽ²² nếu ta để mặc. Quả vậy, đặc tính của đàn bà khi gây gổ với đàn ông, là mất can đảm mà chạy trốn khi người đàn ông tỏ ra vững mạnh. Trái lại, nếu người đàn ông bắt đầu chạy trốn và mất can đảm, thì con giận, sự trả thù và sự hung dữ của người đàn bà thật kinh khủng và không sao lường được.

Cũng vậy, đặc tính của kẻ thù trở nên yếu nhược, mất can đảm bằng cách bỏ chạy với những chước cám dỗ của nó, khi người tập luyện trong đàng thiêng liêng thẳng tay chống trả các cám dỗ của kẻ thù, bằng cách làm điều ngược hẳn lại. Trái lại, nếu người tập luyện bắt đầu sợ hãi và mất can đảm khi chịu các cơn cám dỗ, thì không có một thú vật nào trên mặt đất này hung dữ cho bằng kẻ thù của bản tính loài người trong việc theo đuổi ý định xấu xa của nó cùng với sự hiểm độc lớn lao đường ấy.

[326]. *Quy tắc XIII*: Kẻ thù cũng còn xử sự như kẻ si tình phù phiếm, muốn giữ bí mật để khỏi bị lộ diện. Quả vậy, một người đàn ông phù phiếm dùng lời xảo trá quyến rũ một thiếu nữ con nhà lành, hoặc vợ một người đứng đắn, thì muốn cho những lời nói và lời dụ dỗ của nó được giữ kín; và trái lại, nó rất bất mãn khi thiếu nữ mách với cha, thiếu phụ mách với chồng những lời nói hão huyền và những ý định xấu xa của nó, vì nó dễ dàng suy ra rằng, nó không thể nào thành công được với chuyện nó đã bắt đầu.

²² Có lẽ bản văn của tôi hơi tự do so đối với chính bản, đó là việc dịch từ *muger* của thnh I-nh bằng cụm từ ‘shrewish woman – người phụ nữ đánh đá’ (mà trong ngữ cảnh này r rng l ý của ngi) hơn là đơn thuần từ “woman”. Tôi nghĩ rằng đoạn văn này, cũng như sự ton trọng v tình bạn của ngi đối với những phụ nữ, cần phải có sự dè dặt như thế.

Chương 2: Bản văn những quy tắc nhận định thần loại

Cũng vậy, khi kẻ thù của bản tính loài người đưa những sự xảo trá và xúi giục của nó vào linh hồn công chính, thì mong muốn và ước ao những điều đó được tiếp nhận và giữ bí mật. Nhưng khi linh hồn tỏ ra với cha giải tội tốt hay một người thuần thiêng nào khác vốn am tường những dối trá và sự hiểm độc của nó, thì nó rất bất mãn, vì nó kết luận rằng mình không thể thành công trong ác tâm mà nó đã bắt đầu, vì sự lừa đảo rõ rệt của nó đã bị phanh phui.

[327]. *Quy tắc XIV*: kẻ thù lại còn xử sự như một tướng quân để chiến thắng và cướp đi những gì nó muốn. Vì như một vị chỉ huy hay vị tướng quân, sau khi đặt bản doanh trại và xem xét lực lượng hoặc cách bố trí của một thành trì, sẽ tấn công vào nơi nào yếu hơn; thì cũng vậy, kẻ thù của bản tính loài người lượn quanh để dò xét lần lượt hết các nhân đức đối thần, các nhân đức trụ và các nhân đức luân lý khác của ta, và điểm nào nó thấy ta yếu hơn và cần thiết hơn cho phần rỗi đời đời của ta, nó sẽ tấn công vào đó và cố hạ gục ta.

[BỘ THỨ HAI]

[328]. NHỮNG QUY TẮC VỀ CÙNG MỘT HIỆU QUẢ VỚI VIỆC NHẬN ĐỊNH TỐT HƠN VỀ CÁC THẦN LOẠI VÀ CÁC QUY TẮC NÀY THÍCH HỢP HƠN CHO TUẦN THỨ HAI.²³

[329]. *Quy tắc I*: đặc điểm của Thiên Chúa và các thiên thần của Ngài trong các thúc đẩy của các Ngài là ban sự hoan hỉ và mừng vui thiêng liêng thật, bằng cách xoá bỏ mọi buồn sầu và xao xuyến do kẻ thù đưa vào. Còn đặc điểm của kẻ thù là chiến đấu chống lại sự hoan hỉ và niềm an ủi thiêng liêng ấy

²³ Xem cước chú số 5 ở trên.

bằng cách đưa ra những lý lẽ giả tạo, cầu kỳ và nguy hiểm không cùng.

[330]. Quy tắc II: Chỉ có Thiên Chúa, Chúa chúng ta, mới ban sự an ủi cho linh hồn mà không có nguyên do trước; vì quyền riêng của Đấng Tạo Hóa là đi vào, đi ra, làm phát sinh nơi nó một chuyển động lôi cuốn trọn vẹn linh hồn vào tình yêu mến Thiên Chúa chí tôn.

Tôi nói không có nguyên do [trước]²⁴, nghĩa là, không có bất cứ một tình cảm hay một hiểu biết nào trước đây về bất cứ một đối tượng nào, nhờ đó một sự an ủi như thế phát sinh qua trung gian những hoạt động của trí hiểu và ý chí, (chân phước Thomas đã chứng minh điều đó pa 2a q.9 art. 6o và q.10 art. 4o.)

[331]. Quy tắc III: có nguyên do thì thiên thần lành cũng như thiên thần dữ đều có thể an ủi linh hồn, nhưng nhằm mục đích trái ngược nhau: thiên thần lành nhằm mưu ích cho linh hồn, để nó lớn lên và tiến bước từ điều tốt đến tốt hơn, còn thiên thần dữ nhằm điều ngược lại, để rồi lôi cuốn linh hồn theo ý muốn và sự hiểm độc xấu xa của nó.

[332]. Quy tắc IV: đặc điểm của thiên thần dữ là giả dạng thành thiên thần ánh sáng đi vào theo cách thức của linh hồn

²⁴ Việc đọc kỹ bản văn cho thấy rằng cụm từ “không có nguyên do” đơn giản chỉ là cách viết rút gọn của cụm từ “không có nguyên do trước” Trước hết, phiên bản Vulgate và cả những bản văn của *Prima Versio* luôn nói về nguyên do trước. Thứ hai là, trong qui tắc II:2 của bản văn tự thuật – Autograph, nơi đây thánh I-nhã lần đầu tiên chuyển hướng, ngài viết, “Tôi nói, không có nguyên do,” (tôi nhấn mạnh) hiển nhiên nhắc đến cụm từ “không có nguyên do trước.” Rồi ngài thêm cụm từ để giải thích “không có nguyên do”: “không có bất kì sự hiểu biết *trước* nào hoặc hiểu biết về bất cứ một đối tượng nào như thế... (tôi viết in nghiêng).

Chương 2: Bản văn những quy tắc nhận định thân loại

sốt mẩn và đi ra theo cách của chính nó; nghĩa là nó bày ra những tư tưởng tốt lành thánh thiện hợp với linh hồn công chính, rồi lần lần gắng lôi kéo linh hồn ra theo những mưu mô ẩn kín và những ý định tội tệ của nó.

[333]. *Quy tắc V*: cần chú ý nhiều về diễn biến của tư tưởng. Nếu từ khởi đầu, ở giữa và cuối cùng đều tốt, hoàn toàn hướng về điều thiện, là dấu hiệu của thiên thần lành. Nhưng nếu diễn biến của tư tưởng đưa ta tới bất cứ điều nào xấu hoặc gây lo ra, hay không được tốt như điều trước đó linh hồn định làm, hoặc làm giảm sút, khiến ta lo lắng, làm cho linh hồn bối rối khi lấy mất sự bình an, sự tĩnh lặng và an tĩnh đã có từ trước, đó là dấu hiệu rõ ràng điều ấy bởi thần dữ, kẻ thù của sự tiến tới và phần rời đời đời của ta.

[334]. *Quy tắc VI*: Khi kẻ thù của bản tính loài người bị cảm thấy và nhận biết bởi cái đuôi rắn của nó và mục đích xấu xa nó muốn đưa tới, thì điều có ích cho người bị cảm dỗ là sau đó xem xét diễn biến về những tư tưởng tốt nó bày ra và khởi đầu của những tư tưởng ấy, và xem nó đã lần lần tìm cách khiến ta rời sự dịu ngọt và niềm vui thiêng liêng vốn có trước, cho đến chỗ đưa ta tới ý định tội tệ của nó như thế nào; để nhờ một kinh nghiệm đã được nhận biết và được ghi chép lại như thế, ta sẽ giữ mình cho khỏi những đối trá thường lệ của nó sau này.

[335]. *Quy tắc VII*: Đối với những người đang tiến từ điều tốt đến điều tốt hơn, thiên thần lành chạm vào linh hồn cách êm ái, nhẹ nhàng và dịu ngọt, như giọt nước đi vào miếng bọt biển; còn thiên thần dữ lại chạm vào cách chát chúa, cách ồn ào và cách náo động, như khi giọt nước rơi trên tảng đá. Và với những người đi từ điều xấu đến điều tệ hơn, thì chính các thần nói trên chạm vào theo cách thức ngược lại. Lý do là tùy theo tình trạng của linh hồn trái ngược hay hòa hợp với các

thiên thần nói trên, vì khi trái ngược, thì chúng đi vào cách chất chứa, dễ cảm thấy và nhận ra, còn khi hòa hợp thì chúng đi vào cách lặng lẽ như vào nhà của mình, cửa đã mở toang.

[336]. *Quy tắc VIII*: khi an ủi không có nguyên do, dù không có cạm bẫy nơi nó, vì như đã nói trên, đó là của một mình Thiên Chúa, Chúa chúng ta. Tuy nhiên người thuần thiêng được Chúa ban ơn an ủi như thế phải xem xét và nhận định, với sự tỉnh thức và cẩn trọng, chính thời gian được an ủi hiện tại với thời gian tiếp sau, khi linh hồn còn nóng nảy và sung sướng vì ơn huệ và sự dư hưởng của ơn an ủi vừa qua. Quả vậy, trong thời gian thứ hai này, do suy diễn riêng của mình dựa vào thói quen và vào những kết quả của những ý niệm và phán đoán, hoặc do thần lành hay thần dữ, ta hoạch ra những dự định và ý kiến khác nhau mà không phải do Thiên Chúa, Chúa chúng ta, trực tiếp ban cho, và vì thế, cần xem xét thật cẩn trọng trước khi hoàn toàn tin tưởng vào những điều ấy và đem ra thực hành.

Những Quan Điểm Thần Học

Trong phần chỉ dẫn đầu hay tiêu đề của của bộ nhận định thần loại thứ nhất, I-nhã nói rằng chúng sẽ giúp chúng ta cảm thấy và hiểu phần nào những chuyển động khác nhau nổi lên trong con người, để họ tiếp nhận những chuyển động tốt, loại bỏ những chuyển động xấu. Bởi vì phần tiêu đề chứa đựng một số những khái niệm căn bản, đồng thời khẳng định phạm vi và đích nhắm của bộ quy tắc, nên nó xứng đáng để chúng ta quan tâm nhiều đến. Tuy nhiên, để làm sáng tỏ phạm vi và đích nhắm của các quy tắc theo sau, điều cần thiết trước tiên là phải phác hoạ một khung sườn chung về cái nhìn thần học mà I-nhã đang đề cập tới, và làm sáng tỏ điều được gọi là “những chuyển động khác nhau”.

Chương 2: Bản văn những quy tắc nhận định thân loại

Bất cứ cái nhìn nào về cuộc sống con người mà không thấy được cuộc sống như là cuộc đối đầu giữa điều tốt và điều xấu, ánh sáng và bóng tối, tinh thần và xác thịt, Đức Ki-tô và Sa-tan, thì đều đánh mất đi cái nhìn của Kinh Thánh, điều mà I-nhã đang đề cập. Trên hết tất cả là sự đối đầu của Đức Ki-tô và Sa-tan, không như những hiện thân của quyền lực, nhưng như là những ngôi vị²⁵ đấu tranh cho vận mạng vĩnh viễn con người – chính trong cuộc đấu tranh này mà I-nhã thấy Kinh Thánh đạt đến sự mặc khải sâu thẳm nhất của nó về những điều đang diễn ra bên dưới tất cả mọi sự rối loạn và bình an, sự khốn khổ và hoan hỉ, của lịch sử nhân loại đang diễn ra trong các dân tộc và trong mọi cuộc sống cá nhân.

Giữa các ẩn dụ của Kinh Thánh về cuộc sống của Ki-tô hữu trong thời gian, chúng ta tìm thấy, ví dụ như, hạt giống được gieo vào lòng đất và lớn lên thành vụ mùa, một chuyến đi, một cuộc giao chiến quân sự. Tất cả chúng trình bày cuộc sống như là một vấn đề của đấu tranh và chết chóc để đạt tới sự sống và để trao ban sự sống. Ẩn dụ về cuộc giao chiến là một ẩn dụ thể hiện điều này rõ nhất. Nhưng những ẩn dụ khác được dùng trong Kinh Thánh để nói lên ý nghĩa tương tự. Hạt giống phải chết đi nếu nó muốn mang lại nhiều sự sống hơn; sự sinh trưởng của hạt giống thời kỳ đầu đã phải chiến đấu với cỏ dại và bụi gai; kẻ thù dựng nên cản trở, trong khi chủ vườn tốt hay người trông nho thì bảo vệ, tưới nước, và cắt tỉa. Ẩn dụ chuyến đi xa là một cuộc xuất hành từ sự nô lệ bị bao vây bởi đau khổ, nguy hiểm và quân thù là thế lực ta phải chiến đấu nhờ sức mạnh từ Chúa, Đấng luôn hiện diện bên ta.

²⁵ Xem bên dưới, pp. 34-38, và phụ lục I bên dưới, pp. 260-270; đồng thời xem, Raymond E. Brown, S.S., trong cuốn *Jerome Biblical Comentary*, 78:127 ở tr. 787.

Trong tất cả những ẩn dụ này, I-nhã nhận thấy rằng ẩn dụ về cuộc chiến là thích hợp nhất. Cũng chính nhờ ẩn dụ này, I-nhã có thể lý chứng được cuộc chiến của những thế lực đối nghịch thêm rõ ràng, bài bản, và hơn hết là có tính cá nhân hơn. Ẩn dụ này làm nổi bật vai trò của suy luận cá nhân, quyết định và trách nhiệm tự do, cùng với Đức Ki-tô chống lại thế lực của bóng tối. Nó làm nổi bật sự thiết yếu của lòng trung thành, sự can đảm, nghị lực, sự sốt sắng và sự quảng đại trong việc thực hiện bất cứ hiến tế nào đáp trả lời gọi của Đức Ki-tô, làm nổi bật sự cần thiết của lòng trung thành trong những lúc tối tăm và thất bại hoàn toàn, với sự tín thác hoàn toàn rằng Thiên Chúa luôn ở với ta. I-nhã nhận thấy ẩn dụ này thích hợp hơn để nhấn mạnh lý tưởng của ngài về việc phục vụ trọn vẹn, với mục đích không chỉ đạt được ơn cứu độ cho bản thân, mà còn cùng với Đức Ki-tô và nhờ sức mạnh của Ngài để chinh phục “kẻ thù của nhân loại” và đưa mọi người đến hạnh phúc trong Thiên Chúa.

Cuộc chiến đấu có tính cá vị và phổ quát. Ngay chính bên trong của mỗi con người có sự phân chia (Rm 7; Gl 5,16-17,26) và cuộc đấu tranh bên trong này là một phần của cuộc đấu tranh lớn hơn giữa hai thế lực thần linh: Đức Ki-tô và Sa-tan (Mc 1,12-14; 3,22-27; Mt 12,24-28), mỗi bên đều nắm giữ một phần trong con người và mỗi bên đều có thể gây ảnh hưởng nơi con người. Cái nhìn về cuộc sống nhân loại này được diễn tả cách biểu tượng trong suy niệm của thánh Inhã trong bài Hai Cờ Hiệu (Lt 136-148) và vận hành qua những quy tắc nhận định thần loại (Lt 313-336). I-nhã thấy rằng Thiên Chúa có một tình yêu vô biên dành cho mỗi chúng ta, một cách cá vị cho tôi, tạo thành vũ trụ như là quà tặng cho tôi, hiện diện trong các thụ tạo – cái mà Ngài ban như là quà tặng, và ngang qua chúng, Ngài phục vụ tôi, mong muốn tặng ban chính Ngài cho tôi nhiều bao nhiêu tùy ở mức tôi có thể lãnh nhận

Chương 2: Bản văn những quy tắc nhận định thần loại

được Ngài (Lt 232-237), trở nên người phạm trong Đức Giê-su cho tôi, làm việc, đau khổ, tử nạn, phục sinh, tất cả đều cho tôi một cách cá vị (Lt 116). Nhờ quyền năng vĩnh cửu và vô cùng khôn ngoan, Thiên Chúa có thể đi vào và tác động lên trí óc và trái tim của con người theo ý Ngài muốn (Lt 330). Vì tình yêu, Ngài đối xử với con người cách thân mật và ngay chính để tác động lên cuộc sống của họ mà vẫn tôn trọng tự do của họ, và kêu gọi họ đáp trả lại cách nhưng không với tình yêu quảng đại (Lt 515). Bất cứ điều gì làm giảm sự gắn bó mật thiết của Thiên Chúa với mỗi con người thụ tạo, thì đều làm cho (renders) sách Linh Thao nói chung và những quy tắc này nói riêng trở nên khó hiểu.

I-nhã không mong muốn chúng ta trở thành những *người theo phái thần khải* (illuminati), là người nghĩ rằng họ nhận lấy hằng ngày sự mặc khải thần linh trực tiếp theo một phương cách siêu nhiên (supernatural mode). Tuy nhiên, ngài không cho rằng cách thức để tránh chủ nghĩa thần khải là phủ nhận những điều mà ngài đã chắc chắn là Kinh Thánh, tức những kinh nghiệm về những người khác, và những kinh nghiệm của bản thân đã dạy ngài rằng Thiên Chúa, vượt qua hành động của Ngài như là Đấng tạo thành và duy trì toàn thể vũ trụ, thực sự đi vào mối quan hệ trực tiếp cá vị với chúng ta (Lt 15). I-nhã cũng tin rằng, trong cách đối xử của Chúa với chúng ta, đôi lúc Thiên Chúa hành động thông qua các thiên thần của Ngài. Tuy nhiên, đây không phải là điều quan trọng chính yếu. Bất cứ việc gì thiên thần của Ngài thực hiện chính là việc Thiên Chúa thực hiện thông qua các thiên thần; cho nên, điều đó không tạo ra một sự khác biệt lớn đối với những mục đích thực tiễn, ngoại trừ một trường hợp (sẽ được khai triển trong chương 11).

I-nhã cho thấy ngài không do dự trong việc chấp nhận trọn vẹn sự thật cốt lõi của đức tin Ki-tô giáo và tất cả những hệ quả của nó – không giống hầu hết mọi người chúng ta, nếu không phải là trong lý thuyết thì ít nhất cũng trong thực hành, do dự trong việc chấp nhận toàn bộ sự thật làm kinh ngạc (astounding) này. Nếu Thiên Chúa quá yêu chúng ta đến nỗi ban cho chúng ta Người Con yêu dấu của Ngài, Đức Giê-su Ki-tô, trở thành một người với chúng ta bằng xương bằng thịt; trở thành hy lễ cho tội lỗi chúng ta; trao ban cho chúng ta tất cả những gì Chúa Cha đã ban cho Ngài, sự sống của Ngài, chân lý của Ngài, tình yêu của Ngài, niềm vui của Ngài, vinh quang của Ngài; trao ban mình Ngài làm của ăn cho chúng ta, máu Ngài làm của uống; trao ban cho chúng ta Thánh Thần, Đấng làm cho chúng ta trở nên con cái Thiên Chúa trong Đức Ki-tô, để Người luôn sống trong chúng ta, làm cho chúng ta sáng tỏ về Chúa Giê-su và những lời dạy của Người, tuôn đổ cho chúng ta tình yêu của Thiên Chúa (God's agape), che chở và ấp ủ cuộc sống của Đức Ki-tô trong chúng ta – nếu Thiên Chúa quá yêu chúng ta đến nỗi đã làm tất cả những điều này, thì sẽ không có khó khăn gì để tin rằng Thiên Chúa mãi luôn chăm sóc từng người con của Ngài, gọi tên từng người, nói với họ, lắng nghe họ, đôi khi dùng những cách thức đặc biệt, nhưng thường thì thông qua những chuyển động bình thường của tinh thần và con tim của họ, và ban cho họ năng lực để khám phá ra thời điểm Ngài nói và những điều Ngài nói. Giả định điều mà người Ki-tô hữu được mời gọi để tin vào mối tương quan của chính mình với Thiên Chúa, phải chăng ta lại không thấy ngạc nhiên về cách chúng ta nghĩ rằng Thiên Chúa không nói cũng chẳng hành động trong cuộc sống của chúng ta, ngay cả rõ ràng hơn I-nhã, mà theo truyền thông Ki-tô giáo chân thật, thì Thiên Chúa đã chẳng mặc khải là Ngài có hành động và nói với ta trong cuộc sống sao?

Chương 2: Bản văn những quy tắc nhận định thần loại

I-nhã cũng nhìn thấy một thế lực riêng của sự dữ, đang cố gắng chống đối Thiên Chúa để làm cho những ai đã quay về với Thiên Chúa đánh mất tình yêu và lia bỏ Thiên Chúa, hoặc ít nhất để từ bỏ sự phấn đấu hướng về một cuộc sống hoàn toàn mở ra với Thánh Thần. Nói cách khác, ngài thấy một thế lực phản thiêng liêng (anti-spiritual) tác động từ ngoài vào con người, nhưng có thể bằng cách này hay cách khác để xúi giục những chuyển động, những suy nghĩ và những xúc cảm bên trong, sắp đặt để cản trở công việc của Thánh Thần. Không bao giờ I-nhã, ít nhất là trong sách Linh Thao (ngoại trừ một hay hai đoạn trích dẫn trong Tân Ước), đề cập tới thế lực nghịch thiêng liêng này như là Sa-tan hay quỷ thần hay ác thần. Trong một bài linh thao I-nhã nói về “Lu-ci-fer, kẻ thù chết người của bản tính loài người” (Lt 136-138). Vài lần ngài dùng từ “thần dữ” (evil spirit) hay “thiên thần dữ” (evil angel) khi đối chiếu những thần được tạo thành này với “thần lành” hay “thiên thần lành” (Lt 315-318).²⁶ Tên gọi thường được

²⁶ Brian O’Leary, S.J., cho chúng ta một nghiên cứu có giá trị về nhận định thần loại khi được bàn tới do một người cùng thời thánh I-nhã, một môn sinh và người bạn của ngài, trong phần “Nhận Định Thần Loại trong cuốn Hồi Ký của Chân Phước Phêrô Favre, *“The Way, Supplement 35 (Ma xun, 1979)*. Trong số những đóng góp thú vị khác, O’Leary trình bày một bản phác thảo súc tích về niềm tin của Favre liên quan thần dữ và thần lành trước hệ tư tưởng ở châu Âu vào thế kỷ 16 về đề tài này (chương 7-8). Ngài chỉ dẫn và đưa ra cả một thư mục nhằm trợ giúp cho việc nghiên cứu một truyền thống, một truyền thống đưa ta đến thời của Favre và thánh I-nhã, truyền thống này căn bản là chính thống nhưng hoàn toàn không rơi vào thế cường điệu thậm chí không lối bịch chút nào (tr.74). Rồi những dạng tư tưởng mà bắt nguồn từ truyền thống này đã ảnh hưởng đến Favre và hiện nay làm cho chúng ta hơi khó chịu khi chúng ta đọc về ngài (tr.79). Chắc hẳn, thật quan trọng cho bất cứ ai đang đọc những bản văn của thánh I-nh về nhận định thần loại mà nhớ đến bối cảnh của

dùng trong những bài viết của ngài đơn giản là “kẻ thù” (Lt 8, 12, 217, 274, 314, 320, và những số khác) ; đôi lúc, nhưng không thường xuyên, ngài dùng từ khác như là: “kẻ thù của bản tính nhân loại” (Lt 7, 10, 135, 325, và những số khác), “lãnh tụ của hết mọi kẻ thù địch” (Lt 140), và đó là “vô số ma quỷ” (Lt 141). Từ “kẻ thù” dường như là cách dịch rất tốt của từ “Sa-tan” như được dùng trong Tân Ước.

Sự tác động của loại kẻ thù này vào tâm trí và tâm hồn của chúng ta, điều mà những qui tắc của I- nhã đề cập đến, thực sự không phải là sự chiếm giữ hay sự ám ảnh của ma quỷ, hay bất cứ kinh nghiệm gây xúc động mạnh nào. Hơn nữa, chính những kinh nghiệm mà chúng ta có được từng ngày, thỉnh thoảng mãnh liệt, thường thì trong một cách yên tĩnh hơn, nhưng luôn nguy hiểm cho đời sống thiêng liêng, nếu chúng ta không nhận ra những gì đang xảy ra, hiểu biết nó, và biết cách chống lại nó để duy trì tâm hồn của chúng ta luôn mở ra với Chúa Thánh Thần suốt những ngày tăm tối cũng như những ngày sáng sủa. Đôi khi, I-nhã sử dụng những hình ảnh gây xúc động mạnh khi nói về sự chiến đấu thầm kín bên trong này chống lại những thế lực của kẻ dữ - và với lý do, vì đó chính là cuộc chiến mang lại ý nghĩa cho cuộc sống. Nhưng thường thì chúng ta không nghiệm được nó theo một cách thức mạnh mẽ (dramatic). Những mô tả về những kinh nghiệm và những hướng dẫn này được trình bày trong sách Linh Thao và trong những lá thư của I-nhã là những lời nói thâm sâu, hài hòa và bình an của một con người mà qua kinh nghiệm chiến đấu và đau thương, có được cách thức riêng để đạt được một tâm trí yên tĩnh và chắc chắn tràn đầy niềm vui, bình an và ánh sáng của Chúa Thánh Thần.

Chương 2: Bản văn những quy tắc nhận định thần loại

Việc chúng ta trở nên mê tín, căng thẳng, hay là bị ám ảnh bởi nỗi sợ hãi ma quỷ là điều rất đối nghịch với tất cả những gì I-nhã muốn hướng dẫn chúng ta. Tuy nhiên, ngài không nghĩ rằng cách để tránh sự lầm lạc như thế là phủ nhận hay phớt lờ thực tại của các thần dữ, hơn nữa ngài không nghĩ rằng cách để nên những người khỏe mạnh là phải phủ nhận thực tại của những vi trùng hay vi rút nguy hiểm. Bất cứ ai đi theo lời dạy của I -nhã sẽ học nơi ngài cách đối diện với thần dữ bằng nghị lực và sự cảnh giác, nhưng cũng bằng sự can đảm, yên tĩnh, óc hài hước (sense of humor), đụng chạm thậm chí với sự khinh thường của ngài. Vì trong phân tích tối hậu, mặc dầu thông minh và mạnh mẽ, ngài vẫn là một người vô dụng, lấy sự yếu đuối của mình để chống lại quyền năng và sự khôn ngoan vô cùng thiện hảo mà quyền năng và sự khôn ngoan này sử dụng ngay cả sự yếu đuối thuộc về ma quỷ hay con người, vì mục đích tốt lành của những ai yêu và tín thác vào Thiên Chúa và thực hiện điều tốt nhất có thể được để Thiên Chúa làm chủ tâm hồn họ (Rm 8:28).

Sa-tan và Sự Nhận Định: Hai Vấn Đề

Không ai có một niềm tin đúng mực vào một quyền lực tinh thần hiểm ác và một thái độ lành mạnh đầy cảm xúc về mình mà lại có những vấn đề với lời dạy của I-nhã về Sa-tan. Tuy nhiên, cần phải xem xét các lối giải thích thiếu chắc chắn của một số nhà chú giải Kinh Thánh và thần học liên quan đến các thiên thần, tốt hay xấu, những thần gây ảnh hưởng đến đời sống con người. Không biết những nhà chú giải và những thần học gia kiểu này nhiều hay ít, nhưng mà đối với những người ít lên tiếng, thì thật khó biết. Tuy nhiên, có một điều chắc chắn. Chúng ta khó có thể tìm thấy một bài viết mang tính thần học nghiêm túc trả lời cho câu hỏi liệu những thần này có tồn tại và là một đối tượng của đức tin Ki-tô Giáo

không.²⁷ Trong bất cứ trường hợp nào, cũng cần phải lưu tâm đặc biệt đến hệ quả do sự không chắc chắn này gây ra đối với nhiều người không được đào tạo về thần học và Kinh Thánh hay không có thời gian để nghiên cứu và suy tư về câu hỏi này. Những ai quan tâm đến tình trạng hiện thời của quan điểm thần học về các thiên thần, lành và dữ, sẽ tìm thấy một cuộc bàn luận vắn tắt về nó trong Phụ lục I bên dưới.

Những điều liên quan trực tiếp hơn đến chúng ta là những vấn đề *thực tiễn* hay những câu hỏi nảy sinh trong hoàn cảnh này. Có hai câu hỏi đụng chạm đến những gì chúng ta đang thực hiện. Câu hỏi thứ nhất: khi nhận định, liệu có cần phải đưa những thần được tạo dựng (tốt hay xấu) vào suy xét hay là bỏ chúng qua một bên? Câu hỏi thứ hai là: một nhà chú giải về quy tắc của I-nhã nên giải quyết như thế nào với những điều ngài nói về những thần này?

Liên quan đến câu hỏi thứ nhất, chúng ta nên nhớ rằng việc loại các thần tốt và xấu ra khỏi việc phân định thần loại không nhất thiết ám chỉ đến sự từ chối về sự tồn tại của chúng hay về ảnh hưởng của chúng trên đời sống con người. Một ai đó có thể quyết định loại bỏ chúng ra khỏi sự suy xét của mình vì không chắc chắn. Hay một người nào đó có thể tin một cách chắc chắn vào sự hiện hữu và ảnh hưởng của chúng và tin nhận giá trị của việc nhận biết sự ảnh hưởng của chúng nếu chúng ta có thể, nhưng điều ấy còn quá nghi ngờ để có thể khám phá khi nào và bằng cách nào chúng gây ra ảnh hưởng và đường như vô ích để cố gắng. Hay một người khác nữa có thể nghĩ rằng trong bất cứ trường hợp nào thì vấn đề này, vấn đề liên quan đến sự hiện hữu và ảnh hưởng của những thần lành và những thần dữ, không đáng để bận tâm; vì, người đó

²⁷ Xem Phụ Lục I bên dưới, pp. 487-Error: Reference source not found.

Chương 2: Bản văn những quy tắc nhận định thần loại

có thể nghĩ, bất cứ cái gì mà giải pháp đạt tới, nó sẽ rất ít hoặc không có giá trị cho mục đích thực tiễn cuối cùng của việc phân định thần loại. Mục đích cuối cùng là chính chúng ta phải mở ra để được hướng dẫn, lãnh đạo và được chỉ bảo bởi Chúa Thánh Thần và loại đi những ảnh hưởng trái ngược với Ngài, cho dù nguồn gốc của sự ảnh hưởng đó là gì đi chăng nữa. Để thực hiện được điều này, dường như cũng đủ để nhận ra: (1) những dấu chỉ của Chúa Thánh Thần thúc đẩy chúng ta, dù có hay không có sự hoạt động trung gian của một thiên thần lành; (2) những dấu chỉ của bất cứ thế lực nào đối nghịch với Thần Khí, không cần phân định liệu thế lực này có bao gồm những thúc đẩy của thần dữ hay không; và (3) sự thúc đẩy tốt lành tự nhiên của chính tâm hồn chúng ta giống như tất cả những thúc đẩy nào khác trong hoàn vũ, thì đều dưới sự quan phòng của Thiên Chúa, nhưng không có nghĩa là chúng đều là những thúc đẩy của Thánh Thần. Đối với một số người, họ tin rằng một cảm dỗ hay sầu khổ thiêng liêng liêng được tác động bởi một thần dữ với mục đích để kêu gọi sự chống cự mãnh liệt hơn (không có nỗi sợ yếu nhược), nhiệt tình hơn để chiến thắng những chuyển động đó. Nhưng điều đó không có ý muốn nói rằng niềm tin như thế là cần thiết để đáp ứng tốt và để sử dụng các quy tắc của I-nhã như là những chỉ dẫn trong khi làm như vậy. Đối với những người khác, đó có thể là sự đối diện với tội lỗi bên trong chính con người họ, được trợ giúp bởi việc bỏ qua một bên những ảnh hưởng có thể có của một thần dữ. Hay đối với một số người khác nữa, bởi vì ở trong trạng thái cảm xúc nào đó, sự chú ý của họ vào ảnh hưởng của những thần dữ, sẽ có những kết quả không không lành mạnh. v.v.

Vì thế, câu trả lời cho câu hỏi thứ nhất sẽ là: quyết định tốt hơn sẽ khác cho những người khác nhau; và mỗi người, với bất cứ cái gì mà lời khuyên cần và có giá trị, phải có quyết

định riêng của chính mình. Những ai ước muốn loại bỏ Sa-tan và ác quỷ ra khỏi hình dung của mình khi phân định thần loại có thể đọc những chú thích của I-nhã về những vấn đề này như là những điển hình của quyền lực sự ác trong chính mình và trong thế giới. Chính vì rõ ràng, đây là một quyết định thực tiễn mà không có cách nào quyết định vấn đề mang tính thần học về thực tại của cái được đặt ra ngoài sự suy xét.

Tuy nhiên, có một cách nỗ lực để trả lời câu hỏi thứ nhất, câu hỏi mà chắc hẳn là không được phép nếu quan điểm của chính I-nhã trong hình thức nguyên thủy của mình được trình bày, không có bất cứ sự thay đổi nào để phù hợp với những quan điểm thần học của người nay hay người khác. Cách thức mà tôi đang đề cập chính là cách để xác định những thứ mà I-nhã gọi là những thần lành và thần dữ với những gì ngài viết về chúng như những chuyển động tốt và xấu bên trong. Một số tác giả gần đây đã xác định rõ điều này trong những phần trình bày của họ về quan điểm của I-nhã về nhận định thần loại. Họ làm điều này dường như là vì họ cảm thấy không thoải mái với niềm tin vào các thiên thần và ma quỷ như là những hữu thể cá vị thực sự hoặc vì họ hy vọng bằng cách này để giữ cho những quy tắc về nhận định thần loại của I-nhã được chấp nhận đối với những ai hoài nghi về những hữu thể đó. Thật không may, họ đã quên để thông báo cho độc giả của họ biết về những gì họ đang thực hiện và tại sao họ thực hiện điều đó. Kết quả là họ đã nhấn mạnh rằng họ đang trình bày chính suy nghĩ của I-nhã và không phải là thích nghi nó. Không nghi ngờ gì, một sự nhấn mạnh như thế là một điều không đúng, thậm chí nằm ngoài định ý. Luôn luôn trong suy nghĩ của I-nhã, những thần lành và những thần dữ là những hữu thể thiêng liêng cá vị, là những tác nhân gây ra những chuyển động tốt và xấu bên trong chúng ta; những chuyển động này trong chúng ta là những dấu chỉ mà theo quan điểm

Chương 2: Bản văn những quy tắc nhận định thần loại

của I-nhã thì chúng ta có thể khám phá ra xem thần lành hay thần dữ đang lay động chúng ta.

Câu hỏi thực tiễn thứ hai nói trên là thế này: Với tình trạng suy tư hiện tại về những thần lành và thần dữ và những câu trả lời đa dạng đối với câu hỏi đầu tiên, đâu là cách tốt nhất để tiến hành việc chú giải lời dạy của I-nhã về phân định thần loại? I-nhã cùng với phần lớn các Ki-tô hữu lúc đó và ngay cả bây giờ, một cách rõ ràng tin những thần này như là những hữu thể cá vị (personal being) và tin vào hoạt động của chúng trên chúng ta. Nếu tác giả đưa ra lập trường trung lập về vấn đề hiện hữu của những thần lành, thần dữ và về sự ảnh hưởng của chúng trên chúng ta; thì liệu điều đó có tốt hơn trong một đề nghị thực tế như thế này về lời dạy của I-nhã cho những độc giả đương thời hay không? Và nếu tác giả làm mất tác dụng (neutralize) bản văn của I-nhã bằng cách tách niềm tin của mình ra khỏi bản văn trong khi nghiên cứu thì sao? Niềm tin của tác giả đã được thêu dệt vào từng sợi tơ của bài viết về việc nhận định một cách quá ư là hoàn hảo đến mức nó làm mất đi tính mạch lạc của bài viết qua các bước khai triển và lại trở nên quá mệt mỏi cho người đọc, tất nhiên cho cả người viết. Nếu tôi không nỗ lực để gắn bó gần gũi bao nhiêu có thể với chính suy nghĩ của I-nhã như được tìm thấy trong những bài viết của ngài, mà không có sự quy chiếu liên tục về bản văn của Thánh I-nhã, chỉ trình bày vài nguyên tắc của I-nhã thôi, thì điều đó có thể được thực hiện mà không có những vấn đề nghiêm trọng. Tuy nhiên, kết quả sẽ là một quyển sách khác, chứ không phải quyển hiện thời, mà theo nhận định của tôi, thì vẫn đang còn giúp ích. Hơn nữa, tôi sẽ theo quan điểm của chính Thánh I-nhã, và với những khái niệm và sự diễn đạt của ngài, để trình bày một sự giải thích trung thành hơn về bản văn của ngài. Người đọc nào mà cảm thấy sự đối xử của I-nhã đối với Sa-tan và ma quỷ không phù

hợp thì có thể, không có sự phức tạp gây đau đớn nào, sẵn sàng hiểu chúng như những hiện thân của quyền lực sự ác trong bản thân và trong thế giới này; đồng thời với cách chú giải này, những quy tắc của I-nhã vẫn mãi khôn ngoan, vững chắc và hữu dụng. Tôi sẽ nói rất ít trong bất cứ trường hợp nào về những thiên thần lành; và tôi nghĩ, những điều được nói sẽ không có vấn đề gì cho người đọc, và dù cho quyết định của độc giả về câu hỏi thứ nhất cũng như câu hỏi mang tính thần học như thế nào đi chăng nữa.

Những “Chuyển Động Khác Nhau”

Trong viễn cảnh trước đây đã đề cập về sự đấu tranh giữa quyền lực của sự sáng và quyền lực bóng tối, bây giờ chúng ta có thể hiểu những gì mà I-nhã đề cập về những chuyển động tốt và xấu được tạo ra trong chúng ta và hiểu được những gì mà phạm vi và mục đích của những quy tắc này nói đến. Vì tất cả các quy tắc đều nói về những chuyển động này, cho nên bất cứ sự che đậy hay thiếu chính xác nào về những chuyển động này sẽ làm lu mờ hay sai lệch cho sự hiểu biết của chúng ta về phạm vi và mục đích của những quy tắc này.

Những gì mà I-nhã đề cập bằng cách nói đến những chuyển động trong linh hồn là tình trạng biến động của suy nghĩ (chẳng hạn sự phán đoán về Thiên Chúa, bản thân, thế giới, những kế hoạch, lối lý luận, liên tưởng hay tưởng tượng), và những hành vi của cảm xúc (như yêu, ghét, khát khao, hay sợ hãi), và những cảm nhận xúc cảm (như bình an, ấm áp, lạnh lẽo, ngọt ngào, cay đắng, sôi nổi hay chán nản). Trong số các chuyển động này, I-nhã coi trọng một số chuyển động đối với bất cứ ai đang nỗ lực để chính mình mở ra với Chúa Thánh Thần và loại bỏ những ảnh hưởng của thần dữ. Đây chính là những thúc đẩy, mà trong mọi trường hợp, có khuynh hướng xây đắp hay làm hư hoại đời sống Ki-tô (Christ

Chương 2: Bản văn những quy tắc nhận định thần loại

life) trong chúng ta. Sức thôi thúc không thay đổi của chúng đang có một xu hướng gây ra ảnh hưởng có lợi hay có hại trên đức tin, cậy, mến, việc cầu nguyện, các mối tương quan cá nhân, công việc tông đồ, những quyết định có tính định hướng cho đời sống chúng ta với tư cách là những Ki-tô hữu, và những điều tương tự khác.

Ta không thể nghĩ rằng chúng ta không có những khuynh hướng tự nhiên hay do tích lũy mà có được để đi đến những sự thúc đẩy về phía những hành động tốt, và rằng không có sự thúc đẩy trực tiếp của Chúa Thánh Thần, chúng ta sẽ không có khuynh hướng để làm điều gì là tốt đẹp về mặt con người. Cũng không nên nghĩ rằng không có sự thúc đẩy của thần dữ, thì chúng ta không có những khuynh hướng tội lỗi đủ để có thể đưa ta đến việc phạm tội, một cách độc lập với ảnh hưởng của thần dữ. Chúng ta thật sự có những khuynh hướng như vậy và chúng chỗi dậy từ bản tính sa ngã và những thói quen đã được tích lũy, hay từ sự yếu kém về trí khôn của chúng ta: sự ngu dốt, không có khả năng để nhận thức thực tại, để hiểu, để suy nghĩ một cách có hợp lý. Hơn nữa, bất cứ khi nào chúng ta bị tác động bởi một thần lành hay thần dữ, chính chúng ta là những người hành động dưới ảnh hưởng này. Vì thế, những chuyển động mà I-nhã nói đến nên được hiểu chẳng phải được tạo ra trong một người hoàn toàn thụ động, cũng không phải luôn luôn chỗi dậy cách tự phát hoàn toàn và không có bất cứ tác nhân thiêng liêng liêng liêng nào lợi dụng những khuynh hướng của con người phù hợp với những ý định tốt hay xấu của chúng. Không thể và không cần thiết trong mỗi trường hợp phải biết có bao nhiêu trong số những kinh nghiệm mà chúng ta có đều là do bởi những khuynh hướng tốt, xấu, hay trung lập của chính chúng ta, và bao nhiêu thì do bởi tác động của Thiên Chúa hay một thần lành hay một thần dữ hay thế gian. Nhưng có một số

kinh nghiệm mà I-nhã nghĩ rằng có thể được biết đến như được Thiên Chúa thúc đẩy, và những kinh nghiệm khác là bởi thần dữ tác động, hay tự xuất hiện cách tự phát từ chính tội lỗi của chúng ta.

Về điểm này ta có thể nhận thấy, thật cần thiết để nhấn mạnh một điều nào đó đã nói trên, đó là những chuyển động này, chính chúng, có xu hướng gây ra những hệ quả tốt hay xấu lên đời sống đức tin của chúng ta. Điều đó có nghĩa là: chúng là như thế, nếu chúng được chấp nhận và được cho phép để hoạt động hay được cộng tác, thì chúng ắt sẽ có những hệ quả như thế; nhưng chính chúng không nhất thiết phải có một ảnh hưởng có tính xây dựng hay phá hoại thực sự. Những chuyển động nào đưa đến một hệ quả có tính phá hoại có thể bị kháng cự và trở thành cơ hội cho sự phát triển về đời sống thiêng liêng thực sự. Còn những hệ quả nào đưa tới một hệ quả có tính xây dựng thì có thể bị loại bỏ, chống cự hay thậm chí bị đào thải và vì vậy trở thành cơ hội cho tội lỗi và sự suy giảm của đời sống Ki-tô hữu. Những chuyển động này gây ra những hậu quả nào, điều đó còn phụ thuộc vào cách hành xử của chúng ta đối với các chuyển động ấy. Không một ai đã trải qua kinh nghiệm của các chuyển động mà đáng để được ngợi khen hay bị kết án chỉ vì đã có một hay một số những kinh nghiệm ấy. I-nhã đã viết một chỗ khác khi đề cập đến những thúc đẩy này “Tôi sẽ không được cứu vì những công việc tốt của những thiên thần lành,”- nghĩa là, vì những thúc đẩy tốt mà các ngài tác động nơi tôi – “và tôi sẽ không bị kết án vì những suy nghĩ xấu và sự yếu đuối mà những thiên thần xấu, xác thịt, và thế gian bày ra trước tâm trí tôi”.²⁸

²⁸ Lá thư ngày 11 tháng 9 năm 1536 gửi đến Sor Teresa Rejadell, trong tập thư *LettersIgn*, tr. 25.

Chương 2: Bản văn những quy tắc nhận định thần loại

Bối Cảnh của Những Quy Tắc Đây trong Linh Thao.

Hiểu được những gì I-nhã nói về “những chuyển động”, và xem xét chúng trong viễn cảnh của sự đối nghịch giữa những quyền lực ánh sáng và bóng tối, chúng ta có thể nắm bắt được mục đích của những quy tắc về việc nhận định thần loại này đúng như chính thánh nhân diễn đạt nó. Nếu chúng ta muốn hiểu mục đích đó rõ ràng bao nhiêu có thể, chúng ta phải lưu tâm đến sự thật là những quy tắc này không phải là công trình riêng của Thánh I-nhã mà đúng một cách riêng rẽ. Chúng xuất hiện ở trong Linh Thao. Ta chỉ có thể hiểu được hết mục đích và ý nghĩa của những quy tắc ấy khi ta đặt chúng trong phạm vi của tài liệu Linh Thao. Nói điều này không có nghĩa là chúng không có giá trị ngoài thời gian làm Linh thao. Ngoài giá trị chính của chúng, giống như tất cả những giá trị nào khác khi một người làm Linh Thao giành được, thì những quy tắc này còn giúp ta sống một cuộc sống là người Ki-tô hữu sau khi Linh Thao đã hoàn tất. Vị trí của chúng ở trong Linh Thao không có nghĩa là bất cứ ai muốn hiểu và sử dụng chúng phải làm Linh Thao và sau đó nghiên cứu sách này (nghiên cứu sách mà không làm Linh Thao là giá trị đáng nghi vấn; không ai có thể hiểu thật sự quyển sách này mà không có những kinh nghiệm nhờ quyển sách này chỉ dẫn). Tuy nhiên, vì những quy tắc này được viết như là một phần nội tại của sách Linh Thao, cho nên ánh sáng cho việc giải thích những quy tắc ấy sẽ được tìm thấy trong sách Linh Thao.

Trước khi chúng ta xem xét mục đích chính của những quy tắc, thì điều rất hữu ích là đặt chúng vào trong những mục tiêu hay mục đích của toàn bộ Linh Thao - cả sách và những bài tập mà nó trình bày. Mục đích toàn bộ là loại bỏ những chướng ngại trong chúng ta sau đó đạt được sự diễn tả

chắc chắn của tình yêu dành cho Thiên Chúa, và luôn chân thành tìm kiếm và thi hành ý Chúa (LT 1), và cho phép chúng ta phát triển lý tưởng của tâm hồn trong sạch để cảm nghiệm sự mạc khải của Thiên Chúa về chính Ngài trong mọi sự, và để sống đời sống trong Chúa Ki-tô, hoàn toàn dâng hiến để tán dương, ngợi khen và phục vụ Chúa, hay nói cách khác, để luôn thi hành những gì làm tôn vinh Thiên Chúa hơn (LT 23). Cách thức để đạt đến sự thanh khiết trong tâm hồn chính yếu là chiêm niệm về tình yêu Thiên Chúa đã mạc khải ngang qua Chúa Giê-su được nói đến trong Tin Mừng – chiêm niệm theo cách thức như vậy là để cảm nghiệm tình yêu của chính Ngài “dành cho tôi” và nhờ đó mà đi vào trong vào trong mối tương quan cá vị thân mật với Ngài, mặc lấy tâm trí và trái tim Ngài.

Đạt đến một tâm hồn như thế là công việc của Thiên Chúa trong chúng ta, không thể có được chỉ với nỗ lực của chính chúng ta, nhưng không phải chỉ do Thiên Chúa tác động mà không có sự tự do đáp trả và nỗ lực của chúng ta. Vì thế, đó chính là điều hết sức quan trọng để nhận ra khi nào Thiên Chúa đang hoạt động trong ý thức của chúng ta, và biết được khi nào không phải Thiên Chúa mà là chính chúng ta, hoặc sự thúc đẩy của thế gian, hay của Sa-tan. Chỉ như thế, qua tự do chọn lựa của chúng ta, chúng ta có thể mở ra với tác động của Thiên Chúa, và loại bỏ mọi hoạt động đối nghịch.

Ba Mục Đích (threefold purpose) Của Bộ Quy Tắc: để Nhận Biết, để Hiểu, để Đón Nhận Hay Loại Bỏ. (notice, understand, accept or reject)

Theo đó, khi viết những quy tắc về nhận định thần loại, I-nhã khẳng định là để “giúp con người cảm thấy và nhận biết phần nào những thúc đẩy khác nhau trong linh hồn, những cái tốt để đón nhận và những cái xấu để loại bỏ.” Nếu chúng

Chương 2: Bản văn những quy tắc nhận định thân loại

ta lý giải điều này, chúng ta có thể nhận ra ba mục đích trong một chuỗi thứ tự: (1) giúp chúng ta nhận ra phần nào (get in touch) - có nghĩa là, nhận biết một cách sáng suốt và có suy xét kỹ - những thúc đẩy thiêng liêng đáng quan tâm giữa tất cả những thúc đẩy trong toàn bộ những thúc đẩy đang vận hành trong ý thức của chúng ta; (2) giúp chúng ta có “sự hiểu biết” thực tiễn (understand) về những thúc đẩy được nhận ra này; và (3) giúp chúng ta được khôn ngoan để đón nhận hay loại bỏ (receive or expel) mọi thúc đẩy thiêng liêng đáng chú ý này. Mục đích thứ nhất vì lợi ích của mục đích thứ hai và khiến cho mục đích thứ hai được thực hiện. Đến lượt mình, mục đích thứ hai là vì lợi ích của mục đích thứ ba và khiến cho mục đích thứ ba được thực hiện. Hai mục đích đầu kết chặt với nhau đến mức chúng có thể được xem như là một mục đích liên kết. Vì mục đích thứ nhất có ý nghĩa nhờ mối quan hệ với mục đích thứ hai và mục đích thứ hai có ý nghĩa bởi sự liên hệ đến mục đích thứ ba, mục đích sau nên được đặt trước trong thứ tự giải thích. Sau đó, chúng ta sẽ giải thích ngược lại từ mục đích thứ ba đến mục đích thứ nhất và mục đích thứ hai.

I-nhã giả định rằng những ai nghiên cứu những quy tắc này sẽ thực sự mong muốn mục đích thứ ba và cũng là mục đích tối hậu; họ muốn mở rộng chính mình trước những tác động đến từ Thiên Chúa và cho phép những tác động ấy ảnh hưởng trên cuộc sống họ theo bất cứ cách thức nào mà Thiên Chúa muốn ban cho họ; họ sẽ đáp trả bằng quyết định và hành động khi mục đích này mời gọi họ. Mặt khác, ngài cũng cho rằng những người như thế sẽ sẵn sàng kháng cự lại những tác động của Sa-tan và xua đuổi chúng ra khỏi họ.

Để loại bỏ hay đón nhận những thúc đẩy này một cách sáng suốt, trước tiên chúng ta phải hiểu biết chúng - mục đích

thứ hai của bộ quy tắc. Dĩ nhiên, có những sự hiểu biết khác nhau, có thể và đáng khao khát, nhưng tất cả không thích ứng với mục đích của những quy tắc này, hay ít nhất không tương xứng với mục đích ấy. Vì thế, một sự hiểu biết thuộc bình diện tâm lý học hay xã hội học, hay triết học không phải là những gì mà I- nhã đang đề cập, cho dù những sự hiểu biết này có thể có giá trị lớn. Ngài cũng không quan tâm đến sự hiểu biết thuộc thần học suy đoán (speculative theological).²⁹ Đối với những mục đích thực tiễn của ngài, sự hiểu biết một chuyển động bao gồm ít nhất ba điều. Thứ nhất, chúng ta nhận ra những nét đặc trưng của một chuyển động để dựa vào đó mà nó được phân biệt với những chuyển động khác. Thứ hai, chúng ta thấy hướng chỉ dẫn do chính sự chuyển động đó đưa ra hay thực sự là những kết quả nó mang lại. Thứ ba, chúng ta biết nguồn gốc của nó. Trong một sự hiểu biết thiêng liêng, chúng ta nhận ra những nét đặc trưng đó để giúp phân biệt những chuyển động thiêng liêng tiêu biểu từ những chuyển

²⁹ Mặc dù mục đích của thánh I-nhã thuần túy thực tiễn và sự hiểu biết của chính ngài mang tính kinh nghiệm thật lớn lao, nhưng dường như nó ám chỉ đến một lược đồ của những thúc đẩy bên trong và những mối tương quan giữa chúng. Michael J. Buckley, SJ., đã làm một bài tiểu luận thật sâu sắc khi phân tích luận thuyết lược đồ này trong cuốn *"The Way, Supplement số 20 (Mùa Thu năm 1973), pp. 19-37*. Bài tiểu luận này có giá trị thực tế và nghiên cứu cho những ai muốn thấu đạt nó. Tôi có thể phát biểu thêm rằng tôi nhận thấy rằng chính tôi không đồng ý với sự hiểu biết của ngài về điều mà thánh I-nhã muốn nói là an ủi và sâu khổ thiêng liêng (như đã rõ ở chương 4 và 5, và Phụ Lục III). Cho dù điều tôi phê bình phần chú giải của Buckley có giá trị, thì lược đồ hóa của ngài về những thúc đẩy bên trong, đó là trọng điểm nghiên cứu của ngài, đối với tôi, nó không đánh mất giá trị của phần chú giải mình. Bài tiểu luận của ngài là một trong những bài uyên bác và thú vị nhất được tìm thấy trong tài liệu (văn khố) về bộ nhận định thần loại của thánh I-nhã.

Chương 2: Bản văn những quy tắc nhận định thần loại

động khác; và trong số những chuyển động thiêng liêng tiêu biểu, chúng ta lại có thể phân loại chúng. Chúng ta thấy được những kết quả tốt hay xấu đối với một đời sống Ki-tô hữu mà vì đó chính sự chuyển động hướng đến; và từ hai yếu tố hiểu biết thiêng liêng này, chúng ta luận ra nguồn gốc tốt hay xấu.

Một điều kiện rõ ràng cho khả năng hiểu biết những chuyển động thiêng liêng quan trọng bên trong tâm trí và cảm xúc của chúng ta là sự nhận thức ngày một hơn của chúng ta về chúng. Vì thế, đây là mục đích đầu tiên của bộ quy tắc, nhằm giúp chúng ta cảm biết và nhận ra những gì đang diễn ra trong chúng ta. Mục đích này không chỉ giới hạn ở sự nhận thức về những chuyển động; nó bao gồm cả sự quan tâm phản tỉnh và suy xét. Tất cả những thúc đẩy mà I-nhã nói đến là những hành động hay những cảm xúc có ý thức, nhưng nhìn chung hầu hết những thúc đẩy đó không được chú trọng một cách xác đáng. Vì vậy khi chúng ta nỗ lực để chăm lo đến chúng, chúng ta nhận thấy rất khó để làm được như thế.

Có rất nhiều lý do cho thấy tại sao nó quá khó cho người bình thường để ngày càng cảm thấy được và nhận ra những kinh nghiệm bên trong của chính mình và sau đó hiểu biết chúng. Về phần những chuyển động thiêng liêng, không có một lý do nào trong số những lý do này, theo những người có kinh nghiệm nhất trong việc phản tỉnh những kinh nghiệm thiêng liêng của họ, là những ảnh hưởng mù quáng và sai trái của chính tội lỗi của chúng ta và những lừa bịp xảo trá của thần dữ. I-nhã đã nói nhiều về điều này. Tuy nhiên, tiềm ẩn trong tất cả những lý do khác là hai lý do các tác dụng thực tế rộng lớn và mang tính tự nhiên: thứ nhất, khuynh hướng tự nhiên của sự quan tâm của chúng ta và thứ hai, tính phức tạp và tính hay biến động của kinh nghiệm tâm linh của chúng ta.

Có lẽ khuynh hướng của sự quan tâm của chúng ta là lý do cơ bản nhất. Khả năng tập trung của chúng ta không phải dễ dàng để có thể đưa vào khuôn khổ. Nó có xu hướng suy nghĩ lan man không mục đích, đáp lại bất cứ sự kích lệ hiện tại nào, đặc biệt bất cứ những điều gì nhạy cảm; và giữa tất cả những đối tượng của sự tập trung, những chuyển động trong tâm trí và tình cảm của chính chúng ta nói chung là những cái khó nhất để có thể đưa vào sự tập trung. Vì thế, chúng ta nhấn mạnh đến sự lưu tâm phản tỉnh và suy xét mà rất ít về những gì đang xảy ra trong đời sống ý thức của chúng ta. Kết quả là, chúng ta hiểu biết rất ít về những gì đang diễn ra bên trong chúng ta, chỉ nhận biết hời hợt rằng một số tình trạng của ý thức là hoan hỷ hay không hoan hỷ, yên tĩnh hay bất ổn. Thỉnh thoảng, chúng ta ý thức mập mờ rằng đó là tốt hay xấu. Tại sao lại là cách này hay cách khác, những chuyển động bên trong khi dậy như thế nào, chúng tiết lộ những gì về chính chúng ta, chúng sẽ đưa chúng ta đến đâu, đâu là những giá trị hay vô giá trị của chúng đối với mục đích chính của đời sống của chúng ta - chúng ta hiếm khi tự hỏi về những điều này; hay, nếu chúng ta tự hỏi, chúng ta cảm thấy vô ích để trả lời những câu hỏi này mà xảy đến với chúng ta.

Sẽ là một sai lầm nghiêm trọng khi nghĩ rằng bởi vì những mối bận tâm của chúng ta hầu như là quy ki nên sự quan tâm của chúng ta theo cách có đánh giá và có suy xét thì được quy về những suy nghĩ và cảm xúc riêng của chúng ta. Thật vậy, chúng ta quan tâm rất nhiều tới những gì lợi ích cho chúng ta, quan tâm để làm thỏa mãn những khao khát quy về mình là trung tâm; nhưng hiếm khi chúng ta phản tỉnh và hiểu thấu những khát khao này, nguồn gốc của chúng, đặc tính luân lý của chúng, sự quan trọng của chúng đối với đời sống Ki-tô hữu. Chẳng hạn, khi chúng ta bắt đầu cố ý làm lộ diện những thúc đẩy của chúng ta ngay qua hành động thì lúc đó chúng ta

Chương 2: Bản văn những quy tắc nhận định thân loại

nhận thấy vấn đề rất khó khăn. Thật khó có thể đạt được một sự tự biết về chính mình giống như các nhà triết học, tâm lý học hay các thánh hay ca ngợi.

Thậm chí khi chúng ta thật sự chú tâm vào những chuyển động bên trong tâm hồn của chúng ta, thì chính những chuyển động này thực sự rất đa dạng và dễ thay đổi, và có liên hệ phức tạp với nhau trong một sự biến động liên tục đến nỗi rất khó để có thể đạt được, một sự cảm nhận rõ ràng về bất kỳ thúc đẩy quan trọng nào bên trong luồng tư tưởng, ngoại trừ trong những trường hợp của những chuyển động mãnh liệt hay kéo dài một cách bất thường.

Vì hai lý do này, cho nên đặc tính phức tạp và hay thay đổi của kinh nghiệm tâm linh và đặc tính phân tán và lan man của sự chú ý của chúng ta, nếu chúng ta không đưa chúng vào khuôn khổ, nhiều thúc đẩy nội tâm mà rất có năng lực trong lợi ích thiêng liêng trong cuộc sống của chúng ta, có ý nghĩa quan trọng trong việc chỉ ra cho chúng ta điều mà Thiên Chúa đang làm trong chúng ta, sẽ phai nhòa đi trong sự không phân tinh và thậm chí lãng quên của sự không ý thức. Những đặc tính này chưa từng bao giờ được hiểu biết kỹ lưỡng dưới ánh sáng của đức tin và cũng chưa được gắn kết với đời sống Ki-tô giáo qua việc tự do chọn lựa và yêu mến. Mặt khác, chúng ta để mình bị thúc đẩy và bị tổn hại nghiêm trọng hay bị ngăn cản bởi những quyền lực sự dữ hay hủy diệt mà không có sự hiểu biết về những gì đang xảy ra, và cũng không làm bất cứ điều gì dù ít hay nhiều để đối phó.

Điểm nhấn mạnh đã đề cập trên về sự khó khăn của việc chú ý và hiểu thấu những hoạt động của tâm hồn thì không có ý nhằm làm cho bất cứ ai đó chán nản trong việc đảm nhiệm nó qua sự đề nghị rằng điều đó hầu như không thể thực hiện được. Hoàn toàn ngược lại. Trước hết, quan tâm của tôi là giải

thoát khỏi sự chán nản những ai bắt đầu cố gắng nhận định những gì xảy ra trong chính họ và nhận thấy rằng mình không thành công một cách dễ dàng. Đối với bất kỳ ai ý thức được mức độ khó khăn của tiến trình này sẽ giải thoát họ khỏi những ước muốn lệch lạc, khỏi suy nghĩ mà họ cho là việc đó dễ dàng như việc ngắm nhìn và diễn tả một khung cảnh hay sự kiện bên ngoài. Nếu một người nhận thấy rằng có sự khó khăn để chú ý đến kinh nghiệm nội tâm và trình bày nó cho một vị linh hướng hay một vị hướng dẫn Linh đạo, đó là một kinh nghiệm phổ biến. Cần phải có những nỗ lực liên tiếp qua một thời gian dài mới hy vọng có được sự trưởng thành về khả năng để thực hiện điều ấy, nhưng điều đó có thể thực hiện được. Thứ hai, quan tâm của tôi là cảnh báo những ai nghĩ rằng họ đã thực sự sẵn sàng nhận định những gì đang xảy ra trong chính họ và nghĩ rằng họ là một quyển sách mở ra với chính họ. Có lẽ họ đang đọc tâm hồn của họ một cách hời hợt, tìm thấy được những gì họ mong tìm thấy hoặc thấy được những gì họ được hướng dẫn để mong tìm ra. Sự tự tin dễ dãi của họ có thể là một rào chắn cho sự tự biết mình thật sự, điều không dễ gì đạt được. Thứ ba, ý hướng của tôi là chỉ ra sự cần thiết cho cầu nguyện, cho sự mở ra và tín thác vào Chúa Thánh Thần, nếu chúng ta luôn nhận định, và hơn nữa, nếu chúng ta luôn hiểu được cách thức Ngài và thiên thần dữ và chính chúng ta đang hành động và tương tác bên trong ý thức của chúng ta. Chính Chúa Thánh Thần là Đấng có thể và sẽ làm nhảy bén và soi sáng những ai trung thành tìm kiếm sự hiểu biết như vậy qua cầu nguyện, phản tỉnh và chấp nhận sự giúp đỡ của con người khi điều đó có sẵn. Chính Ngài là Đấng sẽ ban cho họ sự hiểu biết và bảo vệ họ một cách trực tiếp hay qua một vị hướng dẫn khỏi những lừa bịp. Chỉ có Ngài mới có thể làm cho chúng ta hiểu những hoạt động của Ngài. Cuối cùng, và quan trọng nhất trong bối cảnh hiện tại, chúng ta cần

Chương 2: Bản văn những quy tắc nhận định thần loại

sự giúp đỡ nào đó mà chúng ta có thể tìm được nơi những quy tắc mà I-nhã để lại cho chúng ta. Chúa Thánh Thần mong muốn chúng ta sử dụng những sự trợ giúp thuộc bình diện con người mà ngài đã ban cho chúng ta.

Trong lối văn ngắn gọn, súc tích, I-nhã cảnh báo chúng ta, trong một cụm từ đơn độc, ngược lại với bất cứ ý niệm cường điệu nào về những gì chứa đựng trong những quy tắc này. Ngài cho rằng những quy tắc này để cảm biết và hiểu “phần nào” những tác động khác nhau gây ra trong chúng ta. Tương tự như trong bản Phổ Thông (và các bản La-tinh khác) là, “Một vài quy tắc giúp nhận định những chuyển động...” (*Regulae aliquot ad motus...discernendos...*). Ngài không chỉ đơn thuần nói rằng bộ quy tắc thứ nhất thì không đầy đủ nếu không có bộ quy tắc thứ hai, hay là tất cả những quy tắc này liên kết với nhau mà không có sự hiểu biết và cảm nghiệm và sự trợ giúp của Chúa Thánh Thần thì không tương xứng cho mục đích nhắm đến. Những gì mà Ngài đang nói là cả hai bộ nhận định vẫn rất khác so với một bộ nhận định tương xứng, thậm chí như những quy tắc đưa ra áp dụng cho việc phân định thiên thần nào đang thúc đẩy người đang nhận định và phân định xem cách nào để hành động trong sự đáp trả. Đây là một phần cốt lõi của các quy tắc, đầy đủ cho những mục đích của ngài trong sách Linh Thao, nhưng cần được mở rộng hơn cho những kinh nghiệm khác hơn là chỉ quan tâm đến những kinh nghiệm của các quy tắc này. Hơn nữa, những quy tắc này để phục vụ, ngay cả liên quan đến những gì chúng hành xử, chỉ giúp “phần nào”; chúng cần một sự thích ứng cách khôn ngoan để có thể đáp ứng được những thay đổi vô hạn định của từng kinh nghiệm cá nhân cụ thể. Không một quy tắc nào có thể thay thế cho sự khôn ngoan. Không một ai trời vượt hơn I-nhã trong việc nhận thức được điều ấy. Mặt khác, sự khôn ngoan có thể vượt ra khỏi tầm tay của hầu hết

chúng ta nếu như không có sự trợ giúp của một vài nguyên tắc căn bản, của những miêu tả, giải thích và những lời chỉ dẫn do I-nhã cung cấp cho ta.

PHẦN II

THẦN LÀNH VÀ THẦN DỮ. NHỮNG TÁC ĐỘNG VÀ DẤU HIỆU TRÁI NGƯỢC NHAU CỦA CÁC THẦN

Quy tắc I:1-4

Chương 3:
NHỮNG NGUYÊN TẮC CĂN BẢN GIÚP NHẬN ĐỊNH
THẦN LOẠI

Quy tắc I : 1 và 2

Về hình thức, hai quy tắc đầu tiên ở trong bộ quy tắc thứ nhất của thánh I-nhã chỉ là những phát biểu nêu vấn đề. Hai quy tắc đầu không nói cho chúng ta biết những gì phải làm hoặc phải làm như thế nào. Tuy nhiên, khi chúng được đọc trong văn cảnh này, người đọc dễ dàng hiểu rằng chúng là những quy tắc để nhận định thần nào đang tác động lên một người đang kinh nghiệm về các chuyển động nào đó bên trong họ. Dù còn thô sơ nhưng chúng cũng cho chúng ta những điều căn bản để giúp ta lưu ý và hiểu vấn đề, nơi một người muốn nhận định bất cứ thần nào đang tác động trong người đó, dù đây là thần lành hay thần dữ. Những phát biểu thô sơ này sẽ phải được làm cho chính xác hơn, hoàn chỉnh hơn, rõ ràng hơn, và tinh tế hơn; nhưng tất cả những điều gì khác trong các quy tắc sau lại được xây dựng trên chúng.

Những Loại Người được đề cập trong các Quy Tắc I:1 - 2

Hai điều được chỉ ra như là những nền tảng phải được lưu ý và được hiểu, thứ nhất, là những loại người có kinh nghiệm về những chuyển động được nói đến. Thứ hai, những đường lối mà thần lành hoặc thần dữ ảnh hưởng lên một người. Đối với mục đích của ngài trong văn cảnh này, thánh I-nhã phân chia họ thành hai loại, mà mỗi quy tắc này dành riêng cho từng loại người ấy. Ngài minh họa đặc điểm những chuyển động bên trong có thể được thúc đẩy nơi mỗi loại người và

Chương 3: Những nguyên tắc căn bản giúp nhận định thân loại

quy định nguyên tắc chung cho việc xem xét cái gì là nguồn gốc của mọi chuyển động như thế.

[314] Quy tắc I: Noi những người sa ngã hết tội trọng này sang tội trọng khác, kẻ thù thường quen bày cho họ những vui thú bề ngoài, xui họ tưởng đến những khoái lạc và vui thú giác quan để dễ cầm giữ họ và gia tăng nơi họ những vết xấu và tội lỗi. Với những người như thế, thần lành dùng phương pháp ngược lại, bằng cách thôi thúc và cắn rứt lương tâm họ bằng “lương tri” của lẽ phải.

[315].Quy tắc II. Noi những người vốn tiến bước cách mạnh mẽ từ điều tốt đến tốt hơn, trong việc diệt trừ tội lỗi của mình và trong việc phụng sự Thiên Chúa, Chúa chúng ta, thì lại có phương pháp ngược lại với quy tắc thứ nhất. Vì khi đó, đặc điểm riêng của thần dữ là cắn rứt, làm buồn phiền và đặt chướng ngại bằng cách gây băn khoăn lo lắng với những lý lẽ giả tạo để người ta khỏi tiến tới, còn đặc điểm riêng của thần lành là đem đến sự can đảm và sức mạnh, an ủi, nước mắt, ơn soi giục và an nghỉ, bằng cách làm cho vượt thắng cách dễ dàng và huỷ diệt mọi trở ngại để cho người ta tiến lên trong đàng lành.

“Sự Trái Ngược” trong Ý Tưởng của Thánh I-nhã

Trong hai quy tắc đầu tiên này, mỗi quy tắc được đưa ra dựa trên những mối quan hệ trái ngược cách trực tiếp. Những đặc điểm căn bản về hai loại người này không chỉ là khác nhau nhưng là trái ngược. Đời sống của họ dịch chuyển không chỉ trong những ý hướng khác nhau nhưng còn trong những ý hướng trái ngược. Những tác động bên trong họ khi chịu sự ảnh hưởng của Thánh Thần không chỉ khác mà còn trái ngược khi họ chịu ảnh hưởng của thần dữ.

Khái niệm về sự trái ngược này được sử dụng ngang qua tất cả các quy tắc. Nó thực hiện chức năng không chỉ trong các Quy tắc I:1-2, mà còn trong các mô tả chi tiết hơn về an ủi và sầu khổ thiêng liêng (I:3-4), không chỉ trong tất cả các quy tắc về việc nhận định xem thần đang chỉ bảo một người điều gì (I:5, II:5-8) mà còn trong các quy tắc về hành xử ra sao khi một

Chương 3: Những nguyên tắc căn bản giúp nhận định thân loại

người nhận định loại chuyển động mà người đó đang cảm nghiệm và nhận định nguồn gốc của nó (I:6-13). Thật đáng giá cho chúng ta khi có được khái niệm về sự trái ngược và các liên quan của nó một cách rõ ràng.

Hạn từ “trái ngược” (contrary) được thánh I-nhã sử dụng trong ý nghĩa xác thực nhất của nó, một ý nghĩa vượt xa từ “khác biệt” (different) hoặc “khác nhau” (diverse) hoặc “mâu thuẫn” (contradictory). Những cái trái ngược không chỉ là khác nhau trong bất kỳ cách nào, không chỉ là sự phủ nhận lẫn nhau; mà chúng hoàn toàn đối lập nhau, đối cực với nhau. Những cái trái ngược luôn hàm chứa sự trung hòa những gì là sự mâu thuẫn, sự phủ định đơn giản, về cả hai thái cực. Không có sự trung hòa giữa các mâu thuẫn; và hầu hết những sự khác biệt thì không cùng đường lối như nhau như thể có khả năng tạo ra bất cứ sự đối lập nào. Vì vậy, yêu thương và thù hận, khát khao và chán ghét là những sự trái ngược; sự bình tâm là sự trung hòa, là một sự phủ nhận, là mâu thuẫn của cả hai thái cực. Không có sự trung hòa giữa sự bình tâm và tình yêu hoặc sự bình tâm và hận thù. Các trạng thái được nâng lên hoặc bị hạ xuống là những sự trái ngược; sự bình yên không âu lo là sự trung hòa; là sự phủ nhận hay sự mâu thuẫn về cả hai thái cực này. Không có sự trung hòa giữa sự bình yên và vui sướng, giữa bình yên và chán nản.

Nếu tôi biết về thực tại này, một cách bình thường nó cũng giúp tôi biết khá hơn về thực tại kia. Khi sự khác biệt là một sự trái ngược, tôi có sự hiểu biết tích cực rõ ràng về chính những sự khác biệt qua sự trái ngược. Đúng là, nếu tôi học điều gì đó về tình yêu, tôi không khá hơn chút nào trong nỗ lực bản thân để hiểu một lập luận toán học; vì tình yêu và toán học đơn giản là hai thứ khác nhau. Nhưng thật sự rằng khi tôi biết điều gì về tình yêu thì tôi có thể hiểu sự thù hận sâu sắc

hơn, và ngược lại. Tất cả những gì tôi phải làm là suy ra trong ý hướng đối lập hoàn toàn.³⁰ Để minh họa, nếu tình yêu là một khẳng định của người khác, được bắt nguồn trong sự chăm sóc và khát khao cho những gì sẽ thật sự và hoàn toàn mang lại cho người yêu sự sống toàn vẹn, thì sự thù ghét là một sự đáp trả tiêu cực, được bắt nguồn trong sự ao ước những gì sẽ gây tổn hại cho người bị thù ghét. Điều rất thường được nói đó là tình yêu làm cho người này hiện diện với người khác. Nếu điều đó là sự thật không chút cường điệu, lúc ấy chúng ta sẽ nói rằng sự thù ghét làm cho con người vắng mặt. Theo kinh nghiệm thì điều này không đúng. Một người có thái độ giận ghét thì hiện diện rất nhiều đối với một người mà anh ghét. Sự bình tâm là một sự vắng mặt của cảm xúc. Sự hiểu biết điều này phản chiếu ánh sáng trên tình yêu và giúp chúng ta nhận thức về một loại hiện diện trái ngược với sự hiện diện được tạo nên bởi sự thù ghét.³¹

Bằng việc hiểu ý nghĩa chặt của “những sự trái ngược” và chúng tương quan với nhau như thế nào, chúng ta cùng xem xét các mẫu người trái ngược được đề cập trong hai quy tắc đầu tiên và sau đó xem xét những hiệu quả trái ngược bên trong họ khi họ được tác động bởi các thần trái ngược nhau.

30

Một người phải cẩn thận khi làm điều này qua những mô tả có tính ẩn dụ. Ví dụ, nếu tình yêu được cho là ấm áp, thì không có nghĩa là sự ghét bỏ phải được cho là lạnh lẽo, chúng ta không thể nói về một sự ghen ghét bùng cháy.

³¹ Xem Jules Toner, *The Experience of Love* (Washington, 1968), c tr. 121-123.

Chương 3: Những nguyên tắc căn bản giúp nhận định thần loại

Hai Loại Người Trái Ngược: Những Ki-tô Hữu Đang Tấn Tới và Những Ki-tô Hữu Đang Sa Sút

Tất cả những điều khác trong việc nhận định thần loại tùy thuộc trước hết vào việc hiểu biết loại người nào đang cảm nghiệm những chuyển động khác nhau. Có nghĩa là người đó đang ở trong tình trạng thiêng liêng nào, hòa hợp cách căn bản hay bất hòa với Chúa Thánh Thần. Nếu điều này không được biết, thì không có quy tắc nào về việc nhận định nguồn gốc của những chuyển động bên trong hoặc về việc đáp trả có thể được áp dụng cách xứng hợp. Vì vậy, chính bước đầu tiên để hiểu các quy tắc là càng nắm chắc cách chính xác và rõ ràng càng tốt về những loại người mà thánh I-nhã đang nói đến trong hai quy tắc đầu tiên. Để làm như vậy, chúng ta sẽ phải nghiên cứu chúng trong sự liên kết, vì bất kỳ sự hiểu đúng hay sai về một loại người sẽ làm sáng tỏ hay che khuất, điều chỉnh hay bóp méo, sự hiểu biết của chúng ta về loại người kia. Nguyên nhân là do thánh I-nhã đang đề cập đến những sự trái ngược; những sự trái ngược, như chúng ta đã thấy, được hiểu nhờ mối quan hệ lẫn nhau, cái này thì gợi ý làm sáng tỏ cho cái khác.

Thánh I-nhã phát biểu trong Quy tắc 1 về những người “sa ngã hết tội trọng này sang tội trọng khác.” Những lời này thoát nghe có thể làm cho một độc giả đương thời nghĩ rằng những người đó thì rất tồi tệ. Tuy nhiên, có những lý do để nghĩ rằng họ không tất yếu xấu xa như thế. Vì có những nền tảng cho việc giải thích thuật ngữ “tội trọng” (mortal sin) của thánh I-nhã ở đây như là ý nghĩa một trong những tội mà chúng ta quen gọi là bảy “mối tội đầu” (capital sins) hoặc “tội đáng chết” (deadly sins), với “tội” (sin) được dùng trong một ý nghĩa tương tự. Chúng là những nguồn gốc hoặc những

khuyh hướng chủ yếu gây ra những hành vi tội lỗi,³² những tội lỗi trong ý nghĩa đúng đắn và thông thường của từ ngữ ấy. Những hành vi này có thể là tội trọng hoặc tội nhẹ. Trong số những đoạn trong sách Linh Thao, nơi mà thuật ngữ “mortal sin” được sử dụng, có một Số mà trong đó điều này rõ ràng như vậy,³³ và điều này cũng có thể nơi các bản văn khác. Nếu như vậy, hình ảnh mà chúng ta có được về những người này được làm nhẹ đi rất nhiều. Vì nếu chúng ta đặt tính từ “capital” vào chỗ của tính từ “mortal” thì chúng ta có được một sự mô tả chắc chắn bao gồm không chỉ những ai đang chất chồng tội lỗi nghiêm trọng và hoàn toàn có chủ ý phạm tội này lên trên tội khác, mà còn những người khác nữa. Sự

³² Về “tội trọng”, xem từ điển Bách Khoa Toàn Thư Công Giáo, XIV, 5; hoặc Thánh Tôma, *Summa theologie-Tổng Luận Thần Học*, I-II, Q. 84, a. 3-4; II-II, Q. 153, a. 4; hoặc H. Jone, bản dịch. U. Adelman, *Moral Theology- Thần Học Luân Lý* (Westminster, Md., 1958), tr. 55, nói rằng những ‘tội này’ là những khuyh hướng, do đó, ngài tóm tắt giáo lý truyền thống: “Những tội này được gọi là “tội trọng”, không phải vì tính trầm trọng của nó, nhưng vì tầm ảnh hưởng lớn lao của chúng. Bất cứ khi nào những khuyh hướng này tạo ra những hành động tương hợp thì chúng trở thành những tội theo đúng ý nghĩa của hạn từ này.”

³³ LT, [18, 238, 244, 245]. Xem William A. N. Peters, S.J., *Linh Thao của Thánh I-nhã: Exposition and interpretation* (Jersey City, 1967), tr. 62, ghi chú số 8 của chương 6, tr. 190. Ông ta sẵn sàng đã đọc từ “capital” thay cho “mortal” trong nhiều bản văn khác, ở đó tôi nhận thấy khó mà có sự ăn khớp một bản dịch như thế với bản văn này, mặc dù tôi rất muốn bởi vì một bản văn như thế sẽ nguyên thủy hơn đối với bất cứ độc giả đương thời nào. Bản Phổ Thông (Vulgate) của quy tắc này nói về những người ‘dễ dàng phạm tội luân lý và phạm hết tội này đến tội khác.’ Tội mà đưa đến một tội khác thì nhẹ hơn, qua đó họ càng ngày càng trở nên yếu hơn, khi đến một dịp hiểm hoi nào đó họ bị cám dỗ phạm một tội nặng, thì họ dễ dàng quy ngã.

Chương 3: Những nguyên tắc căn bản giúp nhận định thân loại

mô tả có thể bao gồm những người tội lỗi mà họ, từng chút một, ngang qua một đời sống của lòng ích kỷ nhỏ nhen, tham vọng tầm thường, tìm kiếm thỏa mãn, hoặc những điều tương tự khác, họ từ từ rời xa Thiên Chúa và gia tăng sự vô tâm trong họ. Niềm tin của họ dần dần chết đi bởi những lo lắng và ham muốn của cải, họ hướng về một chủ nghĩa vô thần thực tiễn mà nơi đó Thiên Chúa thôi được kể tới, với việc đặt vị thế của Người trong một sự tôn thờ ngẫu tượng thực tiễn. Tất cả điều này xảy ra rất tinh tế đến nỗi họ không chú ý nhưng cũng lại mạnh mẽ đến nỗi làm cho họ mất khả năng bị bối rối sâu xa khi họ khám phá ra tình trạng thật của họ – nếu và khi họ khám phá ra. Một tình trạng như thế có thể gây hại và nguy hiểm trong tính chất dài hạn của nó khi so với những tội lỗi bị thảm được biết tới một cách rõ ràng là sai trái và từ đó một người có thể dễ dàng sám hối khi ân sủng chạm vào người ấy.

Cái trở thành có ý nghĩa hơn tính từ “mortal” là một số điều được gọi ý bởi các mệnh đề “từ tội này đến tội khác” và “lớn lên trong những thói xấu và tội lỗi của họ.” Ý nghĩa trọn vẹn của các mệnh đề này chỉ được biết đến song song với việc mô tả mang tính trái ngược về những người trong Quy tắc I:2 và bởi những gì được nói tới trong Quy tắc II:7. Như vậy, chúng ta sẽ đi tới những quy tắc này rồi sau đó trở lại Quy tắc I:1.

Những người được mô tả trong Quy tắc I:2, thì không phải là những vị thánh hoặc thậm chí không nhất thiết hoàn toàn tốt lành trên con đường nên thánh – trừ khi chúng ta làm theo câu tục ngữ rằng khởi đầu tốt đẹp là thành công một nửa. Vì những người này có được sự khởi đầu tốt đẹp: Họ đã trở lại với Thiên Chúa, và mục đích của đời họ là hướng đến sự tinh tuyền hơn, tránh khỏi tội lỗi và phụng sự Thiên Chúa hơn.

Chắc chắn, quy tắc này áp dụng không chỉ cho những người mới bắt đầu trong đời sống thiêng liêng. Nó không chỉ áp dụng cho họ, mà còn dành cho những ai lớn lên rất nhiều trong việc kết hợp với Thiên Chúa và đã phụng sự Người với sự khôn ngoan, tình yêu, và lòng can đảm theo mẫu gương Chúa Ki-tô. Nhấn mạnh điều này thì quan trọng cho việc hiểu tốt Quy tắc 1 như quy tắc này (I:2); vì nếu chúng ta đọc trong cách mô tả của Quy tắc 2 với bất cứ những yêu cầu nào hơn là thực tế ở đây, chúng ta sẽ chắc chắn hiểu sai theo cách trái ngược với những điều được nói ở Quy tắc 1 (cũng như vậy trong các Quy tắc II:1-7) và khiến phạm vi ứng dụng cho tất cả các quy tắc trở nên hẹp quá mức.

Có lẽ một minh họa tốt về giới hạn thấp hơn của loại người này mà chúng ta có thể tìm thấy là chính thánh I-nhã tại thời điểm bắt đầu cuộc trở lại với Thiên Chúa của ngài. Trong suy nghĩ của ngài, cũng vậy, người tội lỗi được nói tới trong Quy tắc 1 có thể là tiêu biểu cho chính ngài lúc trước cuộc hoán cải của ngài. Tại thời điểm đó, ngài đang trải qua và đang bắt đầu nhận ra những chuyển động khác nhau trong chính ngài từ các thần lành và dữ, phù hợp với Quy tắc 2.³⁴ Ngài đã ăn năn về một cuộc sống đạo đức bừa bãi và ích kỷ, tham vọng trần thế, và ngài đặt để con tim của mình vào việc bước theo những dấu chân của các thánh, đặc biệt là thánh Phan-xi-cô và thánh Đa-minh. Tuy nhiên, những ước muốn tốt lành của ngài vẫn chưa vượt qua được tính ích kỷ, với một tinh thần thi đua đầy tự phụ.³⁵ Tại thời điểm đó, ngài nói, “Kẻ ấy không hề chú tâm gì đến chiều sâu nội tâm, cũng chẳng biết thế nào là khiêm tốn, bác ái, kiên nhẫn, hay đức khôn ngoan là khuôn mẫu và thước đo các nhân đức ấy. Kẻ ấy chỉ

³⁴ *Autobiog, nos. 6-8, in St. Ignatius' Own story, c tr. 9-10.*

³⁵ *Ibid., nos. 7, 14, onc tr. 9-10, 13-14.*

Chương 3: Những nguyên tắc căn bản giúp nhận định thân loại

có ý thực hiện những công việc to lớn bên ngoài...”, như là ăn chay và thực hiện những chuyến hành hương. Một điều mà có thể được nói thuộc về sở thích của thánh I-nhã là ngài sẽ không từ bỏ mục đích phụng sự Thiên Chúa, nhưng ngài luôn phấn đấu để được tự do khỏi tội lỗi, và “đâu vẫn còn mù tối, kẻ ấy đã có một ao ước to lớn là phụng sự Thiên Chúa với sự hiểu biết nhất của mình.”³⁶

Sự hiểu biết trên đây về những người được mô tả trong Quy tắc 2 hàm ý một số điều quan trọng có tính quyết định để mở rộng việc áp dụng Quy tắc 1. Đúng là đặc điểm thiết yếu của những người trong Quy tắc 2 tuy chưa đạt được sự thánh thiện cao của đời sống, nhưng là một ước vọng chân thật về sự thánh thiện được phát sinh trong sự lớn lên thật sự hướng về nó, theo cách song song như vậy, đặc điểm thiết yếu của những người được mô tả trong Quy tắc 1 thì không hẳn là một tâm hồn đã bị chìm ngập trong thói xấu nhưng có một khuynh hướng đang lớn lên hướng tới việc tự mình buông thả, thiếu mọi ao ước sốt sắng cần thiết để lớn lên trong đức ái và trong việc quảng đại phụng sự Thiên Chúa, với một tình trạng sút kém theo sau về phía đời sống ngày càng tội lỗi. Điều này thậm chí có thể kèm theo một ý chí mới chớm nở về việc phát triển thiêng liêng. Thực tế, dường như không có lý do để nghĩ rằng quy tắc đầu tiên sẽ không áp dụng cho một người đã từng tiến bộ trong đời sống thánh thiện, và giờ đây đang ở trong sự sa sút dần dần và chắc chắn vào trong sự tầm thường, ý hướng của sự tiến triển đang vượt quá sự tầm thường hiện tại và đang hướng đến một sự sụp đổ thiêng liêng sau cùng, dù rằng sự sụp đổ dường như còn xa. Ở đây chúng ta không nói đến một sự sa ngã ngắn ngủi, một rắc rối chóng qua trong đời sống tăng trưởng của người Ki-tô hữu đích thực, nhưng ta

³⁶ Ibid., no. 14, onc tr. 13-14.

nói về một sự kéo dài tương đối, thậm chí nếu cứ từ từ, thì việc thoái hóa sẽ xảy ra vì đã có sẵn đà. Cuộc sống của một người đang chuyển biến theo đường lối này, trong một vài cách hiển nhiên, có thể tốt lành hơn một người mới sám hối và đang chuyển biến với một ao ước và nỗ lực quảng đại trong chiều hướng đi lên.

Vấn đề thiết yếu thì không hệ tại những thứ hạng mà một người ở trên một thang tỷ lệ từ nét xấu nghiêm trọng đến nhân đức cao vời nếu sự tiến bộ hoặc sa sút chấm dứt. Nó hệ tại điều này: Điều gì là ý hướng hay sức đẩy vững vàng trong đời sống hiện tại của họ? Đường lối hoạt động của các thần ảnh hưởng lên một người phụ thuộc không quá nhiều vào người đó tốt lành hay xấu xa ra sao tại thời điểm đó nhưng phụ thuộc hơn vào ý hướng và tình trạng căn bản của sự phát triển nơi người đó. Chính sự bất đồng hay hòa hợp với những xu hướng đối lập hay hòa hợp của các thần giải thích những kinh nghiệm mà thánh I-nhã nói trong các quy tắc này.

Nếu một Ki-tô hữu tốt là người mà chúng ta cho là đã có một mức độ đáng kể về sự phát triển vững chắc trong đức tin, đức cậy, đức ái và lòng khiêm tốn, thì Quy tắc 2 không chỉ áp dụng cho những “Ki-tô hữu tốt lành” mà còn cho những “Ki-tô hữu xấu” là những người hiện tại đang ao ước và chiến đấu cách nghiêm túc để lớn lên trong đời sống sám hối. Vì thế, nếu một “Ki-tô hữu xấu” là một người nghiêng chiều về những tội lỗi nghiêm trọng cũng như dễ dàng sa ngã vào chúng, những người mà đức tin, đức cậy, đức ái và lòng khiêm nhường của họ thì mỏng dòn và thiếu khôn ngoan, bị xuyên thủng bởi lòng ích kỷ, thậm chí là cả những người Ki-tô hữu tốt lành bình thường nữa, lúc đó Quy tắc 1 không chỉ áp dụng cho những Ki-tô hữu xấu mà còn cho những người khác, là những người đầu vẫn tương đối tốt lành, nhưng hiện tại đang có một

Chương 3: Những nguyên tắc căn bản giúp nhận định thân loại

sự thúc đẩy tiêu cực có nguy cơ biến họ trở thành những người Ki-tô hữu xấu.

Sự hiểu biết về Quy tắc 2 được đưa ra trên đây là chính xác, và nó sẽ ảnh hưởng đến việc đọc hiểu của chúng ta ở Quy tắc 1 được xác nhận bởi Quy tắc II:7. Quy tắc này được đặt trong vị trí Bộ các quy tắc thứ hai về một lý do rất tốt lành, như chúng ta sẽ thấy. Nhưng nó vẫn thích hợp khi đặt sau các Quy tắc I:1-2. Vì trong Quy tắc II:7, thánh I-nhã giải thích tại sao các thần ảnh hưởng lên hai loại người này trong những cách thức trái ngược; và sự giải thích này rõ ràng nhấn mạnh, như là chìa khoá để hiểu những tình trạng tương ứng của họ, đến việc mài dũa hay buông thả con tim của họ mà qua đó nhấn mạnh sự tiến bộ hoặc sa sút của họ trong đời sống Ki-tô giáo.

[335] Quy tắc VII: Đối với những người đang tiến từ điều tốt đến điều tốt hơn, thiên thần lành chạm vào linh hồn cách êm ái, nhẹ nhàng và dịu ngọt, như giọt nước đi vào miếng bọt biển; còn thiên thần dữ lại chạm vào cách chát chúa, cách ồn ào và cách náo động, như khi giọt nước rơi trên tảng đá. Và với những người đi từ điều xấu đến điều tệ hơn, thì chính các thần nói trên chạm vào theo cách thức ngược lại. Lý do là tùy theo tình trạng của linh hồn trái ngược hay hòa hợp với các thiên thần nói trên, vì khi trái ngược, thì chúng đi vào cách chát chúa, dễ cảm thấy và nhận ra, còn khi hòa hợp thì chúng đi vào cách lặng lẽ như vào nhà của mình, cửa đã mở toang.

Dù ta có thể giải thích các Quy tắc I:1-2 theo cách nào đi nữa, nhưng chắc chắn rằng có một sự phân biệt của những người trong hai quy tắc đầu tiên này. Sự phân biệt này là nguyên tắc nền tảng về hai đường hướng nhận định rằng thân nào đang khuấy động các cảm xúc nơi ta: một đến từ thần lành; một đến từ thần dữ. Tuy nhiên, sự khác nhau này dễ dàng vượt khỏi tâm trí ta trong khi giải thích và đặc biệt trong

việc thực hiện nhận định thần loại. Thánh I-nhã dành sự chú tâm của ngài vào phần còn lại của các quy tắc này mà hầu hết dành riêng cho những người được mô tả trong Quy tắc I:2: những Ki-tô hữu đang tấn tới. Việc lãng quên của ta về sự khác biệt của những loại người mà thánh Inhã đề cập có thể dẫn ta đến việc hiểu các quy tắc này một cách ngược lại, vì chỉ dựa trên kinh nghiệm của một người với những cảm xúc của riêng họ.

Như vậy ta đi đến một kết luận mang tính thực hành rất qua trọng từ những phân tích trên. Bước thứ nhất trong việc nhận định thần loại phải được làm cách thận trọng và không được có những giả định dễ dàng, bằng cách trước hết cần phát hiện liệu cảm xúc bên trong đang xảy ra nơi một người, cách chung và thường xuyên, đang hướng lên hay hướng xuống trong quan điểm Ki-tô giáo về những gì là sốt sắng hoặc sa sút. Ta xét điều này trong tổng thể của nó chứ không đề cập đến các chi tiết bất thường nhỏ nhặt. Nếu các vị linh hướng nghĩ như thế, bởi vì sau Quy tắc 2 thánh I-nhã chú tâm vào những người được mô tả trong quy tắc I: 3 -4, họ có thể an tâm quên đi Quy tắc 1 trong thực hành, khi ấy họ đang ở trong nguy cơ hiểu sai cách trầm trọng những người mà họ muốn giúp, thậm chí họ có thể cho những lời khuyên không chỉ không phù hợp mà còn gây hại nữa. Trước khi cố gắng để giải thích các xúc cảm bên trong của một người, họ luôn phải cố gắng không chỉ để biết mức độ thiêng liêng của người đó như thế nào, mà còn quan trọng hơn nữa là liệu xem người ấy đang tiến bộ hay sa sút trong đường thiêng liêng, đang tấn tới hay đang suy sụp.

Điều sẽ giúp ích rất nhiều là giữ trong tâm trí những loại người trái ngược này và sẵn sàng đề cập đến những loại người đó trong những cuộc bàn luận. Chúng ta có các thuật ngữ để

Chương 3: Những nguyên tắc căn bản giúp nhận định thần loại

nhấn mạnh những gì tạo thành điểm tương phản thiết yếu của hai loại người đó để không lẫn lộn họ. Những từ: “những Ki-tô hữu đang tấn tới và sa sút” hoặc “những người đang tấn tới và sa sút về thiêng liêng” sẽ phục vụ tốt nhất. Những thuật ngữ “đang tấn tới” (maturing) và “đang sa sút” (regressing) diễn đạt cách chính xác sự hiểu biết về những người được giải quyết trong các Quy tắc 1 và 2. Việc chúng ta đang nói đến những người đang tấn tới và sa sút về thiêng liêng ngăn ngừa một sự hiểu biết chỉ về mặt tâm lý, bởi vì nó chỉ ra một đời sống được sống trong tương quan với Thánh Thần của Thiên Chúa. Việc chúng ta đang nói đến những Ki-tô hữu đang tấn tới và sa sút là thích hợp, bởi vì thánh I-nhã chắc chắn đang nói đến và nói về những Ki-tô hữu ấy. Từ lúc này, chúng ta sẽ sử dụng những thuật ngữ này trong việc đề cập đến những mẫu người trái ngược mà thánh I-nhã lưu ý trong những quy tắc này.

Những Tác Động của Hai Loại Thần lên Một Ki-tô Hữu Đang Sa Sút. Quy tắc I:1

Điểm thứ hai mà thánh I-nhã nêu ra trong quy tắc đầu tiên, sau khi phân biệt những loại người với những chiều hướng trái ngược nhau trong lối sống của họ: những con người này cảm nghiệm những chuyển động trái ngược nhau từ những thần lành và thần dữ. Trong quy tắc đầu tiên, ngài đề cập đến một người tín hữu đang sa sút.

Thần dữ không tìm thấy sự đối lập mạnh mẽ nào từ tình trạng căn bản của người sa sút về đường thiêng liêng. Hắn chỉ cần đi theo khuynh hướng của người đó và đặt ra những gì tương hợp theo đó mà thôi. Thánh I-nhã nói rằng, hắn thường đặt ra “vui thú giác quan” (sensual delight). Điều mà hắn thường thực hiện, thì hắn sẽ không loại trừ thủ đoạn nào; và hạn từ “giác quan” được thánh I-nhã sử dụng một vài lần với

một ý nghĩa rộng hơn điều mà chúng ta thường nghĩ về từ này. Điều mà thần dữ phải lưu ý là sự vượt quá sức chính nó, là cảm dỗ người sa sút tới những gì quá mức với sự dữ hoặc điều ít tốt hơn, đối với những gì hẳn cố ý xui giục ở bước kế tiếp, vì như vậy sẽ tạo ra cuộc xung đột công khai với chính sự tốt lành của người đó, dù sự tốt lành ấy không chiếm ưu thế nơi người đó. Luôn luôn rình chờ cho một cú đánh trực diện hạ gục đối phương vào lúc có thể, thần dữ còn sẵn lòng kiên nhẫn để phá hoại từng chút một, thậm chí ở mức gần như không nhận ra được. Để giữ cho sự sa sút tiếp diễn, dù dần dần từng bước hay bằng cú trượt dài, đó là điều thiết yếu cho hắn, “để cầm giữ họ và gia tăng nơi họ những vết xấu và tội lỗi”. Giữ họ trong tình trạng của họ và duy trì đà sa sút ấy, đó là mục tiêu của thần dữ.

Thần lành lại tác động lên những tín hữu sa sút theo một đường lối trái ngược. Đó là, thần lành đụng chạm với xu hướng sa sút căn bản nơi họ, và đi vào với “sự dễ cảm thấy và nhận biết” (Lt 335). Mặc dù thần lành không thể sử dụng khuynh hướng căn bản hay toàn bộ xu hướng trong chính những người này cho mục đích của mình, thần lành có thể và vẫn lôi cuốn, kêu gọi lẽ phải bên trong họ, và qua đó gây nên cảm thức đúng đắn, lành mạnh và thậm chí cả nỗi đau đớn về tội lỗi.³⁷ Thần lành làm họ căn rút lương tâm về những gì không chính đáng trong lối sống của họ, với ý hướng rằng nỗi đau đớn của họ sẽ dẫn họ tới một sự thay đổi đường hướng.

³⁷ Thánh I-nhã rất tôn trọng lí trí của con người. Ngài biết rõ rằng một người có thể bị lạc đường do những cảm xúc riêng của họ và do sự lừa phỉnh của Satan. Tuy nhiên, ngài có khuynh hướng xem nó chủ yếu như đang đứng về phía Thiên Chúa. Xem Lt, [2, 87, 96, 180-182].

Chương 3: Những nguyên tắc căn bản giúp nhận định thân loại

Nếu lẽ phải là tất cả những gì Thánh Thần có thể gọi lên trong những tín hữu sa sút, thì có khi chẳng hiệu quả gì hệ tại nơi chính lời kêu gọi đó. Thực tế đúng là lẽ phải có thể gây nên nổi thống khổ tinh thần bên trong họ, nhưng điều này cũng chỉ ra rằng bên trong họ có một nơi nhạy cảm mà nơi ấy sẽ nghiệm được tiếng nói của lương tâm đối với những mục đích của Thánh Thần. Họ đang sa sút, đó là sự thật, khuynh hướng thiêng liêng đối kháng của lòng vị kỷ đang lớn lên trong đời sống của họ. Nhưng vẫn còn một chiều kích thiêng liêng trong cảm thức của họ, tuy mờ nhạt và đang xuống dốc nhưng có thực, một khát vọng nhạy nhòa nhưng thực tế dành cho sự thật, cho điều tốt lành, và dành cho Thiên Chúa. Khi mọi thứ khác qua đi, luôn luôn còn lòng mong mỏi tự nhiên không thể mất đi được của trái tim con người dành cho Thiên Chúa. Lòng mong mỏi ấy có thể bị che phủ, bị cầm nín, nhưng không bao giờ bị xóa nhòa.

Những Tác Động của Hai Loại Thần lên Một Ki-tô Hữu Đang Tấn Tới. Quy tắc I:2

Tất cả những gì được nói tới rất dài trong Quy tắc I:1 - 2 là sự chuẩn bị để bây giờ chúng ta có thể hướng sự chú ý đến đường lối mà những thần lành và dữ tác động lên một Ki-tô hữu đang tấn tới, chính yếu vì họ mà thánh I-nhã thảo ra những quy tắc này.

Trong Quy tắc I:2, khi bàn về cách thức các thần khác nhau tác động lên những người đang tấn tới trên đường thiêng liêng, thánh I-nhã nói rằng đây là sự liên kết từ trong bản tính (*proprio es = It is connatural to*)³⁸ của mỗi loại thần

³⁸ *Proprio es* có thể có những cách dịch khác: “đó là một cách của” (Rickaby) hoặc “nó là đặc điểm của” (Puhl) hay “nó là đặc trưng của”. Tất cả những cách này không rõ ràng và nhấn mạnh như cách dịch “it is connatural to - cùng bản tính với-” những gì thánh I-nhã

nhằm thúc đẩy nơi những con người như vậy những chuyển động mà được quy gán cho mỗi thần theo lệ thường. Nói như vậy mang nhiều ý nghĩa hơn cách nói rằng mỗi thần thông thường và thường xuyên tác động theo cách này. Điều này có nghĩa rằng xu hướng tác động của các thần nhất thiết bắt nguồn từ chiều hướng nhân từ hay ác độc của ý muốn thăm sâu và vững chắc, liên hệ đến chính bản tính của các thần. Kết quả là, theo sự phân tích đến cùng, các thần không thể hành động cách khác được. Không có nghĩa rằng một thần dữ được Thiên Chúa tạo nên với một bản tính xấu, hoặc rằng một thần được tạo ra tốt lành lại không thể trở thành thần dữ. Về bản chất các thần đến từ Thiên Chúa, thánh I-nhã tin rằng, những thần này chỉ có tốt lành và đẹp đẽ; nhưng các thần cũng được phú ban cho tự do mà bởi đó các thần có thể diễn tả và hoàn tất những gì Thiên Chúa muốn chúng là, hoặc bởi tự do mà chúng có thể phạm tội và làm cho chúng vĩnh viễn trở nên xấu xa. Bằng một lý do về những gì mà một tội của thần dữ gây ra nơi chính hắn, giờ đây hắn không thể có ý định tác động bất cứ cảm xúc nơi con người ngoại trừ những cảm xúc mà ngay lập tức hoặc có ý nhắm tới việc phá hoại hạnh phúc và tốt lành của con người, đặc biệt phá hoại đời sống Ki-tô giáo về đức tin, đức cậy, và đức mến. Hắn là “tên sát nhân và dối trá” (Ga 8, 44) hoàn toàn không thể thay đổi được. Mặt khác, Thiên thần lành hoàn toàn quy phục Chúa Thánh Thần, và Thánh Thần, cùng hoặc không cùng với sự trung gian của một

muốn nói ở đây và trong quy tắc II:7, có nghĩa là những tác động này khởi đi từ thần lành và thần dữ bởi những lý do của chính chúng, tất nhiên, cần hiểu rằng chúng là những thần thụ tạo mà đã trở thành những gì chúng là theo lựa chọn tự do của chúng. Các từ điển tiếng Anh định nghĩa hạn từ *connatural* bằng những từ như *nature* (bản tính), *innate* (bẩm sinh), *inborn* (bẩm sinh), *congenital* (bẩm sinh).

Chương 3: Những nguyên tắc căn bản giúp nhận định thân loại

thụ tạo thân linh, không bao giờ gây ra bất cứ chuyển động nào trong chúng ta trừ ra những chuyển động hướng tới sự thăng tiến của ta trong đời sống Ki-tô giáo, bởi vì Người là Thần Khí trao ban sự sống không hề thay đổi, Người là sự thật và là tình yêu không chút vị kỷ.

Nếu Thiên Chúa là chân lý ban sự sống và là tình yêu hiến tế cho con người, thì những chuyển động mà Người thúc đẩy bên trong một người sẽ hướng tới những điều tốt lành này, trong phạm vi anh được ban cho bằng đức tin sống động, là ánh sáng, sự sáng lạng, lẽ phải, sự thật trong những cảm xúc và hành động, sự gia tăng đức tin và đức ái, và cả những hệ quả của đức ái (bao gồm niềm trông cậy, can đảm và năng lực tích cực). Đôi khi chúng cũng đi kèm với những xúc cảm về bình an và niềm vui thiêng liêng, sự ấm áp, ngọt ngào, sự mãn nguyện và nghỉ ngơi trong tâm hồn. Trái lại, nếu Sa-tan là một tên sát nhân và một kẻ dối trá, chống đối Thiên Chúa, phản Ki-tô, phản lại bản tính loài người (là “kẻ thù của bản tính loài người” trong cụm từ của thánh I-nhã), thì ảnh hưởng của hắn cũng sẽ chỉ là sự trái ngược với những điều ở trên. Hắn sẽ gây ra tăm tối, sự sợ hãi, nổi thống khổ, cảm xúc mất cân bằng, những sự xét đoán và hành động vô lý, cảm giác lạnh nhạt với Thiên Chúa, hờ hững với việc phụng sự Chúa, tất cả đều hướng tới sự ngã lòng, nhát đảm, sa sút đức tin, đức cậy, và đức ái.

1. Những Tác Động của Thần Dữ

Tất cả những chuyển động trong tâm trí của một tín hữu đang tấn tới đã được đề cập trên đây cũng được đề cập trong một hay một vài chỗ khác trong những thư từ của thánh I-

nhã.³⁹ Tại Quy tắc I:2 này ngài chỉ nhắc đến một ít [chuyển động] trong số đó. Trước tiên ta suy xét những chuyển động từ thần dữ. Thần dữ, ngài nói, làm dày vò những tín hữu đang tấn tới, làm buồn lòng họ, cố gắng làm tiêu hao sức lực họ bằng những chướng ngại trên đường họ đi, viển dẫn những ý nghĩ sai lầm như là sự thật. Hẳn làm bất cứ điều gì có thể, nếu không làm cho người tín hữu đang tấn tới thoái lui được, thì cũng ngăn chặn sự tiến bộ của họ. Và ngay cả khi không thể làm được vậy, hẳn chỉ đơn thuần khiến họ khổ sở. Sa-tan đầy hiểm độc, căm hận và là kẻ thù. Như thánh I-nhã nói rõ trong một lá thư đề ngày 18 tháng Sáu, năm 1537, cho Teresa Rejadell:

Nếu hẳn (Sa-tan) tìm ra ai đó có lương tâm dễ dãi và ai sa ngã vào nhiều tội lỗi mà thiếu suy xét về sự trầm trọng của tội, hẳn làm mọi sự có thể để những tội nhẹ có vẻ như không là tội, hẳn khiến những tội lỗi rất nghiêm trọng thành ra một chuyện rất bình thường, vật vãnh. Theo cách này, hẳn lợi dụng cơ hội là dịp tội mà hẳn nhận thấy trong chúng ta, tôi muốn nói về những lương tâm quá lòng léo, bê trễ. Mặt khác, Sa-tan đột kích người có lương tâm ngay thẳng (dù rằng, một lương tâm ngay thẳng tự trong nó không có mắc lỗi) và thấy rằng chính người đó ngăn chặn không chỉ mọi tội trọng, mọi tội nhẹ (càng chặn nhiều tội nhẹ càng tốt, vì chúng ta không thể ngăn chặn hết chúng được), mà họ còn cố gắng tự kiềm chế ngay cả bóng dáng của tội nhẹ, sự bất toàn và khiếm khuyết, hẳn cố gắng làm cho tâm tối và bối rối lương tâm tốt lành đó bằng cách bày ra tội ở những chỗ chẳng hề có, thay đổi sự hoàn thiện thành khiếm khuyết. Mục đích duy nhất của hẳn là quấy rối và làm cho người đó khó chịu và khổ sở, khi những cơ

³⁹ Đối với cấu trúc song song của những điều thánh I-nhã đề cập về những dấu hiệu của những thần này với những gì được đề cập trong các Giáo Phụ, xem Hugo Rahner, bản dịch của Michael Barry, *Ignatius the Theologian* (New York, 1968), c tr. 164-180; hay bản tóm lược trong Wulf, ed., *Ignatius: Personality and Heritage*, c tr. 272-279.

Chương 3: Những nguyên tắc căn bản giúp nhận định thân loại

hội tình cờ thường xảy đến mà hấn không thể quy điều đó thành tội được, hoặc ngay cả khi hấn không hy vọng làm được như vậy, hấn ít nhất cũng cố tới cùng để làm bực mình, khuấy động người đó.⁴⁰

Trong đoạn trích từ lá thư trên của thánh I-nhã và cả trong các Quy tắc I: 1-2, và bất cứ nơi nào ngài nói về công việc của Sa-tan, sự không chân thật và lừa phỉnh luôn được nhấn mạnh. Đôi khi, có ý kiến cho rằng thánh I-nhã chỉ bàn đến sự lừa phỉnh của Sa-tan trong bộ quy tắc thứ hai, và cho rằng trong bộ thứ nhất ngài chỉ bàn tới những đòn đánh trực diện của Sa-tan mà không nói tới sự lừa phỉnh và những cách ra tay khéo léo để hạ gục nạn nhân của hấn bằng sức mạnh chủ yếu của tối tăm, sự đau đớn, mệt mỏi, thất vọng. Đây không phải là một lời phát biểu xác đáng cho những điều trong những quy tắc này. Điểm riêng biệt đối với bộ các quy tắc thứ hai chính là một dạng đặc biệt của mảnh khốe lừa phỉnh, một trò đặc biệt xảo quyệt mà Sa-tan đội lốt như một thiên thần ánh sáng và bắt đầu sự lừa phỉnh của hấn với những ý nghĩ thánh thiện và sự an ủi hoặc bằng cách gây rối ren vào thời điểm mà cảm nghiệm về ơn an ủi của Chúa chấm dứt. Ngay cả trong bộ các quy tắc thứ nhất cũng có nhấn mạnh rằng Sa-tan là kẻ lừa gạt trong nhiều cách khác nhau. Làm suy yếu chúng ta bằng những đòn đánh trực diện kéo dài, hấn đẩy chúng ta vào trạng thái mà làm chúng ta yếu đuối hơn trước những lý luận sai lầm mà hấn thúc đẩy. Một cách chủ yếu những sa ngã vô tình dù nghiêm trọng mà thần dữ tấn công cũng chẳng đạt được mục đích của hấn bao nhiêu nếu hấn không thể lừa dối ta vào việc hiểu sai mối tương quan của ta với Thiên Chúa, hoặc giải thích sai kinh nghiệm của chúng ta trong một cách thế mà làm cho chúng ta trở nên nhát胆. Hấn sẵn sàng lừa dối rằng thật là không thể để ta theo những gì ta nghĩ là lời gọi

⁴⁰ *LettersIgn*, tr. 21.

của Thiên Chúa, và do vậy sẵn sàng quay lại hoặc từ bỏ cố gắng vươn lên từ điều tốt đến điều tốt hơn để làm vinh danh Chúa hơn.

Đường lối mà Sa-tan thực hiện làm suy yếu và dẫn ta vào sai lầm và ngã lòng về cuộc sống của ta sẽ được bàn tới đầy đủ, chi tiết hơn trong phần chú giải Quy tắc I:4. Tuy nhiên, có hai điều xem ra thích hợp để lưu ý ở đây: để ý chính yếu vào những chướng ngại vật được Satan đặt để trên con đường của người mới bắt đầu, nhưng không loại trừ những người khác. Chướng ngại đầu tiên đến cho những ai mà đời sống họ cho đến thời điểm hiện tại luôn bị phân rẽ. Những người mà giờ đây đang cố gắng quy hướng cuộc sống về Thiên Chúa một cách nhiệt thành, phải chịu những yêu cầu bất khả về sự chú tâm và thời gian, vì sự dính bén vào những thú rỗng tuếch hoặc những thú tiêu khiển, tham vọng hay những kế hoạch tội lỗi. Họ phải chịu sự khinh bỉ hoặc nhận lời khuyên “chân thành” cho “sự tốt lành của riêng họ”. Họ bị điều tiếng rằng họ không thực tế, mất cân bằng, là những kẻ cuồng tín (và đúng là có đủ loại người như thế xung quanh ta làm cho người khác phải lúng túng do dự về chính họ). Không ai khi mới bắt đầu yêu mến và phụng sự Thiên Chúa với toàn bộ lòng yêu thích và năng lực của họ mà không ngạc nhiên về một kinh nghiệm như thế. Nó lặp đi lặp lại trong đời sống của những ai thực hiện một cuộc hoán cải nghiêm túc hoặc bắt đầu đi theo một ơn gọi tu trì. Rồi nó cũng còn diễn ra khi Chúa gọi và ban ân sủng cho một cuộc hoán cải hoàn toàn hơn và sự liên kết trọn vẹn hơn với Người.

Điều mà thậm chí phổ biến và nguy hiểm hơn những chướng ngại được dựng nên bởi những người khác lại là những chướng ngại hão huyền (lừa phỉnh là ở đó!) mà thần dữ thúc đẩy ta, được vẽ lên trong trí tưởng tượng riêng của

Chương 3: Những nguyên tắc căn bản giúp nhận định thân loại

chúng ta. Những thứ này xóa đi những kinh nghiệm vui mừng trong quá khứ và mọi niềm mong chờ hợp lý trong tương lai. Chúng làm cho mọi sự ra đen tối, trống rỗng trong bất cứ sự thỏa mãn hay vui thích nào và quá khó và quá nguy hiểm để chịu đựng với hy vọng thành công. Thánh I-nhã nói rõ trong cùng lá thư đó:

Trước hết, kẻ thù như thường lệ đi theo đường lối này. Hấn đặt những chướng ngại vật và những trở ngại trên đường của những ai yêu mến và bắt đầu phụng sự Thiên Chúa chúng ta, và đây là vũ khí đầu tiên hấn sử dụng trong những nỗ lực của hấn hòng làm tổn thương họ. Chẳng hạn, hấn hỏi rằng: "Làm sao bạn có thể tiếp tục cuộc sống đầy những sự sám hối, cuộc sống bị tước mất tất cả bạn bè, người thân, và tài sản? Làm sao bạn có thể trải qua một cuộc sống thật đơn độc, không được nghỉ ngơi, trong khi bạn có thể cứu linh hồn bạn bằng những cách khác mà không có những mối đe dọa như vậy?" Hấn cố gắng khiến ta hiểu rằng chúng ta phải sống một cuộc đời khá hơn cuộc sống hiện tại, bằng cách đưa ra những lý lẽ về những thách đố mà cuộc sống hiện tại này chưa ai từng trải qua. Hấn không quên nhắc nhở chúng ta về sự an ủi và thỏa mãn lớn lao mà Chúa chúng ta thường ban cho các linh hồn ấy như là những người mới trong việc phụng sự Chúa chúng ta, vượt qua mọi chướng ngại trên và lựa chọn chịu đau khổ cùng Đấng Tạo Dựng và Chúa của họ.⁴¹

Thánh I-nhã đã có một kinh nghiệm như thế khi ngài bắt đầu cương quyết quay trở về với Thiên Chúa.⁴² Tất cả những ai dành trọn con tim của họ trong việc phục vụ Thiên Chúa phải mong có những kinh nghiệm như thế, vì sẽ hoàn toàn thấy những sai trái đối với một giám sát có kinh nghiệm, và có vẻ hợp lý đối với một chủ thể đang bị đè nặng dưới sức ép (của những chướng ngại ấy).

⁴¹ *LettersIgn*, tr. 19.

⁴² *Autobiog*, soá 20, trong *St, Ignatius' Own Story*, c tr. 17-18.

Để chống lại những trò lừa phỉnh làm ngã lòng của Sa-tan, người mà thật sự chắc chắn về bản chất của những chuyển động do hắn ngấm ngầm thúc đẩy sẽ nắm bắt thật nhanh. Đó là, mọi chuyển động từ thần dữ là vì mục đích dẫn con người vào tội lỗi, vào sự sa sút trong việc phụng sự Chúa, hoặc ít nhất cũng ngăn chặn sự tiến tới. Chính những chuyển động này hướng tới mục đích ấy, chính chúng làm sự trung tín và tiến tới trở nên khó khăn. Tuy vậy, điều cần phải nhấn mạnh là tự chúng không phải là tội lỗi hay sự sa sút trong việc phụng sự Thiên Chúa, hoặc không phải dấu chỉ tất yếu của bất cứ sự sa sút nào đang xảy ra. Cũng không phải chính những chuyển động đó đơn phương cản trở sự tiến tới. Tất cả phụ thuộc vào cách người đó phản ứng lại với tình trạng ấy. Nếu người đó phản ứng không tốt, thiếu sự chống trả các chuyển động này, một vài tác động xấu sẽ đi theo. Nếu người đó phản ứng một cách can đảm và khôn ngoan, sử dụng cả con tim và trí óc để chiến đấu với Sa-tan, lòng mến sẽ trở nên sắt son và tinh tuyền trong những cách thức chỉ có thể đạt được ngang qua cảm dỗ và sầu khổ mà thôi. Khi đó, Thiên Chúa sẽ ban cho người ấy ân sủng và vinh quang chỉ dành cho những ai đã chịu đựng cách trung tín với lòng dũng cảm và lòng mến đầy tinh thức. Đây là điều căn bản giúp chúng ta thực hiện được những gì thánh I-nhã đã viết nên bộ các quy tắc thứ nhất này.⁴³

2. Những Tác Động của Thần Lành

Song song với danh sách của thánh I-nhã về những tác động từ Sa-tan nơi tâm cảm và trí tuệ của người tín hữu đang tấn tới, thánh I-nhã liệt kê vài dẫn chứng về những tác động tốt lành và hoa trái từ Chúa Thánh Thần. Tất cả những tác

⁴³ Điều này sẽ trở nên rõ ràng trong Quy Tắc I: 5-14. Xem phần thảo luận về điểm này ở bên dưới - đầu chương 7.

Chương 3: Những nguyên tắc căn bản giúp nhận định thân loại

động này hoàn toàn trái ngược với những gì Sa-tan tác động: lòng can đảm, sức mạnh, on an ủi trong cảm xúc, tìm thấy sự diễn tả trong nước mắt về niềm vui và sự dịu êm, on khởi hứng và sự an tĩnh trong tâm hồn, những chướng ngại bị gạt bỏ, hoặc trở nên dễ vượt qua – tất cả điều này làm cho việc tiến tới trong đời sống phụng sự Thiên Chúa nên dễ dàng.

Trong danh sách minh họa những tác động do Chúa Thánh Thần nơi những tín hữu đang tấn tới, hai điểm đặc biệt có liên hệ với nhau rất đáng chú ý. Thứ nhất, Inhã bỏ đi những tác động thiết yếu hoàn toàn căn bản của Chúa Thánh Thần, đức tin, đức cậy, và đức ái,⁴⁴ và cả những sự biểu lộ tất yếu của đức tin, đức cậy, và đức ái như là lòng khiêm nhường, hiền hậu, kiên nhẫn, vị tha và những nhân đức tương tự. Tất cả, ngoại trừ tác động đầu tiên mà ngài đề cập tới, đó là: “lòng can đảm và sức mạnh”, đều ngẫu nhiên đối với cuộc sống Ki-tô giáo đang tiến triển trong thế giới này – những tác động mà có thể hoặc không thể được cảm nghiệm tại bất cứ thời điểm nào bởi người có những hành vi căn bản và thiết yếu về đức tin, đức cậy, và đức ái, với những hệ quả tất yếu của chúng, là những tác động mạnh mẽ và vững chắc và tinh tuyền. Bằng những hành vi căn bản và thiết yếu, tôi muốn nói chúng tất yếu nảy sinh trong trí tuệ và ý muốn của bất cứ ai, trong phạm vi mà anh hay chị đang sống một cuộc sống đức tin Ki-tô giáo

⁴⁴ Độc giả mà quen thuộc với những quy tắc này thì ngay tức khắc sẽ nghĩ đến Quy Tắc I:3, ở quy tắc này, dưới đề mục về “an ủi thiêng liêng”, thánh I-nhã nói về tình yêu bùng cháy, rõ ràng chính là đức ái, và về “sự triển nở của đức tin, cậy, mến.” Tôi chỉ khẳng định ở đây những gì tôi hi vọng chỉ ra sau đó (xem ch. 5, đặc biệt c tr. 103-107; cũng xem c tr. 60-63), mà trong khi an ủi thiêng liêng luôn luôn chất chứa đức tin, cậy và mến thì nền tảng chủ thể của nó, đức tin, cậy và mến không nhất thiết phải có hay dẫn đến on an ủi thiêng liêng theo cách mà thánh I-nhã sử dụng hạn từ này.

vậy thôi, và chúng tìm thấy sự diễn tả trong những khát vọng, những chọn lựa và những hành động. Những hành động này không phụ thuộc vào bất cứ loại cảm xúc đặc biệt nào của những cảm xúc, và chúng không cần tìm kiếm sự diễn tả ngang qua những cảm xúc như vậy.

Đặc điểm thứ hai đáng lưu ý trong danh sách thánh I-nhã đưa ra về những tác động do sự thúc đẩy của Thánh Thần bên trong người tín hữu đang tấn tới là mối liên hệ lẫn nhau của điểm thứ nhất. Thánh I-nhã không chỗ nào biểu thị rằng chính những tác động của thần lành mà ngài đề cập tạo nên bất cứ sự gia tăng nào, ngay cả chỉ ngắn ngủi, tạm thời, về cuộc sống đức tin Ki-tô giáo được thúc đẩy trong những hành vi của đức tin, đức cậy và đức ái, cũng như những hệ quả tất yếu của chúng trong cuộc sống một con người. Hai đặc điểm này đáng chú ý vì xu hướng thông thường giữa chúng ta, là cho rằng đời sống thiêng liêng đang phát triển khi ta kinh nghiệm những tác động chung này của Thánh Thần mà thánh I-nhã đề cập; và ta cũng nghĩ rằng đời sống thiêng liêng sa sút khi những tác động ngẫu nhiên này vắng mặt; hoặc đặc biệt, khi chúng bị thay thế bằng những tác động ngược lại của thần dữ.

Nếu chúng ta không hiểu rằng, thánh Inhã đang tổng hợp những tác động thiết yếu này nơi loại người đang tấn tới thì việc bỏ đi những tác động thiết yếu của Thánh Thần trong Quy tắc I:2 là một điều hoàn toàn không thể chấp nhận được. Quy tắc đang bàn về một người tín hữu đang tấn tới, người mà đang đi từ điều tốt đến điều tốt hơn. Không ai đi từ điều tốt này đến điều tốt hơn, xét như một Ki-tô hữu, ngoại trừ việc thực hiện những hành vi tốt hơn của đức tin, đức cậy, đức ái, và những hành vi khác mà giả định một đức tin, đức cậy, và đức ái lớn lao hơn. Giả định rằng chúng ta đang xem xét về một người như thế, thánh I-nhã muốn chỉ ra những tác động

Chương 3: Những nguyên tắc căn bản giúp nhận định thân loại

sâu xa hơn của Thánh Thần mà chúng có thể là sự trợ giúp tích cực đối với sự thăng tiến của họ trong đức tin, đức cậy, đức ái và những hệ quả tất yếu của nó (lòng khiêm nhường, kiên nhẫn, hiền hậu và những đức tính tương tự). Vài trong số những sự trợ giúp này, mà được tóm kết trong hạn từ “an ủi”, lại có thể là một dịp gây ra sự tai hại nếu như người đó đáp trả với sự hư danh, tự đắc hoặc trở nên quyến luyến với chúng. Sự an ủi ấy cũng có thể phục vụ cho việc tìm kiếm và nhận ra ý muốn của Thiên Chúa nếu như chúng được đón nhận và giải thích đúng đắn; nhưng chúng có thể bị giải thích sai lầm và nên dịp cho sự tự đánh lừa bản thân.

Những tác động như vậy của Thánh Thần không phải là những cách duy nhất mà Thánh Thần có để giúp chúng ta lớn lên trong đức tin, đức cậy và đức mến; Ngài còn giúp chúng ta bằng cách cho phép có sâu khổ và ban sức mạnh để chúng ta chịu đựng với lòng xả kỷ, can đảm và lòng mến mạnh mẽ ngang qua sự tằm tối và buồn phiền. Vậy, những tác động của Thánh Thần mà thánh I-nhã đề cập đến trong Quy tắc I:2 có thể vắng bóng không có nghĩa là có một sự sa sút trong đời sống Ki-tô giáo hay trong sự sa sút nơi những hành vi căn bản của một người. Quả là đúng khi thánh Phao-lô nói với chúng ta rằng đời sống Ki-tô giáo “là vấn đề... sự công chính, bình an và hoan lạc trong Thánh Thần” (Rm 14,17). Tuy nhiên, sẽ rất nguy hiểm và là một bi kịch nơi kết quả của nó khi nghĩ rằng sự công chính luôn luôn bắt nguồn trong bình an và hoan lạc – nếu đó không là một bình an và hoan lạc sâu thẳm, khi không được chú ý bởi chủ thể hoặc bị đắm chìm trong sự nhận thức về nỗi thống khổ, buồn phiền, sự kinh hãi, vì thế nó thích hợp với ngay cả nỗi sầu khổ đồng thời gây đau đớn nhất.⁴⁵

⁴⁵ Xem tr. 227-235 ở chương 10, đây là phần triển khai thêm. Luôn có những gì mà chúng ta gọi là “an ủi thiết yếu” của đời sống Ki-tô hữu, một yếu tố có tính cơ cấu về ý thức Ki-tô giáo, một tình trạng

a. An Ủi Thiêng Liêng (Bình An và Hoan Lạc)

Thánh I-nhã nhấn mạnh giá trị to lớn của bình an và hoan lạc thiêng liêng từ Thiên Chúa như một sự trợ giúp để gia tăng đời sống thánh thiện,⁴⁶ nhưng nó không là thành phần chủ yếu của sự thăng tiến ấy. Tuy nhiên, nó có thể dẫn đến kết quả là một sự bóp méo tai hại về những lời dạy của ngài nếu như sự nhấn mạnh như vậy về giá trị của an ủi không được hiểu dưới ánh sáng nơi những giáo huấn căn bản của ngài. Điều này nhấn mạnh cái mà ngài gọi là “hơn nữa đối với mục đích”. Nó cũng quả quyết mạnh mẽ sự thật đáng khuyến khích là sự thăng tiến về những điều thiết yếu của đời sống Ki-tô giáo không phụ thuộc vào sự an ủi, và chúng có thể tiếp tục tăng trưởng cho dù “có hoặc không có nhiều on an ủi”. Những điều rõ ràng hơn là những điều mà thánh I-nhã gọi là những “nhân đức vững chắc” như là kiên nhẫn, khiêm nhường, vâng phục, bác ái và những nhân đức khác. Ai quan tâm đến những nhân đức quan trọng hơn này thì không bị bối rối về việc tôi có nhiều on an ủi như thế nào, nhưng là luôn vui lòng “chấp nhận từ tay Chúa bất cứ điều gì Ngài ban cho”.⁴⁷ An ủi thiêng liêng là điều quan trọng trong đời sống của một tín hữu chỉ trong phạm vi mà nó giúp tăng trưởng tình yêu và đức tin cách sống động. Thánh I-nhã nói rõ cho những người tập Linh Thao để loại trừ những an ủi thiêng liêng mà không phù hợp hay không giúp đạt được mục đích mong ước của bất cứ tuần thao luyện nào (Lt 78, 206). Ngài còn cho thấy vài sự an ủi, ngay cả những an ủi thiêng liêng, được thúc đẩy bởi thần dữ

thiết yếu khởi đi từ niềm tin Ki-tô giáo (xem phần dưới, cuối chương 4). Cũng có một sự sâu khổ tương tự thuộc yếu tố cơ cấu của ý thức Ki-tô giáo trong thời gian. Đó Đó không phải là những điều mà thánh I-nhã muốn bàn đến.

⁴⁶ *LettersIgn*, tr. 181.

⁴⁷ *Ibid.*, tr. 342.

Chương 3: Những nguyên tắc căn bản giúp nhận định thân loại

(Lt 331 - 332).⁴⁸ Dù những giá trị của nó có thể lớn lao, an ủi thiêng liêng không nên được đánh giá quá cao, hoặc tự nó trở nên một mục đích, hoặc cho đó là dấu hiệu của một đời sống Ki-tô giáo tốt lành. Nó là một trong những phương tiện mà qua đó Thánh Thần giúp chúng ta tiến bộ; hoặc bởi đó mà Satan và lòng ích kỷ của chúng ta có thể sử dụng để làm hại chúng ta. Chúng ta phải “bình tâm” theo cách thánh I-nhã hiểu về từ đó, đối với an ủi thiêng liêng hay sầu khổ thiêng liêng trong cùng một cách chúng ta phải bình tâm trước sống trường thọ hay sống ngắn ngủi, sức khỏe hay bệnh tật... (Lt 23).

Một mặt, thánh I-nhã nghĩ rằng chúng ta nên cố gắng để luôn chuẩn bị đón nhận ơn an ủi, và thậm chí chúng ta nên ao ước nó mạnh mẽ trong phạm vi mà nếu có nó sẽ làm vinh danh Thiên Chúa hơn – nhưng chỉ trong phạm vi nó như vậy mà thôi. Mặt khác, chúng ta nên sẵn sàng chịu đựng và chiến đấu chống lại sầu khổ nếu điều đó là ý Chúa cho phép - dành cho sự thăng tiến thiêng liêng của chúng ta. Như chúng ta sẽ thấy trong chương 7, điều mà thánh I-nhã không tán thành là việc mà ta chỉ chịu đựng sầu khổ thiêng liêng mà không cố gắng chế ngự nó, mà không vươn tới bình an và hoan lạc trong Chúa.

Một số những tác động mà trong Quy tắc I:2 thánh I-nhã quy về thần lành tác động trên một tín hữu đang tấn tới sẽ được xem xét khi chúng ta chú giải những quy tắc tiếp theo, đặc biệt là Quy tắc I:3, về an ủi thiêng liêng. Nhưng có hai trong số tác động cần xem xét trước khi chúng ta đề cập đến an ủi và sầu khổ thiêng liêng, vì chúng căn bản hơn cả an ủi và sầu khổ. Chúng là những tác động của Thánh Thần - điều mà

⁴⁸ Cũng xem tr. 227-235 trong chương 10 bên dưới, phần được giải thích thêm.

thánh I-nhã đã giữ, có thể hiện diện tại mọi thời điểm trong đời sống của người Ki-tô hữu, và chúng phải luôn hiện diện tới chừng nào người ấy còn mở ra và hợp tác với Chúa Thánh Thần. Hai tác động căn bản đó là: “can đảm và sức mạnh”, song song với sự sáng láng và sự thật của lý do thiêng liêng (lý do được hướng dẫn bởi đức tin và đức ái). Tác động thứ nhất được phát biểu cách rõ ràng trong Quy tắc I: 2. Tác động thứ hai, trong phạm vi đang nói tới, được ngụ ý rất rõ ràng, như tôi sẽ đưa ra khi ta tới phần đó. Việc bàn luận về tác động sau (sức mạnh) sẽ bao gồm tất yếu cuộc bàn luận về một tác động khác của thần lành, là “gạt bỏ những chướng ngại”.

Tâm quan trọng căn bản của hai hoạt động của Thánh Thần có thể thấy được khi ta nhớ lại những mục đích ngược lại của Sa-tan. Nơi trong người tín hữu đang tấn tới, đức tin, đức cậy, và đức ái đều sống động và đang tăng tiến dù người đó đang trong an ủi, trong sầu khổ hay trong bình tâm. Mục tiêu của Sa-tan là phá hoại cuộc sống đó, hoặc nếu thất bại, thì cũng kìm hãm sự phát triển ấy. Những cách thức căn bản và ghê gớm nhất mà hắn sử dụng nhằm đạt được mục đích là: nhát đảm và lừa phỉnh. Đối lập trực tiếp với chúng là hai cách thức căn bản và uy lực nhất của Thánh Thần để giúp người tín hữu lớn lên tới mức sung mãn của đời sống đức tin là: sức mạnh, lòng can đảm, sự thật và sự trong sáng. Giờ đây chúng ta xem xét từng cách thức.

b. Can Đảm và sức mạnh

Animo y fuerzas “can đảm và sức mạnh” là một cụm từ xuất hiện nhiều lần trong sách Linh Thao. Nhưng từ *fuerzas* (sức mạnh) đó được nói đi nói lại và diễn tả một số điều căn bản đối với linh đạo I-nhã. Trong suy nghĩ của Inhã, nó dường như có ý nghĩa đặc biệt liên quan đến việc chúng ta phản ứng lại những cám dỗ và sầu khổ hay bất kỳ cản trở nào đối với sự

Chương 3: Những nguyên tắc căn bản giúp nhận định thân loại

thăng tiến trong và qua sự diễn tả niềm tin và tình yêu. Khi người hướng dẫn linh thao thấy thao viên bị cảm dỗ hay sầu khổ, thánh Inhã nói, người hướng dẫn cần tỏ ra dịu dàng và tốt lành, khuyến khích họ can đảm và mạnh mẽ cho tương lai [Lt 7]. Nếu khi thực hiện một quyết định, người đó tha thiết nghiêng chiều về một điều gì đó với bất kỳ một lý do nào khác ngoài việc ca ngợi và phụng sự Chúa hơn thì người đó nên động viên chính mình đem hết nghị lực phản ứng, hướng chiều về điều ngược lại với chiều mình tha thiết.[Lt 16]⁴⁹ Trong thời gian của an ủi thiêng liêng, thánh Inhã muốn chúng ta xem xét chúng ta sẽ phải chống trả như thế nào trong cơn sầu khổ sắp đến, đồng thời dành lấy sức lực cho lúc đó.[Lt 323] Trong khi gặp sầu khổ chúng ta suy xét rằng: chúng ta có thể làm được nhiều nhờ ơn Chúa trợ giúp. Ơn đó luôn ở với ta để chống lại mọi kẻ thù thiêng liêng, nhờ lấy sức mạnh của Đấng Tạo Hóa và là Chúa ta.[Lt 324]

Việc tập hợp những bối cảnh khác nhau mà trong đó thánh I-nhã đề cập hạn từ *sức mạnh* giúp cho ta thấy hai điều: điều rất quan trọng trong đời sống Ki-tô hữu mà Inhã đặt đề vào đó từ *sức mạnh* và ý nghĩa chính xác của từ ấy. Thứ nhất, đó là về tầm quan trọng của nó. Sự tăng tiến hoặc sa sút tùy thuộc vào người tín hữu có phát huy sức mạnh này hay không. Không có sức mạnh đó họ sẽ sụp đổ tức thì và thực hiện những quyết định dựa trên sự nghiêng chiều ích kỷ và sợ sệt hơn là tình yêu vô vị lợi với Chúa và ước muốn cho vinh danh Ngài. Không có sức mạnh họ sẽ bị sự sầu khổ cuốn vào trong sự mất can đảm, khi mất can đảm họ đi ngược lại nỗ lực trở nên môn đệ đích thực của Đức Ki-tô.

Thứ hai, những lối sử dụng hạn từ *sức mạnh* trong những văn cảnh khác nhau giúp ta rút ra được sự phong phú của hạn

⁴⁹ Xem linh thao 157 và tiếp theo các trang 160-162

từ và hiểu chính xác ý nghĩa thánh Inhã hiểu về hạn từ này. *Fuerzas* có thể mang nhiều nghĩa gần nhau, thậm chí nghĩa đan xen với các từ: sức lực, sức mạnh, năng lực, tiềm lực..., tất cả liên hệ đến hành động.⁵⁰ Bây giờ một người có thể có sức khoẻ, sức lực và sức mạnh nhưng không có nghị lực và năng lực (cũng giống như một con voi về mặt thể lý khác với một con sóc). Thánh I-nhã dường như có nói cả sức mạnh thể lý và sức mạnh trong tâm trí, sức lực và sự mạnh mẽ trong việc sử dụng nó. Ta không thể tự ý dịch từ *fuerzas* là sức mạnh và nghị lực mà trong cụm từ này nó còn có điều gì hơn nữa, nó dường như còn có ý nghĩa can đảm, điều mà có thể thiếu nơi người có đầy đủ sức lực và năng lực trong hành động. Từ *fuerzas* có thể như một dạng rút gọn của cụm từ *animo y fuerzas* trong thuật ngữ của I-nhã. Ý nghĩa đầy đủ này phải được lưu ý khi ta sử dụng chỉ một từ như từ “sức mạnh” hoặc “sức khoẻ”... Từ *fuerzas* của I-nhã là can đảm, có sức mạnh và khả năng tích cực.

Những ngữ cảnh giúp làm sáng tỏ hơn và ngữ cảnh cũng cần thiết để hiểu đúng, cũng như để thêm một số cụm từ xác định và một số tính chất mà có thể giới hạn phạm vi của hạn từ này. Trong những bản văn thánh I-nhã luôn sử dụng từ này ám chỉ sức mạnh và khả năng tích cực. Năng lực này thuộc về ý muốn hơn là thể lý.⁵¹ Nó trực tiếp thúc đẩy ý muốn tình cảm hoặc tư tưởng [Lt 16, 195] và kìm hãm hoặc ít ra là khống chế sự ảnh hưởng của những tư tưởng không mong muốn và

⁵⁰ Bản Vulgate dùng từ *vis* và *vires*. Cũng thật quan trọng là trong quy tắc I: 14, thánh I-nhã dùng từ tương tự khi qui chiếu đến những lực lượng quân sự. Thánh I-nhã nói: Satan hành động giống như một viên chỉ huy quân đội là kẻ dò thám phía lực lượng của quân thù làm sao và chúng được bố trí như thế nào.

⁵¹ Có một minh họa việc dùng từ *fuerzas* để chỉ năng lực thể lý. Xin xem Lt: [213].

Chương 3: Những nguyên tắc căn bản giúp nhận định thân loại

những tư tưởng bộc phát trong hành động (Lt: 16, 155) hay cả hai (Lt: 7, 323, 324, 327). Đặt tất cả các tính chất này với nhau chúng ta thấy *fuerzas* nói về can đảm, sức mạnh và ý chí, nó lệ thuộc vào quyết định của cá nhân. Điều đó tùy thuộc vào người khẳng định nó để khởi xướng hoặc xác chuẩn hoặc chống đỡ và thay đổi các thúc đẩy bên trong của chính mình như các tư tưởng, các ước muốn, ác cảm, niềm vui, nỗi buồn – đến mức mà điều này có thể làm và điều kia không thể làm. Để ta kìm chế bất kỳ ước muốn lệch lạc nào, để chọn lựa và hành động theo đó.

Chúng ta cũng có thể đánh mất ý nghĩa của từ *fuerzas* như đã được thánh I-nhã sử dụng trong Linh Thao nếu ta không thêm vào hai đặc điểm: (1) sức mạnh tinh thần; (2) và nó không có ràng buộc thiết yếu nào với an ủi thiêng liêng.

Fuerzas chỉ rõ sức mạnh và nghị lực thiêng liêng vì đó là hồng ân của Chúa Thánh Thần. Nó có cùng bản chất mà thần lành thúc đẩy. Có lẽ không phải tự nhiên mà I-nhã đặt sự can đảm và sức mạnh trước hết trong danh sách những hiệu quả cùng loại được tác động bởi thần lành để giúp phát triển đời sống đức tin [Lt 315]. Hơn nữa, sức mạnh này là điều thuộc thiêng vì nó hoạt động chỉ trong đời sống đức tin của người nhận. Chính can đảm và sức mạnh sẽ thực hiện các hoạt động của đời sống đức tin mà qua đó nó biểu lộ và tăng tiến. Đó là năng lực tích cực để đương đầu và chống lại tất cả những gì đe dọa đời sống đức tin. Những tư tưởng và tình cảm được thúc đẩy là những tư tưởng và tình cảm thuộc thiêng, những tư tưởng mà nó không thúc đẩy / chống lại là những tư tưởng, tình cảm không thuộc thiêng.

Fuerzas không có ràng buộc thiết yếu với an ủi thiêng liêng. Đặc điểm thứ hai này chỉ ra nền tảng, thậm trí là nền tảng thiết yếu về vị trí của ân sủng sức mạnh thiêng liêng

trong đời sống Ki-tô hữu. Nó cần thiết và khả thể trong mọi điều kiện cảm nghiệm thiêng liêng: trong an ủi hoặc sầu khổ hoặc yên tĩnh. Thật ra vì ta đang ở trong bộ I - đề cập đến tính cách thiêng liêng của người đang tăng trưởng trong khi sầu khổ và dưới sự tấn công của thần dữ. Thánh Inhã nói nhiều về sức mạnh thiêng liêng này trong khi sầu khổ hơn là trong an ủi. Như sẽ rõ ràng cách đặc biệt trong quy tắc I: 6-9, 11-12. Nhu cầu cần thiết trước nhất của người Ki-tô hữu trong sầu khổ là sức mạnh và can đảm để giữ mình và để đưa ra một cuộc phản công mạnh mẽ và khôn ngoan. Tất cả các bản văn chúng ta tập hợp ở trên đều khẳng định điều này. An ủi thiêng liêng mà thánh Inhã muốn đề cập cho thấy rằng sự can đảm và sức mạnh từ Chúa Thánh Thần thì không được nói đến như một thứ xuất phát từ chính bản chất tự nhiên của nó.⁵² Ông ban can đảm và sức mạnh không làm nên an ủi và chính nó không trực tiếp xóa bỏ hay làm giảm sầu khổ. Nó cho người ta sức mạnh để chống cự và cuối cùng là để chế ngự sầu khổ thiêng liêng. Điều này không có nghĩa là can đảm và sức mạnh cũng không được ban khi có an ủi. Nó thì tách biệt bất kỳ ràng buộc cần thiết nào với an ủi cứ như trao ban can đảm và nghị lực là trao ban an ủi, như thể Chúa Thánh Thần không hiện diện một cách gần gũi và ban ơn cách quảng đại trong suốt thời gian sầu khổ cũng như khi an ủi.

⁵² Thánh Gioan Thánh Giá ghi chú cảm nghiệm khô khan thế nào trong đêm tối của giác quan, “linh hồn cảm nhận sức mạnh và nghị lực để chiến đấu” *fortaleza y brio para obrar* (*The Dark Night of the Soul* I, 9,6 [ở đây viết tắt là *Dark Night*]). Tất cả những bản dịch của thánh Gioan Thánh Giá được lấy từ bản bản dịch của Kieran Kavanaugh, O.C.D. và Otilio Rodrigues, O.C.D. *The Collected Works of John of the Cross*- tuyển tập các tác phẩm của Thánh Gioan Thánh Giá (Washington, 1973). (tham khảo *Works*).

Chương 3: Những nguyên tắc căn bản giúp nhận định thần loại

Chẳng bao giờ sâu khổ lại không cần đến đời sống can đảm và sức mạnh của niềm tin cậy mến dưới hoạt động quyền năng và yêu thương của Thánh Thần. Thậm chí đôi lúc những hoạt động mạnh mẽ và tinh tuyền của niềm tin cậy mến lại triển nở trong sự đen tối và khô khan. Trong nơi sâu thẳm nhất của mỗi người, nơi mà người ta biểu hiện trí năng, tình yêu theo một nhân quan đúng nhất (tách biệt với cảm xúc) và có sức mạnh chọn lựa cách tự do. Tại nơi đó, đời sống của con người có được sức mạnh trỗi vượt, nơi đó Thánh Thần ban sự can đảm và nghị lực. Những hồng ân này được ban cho cả trong sâu khổ cũng như trong an ủi. Chúng giúp cho đời sống đức tin, cậy, mến được duy trì và tăng trưởng. Nhờ đó khi yếu đuối ta được nâng đỡ bởi Thánh Thần và các cản trở trong ta được Ngài dỡ bỏ hoặc giải thoát để ta được tràn ngập cảm thức an ủi.⁵³ Can đảm và sức mạnh thiêng liêng là hoa trái thiết yếu của niềm tin, cậy và mến; thước đo của chúng là thước đo của các hành động thiết thực phát sinh từ niềm tin, cậy, mến. Để tăng cường cái sau chính là tăng cường cái trước. Cảm nghiệm được sự triển nở về sức mạnh và can đảm thiêng liêng trong việc tìm kiếm, thi hành và vâng theo thánh ý của Chúa thì đó chính là một dấu hiệu về sự triển nở của niềm tin sống động do Chúa Thánh Thần, một dấu hiệu chắc chắn hơn bất kỳ dấu hiệu nào khác trong an ủi thiêng liêng và là một dấu hiệu có thể cảm nghiệm mà không cần có an ủi.

Việc phân biệt can đảm và sức mạnh thiêng liêng với an ủi thiêng liêng có ý nghĩa quan trọng trong việc phân định thần loại. Nếu những ơn huệ của niềm tin, cậy và mến không được đề cập đến thì có một khuynh hướng lấy niềm vui hoặc an ủi như là một dấu chỉ, hay ít nhất nó như một dấu chỉ quan trọng

⁵³ Một nghiên cứu đầy đủ hơn về mối liên hệ giữa niềm tin và an ủi thiêng liêng sẽ thấy ở chương 4 sau này.

nhất về sự hoạt động của Thánh Thần trong đời sống ta. Ta đọc những ví dụ này trong các sách hoặc nghe người ta giảng giải. Điều đó làm cho hình ảnh cái tôi tiêu cực giả dối trở nên tồi tệ hơn mà những người trong con sâu khổ đã có chiều hướng đó. Bởi vì ngầm hiểu rằng nếu ta không cảm nhận được niềm vui trong Chúa, thì đó là lỗi chính ở ta, và cũng ngầm hiểu rằng ta đã cản trở công việc của Chúa Thánh Thần. Đây là kết cục khả thể duy nhất được rút ra từ việc nói rằng mỗi khi chúng ta chịu sự tác động của Thánh Thần thì chúng ta cảm nghiệm được an ủi thiêng liêng. Tổng đẽ và tiền đẽ sai lầm hoàn toàn, sai lầm ấy phát sinh từ một sự lừa phỉnh, ảo tưởng mà sẽ dẫn tới sự thất vọng trong đời sống thiêng liêng. Một số người đã chế nhạo về sự yêu thương phục vụ Thiên Chúa cũng như tha nhân ngay cả khi gặp những khó khăn đau khổ như thể không có bất cứ một sự chọn lựa nào khác cho những ai muốn trung thành. Những người nói như thế dường như không hay biết gì về kinh nghiệm Ki-tô giáo hoặc là bị mù quáng bởi một luận đẽ rằng niềm vui mới là dấu chỉ của Chúa Thánh Thần. Họ dường như cũng mù quáng đối với sự cao cả của lòng can đảm và trung tín trong thời kỳ khô khan, sâu khổ và cảm đõ. Dĩ nhiên, chúng ta luôn phấn đấu để vươn tới lý tưởng là trở thành những con người hoàn toàn thống nhất, những người mà cảm xúc cũng như hoạt động của họ luôn thống nhất một cách dễ dàng và đầy hỉ hoan với lòng tin cậy mến. Tuy nhiên, để xác định hình ảnh chân dung lý tưởng đó với hình ảnh của người đợc Thánh Thần hướng dẫn thì có sự bất dung hợp với kinh nghiệm Ki-tô giáo và trái ngược với toàn bộ truyền thống Ki-tô giáo. Đặc biệt nó trái ngược với lời dạy của thánh I-nhã.⁵⁴

⁵⁴ Hãy lưu ý đến những điều thánh I-nhã nói trong quy tắc I: 4 về những tư tưởng đến từ an ủi và những tư tưởng đến từ sâu khổ, và ta hãy xem cuộc bàn luận về phần này của quy tắc trong chương 4

Chương 3: Những nguyên tắc căn bản giúp nhận định thần loại

Khi đọc những quan điểm của thánh I-nhã mà không cẩn thận đủ để giải thích ý nghĩa và hiểu chúng đúng đắn trong ánh sáng những điều ngài đề cập ở chỗ này chỗ khác thì chính cách viết của ngài có thể gây ra những cách nghĩ sai lạc và nguy hại. Trước khi ta nghiên cứu về ý nghĩa của từ “can đảm” và “sức mạnh” thì toàn bộ cảm giác về quy tắc I: 2 đã sai lạc theo kiểu này. Hay khi ta xem xét điều ngài nói trong quy tắc I: 5 “vì cũng như trong an ủi thần lành hướng dẫn và khuyên nhủ ta thế nào thì trong sầu khổ thần dữ cũng làm như vậy”. Lại nữa trong quy tắc I:7: “trong sầu khổ Chúa để ta với sức tự nhiên của ta như thế nào”. Dưới sự soi sáng của phần còn lại của qui tắc I:7 và các qui tắc khác, thì những đoạn vừa được trích dẫn lại mang một ý nghĩa hoàn toàn khác so với khi đọc riêng rẽ. Sau khi phát biểu trong qui tắc I:7 rằng, trong sầu khổ ta được để với sức tự nhiên của ta, thánh I-nhã thêm vào trong cùng quy tắc này, rằng ta có thể chống lại mọi bối rối và cám dỗ của kẻ thù, “nhờ sự trợ giúp của Chúa vẫn luôn ở trong họ, dù họ không cảm thấy rõ ràng”. Sự trợ giúp của Chúa Thánh Thần thì luôn ở với ta. Sầu khổ thiêng liêng là một dấu hiệu mà trong cách thức nào đó ta bị tác động bởi thần dữ, nhưng nó không là dấu hiệu rằng ta không được Thánh Thần tác động ít hơn khi an ủi.

Như ta đã thấy, gặp sầu khổ nghĩa là cảm xúc tình cảm của ta trong một mức độ nào đó bị ảnh hưởng bởi thần dữ. Vì điều đó mà con người không thể hiểu rõ ràng rằng Chúa ở với mình, do vậy đó là sự lệ thuộc nhận thức về các cảm xúc của ta, hay cách chung cho hết mọi người.⁵⁵ Thánh Thần thật sự hoạt động trong ta trong khi sầu khổ như đã được đề cập

sau.

⁵⁵ Có điều tương tự với điều này phải được bàn tới việc thực hiện quyết định trong thời gian gặp an ủi thực, ít nhất là vào thời cao điểm của an ủi. Xin xem Lt, [14].

trong qui tắc I: 6, khi ta được thúc đẩy để hành động chống lại sầu khổ bằng những cách thế nào cần đến những sức mạnh của Chúa Thánh Thần. Sức mạnh hoạt động của Chúa Thánh Thần thì cần thiết để thực hiện việc thanh tẩy và tăng trưởng thiêng liêng, điều mà thánh I-nhã đề cập nơi qui tắc I: 9 như là một lý do chính yếu tại sao Chúa cho phép có sầu khổ trong đời sống những ai dù họ đã không bất trung hay trễ nải trong việc phục vụ Chúa.

Như sẽ được giải thích sau này, những điều thánh I-nhã nói trong quy tắc I: 5 về các khuyến nhủ và thôi thúc của thần dữ trong thời gian sầu khổ có một ý nghĩa hạn hẹp hơn nếu ta đề cập đến chúng cách riêng rẽ. Ở đây thánh I-nhã chỉ viết về những khuyến nhủ được bắt nguồn từ sầu khổ. Do vậy những ai sầu khổ thiêng liêng có thể nhận những khuyến nhủ mà rõ ràng phát sinh từ đức tin sống động và cách trực tiếp trái ngược với những khuyến nhủ bắt nguồn từ sầu khổ thiêng liêng. Đó là khuyến nhủ giúp tin cậy vào Thiên Chúa, hy vọng và bền đỗ trước những thử thách (I:8), can đảm và nghị lực (I:2) trong việc sống các quyết định đã chọn lựa trong những hoàn cảnh tốt hơn (I:5), trong việc chiến đấu với sầu khổ bằng cầu nguyện, suy gẫm, phản tỉnh về các điều đang xảy ra và sám hối thích hợp (I:6).

c. Sự Trong Suốt và Chân Thật

Như đã diễn giải ở **trang 63** I-nhã đưa ra hai sự trợ giúp căn bản của Chúa Thánh Thần nhằm ngăn ngừa hoặc lướt thắng hai hoạt động chính yếu của thần dữ trong những người đang tiến tới trên đường thiêng liêng. Trợ giúp đầu tiên của Thánh Thần mà ta vừa mới xem xét đó là lòng can đảm và sức mạnh, là điều trái ngược với nhát đảm. Giờ đây, chúng ta xem xét trợ giúp thứ hai, đó là sự trong sáng và chân thật về những

Chương 3: Những nguyên tắc căn bản giúp nhận định thần loại

cảm nghiệm thiêng liêng của ta. Sự trợ giúp này của Chúa Thánh Thần thì trái ngược với những lừa phỉnh và bối rối mà thần dữ cố gắng gây ra. Thật đúng là trong số những minh họa mà thánh I-nhã đề cập ở quy tắc I: 2 về sự hoạt động của các thần trên những người tín hữu tiến tới, ngài đã không đề cập điều này một cách dài dòng. Nhưng nhớ lại những điều thánh I-nhã nói trong quy tắc I:1 về cách thức thần lành tác động như thế nào trên những người sa sút phạm hết tội này đến tội khác. Thần lành thôi thúc họ bằng lẽ phải mà trong ánh sáng sự thật sẽ phán xét đời sống của họ và gây ra một hiệu ứng đúng đắn về cảm thức tội lỗi cách mạnh mẽ. Có thể thần lành sẽ tác động về lý lẽ nơi những người đang xa lìa Thiên Chúa và thần lành sẽ không làm như vậy nơi những người đang hướng về Thiên Chúa chẳng? Sự thật là hoạt động của Thánh Thần trong việc ban sự trong suốt và chân thật cho việc suy luận của ta đã được thể hiện một cách rất rõ trong quy tắc I: 2 bằng phát biểu: Thần lành xoá bỏ mọi cản trở. Vì trong phần đầu của quy tắc này, khi thánh I-nhã diễn tả sự ảnh hưởng của thần dữ ngài nói: với thần dữ có cùng tính chất là nó bày ra các cản trở, gây băn khoăn lo lắng với những lý lẽ giả tạo nhằm cản trở sự tiến bộ. Để xoá bỏ các cản trở mà liên quan đến các lý lẽ giả tạo thì chế ngự bằng sự thật, với những bối rối thì chế ngự bằng sự trong sáng. Hơn nữa, trong suốt bộ I, thánh I-nhã nhiều lần đề cập cách rõ ràng về những khuyến nhủ giả tạo của Sa-tan (I: 2,4,5,13). Ngài kêu gọi suy xét cẩn thận và cân nhắc phải chăng để tìm ra những gì đang diễn ra trong ta. Tại sao lại thế và phải làm gì? (I:3-9). Ngài kêu gọi suy nghĩ chín chắn và toàn diện để chiến đấu chống lại cái nhìn hạn hẹp và sai lầm của sâu khổ – cái nhìn mà làm ta mất đi can đảm và sức mạnh của sự thật. Sự thật ấy vốn được học biết nơi những giáo thuyết và kinh nghiệm Kitô giáo. Như là sức mạnh của Thiên Chúa, sự khôn ngoan, tình yêu, sự hiện

hữu và quan phòng của Thiên Chúa trên đời chúng ta (I:7-11). Ngài cho lý trí của chúng ta những điều mô tả có thể được xem như những kiểu mẫu để xác định những loại cảm nghiệm cũng như tiêu chuẩn để đánh giá căn nguyên của chúng.

Sức mạnh để suy xét một cách trung thực, rõ ràng và có thể hiểu được cảm nghiệm thiêng liêng là một ân huệ của Chúa Thánh Thần như lòng can đảm và sức mạnh thiêng liêng. Không chỉ trong an ủi mà cả trong sầu khổ cũng như lúc an tĩnh. Những cảm xúc tiêu cực của sầu khổ có thể làm cho kiểu suy tư này trở nên khó khăn hơn, và vì thế trong khi gặp sầu khổ tốt nhất không nên thay đổi bất kỳ quyết định quan trọng nào về đời sống thiêng liêng của ta. Những quyết định đã có trong thời gian an tĩnh và an ủi trước đây (Lt 318). Nhưng hiểu biết về những điều diễn ra bên trong ta, vạch mặt những trò cạm bẫy và lâm lạc, việc áp dụng những quy tắc hướng dẫn về phân định thần loại, và về cách thức phản ứng trong sầu khổ cũng như trong an ủi, tất cả các hoạt động lý trí này có tầm quan trọng thiết yếu trong khi gặp sầu khổ cũng như khi gặp an ủi. Thật ra, chúng có thể quan trọng trong sầu khổ hơn là trong an ủi. Sự chân thật và trong suốt về các nền tảng này là trợ lực mạnh mẽ cho việc kiên vững và chế ngự sầu khổ, đưa đến bình an, và chinh đốn lại chính mình để lãnh nhận được ân huệ của an ủi thiêng liêng.

Những Phúc Tọa Cụ Thể Trong Sự Tương Phản đối với những trường hợp rõ ràng (pure cases)

Việc thảo luận ở trên đã đụng chạm đến những yếu tố chính yếu trong bộ quy tắc I: 1-2. Những điều cần được làm sáng tỏ nơi hai kiểu người trái ngược mà họ có những kinh nghiệm về những thúc đẩy thiêng liêng và thiêng liêng đối kháng (anti spiritual), và những thúc đẩy trái ngược này được tác động lần lượt bởi các thần lành và thần dữ. Tuy nhiên

Chương 3: Những nguyên tắc căn bản giúp nhận định thần loại

trước khi ta tiếp tục các quy tắc tiếp theo, ta cần phải thêm về phẩm chất nơi những gì mà thánh I-nhã đã nói. Điều này không mâu thuẫn với các quy tắc nhận định thần loại của ngài, nhưng vượt lên trên điều ngài nói. Trong khi vẫn hoàn toàn phù hợp với hướng suy nghĩ của ngài. Thật vậy, nếu phẩm chất này không được nắm vững, những điều thánh I-nhã viết có thể dễ dàng áp dụng trong một kinh nghiệm cụ thể trong cách thế mà có thể sẽ làm sai lệch ý hướng cơ bản về những quy tắc của ngài.

Trong quy tắc I: 1-2, như một nhà mô phạm tài ba, thánh I-nhã đã đưa ra những trường hợp cụ thể để đưa ra một sự hiểu biết ban đầu mà không bị bối rối bởi những sự phức tạp. Sự phức tạp này buộc ta phải đối diện, nhưng chúng chỉ có thể được làm sáng tỏ nhờ việc sử dụng những khái niệm và quy tắc đã được hiểu một cách rõ ràng trong những trường hợp cụ thể của ngài. Mặt khác, nếu như việc nhận định các thần đơn giản như khi đọc những quy tắc nền tảng đầu tiên cho những trường hợp cụ thể sẽ làm cho một vài người nghĩ rằng chẳng có lý do gì mà thánh I-nhã dành cho chúng một sự quan tâm lớn như vậy nếu trước đó họ không xem xét những trường hợp trong kinh nghiệm thực tế. Ngài nghĩ rằng: những người hướng dẫn Linh Thao đã được đào luyện và có kinh nghiệm nên thực hiện việc nhận định thần loại chứ không phải thao viên là những người chưa có kinh nghiệm. Dĩ nhiên, người hướng dẫn nên làm những điều đó dựa trên nền tảng dữ liệu được cung cấp từ phía thao viên.⁵⁶ Nếu mối quan tâm của thánh I-nhã không có căn cứ thì bất cứ ai đều có thể đọc hiểu quy tắc I:1-2 và có thể nhận định được các thần cách tốt đẹp mà không cần giúp đỡ. Vì chẳng có lý do gì để nghĩ về công

⁵⁶ Xin xem trong Bản TỰ THUẬT, [19], tr. 76 của *Directoria Exercitorum Spiritualium* (1540 – 1599), Tập 76 trong MHSJ, (Rôma 1955), (ở đây được tham chiếu là *DirSpExMHSJ*).

việc của người hướng dẫn trong việc “chọn lựa” - một tiến trình thực hiện một quyết định, cũng như chẳng cần đòi hỏi phải có một kỹ năng nhuần nhuyễn và sự phân định sâu kín hơn về bất cứ điều gì khác ở trong Linh Thao.⁵⁷ Việc không quan tâm đến những vấn đề phức tạp liên quan đến những trường hợp thực tế của việc nhận định lại có thể dẫn đến một sự tự tin ngây thơ hay một sự giải thích sai lầm và tai hại về các chuyển động nội tâm và vì vậy dẫn đến việc nhận định các thần cách sai lầm và tai hại.

Chính thánh I-nhã đã chỉ ra nguồn gốc của sự phức tạp này: An ủi thiêng liêng trước hết mang những dấu vết của Thánh Thần và chỉ khi những hệ quả của an ủi đó mở ra nơi người được an ủi sẽ cho thấy an ủi đó là công việc của thần dữ được cải trang như thần ánh sáng. Trong những trường hợp như thế, quy tắc I:1-2 sẽ không đề cập đến phẩm chất nhưng một khi được xác định phẩm chất, thì những trường hợp như thế sẽ trở nên dễ dàng. Việc phân tích những quy tắc căn bản này không làm sáng tỏ những sự phức tạp như thế. Chúng sẽ được lưu tâm trong bộ II.

Có nhiều nguồn phức tạp khác về việc phân định thần loại trong những trường hợp cụ thể mà thánh I-nhã đã không đề cập chút nào trong các bộ quy tắc. Điều đó chẳng có gì là ngạc nhiên nếu như chúng ta nhớ lại những gì tựa đề đã nói ở trên: những quy tắc để cảm thấy và nhận biết cách nào đó những chuyển động khác nhau” (Lt 313). hoặc như là được đặt trong bản dịch Vulgate. “Một vài (aliquot) quy tắc...” thánh I-nhã đã không nhắm tới việc viết bất cứ điều gì hơn là một vài

⁵⁷ Xem trong Directory 1599, XXII, 1 (162), trong *DirSpExMHSJ*, tr. 683. Có một bản dịch tiếng Anh chính thức: *Directory to the Spiritual Exercises* (London: Manresa press, 1925). Cũng xin xem Hugo Rahner. *Ignatius the Theologian*, tr. 140.

Chương 3: Những nguyên tắc căn bản giúp nhận định thần loại

những chỉ dẫn căn bản được đặt cùng với nhau trong một trật tự hữu dụng và mạch lạc. Những gì chúng ta tìm kiếm đó là những điều bổ sung mà cần được làm hay có thể làm dưới ánh sáng của các nguyên tắc căn bản của ngài, do đó chúng ta chẳng thể nghi ngờ gì về giá trị của bộ quy tắc sau (bộ II).

Trong những nguồn khác về sự phức tạp trong nhận định thần loại, có hai nguồn mà thậm trí nền tảng hơn những nguồn mà đã được thánh I-nhã đề cập trong bộ quy tắc II; vì hai nguồn phức tạp này đi vào trong tiến trình suy xét trong mọi cuộc phân định thần loại. Nguồn thứ nhất được đặt để trong sự chuyển biến mà chính đương sự cảm nghiệm được. Nguồn thứ hai được đặt để trong tình trạng thiêng liêng của họ. Trong những chuyển biến mà người đó đã kinh qua, sự giống nhau và liên kết mật thiết của những sự chuyển động thiêng liêng và phi thiêng liêng sẽ làm cho họ dễ dàng gặp bối rối với cái thứ hai. Khi sự bối rối bao phủ, thì toàn thể việc nhận định bị sai lầm ngay từ đầu. Trong một chú thích về các quy tắc của thánh I-nhã, vấn đề này xem ra thích hợp nhất khi chúng ta đề cập đến quy tắc I:3-4. Ở đó thánh I-nhã mô tả an ủi thiêng liêng và sầu khổ thiêng liêng khác biệt với tất cả những an ủi hay sầu khổ khác. Từ phía người đang có những kinh nghiệm về những thúc đẩy này, nguồn gốc nền tảng của sự phức tạp trong việc nhận định thần loại là tình trạng thiếu hòa hợp thiêng liêng nơi người Ki-tô hữu tiến bộ cũng như người tín hữu sa sút.

Sự mô tả truyền thống về tình trạng này cũng có thể tìm thấy trong bài trình thuật của Thánh Phaolô về sự giằng co trong con người nhân loại của ngài giữa “luật của Thiên Chúa” hay “luật của lý trí” và “luật của tội lỗi”. Ngài mô tả về con người không có Chúa Ki-tô và Thần Khí Chúa Ki-tô. Ngay cả trong sâu kín nhất của con người, Thánh Phaolô đã thấy

một sự hòa hợp với luật của Thiên Chúa. Ở đó, Phaolô chấp nhận những gì Thiên Chúa yêu cầu; Thánh Phaolô vui sướng trong sâu thẳm tâm hồn ngài, nhưng ngài bị khống chế với luật của tội, luật chỉ phục vụ cho “xác thịt”.

Thật vậy, tôi làm gì tôi cũng chẳng hiểu: vì điều tôi muốn, thì tôi không làm, nhưng điều tôi ghét, thì tôi lại cứ làm. Nếu tôi cứ làm điều tôi không muốn, thì tức là tôi đồng ý với Lễ Luật và nhận rằng Lễ Luật là tốt. Vậy thật ra không còn phải là chính tôi làm điều đó, nhưng là tội vẫn ở trong tôi. Tôi biết rằng sự thiện không ở trong tôi, nghĩa là trong xác thịt tôi. Thật vậy, muốn sự thiện thì tôi có thể muốn, nhưng làm thì không. Sự thiện tôi muốn thì tôi không làm, nhưng sự ác tôi không muốn, tôi lại cứ làm. Nếu tôi cứ làm điều tôi không muốn, thì không còn phải là chính tôi làm điều đó, nhưng là tội vẫn ở trong tôi. Bởi đó tôi khám phá ra luật này: khi tôi muốn làm sự thiện thì lại thấy sự ác xuất hiện ngay. Theo con người nội tâm, tôi vui thích vì luật của Thiên Chúa; nhưng trong các chi thể của tôi, tôi lại thấy một luật khác: luật này chiến đấu chống lại luật của lý trí và giam hãm tôi trong luật của tội là luật vẫn nằm sẵn trong các chi thể tôi. Tôi thật là một người khốn nạn! Ai sẽ giải thoát tôi khỏi thân xác phải chết này? Tạ ơn Thiên Chúa, nhờ Đức Giê-su Ki-tô, Chúa chúng ta! Như vậy, nếu theo lý trí, thì tôi làm nô lệ luật của Thiên Chúa; nhưng theo xác thịt, thì tôi làm nô lệ luật của tội. (Rm: 7:15 -25)

Nhờ niềm tin, khi chúng ta liên kết với Đức Ki-tô và nhận lãnh Thần Khí của Ngài, khi đó chúng ta sẽ có sức mạnh chế ngự luật của tội lỗi, một luật chỉ phục vụ cái tôi xác thịt và chúng ta cũng có sức mạnh để tuân giữ luật của Thiên Chúa, một luật mà cái tôi tinh thần luôn vui thích phục vụ. Tuy nhiên, sự đấu tranh giữa hai luật và hai chiều kích của cái tôi này không bao giờ kết thúc. Con người được cứu chuộc vẫn

Chương 3: Những nguyên tắc căn bản giúp nhận định thân loại

còn vừa là “thiên lương” vừa là “nhục thể”. Như thế khả năng “xác thật” thắng “tinh thần” vẫn là một thực tại.

Không phải “tinh thần” và “thể xác” cũng không phải “thiên lương” và “nhục thể” trong hoàn cảnh này được đề cập ở đây như là sự tham chiếu đến những nguyên tắc cấu thành của bản chất con người, về mặt hữu thể học thì chúng phân biệt nhau như chúng ta nói về linh hồn và thể xác. “Tinh thần” và “thiên lương” đề cập tới toàn bộ con người bởi vì họ ở trong Đức Ki-tô nhờ đức tin sống động và được dẫn dắt bởi Thần Khí Đức Ki-tô. “Xác thật” và “nhục thể” đề cập tới toàn bộ con người bị thống trị bởi cái tôi ích kỷ và không hiện hữu ở trong Đức Ki-tô. Để tránh những chú giải sai lạc về từ “nhục thể”, một vài bản dịch sử dụng từ “không thiên lương” (unspiritual), thuật ngữ này dường như phù hợp với ý nghĩa của thánh Phao lô, chính xác hơn là “thiên lương đối kháng” (anti-spiritual), bởi vì như trong cả hai thư gửi tín hữu Rôma (7,14-25), (8,13) và Galat (5,16-26) cũng như trong chính kinh nghiệm của chúng ta làm sáng tỏ điều này. Hai phương diện hay hai chiều kích của một người cụ thể thì luôn trong sự xung đột mạnh mẽ. Mỗi chiều kích đều hướng tới việc phá huỷ chiều kích khác “vì tính xác thật thì ước muốn những điều trái ngược với thần khí, còn thần khí lại ước muốn những điều trái nghịch với tính xác thật, đôi bên kinh địch nhau” (Gal:5,17).

Từ sự mô tả về hai loại con người trong quy tắc I:1-2, từ sự bày tỏ mục đích sơ khởi của Linh Thao về việc loại bỏ những quyến luyến lệch lạc (Lt 1), từ sự chú ý của thánh I-nhã về việc phải khó khăn như thế nào để đạt được mục đích đó trong mức độ nào đó đủ cho việc nhận ra thánh ý Chúa (Lt 1, 23, 150, 157, 166-167, 169, 179-180, 184). Từ những điều mô tả về an ủi thiên lương và sầu khổ thiên lương trong quy tắc I: 3-4 –

từ tất cả những điều chỉ dẫn này, đã cho thấy cách rõ ràng thánh I-nhã đã ý thức sâu sắc như thế nào về tình trạng bất hòa hợp thiêng liêng của ta. Tuy nhiên, vì lý do sự phạm nói trên, khi ngài nói về cách thức thần dữ hay thần lành tác động lên một con người tiến tới hay sa sút thiêng liêng, ngài đã không đề cập đến tình trạng này sẽ gây phức tạp như thế nào cho việc nhận định. Hoạt động của thần lành trong một người đi từ điều tốt đến điều tốt hơn thì chỉ được cảm nghiệm khi có sự hòa hợp và đồng thuận, trong khi thần được dữ thì chỉ cảm nghiệm được nơi những xáo trộn và bất đồng. Tác động của các thần này trên người đi từ xấu đến điều tồi tệ hơn thì ngược lại.

Nếu được nhắm như là một lời tuyên bố sau cùng và trọn vẹn đầy đủ về những người liên quan đến việc nhận định thần loại, thì quy tắc I: 1-2 sẽ thực sự trở thành những hướng dẫn nguy hiểm và quá đơn giản, thậm trí là tai hại nữa. Vì thế cần phải thêm điều gì đó, vì thực tế nơi người sa ngã hết tội này đến tội kia, chiều kích thiêng liêng với sự thúc đẩy thiêng liêng của nó đã bị lu mờ nhưng nó vẫn còn đó; và con người này có thể tìm thấy sự hoạt động của thần lành một cách hài hòa và dễ chịu trong một mức độ nào đó, trong một vài chiều kích nơi mình, thậm chí sự va đụng đau khổ và những thúc đẩy của nhục thể có xu hướng nhấn chìm sự hòa hợp và vui thích trên. Mặt khác, hoạt động của thần dữ, hòa hợp với chiều kích nhục thể chế ngự nơi người đó có thể có cảm nghiệm như sự bất hòa với những gì còn sót lại của chiều kích thiêng liêng. Tương tự, và quan trọng hơn đối với mục đích của những quy tắc này, trong những người đang đi từ tốt đến tốt hơn, chiều kích nhục thể với những khuynh hướng thiêng liêng đối kháng của nó đang bị suy yếu dần nhưng nó vẫn còn hoạt động, đôi khi nó rất mạnh mẽ, thường thì mờ nhạt, tinh vi. Kết quả là, người tiến bộ trên đường thiêng liêng này, trong

Chương 3: Những nguyên tắc căn bản giúp nhận định thân loại

chiều kích nhục thể của họ, có thể kinh nghiệm về những tác động nhục thể cách hài hòa (nếu không thì cảm dỗ sẽ là không thể) và tác động thiêng liêng từ hoạt động của thần lành như sự đụng chạm cách mạnh mẽ, hay như một sự cắn rứt một cách tinh tế.

Hãy nhớ lại cuộc gặp gỡ của Đức Ki-tô với anh chàng thanh niên giàu có trong Tin Mừng:

Đức Giê-su vừa lên đường, thì có một người chạy đến, quỳ xuống trước mặt Người và hỏi: "Thưa Thầy nhân lành, tôi phải làm gì để được sự sống đời đời làm gia nghiệp?" Đức Giê-su đáp: "Sao anh nói tôi là nhân lành? Không có ai nhân lành cả, trừ một mình Thiên Chúa. Hẳn anh biết các điều răn: Chớ giết người, chớ ngoại tình, chớ trộm cắp, chớ làm chứng gian, chớ làm hại ai, hãy thờ cha kính mẹ." Anh nói: "Thưa Thầy, tất cả những điều đó, tôi đã tuân giữ từ thuở nhỏ." Đức Giê-su đưa mắt nhìn anh và đem lòng yêu mến. Người bảo anh: "Anh chỉ thiếu có một điều, là hãy đi bán những gì anh có mà cho người nghèo, anh sẽ được một kho tàng trên trời. Rồi hãy đến theo tôi." Nghe lời đó, anh sa sầm nét mặt và buồn rầu bỏ đi, vì anh có nhiều của cải. (Mc10, 17-22).

Chắc chắn người thanh niên giàu có này rất thích hợp với điều đã được mô tả trong quy tắc 2 về những gì chúng ta đã gọi là người tiến bộ thiêng liêng. Anh đã giữ các điều răn, anh khát khao sự sống đời đời, anh đến với Chúa Giê-su để được dạy dỗ. Sự tốt lành và chân thật của anh đã được công nhận bằng việc Chúa Giê-su nhìn anh và yêu mến anh. Chắc chắn anh đã có kinh nghiệm tiếp xúc với Chúa Giê-su và lời dạy của Ngài như là nguồn mạch của sự can đảm và sức mạnh, của niềm vui và bình an, của sự hừng khởi, việc có được sự sống đời đời dường như khả thể, thậm chí không quá khó với sự trợ giúp của đức Giêsu. Tất cả những điều này đều hợp với sự mô

tả của thánh I-nhã về việc một người như thế sẽ được thần lành tác động như thế nào.

Tuy nhiên, bối cảnh đã thay đổi một cách đột ngột, nếu chúng ta đọc quy tắc số 2 mà không có sự thâm định. Điều không nên xảy ra đối với con người này khi được Thiên Chúa tác động thì lại có thể xảy ra. Khi Chúa Giê-su mời gọi người thanh niên dứt bỏ tài sản của mình và bước đi theo Ngài, chúng ta có thể giả thiết rằng Chúa Thánh Thần đã đụng chạm vào anh một cách sâu thẳm trong sự hòa hợp với lời mời gọi của Đức Giê-su. Tuy nhiên, kết quả là sự thiếu can đảm, và nhát đảm, không còn niềm vui và sự bình an, những điều mà tưởng như rất dễ dàng đáp trả như Anrê, Phêrô, Giacôbê và Gioan đã làm. Trái lại, kết cục là bất an, tuyệt vọng và nản chí. Chúa Giê-su đã chạm vào “thể xác”, vào chiều kích thiêng liêng đối kháng trong con người anh, đó là sự dính bén với của cải; và sự đáp trả thực tình là một đáp trả đến từ Sa-tan theo như quy tắc 2. Thật sự, Sa-tan có thể chủ động như trước đây vậy, nhưng ngay cả khi không có sự thôi thúc của hắn, thì sự thúc đẩy từ lời mời gọi của Đức Giê-su đã va đập với một sự thúc đẩy trong đời sống của người thanh niên, mà vẫn là thiêng liêng đối nghịch, và kết quả là sự trái ngược với những điều đáng lẽ xảy ra nơi một người trưởng thành thiêng liêng theo quy tắc 2. Những hệ quả này là những gì mô tả kinh nghiệm của một người đang sa sút trong đời sống thiêng liêng của quy tắc 1 khi anh đã được tác động bởi thần lành. Người thanh niên trở nên buồn rầu, sa sầm nét mặt. Bởi vì anh là một con người tiến bộ thiêng liêng, anh cảm thấy đau khổ khi không làm những gì trong con người sâu kín nhất của anh, mà anh biết rõ Thiên Chúa muốn anh làm và đó cũng là điều mà anh muốn làm nhưng đã không muốn đủ để chiến thắng cái tôi nhục thể nơi anh. Nếu như anh không phải là một con

Chương 3: Những nguyên tắc căn bản giúp nhận định thân loại

người tiến bộ thiêng liêng thì anh đã chẳng có cảm nghiệm về sự buồn rầu trong việc khước từ lời mời gọi của Đức Giê-su.

Sự đáp trả của người thanh niên giàu có trái ngược hoàn toàn với các tông đồ, những con người luôn sẵn sàng với sự can đảm và sức mạnh, vui sướng, không màng đến khó khăn, từ bỏ tất cả để đi theo Chúa Giê-su. Chắc chắn các ngài thuộc số những con người “đang tiến đến từ điều tốt đến tốt hơn”. Tuy nhiên, họ cũng có những ràng buộc riêng vì tính thiêng liêng đối kháng của chính họ vẫn còn hoạt động, họ không ham hố sang giàu nhưng họ lại có tính quy kỷ (egoism), ảo tưởng và tham vọng. Việc để cho lời hay những hành động của Đức Ki-tô đi vào trong họ để chiến đấu với nhục thể của họ, đó cũng là một dấu chứng cho thấy họ đang đi từ điều tốt đến điều tốt hơn. Đây cũng là những điều mà thánh I-nhã nói sẽ xảy ra trong con người phạm hết tội này đến tội khác khi thần lành hoạt động trong kẻ ấy. Dường như không hợp lý để nghĩ rằng các tông đồ đã không có kinh nghiệm về sự đảo lộn, đau đớn ăn năn hay xấu hổ khi Chúa Giê-su quở trách họ vì những tham lam, tâm tối của họ trước cách nghĩ và cách yêu của Ngài. Hay trong cuộc Vượt Qua của Đức Giê-su, Thánh Thần và tình yêu của họ dành cho Chúa Giê-su đã kết án sự hèn nhát của chính họ. Sa-tan chắc chắn đã lợi dụng những hoàn cảnh này và tác động lên con người tiến bộ thiêng liêng nhằm hại người đó. Nhưng không phụ thuộc vào điều đó, họ đã được tác động bởi Chúa Giê-su và thần lành của Ngài theo cách thức đã nói trong quy tắc 1, nhằm tác động những con người đang sa sút thiêng liêng vì điều tốt của họ.

Những minh chứng ở trên là bàn về những người đang có khuynh hướng và vị trí trời vượt là thuộc về Thiên Chúa. Đời sống ban đầu của thánh Âutinh là một ví dụ về một tín hữu đang sa sút, người mà quy tắc 1 áp dụng một cách rõ ràng

nhưng không ngoại trừ đối với quy tắc 2. Ngài kể rằng, khi ngài bắt đầu từ từ rời bỏ Thiên Chúa, những khát khao tội lỗi đã “che phủ và làm u tối tâm hồn tôi đến mức tôi không thể phân biệt được ánh sáng an tịnh của một tình yêu trinh bạch với sự đam mê của nhục dục. Cả hai cảm xúc đã thiêu đốt rồi bời trong tôi...”⁵⁸ Vài năm sau đó, ngài đắm chìm sâu hơn vào nhục dục, đây những ngạo mạn về thành công của ngài khi ngài là sinh viên xuất sắc nhất trong trường về môn hùng biện, và tràn đầy những tham vọng thế gian; nhưng trong một dịp đọc cuốn sách Hortensius của Cicero, đột nhiên, tâm hồn ngài bừng cháy, ngài quên đi tất cả những khát khao trần gian và chỉ muốn yêu và theo đuổi chính sự khôn ngoan. Điều này thật đáng kinh ngạc nhưng một lý do tại sao khiến ngài do dự về kinh nghiệm này sẽ nói cho chúng ta nhiều hơn về mục đích của ta ở đây.

Trong một tia sáng lớn lao chỉ có điều này chiếm trọn con, danh Đức Ki-tô đã ngự trong đó, vì danh Ngài, ôi lạy Chúa, theo lòng thương xót của Ngài, danh của Đấng cứu độ, con của Ngài, trái tim dịu dàng của con đã say sưa thánh thiện nơi dòng sữa mẹ hiền và giữ con chìm sâu trong đó. Bất cứ điều gì thiếu danh Ngài, cho dù nổi tiếng, tinh tế hay chân thực thế nào đi nữa nó không thể chiếm hữu trọn tim con.⁵⁹

Trong nhiều năm lạc lối xa rời Đức Ki-tô luôn có trong Âu tinh một chiều kích nhân vị sâu xa, hòa hợp với thần lành và xung đột với thần dữ và với vị trí và xu hướng trời vượt nơi ngài. Trong khu vực nhân vị nhỏ bé đó, quy tắc 2 có thể áp dụng cho ngài. Những quyển số 3-8 của bộ sách *Tự Thuật* của ngài là chính câu chuyện về cuộc đấu tranh giữa hai chiều

⁵⁸ Quyển *Tự Thú – Confessions*, II, 2 được John K. Ryan dịch. (Garden city, Image Books, 1960) ở tr. 65. Cũng xin xem phần III. 1, tr. 77.

⁵⁹ *Ibid.*, tr. 82

Chương 3: Những nguyên tắc căn bản giúp nhận định thần loại

kích: được hoạt động bởi Thiên Chúa và thần dữ. Để giải thích những kinh nghiệm nội tâm của ngài trong cuộc đấu tranh đó, nếu chỉ trong sự soi sáng của quy tắc thứ 1 có thể làm cho chúng bị xáo trộn.

Các tông đồ, người thanh niên giàu có, Thánh Âu-tinh là những thước đo khác nhau và trong những cách thức khác nhau, mà tất cả quy tắc 1 và 2 đều có thể áp dụng cho họ. Tất cả chúng ta cũng như thế, ngoại trừ ai đó hoàn toàn tinh tuyền về những khuynh hướng xác thịt hoặc hoàn toàn không có khuynh hướng hướng về Thiên Chúa (nếu như điều đó có thể). Kết quả là, khi chúng ta cố gắng để hiểu tầm quan trọng của những biến chuyển nào đó và để nhận định thần nào đang thúc đẩy ai, chúng ta phải rất cẩn thận để tìm ra không chỉ hạng người nào (tiến bộ thiêng liêng hay bị sa sút) đang trải qua kinh nghiệm đó, mà còn xem kinh nghiệm nào đó được mô tả trong chiều kích thiêng liêng hay thiêng liêng đối kháng. Cũng xem xét xem liệu những cảm xúc mà phát sinh từ sự hòa hợp hay mâu thuẫn của chuyển biến đó hòa hợp hay mâu thuẫn với chiều kích thiêng liêng hay thiêng liêng đối kháng của họ. Trở nên lo lắng, mất bình an hay những điều tương tự là một dấu chỉ rõ ràng của thần dữ chỉ khi những lo âu ấy sinh ra vì đối nghịch giữa thần dữ và sự bám víu vào Thiên Chúa. Sự xáo trộn, thậm chí trong những Ki-tô hữu trưởng thành và rất đạo đức, có thể xuất phát từ thần lành trong cuộc chiến với khuynh hướng quy kỷ còn lại nơi người đó. Tất cả những gì chúng ta biết trước khi xác định khuynh hướng nào đang bị tác động đều rơi vào một trong hai trường hợp: hoặc khuynh hướng xấu của họ đang xung đột với thần lành hoặc là khuynh hướng tốt đang xung đột với thần dữ.

Bên cạnh hai nguồn của sự phức hợp chúng ta đã chú ý trong mọi cuộc nhận định thần loại mà cụ thể, có một nguồn

gốc khác xuất hiện trong những trường hợp tương đối bất thường nhưng lại đặc biệt quan trọng. Đây là điều gây ngạc nhiên trong ánh sáng của quy tắc I: 1-2. Nguồn gốc đó là sự sợ hãi, xáo trộn hay sự sầu khổ kéo dài trong những người tín hữu tốt đang tiến bộ mạnh từ tốt đến tốt hơn, khi họ gặp gỡ Thiên Chúa trong những cách khác thường. Hai ví dụ cần ghi nhớ: thứ nhất là nỗi sợ hãi và xáo trộn thoáng qua ban đầu xảy ra trong kinh nghiệm đời tu mạnh căng thẳng và bất ngờ; thứ hai là sự tằm tối đầy đau khổ và kéo dài liên tục, sự khô khan, lo âu hay dường như không còn thấy Thiên Chúa - đó là những điều mà họ đã cảm nghiệm được trong những đêm tối thụ động của giác quan và trong tinh thần như Thánh Gioan Thánh Giá đã mô tả và đã được xác minh trong những bản trình thuật của nhiều người đã được Thiên Chúa lôi kéo vào. Để áp dụng các quy tắc của thánh I-nhã mà không hiểu biết sự khác biệt giữa sầu khổ gây ra bởi thần dữ và sầu khổ do thần lành trong những đêm tối thụ động của tâm hồn, chắc chắn sẽ gây thêm sự đau khổ và có thể làm hại một cách nghiêm trọng. Vấn đề này được thảo luận trong phần phụ lục II. Nếu như bạn đọc quan tâm đến những vấn đề này, thì sẽ tốt hơn là không đọc cho tới khi đã biết về những gì thánh I-nhã nói về sự an ủi thiêng liêng và sầu khổ thiêng liêng trong chương 4-6.

Chương 4:
NHỮNG PHÂN TÍCH SƠ KHỞI VỀ AN ỦI VÀ SẦU KHỔ
THIỆNG LIÊNG

Quy tắc I:3-4

Trong bộ I: 3 - 4, thánh I-nhã đề cập hai kinh nghiệm trái ngược nhau trong đời sống thiêng liêng mà ngài đã trải qua. Phần còn lại của các quy tắc trong bộ I ngài tập trung chú ý vào những hoạt động của Chúa Thánh Thần. Sự tập trung vào ơn an ủi và sầu khổ thiêng liêng⁶⁰ của thánh I-nhã không đưa ta đến kết luận rằng, đối với ngài những chuyển động thiêng liêng được thiết lập bởi hai điều này mà không tính đến đức tin, cậy, mến. Ví dụ, trong số những thúc đẩy đến từ các thần lành hoặc thần dữ đều có những khuynh hướng và lời khuyên, thế nhưng nói một cách chính xác chúng không được kể như là những yếu tố tác thành trong ơn an ủi và sầu khổ.

60

Đối với độc giả đương thời không quen với từ vựng truyền thống của thần học linh đạo Kitô giáo, các thuật ngữ “an ủi thiêng liêng” và “sầu khổ thiêng liêng” nghe có vẻ lỗi thời và có vẻ giả bộ. Khi chúng ta gắng tìm một cặp thuật ngữ đương thời dễ chấp nhận hơn, nhưng dù thế nào đi nữa thì chúng ta vẫn lâm vào khó khăn. Ví dụ: hoặc là vui vẻ và sầu buồn, hoặc là bình an và lo lắng, hoặc là thanh thoi và đau khổ, tất cả đều không mang ý niệm sầu khổ và an ủi. Hơn thế nữa, “an ủi thiêng liêng” và “sầu khổ thiêng liêng” mang nghĩa rất rộng và vô cùng sâu sắc trong khi nói về tất cả các từ này mà đã được hình thành trong linh đạo của thánh I-nhã. Do đó, chẳng có lý do liên linh gì để thay đổi các cụm từ này bằng bất kỳ thuật ngữ nào khác.

Điều này rõ ràng từ trong thực tế rằng khuynh hướng hay lời khuyên tương tự có thể xuất hiện hoặc trong on an ủi hoặc trong cơn sầu khổ, và những cơn an ủi hay sầu khổ này là những dấu chỉ cho thấy thần nào thúc đẩy khuynh hướng hay lời khuyên ấy (Lt 318); ở một số trường hợp, các thần thúc đẩy cách ngược lại (Lt 332, 333). Rồi, cũng như chúng ta đã thấy, có những tác động đến từ Thánh Thần cách nền tảng hơn là cơn an ủi, như “can đảm và sức mạnh tích cực”, và cũng có hình thức nào đó về soi sáng và trong suốt và tính minh nhiên. Đời sống thiêng liêng tiếp tục và có thể lớn mạnh hơn nữa trong sự nhay bén cảm xúc trong suốt thời gian an tĩnh thiêng liêng, thời gian mà người ấy không bị “tác động bởi các thần khác nhau” (Lt 177) trước cơn an ủi hoặc cơn sầu khổ thiêng liêng. Những hoạt động nền tảng và thiết yếu của đời sống thiêng liêng nơi người Ki-tô hữu, cùng với những tác động không an ủi (non-consoling) hoặc không sầu khổ (non-desolating) khác, có thể vẫn tiếp tục diễn ra trong thời gian an tĩnh. Một số người sau khi đọc Linh Thao số 6 rồi từ đó rút ra kết luận rằng, theo quan điểm của thánh I-nhã, đời sống thiêng liêng chết dần chết mòn khi an ủi và sầu khổ dần chết, hoặc khi một người nhận thấy mình trong tình trạng an tĩnh như đã được nói ở Linh Thao 177. Mặc dù khá thông thường, nhưng điều này là một cách đọc hoàn toàn không xác đáng với nội dung Linh Thao của thánh I-nhã [6]. Một người chỉ cần đọc Linh Thao 177-188 để thấy đức tin và đức ái lớn lao như thế nào mà thánh I-nhã đã giả định có thể có trong suốt thời gian an tĩnh thiêng liêng ấy. Trong suốt trạng thái cảm xúc như thế, một người có thể vâng phục thánh ý Chúa một cách quảng đại và một cách trung thành hơn đối với một người đang gặp những cảm xúc sầu khổ và cơn an ủi thiêng liêng mạnh mẽ.

Chương 4: Những phân tích sơ khởi

Có lẽ chúng ta không nghĩ rằng hai kinh nghiệm này thì nền tảng hơn và là những tiêu chuẩn vững chắc hơn tất cả những cái khác trong việc nhận định thần loại. Tiêu chuẩn ngoại tại chắc chắn, (lời dạy trong Kinh Thánh và của Giáo Hội, các huấn thị của các đấng bản quyền hợp pháp hành xử công minh, lời mời gọi rõ ràng của đức ái, và những điều tương tự như thế thì luôn có sẵn), và có thể áp dụng được, thì có thể đáng tin hơn. Chúng cũng chẳng cần xét đến bất cứ kinh nghiệm nào về an ủi và sầu khổ thiêng liêng. Chúng có thể được sử dụng để suy xét căn nguyên của an ủi và sầu khổ thiêng liêng, hơn là chúng lại bị suy xét bởi on an ủi và sầu khổ thiêng liêng (Lt 170)

Mặt khác, việc hiểu 2 thái cực cảm xúc của kinh nghiệm thiêng liêng này thì rất quan trọng đối với những hình thức cụ thể của việc nhận định thần loại mà chính thánh I-nhã đã quan tâm, đồng thời cũng rất quan trọng đối với việc hướng đến một cuộc sống mở ra với Chúa Thánh Thần. Có một vài nguyên do giải thích tại sao điều này lại như vậy. Hầu hết, nếu không phải là tất cả, các chuyển động có liên quan đến việc nhận định thần loại của thánh I-nhã có thể nằm trong cách này hoặc cách khác được tháp nhập vào kinh nghiệm rất phức tạp của an ủi và sầu khổ thiêng liêng. Sự thực của lí do này sẽ trở nên minh bạch khi chúng ta miêu tả về chính những kinh nghiệm này. Một lí do sâu xa hơn giải thích tại sao lại quan trọng việc hiểu con sầu khổ thiêng liêng có thể được nhận thấy trong cái mà chúng ta đã thấy: Việc gây mất can đảm là mục tiêu chính yếu của Sa-tan trong cuộc tấn công của nó vào một người tiến bộ thiêng liêng, và mọi sự trong con sầu khổ thiêng liêng đều đưa đến mất can đảm. Vì vậy nó nói lên một vấn đề quan trọng cả trong việc nhận ra con sầu khổ thiêng liêng khi phân biệt nó với những cái khác và trong sự hiểu biết làm thế

nào để đối phó với con sâu khổ này một khi nó được nhận ra. Như chúng ta cũng đã thấy, an ủi nói riêng có một giá trị vô cùng quan trọng như là cách mà Chúa Thánh Thần dùng để động viên, thúc đẩy chúng ta, đồng thời Ngài cũng chuẩn bị cho ta đón nhận và nhận biết những hứng khởi của Ngài. Mặt khác, an ủi thiêng liêng không được hiểu đầy đủ có thể được sử dụng bởi Sa-tan để lừa gạt và làm cho ta lầm đường lạc lối. Hơn thế nữa, chính chúng ta trừ khi chúng ta biết cách phản ứng như thế nào nếu không thì chính chúng ta có thể sử dụng sai ý định của Thiên Chúa và có hại cho chính ta. Cuối cùng, sự hiểu biết của ta về an ủi thiêng liêng thì rất quan trọng trong việc nhận định khi nào Thiên Chúa đang dẫn đường và khuyên bảo ta làm một quyết định. Bất cứ thất bại nào trong việc nhận định an ủi và sâu khổ thiêng liêng với những cái không phải là an ủi và sâu khổ thiêng liêng có thể mở rộng cửa cho những quyết định không hòa hợp với những hướng dẫn của Chúa Thánh Thần.

Ý Hướng Của Thánh I-nhã Trong Quy Tắc I:3

Đầu đề của mọi quy tắc ngoại trừ quy tắc 3 và 4 trong bộ thứ nhất đơn thuần chỉ là “thứ nhất”, “thứ hai”... nhưng đầu đề của quy tắc 3 và 4 đọc là: “quy tắc thứ 3, về an ủi thiêng liêng” và “quy tắc thứ 4 về sâu khổ thiêng liêng”. Trong khi chúng ta nên tránh tâng bốc tầm quan trọng của nó một cách thái quá, thì những đầu đề này giúp ta hiểu những gì thánh I-nhã có ý thực hiện trong các quy tắc này và cũng là để ta xác định rõ phải nên đọc từng vấn đề trong hai quy tắc này như thế nào cho có ích. Điều này sẽ làm cho cuộc thảo luận đơn giản hơn nếu ngay hiện tại chúng ta chỉ quan tâm tới quy tắc 3. Phần song song trong quy tắc 4 sẽ rõ ràng và được đề cập khi chúng ta bắt đầu đọc quy tắc đó.

Chương 4: Những phân tích sơ khởi

Sự rõ ràng về những gì thánh I-nhã đề cập trong quy tắc 3 và những gì ngài không đề cập sẽ làm tan biến những bối rối, nếu không thì nó có thể gây phiền phức cho việc đào sâu nghiên cứu của chúng ta. Điều này cũng sẽ mang đến cho ta nhiều phương diện khác nhau ngay khi ta bắt tay vào phân tích miêu tả an ủi thiêng liêng dựa trên những mô tả của I nhã.

Thánh I-nhã không có ý phân tích hoặc giải thích “an ủi” nghĩa là gì trong ý nghĩa chung của nó. Ngài cho độc giả biết rằng đó chỉ là hạn từ rất thông thường. Ngài tập trung vào việc mô tả một loại hình cụ thể của an ủi đó là an ủi thiêng liêng. Tựa đề của quy tắc này “về an ủi thiêng liêng” và mọi phần của quy tắc nhằm diễn tả những gì về loại an ủi mà ngài gọi là “thuộc thiêng liêng”. Những điều có thể gây bối rối cho các độc giả là nhiều lần trong quy tắc này, thậm chí nhiều hơn bất cứ chỗ nào khác thánh I-nhã chỉ sử dụng từ “an ủi” thay vì sử dụng “an ủi thiêng liêng”. Tuy nhiên, chắc hẳn rằng mỗi cụm từ trong quy tắc này đều đề cập đến một ơn an ủi đặc biệt mà được gọi là thiêng liêng. Cũng vậy, thánh I-nhã thỉnh thoảng dùng thuật ngữ “thiên liêng” để xác định cho danh từ “an ủi” hoặc ngài cũng sử dụng một vài yếu tố trong an ủi thiêng liêng (Lt 322, 329).⁶¹ Điều này có ý nghĩa rất lớn trong quy tắc I: 9 (Lt 322) chỗ mà thánh I-nhã nhấn mạnh rằng an ủi mà ngài đang nói thì vượt quá khả năng của con người để khởi phát cũng như duy trì sự an ủi đó. Ngài cũng nhấn mạnh rằng “Tất cả là quà tặng và ân sủng của Thiên Chúa chúng ta”, ở đó thánh I-nhã sử dụng từ ngữ “an ủi thiêng liêng” ba lần thay vì chỉ sử dụng từ “an ủi”.

61

Có thể xem *DirSpEx* MHSJ, [11] p. 72 và [18] p. 76.

Do đó thánh I-nhã đã thừa nhận ý nghĩa thông thường của an ủi, đó là: một kinh nghiệm đầy cảm xúc vui sướng và dễ chịu, và ngài có ý chỉ định rõ loại an ủi nào là thiêng liêng. Điều này được chỉ rõ trong bảng Vulgate, đồng thời nó cũng được củng cố bằng hai đoạn trong cuốn Thủ Bút chỉ dẫn linh thao của ngài. Quy tắc 3 trong bản Vulgate đọc là : “[quy tắc thứ 3 là] an ủi được nhận biết chính xác là thiêng liêng, khi trải qua một chuyển động bên trong nào đó....”⁶² Trong cuốn Thủ Bút thì tất cả những điều chưa rõ ràng đều bị xóa sạch. Trong đó ngài đề nghị người hướng dẫn giải thích cho thao viên trong thời gian thích hợp an ủi là gì và ngài còn đề nghị ngăn gợn về việc phải nói những gì. Trong một đoạn trích có lời gợi ý như sau: “...cũng như niềm vui thiêng liêng, tình yêu, niềm hy vọng hướng đến những sự trên trời, nước mắt và những chuyển động bên trong làm cho người đó được an ủi trong Thiên Chúa chúng ta”.⁶³ Trong một đoạn khác, thánh I-nhã gợi ý như sau: “sự bình an nội tâm, niềm vui, lòng tin, cậy, mến thiêng liêng, nước mắt và sự bay bổng của tâm trí, mà tất cả đều là những ân sủng của Chúa Thánh Thần”.⁶⁴ Niềm tin, cậy, mến, niềm vui thiêng liêng hay sự hoan lạc (đến từ Chúa Thánh Thần), tất cả mọi thứ đó đều “trong Thiên Chúa”, tất cả đều là “ân sủng của Chúa Thánh Thần” – tất cả điều đó chỉ ra một loại an ủi đặc biệt.

Phân Tích Mô Tả Về An Ủi

Đến đây, chúng ta thấy rằng thánh I-nhã đã dùng ý nghĩa thông thường của “an ủi” và, trong quy tắc này, ngài bày tỏ cho chúng ta biết làm thế nào để xác định một an ủi thiêng

⁶² *Quod spiritualis proprie consolatio tunc esse noscitur, quando per internam quandam motionem ... (SpExMHSJ, p. 376).*

⁶³ *DirSpExMHSJ, [18] p. 76, phần tôi muốn nhấn mạnh.*

⁶⁴ *Ibid., [11] p. 72, phần tôi nhấn mạnh.*

Chương 4: Những phân tích sơ khởi

liêng. Để làm như thế, hiển nhiên I-nhã không đưa ra bất kỳ một sự phân tích tỉ mỉ nào về kinh nghiệm này hay bất kỳ một bộ tiêu chuẩn nào được phát biểu một cách rõ ràng. Ngài chỉ ra cách ngăn ngọn hàng loạt những kinh nghiệm đặc trưng hoặc những yếu tố trong các kinh nghiệm an úi thiêng liêng. Để qua những điều này người đọc có thể được giúp đỡ để phân biệt một an úi thiêng liêng với một an úi không phải là thiêng liêng.

Rõ ràng là, những điều I-nhã đề cập tới như tình yêu, niềm tin, cảm giác bình an, khao khát những điều trên trời, và nước mắt, không phải tất cả đều là an úi thiêng liêng trong mọi bối cảnh. Chúng cũng không đóng vai trò giống nhau để tạo nên một an úi thiêng liêng. Tuy nhiên, thánh I-nhã cũng không nói trong bối cảnh nào mà các kinh nghiệm hay một phần của các kinh nghiệm ấy có thể gọi là các an úi, hay chúng có liên quan với nhau như thế nào trong việc tạo nên một sự an úi. Vì thế, trước khi ta cố gắng hiểu ý nghĩa sâu xa và chính xác của các mô tả về những an úi được đưa ra trong quy tắc 3, thì cần thiết phải phân tích chung về an úi (cho dù thiêng liêng hoặc không thiêng liêng). Chúng ta phải nỗ lực để khám phá ra cấu trúc chính yếu của một kinh nghiệm như thế, để nhìn thấy những yếu tố cấu thành nên chúng là gì, và chúng được liên kết với nhau như thế nào. Qua cách làm như vậy, chúng ta sẽ nhìn thấy được những đề cập khác nhau về hạn từ “an úi”. Chúng ta cũng có một cấu trúc mà nó liên kết những mảng khác nhau của kinh nghiệm mà I-nhã ghi chép lại đã hơi thiếu tính mạch lạc. Dĩ nhiên chúng ta phải rất thận trọng để không áp đặt một ý nghĩa cá nhân nào. Chúng ta phải rất chắc chắn về những gì chúng ta đạt tới được trong cách này, đó là phải ăn khớp trong mọi chi tiết với những gì I-nhã đã nói. Ở đây có một nguy cơ, nhưng trong bất kỳ cách chú giải nào cũng có những nguy cơ như thế; và ít nhất cách giải thích này trên nền

tảng của việc phân tích kinh nghiệm mà có thể được kiểm chứng trong kinh nghiệm riêng của mỗi người.

Để đạt được bất kỳ sự rõ ràng và chính xác nào trong việc phân tích, miêu tả an ủi và sầu khổ hoặc là của những cảm nghiệm nói chung, thì rất cần thiết để phân biệt những hành vi xúc cảm (affective act) và những cảm giác xúc cảm (affective feeling). Sự phân biệt này thường được xem xét một cách rất lộn xộn, không chỉ trong cảm thức chung trong suy tư và nói năng, nhưng thậm chí còn trong cả cách viết của các nhà tâm lý học và các triết học, với nhiều kết quả rất mơ hồ. Sự phân biệt này đặc biệt cần thiết khi một số biểu lộ hành vi xúc cảm và cảm giác xúc cảm giống nhau. Ví dụ, khi chúng ta nghe một người nói rằng tình yêu là một cảm xúc ấm áp hoặc là một cảm xúc gọi mở hay là trở nên một, trong khi một người khác lại nói tình yêu là hành vi xúc cảm của ý tốt hoặc khẳng định một ai đó hoặc là hành động của sự ao ước nên một với người mình yêu. Những hành động đó rõ ràng có thể có mà không cần cảm xúc. Phần nào sự lẫn lộn này xuất hiện khi đề cập tới những tính chất của hành động hay cảm xúc. Ví dụ, can đảm được nghĩ như là sự sẵn sàng để cảm thấy không sợ hãi khi đối diện với nguy hiểm hoặc đau khổ, một cái gì đó rất khác với việc sẵn sàng chấp nhận và chọn lựa một cách tích cực chịu đựng đau đớn và nguy hiểm bất chấp những cảm giác sợ hãi. Bất kỳ cách đề cập đúng đắn nào để phân biệt giữa những hành vi xúc cảm và cảm giác xúc cảm cũng sẽ phải tốn nhiều giấy mực. Đối với những mục tiêu của chúng ta, điều đó đủ để thấy rằng trong bất kỳ hành động theo tình cảm nào, xét theo nghĩa xác thực nào đó thì con người là một tác nhân, là người thực hiện. Như vậy, tôi khẳng định với bạn rằng tôi sợ mắc cở, tôi tham ăn uống. Trong một số cảm giác xúc cảm, người đó hoặc một chủ thể không phải là những gì mà ta thường gọi là tác nhân; hơn thế nữa, cảm xúc của chủ thể được thúc đẩy

Chương 4: Những phân tích sơ khởi

trong thế hoàn toàn bị động. Dĩ nhiên, cảm giác đó được đặt nền trong những hành vi nhận thức tri thức và hành động cảm tính của con người. Cảm giác là một sự thúc đẩy hoàn toàn bị động của sự nhạy cảm xúc cảm, trong một trạng thái cảm xúc có ý thức của một người, phát triển từ hoạt động ý thức, đi theo nó, ảnh hưởng nên nó nhưng chính nó không phải là một hành động. Do đó, tôi có những cảm giác như là sự ấp áp hoặc lạnh lẽo, của sự an tâm hoặc phấn chấn, chán nản hay hứng khởi, nặng nề hay sôi nổi, ngột ngào hay đấng cay.

Hiểu được sự phân biệt đã được đề cập ở trên giữa những hành vi xúc cảm và những cảm giác xúc cảm, thì chúng ta có thể nói rằng “an ủi”, trong cách dùng thông thường, trước tiên đề cập đến một trạng thái cảm xúc có ý thức, một cảm giác hay một số các cảm giác an bình, niềm vui, ngọt ngào, hạnh phúc, và những điều tương tự như thế, trạng thái này có thể thay thế hoặc làm dịu đi cảm giác xáo trộn, u sầu, đấng cay, đau khổ...⁶⁵ Sau đó hạn từ “an ủi” này được mở rộng đến một hành động của con người, nó là nền tảng có tính chủ thể đối với cảm giác xúc cảm về an ủi. Do đó, nếu chúng ta thấy được an ủi trong chiêm niệm ở các tôn giáo, trong việc nghiên cứu triết học, trong tương quan tình yêu, trong khi chơi nhạc, khi ngồi uống rượu và tán gẫu với các đồng nghiệp, chúng ta gọi những hoạt động này là những an ủi. Khi đó, chúng ta dễ dàng sử dụng hạn từ này với những đối tượng của các hoạt động đó và nói rằng Thiên Chúa hoặc một bài nhạc, bài thơ nào đó, hoặc người yêu hoặc việc ăn uống hay các bạn đồng nghiệp là niềm an ủi của ta trong cuộc đời. Sâu xa hơn, từ này cũng đề cập đến hành động an ủi chúng ta của một ai đó, khơi lên trong ta một cảm giác xúc cảm của an ủi. Ví dụ, những lời lẽ tử tế, khôn ngoan, qua việc thể hiện tình yêu. Từ đó, đây là

⁶⁵ Xem 2 Cr 1,3-7; 1 Tl 1,6

bước rất dễ dàng cho một người thể hiện những hành động như thế: chúng ta nói với một ai đó như: “Bạn là niềm an ủi đối với tôi”. Chú ý quan sát những cách dùng này ta thấy rằng trước hết “an ủi” được sử dụng trong một cảm thức có nguyên do này hay nguyên do khác: điều gì đang an ủi, trong ý nghĩa đầu tiên này, cái gì mang lại an ủi thì nó được gọi là an ủi.

Do vậy, cảm giác xúc cảm có ý thức có sự vượt trước mọi liên quan khác đã được đề cập; những cái khác được gọi là niềm an ủi trong mối liên hệ với nó. Sau ý nghĩa đầu tiên đó, điều quan trọng nhất là những hành vi nhận thức và tình cảm, những hành vi ấy rất cần thiết (như là nhận biết, xét đoán, tưởng tượng, khát mong, hy vọng, tình yêu). Những liên quan khác của sự an ủi chỉ bởi vì chúng là những đối tượng của những hành động đó, mà từ các đối tượng này cảm xúc tình cảm của sự an ủi được phát sinh. Vì thế mối quan tâm chủ yếu của chúng ta là cảm giác xúc cảm và những hành vi xúc cảm mà là nền tảng cho những cảm xúc đó. Tất nhiên điều này ngụ ý rằng bất cứ điều gì là đối tượng của những hành động đó thì đều là một nền tảng khách quan của an ủi theo nghĩa đầu tiên của từ này.

Thật không dễ dàng để mô tả những tình trạng cảm xúc hoặc cảm nhận ở trong chính chúng. Một vài khái niệm mà chúng ta đã dùng để mô tả tình trạng an ủi này thì thường đan chéo lên nhau và thường chỉ có một chút khác biệt - sự khác biệt về việc nhấn mạnh hay biện giải. Ví dụ như: sự bình an, sự mãn nguyện, một cảm giác an toàn hay hạnh phúc, sự vui mừng, sự thích thú. Hơn nữa, mỗi một điều trên đều có những tính chất khác nhau mà chúng ta có thể mô tả cách tốt nhất có thể qua các phép ẩn dụ được rút ra từ kinh nghiệm cảm giác. Do đó chúng ta nói về chúng như là sự ấm áp, ngọt ngào, sáng sủa, sáng chói, yên lặng, sâu sắc, tán dương, dâng trào, đặc

Chương 4: Những phân tích sơ khởi

sắc... Thậm chí sau đó ta nhận thấy sự mô tả này không rõ ràng, không thỏa mãn, nó biểu lộ rất ít về tính chất cá biệt của một cảm xúc cụ thể; chúng ta phải mô tả một cách tốt nhất có thể về sự phức tạp của một kinh nghiệm thực tế mà trong đó những cảm xúc này phát sinh và từ đó nó mang cho mình một tính chất đặc biệt. Ví dụ, sự an ủi có thể là: sự mãn nguyện khi được làm những công việc thú vị sau bao nỗi vất vả mưu sinh, hoặc sau khi chu toàn những nghĩa vụ xã hội nặng nề. An ủi có thể là một cảm giác vui thích của sự giải phóng khỏi mối lo lắng về một người ta yêu mà giờ đây ta được biết là đã được thoát khỏi một hoàn cảnh đau đớn và nguy hiểm; an ủi còn là một sự ngọt ngào, một niềm vui hoan hỉ khi tin chắc là được yêu bởi người yêu sau sự nghi ngờ; một cảm giác vui mừng vì có một niềm hy vọng mới để đạt đến những mục tiêu hằng khao khát; một sự hứng khởi khi nghe một bản nhạc tuyệt vời hay đọc về cuộc đời của một vị anh hùng. Tất cả những điều này là những an ủi khác nhau bởi các tác nhân khác nhau.

Mô tả bằng việc đề cập đến nguồn gốc thì không chỉ là một phương thế ngoại tại nhằm phân biệt kinh nghiệm an ủi này với kinh nghiệm khác, như thế mọi sự bình an hay sự vui mừng hoặc hớn hờ... chỉ là tiếng nói chung nhất nội tại mà thôi, và chỉ được phân biệt cách ngoại tại do có tương quan với một nguồn khác biệt. Những cảm giác xúc cảm của an ủi được phân biệt cách nội tại bởi những nguồn phát sinh khác nhau; chúng có biểu hiện khác nhau về chất. Niềm an ủi này sinh từ việc nghe một bản nhạc hay không chỉ khác nhau về chất so với an ủi được người yêu thương mến, nhưng sự an ủi từ việc nghe một tác phẩm âm nhạc có thể khác nhau về mặt nội tại so với an ủi phát sinh khi nghe một bản nhạc khác, và sự an ủi khi được yêu bởi người này có thể khác biệt cách nội tại so với sự an ủi phát sinh từ việc được yêu bởi một người khác.

Những cảm giác xúc cảm của sự an ủi không chỉ bắt nguồn trong đời sống ý thức của con người; nhưng chúng còn có những hệ quả đặc thù nữa. Chúng khiến cho một người có khuynh hướng, hay hướng con người đến một cách thức nào đó của việc lĩnh hội, suy nghĩ, tưởng tượng, phản ứng xúc cảm, chọn lựa. Sự ảnh hưởng của những hành động và những cảm xúc này có tính hỗ tương, mà tất cả những hành động có ý thức của ta đều chịu ảnh hưởng bởi những cảm xúc của ta, cũng như những cảm xúc của ta đều chịu ảnh hưởng bởi những hành động có ý thức của ta. Điều này thật quá rõ trong kinh nghiệm của ta. Cảm xúc này nọ về an ủi hay sầu khổ khiến ta có khuynh hướng nhớ đến một vài sự thật hay những kinh nghiệm cũng như khiến ta quên đi những cái khác, khiến ta ghi nhận một vài yếu tố trong một hoàn cảnh cụ thể và để lướt qua những điều khác. Nó làm ta nhấn mạnh một vài phương diện mà ta ghi nhận và không nhấn mạnh những phương diện khác, để hiểu và suy luận một cách thấu đáo, hay để trở nên mù lòa và bối rối. Trong tất cả những cách này, những cảm xúc như thế định hình cho cái nhìn hiện tại của chúng ta về quá khứ và tương lai và sự nhận thức hiện tại của chúng ta về một hoàn cảnh cụ thể nơi mà chúng ta hiện hữu. Chúng cũng làm cho ta mạnh mẽ hơn và kiên vững hơn trước những hành vi cảm xúc của yêu mến, căm ghét, khao khát, sợ hãi, tin tưởng, nghi ngờ... hay khiến ta có thái độ bình tâm. Chúng khiến ta quyết định một cách hợp lý, hấp tấp, hay lưỡng lự; trở nên cương quyết hay phân vân trong việc khởi đầu một hành vi và hoàn thành quyết định đó. Chúng khiến ta nhận ra những gánh nặng nhẹ nhàng hay đè nén, chúng cũng khiến ta nhận ra sự chịu đựng đau khổ cách dễ dàng và vui mừng hay khó khăn và sợ hãi.

Chúng ta thấy rằng cảm xúc an ủi được phân biệt cách nội tại và thường được mô tả dựa vào mối quan hệ với nguồn

Chương 4: Những phân tích sơ khởi

phát sinh ra chúng. Những kết quả của an ùi thì chính nó chịu ảnh hưởng bởi sự an ùi. Tuy nhiên, đối với chúng ta, những kết quả của xúc cảm được xem như một phương cách để mô tả sự an ùi từ nơi chúng chúng phát sinh; vì chúng biểu hiện ở một vài mức độ, thậm chí đôi khi biểu hiện một cách mập mờ và không chắc chắn, bản chất của cảm nhận mà qua đó những kết quả của an ùi bị ảnh hưởng, thì cũng là những nguyên nhân gây nên cảm xúc đó.

Để tóm tắt những gì chúng ta nhận thấy, sự an ùi trong ý nghĩa tổng thể của nó có ba phần liên hệ: Trước hết, sự an ùi theo nghĩa độc nhất hay riêng biệt (những cảm giác xúc cảm như sự bình an hay sự vui mừng) ; thứ hai, các nguyên nhân hay các nguồn, chủ thể và đối tượng, của sự an ùi nói riêng (những hành động nhận thức và cảm tính với những đối tượng của chúng – hay các đối tượng khi được biết đến và phản ứng) ; thứ ba, những hệ quả an ùi nói riêng một cách chính xác (như những cách ta lĩnh hội, ghi nhớ, đáp trả cảm tính đối với điều mà cảm xúc an ùi chi phối đến người ấy).

Sự mô tả của một kinh nghiệm rất phức tạp được đề cập đến như sự an ùi xét theo nghĩa rộng thì có những hàm ý thực tế liên quan đến việc hiểu biết của chúng ta về kinh nghiệm an ùi của ta và đến cách ta nói về kinh nghiệm đó. Sự không chú ý cách cẩn thận đến bất kỳ một yếu tố nào đều có thể để làm cho kinh nghiệm đó trở nên mơ hồ và tầm quan trọng của nó trong đời sống thì không được biết đến hay bị hiểu sai. Nhìn chung, tầm quan trọng của tất cả điều này cần được nhấn mạnh trong sự liên quan đến nhận định thần loại. Tầm quan trọng đặc biệt và tức thời liên quan đến việc giải thích quy tắc I: 3 là điểm sau: chúng ta thấy rằng cách duy nhất và thông thường mà chúng ta có thể mô tả một cách đầy đủ nhất về những an ùi của ta khi chúng ở trong trường hợp cụ thể là

bằng cách làm sáng tỏ những nền tảng và hệ quả chủ quan của chúng. Do đó, chúng ta có khuynh hướng đề cập đến bất cứ yếu tố nào trong một kinh nghiệm như sự an ủi, không phân biệt những gì là an ủi nói theo nghĩa chặt từ chính nguồn gốc của nó (an ủi theo nghĩa nguyên nhân) hay những hệ quả của an ủi. Đôi khi ta chỉ đề cập đến những nền tảng chủ quan (ví dụ sự chiêm niệm về đẹp của Thiên Chúa, tín thác vào tình yêu và quyền năng của Ngài) hay đến những hệ quả chủ quan (ví dụ: dễ dàng trong việc trở nên tốt lành, hay dễ dàng chịu đựng công việc, sự đau đớn, hay những giọt nước mắt của sự dễ cảm động và vui mừng) như là sự an ủi, cụ thể mà nói chúng ta chỉ mới ám chỉ đến an ủi mà thôi. Hoặc chúng ta nói rằng, loại an ủi mà chúng ta đang nói đến là một cảm xúc (ví dụ: cảm xúc của sự bình an, sự vui mừng, sự ngọt ngào) mà nó nảy sinh khi một người có những kinh nghiệm nào đó (nguyên nhân) hay từ những biểu lộ nào đó đi kèm theo (hệ quả).

Những cách trái ngược nhau trong việc đề cập đến một thực tại phức tạp, tất cả xáo trộn với nhau, chắc chắn là điều mà ta tìm thấy trong tất cả các trường hợp mà trong đó thánh I-nhã nói rằng an ủi thiêng liêng là gì bằng cách đưa ra những minh họa; đây là cách nói duy nhất và thông thường của ngài về điều ngài muốn nói an ủi thiêng liêng là gì. Việc ghi nhớ điều này sẽ giúp ta đọc hiểu được thánh I-nhã một cách chính xác hơn và ít có nguy cơ đưa đến những kết luận sai lầm và nguy hiểm trong vấn đề rất tinh tế và rất quan trọng này.

Ý Nghĩa của Sự Bình An

Trước khi ta đi đến phần mô tả của thánh I-nhã về an ủi thiêng liêng, có một điều cần làm sáng tỏ về những cảm xúc tạo nên an ủi, đặc biệt là an ủi thiêng liêng. Trong số đó một

Chương 4: Những phân tích sơ khởi

điều luôn luôn được đề cập, nó dường như là điều cốt lõi của mọi an ủi: cảm xúc đó là điều mà ta gọi là sự bình an. Tuy nhiên, hạn từ “bình an” và khái niệm về sự bình an thì không rõ ràng; và sự mập mờ này dễ dàng dẫn đến một sự bối rối đáng kể trong suy nghĩ và bàn luận về sự bình an của an ủi thiêng liêng. Do đó, trước khi ta đề cập đến sự mô tả của thánh I-nhã về an ủi, ta sẽ thực hiện một cách khôn ngoan nếu ta phân biệt và làm rõ một vài nghĩa của sự bình an nói chung, và của bình an thiêng liêng nói riêng.

Có một cách nói tiêu cực về sự bình an rằng bình an là sự vắng mặt của sự rối loạn, là việc thoát khỏi các khuấy động mà không có lo âu, không có bất cứ sự ám chỉ xác thực cần thiết về hoạt động phong phú và có trật tự tốt. Do vậy, ta gọi một nhóm người là bình an khi không có một hình thức tích cực về những tương quan có trật tự, có lớp lang hay là sự thông tri cá nhưng chỉ là sự vắng mặt của sự mâu thuẫn và sự bất hòa. Người ta nói rằng các quốc gia có bình an khi không có việc hủy hoại lẫn nhau bằng chiến tranh. Kiểu nói này bị giới hạn trong chính nó khi nói về tính kém hoạt động và sự bất động như là bình an. Do đó, chúng đề cập đến ngủ hay chết như là những tình trạng của sự bình an, thậm chí khi được nghĩ như là sự chấm dứt hoàn toàn một đời sống có ý thức của một người. Ý niệm của sự bình an này chỉ là mối quan tâm khi một người không bị bối rối (unconfused) với một ý niệm tích cực.

Có một sự bình an theo nghĩa tích cực khi trong đời sống ý thức của con người có, cá nhân hay tập thể, mỗi yếu tố về sự phức tạp của đời sống được thực hiện một cách yên tĩnh và dễ chịu (mặc dù nó hoạt động một cách dữ dội và mạnh mẽ) và có trật tự (có lệ thuộc và được phối hợp, ăn khớp và cân bằng với nhau, không có sự mâu thuẫn hay xáo trộn, trong một sự

giăng co vừa phải để tránh sự căng thẳng đau đớn hay sự ướ oải ảm đạm). Sự bình an này như là một điều kiện hay tình trạng hay chất lượng của cuộc sống có ý thức. Nó có thể là một điều kiện đối với một sự thể hiện thành công của một vài hoạt động riêng biệt; nhưng trước hết nó là một điều kiện hay tình trạng hay chất lượng của cuộc sống có ý thức như một sự hòa hợp cách tổng thể, cá nhân hay tập thể.

Trong bối cảnh nghiên cứu của chúng ta, mỗi bận tâm của chúng ta là sự bình an trong đời sống ý thức của cá nhân. Một mặt, bình an là sự tự do đối với những suy nghĩ và cảm xúc gây xáo trộn (như là nóng giận hay lo lắng), hay tự do đối với bối rối, đau đớn và sự giăng co của những cảm xúc và suy tư trái ngược nhau. Mặt khác, có một sự hội nhất của những hành vi ý thức (như những suy nghĩ, yêu thương, góm ghét hay khao khát), thực tế hóa với một vài mức độ của sự mãnh liệt, sâu sắc và uy lực. Bình an theo nghĩa này là thước đo của người trưởng thành thực sự. Sự bình an hoàn hảo của dạng này sẽ là viên mãn của đời sống con người, tất cả những hành vi của con người sẽ đạt tới chóp đỉnh của nó và hoàn toàn thống nhất.

Từ kinh nghiệm về sự bình an như là một điều kiện của cuộc sống có ý thức thì lại đưa ra vấn đề sự bình an như là một cảm xúc. Đây không phải là một công thức chung của tất cả các cảm xúc, bình an như là một điều kiện của đời sống xúc cảm, một loại bình an mà chúng ta vừa mới bàn tới. Nó là một cảm xúc đặc biệt. Nó không chỉ là sự vắng mặt của một cảm xúc gây xáo trộn hay là những nguyên nhân chủ quan của những điều này. Đó là một sự thúc đẩy tích cực của sự nhạy bén cảm xúc. Nó đan xen, và trong một kinh nghiệm cụ thể nó được nối kết với cảm xúc này hay cảm xúc khác như là sự vui mừng, sự ngọt ngào, sự thích thú, sự mãnh liệt. Trong nhiều

Chương 4: Những phân tích sơ khởi

bối cảnh nó thường được đề cập đến đơn thuần chỉ như là “sự bình an”; nhưng để làm sáng tỏ, chúng ta gọi nó là cảm xúc bình an hay bình an như là một cảm xúc và dành riêng hạn từ “bình an” cho một điều kiện được hội nhất và hiện thực hóa của một hoạt động có ý thức được mô tả ở trên.

Trong số tất cả những khái niệm về sự bình an, hai điều có tầm quan trọng đặc biệt đối với chúng ta: (1) bình an như là một tình trạng thống nhất của những hoạt động ý thức lành mạnh và (2) cảm xúc bình an. Điều thứ nhất là nền tảng cho điều thứ hai; điều thứ hai là sự diễn tả ở sự nhạy cảm rung động của điều thứ nhất. Hai khái niệm này rất quan trọng trong bất cứ sự phân tích nào về an ủi thiêng liêng. Chúng dễ bị lẫn lộn thường xuyên. Vì thế nó cũng gây ra sự bối rối. Một khái niệm khác cũng quan trọng đối với ta, đó là khái niệm của sự bình an hay sự an tĩnh trong cảm thức tiêu cực, đó là sự an tĩnh trong sự nhạy bén cảm xúc, sự vắng mặt những cảm xúc an ủi và sâu khổ.⁶⁶

⁶⁶ Sự bối rối bình an ở nghĩa phủ định với sự bình an như một cảm xúc đưa đến sự bóp méo về lời dạy của thánh I-nhã về việc nhận định ý Chúa. Một minh họa có thể được tìm thấy ở Karl Rahner's "The logic of Concrete Individual Knowledge in Ignatius Loyola" (Luận lý học về tri thức cá nhân đặc thù nơi con người thánh I-nhã loyola), pp. 84-170 trong cuốn his *The Dynamic Element in the Church* (New York, 1964), (ở đây viết tắt là *Dynamic Element*). Đầu tiên ông đọc "time of tranquility" ("thời an tịnh") trong Lt[177] theo nghĩa rõ ràng mà nó hiện có đó, lúc mà không có những thúc đẩy của các thần lành hay dữ, đó là lúc mà giác cảm không bị quấy động, không có sự an ủi hay sâu khổ (p. 95-96). Sau đó trong bài này (p. 168-169), khi ông thay đổi một điểm khá, ông dường như quên những gì ông đã nói ban đầu và lúc này ông đề nghị rằng sự an tịnh được nói đến trong Lt [177] có lẽ một cách nào đó được cho là phù hợp với "sự an tịnh và sự thình lạng" của an ủi thiêng liêng, và do đó như là dấu hiệu của thần lành. Sự bối rối này bóp méo những hiệu quả theo sự

Sự Bình An Thiêng Liêng

Những minh giải về sự bình an ở trên giúp cho ta thấy bản chất của bình an thiêng liêng khi phân biệt từ bất cứ sự bình an nào khác. Bình an thiêng liêng mà tôi muốn nói đến là sự bình an được khởi hứng bởi Chúa Thánh Thần. Trong khi ý thức rõ rằng Chúa Thánh Thần có thể hoạt động trong một người mà người này không phải là một Ki-tô hữu như trong cuộc thảo luận này tôi muốn nói tới sự bình an thiêng liêng là sự bình an Ki-tô giáo, có nghĩa là, sự bình an phát xuất từ đức tin, đức cậy, đức mến của Ki-tô giáo. Đây là công việc trước tiên của Chúa Thánh Thần trong đời sống Ki-tô giáo. Sự bình an này trước hết là một tình trạng đời sống có ý thức về tính Kitô hữu được cụ thể hóa, và thứ hai đó là một tình trạng của sự nhạy cảm xúc cảm, một cảm xúc bình an.

Sự bình an Ki-tô giáo xét như một điều kiện của đời sống có ý thức thì nó thoát khỏi sự lo lắng và nỗi sợ hãi, bởi vì và cho tới khi người đó tin vào quyền năng, khôn ngoan, tình yêu của Thiên Chúa dành cho ta được mặc khải trong Đức Giê-su Ki-tô. Sự bình an đó cũng thoát khỏi sự rối loạn hay náo động để đạt tới những hành động có ý thức. Cả hai điều trên vừa tự phát vừa được chọn lựa một cách tự do thì thống nhất, hòa hợp với đức tin, cậy, mến. Kết quả là chúng hòa hợp với nhau. Ở mức độ nào đó, sự bình an Ki-tô giáo như thế, là sự tham dự vào đời sống thần thiêng, một sự kết hợp với Thiên Chúa trong Đức Giê-su Ki-tô, trong những chi thể của Đức Ki-tô và

giải thích của ông về nhận định ý Chúa của thánh I-nhã ở "thì thứ ba" (Lt 177). Câu hỏi về những gì thánh I-nhã muốn nói bởi "thì thứ ba" cho việc tìm ý muốn của Thiên Chúa và câu hỏi về sự phụ thuộc của nó hay sự độc lập của "thì thứ hai" sẽ được tiếp nhận một cách thích hợp hơn trong một cuộc nghiên cứu riêng biệt về nhận định ý muốn Thiên Chúa của thánh I-nhã.

Chương 4: Những phân tích sơ khởi

trong toàn thể vũ trụ khi được tháp nhập vào Đức Ki-tô – vì muôn vật đều do Người mà có, nhờ Người mà tồn tại và quy hướng về Người (Rm 11,36). Nó là sự phụ thuộc nhiều hay ít hơn vào mức độ niềm tin, cậy, mến và phụ thuộc vào phạm vi mà những điều này chi phối và thống nhất tất cả những yếu tố khác của đời sống có ý thức.

Bình an Ki-tô giáo như là một cảm xúc, hay cảm xúc của bình an Ki-tô giáo, là một tình trạng của sự nhạy cảm mà bình an Ki-tô giáo như là một điều kiện của đời sống có ý thức hướng về chính nó để tác động. Như chúng ta sẽ thấy sự bình an như thế có thể bị cản trở và bị suy giảm bởi những đối lực ở bất cứ chiều kích nào của ý thức mà không được thống nhất và không được chi phối bởi niềm tin, cậy, mến Ki-tô giáo. Nó không chỉ là một tình trạng yên ổn của sự nhạy cảm cảm xúc, mà còn là một tình trạng an tĩnh trong sự nhạy cảm mà không được thúc đẩy bởi những cảm xúc lo lắng, nản lòng, khó chịu. Nó là một thực tại hơn hờ nào đó về tính nhạy cảm, căn bản đó là một cảm xúc hạnh phúc (ấm áp, ngọt ngào, tinh tảo, an toàn và vui mừng) mà có thể được định rõ là khác với bất cứ cảm xúc bình an nào khác qua việc xem xét đến nền tảng của nó. Sự bình an được thiết lập bởi một đời sống trong đó niềm tin, cậy, mến Ki-tô giáo là thực tế và chi phối những suy nghĩ, những hành động cảm tính và những quyết định.

Bình An Thiên Liêng thiết yếu và phụ thuộc (essential and contingent)

Nước Thiên Chúa mà chúng ta đi vào hay nước ấy đi vào trong chúng ta qua niềm tin, cậy, mến Ki-tô giáo thì như thánh Phaolô nói là vấn đề của “sự công chính, bình an và hoan lạc trong Thánh Thần” (Rm 14,17). Đời sống Ki-tô hữu trong lúc luân chuyển giữa an ủi & sầu khổ, sự an ủi ít nhiều có sự tràn

ngập mãnh liệt cảm xúc bình an và sự sâu khổ thì ngập tràn những cảm xúc lo lắng, đau khổ, u sầu. Do đó, vắn đề được đặt ra là: Niềm tin, cậy, mến (mà làm nên sự công chính) luôn luôn khởi đi từ sự bình an và hoan lạc của Chúa Thánh Thần phải không? Nếu thế, ta phải giải thích thế nào về sự sâu khổ ở các Ki-tô hữu tốt lành? Nếu không, tại sao không? Vì nước Thiên Chúa là một nước của sự bình an và hoan lạc; và thật là khó để nhận thấy làm thế nào một người có thể thực sự tin tưởng hy vọng và yêu thương như một Ki-tô hữu và vẫn bị sầu khổ. Sự mô tả ở trên về kinh nghiệm của sự bình an và những phân tích các cách mà ta sử dụng hạn từ bình an bây giờ sẽ giúp ta trả lời những câu hỏi này. Những câu trả lời sẽ giúp ta hiểu kinh nghiệm riêng của ta như những Ki-tô hữu và giúp ta đưa ra một sự giải thích thông minh về những quy tắc của thánh I-nhã đối với việc sống với sự bình an thiêng liêng.

Trước hết nếu không có một sự phân tách giữa việc hiểu biết và cảm nếm cảm xúc trên mặt này và sự nhạy cảm cảm xúc trên mặt kia, thì ta phải thừa nhận rằng thực sự việc ta tin tưởng những gì một Ki-tô hữu tin sẽ chắc chắn phát sinh ở một vài loại an ủi thiêng liêng, một cảm xúc của bình an và niềm vui thiêng liêng được bắt nguồn từ đức tin sống động. Mặt khác, ta phải thừa nhận thực tế rằng có sầu khổ thiêng liêng ở nhiều Ki-tô hữu là những người đã tin và hy vọng một cách mạnh mẽ và yêu thương một cách quảng đại. Đây là một thực tế không thể tránh được mà đưa đến một tình trạng khó xử hiển nhiên. Việc tránh khỏi tình trạng khó xử này được cung cấp bằng việc chú ý những thực tế khác về những đáp trả thuộc cảm xúc của ta trong đời sống thiêng liêng, cả những hành động cảm xúc và cảm giác xúc cảm. Những hành vi đức tin, cậy, mến không chỉ thay đổi về mặt cường độ mạnh nhẹ mà còn ở phạm vi của chúng, có nghĩa là ở phạm vi rộng lớn của cuộc sống có ý thức mà chúng chi phối và thống nhất

Chương 4: Những phân tích sơ khởi

trong tương quan với Thiên Chúa. Nhớ rằng sự bình an thiêng liêng như một điều kiện của đời sống thiêng liêng đang được thiết lập bởi sự thống nhất như thế và do đó cũng có thể ở mức lớn hơn hay nhỏ hơn. Sự bình an thiêng liêng, như một cảm xúc, một yếu tố cơ bản trong mỗi an ủi thiêng liêng, nó phụ thuộc vào việc có một vài mức độ của sự bình an thiêng liêng như một điều kiện của cuộc sống thiêng liêng. Tuy nhiên, và thực tế này có tầm quan trọng nền tảng cho mục đích của ta, sự mạnh mẽ và sự lan tỏa của bình an thiêng liêng như một cảm xúc thì không cần thiết ở tỉ lệ trực tiếp với sự mạnh mẽ và sự lan tỏa của bình an thiêng liêng như một điều kiện thống nhất của đời sống thiêng liêng. Những thực trạng này giúp ta thấy làm thế nào một vài kinh nghiệm thiêng liêng bối rối khác có thể xảy ra.

Vì chúng chỉ ra làm thế nào có thể có kinh nghiệm về những cảm xúc sâu khổ đồng thời với những cảm xúc an ủi; và làm thế nào một trong những cảm xúc này, khi đủ mạnh và đủ bao quát, ở sự ý thức bình thường có thể nuốt chửng cảm xúc kia mà không gây chú ý gì cả. Việc xét mình có phương pháp và thận trọng có thể đem lại cho cái cảm xúc ấy sự chú ý, nhưng nó lại không xảy ra đối với sự chú ý bình thường. Do vậy, an ủi thiêng liêng (theo nghĩa chuyên biệt của những cảm xúc khởi đi từ niềm tin sống động), đôi khi trội hơn. Nó có thể vượt trội đến nỗi hầu như ta không chú ý đến sâu khổ thiêng liêng ở lĩnh vực khác của đời sống ý thức, và rồi toàn bộ kinh nghiệm này được xem như là an ủi. Đôi khi ta khá ý thức về an ủi hay sâu khổ. Ta đứng trong vị trí của an ủi và chiến đấu với sâu khổ từ góc độ bình an và sự hợp nhất thiêng liêng phần nào đó, và thậm chí ta tìm thấy niềm vui khi gặp thách đố này với sức mạnh và sự can đảm của niềm tin và đức mến từ Chúa Thánh Thần. Bởi quyền năng Chúa Thánh Thần được kinh nghiệm ở tại trung tâm hữu hạn của sự an tịnh và sự tràn

đầy của đời sống thiêng liêng, ta có thể thống nhất thậm chí cả kinh nghiệm sâu khổ vào cuộc sống như một dịp cho sự thăng tiến thiêng liêng trong sự khiêm tốn, niềm tin, cậy, mến, lòng can đảm, và biết mình. (ta sẽ thấy chi tiết điều này khi ta nghiên cứu những chỉ dẫn của thánh I-nhã về việc làm thế nào để chế ngự và lướt thắng sâu khổ thiêng liêng). Lúc khác sự sâu khổ thiêng liêng thì quá vượt trội và lôi cuốn hoàn toàn sự chú ý của ta đến nỗi khó thấy an ủi được thúc đẩy thực sự trong tính nhạy cảm của nó; thường nó hoàn toàn không được chú ý đến. Do đó, lúc này được nghĩ một cách đơn sơ là lúc sâu khổ. Tuy nhiên, sự an ủi, sự bình an xét như một cảm xúc (sự an ủi nói một cách chính xác) thì không hoàn toàn vắng bóng cho đến khi nào niềm tin, cậy, mến vẫn tồn tại. Tình trạng tổng quát của ý thức thì hoàn toàn khác biệt vì niềm tin, cậy, mến; và có ở trong nó (một cách thiết yếu, tôi nghĩ ta phải nói rằng) một vài mức độ của an ủi thiêng liêng, của sự bình an cảm xúc, thậm chí ở khả năng hạn chế của ta trong việc chú ý phản tỉnh mà an ủi bị chìm xuống hay bị nhấn chìm từ cái nhìn của sâu khổ.

Việc hiểu biết về kinh nghiệm thiêng liêng này cho ta thấy rằng ở bất kỳ Ki-tô hữu trưởng thành nào thì có một cảm xúc bền vững của sự bình an, một sự an ủi thiêng liêng, đó là một tài sản thiết yếu của đời sống Ki-tô hữu. Nó là một yếu tố trong cấu trúc thiết yếu của ý thức được thúc đẩy mang tính Ki-tô giáo. Ta gọi nó là an ủi thiêng liêng thiết yếu; và ta hãy phân biệt nó với an ủi thiêng liêng phụ thuộc mà ở mức độ nào đó là sự mạnh mẽ, sự rõ ràng, và đôi khi là sự mở rộng của an ủi thiêng liêng thiết yếu. an ủi thiêng liêng phụ thuộc đến và đi. Đôi khi nó phải ra đi vì lợi ích cho sự trưởng thành Ki-tô hữu. Ở trong hình thức mà nó được trao ban cho ta trong cuộc sống này thì nó là phương tiện, chứ không phải cùng đích; nó quan trọng chỉ trong mức độ nó giúp ích đời sống Ki-

Chương 4: Những phân tích sơ khởi

tô hữu mà ngang qua niềm tin để được lớn lên và để mang sự sống đến cho thế giới.

Bình an mà thánh I-nhã quan tâm cách chính yếu trong các bộ quy tắc của ngài là bình an hay an ủi thiêng liêng phụ thuộc hơn là bình an hay an ủi thiêng liêng thiết yếu. Những gì ngài gọi là “an ủi thiêng liêng” trong lối sử dụng thông thường của ngài vượt trên sự bình an Ki-tô hữu thiết yếu mà trải dài trong những thăng trầm của cuộc sống nơi trần gian này. Nó phát sinh ra từ sự bình an tất yếu như dòng suối hay thượng nguồn, và nó lại hòa mình vào đó. Nó là sự trôi lên và hạ xuống của một bài ca trầm lắng mà luôn được hát lên ở trong tâm sâu thẳm của đời sống Kitô hữu. Nó là sự mạnh mẽ của việc cảm nếm sự ngọt ngào của Thiên Chúa; nó là một bảo chứng hạnh phúc sẽ đến, là lương thực đi đường. Nhưng nơi một người tội lỗi nó có những nguy hiểm cũng như những thuận lợi. Nó chỉ là một trong những phương tiện mà Chúa Thánh Thần dùng để giúp ta suốt con đường đến sự sống vĩnh cửu. An tĩnh thiêng liêng và sâu khổ thiêng liêng thì cũng là những phương tiện và đôi khi nó cần thiết hơn nhiều so với an ủi phụ thuộc. Những điều này có thể được trải qua với niềm an ủi hay sự bình an thiết yếu của người Ki-tô hữu.

Chương 5: MIÊU TẢ VỀ AN ỦI THIÊNG LIÊNG

Quy tắc I: 3

Cho đến bây giờ chúng ta đã có được một số những hiểu biết về ý nghĩa thông thường của sự an ủi hiểu theo cách chung; một số những hiểu biết về rất nhiều trạng thái khác nhau mà những từ ngữ “an ủi” và “bình an” được đề cập đến; một vài sáng tỏ về chủ ý của thánh Inhã trong việc xác định ý nghĩa chung thông thường của sự an ủi và nhằm giúp chúng ta nhận ra khi nào an ủi được coi là thiêng liêng; và cuối cùng là đôi chút hiểu biết về cách miêu tả an ủi thiêng liêng không theo nguyên tắc của ngài. Do vậy, giờ đây chúng ta sẽ đọc những lời miêu tả của thánh Inhã về an ủi thiêng liêng.

Thoáng nhìn qua những lời miêu tả này, cũng như những lời miêu tả về sâu khổ, ta thấy chúng có vẻ đơn giản và chẳng có gì soi sáng đặc biệt cả. Nhưng thực ra đối với tất cả những ai đã trải qua kinh nghiệm và nghiên cứu, sẽ nhận ra những thực tại phức tạp liên quan đến những lời miêu tả đó, đều tìm thấy ở nơi những lời này cả những khó khăn cũng như những điều giúp soi sáng.

Để nhận ra được các vấn đề khó khăn ấy và thấu nạp được sự soi sáng, ta phải xem xét thật kỹ lưỡng các bước trong quy tắc 3 và 4 và phải chú ý cận kề đến bản văn. Chúng ta phải kiên quyết loại bỏ mọi thói thúc để đọc những lời của thánh I nhã dựa vào những giả định, lý luận và cái nhìn của cá nhân ta để xác minh điều ta suy nghĩ... Hơn nữa, khi đọc những lời miêu tả này, chúng ta phải luôn ghi nhớ rằng thánh

Chương 5: Miêu tả về an ủi thiêng liêng

Inhã đang mô tả cách thức những kinh nghiệm mà ngài gọi là an ủi hay sầu khổ thiêng liêng⁶⁷ xuất hiện như thế nào nơi những người đang gặp những điều đó. Tôi không nói rằng ngài đang miêu tả những gì mà người đang gặp phải có thể gọi là sự an ủi hay sầu khổ thiêng liêng (nhưng đây lại là điều mà thánh Inhã gọi là không mang tính thiêng liêng). Tôi muốn nói rằng ngài đang miêu tả một kinh nghiệm duy nhất mà chính ngài gọi là an ủi hay sầu khổ thiêng liêng; nhưng ngài miêu tả chính kinh nghiệm đó đúng như nó diễn ra nơi người đang nếm trải nó, không có gì liên quan đến chuyện người này có thể gọi nó như thế nào. Đặc biệt trong lúc một người bị sầu khổ, hầu hết những điều xảy đến cho người ấy trong khi phản tỉnh lại không tương hợp với bản chất thực của kinh nghiệm đang được phản tỉnh. Đôi khi sự hiểu biết của chúng ta về kinh nghiệm của cá nhân mình lại bị sai lệch, và chính chúng ta giải thích sai những hoạt động hành vi và cảm xúc của mình. Thánh Inhã đã lưu ý chúng ta về điểm này.

67

Xem pp. 83-84 về sự phân biệt giữa một hành vi xúc cảm, chẳng hạn một hành vi yêu đương, và một cảm giác xúc cảm, chẳng hạn sự ấm áp ngọt ngào.

Lời Miêu Tả Đầu Tiên

Sự miêu tả đầu tiên này nói về một người được thúc đẩy mãnh liệt đến tình yêu đối với Thiên Chúa, và về ảnh hưởng của tình yêu ấy đối với tình yêu của người đó đối với mọi tạo vật.

[316] *Quy tắc 3*: Về an ủi thiêng liêng. Tôi gọi là an ủi khi trong linh hồn phát khởi một chuyển động nội tâm nào đó, khiến linh hồn bùng cháy lửa kính mến Đấng Tạo Hóa và Chúa mình và do đó, không có thể yêu một thụ tạo nào trên mặt đất vì chính thụ tạo ấy, nhưng chỉ yêu trong Đấng tạo dựng mọi sự.

Ngay lập tức, thánh Inhã chú ý đến hoạt động siêu việt của Chúa Thánh Thần trong tinh thần của con người, nơi mọi hoạt động của Thánh Thần hướng đến, hay đó cũng là nơi những hoạt động ấy phát sinh ra lòng mến. Tình yêu mà thánh Inhã đề cập ở đây không phải là bất cứ thứ tình yêu bình thường nào dành cho Thiên Chúa và cho mọi tạo vật trong Ngài. Đó là một kinh nghiệm khác thường mà ở nơi đó bản chất của của tình yêu Kitô giáo thể hiện một cách rõ ràng nhất đối với người đang trải qua kinh nghiệm về tình yêu ấy: kinh nghiệm mà người này có được khi bắt đầu được “bùng cháy trong tình yêu mến Đấng Tạo Hóa và Chúa của mình,” khi mà hành vi yêu đương được các cảm xúc mãnh liệt của sự ấm áp (thiên liêng và nhạy cảm) làm cho phong phú; vì thế, có thể nói được rằng, đó là khi cảm xúc được bùng cháy. Trong một kinh nghiệm như vậy, tình yêu thể hiện cho ta thấy sức mạnh của nó một cách minh bạch hơn cho chúng ta là những người sống lệ thuộc nhiều vào cảm xúc tình cảm, nếu chúng ta tin rằng tình yêu của ta là tình yêu đích thực dành

Chương 5: Miêu tả về an ủi thiêng liêng

cho Thiên Chúa và ta sẽ tìm thấy được niềm vui trong tình yêu ấy.

Một kinh nghiệm như vậy là một lời đáp trả hoàn hảo hơn của cả con người ta đối với Thiên Chúa, nhưng hành vi yêu đương xét theo bản chất thiết yếu của nó thì không nhất thiết phải trong sáng hơn hay mạnh mẽ hơn hoặc bền bỉ hơn so với tình yêu ở nơi những kinh nghiệm khác mà thiếu những cảm xúc mãnh liệt. Tình yêu của một người đối với Thiên Chúa mà không có bất cứ cảm xúc ấm áp nào thì cũng vẫn có thể mang lại cho người ấy sự can đảm trong việc kiên định chịu đựng đau khổ vì Ngài, hay cho họ sự gan dạ và sức mạnh để có thể thực hiện các công việc diễn tả tình yêu. Tình yêu như vậy có thể vẫn mãi trung thành qua thời gian khi người yêu không cảm được sự ngọt ngào, ấm áp, êm dịu hay niềm vui trong khi yêu, và thậm chí, vì lý do đó, có thể bị cám dỗ nghi ngờ về tình yêu của chính mình. Một người yêu với một tình yêu như vậy dường như lại cứ nghĩ mình không được bùng cháy trong tình yêu. Tuy nhiên, đó chính là tình yêu đích thực; thậm chí đó có thể là thứ tình yêu rất anh dũng; nhưng nó vẫn mãi không được nghiệm thấy như là một thứ tình yêu bùng cháy bao lâu người ấy chưa cảm thấy nó cháy bỏng trong tâm hồn nhạy cảm của mình. Khi điều đó xảy đến, đó là một tình yêu an ủi. Người yêu, người được bảo đảm về tình yêu đích thực sẽ được tràn ngập niềm vui trong Chúa, và niềm vui có được khi yêu mến Chúa không chỉ nhờ vào sự xác tín mạnh mẽ của niềm tin rằng Thiên Chúa là Đấng có tình yêu vô hạn hay chính Ngài là Đấng đáng kính chuộng, nhưng còn do bởi chính một kinh nghiệm tin tưởng về tình yêu và sự đáng kính chuộng của Thiên Chúa mà nhờ đó người này có thể cảm nếm và thấy được sự ngọt ngào của Thiên Chúa là thế nào. Kết quả là có thể yêu Chúa một cách mãnh liệt và tinh tuyền hơn.

Chúng ta hãy cố gắng hiểu sâu hơn về kết quả mà cảm xúc cháy lửa yêu mến đưa đến. Kết quả mà tình yêu này nhắm đến, theo thánh Inhã, là linh hồn không có thể yêu bất cứ tạo vật nào vì nó mà chỉ yêu ở trong Chúa. Hành vi của tình yêu mãnh liệt đối với Thiên Chúa, nhờ Chúa Thánh Thần thúc đẩy linh hồn được an ủi đến với tình yêu này, sẽ hấp thụ tất cả tình yêu dành cho mọi thụ tạo để nhờ vậy mà chúng được yêu chỉ ở trong Thiên Chúa và Chúa ở trong chúng. Cảm xúc cháy lửa yêu mến trong tâm hồn thể hiện tình yêu như thế một cách trọn hảo hơn. Không phải ta dành tình yêu cho mọi thụ tạo giảm đi, nhưng là càng thêm yêu chúng hơn, bởi lẽ tất cả tình yêu là vì tình yêu mến Chúa, yêu là vì được yêu thì bất kỳ đối tượng nào của tình yêu mà không thể hình thành nên một tình yêu với Thiên Chúa thì không thể yêu được, chừng nào mà chuyển động này của Chúa Thánh Thần còn tiếp tục kéo dài.

Bởi lẽ chính bản thân mình cũng là một thụ tạo, cho nên tình yêu không thể nào tự mô tả về mình trừ phi nó đạt đến thời điểm mà bản thân mình yêu mình chỉ vì mình được yêu ở trong Chúa và Chúa ở trong mình. Tại thời điểm đó, tình yêu như thế hoàn toàn không còn mang tính vị kỷ nữa. Tôi nói đến thời điểm đó, bởi vì tình yêu như vậy không tồn tại ở cuộc sống này, thậm chí cũng không tồn tại ở nơi chính cuộc đời của các vị đại thánh. Việc đọc bất kỳ lời chứng nào ở nơi cuộc đời các ngài sẽ làm sáng tỏ điều này. Rất ít người khi ở cao điểm của cuộc sống có kinh nghiệm về điều này. Ngay cả các Kitô hữu có tiếng sống một cuộc đời kiên vững trong tình yêu mãnh liệt và trong sáng đi nữa thì cũng khó có được một tình yêu như thế. Thánh Bê-na-đô, một vị thánh có quan điểm khá mạnh mẽ về những vấn đề như vậy, đã cảm nhận cách sâu xa rằng chỉ những vị đại thánh, chỉ trong một khoảnh khắc nào đó mới đi vào được tình yêu mà ở nơi đó bản thân mình được

Chương 5: Miêu tả về an ủi thiêng liêng

yêu mến chỉ ở nơi Thiên Chúa.⁶⁸ Nhiều người có thể đạt đến một tình yêu mà ở đó Thiên Chúa luôn được yêu thương hơn chính bản thân họ, nhưng như vậy không phải là loại ngay cả một tình yêu ít hơn bản thân tách biệt với tình yêu đối với Thiên Chúa, nhằm để siêu thắng mọi dấu tích của tính vị kỷ để không yêu bản thân hay bất kì thụ tạo nào ngoài việc yêu trong Chúa.

Đối với thánh Inhã, dấu chỉ chắc chắn và yếu tố để kiểm chứng một người rất yêu mọi thụ tạo bằng chính một tình yêu hoàn toàn cháy bỏng dành cho Thiên Chúa, đó là sự biểu hiện mang tính hệ quả của nỗi khát vọng và sự chọn lựa. Trong sách Linh Thao, thánh Inhã coi kết quả của một tình yêu vô vị kỷ như vậy là điều hết sức quan trọng. Nếu tình yêu thuộc loại tình yêu tinh tuyền chỉ dành cho Thiên Chúa và đủ mạnh để liên kết tất cả mọi tình yêu ở nơi một người, ít nhất là trong khi được an ủi, thì đồng thời trong suốt thời gian đó tâm hồn cũng sẽ có một ước muốn cháy bỏng liên kết tất cả mọi ước muốn, đó là ao ước bất cứ điều gì am hợp với thánh ý Thiên Chúa. Khi ta yêu theo đúng như cách thức thánh Inhã miêu tả ở phần đầu về an ủi thiêng liêng, thì sẽ không có một đối

⁶⁸ Thánh Bernard of Clairvanx, *De Deo Diligendo*, X, trong *Patrologia Latina*, quyển 182, cols. 990-992; xem đặc biệt X, 26 trong col. 990. bản dịch tiếng Anh của Jerrence Cononlly, S.J. *St. Bernard on the love of God* (New York, 1937) pp. 43-46, đặc biệt 43-44. Cũng có thể xem Gioan Thánh Giá, *Dark night*, II, 11, 2-4. Rõ ràng là đối với thánh Gioan Thánh Giá thì một tình yêu như thánh I-nhã miêu tả là được phú bẩm và khác thường, chỉ được ban cho người đã trải qua không chỉ những cuộc tinh luyện của đêm tối chủ động thuộc cả về cảm giác và tinh thần, nhưng qua cả đêm tối bị động thuộc cảm giác và đi sâu vào đêm tối bị động của tinh thần. Để có được sự giải thích ngắn gọn liên quan đến điều này, xem Phụ Lục II, pp. Error: Reference source not found-Error: Reference source not found

tượng nào của ước muốn có sức hấp dẫn, ngoại trừ trường hợp đối tượng đó thể hiện thánh ý Thiên Chúa. Vì thế, nhờ đó mà ta cũng sẽ có được một sự chọn lựa mang tính căn bản, mà nó đặt nền tảng cho tất cả mọi sự chọn lựa, là trong những tình huống cụ thể, phải chọn điều gì phù hợp với ý Chúa – hay nói cách khác theo thánh Inhã, đó là một sự chọn lựa cho vinh danh Chúa hơn, để phụng sự và tán dương Người hơn [Lt 23, 166,169,177,179-180,184].

Vậy liệu có nhất thiết là tình yêu của một người dành cho Thiên Chúa và khát vọng của người đó cho vinh danh Chúa phải được nung nấu để chúng luôn hợp nhất và để mang lại cho người ấy sự bình tâm trước mọi sự ngoại trừ thánh ý Chúa trong những vấn đề của sự lựa chọn không? Ở đây ta nên thận trọng đừng vội kết luận rằng tình yêu đơn thuần chỉ là một cảm giác ấm áp. Tiếp đến ta cũng sẽ nhận ra rằng hành vi yêu đương vẫn có thể nguyên tuyền, mãnh liệt và chắc chắn mà không cần có cảm giác bùng cháy lửa – như việc hết sức chú ý đến kinh nghiệm đã chứng tỏ cho thấy, cũng như tất cả các thánh và những vị linh hướng đầy kinh nghiệm đã dạy cho biết, hay chính Chúa Kitô dạy rõ trong Tin Mừng. Bởi lẽ Chúa Giêsu nói cho chúng ta rằng dấu chỉ chắc chắn cho thấy một người yêu mến Ngài và yêu mến Chúa Cha không phải dựa vào cảm xúc nhưng là thi hành thánh ý Chúa Cha; và cũng chính vì điều này mà ta thấy một hành động cảm tính của tình yêu, có hay không có sự ấm áp và ngọt ngào, cũng rất cần thiết và đủ để thúc đẩy chúng ta tìm kiếm và thực thi bất cứ điều gì hợp ý Chúa. Cảm giác bùng cháy lửa có thể đem lại cho tâm hồn nhiều niềm vui hơn và bảo đảm chắc chắn hơn về tình yêu của mình, để dễ dàng có thể yêu mọi vật thụ tạo chỉ ở nơi Chúa, nhờ vậy, sẵn sàng hơn để thực thi ý Chúa với niềm vui và bình an, hơn là với những trở ngại của tâm hồn. Tuy nhiên, cũng có thể ngay trong sự tăm tối và khô khan của sâu khổ, thì

Chương 5: Miêu tả về an ủi thiêng liêng

cũng được tác động như thế nhờ hoạt động của Chúa Thánh Thần, để hướng đến tình yêu dành cho Thiên Chúa, đến nỗi không một loài thụ tạo nào lại có thể được yêu ở ngoài Thiên Chúa. Nơi cuộc sống tại thế này, tất cả mọi chiều cao và chiều sâu của tình yêu Kitô giáo (Agape) không nhất thiết phải dựa trên sự an ủi. Mất đi sự an ủi thì không vì thế mà mất đi bất cứ hành vi tình yêu nào đối với Chúa, nhưng chỉ mất những cảm xúc mạnh mẽ về sự ấm áp và ngọt ngào làm cho hành vi yêu đương được tràn đầy niềm vui. Và điều ấy khiến cho một người dễ dàng có được một tình yêu thống nhất và trở nên bình tâm trước mọi sự, ngoại trừ thánh ý của Thiên Chúa và những điều làm vinh danh Chúa hơn. Sự bình tâm đối với mọi chọn lựa trước thánh ý của Chúa được xem như điều có thể diễn ra cách sẵn sàng hơn và có thể được duy trì cách dễ dàng trong suốt thời gian được an ủi thiêng liêng hơn là nó xảy đến trong thời gian an tĩnh và sâu khổ. Nếu không có an ủi thì một người, đôi khi chứ không phải thường xuyên, có thể gặp trở ngại trong việc vượt qua những ao ước và sợ hãi ích kỷ; nhưng thánh Inhã suy tưởng một cách rõ ràng rằng không có sự an ủi thì mục đích của sự bình tâm trước mọi sự, trừ ra thánh ý Chúa, cũng có thể đạt đến và được duy trì.⁶⁹

⁶⁹ Những hướng dẫn của thánh I-nhã nhằm thủ đắc điều này giả thiết một khả năng có thể thực hiện được (Linh Thao [147,150-157,159]). Thực tế “Lời tựa” hướng dẫn việc thực hiện sự chọn lựa (Linh Thao 169) đòi hỏi phải có thái độ bình tâm trước mọi sự ngoại trừ ý Chúa là điều kiện tiên quyết khi quyết định, cả trong thời kì trầm lắng và thời kì được an ủi; tất cả những chỉ dẫn trong việc thực hiện quyết định khi đang ở trong thời kì trầm lắng (Linh Thao 177,179-181,184) hay thời điểm canh tân đời sống đi nữa (Linh Thao 189) đều khẳng định rằng sự bình tâm trước mọi sự ngoại trừ ý Chúa là hoàn toàn có thể mà không cần đến on an ủi.

Thánh Inhã đề cập đến việc Thiên Chúa lấy đi sự an ủi (Quy tắc I: 7 trong Lt 320) cho dù không phải do lỗi ở phía con người (Lt 322). Quả là hết sức ngỡ ngàng nếu Thiên Chúa lại thực hiện việc lấy đi sức mạnh của đức mến, món quà do chính Ngài tặng ban khi người nhận được món quà này không còn phải chịu đựng bất cứ trở ngại nào nữa. Việc Ngài lấy đi cảm xúc ấm áp, ngọt ngào, niềm vui và sự bảo đảm cho hành vi của tình yêu, đó là một vấn đề khác vô cùng dễ hiểu.

Nếu như tất cả điều này là có thực, thì không phải mọi tình yêu dành cho Thiên Chúa, thậm chí không phải bất cứ tình yêu nguyên tuyền và mạnh mẽ nào dành cho Thiên Chúa, cũng đều là sự an ủi thiêng liêng mà thánh Inhã muốn nói trong phần miêu tả đầu tiên về sự an ủi. Để xác định là một an ủi như thế, tình yêu phải được chính người đó nghiệm thấy như là một sự “bùng cháy lửa”. Nếu kinh nghiệm của người có tình yêu được kể là thiêng liêng là tình yêu bình thường hướng đến Thiên Chúa, nếu kinh nghiệm ấy được kể như an ủi thì đó là tình yêu với cảm xúc bùng cháy lửa hoan hỉ. Trong các đoạn văn mà thánh Inhã miêu tả về sự an ủi đều có nói rất nhiều đến các từ ngữ của cảm xúc như sự thỏa mãn, hài lòng, cảm giác an toàn, an bình, bình yên, thư thái, niềm vui tươi, ngọt ngào, ấm áp, nước mắt (của tình yêu và niềm vui).⁷⁰ Sự sâu khổ được nói đến theo các hạn từ trái ngược⁷¹, chứ không bao giờ được đề cập đến đơn thuần chỉ như một chuyển động xa lìa hay đối lập với Thiên Chúa.

Nói cách khác, khi sự an ủi bắt nguồn từ một tình yêu như vậy dành cho Thiên Chúa như thánh Inhã miêu tả ở đây, thì đó chính là sự an ủi thiêng liêng. Cội nguồn, tức là hành vi tất

⁷⁰ Linh Thao [315,329,335] *DirSpEx* MHSJ, [11] p.72; [18] p. 76; và đặc biệt ở đâu đó trong *Nhật Ký Thiêng Liêng* của thánh I-nhã.

⁷¹ Linh Thao [317,329,335]; *DirSpEx* MHSJ; [12] p.72, [18] p.76.

Chương 5: Miêu tả về an ủi thiêng liêng

yếu của tình yêu, có thể được gọi là sự an ủi theo nghĩa có nguyên do. Mọi xúc cảm bên trong của sự ấm áp, ngọt ngào, bình an, niềm vui khởi đi từ một tình yêu nguyên tuyền của Thiên Chúa hình thành nên sự an ủi thiêng liêng theo nghĩa riêng biệt. Thánh Inhã đã làm sáng tỏ trong thủ bút hướng dẫn Linh Thao của ngài rằng chính ngài dùng cách nói này. Bởi vì ở đó ngài nói rằng “tôi gọi là sự an ủi thiêng liêng là bất cứ những chuyển động bên trong nào mà làm cho người đó được an ủi trong Chúa chúng ta”.⁷² Đây không đơn thuần là một điệp ngữ. Như chúng ta đã thấy trong phần phân tích về sự an ủi, chuyển động mà từ đó phát sinh ra trạng thái tình cảm có ý thức về sự an ủi (trạng thái được an ủi), thì được gọi là an ủi hiểu theo nghĩa là có nguyên do (trạng thái an ủi). Vì vậy, ở đây, khi một người ý thức rõ ràng về việc mình yêu Chúa hoàn toàn và mãnh liệt với một cảm giác xúc động bùng cháy lửa, thì tình yêu đó được gọi là một sự bùng cháy và người đó được an ủi.

Có một điều lưu ý cuối cùng trước khi kết thúc phần miêu tả đầu tiên trong quy tắc I: 3. Một khi chúng ta hiểu rõ được bản chất phi thường của tình yêu trong kinh nghiệm an ủi này, một khi hiểu được tính thuần khiết gây ngỡ ngàng của tình yêu ấy, thì chúng ta cũng không quá ngạc nhiên để ghi nhận một đặc tính khác trong phần miêu tả đầu tiên này. Có thể nói sự chuyển tiếp đưa đến tình yêu giống như vừa miêu tả ở trên là sự thúc đẩy (*se causa*) ở bên trong tâm hồn; giả định là bởi một vài tác động nào đó trôi vượt hơn cảm xúc và nhận thức bình thường của con người về một đối tượng. Chuyển động này không phải chỉ đơn thuần là một phản ứng tình cảm tự phát⁷³

⁷² *DirSpEx* MHSJ, [18] p. 76.

Phần miêu tả đầu tiên này về an ủi thiêng liêng, một sự an ủi đặt nền tảng nơi dạng tình yêu mà thánh Inhã miêu tả ở đây, dường như trở thành khuôn mẫu cho tất cả mọi an ủi thiêng liêng. Đối với thánh Inhã, bất cứ sự an ủi nào khác được gọi là an ủi thiêng liêng, nếu như nó giống với mô tả ở đây, hoặc là có liên kết đồng nhất với loại này, hoặc là liên kết với kiểu loại giống như loại này. Tính xác thực về lời khẳng định này sẽ được làm sáng tỏ hơn khi chúng ta phân tích những phần miêu tả tiếp theo và suy xét về chúng.

Lời Miêu Tả Thứ Hai

Lời miêu tả thứ hai nói về sự an ủi thiêng liêng bằng những lời lẽ về sự thúc đẩy ta yêu mến Chúa và hướng đến việc phụng sự và tán dương Ngài:

Đó cũng là, khi linh hồn chảy nước mắt vốn thúc đẩy đến lòng yêu mến Chúa của mình, hoặc bởi đau đớn vì tội lỗi mình, hay vì sự thương khó của Đức Kitô, Chúa chúng ta, hay vì những điều khác trực tiếp hướng về việc phụng sự và ca tụng Ngài.

Có một số yếu tố được nói đến trong kinh nghiệm này: nước mắt, sự đau đớn, lòng thương đối với Chúa Kitô, tình yêu, việc phụng sự và tán dương Chúa. Vậy đó phải là loại nước mắt nào, loại đau đớn nào... để có thể được gọi là những yếu tố trong sự an ủi; chúng phải là loại nào để có thể trở thành những yếu tố của một sự an ủi thiêng liêng; mỗi một yếu tố đó chiếm vị trí nào trong sự an ủi thiêng liêng; và

⁷³ Tất cả các bản văn La Tinh về *Linh Thao* đều đưa ra khía cạnh này của kinh nghiệm. Bản Vulgate sử dụng từ *exardescit*: Tâm hồn không chỉ bùng cháy lửa nhưng “đã bùng cháy rồi”, “cháy lên rồi”. Bản *Versio Prima* sử dụng từ *accenditur* (*SpEx* MHSJ, pp. 376-377).

Chương 5: Miêu tả về an ủi thiêng liêng

chúng có liên hệ với nhau như thế nào. Tất cả những gì vừa nêu là những câu hỏi đặt ra ta cần phải truy tìm câu trả lời.

Tuy nhiên, trước khi xem xét những câu hỏi này, chúng ta hãy ghi nhận một cách nói hết sức tiêu biểu và riêng biệt của thánh Inhã ngay cả ở phần này cũng như ở phần trước. Thánh Inhã nói rằng ngài gọi là sự an ủi khi linh hồn bùng cháy trong tình yêu và khi linh hồn chảy nước mắt... Lưu ý rằng, cũng giống như trong phần trước, ngài không đơn giản coi tình yêu là đồng nghĩa với an ủi, thì ở đây ngài cũng không coi nước mắt hay sự đau đớn (thậm chí không phải mọi sự đau đớn đều vì tội lỗi) là đồng nghĩa với sự an ủi. Nước mắt của sự đau đớn có thể là một yếu tố trong tổng thể phức hợp của sự an ủi thiêng liêng nếu như đó là thứ nước mắt đau đớn cụ thể khởi đi từ một nguyên nhân cụ thể và với những kết quả cụ thể. Ngài bảo rằng khi linh hồn chảy nước mắt đau đớn với nguyên nhân và kết quả thích hợp, thì đó là lúc linh hồn có được an ủi thiêng liêng.

Tất cả những điều thánh Inhã thực hiện cũng giống như một giáo viên dạy thơ vẫn đang cố gắng nói cho những học viên mới bắt đầu về niềm vui đích thực thuộc nghệ thuật (an ủi) là gì, chẳng hạn phân biệt với cảm giác vui thích của việc ăn uống hay niềm vui tri thức có được qua kết quả nghiên cứu những vấn đề thuộc lĩnh vực khoa học hay qua việc phân tích nội dung tri thức của thi ca. Thay vì đưa ra một phân tích kỹ càng về những cảm xúc nghệ thuật khác biệt so với những cái khác, thì niềm vui cảm nhận từ cái đẹp cũng khác so với niềm vui khi nhận được thành quả, hay có được sự chắc chắn sau khi đã nghi ngờ, thì giáo viên có thể phát biểu tương tự thế này: “Khi bạn rơi nước mắt, khi bạn thấy rung mình, khi bạn muốn nghe đi nghe lại các dòng thơ hay khi bạn thấy trầm lắng và sâu lắng sau khi nghe những dòng thơ này, thì đó là

lúc bạn đã có được một kinh nghiệm nghệ thuật về thi ca.” Như vậy, niềm vui nghệ thuật chắc chắn không phải được cấu thành bởi nước mắt hay sự rùng mình hay một sự thúc đẩy đọc lại các dòng thơ hay bởi sự thình lạng thâm sâu. Nhưng mà khi những điều này diễn ra như là kết quả của việc đọc thơ hay nghe nhạc, thì bạn có thể đảm bảo chắc chắn được rằng niềm vui hay sự hoan hỷ bạn vừa mới trải nghiệm, ấy chính là niềm vui của nghệ thuật. Mỗi khi bạn chú ý đến nó và suy nghĩ về nó, bạn sẽ nhận thấy nó khác như thế nào về đặc tính, về nguyên nhân và kết quả so với những niềm vui khác. Cũng tương tự như vậy đối với an ủi thiêng liêng. Khi bạn chảy nước mắt của niềm vui và sự bình an do bởi một nguyên nhân nào đó có liên hệ đến Thiên Chúa và khi bạn được kích thích đưa đến lòng yêu mến Chúa hay đưa đến việc phụng sự và tán dương Ngài, thì lúc ấy niềm an ủi đó chính là an ủi thiêng liêng. Mỗi khi bạn chú tâm đến nó, bạn sẽ nhận thấy nó khác thế nào so với mọi sự an ủi khác.

Sau khi nhận ra cách thức thánh Inhã tiến hành việc miêu tả, chúng ta hãy xem xét các yếu tố và cố gắng tìm hiểu bản chất của mỗi yếu tố và mối liên hệ của chúng với nhau. Yếu tố chính yếu là đức tin sống động, tin vào tình yêu của Thiên Chúa, mà triển nở trong hy vọng và trên hết là đức mến đối với tha nhân. Như chúng ta đã ghi nhận, đức mến là ơn chính yếu của Thánh Thần. Bất kỳ một sự đau đớn, nước mắt hay bất cứ một yếu tố nào khác trong kinh nghiệm mà không đưa đến hay khởi đi từ đức Mến thì không được kể là thiêng liêng.

Vậy thì các loại đau đớn nào khởi đi và đưa đến niềm tin sống động? Đó chính là sự đau đớn về một điều gì đó có liên hệ trực tiếp đến việc phụng sự và tán dương Thiên Chúa, chẳng hạn như sự đau đớn về tội lỗi tôi hay về cuộc khổ nạn mà Chúa Giêsu phải chịu. Nói cách khác, đó là thứ đau khổ

Chương 5: Miêu tả về an ủi thiêng liêng

bắt nguồn từ niềm tin và tình yêu đối với Thiên Chúa trong Đức Kitô. Chỉ có niềm tin và đức mến mới có thể giải thích được sự đau đớn như thế, như thánh Inhã đề cập. Chỉ có người nào mang sẵn trong mình niềm tin và tình yêu đối với Chúa mới quan tâm đến việc phụng sự và tán dương Thiên Chúa và có thể đau đớn trước những điều đối nghịch với việc phụng sự và tán dương Chúa mà thôi. Các cụm từ “thúc đẩy lòng yêu mến Chúa của mình” và “trực tiếp hướng về việc phụng sự và tán dương Ngài” loại trừ hàng loạt các kinh nghiệm an ủi của sự xúc động và nước mắt. Bằng cách chú ý vào các cụm từ đó sẽ giúp chúng ta tránh được sự nhầm lẫn giữa sự an ủi thiêng liêng đích thực được tô điểm bằng sự đau khổ với bất cứ sự sàu muộn ngọt ngào và đau khổ nào của một bản chất mang tính lãng mạn hoặc thuộc tình cảm hay nghệ thuật, và với niềm vui của việc tự đau đớn thương xót chính mình.

Mặt khác, chúng ta không được phép dựa trên những cụm từ này để đi đến chỗ nghĩ rằng tất cả mọi cảm xúc đau đớn kết thúc ở nơi Chúa đều là sự an ủi thiêng liêng. Sự xúc cảm như vậy có thể là xúc cảm thiêng liêng nhưng không phải là sự an ủi; hay có thể đó là an ủi nhưng không thuộc an ủi thiêng liêng. Chúng ta đã ghi nhận một số kinh nghiệm không mang tính thiêng liêng, đó là kinh nghiệm buồn rầu và đau đớn, tuy nhiên lại tràn ngập sự thoải mái, ngọt ngào, thậm chí niềm vui tuyệt diệu. Cũng có một số kinh nghiệm thiêng liêng về buồn rầu và đau đớn lại là những an ủi thiêng liêng. Mặt khác, chúng ta đã quen với các kinh nghiệm đau khổ không phải thiêng liêng như sự đấng cay, đau đớn và sàu khổ. Cũng tương tự như vậy đối với các kinh nghiệm thiêng liêng. Đau đớn vì tội lỗi trong tâm hồn một người có niềm tin mạnh đến mức cảm thấy hối tiếc về những tội lỗi mình đã phạm, nhưng lại không có kinh nghiệm về ơn tha thứ và tình yêu đầy quyền

năng của Thiên Chúa, thì đó là đau đớn của đắng cay và thất vọng, chứ không phải là sự an ủi. Chỉ khi nào sự đau đớn kết hợp với việc nhận ra tình yêu thương xót, tha thứ của Thiên Chúa chế ngự tội lỗi của ta và biến những tội lỗi ấy trở thành vinh quang Thiên Chúa trong ta, thì khi đó ta mới có thể tìm được, như thánh Augustinô đã tìm được, *“nhiều niềm vui hơn trong việc khóc lóc vì những tội lỗi tôi, hơn là niềm vui khi phạm tội”*.

Hơn nữa, có một thứ đau đớn của lòng thương xót phát xuất từ tình yêu mãnh liệt đối với Thiên Chúa và tha nhân, và điều đó nghiệm thấy như là một sầu khổ, thậm chí trong chính tâm hồn của người có đức tin mạnh mẽ và đức mến bao la. Tất cả những điều mà đức tin và đức mến đó có thể thực hiện trong những trường hợp này là nhằm làm gia tăng sức mạnh của người ấy để cam chịu mọi sự với lòng can đảm và trung tín. Ta hãy nghĩ về việc Đức Maria thông phần đau khổ của Chúa Giêsu trên đồi Can-vê. Chắc chắn không thể có một sự an ủi nào ở đây. Cùng chịu đau khổ với Đức Kitô trong đau khổ hoàn toàn khác so với nỗi buồn dịu ngọt của sự an ủi được nghiệm thấy trong suốt cuộc khổ nạn của Chúa Kitô như là một mặc khải tình yêu Thiên Chúa. Điều thứ hai này chỉ có thể xảy đến được với Đức Maria kể từ sau biến cố Can-vê, khi Đức Giê su đã vượt qua đau khổ và Mẹ đã chảy nước mắt ra trong lúc tưởng nhớ đến một tình yêu toàn thắng và uy dũng của người con vinh hiển đã từ cõi chết sống lại. Khi coi nỗi thống khổ của Mẹ trên đồi Can-vê, hay mạnh hơn, sự đau đớn của Chúa Giêsu trong Vườn Giết-si-ma-ni hoặc trên thập giá, như là một sự an ủi thiêng liêng bởi vì nó phát xuất từ một niềm tin và tình yêu đối với Thiên Chúa, thì vấn đề lại trở nên dễ nhầm lẫn (ngay cả trên bình diện thuật ngữ). Cốt tủy của vấn đề là ở chỗ điều đó đối nghịch với quan điểm của thánh Inhã.

Chương 5: Miêu tả về an ủi thiêng liêng

Tất cả những điều trên đây đưa đến một bình luận cuối cùng về phần miêu tả an ủi thiêng liêng thứ hai này. Nó gọi lên hai đặc tính của mọi sự an ủi Kitô giáo. Đặc tính thứ nhất là ơn an ủi Kitô giáo phát sinh và hướng đến tình yêu của một tội nhân đã được tha thứ, đối với Thiên Chúa cứu độ. Dù trong sự an ủi mang tính tạm thời hay trong chiến thắng cuối cùng, chúng ta là những tội nhân, nhưng chính tội lỗi của chúng ta được chuyển biến thành vinh quang và thành nguồn vui nhờ quyền năng yêu thương và sáng tạo vĩnh hằng của Thiên Chúa. Những tội lỗi ấy trở thành nguồn vinh quang cho Đức Kitô và nguồn hoan lạc cho chính chúng ta dựa vào vinh quang của Ngài là Đấng Cứu Độ. Thánh Phê-rô vẫn mãi là người chối Chúa Giêsu, nhưng ngài cũng mãi là người có thể tự hào trong tình yêu biến đổi, tha thứ và trung thành, điều biến ngài trở thành vinh quang của Đức Giêsu, Đấng ngài yêu mến. Chính vì thế, trong khi hưởng nếm trước niềm hoan lạc do Chúa Thánh Thần ban cho ta lúc ta được an ủi thiêng liêng ở đời này, thì ta luôn mang cảm giác về tội lỗi của mình và về tình yêu cứu độ của Thiên Chúa trong Đức Kitô. Tất nhiên, nó không luôn luôn rõ ràng và không luôn dễ nhận ra, nhưng ở chừng mực đó là sự an ủi Kitô giáo đích thực thì ít nhất nó cũng ngấm ngấm và làm phát sinh ra một âm điệu đặc biệt của sự khiêm nhường và lòng biết ơn trước kinh nghiệm có được.

Đặc tính thứ hai của an ủi Kitô giáo trong cuộc sống đời này là: nó thường được tôi luyện bởi nỗi đau khổ về sự khổ đau của Đức Kitô nơi anh chị em mình, và về những lúc ta xa lánh Chúa và đánh mất lòng trung tín đối với Ngài. Trong những lúc như thế, Thiên Chúa thường khóa lấp tâm trí ta với niềm vui có Ngài hiện diện để chôn vùi mọi nỗi khổ đau ngay lúc đó. Vào những thời điểm khác, khi niềm tin lên cao mà ở nơi đó ta có thể nhận thấy sự đau khổ và tội lỗi được đưa trọn

vẹn vào trong vinh quang của Chúa, và đồng thời cũng nhận ra rằng “tất cả mọi sự đều là tốt lành, tất cả mọi cách thức đều có giá trị”. Tuy nhiên niềm an ủi Kitô giáo cách bình thường sẽ được tôi luyện bởi sự nhận thức của ta về một thế giới đau khổ và tội lỗi, thế giới của riêng tôi và cũng là của mọi người mà tôi yêu mến trong Đức Kitô.

Miêu Tả Thứ Ba và Thứ Bốn về An Ủi Thiêng Liêng

Trong phần diễn tả thứ ba và phần cuối cùng về an ủi thiêng liêng, thánh Inhã mở rộng phạm vi của các kinh nghiệm mà ngài gọi là an ủi:

Sau cùng tôi gọi là an ủi mọi gia tăng đức tin-cậy-mến cùng mọi niềm vui bề trong mời gọi và lôi kéo đến những sự trên trời và phần rỗi riêng của linh hồn mình, làm cho linh hồn được nghỉ ngơi và an bình trong Đấng Tạo Hóa và Chúa của mình.

Trong một câu này, chúng ta cũng nhận thấy hàng loạt những yếu tố trong kinh nghiệm của sự an ủi: sự gia tăng đức tin-cậy-mến; sự vui mừng bề trong; việc lôi kéo đến những sự trên trời, sự nghỉ ngơi và an bình. Hai câu hỏi phải được trả lời ở đây là: mỗi một cụm từ này có ý nghĩa gì? Các cụm từ này có phải là những phần của một miêu tả, hay là chúng góp phần tạo nên nhiều sự miêu tả về an ủi thiêng liêng chăng? Bởi vì câu hỏi thứ hai chỉ có thể được trả lời dưới ánh sáng của câu trả lời dành cho câu hỏi thứ nhất, nên chúng ta sẽ xem xét từng cụm từ một.

Cụm từ thứ nhất, “mọi sự gia tăng đức tin-cậy-mến,” lần đầu tiên được nhóm lại với nhau một cách rõ ràng trong mô tả của thánh I nhã về những hoạt động nền tảng của đời sống thiêng liêng. Thực tế đây là lần đầu tiên đề cập cách cụ thể đến đức tin và đức cậy. Trong các phần trình bày trước thì hai

Chương 5: Miêu tả về an ủi thiêng liêng

nhân đức này chỉ được ám chỉ đến cách hàm ý mà thôi. Hơn nữa, tình yêu (amor) bây giờ trở thành đức mến (caridad), một từ ngữ riêng biệt hơn để chỉ tình yêu được tìm thấy trong an ủi thiêng liêng, một tình yêu trong Chúa và vì Chúa, và tình yêu đối với mọi thụ tạo ở trong Chúa, vì Chúa và với Chúa. Đồng thời, “sự gia tăng” đức tin-cậy-mến rõ ràng đã được ngụ ý nói đến trong hai phần trước, thì giờ đây được đề cập cách rõ ràng; và mọi sự gia tăng như vậy đều được coi là an ủi thiêng liêng.

Lần miêu tả này nổi lên nhiều vấn đề nghiêm trọng. Lời miêu tả đó có vẻ như đối lập với những gì đã được trình bày trong chương III và đối lập với những gì thánh Inhã đã nêu ra trong các quy tắc khác cũng như trong các bản văn khác của ngài. Nếu như mọi sự gia tăng đức tin – cậy – mến đều là an ủi thiêng liêng, thì dường như các nhân đức này không thể gia tăng trong lúc gặp sầu khổ thiêng liêng; bởi vì, ít nhất ở chừng mực nào đó thì các nhân đức ấy không chỉ làm xua tan đi sự sầu khổ và mang lại cho tâm hồn sự bình yên, nhưng thực tế lại còn mang lại sự an ủi ngay lập tức.

Đơn giản đây không phải là kinh nghiệm của chúng ta; và sự đối nghịch có vẻ đã được thánh Inhã thừa nhận khi ngài khuyên ta kiên nhẫn chống lại sự sầu khổ bằng cách tin tưởng vững vàng vào Chúa. Tất cả những lời khuyên của ngài ở các Quy tắc I: 6-9 rõ ràng là mời gọi ta làm sống dậy đức tin – cậy – mến trong cầu nguyện, suy niệm, và xét mình nhằm chống lại mọi hậu quả của sự sầu khổ khi nào còn cảm thấy và chinh phục nó. Trong quy tắc 7 ngài bảo đảm với ta rằng Chúa sẽ luôn trợ giúp ta khi ta bị sầu khổ. Đó là sự trợ giúp nào nếu chẳng phải là ân sủng Chúa ban để làm cho đức tin-cậy-mến của ta thêm mạnh mẽ dù cho có gặp sầu khổ đi chăng nữa hay sao? Và liệu có ai kiên nhẫn trong việc chống đỡ mọi cơn cám

đổ (I: 8) mà lại không gia tăng đức tin, cậy, mến? Chẳng phải các nguyên nhân thứ hai và ba đã được quy gán cho Chúa khi Ngài cho phép sầu khổ diễn ra (I: 9) để qua đó muốn nói rằng chính Chúa có mục đích giúp ta lớn lên trong tình yêu vô vị kỷ và trong sự khiêm tốn suốt thời gian ta bị sầu khổ sao? Vậy chúng ta sẽ đánh giá thế nào qua việc thánh Inhã đây đó đề cập đến vấn đề gia tăng lòng mến và các nhân đức vững chắc khác mà không nhất thiết phải dựa vào sự an ủi thiêng liêng?⁷⁴

Có thể tránh được sự mâu thuẫn trong quan điểm của thánh Inhã nếu chúng ta hiểu sự an ủi theo cách loại suy ở trên, đó là, an ủi là mọi chuyển động hướng đến Chúa, còn sầu khổ thì ngược lại, chẳng cần xét đến các phẩm chất của sự hoan hỉ hay đối lập. Tuy nhiên, như chúng ta đã xem xét, điều đó cũng chỉ dẫn đến những mâu thuẫn mạnh mẽ hơn trong lời dạy của thánh Inhã mà thôi. Giải pháp cho vấn đề của chúng ta, như tôi sẽ trình bày, nằm ở việc hiểu biết rất nhiều cách thức làm gia tăng đức tin – cậy – mến, của cấu trúc căn bản của sự an ủi mà chúng ta đã tìm ra, ở việc xem xét ý thánh Inhã muốn nói gì khi sử dụng cụm từ “gia tăng đức tin-cậy-mến.”

Từ “gia tăng” ở ngữ cảnh này có thể có nhiều nghĩa, một số nghĩa trùng với các nghĩa khác, một số nghĩa đề cập đến những điều kiện hay nền tảng cho các nghĩa khác. Sự gia tăng có thể đề cập đến sự sâu xa hơn của đức tin – cậy – mến: đó là, các hành vi ngày càng được nội tâm hóa hơn, đạt đến mức độ sâu xa hơn trong tâm hồn và có liên quan đến sự dẫn thân trọn vẹn hơn của bản thân đối với Đức Kitô, dựa trên nền tảng là sự hiểu biết hoàn hảo hơn về chính Ngài, về cuộc sống và lời giảng dạy của Ngài. Sự gia tăng cũng có thể hiểu là các hành động của đức tin – cậy – mến thêm vững chắc và khó có thể

⁷⁴ Các thư của thánh I-nhã - *LettersIgn*, p. 342.

Chương 5: Miêu tả về an ủi thiêng liêng

lay chuyển hơn khi gặp thử thách; cũng có thể đó là sự trong sáng hơn, nguyên tuyền hơn của đức tin – cậy – mến, loại bỏ dần được sự pha tạp trong đời sống đức tin chỉ với sự hiểu biết tự nhiên và mọi sự thúc đẩy của tính bản thiện, một sự tiếp cận ngày một gần hơn với lý tưởng sống đức tin một cách thanh khiết và tinh tuyền. Sự gia tăng cũng có thể nói đến cường độ mạnh hơn của các hành vi đức tin – cậy – mến, hay cường độ mãnh liệt hơn của cảm xúc tình cảm (thiên liêng và rung cảm) đặt nền tảng trên những hành vi này và nhờ đó mà làm cho tâm hồn luôn hướng đến thực hiện nhiều việc khác nữa mà không có chút gì khó khăn. Khi đó, có thể hiểu thêm một nghĩa nữa là sự gia tăng về sự dễ dàng của chính những hành động tin – cậy – mến và chốc lát thì mọi khó khăn của lý trí và mọi cảm xúc đối nghịch nhau liền dịu xuống. Cũng có thể có một ý nghĩa khác nữa, đó là sự phổ biến rộng rãi hơn (greater diffusion) thông qua bản chất của một con người trong việc hiểu biết thực tại, lý lẽ, phán đoán, trí tưởng tượng, mọi hành vi thuộc tình cảm và mọi cảm xúc. Hơn thế nữa, cũng có thể là sự gia tăng hiệu quả hơn, gia tăng các ảnh hưởng trên các cách thức chọn lựa và hành động để nhờ đó mà các điều lựa chọn và hành động ấy càng diễn tả mạnh mẽ hơn đức tin – cậy – mến ngay trong tinh thần của một người. Một cách dễ dàng và sẵn sàng hơn chủ thể thì kiên nhẫn, quảng đại, tử tế hơn, can đảm hơn trong chịu đựng đau đớn hay dám mạo hiểm vì danh Chúa, bình tâm hơn với mọi sự, ngoại trừ điều gì là ý Chúa. Rõ ràng là sự gia tăng đức tin-cậy-mến theo tất cả các nghĩa trên đây đều hướng đến việc gia tăng sự thống nhất của toàn bộ đời sống ý thức với việc sống niềm tin như trung tâm và nguồn cội. Việc gia tăng sự thống nhất như vậy là điều chúng ta đã nói đến ở trên như là sự gia tăng bình an thiêng liêng và là nguồn, như ta đã thấy, của một cảm giác không ngừng lớn mạnh về bình an thiêng liêng.

Tất cả các ý nghĩa của sự gia tăng đức tin-cậy-mến có thể được tóm kết trong sự an ủi thiêng liêng được hiểu theo nghĩa rộng lớn. Ý nghĩa của sự gia tăng mà thánh Inhã có vẻ muốn nhấn mạnh nhất đó là gia tăng sự xúc cảm mãnh liệt, đặc biệt diễn ra trong cảm giác tình cảm. (Không có chuyển động của cảm giác, như chúng ta đã xem xét, thì cũng không có sự an ủi.) Chính vì vậy, trong thư gửi cho Francis Borgia nói về những “quà tặng và ân sủng” của Thiên Chúa, thánh Inhã đề cập đến “sự xúc cảm (intención) của đức tin-cậy-mến” và “sự an ủi mãnh liệt (consolación intensta).⁷⁵ Ở các quy tắc khác của bộ I cho việc nhận định thần loại, khi ngài đưa ra các ví dụ cụ thể về những điều bị lấy đi khi Thiên Chúa để cho tâm hồn người thuần thiêng (spiritual person) ở trong trạng thái sầu khổ, sự xúc cảm mãnh liệt được ngài nhấn mạnh. Do đó, trong quy tắc I: 7 (Lt 320) ngài nói rằng mặc dù sự phù trợ thần linh luôn ở với người bị sầu khổ, nhưng người đó lại không cảm thấy rõ ràng, “vì Chúa rút bớt lòng sốt sắng nồng nàn (mucho hervor), lòng mến bao la (crecio amor), và ân sủng mãnh liệt.” Trong quy tắc I: 9 (LT 322), thánh Inhã nói rằng trong khi bị sầu khổ, Thiên Chúa dạy ta cách sâu sắc rằng “không phải tự ta làm phát sinh hay duy trì được lòng sốt sắng vô ngần, lòng mến mạnh, nước mắt hay bất cứ một on an ủi thiêng liêng nào khác.” Dường như thánh Inhã nhận thấy các từ ngữ như mãnh liệt (intensa), nhiều (mucho), to lớn (crecio), sự sốt sắng (hervor), và sự sốt mến (devoción) thích hợp nhất cho việc diễn tả các ý nghĩa mà ngài muốn diễn tả. Những từ ngữ đó chuyển tải hình ảnh của những sự căng ra, sự giãn nở rộng ra, sự dâng lên cuồn cuộn, sự tăng lên trong mức độ tiến tới đỉnh cao nổ tung ra của cảm xúc mãnh liệt, một sự sôi lên, sôi sùng sục lên của tất cả mọi cảm xúc tình cảm đạt đến mức mãnh liệt mạnh mẽ. Không có một từ ngữ nào được thánh Inhã sử dụng

⁷⁵ Các thư của thánh I-nhã- *LettersIgn*, p. 181.

Chương 5: Miêu tả về an ủi thiêng liêng

thường xuyên hơn từ “nước mắt”⁷⁶ khi ngài muốn làm nổi bật sự an ủi, bởi lẽ nước mắt là dấu chỉ chắc chắn của một cảm xúc mãnh liệt trong sự nhạy cảm của cảm xúc. Khi đưa ra nguyên do tại sao trong suốt thời kỳ học hành, sự khôn ngoan của Thiên Chúa ngăn cản những cuộc thăm viếng mang tính cảm xúc, thì thánh Inhã nói rằng, mặc dù tinh thần tràn ngập niềm vui nhưng thân xác lại quá yếu ớt.⁷⁷ Chắc chắn đó chính là cảm xúc mãnh liệt làm cho thân xác trở nên yếu ớt, chứ không phải các hành vi thiêng liêng mãnh liệt của đức tin - cậy - mến thanh khiết, và cũng chính cảm xúc mãnh liệt đó sẽ diễn ra mà không có một sự sốt sắng lớn lao và sự ngọt ngào nào cả.

Nếu những điều được đề cập lại được nối kết với những phân tích trước đó về an ủi thiêng liêng, về bình an, về hai miêu tả đầu tiên của an ủi thiêng liêng trong Quy tắc I: 3, thì ta có thể giải thích cách chắc chắn cụm từ “mọi sự gia tăng của đức tin - cậy - mến” mà thánh Inhã đã sử dụng như phần miêu tả thứ ba về an ủi thiêng liêng. “Sự gia tăng” trong ngữ cảnh này phải được mang một ý nghĩa trọn vẹn hơn là chỉ đơn thuần nói đến bất kỳ sự xúc cảm mãnh liệt lớn lao nào của các hành động thiết yếu của đức tin-cậy-mến với sự nguyên tuyền hơn hay thậm chí hiệu lực hơn để thực hiện mọi quyết định. Kiểu gia tăng này đã có thể sẵn có nơi trạng thái bình yên thiêng liêng và thậm chí nơi sự sầu khổ thiêng liêng. Sự gia tăng của đức tin-cậy-mến tạo thành sự an ủi thiêng liêng phải gồm tóm cả những cách thức gia tăng khác nữa mà các kiểu gia tăng đã được đề cập ở trên phải là nền tảng, nghĩa là sự an ủi được hiểu là có nguyên do. Có một kinh nghiệm về những

⁷⁶ Đặc biệt xem –*Spiritual Diary- Nhật Ký Thiêng Liêng* và dữ liệu thu tập trong Piet Penning de Vries, *Discernment of Spirits* (New York, 1973), pp. 16-19.

⁷⁷ Các thư của thánh I-nhã – *Letters Ign*, p. 342.

điều mà thánh Inhã muốn nói tới một sự an ủi như vậy, đó là khi Chúa Thánh Thần tác động đến người Kitô hữu mà niềm tin sống động làm chủ mọi nhận thức và thống nhất lý trí, tưởng tượng, và cảm xúc trong mối liên hệ với chính nó như là trung tâm. Sau đó niềm tin sống động mãnh liệt và sự bình an thiêng liêng này (như là trạng thái của cuộc sống ý thức) tạo ra cảm xúc mãnh liệt của bình an thiêng liêng, niềm vui, sự ấm áp ngọt ngào và những điều tương tự (đôi khi chảy nước mắt). Đây chính là sự an ủi thiêng liêng, sự an ủi thiêng liêng ấy sẽ làm cho ta dễ dàng tin tưởng, trông cậy và yêu mến đồng thời tạo ra tự do của tinh thần và sự thoải mái trong việc phụng sự và ca tụng Chúa chúng ta. Chỉ lúc đó mới có được sự an ủi hoàn hảo, trọn vẹn theo thánh Inhã mô tả. Sự an ủi này có thể là sự xúc cảm mạnh hơn hay yếu hơn. Nó có thể tác động đến nhận thức một cách sâu rộng hơn hay nhỏ hẹp hơn. Tuy nhiên nó cũng phải chứa đựng một kiểu nào đó trong số các kiểu gia tăng ở trên. Tính xác thực của kết luận này sẽ được sáng tỏ hơn khi ta phân tích kinh nghiệm sâu khổ thiêng liêng. Khi đó ta sẽ thấy vị trí mà niềm tin sống động giữ vai trò trong việc tạo nên kinh nghiệm đó.

Khi chuyển sang những cụm từ tiếp theo sau cụm từ “mọi sự gia tăng đức tin, cậy, mến” chúng ta nhận thấy tất cả chúng đều ăn khớp với nhau. Vì thế chúng không thích hợp với cách bàn luận riêng rẽ và đồng tạo ra một sự miêu tả thứ tư⁷⁸ và cũng là cuối cùng về sự an ủi thiêng liêng: “cùng mọi niềm vui mừng bề trong mời gọi và lôi kéo đến những sự trên trời và phần rỗi riêng của linh hồn mình, làm cho linh hồn được nghỉ

⁷⁸ Từ ngữ “cuối cùng” nằm ở đầu của câu cuối cùng trong bộ quy tắc chỉ muốn nói một điều đó là một lí do cuối cùng, lí do thứ ba. Tôi đã chỉ ra trong cuốn sách này tại sao tôi nghĩ là có hai lí do mà thôi. Việc phân tích cấu trúc ngữ pháp sẽ xác minh một nguyên do thứ tư nữa. Bản Vulgate Version cũng khẳng định như vậy.

Chương 5: Miêu tả về an ủi thiêng liêng

ngôi và an bình trong Đấng Tạo Hóa và Chúa của mình.” Trong các cụm từ này rõ ràng là thánh Inhã cũng làm một việc tương tự như ngài đã làm đối với các phần miêu tả trước đây, là chỉ cho thấy kinh nghiệm an ủi được kể là an ủi thiêng liêng. Tuy nhiên, ở đây sự an ủi được xác định là mang tính thiêng liêng dựa vào kết quả thay vì dựa vào các nguyên nhân. “Mọi niềm vui bề trong” chính nó là sự an ủi theo nghĩa riêng của từ. Nó là an ủi thiêng liêng khi nó “mời gọi và lôi kéo đến những sự trên trời⁷⁹ và phần rỗi riêng của linh hồn mình, làm cho linh hồn được nghỉ ngơi và an bình trong Đấng Tạo Hóa và Chúa của mình.”

Mặc dù tính chất thiêng liêng của sự an ủi được xác định một cách cụ thể dựa vào những kết quả của nó, nhưng cũng có ý ám chỉ đến sự bắt nguồn của nó nơi niềm tin – cậy- mến. Bởi lẽ nếu như sự vui mừng kiểu đó nhằm để kêu gọi và lôi kéo linh hồn mình đến những sự trên trời và đến phần rỗi của mình, thì ắt hẳn đó phải là sự vui mừng hướng về Chúa và tất cả sự huy hoàng của tạo vật và ơn cứu độ được nhìn bởi niềm tin, sự vui mừng vì có lòng trông cậy nơi các lời hứa của Thiên Chúa, vui mừng vì ngay bây giờ được tham dự một phần vào cuộc sống trên trời, cảm nhận được sự hiện diện của Thiên Chúa, một sự nếm trước, một bảo chứng khơi lên niềm khao

⁷⁹ Xét về nghĩa rộng của “những sự trên trời” hay “những điều thuộc thượng giới,” đối nghịch là “những sự dưới đất,” mà một người gặp sầu khổ sẽ bị lôi kéo vào (I: 4), xem Col 3: 1-17. Những điều thuộc trên trời là tất cả những gì thuộc “con người mới,” được đổi mới theo hình ảnh của Đấng Tạo Hóa: Lòng nhân ái yêu thương, lòng thương xót, sự tha thứ, bình an... Nó bao gồm cả những điều ta thường nói về thiên đàng, con người mới được hoàn thành trong một vũ trụ tràn đầy vinh quang, bất tử, tự do của sự tự do nơi con cái Thiên Chúa (Rm 8), nhận biết Thiên Chúa như chính Ngài được nhận biết trong Đức Kitô.

khát có được sự an ủi tràn đầy. Nói cách khác, khi lòng khao khát những sự trên trời như vậy cùng với một cảm giác an tĩnh nghỉ ngơi và bằng yên trong Chúa tiếp theo sau nỗi vui mừng thì đó chính là an ủi thiêng liêng. Nếu như sự vui mừng mà không đưa đến những kết quả không như vậy thì chẳng có dấu hiệu nào cho thấy đó là an ủi thiêng liêng.

Trật Tự của Các Lời Miêu Tả

Trong quy tắc I: 3 này, thánh Inhã đã nói cho ta biết bốn minh chứng tiêu biểu về an ủi thiêng liêng. Qua việc hiểu bốn mô tả này về an ủi thiêng liêng, câu hỏi chính yếu thứ hai được đặt ra cách ngắn gọn: bốn sự mô tả này có liên hệ với nhau như thế nào? Câu hỏi đưa đến một điều tiếp theo: liệu trong chúng có một trật tự hay tiến trình nào không? Hay là chúng chỉ được trình bày theo cách ngẫu nhiên với chủ đích là đưa ra một ý niệm chung về điều gọi là an ủi thiêng liêng, như thánh Inhã đã thực hiện chỗ này hay chỗ khác?⁸⁰ Nếu có một trật tự, thì đó là trật tự nào?

Tất cả những điều đã được nhận biết trong các phần miêu tả này thể hiện rõ một trật tự tiến triển. Bắt đầu với sự trình bày về sự an ủi được định nghĩa cách hạn hẹp và tương đối hiếm trong kinh nghiệm của con người. Tiếp đến là phần trình bày được ứng dụng cho phạm vi rộng lớn hơn của các kinh nghiệm phổ biến hơn⁸¹, cuối cùng đạt đến điều chứa đựng sự bằng yên bình thường hằng ngày nhận được từ đức tin – cậy –

⁸⁰ *DirSpEx* MHSJ, [11] p.72, [18], p.76.

⁸¹ Có một lối giải thích rất hay về Quy Tắc I: 3 xem trình tự của những miêu tả về an ủi theo một cách rất khác, thậm chí đối lập, được trình bày ở đây, và đây là lối giải thích dựa trên điều mà tác giả xem là những bước phát triển đời sống thiêng liêng của thánh I-nhã, xin xem Piet Penning de Vries, *Discernment of Spirits*, pp. 14-28.

Chương 5: Miêu tả về an ủi thiêng liêng

mến; sự bằng yên đó ta ít chú ý nhưng thực sự nó lại tô điểm cho sự nhận thức của người ấy và nó chỉ được chú ý khi ta mất nó.

Như đã chỉ ra ở trên, không phải có nhiều người và họ cũng không phải là những người thường xuyên có được kinh nghiệm về kiểu an ủi như thánh Inhã miêu tả trong phần đầu tiên, một sự an ủi đặt nền tảng nơi đức tin và đức mến bùng cháy lửa đến mức tâm hồn lúc đó cảm thấy không thể yêu mến bất cứ một tạo vật nào, hay thậm chí yêu mến chính mình, ngoại trừ yêu chúng trong Thiên Chúa.

Lời miêu tả thứ hai chỉ ra một sự an ủi xuất phát từ Đức tin và Đức mến. Sự an ủi này cũng có một vài những cảm xúc phụ khác như sự đau đớn, mạnh mẽ đủ để chảy nước mắt (miễn lòng người đó không bị ức chế về mặt tính khí hay văn hóa) và chuyển động hướng đến lòng mến lớn lao hơn. Trong sự an ủi được mô tả như thế, đức mến mà từ đó phát sinh ra mọi cảm xúc và mọi cảm xúc hướng đến nó, có thể không được trọn vẹn bằng lòng mến ở phần miêu tả thứ nhất. Trong đời sống ý thức nó có thể bị pha trộn với tình yêu vị kỷ, chứ không chỉ tình yêu trong Chúa và vì Chúa. Điều đó không loại trừ khả năng có thể yêu mọi tạo vật khác vì chính tạo vật, tách khỏi Chúa cho dù nó không đối nghịch lại với Thiên Chúa. Tất nhiên sự miêu tả này có thể bao trùm một phạm vi rộng lớn hơn của những an ủi thiêng liêng so với phần miêu tả thứ nhất; và bất cứ sự an ủi nào trong số đó đều có thể là kinh nghiệm phổ biến hơn những an ủi của phần miêu tả đầu tiên.

Phần miêu tả thứ ba gạt qua một bên tất cả mọi ghi chú và đề cập khác ngoại trừ nguồn mạch căn bản nhất đối với bất kỳ sự an ủi thiêng liêng Kitô giáo nào, đó là đức tin - cậy - mến. Chỉ có một tiêu chuẩn duy nhất để đánh giá, đó là phải có một sự gia tăng nào đó, sự mãnh liệt nào đó như đã miêu tả ở trên.

Phạm vi và tính phổ biến của các kinh nghiệm an ủi thiêng liêng đến đây được mở rộng hơn.

Tuy nhiên, chỉ trong phần miêu tả thứ tư thì sự mở rộng đó mới đạt đến biên giới tận cùng. Bởi lẽ ở đây, tiêu chuẩn về sự gia tăng cũng được bỏ đi và bất cứ sự vui mừng Kitô giáo đích thực nào, với hướng chiều về những sự trên trời chứ không phải những sự dưới đất, với sự nghỉ ngơi và an bình trong Chúa, thì đều được coi là an ủi thiêng liêng.

Cấu Trúc Căn Bản của An Ủi Thiêng Liêng

Tất cả những phân tích có tính mô tả mà chúng ta đã thực hiện về kinh nghiệm của sự an ủi và bình an, mà không xem xét những yếu tố xác định chúng mang tính thiêng liêng hay không, và những phân tích tiếp theo về những miêu tả của thánh Inhã về sự an ủi thiêng liêng cho phép chúng ta đưa ra và giải thích cấu trúc căn bản của mọi an ủi thiêng liêng. Lời tuyên bố này không phải là của chính thánh Inhã xét theo nghĩa là nó được tìm thấy một cách rõ ràng ở đây đó trong các bài viết của ngài. Nó là của thánh Inhã hiểu theo nghĩa nó được ám chỉ nơi những điều ngài nói. Nếu độc giả nghĩ rằng lời tuyên bố đó vượt ra khỏi ngụ ý của thánh Inhã, thì nó cũng vẫn bắt đầu với những điều ngài nói, liên kết cũng như hài hòa với những miêu tả của ngài trong mọi chi tiết.

Điều phát xuất từ ý tưởng của thánh Inhã về an ủi thiêng liêng, không được nói thẳng ra, là sự hiểu biết bắt nguồn từ Kinh Thánh về niềm tin như là công trình hoàn hảo của Chúa Thánh Thần và về đức mến như là đỉnh cao của và chính yếu của Ngài. Chúa Thánh Thần được ban cho chúng ta để hoàn thiện công việc của Chúa Kitô bằng cách mang lại cho ta sự sống của Chúa Cha thông qua đức tin. Chúa Thánh Thần hợp nhất chúng ta với Chúa Kitô bằng đức tin sống động. Người

Chương 5: Miêu tả về an ủi thiêng liêng

giúp ta lớn lên không ngừng trong niềm tin sống động: để biết Chúa Giêsu ngày một thâm sâu hơn, tín thác hơn; để hiểu những lời giảng dạy và những lời hứa của Chúa Giêsu ngày một rõ ràng hơn, trọn vẹn hơn, sâu xa hơn; để nhận ra chúng ta là con Thiên Chúa trong Đức Kitô. Chúa Thánh Thần đổ ngập tâm hồn ta bằng lòng mến của Thiên Chúa. Ngài là bảo chứng gia tăng niềm hy vọng cho ta dựa vào niềm tin nơi những lời hứa của Chúa Kitô về sự sống đời đời. Bên cạnh những điều Ngài thực hiện để mang lại cho ta niềm tin sống động, tất cả mọi hiệu quả khác của ơn Thánh Thần trong ta là sự diễn tả đời sống đức tin ngang qua lòng mến. Mọi thúc đẩy khác của Chúa Thánh Thần trong tâm hồn người tín hữu đều bắt nguồn và có sức sống từ nơi đức tin sống động; sự thúc đẩy đó hướng đến việc gia tăng và truyền bá đức tin sống động ấy.

Do vậy, được gọi là thiêng liêng, nghĩa là để trở thành một hoạt động của Chúa Thánh Thần, thì niềm vui và sự bình an của an ủi phải là những phần thống nhất với kinh nghiệm đức tin, một sự triển nở của niềm tin sống động nơi cảm nhận của con người. Như chúng ta đã xem xét, không phải mọi hoạt động của niềm tin - cậy - mến đều mang lại an ủi thiêng liêng; nhưng không có chúng thì không một sự an ủi nào được kể là thiêng liêng. Bất cứ hành vi nào khác ngoài các hành vi đức tin - cậy - mến (chẳng hạn như sự chiêm niệm) có thể tạo ra an ủi thiêng liêng chỉ trong chừng mực nó được quy vào niềm tin sống động.

Một số chỉ dẫn về cách thức cho thấy điều đó là đúng có thể mang lại lợi ích. Do đó, ví dụ như, những cảm giác bình an, an toàn và an tĩnh của tâm trí cảm nhận trong an ủi thiêng liêng được khởi đi từ hành vi cơ bản là niềm tin vào Thiên Chúa khi Ngài được mạc khải cho con người qua Đức Giêsu

Kitô. Nhờ đức tin ta nhận ra ánh sáng của Thiên Chúa chiếu rọi trên khuôn mặt của Đức Giêsu Kitô; và cũng nhờ đức tin mà ta nghiệm được Thiên Chúa nơi Đức Giêsu là một Thiên Chúa đầy yêu thương, Đấng yêu thương tôi và kêu gọi đích danh tôi, là Đấng tôi phó trọn ý nghĩa đời sống tôi, nơi Người tôi luôn tín thác qua mọi thăng trầm để đưa ý nghĩa đời tôi đến sự hoàn hảo như Người đã hứa; bởi vì Người là Đấng khôn ngoan, uy quyền, yêu thương và tín trung. Không phải nhất thiết là tất cả những điều này phải được diễn giải ra để ta có thể hiểu biết; nhưng tất cả những điều đó nằm ở ngay những hành vi cốt tủy của sự đón nhận ánh sáng Chúa Kitô và sự tín thác của bản thân cũng như của cả đời mình vào ánh sáng đó. Niềm tin như vậy tự nó có khuynh hướng sinh ra cảm giác bình an, niềm vui, sự bằng lòng và sự hoan hỉ; và niềm tin ấy thực hiện như vậy nếu không bị cản trở.⁸² Tín thác nơi Chúa Kitô, tôi được mở ra trước ánh sáng của lời giảng dạy và lời hứa của Ngài. Tôi lớn lên trong sự nhận biết về Thiên Chúa và ý nghĩa của cuộc đời, trong sự hiểu biết về sự hiện diện của Thiên Chúa, của ơn hiệp nhất; nhờ đó phát sinh ra sự bình an và niềm vui thiêng liêng. Tình yêu agape - tình yêu đối với Chúa - Đấng yêu thương tôi - và tình yêu đối với mọi tạo vật được Chúa yêu mến, hướng về niềm vui và cảm nhận hoàn toàn về hạnh phúc được Chúa diện diện với tôi

⁸² Thánh I-nhã chỉ ra một trở ngại có thể có từ phía người thờ ơ với việc phụng sự Thiên Chúa (Quy Tắc I: 9). Đồng thời ngài cũng nói về việc Thiên Chúa rút lại ơn an ủi vì mục đích yêu thương của ngài (Linh Thao 320,322,324). Điều này dường như muốn ám chỉ rằng Chúa Thánh Thần có thể thúc đẩy lý trí và ý chí hướng đến những hành vi thiết yếu của đức tin, cậy, mến và sau đó có thể hay không thể làm gia tăng động lực hướng tới tri giác xúc cảm, hoặc một khi đã được ban cho, có thể rút sự thúc đẩy ra khỏi chính giác cảm chứ không rút sự thúc đẩy ra khỏi lý trí và ý muốn.

Chương 5: Miêu tả về an ủi thiêng liêng

cách đây yêu thương. Tôi là một ngôi vị được Chúa sinh ra cho sự hiệp nhất yêu thương như thế; và nếu như sức mạnh tình yêu kết hợp ấy không bị kiềm chế khỏi sự tuôn chảy sang toàn bộ cảm xúc, nó sẽ sinh ra một niềm vui thiêng liêng. Mối quan hệ của tình yêu và niềm vui thật gần gũi, đến mức mà một số người coi niềm vui như là kết quả thiết yếu của tình yêu, hay thậm chí, còn nhầm lẫn trong việc xác định tình yêu và niềm vui.⁸³

Đặc tính quy hướng về Chúa của an ủi thiêng liêng được thể hiện không chỉ ở ngay trong niềm tin sống động mang lại sự an ủi đó, nhưng còn ở các kết quả đạt được của sự an ủi thiêng liêng này. Đó là an ủi tự nó sinh ra một khuynh hướng dễ dàng trong việc thể hiện niềm tin sống động ngay trong các tư tưởng, cảm xúc, chọn lựa và hành động.⁸⁴ Như chúng ta sẽ xem xét trong Quy Tắc II: 5, nếu như các tư tưởng và cảm xúc ở nơi những điều tỏ ra có vẻ như là an ủi thiêng liêng lại đưa đến những tư tưởng, cảm xúc hay hành động không phù hợp với đức tin thì khi đó chính sự khởi đầu của nó được cho là đến từ tác động của thần dữ. An ủi thiêng liêng không thể được hiểu nếu tách ra khỏi đời sống thực tại. Tất cả mọi an ủi thiêng liêng đích thực đều làm phát sinh ra những tư tưởng, cảm xúc, sự chọn lựa và hành động đi xa hơn nữa; và ngược lại, chúng lại diễn tả và làm gia tăng sự an ủi thiêng liêng và các hành vi thiết yếu của đức tin – cậy – mến, nơi sự an ủi thiêng liêng đặt nền tảng trọn vẹn.

Một số ý tưởng đặc thù phát sinh từ sự an ủi thiêng liêng đích thực thì cũng chính là những ý tưởng tạo nên sự an ủi thiêng liêng và lại làm cho chúng xảy đến dễ dàng hơn, rõ ràng hơn và sâu sắc hơn; nhờ đó chúng hình thành nên một

⁸³ Xem Jules Toner, *The Experience of Love*, pp. 28-42.

⁸⁴ Xem các thư của thánh I-nhã- *LettersIgn*, pp. 21-22,181.

tiến trình khép kín hữu ích. Các ý tưởng đó có thể là: về vẻ đẹp và niềm vui của Thiên Chúa; về tình yêu và quyền năng cứu độ của Chúa; về sự khôn ngoan và quan phòng của Ngài; về sự hiện diện yêu thương thân thiết của Ngài và sự kết hiệp của chúng ta với Ngài trong Đức Kitô; về sự hiện diện của chính Chúa và sự mặc khải của Ngài nơi mọi sự; về tất cả mọi thứ được kể như quà tặng của Chúa. An ủi thiêng liêng hướng ta đến những tư tưởng thánh thiện, những ý nghĩ giống Đức Kitô về tha nhân và về việc ta phải phục vụ họ thế nào. Một số những kết quả mang tính nền tảng và tự phát ngay trong cảm nghĩ của ta là: khuynh hướng tha thiết nghiêng về việc cầu nguyện và nghiêng về những gì lôi kéo ta đến với Chúa; sự chê ghét hoàn toàn tất cả những gì cuốn hút ta xa rời Chúa; không quan tâm đến những thứ không có liên hệ đến Chúa; dễ dàng trong việc duy trì sự nguyên tuyền các động lực (tiên vàn tìm kiếm Nước Thiên Chúa, khao khát thực hiện thánh ý Chúa để chuyên tâm lo làm sao cho vinh danh Chúa hơn nơi chính bản thân ta cũng như tha nhân) ; một sự nhẹ nhàng, kiên nhẫn với tha nhân. Cùng với những tư tưởng và tình cảm được sinh ra do tác động của an ủi thiêng liêng và có sự lệ thuộc vào chúng, đó là sự sẵn sàng để thực hiện những quyết định và hành động cách mạnh mẽ: chúng ta có thể thực hiện dễ dàng tất cả những công việc phục vụ Thiên Chúa, cho dù khó khăn đến đâu cũng không một chút lưỡng lự hay lo lắng bởi lòng ích kỷ và những thất bại có thể xảy ra hay những hậu quả xấu. Chúng ta chỉ quan tâm đến những công việc của tình yêu mà Chúa mời gọi ta trong những tình huống cụ thể và đặt để mọi kết quả cho tình yêu quan phòng của Chúa.

Tóm lại, đối với thánh Inhã, an ủi thiêng liêng có nghĩa là một kinh nghiệm ở đó niềm tin sống động không chỉ được gia tăng nhưng còn được chính người sống niềm tin đó nhận biết rằng giờ đây niềm tin được gia tăng cả về chiều sâu, cả về mức

Chương 5: Miêu tả về an ủi thiêng liêng

độ chắc chắn hay sự thuần khiết, sự mãnh liệt hoặc sự truyền thông hay tính hiệu quả của nó, và nhờ đó làm phát sinh ra mọi cảm giác bình an, vui vẻ, hài lòng, tự tin, hoan hỉ và mọi cái tương tự. Không thể có sự an ủi thiêng liêng khi mà niềm tin sống động thực tế được phát triển nhưng người có niềm tin đó lại không chứng thực được sự phát triển của nó hay trái lại, lại nhận thấy nó suy thoái đi. Bởi lẽ lúc đó không có một cảm giác nào về sự bình an hay niềm vui và sự hoan hỉ nơi lòng tin tưởng, cậy trông và yêu mến của người ấy. Cũng không thể có một an ủi thiêng liêng nào khi có một sự dâng lên của cảm giác hân hoan hoặc an ủi đi kèm với niềm tin sống động nhưng lại không bắt nguồn từ niềm tin đó. Tóm lại, an ủi thiêng liêng phải bao gồm một kinh nghiệm chắc chắn về niềm tin sống động và những cảm xúc tình cảm mà kinh nghiệm ấy có thể trở thành nguồn phát sinh. Niềm tin sống động không có những cảm xúc hân hoan hay những cảm xúc hân hoan không có niềm tin sống động làm nguồn cội, thì chẳng có cái nào trong số đó là an ủi thiêng liêng cả. Cái thứ nhất không phải là an ủi hiểu theo bất cứ nghĩa nào; cái thứ hai là an ủi nhưng không mang tính thiêng liêng.

Phần giải thích đã trình bày ở trên về an ủi thiêng liêng có thể được coi như phần chú giải về lời cầu nguyện của thánh Phaolô trong thư gửi tín hữu Rôma: “xin Thiên Chúa là nguồn hy vọng ban cho anh em được chan chứa niềm vui và bình an nhờ đức tin, để nhờ quyền năng của Thánh Thần, anh em được tràn trề hy vọng” (Rm 15,13) ; hay xem như một chú giải về lời quả quyết của thánh Phaolô rằng “Nước Thiên Chúa không phải là chuyện ăn chuyện uống nhưng là sự công chính, bình an và hoan lạc trong Thánh Thần” (Rm 14,17). Bởi lẽ người ta được nên công chính vì tin (Rm 5, 1-2; 3, 28). Đời sống đức tin phát triển đến mức trọn vẹn của tình yêu và niềm hy vọng dưới tác động của Thánh Thần, Đấng mang lại cho ta

bình an và niềm vui, điều chỉ có thể có được nơi tâm hồn kẻ tin.

Ta có thể thấy trong 1 Pr 1,3-9 một sự quả quyết phong phú về niềm vui ngay giữa những thử thách như hoa quả của niềm tin, cậy, mến trong Kitô giáo nhờ quyền năng của Thánh Thần:

Chúc tụng Thiên Chúa là Thân Phụ Đức Giêsu Kitô, Chúa chúng ta! Do lượng hải hà, Người cho chúng ta được tái sinh để nhận lãnh niềm hy vọng sống động, nhờ Đức Giêsu Kitô đã từ cõi chết sống lại, để được hưởng gia tài không thể hư hoại, không thể vãn đục và tàn phai. Gia tài này dành ở trên trời cho anh em, là những người, nhờ đức tin, được Thiên Chúa quyền năng gìn giữ, hầu được hưởng ơn cứu độ Người đã dành sẵn, và sẽ bày tỏ ra trong thời sau hết. Trong thời ấy, anh em sẽ được hân hoan vui mừng, mặc dầu còn phải ưu phiền ít lâu giữa trăm chiều thử thách. Những thử thách đó nhằm tinh luyện đức tin của anh em là thứ quý hơn vàng gấp bội, - vàng là của phù vân, mà còn phải chịu thử lửa. Nhờ thế, khi Đức Giêsu Kitô tỏ hiện, đức tin đã được tinh luyện đó sẽ trở thành lời khen ngợi, và đem lại vinh quang, danh dự. Tuy không thấy Người, anh em vẫn yêu mến, tuy chưa được giáp mặt mà lòng vẫn kính tin. Vì vậy, anh em được chan chứa một niềm vui khôn tả, rục rịch vinh quang, bởi đã nhận được thành quả của đức tin, là ơn cứu độ con người.

Niềm vui được nói đến trong đoạn trích là an ủi theo nghĩa đầy đủ nhất, niềm vui của người đang chịu thử thách. Đó là niềm vui thiêng liêng trọn vẹn, niềm vui phát sinh từ việc tin, trông cậy và yêu mến, mà đến từ sự nhân từ và quyền năng của Thiên Chúa.

Chương 5: Miêu tả về an ủi thiêng liêng

Một Vài Mẫu An Ủi Thiêng Liêng trong Tin Mừng

Tất cả những điều mà chúng ta đã nói trong sự nối kết này diễn tả về ý nghĩa của an ủi thiêng liêng theo Inhã có thể được đưa vào trọng tâm rõ ràng và được cụ thể hoá nếu chúng ta theo sát sự hướng dẫn trực tiếp của thánh Inhã bằng việc chiêm ngắm Đức Kitô khi Ngài hiện ra với những người bạn sau khi Phục Sinh. Thánh Inhã chú ý đến hai khía cạnh đặc biệt của những sự kiện này: thứ nhất, làm thế nào mà thiên tính của Đức Kitô bị che giấu trong suốt cuộc khổ nạn và cái chết của Ngài mà bây giờ lại tỏ lộ một cách lạ lùng (Lt 223) ; thứ hai, cách thức Đức Kitô thực hiện việc an ủi “như bạn hữu an ủi nhau” (Lt 224). Giữa mọi khía cạnh của các sự kiện phục sinh, điều I nhã chú ý ở trong tập Linh Thao là niềm vui, niềm vui mà Đức Kitô phục sinh, Đấng chiếu toả vinh quang phục sinh của Thiên Chúa Cha, tìm thấy qua việc an ủi những người mà Ngài yêu mến. Vì thế chúng ta có thể hy vọng tìm thấy nơi những sự kiện này hơn bất cứ nơi nào khác những mẫu rõ ràng nhất những gì mà thánh Inhã gọi là an ủi thiêng liêng.

Điều đầu tiên đáng chú ý trong tất cả sự kiện này là việc Đức Giêsu đến với những người yếu đuối và tội lỗi nhưng lại là những người thực sự yêu mến Ngài, trong đó có cả đàn ông và đàn bà như là những người được diễn tả trong quy tắc I: 2: họ là những người đang tiến mạnh trong việc diệt trừ tội lỗi và đang tiến lên hơn mãi trong việc phụng sự Thiên Chúa (Lt 315)

Điểm thứ hai cần chú ý trong tất cả sự kiện này là Chúa Giêsu đến đem an ủi và niềm vui cho những người đang trong sầu khổ. An ủi hiểu theo nghĩa đầy đủ và triệt để nhất giả định một vài loại đau đớn, thử thách, và sầu khổ nào đó. Tất cả những người này đang gặp sầu khổ về cái chết của Chúa

Giêsu và đang trong tình trạng đau buồn, cay đắng, thất vọng. Đối với một vài người ví dụ như Maria Mađalêna, nguyên nhân duy nhất của sự buồn bã là sự xa cách Chúa Giêsu. Đối với những người khác như là các tông đồ và đặc biệt Phêrô là một sự thống khổ vì là họ đã bỏ rơi Chúa ngay lúc Ngài cần đến họ, đồng thời họ có một sự cay đắng khi nhận ra sự yếu đuối và nhất đảm cũng như tình yêu mong manh của họ như thế nào ngay từ đầu cuộc khổ nạn của Chúa. Thêm vào đó là sự sụp đổ về mọi lý do để hy vọng vào vương quốc của Chúa: “phần chúng tôi trước đây vẫn hy vọng Ngài là Đấng Cứu Độ Israel” (Lc 24,21). Ý nghĩa trọng tâm của đời sống mà họ đặt vào Chúa Giêsu thì giờ đây dường như đã tan biến. Tất cả chìm trong bóng tối, hỗn loạn, chán ngán có xu hướng đánh mất niềm tin và niềm hy vọng nếu không muốn nói là cả tình yêu, và thực sự đã mang đến một sự nói lỏng đức tin nơi một vài người. (xem Mt 28,17; Mc 16,14, Ga 20,24-29)

Đối với tất cả những người về cơ bản là tốt lành này, dù có yếu đuối và sâu khổ nhưng để đạt đến chân lý thì Chúa Giêsu đến. Đôi khi Ngài đến với họ cách bất ngờ và đầy sợ hãi, cho họ sự đảm bảo chắc chắn, an tâm và đưa ra bằng chứng chứng tỏ đó chính là Ngài bằng xương bằng thịt và cuối cùng đem niềm vui đến với họ (Lc 24,36-43; Ga 20,19-23). Những lần khác, ban đầu thì họ không nhận ra Ngài nhưng một cách nhẹ nhàng, Ngài dẫn đưa họ đến sự an ủi thiêng liêng và chỉ sau đó mới mặc khải cho họ biết Ngài là ai: ví dụ các môn đệ trên đường Emmau, những người mà con tim của họ đã bùng cháy khi Chúa Giêsu nói và mở trí cho họ hiểu Kinh Thánh nhưng họ cũng không nhận ra Ngài mãi cho đến sau đó (Lc 24, 13-32)

Trong mỗi trường hợp sự an ủi được hệ quả bằng lời mời gọi cho niềm tin sống động, mãnh liệt hay niềm tin đã được đổi mới. Con tim của Gioan và Maria Mađalêna đập rộn lên

Chương 5: Miêu tả về an ủi thiêng liêng

trước niềm tin vào sự phục sinh và được tràn đầy niềm an ủi vì những dấu chỉ đầu tiên mà họ được ban cho, ngôi mộ trống đối với Gioan, là tiếng nói của Chúa Giêsu đối với Maria Madalêna. Các môn đệ trên đường Emmau được mở trí để hiểu Kinh Thánh, nhờ vậy mà họ tin vào ý nghĩa của các lời ngôn sứ và sự hoàn tất của những lời đó trong sự khổ nạn và cái chết của Chúa Giêsu. Khi niềm tin sống động hơn thì trái tim của họ đã bùng cháy lên vì vui mừng. Khi đó nhờ đức tin họ nhận ra được Chúa Giêsu đang khi Người bẻ bánh và họ trở lại Giêrusalem lòng đầy hoan hỷ. Các tông đồ, đặc biệt là Tôma, chỉ có thể phục hồi lại niềm tin bằng việc xem thấy, đụng chạm tới và nghe thấy. Không có loại an ủi nào bởi Chúa Giêsu trong cuộc sống phục sinh của Ngài được ban cho hay thậm chí có thể được ban cho mà lại không qua đức tin. Đó là hoa trái của đức tin sống động nơi tâm hồn của người tin. Sự bình an và niềm vui được ban cho là sự bình an và niềm vui trong Chúa Kitô phục sinh – nơi bản chất xác thực, sự chiến thắng, sự hiện diện đầy yêu thương và quyền năng cũng như nơi lời hứa của ngài.

Giây phút nhận ra sự hiện diện của Đấng Phục Sinh, nhìn ngắm, lắng nghe và đụng chạm tới Ngài là thật ngắn ngủi. Chúa Giêsu đến từ đâu họ không biết và Ngài đi đâu họ cũng chẳng hay. Nhưng Ngài mang lại cho tâm trí họ sự ngọt ngào qua sự hiện diện của Ngài, làm “thieu đốt”, “bùng cháy lửa” với sự cảm nhận mãnh liệt, tràn ngập niềm vui và bình an của niềm tin hướng đến những hiểu biết thiêng liêng, để ngợi khen và sống đúng tư cách của người theo Đức Kitô, để lớn lên trong sự hiệp nhất với Ngài, với nhau và đem Tin Mừng đến cho tha nhân.

Những lúc đức tin nhận được sự an ủi do Đức Kitô phục sinh ban cho dường như luôn luôn mang một sứ mạng.

Những người phụ nữ và đặc biệt là Maria Mađalêna phải đi và báo cho các tông đồ biết Tin Mừng. Các môn đệ trên đường Emmau phải quay trở lại Giêrusalem lòng đầy hoan hỷ. Các tông đồ được ban cho quyền tha tội và đem Tin Mừng cho mọi loài thọ tạo.

Trong mọi an ủi của ơn phục sinh cụ thể được diễn tả trong Tin Mừng, chúng ta tìm thấy một sự song song hoàn hảo mà từng điểm một đều khẳng định những điều chúng ta kết luận về cấu trúc căn bản của an ủi thiêng liêng theo thánh Inhã: nền tảng mang tính chủ thể nơi niềm tin mãnh liệt đầy sức sống; những cảm xúc của niềm vui, bình an, hoan hỷ và phấn khởi được tuôn chảy ra từ chính đức tin để làm dịu đi hay thay thế những cảm xúc sâu khổ; những biểu hiện kết quả mang tính chủ thể cho sự hiểu biết thiêng liêng cũng như sự phụng sự và tán dương Thiên Chúa. Một yếu tố nữa được nói thêm mặc dù yếu tố đó không liên quan đến cấu trúc căn bản của an ủi thiêng liêng nhưng một cách chung đó là một phần của kinh nghiệm này. Yếu tố đó là kinh nghiệm của sứ mạng, của một lời khuyên hay mệnh lệnh để làm một công việc cụ thể nào đó để phụng sự Thiên Chúa trong một tình huống cụ thể. Yếu tố này được suy xét xa hơn ở trong chương 7 khi chúng ta thảo luận về quy tắc I: 5.

Những Bằng Chứng Về Nhận Định Thân Loại Từ An Ủi Không Thiêng Liêng(non - spiritual)

Trong cuộc sống đôi khi chúng ta có kinh nghiệm về những an ủi mà ta cho là thiêng liêng giống như những an ủi mà những người được Đức Kitô phục sinh hiện ra nghiệm được. Nhưng phần nhiều những an ủi của chúng ta thường không rõ ràng như thế. Nhiều yếu tố cộng lại làm ta nghi ngờ và nhầm lẫn. Xét về phía người nhận định, thì có lẽ do người

Chương 5: Miêu tả về an ủi thiêng liêng

đó thiếu vốn hiểu biết và kinh nghiệm, hay là vội vã và cầu thả trong việc đưa ra một phán quyết. Xét về chính sự an ủi có thể có nhiều điểm tương đồng bề ngoài giữa an ủi thiêng liêng và an ủi không thiêng liêng, hoặc là cả hai xảy ra cùng một lúc và thậm chí chúng pha trộn với nhau trong cùng một kinh nghiệm, hoặc pha trộn giữa an ủi thiêng liêng với sầu khổ dù mang tính thiêng liêng hay không thiêng liêng. Làm rõ được những nguyên nhân gây ra sự bối rối này giúp ta xem xét thận trọng hơn và cũng giúp để mang những sự quan sát ấy vào thực tế.

Khi đọc những bằng chứng minh họa của việc phân định giữa an ủi thiêng liêng và an ủi không thiêng liêng thì một vài độc giả có thể tự hỏi tại có cần thiết có một sự sự gạn lọc quá mức như thế này không. Nó tạo ra sự khác biệt nào trong chừng mực mà an ủi không thiêng liêng không phải là tội lỗi? Tất cả những người có được kinh nghiệm lâu dài và sâu sắc về đời sống thiêng liêng ắt hẳn nhờ vào chính kinh nghiệm đó sẽ biết tại sao sự phân tích tinh vi nhắm đến tính chính xác là hết sức cần thiết trong việc nhận định các thần loại. Hậu quả của việc lơ là và sai lầm có thể là tai họa nếu Thiên Chúa quan phòng không can thiệp. Trong lúc chúng ta tin tưởng vào Thiên Chúa để Ngài quan phòng những điều vượt quá tầm hiểu biết và đón nhận giới hạn của chúng ta, không có lý giả định là Chúa sẽ làm thay cho ta tất cả những gì nằm trong tâm tay của ta đạt đến nhờ biết cộng tác với Ngài. Chỉ sau khi một người đã chứng kiến khá nhiều người khác thực hiện những quyết định quan trọng cách sai lầm bởi vì họ tưởng là họ được Thánh Thần thúc đẩy trong khi họ chỉ có kinh nghiệm về niềm vui tự nhiên khi thực hiện công việc của riêng mình⁸⁵, thì

⁸⁵ Có thể nói rằng, một sự hồ hởi tự nhiên như vậy là dữ liệu cho cách thức lựa chọn thứ ba của thánh I-nhã (Linh thao 177) trong việc

người này bắt đầu mới biết quý trọng sự cẩn thận và chính xác cũng như bắt đầu cảm thấy rùng mình đối với sự nhận định thần loại cách hời hợt.

Trước hết, xem xét một trường hợp tức khắc thấy được sự liên kết những điều này gắn gũi với cuộc đời của thánh Inhã. Xem kinh nghiệm của một ai đó mà không có cái nhìn mang tính tôn giáo nào về sự thật khi chiêm ngắm các vì sao. Hãy để mặc cho một người có cảm nhận về cái tốt cái đẹp hay có một cảm giác sống động về những cái đẹp hoặc có một tinh thần mạo hiểm mơ về những cuộc du hành vũ trụ, hay là có một trí tưởng tượng đầy ấn tượng đến nỗi tất cả mọi vấn đề trong thế giới nhỏ bé của chúng ta sẽ trở nên chẳng đáng kể gì so với ánh sáng và sự rộng lớn bao la, thanh bình của vũ trụ với những hành tinh khổng lồ của nó. Khi ngắm các vì sao, một người như trên có thể tìm thấy niềm vui, bình an và thoải mái hoàn toàn ngược lại kinh nghiệm của thánh Inhã Loyola. An ủi của việc ngắm các vì sao có thể không có dấu hiệu nào về an ủi thiêng liêng; nhưng cũng phải lưu ý xem kinh nghiệm của thánh Inhã là gì. Ngài kể:

Sự an ủi lớn nhất mà ông ta [Inhã] nhận được khi nhìn ngắm bầu trời và các vì tinh tú, điều mà ông thường làm lâu giờ vì khi làm như vậy, ông cảm nhận nơi mình có một nghị lực lớn lao để phục vụ Thiên Chúa chúng ta.⁸⁶

tìm kiếm thánh ý Chúa, chứ không phải cách thứ hai (Linh thao 176). Đó không phải là an ủi thiêng liêng và vì vậy cũng không phải là dấu chỉ của thúc đẩy do thần lành; nhưng đó chính là sự mặc khải về tích cách của một con người mà có thể góp phần quan trọng khi quyết định, chẳng hạn như, bằng lối sống nào hay cách hoạt động tông đồ nào mà người đó có thể phụng sự và ca tụng Chúa.

⁸⁶ Tự thuật số 71; trong *St. Ignatius' Own Story*, pp. 11-12.

Chương 5: Miêu tả về an ủi thiêng liêng

Thực sự mà nói đối với bất cứ hạng người nào khi nhìn ngắm các vì sao thì tự nó không phải là an ủi. Tuy nhiên, nó có thể là nguyên nhân dẫn đến an ủi, đối với một số người thì đó là an ủi thiêng liêng; đối với số khác thì đó không phải là an ủi thiêng liêng. Đối với một người có đức tin dưới tác động của Chúa Thánh Thần giống như Inhã lúc ngài đang viết thì bầu trời có thể là một biểu thị của vinh quang của Đấng Tạo Hoá; và việc chiêm ngắm chúng với cái nhìn đức tin có thể đặt nền tảng cho một an ủi thiêng liêng. Để khẳng định một an ủi là thiêng liêng ta dựa vào kết quả của nó. Đối với một người không nhìn thấy Chúa trong các vì sao thì kết quả đơn thuần chỉ là một sự thúc đẩy nghiên cứu về thiên văn học, viết một tác phẩm thi ca, thực hiện nhiều tham vọng nhỏ nhoi hoặc là trở thành phi hành gia. Nhưng đối với Inhã thì kết quả là một “nghị lực lớn lao để phục vụ Thiên Chúa là Chúa chúng ta”.

Điểm nổi bật rõ ràng trong hai chủ thể khác nhau của sự an ủi có thể trở nên khó hiểu trong trường hợp của một ai đó có cả hai cái nhìn về tôn giáo cách thực tại với những phản ứng cầu nguyện thường xuyên, và vừa có một hay nhiều đặc tính được gán cho người không có cái nhìn về tôn giáo theo như thí dụ ở trên. Trừ khi con người này cẩn thận, anh có thể hồi niệm lại một ý nghĩa thiêng liêng thành một an ủi không thiêng liêng, hoặc anh vừa có những phản ứng ngay và vừa có những phân biệt khó khăn giữa chúng.

Tất nhiên không chỉ là các vì sao mới có liên hệ đến Thiên Chúa trong tâm trí của người chiêm ngắm chúng, nhưng các đối tượng khác trong quá trình chiêm ngắm và suy niệm cũng có thể; và thậm chí những đối tượng này cũng có thể làm phát sinh an ủi không thiêng liêng cũng như an ủi thiêng liêng. An ủi không phải là thiêng liêng vì nó chỉ phát xuất từ những tư tưởng và những cảm xúc về một đề tài tôn giáo. Một

ví dụ hiển nhiên là nghe bản *Đấng Mêsia* của Handel hoặc *Cuộc Khổ Nạn* của Chúa Kitô theo thánh Mat-thêu của Bach có thể đem đến một sự an ủi nghệ thuật thuần túy. Một ai có thể tìm thấy sự thỏa mãn lớn lao và hài lòng khi đọc Kinh Thánh chỉ đơn thuần là việc nghiên cứu, hoàn toàn không có kinh nghiệm thiêng liêng. Trong sách Êzêkiel chúng ta bắt gặp được sự an ủi bắt nguồn từ đề tài tôn giáo chứ không bắt nguồn từ niềm tin. Dân chúng xem việc lắng nghe tiên tri Êzêkiel như là một kinh nghiệm mang lại cảm xúc đầy phần khởi. Họ có đức tin vì về mặt lý thuyết, họ khẳng định có sự hiện hữu của Thiên Chúa. Tuy nhiên niềm tin của họ không phải là một niềm tin sống động cũng không phải là niềm tin đem đến sự phục vụ Thiên Chúa trong yêu mến và niềm hy vọng đích thực. Trên thực tế họ là những người không tin bởi lẽ kinh nghiệm họ có được chỉ đáng sánh với kinh nghiệm của những người nghe một bài hát trữ tình.

Phần người, hỡi con người, con cái dân người bàn tán về người dọc theo các bức tường và trước các cửa nhà. Chúng bảo nhau, người nọ nói với người kia: "Nào chúng ta đến nghe xem ĐỨC CHÚA phán thế nào!" Chúng đến với người đông như trầy hội. Dân Ta ngồi trước mặt người; chúng nghe các lời người nói nhưng lại không đem ra thực hành, bởi vì miệng chúng phình phờ, lòng chúng hám lợi. Đối với chúng, người như là một bài ca êm ái với giọng hát ngọt ngào và nhạc đệm du dương. Chúng nghe các lời người nói, nhưng không ai trong bọn chúng đem ra thực hành. (Ed 33,30-32)

Một minh chứng khác có thể là những an ủi trong một bối cảnh tôn giáo mà nó mở đường cho an ủi thiêng liêng, nhưng tự chúng không phải là an ủi thiêng liêng, tự chúng không đảm bảo cho một an ủi thiêng liêng. Vì vậy niềm vui, bình an hay sự thỏa mãn thì có được ngang qua việc cử hành phụng

Chương 5: Miêu tả về an ủi thiêng liêng

vụ bằng việc hát xướng, từ cuộc gặp gỡ giữa cá nhân và những người cùng tham dự. Những cảm xúc này có thể hoàn toàn không là thiêng liêng, chẳng hạn như nguyên do nơi chủ thể thì không phải là niềm tin sống động nhưng chỉ là một sự nhạy cảm trước một tác phẩm thi ca, tư tưởng vĩ đại, một đoạn nhạc hay sự hấp dẫn của người khác. Tất cả những an ủi phát xuất từ những nguồn kể trên đều tốt và thậm chí là rất tốt, một sự nâng đỡ cho sự sống của con người. Chúng là những quà tặng và thậm chí là những chuẩn bị để đón nhận một món quà ân sủng lớn hơn của an ủi thiêng liêng. Nhưng không phải là thúc đẩy của Chúa Thánh Thần. Mọi niềm vui và bình an thánh thiện là một món quà từ Thiên Chúa, nhưng không phải mọi món quà từ Thiên Chúa đều là một an ủi thiêng liêng. Không phải mọi điều giúp ta lớn lên với tư cách là một Kitô hữu đều là an ủi thiêng liêng; an ủi không thiêng liêng cũng có thể giúp ta như vậy và ngay cả sự sầu khổ thiêng liêng hay sầu khổ không thiêng liêng cũng có thể làm được điều đó.

Tuy nhiên, có trường hợp khó hơn về việc nhận định đâu là an ủi thiêng liêng và đâu là an ủi không thiêng liêng; đó là trường hợp mà an ủi không thiêng liêng có thể là nguồn cho một an ủi thiêng liêng, nhưng thực tế nó không luôn luôn là một nguồn như vậy. Giả sử, chẳng hạn tôi tìm thấy niềm vui nơi vẻ đẹp của tạo vật, một người, một bản nhạc, hay là một phong cảnh, và sau đó ý thức rằng chúng là những món quà của Thiên Chúa rồi tôi tạ ơn Ngài về những điều đó. Khi đó có phải tôi có một an ủi thiêng liêng không? Có thể có hoặc không. Niềm vui trước sự nhớ và tạ ơn Thiên Chúa thì không phải là an ủi thiêng liêng, thậm chí nó có thể là một phần gắn với một kinh nghiệm về tội lỗi. Chúng ta cứ cho rằng niềm vui đó là vô hại, không gắn với bất kì hành động nào của tội. Nó vẫn không đặt trung tâm nơi Chúa và nó cũng không phát

xuất từ đức tin sống động. Chẳng có lý do nào để khẳng định an ủi đó là một sự thúc đẩy của Chúa Thánh Thần.

Còn về chuyện mà sau khi nhớ đến Thiên Chúa và chiêm ngắm của thụ tạo như là hồng ân của Thiên Chúa và tạ ơn Ngài, thì khi đó kinh nghiệm về sự hi hoan của tôi có phải là một an ủi thiêng liêng không? Không chắc chắn. Không, trừ khi có loại niềm vui mới được phát xuất từ đức tin. Chúng ta phải tự hỏi: có phải tôi chỉ có được niềm vui nơi thực tại của thụ tạo, và bày tỏ lòng biết ơn đối với những thực tại và niềm vui của tôi mà tôi có hay là tôi cũng có được niềm vui ngay bây giờ nơi vẻ đẹp ấy như sự biểu lộ vẻ đẹp của Thiên Chúa hay như quà tặng của Ngài, vui nơi tình yêu của Thiên Chúa đối với tôi chẳng? Sự khác biệt ở đây rất lớn. Chỉ khi tôi có được niềm vui mà có Chúa làm trung tâm, phát xuất từ niềm tin vào Chúa là Đấng Tạo Hoá tự mặc khải chính mình nơi thụ tạo, hoặc niềm tin vào tình yêu của Chúa dành cho tôi ngang qua ân huệ của Ngài, thì lúc đó tôi mới có được an ủi thiêng liêng. Niềm vui của việc chiêm ngưỡng vẻ đẹp hay là niềm vui trong cuộc gặp với một người dễ mến thì tự nó không phải là an ủi thiêng liêng. Tạ ơn Chúa về điều đó cũng như vẻ đẹp của thụ tạo mà tôi có được niềm vui trong đó thì đó không phải là an ủi thiêng liêng. Niềm vui đó có thể là một nền tảng cho sự an ủi thiêng liêng; nhưng tôi cũng có thể tạ ơn trong sự bình an thiêng liêng hay thậm chí trong sự sầu khổ thiêng liêng.

Những trường hợp tương tự khác được nghĩ đến đó là những trường hợp mang lại ý nghĩa cách thiết thực hơn. Do vậy niềm vui mà tôi có được khi tôi làm một việc vì Chúa mà tôi thích, và tôi cũng có được niềm vui tương tự khi tôi làm việc ấy mà không phải vì Chúa, thì niềm vui này có thể lẫn lộn với việc có được an ủi thiêng liêng khi làm công việc đó vì việc

Chương 5: Miêu tả về an ủi thiêng liêng

đó là cho Thiên Chúa, vì đó là ý Chúa đối với tôi. Không có sự phản tình ý thức về điều này thì rất có thể tôi đang thực hiện công việc của riêng mình và có được niềm vui trong đó chứ không phải vui vì thực thi thánh ý Chúa vì ý Chúa muốn. Tuy nhiên niềm vui trong công việc vì nó thú vị thì nó là một điều tốt, tự nó là một món quà của Thiên Chúa, một sự trợ giúp để phục vụ Thiên Chúa. Nhìn điều này dưới khía cạnh đức tin thì nó có thể trở thành nền tảng cho niềm vui khác đó là niềm vui thiêng liêng. Niềm vui nơi lòng nhân từ đầy yêu thương của Chúa Đấng ban cho tôi công việc mà tôi thích làm.

Tôi nghĩ điều mà thánh Inhã muốn nói đến an ủi thiêng liêng có thể được nhấn mạnh trong trường hợp mà an ủi thiêng liêng đó được ban cho ở giữa sự cay đắng nghiệt ngã hay trong cơn sầu khổ không thiêng liêng nhằm gia tăng đức tin mạnh mẽ để đối diện với tình huống với lòng can đảm. Vì khi đó an ủi thiêng liêng tách biệt rõ ràng, không còn bất kỳ bối rối nào với an ủi không thiêng liêng. Tôi không nói là an ủi thiêng liêng không thể xảy ra đồng thời với an ủi không thiêng liêng hay thậm chí là có sự pha trộn trong cùng một kinh nghiệm với nó. Tôi đã chứng minh là nó có thể. Điều mà tôi nói, đúng hơn là, khi an ủi thiêng liêng đến cách thành linh trong suốt thời gian gặp sầu khổ không thiêng liêng thoát khỏi những khó khăn của việc nhận định bản chất và nguồn đích thực của kinh nghiệm đó. Một thí dụ điển hình mà tôi tình cờ biết được do Dorothy Day thuật lại.

Có một tình huống kinh khủng xảy ra tại một trong số các gia đình của chúng tôi ở miền tây xa xôi hẻo lánh. Một gia đình có một đứa con bị bại não và đứa con đó ở độ tuổi 16, bị 3 cậu con trai hãm hiếp trong những bụi cỏ lùm ở sau nhà nơi cô đang rong chơi. Bạn có thể cảm nhận nỗi thống khổ của gia đình. Cảnh sát đã khiển trách gia đình và nói họ nên đưa con vào bệnh viện tâm thần và đó là lỗi của gia đình vì

không chăm sóc con cẩn thận hơn. Đối với họ điều đó dường như không thể tin nổi. Họ đến nói với tôi về câu chuyện đó và tôi dẫn họ đến gặp một Nữ tu, người đang đảm trách trung tâm Astor Home ở Rheinbeck. Ở Astor Home, họ chấp nhận mọi tình trạng kinh hoàng và thậm kịch, họ tin rằng Thiên Chúa sẽ an bài mọi sự. Họ cảm nhận được niềm vui ở đó. Nữ tu thánh thiện đã nói như vậy, và nữ tu đã trấn an họ: “Dĩ nhiên giữ cô gái ở nhà có thể là dịp để gần gũi với con nhưng phải trông coi cách cẩn thận hơn”. Họ trở về nhà được an tâm rất nhiều. Nhưng người bố nói với tôi “có một điều kỳ lạ là qua mọi bi kịch kinh khủng này, đột nhiên tôi có một cảm giác về một niềm vui siêu nhiên lạ lùng mà Thiên Chúa rất gần gũi với chúng tôi”. Ông nói: “điều đó nhắc nhở tôi về cuốn sách của Bernanos là cuốn: Niềm vui-đó là một bi kịch.”

Bernanos có cảm nhận ấy rằng ở đâu có sự đau khổ tột cùng thì ở đó có sự cảm nhận lớn lao về hy vọng và niềm vui; và biết rằng Thiên Chúa có ở đó. “Bình an” có lẽ là một từ thích hợp để diễn tả.⁸⁷

Ví dụ này cho thấy các chấn rãng an ủi đến từ niềm tin được thúc đẩy bởi Chúa Thánh Thần. Đó là niềm vui dù là nỗi đau thảm thương bởi vì kinh nghiệm đức tin về sự hiện diện yêu thương của Thiên Chúa.

Không dễ để nhận định nhưng khá rõ ràng khi phân tích một cách chính xác là có một kinh nghiệm an ủi thiêng liêng mà xét theo nghĩa nào đó, một phần bắt nguồn từ sâu khổ thiêng liêng. Ở đây, sau khi được cho phép, tôi xin trình bày một kinh nghiệm được ghi lại trong nhận ký của một người làm Linh Thao:

Trong kỳ tĩnh tâm này, đến ngày thứ 4 không có sâu khổ nào lớn lao, có một ít an ủi loại cảm xúc nhẹ nhàng (cảm giác về

⁸⁷ “Một cuộc phỏng vấn với Dorothy Day,” *National Jesuit News* (tháng 5, 1972), p.10.

Chương 5: Miêu tả về an ủi thiêng liêng

sự ngọt ngào, ấm áp, khuynh hướng rơi lệ, mừng vui, bình an...) nhưng cảm giác kéo dài hay cảm nhận sự thoải mái, không phải phát xuất từ sự nhận ra trong tưởng tượng hay cảm xúc, mà là sự xác tín của đức tin về thực tại của điều tôi suy niệm hay chiêm niệm và ý nghĩa của nó trong cuộc đời của tôi. Đây không phải là một sự hiểu biết mang tính ý niệm và sự xác tín trừu tượng. Đó thực sự là một sự hiểu biết, một sự xác tín về một điều cụ thể, nó ảnh hưởng đến đời sống giống như loại đem đến sự đáp trả cảm xúc mạnh mẽ, trong dài hạn đôi khi còn có kết quả hơn, như tôi đã tìm thấy được nhờ vào kinh nghiệm. Đây là một hình thức của an ủi, yên tĩnh và thiếu sự ấm áp hay ngọt ngào, nhưng là một kinh nghiệm tích cực khiến ta dễ dàng để tiếp tục cầu nguyện dù khô khan trong mọi cách, dù lo ra chia trí hay mệt mỏi. Thật lạ lùng, nó là một an ủi ở trong sự khô khan và thậm chí là trong sâu khổ. Những tưởng tượng và xúc cảm bị triệt tiêu khi xét đến những đối tượng thiêng liêng, đôi khi nó trở nên lộn xộn theo những cách hiểu khác, trí hiểu không còn hứng thú với bất kỳ sự soi sáng nào nữa. Đôi khi có sự bức tức, khát khao nhục dục, lo lắng hay có những tư tưởng tham vọng và quyến trong suốt giờ cầu nguyện. Tuy nhiên, nằm sâu dưới những điều này, là một sự toại nguyện khi được trung thành và tín thác. Một sự sẵn sàng tiếp tục trên con đường này như là con đường của tình yêu, có lẽ phải chịu đựng sự khô khan hay sâu khổ; hầu như cách xa với an ủi như thiếu tình yêu, tự mãn, thiếu lòng quảng đại và lòng trung thành trong suốt những khó khăn. Nhưng thật là nghịch lý, cùng lúc đây lại là một sự an ủi, không chỉ là một sự an ủi mà đồng thời với sự sâu khổ, nhưng còn là một sự thoải mái trong việc sẵn sàng chịu sâu khổ vì yêu mến Chúa.

Đây là một loại an ủi chỉ có thể có nơi một người đang có kinh nghiệm về sâu khổ. Nó minh chứng cách hoàn hảo nói ở trên về những chiều kích khác nhau hay những cấp độ khác

nhau về kinh nghiệm ý thức, và cũng là một sự thống nhất trong một kinh nghiệm đầy đủ hơn.

Chương 6: MÔ TẢ CON SÀU KHỔ THIÊNG LIÊNG

Quy tắc I:4

Trong quy tắc thứ 4, thánh I-nhã quay sang 1 đối cực của kinh nghiệm thiêng liêng, đó là sầu khổ thiêng liêng.

[317] Quy tắc IV: Về sầu khổ thiêng liêng. Tôi gọi là sầu khổ tất cả những gì trái ngược với quy tắc thứ ba, như sự tối tăm trong linh hồn, xao xuyến bề trong, chuyển động về những điều thấp hèn và phạm tục, lo lắng từ những xao động và cảm dỗ khác nhau vốn xui bẩy đến chỗ thiếu lòng tin tưởng, mất niềm hy vọng, mất lòng yêu mến, khi cảm thấy mọi sự lười biếng, khô khan, buồn sầu và như bị lìa xa Đấng Tạo Hóa và Chúa mình. Vì như an ủi trái ngược với sầu khổ thế nào, thì các tư tưởng phát xuất từ sự an ủi cũng trái ngược với các tư tưởng phát sinh từ sầu khổ như vậy.

Ý Nhắm của Quy Tắc

Điều quan trọng nhất về tiêu đề của quy tắc là việc dùng từ “thiênêng liêng”. Trong bộ quy tắc I:3 chúng ta đã thấy thánh I-nhã dùng tiêu đề “an ủi thiênêng liêng” và sau đó phần lớn chỉ nói đến “an ủi”, ngài bỏ từ “thiênêng liêng” mà vẫn được hiểu như vậy. Ngài dùng thuật ngữ “sầu khổ thiênêng liêng” và “sầu khổ” theo cách tương tự. Cũng vậy, song song với bộ quy tắc I:3, ý hướng của ngài trong quy tắc này không phải là để mô tả sầu khổ. Đúng hơn là, giả thiết chúng ta hiểu sầu khổ là gì, thánh I-nhã nhắm mục đích giúp chúng ta biết khi nào chúng ta có kinh nghiệm sầu khổ thiêng liêng trong rất nhiều loại sầu khổ của ta.

Phân Tích Miêu Tả về Sầu Khổ

Để chúng ta rút ra được ý nghĩa quan trọng của những lời thánh I-nhã nói rải rác trong phần về an ủi thiêng liêng, thì chúng ta mới có nhu cầu phân tích mô tả phơi bày những đường nét chính về cấu trúc căn bản của mọi an ủi, không cần xét đến tính thiêng liêng hay phi thiêng liêng. Bây giờ cũng vậy, để đọc hiểu được việc ngài mô tả sầu khổ thiêng liêng, thì cũng cần nhớ cấu trúc căn bản của sầu khổ, không cần xét đến tính thiêng liêng hay phi thiêng liêng. Rõ ràng rằng trong kinh nghiệm phức tạp của bất cứ sầu khổ nào, đều có 3 thành tố: sầu khổ cụ thể được hình thành bởi những cảm xúc cảm tính; là căn nguyên chủ thể, tức là những hành vi của người đó làm phát sinh những cảm xúc sầu khổ theo cách này hay cách khác; sau cùng là những kết quả, tức là sự ảnh hưởng của những cảm xúc này và nguồn gốc của chúng nơi các hoạt động cảm tính và nhận thức của người đó cũng như các quyết định của người đó. Cũng rõ ràng là khi các thành tố của sầu khổ được phân biệt, chúng lại có liên quan chặt chẽ với nhau, chúng hình thành một kinh nghiệm chung phức tạp và ta chẳng thể hiểu các thành tố đó một cách trọn vẹn nếu không đối chiếu chúng với nhau. Sau cùng, có một sự song song khác với an ủi đó là – có nhiều loại sầu khổ khác nhau, và mỗi loại có sự khác biệt riêng, bởi vì có những khác biệt thuộc nguyên do chủ thể và đối tượng của các hành vi đó trong việc hình thành nên nguyên do chủ thể. Những cảm xúc của sầu khổ riêng như vì tình bạn hữu đổ vỡ, sự ra đi của người yêu, vỡ mộng, mất địa vị và các nguyên nhân khác tương tự – những sầu khổ này khác nhau về phẩm; và những khác biệt trong các cảm xúc sầu khổ có thể được mô tả thỏa đáng chỉ bằng cách mô tả những nguyên do nền tảng (nguyên do gây sầu khổ).

Chương 6: Mô tả Con Sâu Khổ Thiêng Liêng

Hiểu được cấu trúc của một kinh nghiệm tổng hợp phức tạp của bất cứ sâu khổ nào khác khi chúng ta đọc ra sự mô tả ngắn gọn về sâu khổ thiêng liêng của thánh I-nhã, thì chúng ta mới có thể rút ra ý chính xác, sâu sắc và rõ ràng hơn của ngài. Chúng ta có thể đặt những yếu tố ngài đề cập có liên quan với nhau, và nhờ sự liên quan ấy ta có thể hiểu từng yếu tố trọn vẹn hơn.

Do cấu trúc của bất cứ sâu khổ nào cũng song song với cấu trúc được tìm thấy trong bất cứ an ủi nào, nên các hành vi và cảm xúc trong hai cấu trúc này rõ ràng hoàn toàn tương phản nhau. Chúng ta hãy ghi nhận tóm tắt đầu là những đặc điểm xác định rõ sâu khổ. Thuật ngữ “sâu khổ” theo nghĩa rộng nhất, nó đề cập đến tình trạng suy sụp, trống rỗng, mệt mỏi, thiếu những điều mang tới sự tràn đầy, vẻ đẹp hay sức sống. Vì vậy chúng ta nói đến cảnh sâu khổ và gọi mảnh đất khô cằn hoang tàn là sâu khổ. Là một tình trạng của ý thức, cách chung có thể được xem là một tình trạng đau khổ cảm xúc, một tình trạng tiêu cực và không hài lòng của cảm xúc. Tuy nhiên, không phải mọi tình trạng đau khổ hay không hài lòng đều là sâu khổ. Sự giằng co đau đớn trong hoàn cảnh nguy hiểm thúc đẩy đến hành động. Một cảm giác đau khổ về bất công gọi lên sự giận dữ và quyết tâm háo hức sửa sai ngay, những cảm xúc thất vọng và bị sỉ nhục đau đớn về một thất bại, dám chấp nhận không nản chí hay chẳng tuyệt vọng – chẳng có cảm xúc nào như thế hay kinh nghiệm nào như thế là sâu khổ. Trong sâu khổ, người đó sống trong tâm trạng tối tăm và buồn chán. Người đó có kinh nghiệm mất hy vọng hoàn toàn rồi mất niềm tin vào chính mình và người khác, và có xu hướng là không làm gì cả. Tóm lại, người đó kinh qua những cảm xúc nản lòng. Bất cứ ai chịu đau khổ về mặt tình cảm nhưng vẫn còn thấy can đảm bởi vì người đó có những đáp trả cảm tính bộc phát dễ dàng đối với niềm tin và hy

vọng, kết cục người đó vẫn sẵn sàng xử lý tình huống với tinh thần nhiệt huyết hăng say, như vậy người đó không ở trong con sâu khổ.

Điều quan trọng thiết thực là phải hiểu được sâu khổ thiêng liêng, để chú ý đến một đặc điểm được mô tả trước đây và sau đó phải hiểu cách xử lý nó thế nào. (Bộ quy tắc I: 6-8) Việc mô tả sâu khổ đề cập đến những động lực của cuộc sống tình cảm, vì nó không bị lệ thuộc vào sự kiểm soát mà người đó có một cách trực tiếp hay gián tiếp, qua phản tỉnh và tự do. Qua những điều này người đó có thể điều chỉnh ý hướng; người đó có thể ngăn chặn hay thiết lập những dòng chuyển động của tư tưởng và ý muốn mà chúng thúc đẩy hay phản ứng lại điều xảy ra trong những cảm xúc và tư tưởng trước việc chọn lựa tự do và phản tỉnh, hay ít ra những dòng chuyển động của tư tưởng và ý muốn cũng ngăn chặn được hiệu ứng của chúng. Trong phạm vi phản tỉnh sáng suốt, tự do và ý muốn, dưới sự kiểm soát của những thúc đẩy này, thậm chí trong con sâu khổ, thì rất có thể được thúc đẩy đi đến hành động cương quyết của niềm hy vọng bất chấp những cảm xúc tuyệt vọng. Như vậy, lòng can đảm sâu sắc hơn cảm xúc có thể được kích thích, đó là lòng khao khát mãnh liệt để chịu đựng và đi vào thách đố cho dù có sợ hãi. Rồi có được năng lực hành động quyết liệt và kiên trì bất chấp những cảm xúc chán nản và lười biếng. Chúng ta đã đề cập đến vấn đề này trước đây và sẽ còn bàn tiếp. Điều nhắc lại là ý thức và ý hướng xác định. Nếu đánh mất ý thức và ý hướng này khỏi bất cứ điểm phản tỉnh nào về đời sống thiêng liêng thì có thể bóp méo một cách bi thảm toàn bộ sự hiểu biết của chính chúng ta và đời sống của chúng ta,⁸⁸ và có thể làm cho những quy tắc xử sự khi gặp sâu khổ của thánh I-nhã trở nên vô

Chương 6: Mô tả Con Sầu Khổ Thiêng Liêng

nghĩa, và làm giảm giá trị thực hành của bộ nhận định thần loại thứ nhất của ngài. Đây là việc sử dụng các quy tắc nhận định thần loại để phân biệt thần nào thúc đẩy tôi nếu tôi chẳng làm được chi? Chắc có lẽ chỉ đem lại một chút thú vị về sự hiểu biết suy lý vậy thôi.

Sự Tương Phản và Những Ẩn Chứa của Nó Trong Quy Tắc I:4

Nhớ những đường nét chính về những phân tích miêu tả trước đó về mọi kinh nghiệm sầu khổ, thì chúng ta đã sẵn sàng để xem xét mô tả của thánh Inhã về sầu khổ thiêng liêng. Câu thứ nhất sau tiêu đề không quan trọng khi nó đứng một mình. Tuy nhiên, câu này xác định cách thức chúng ta đọc phần còn lại của quy tắc này như thế nào. Nó đặt bộ quy tắc I:3 và 4 trong phần chuyển tiếp của quy tắc I:2, và cùng với phần sau, nó mở ra một con đường mà qua đó thánh I-nhã sẽ khuyên chúng ta suy xét và hành động trong lúc sầu khổ (như chúng ta sẽ thấy trong bộ quy tắc I:5-14). Câu văn đọc như sau: “Tôi gọi sầu khổ [thiêng liêng] là tất cả những gì trái ngược với (điều được mô tả trong) quy tắc thứ ba.”

Trong văn cảnh này, việc thánh I-nhã dùng từ “tương phản” theo nghĩa hẹp của nó (được giải thích trên ở chương 3) là rõ ràng ở ngay cái nhìn đầu tiên, dù chưa có bất cứ cuộc khảo sát cẩn thận nào về điều ngài mô tả. Vì vậy chúng ta nhận ra rằng: sự tối tăm và buồn sầu đối lập với vui mừng của an ủi thiêng liêng, bối rối và lo lắng đối nghịch với bình an và nghỉ ngơi, lười biếng thiêng liêng và thúc đẩy hướng tới những điều phạm tục trái với việc khát mong những điều trên trời và ơn cứu độ; xu hướng mất niềm tin cậy mến nghịch với sự gia tăng tin cậy mến; khô khan, lạnh nhạt đối chọi với ấm

Xem ở trên, pp. [Error: Reference source not found-Error: Reference source not found.]

áp, nhiệt huyết ; cảm giác như thể xa lìa Thiên Chúa trái với cảm giác kết hợp với Chúa; sự khô khan hay nguội lạnh với Thiên Chúa và với những điều thiêng liêng đối chọi với lòng mến bùng cháy. Tính tương phản này của sâu khổ và an ủi thiêng liêng cũng được làm sáng tỏ và nhấn mạnh trong cuốn Thủ Bút. Ở đó thánh I-nhã nói rằng:

Bị thúc đẩy bởi thần dữ và “ân huệ” của nó, sâu khổ là sự tương phản [của an ủi]: tương phản với bình an, [có] xung đột; trái với niềm vui là buồn sâu; trái với hy vọng điều cao cả là hy vọng điều thấp hèn; trái với lòng mến trên trời là sự ham muốn trần tục; trái với nước mắt là khô khan; trái với tâm trí được nâng cao là tâm trí vẫn vơ hướng tới những điều thấp hèn.⁸⁹

Để nắm bắt trọn vẹn điều muốn nói rằng sâu khổ thiêng liêng là “tất cả những gì trái nghịch với điều được mô tả trong quy tắc thứ 3” chúng ta phải lưu ý đến hai khía cạnh của sự tương phản này. Thứ nhất, với tư cách là sự sâu khổ, nó trái ngược với an ủi. Thứ hai, với tư cách là thiêng liêng, nó trái nghịch với an ủi thiêng liêng một cách chính xác bởi vì điều thứ hai mà ta đề cập cũng thuộc thiêng liêng.

Sâu khổ trái ngược với an ủi thì rõ ràng trong những phân tích ta đã làm về an ủi và sâu khổ. Sâu khổ không chỉ là phủ định của an ủi, không chỉ đơn thuần là một tình trạng thiếu vắng an ủi, cũng như an ủi không là tình trạng không có sâu khổ. Rõ ràng có một trạng thái tĩnh giữa sâu khổ và an ủi. Tình trạng an tĩnh này đơn thuần là sự phủ định của cả an ủi và sâu khổ; vì vậy an ủi và sâu khổ xung khắc nhau, là những thái cực hoàn toàn đối lập nhau.

⁸⁹ *DirSpExMHSJ*, [12] ở p. 72.

Chương 6: Mô tả Con Sâu Khổ Thiêng Liêng

Việc sâu khổ thiêng liêng không chỉ là sâu khổ mà còn thiêng liêng nữa thì trái ngược với an ủi thiêng liêng. Nói như thế là có những hàm ý. Ấn ý thứ nhất nghe ra có vẻ xa lạ, đó là sâu khổ thiêng liêng là một kinh nghiệm thiêng liêng đối nghịch (anti spiritual). Thứ hai, vì sâu khổ thiêng liêng và an ủi thiêng liêng tương phản nhau, nên bất cứ điều gì chúng ta có thể biết về một thứ này cũng tỏ lộ cho ta biết thứ kia, một lời bên này cũng hàm ý cho bên kia.

Điều mà thánh I-nhã xem sâu khổ là một kinh nghiệm thiêng liêng đối nghịch thì không có sự nghi ngờ. Đối với ngài, nó là thiêng liêng đối nghịch ngay từ trong nguồn gốc, nó có nền tảng là thiêng liêng đối nghịch (mặc dù không hoàn toàn như chúng ta sẽ thấy). Chúng được thúc đẩy bởi thần dữ, được Thiên Chúa cho phép vì mục đích tốt lành của Ngài, chứ Ngài không thúc đẩy điều đó (Lt 315, 318, 320, 329, 333, 335). Xuất phát từ một nguồn như vậy, như chúng ta sẽ thấy, tất cả các yếu tố trong mô tả đều nhắm đến việc tạo ra cảm xúc giả tạo về sự xa lìa Thiên Chúa, tất cả có xu hướng đánh mất niềm tin cậy mến. Bây giờ có một vấn đề nổi lên là làm thế nào một kinh nghiệm thiêng liêng đối nghịch được gọi là sâu khổ thiêng liêng? Bối rối đầu tiên đó là sự mâu thuẫn về thuật ngữ. Có thể thực hiện giải pháp phân tích mô tả sâu khổ và an ủi, giải pháp này dẫn đến sự soi sáng sâu xa và có hiệu quả trong sâu khổ thiêng liêng. Tuy nhiên, giải pháp này phải chờ đợi chúng ta nghiên cứu các yếu tố liên quan đến kinh nghiệm an ủi như thánh I-nhã miêu tả.

Hàm ý thứ hai hiểu sâu khổ thiêng liêng là tất cả những gì trái ngược với an ủi thiêng liêng là những gì thánh Inhã nói về cả hai, chỉ cho chúng ta thấy cái này ngang qua sự tương phản của cái kia. Khi chúng ta đọc các quy tắc nhận định, hàm ý này

cần được lưu ý và đề cập đến; hàm ý này đã được giải thích ở trên.⁹⁰

Mô Tả Sâu Khổ Thiêng Liêng

Bây giờ chúng ta sẵn sàng nghiên cứu chi tiết con sâu khổ thiêng liêng mà thánh I-nhã mô tả. Chúng ta cố gắng làm rõ nghĩa từng yếu tố trong bản mô tả càng chính xác, đầy đủ bao nhiêu có thể và hội nhất nó trong toàn phần mô tả. Ta luôn luôn tìm kiếm ánh sáng bằng sự tương phản với kinh nghiệm đối nghịch là an ủi thiêng liêng. Điều được nói đến nơi mỗi sự tương phản ở sâu khổ thiêng liêng không chỉ giúp giải thích điều thánh I-nhã nói về kinh nghiệm an ủi thiêng liêng mà còn có lẽ ám chỉ đến một vài điều thánh I-nhã không nêu lên rõ ràng.

Trước tiên I-nhã tô đậm nét một vài yếu tố rõ ràng nhất trong sâu khổ thiêng liêng: “Sự tối tăm của linh hồn, bối rối, thúc đẩy về những điều thấp hèn và trần tục, lo lắng từ những xao động và cảm dỗ.” Một số điểm này có thể xuất hiện trước khi tính chất thiêng liêng đối nghịch sâu sắc của toàn bộ kinh nghiệm được tỏ lộ rõ ràng đối với người đó. Tuy nhiên, bởi vì thánh I-nhã đang mô tả con sâu khổ thiêng liêng nên có vẻ hợp lý, thậm chí là cần thiết để hiểu rõ tất cả yếu tố này liên quan đến đời sống thiêng liêng như thế nào ngay từ lúc đầu.

Sự tối tăm là một tình trạng của đời sống ý thức được mô tả ẩn dụ bằng thuật ngữ giác thị, trước hết, sự tối tăm đề cập đến tình trạng cảm xúc sau đó đến trí tưởng tượng và nhận thức trí tuệ khi bị tác động bởi tình trạng cảm xúc của người đó. Tâm trạng sáng sủa là một tâm trạng được biểu đạt bằng

⁹⁰ Xem ở trên, pp. [Error: Reference source not found-Error: Reference source not found.]

Chương 6: Mô tả Con Sâu Khổ Thiêng Liêng

sự tươi sáng và niềm vui. Một ẩn dụ khác đó là một tâm trạng mà những cảm xúc của ta nâng lên như thể thoát khỏi một gánh nặng. “Ánh sáng, nhẹ nhàng” về mặt cảm tính nó ngược với “nặng nhọc” cũng như với “bóng tối”, cả hai đều lột tả tâm trạng tối tăm, mặc dù từ thứ hai chỉ biểu thị phẩm tính đen tối. Bóng tối thì nặng nề. Trong tâm trạng tối tăm, sự hiểu biết và việc diễn giải cuộc sống thế giới của người đó, một thế giới của chính kinh nghiệm của người đó bị ảnh hưởng, nên người đó nhìn tất cả mọi sự đều đen tối và nặng nề. Trong tâm trạng như vậy, sống là một gánh nặng; hành trình cuộc sống là một bước mò mẫm qua đêm tối. Trong hoàn cảnh này, người đó nhận thấy rằng đời sống thiêng liêng thật nặng nề và tối tăm.

Liên hệ tới sự tối tăm và thậm chí có mối tương quan với tối tăm là “sự bối rối”. Đây là tình trạng của tâm trí mà trong đó những ý tưởng, nguyên tắc, giá trị và những phản ứng cảm tính của người đó rối rắm đến nỗi người đó không thể phân định rõ ràng điều gì đang xảy ra hay lý do tại sao? Tình trạng như thế sẽ dễ dàng dẫn đến sự tối tăm, cách nào đó như một sự bối rối khả giác về những vật thể trong sự tối tăm vật lý. Càng gặp bối rối về nhiều điều mà hầu hết là vấn đề trong đời sống của mình như là người Ki-tô hữu đang tiến tới, thì người đó càng gánh chịu sự tối tăm này, và càng ít khả năng đối phó với những nền tảng tâm tối. Nó tạo nên một vòng luẩn quẩn. Trong tình trạng này rất khó kiểm chế mình, cân nhắc và đưa ra những phán đoán quân bình theo các nguyên tắc được chấp nhận, khó mà có được sự chọn lựa tự do sáng suốt đối với tình hình hiện tại. Xu hướng có thể xảy ra là đặt vấn đề về niềm tin mà nó hình thành nên niềm hy vọng và sự vui sướng thì dường như không có thực. Sức mạnh tâm linh hết rồi thì những quyết định và giải pháp trở nên suy tàn. Những quyết định đã được thực hiện trong tâm trạng tốt hơn thì nay dường

như chúng trở nên hư ảo, và có vẻ muốn thay đổi quyết định để làm dịu tình hình. Vì vậy có xu hướng đi đến thực hiện những quyết định đầy cảm tính và thiếu cân nhắc; hoặc một tình trạng do dự khác thiếu hiệu quả. Có xu hướng từ bỏ những việc làm tốt lành đã khởi sự hoặc tạm gác lại. Tình trạng không nhất quán này làm méo mó toàn bộ đời sống thiêng liêng.

Trong sự tối tăm và bối rối này, cho dù là căn nguyên, hậu quả, hoặc vừa là hậu quả vừa là căn nguyên đi nữa, thì dẫn đến “thúc đẩy hướng về những điều phạm tục và thấp hèn”. Đây không được hiểu rằng điều này như những thúc đẩy hướng về điều tội lỗi hoặc trong chính nó là thấp hèn, nhưng là sự thúc đẩy khi đặt trong sự giằng co với những điều trên trời, nó hướng về điều thấp hèn chẳng hạn như sự giàu sang, danh vọng, địa vị, quyền lực, khoái lạc, (sự lôi kéo đến điều tội lỗi được ghi chú trong phần kế tiếp của quy tắc). Tách ra khỏi những khoảnh khắc tràn đầy ân sủng Chúa ban ơn an ủi, để hướng tới những điều trên trời là một nỗ lực đối với hết mọi người, nỗ lực này thường xuyên chống lại đam mê của con người, đến những cái gì là cảm tính và ích kỷ, dễ dàng hướng về điều làm thỏa mãn ngay và đáp ứng những nhu cầu đòi hỏi mạnh mẽ và rõ ràng nhất (thậm chí những thứ thiên cận hay bệnh hoạn), cho dù chúng là nhu cầu thể lý hay tình cảm. Không cần thiết phải vật lộn hay huấn luyện lâu dài mới khát khao mong những điều này. Động lực thúc đẩy hướng về chúng luôn sẵn sàng thể hiện cách này hay cách khác. Kết cục là, khi ai đó ở trong tối tăm và cảm thấy có nhu cầu thỏa mãn tức thời mạnh mẽ nhằm làm cho đời tươi sáng lên hay làm giảm nhẹ đi gánh nặng, thì những điều thuộc trời cao dường như xa lạ, hơn nữa lại hư ảo, và thậm chí chẳng có khát mong chi khi sánh với những đối tượng mà người đó hiện tại bị thúc đẩy hướng tới. Khi ai đó gặp bối rối, người đó phải chiến đấu

Chương 6: Mô tả Con Sâu Khổ Thiêng Liêng

manh mẽ để nắm giữ chúng trong viễn cảnh niềm tin sâu xa nhất của mình. Vì vậy không thể tránh khỏi, trong viễn cảnh đức tin suy giảm, điều được xem bây giờ là tương đối thấp hèn thì trong thời gian tối tăm và bối rối này lại được xem là chính điều phải khát khao.

Hầu hết những điều đã được bàn tới về sự tăm tối, bối rối, xu hướng nghiêng chiều về những thứ thấp hèn có thể được nói về sâu khổ phi thiêng liêng (non - spiritual). Đặc tính thiêng liêng của điều đang bàn tới sẽ xuất hiện ngày càng rõ nét khi chúng ta phân tích và thấy rằng những yếu tố này của bản miêu tả thống nhất với các yếu tố sau. Những điều chúng ta biết về an ủi và sâu khổ thiêng liêng đảm bảo cho chúng ta rằng sự tối tăm, bối rối và những nghiêng chiều thấp hèn bắt nguồn từ những lần thất bại của đức tin sống động hoặc từ những ức chế về tâm ảnh hưởng của chúng, và rằng chúng luôn có xu hướng phá đổ đức tin sống động.

Đắm chìm trong tối tăm, bối rối, lung lay về các phương hướng, người đó cảm thấy bị lôi cuốn bởi những điều kém hơn mà người đó đã nghĩ tới việc loại bỏ chúng đi khi bắt đầu tiến bộ từ điều tốt đến tốt hơn. Người đó bây giờ dễ bị xao động và cảm dỗ đưa tới “lo lắng”. Lo lắng nói lên tình trạng tâm trí trái ngược với an tĩnh ngọt ngào của on an ủi, căn nguyên của lo lắng vẫn là những “xao động và cảm dỗ khác nhau”.

Những loại xao động góp phần tạo nên sự lo lắng thì được gọi là sâu khổ thiêng liêng, bao gồm những xao động trực tiếp đối chọi, chúng có xu hướng tác động đến chính sự tương phản với bình an xuất phát từ niềm tin cậy mến. Có những thứ xao động khác, trực tiếp đối chọi với niềm vui và bình an thiêng liêng, nhưng ở một tầm mức nào đó chúng có thể làm cho niềm vui và bình an bị xao nhãng, hay có thể làm cho sự lo

lắng của sầu khổ thiêng liêng trầm trọng hơn. Đôi khi xao động bên trong là do bởi xao động bên ngoài hay do những đòi hỏi từ những trách nhiệm quản trị, điều hành, đó là những ví dụ chúng ta sẽ bàn tới. Tuy nhiên, những xao động này không phải là những nền tảng cho cảm xúc lo lắng – yếu tố cấu thành sầu khổ thiêng liêng nói riêng. Nơi người đó đòi sống đang tiến từ điều tốt hơn về Thiên Chúa, như đã đề cập ở trên thì việc hướng về những điều thấp hèn và phạm tục (không đề cập đến mức độ đạt được điều cao hơn) ắt phải có cuộc xung đột nơi chính nó, và trực tiếp, với sự thúc đẩy thiêng liêng cốt lõi của đời sống người đó. Thậm chí điều sau có thể ở mức độ nào đó bị che mờ nơi nhận thức của người đó ở một lúc nào đó, hoặc dấu ẩn trong sự tối tăm và bối rối, hoặc bị ngăn cách khỏi cuộc sống ý thức mà nó xuất hiện trong lúc an ủi hay an tĩnh, nó không chết mà cũng chẳng bất lực. Vì vậy có thứ xao động mà nó phá hỏng bình an, mà bình an đó là hoa trái của niềm tin sống động và xao động này tạo nên sự lo lắng tưởng phản voi bình an thiêng liêng. Người mà không quan tâm đến những giá trị nước trời, đời sống họ là cuộc tìm kiếm những điều phạm tục và thỏa mãn trần thế thì người đó sẽ chẳng có kinh nghiệm xao động này. Tuy nhiên, người đó sẽ có những kinh nghiệm xao động tương tự nếu những giá trị phạm tục ở người ấy trở nên nguy hiểm hay xung khắc với nhau, hay nếu như thần lành lay động soi sáng người đó về những giá trị cao hơn ở một lúc nào đó.

Việc hướng về những điều phạm tục không đơn thuần dừng lại ở những điều tự nó là hợp pháp hay tốt lành, thậm chí thấp kém hơn điều mà người đó đặt tâm trí mình vào trong những giây phút hạnh phúc hơn trong ánh sáng thiêng liêng và sự an bình. Khát vọng con người cho dù có hướng tốt hay xấu thì cũng là vô hạn. Kết cục là, lòng ham muốn trần tục dễ dàng như vậy sẽ trở thành con cám dỗ phạm tội. Nó thêm

Chương 6: Mô tả Con Sâu Khổ Thiêng Liêng

khát khoái lạc tội lỗi hay địa vị, thành công, quyền lực; nó mang đến sự ghen tuông cho những ai có điều chúng ta muốn, nó mang đến sự hờn dỗi oán giận với bất kỳ ai ngăn cản cái tôi thỏa mãn của chúng ta hoặc những ai không đáp ứng được khi chúng ta mong mỏi ... tất cả điều này dẫn đến xao động, bối rối và tối tăm kinh khủng trong cái vòng luẩn quẩn.

Trong cuộc chiến chống lại những tình cảm và cảm dỗ gây bối rối, một ý tưởng thường nảy sinh nơi con người đó là: bạn có thể sống kiểu này như thế nào suốt đời bạn nếu không có những con thỏa mãn mà bản chất con người bạn đòi hỏi? Điều này có nghĩa lý gì? Thiên Chúa nhân hậu có thực sự muốn bạn sống như vậy chăng? Bạn không vượt quá sức mình chứ? Bạn nghĩ mình là ai mà dám làm điều người khác không thể? Nơi những người càng quyết tâm hơn trong đời sống thiêng liêng, thì cuộc tấn công hướng tới việc ca ngợi và phục vụ Thiên Chúa mạnh mẽ hơn, ổn định hơn và rõ ràng được đặt trên nền tảng của sự tín thác vào sức mạnh của Thiên Chúa nơi chính họ hơn – thì trong họ những xao động, bối rối, và cảm dỗ tế nhị hơn sẽ nổi lên. Sẽ có con cảm dỗ tự mãn hoặc hư danh trong khi họ trung tín vượt qua những thử thách trước đó. Hoặc ít ra, dường như đối với những người này khi họ không thành công kháng cự lại, khi đó họ sẽ mất sự thiết thân với Thiên Chúa trong cầu nguyện bởi vì họ cảm thấy bất xứng. Hoặc có lẽ họ thiếu kiên nhẫn với chính họ khi không sống được với lý tưởng của mình, hoặc tế nhị khước từ tình yêu vị tha của Thiên Chúa cho đến khi họ chứng tỏ mình xứng đáng – như thế họ có thể làm được điều này mà không cần đến sức mạnh tình yêu tha thứ nơi Thiên Chúa đã ban cho họ trong cầu nguyện.

Cho nên những người này dao động tới lui, từ cảm dỗ sâu khổ này đến sốt mến kia. Sự lo lắng và bối rối sâu khổ bóp

nguyệt sự trong sáng, bình an và niềm vui sẽ phát xuất ra từ chính bản chất của sự kiện, nếu có niềm tin sống động và nếu nó không bị ngăn cản bởi những lo lắng, bối rối sâu khổ trên.

Những cơn cảm dỗ không chỉ ngăn trở an ủi thiêng liêng mà còn mang sâu khổ đến thì đó là dấu chỉ rõ ràng cho thấy cơn sâu khổ này hẳn là cơn sâu khổ thiêng liêng. Trong bộ quy tắc I:4, theo sau sự tối tăm, xao xuyến, chuyển động về những điều thấp hèn và phạm tục là một cụm từ: *“lo lắng do những xao động và cảm dỗ khác nhau”*. Thánh I-nhã lưu ý đến một dấu hiệu rõ ràng hơn – đây là dấu hiệu rõ nhất trong tất cả các dấu hiệu – rằng một sức mạnh thiêng liêng đối nghịch đang thúc đẩy một cơn sâu khổ thiêng liêng. Thực vậy đó là dấu hiệu thiết yếu mà nhờ vậy ta phân biệt được cơn sâu khổ thiêng liêng với cơn sâu khổ không thiêng liêng. Một cách trực tiếp và theo đúng bản chất của chúng những cảm xúc sâu khổ thiêng liêng hướng tới việc phá hủy niềm tin cậy mến. Thánh I-nhã đề cập đến một cảm xúc trong cơn sâu khổ như là *“sự hướng chiều mất niềm tin, hy vọng và lòng mến”*.

Sâu khổ do kiệt sức hay do bệnh tật thể lý (chẳng hạn như đau đầu, buồn nôn, hệ lụy của những cơn đau tim) hay căng thẳng về tình cảm, do phải mang quá nhiều trách nhiệm, do các cuộc khủng hoảng, hay những tổn thương tình cảm trong quá khứ bị ức chế mà chưa bao giờ được chữa lành – dường như đây không phải là những trường hợp của cơn sâu khổ thiêng liêng. Trong nhiều và hầu hết trường hợp sâu khổ này, chúng ngăn trở an ủi thiêng liêng. Thực ra, ít nhất một cách gián tiếp chúng có thể tác động bất lợi lên đời sống đức tin, nếu những cảm xúc sâu khổ này không trực tiếp hướng tới việc phá hủy đời sống đức tin, thì cơn sâu khổ này không phải là cơn sâu khổ thiêng liêng.

Chương 6: Mô tả Con Sâu Khổ Thiêng Liêng

Có hai điều trong các quy tắc của thánh I-nhã giúp làm sáng tỏ vấn đề này hơn. Hãy nhớ lại thánh I-nhã phát biểu rằng con sâu khổ thiêng liêng là tất cả những gì trái ngược với an ủi thiêng liêng. Chúng ta đã thấy điều này nghĩa là hai loại kinh nghiệm thiêng liêng này tương phản theo nghĩa chặt của từ loại, là những thái cực đối nghịch hoàn toàn; rằng sâu khổ thiêng liêng đối lập với an ủi thiêng liêng không chỉ là an ủi đối nghịch với sâu khổ mà còn là [đối nghịch trong] tính thiêng liêng. Chúng ta thấy điều cốt lõi làm cho an ủi trở thành thiêng liêng chính là nó đặt để trên nền tảng là đức tin sống động và hệ quả của nó là liên tục diễn tả niềm tin đó trong đời sống của họ; và do đó, họ lại được lớn lên trong đức tin. Vì vậy, nếu sâu khổ thiêng liêng đi ngược lại với an ủi thiêng liêng xét theo bình diện thiêng liêng, thì một cách chủ quan có thể nói rằng nó ắt phải được dựa vào những xung động nhằm tới việc xoá bỏ việc sống đức tin. Hơn nữa những cảm xúc sâu khổ ngăn cản người này diễn tả đức tin sống động của mình và diễn tả những gì nghịch với đức tin và hướng tới mất đức tin.

Một xác nhận khác về những gì vừa mới được đề cập có thể tìm thấy trong bộ quy tắc I:5. Ở quy tắc này thánh I-nhã nói rằng trong sâu khổ thiêng liêng chúng ta không nên đưa ra những quyết định mới nhưng hãy kiên trì giữ vững những quyết định đã có trong thời gian an ủi và an tĩnh trước đó. Lý do đưa ra đó là trong thời gian sâu khổ thiêng liêng chúng ta dưới ảnh hưởng của Sa-tan. Bây giờ dưới ánh sáng của Thánh Kinh người đó có lẽ cứ kiên trì một điều rằng tất cả những bệnh tật thể lý và tâm lý, và bất cứ sâu khổ nào bắt nguồn từ đó đều đều được suy xét kỹ lưỡng và ít nhất một cách gián tiếp thì những sâu khổ đó là hậu quả của tội lỗi và công việc của Sa-tan. Tuy nhiên, điều mà thánh I-nhã nói tới đó là sự ảnh hưởng tức thời của Sa-tan ở đó và ngay lúc đó. Thánh I-

nhã không nghĩ rằng có thể phán đoán bất cứ chuyển động bên trong ở đó và ngay lúc đó là do thần dữ (hay do tội lỗi riêng của người đó) trừ phi chính chuyển động bên trong này rõ ràng là thiêng liêng đối nghịch, hay rõ ràng qua một tiến trình liên tục dẫn đến một chuyển động thiêng liêng đối nghịch.

Thậm chí khi chúng ta hiểu được những hệ quả của lời phát biểu rằng sâu khổ thiêng liêng tương phản với an ủi thiêng liêng, và thiêng liêng đối nghịch trong chính những căn nguyên và hậu quả của nó, thì chúng ta vẫn gặp phải một mối nguy hiểm tiềm ẩn. Nếu chúng ta không đọc kỹ lưỡng những lời của thánh I-nhã, thì chúng ta có thể lung lạc sang một cách giải thích khác và theo cách khác biệt, đó là chúng ta có thể đánh mất ý nghĩa quan trọng trong phần ngài diễn tả. Trước hết, nếu chúng ta hiểu ngài theo kiểu nói rằng sâu khổ thiêng liêng dẫn đến việc mất đức tin cậy mến, thì chúng ta không chỉ hiểu sai ngài mà còn biến ngài trở nên kẻ ăn không ngồi rồi, thốt lên những lời vô nghĩa. Bởi vì sâu khổ có thể dẫn đến hệ quả này trong một số trường hợp, nhưng trong những trường hợp khác lại không có hệ quả này. Chính sâu khổ, nó chỉ hướng tới hậu quả như vậy, và đó là tất cả mà thánh I-nhã nói rằng sâu khổ thiêng liêng có xu hướng như vậy. Thứ hai, thậm chí vẫn chưa hiểu chính xác thánh I-nhã khi nói rằng sâu khổ thiêng liêng có xu hướng đánh mất đức tin, cậy, mến. Nó có thể như vậy, nhưng điều thánh I-nhã nói đó là sâu khổ thiêng liêng có xu hướng mất lòng tin tưởng, mất niềm hi vọng, mất lòng yêu mến.⁹¹

⁹¹ Những lời của thánh I-nhã thường thường được dịch ra để cho thấy tâm tình tạ ơn hơn khi quay về nguồn. Vì thế, Puhl nói rằng: “những điều dẫn ta đến sự khao khát đức tin, cậy và mến”; Mottola cho rằng: “những điều dẫn ta đến việc mất lòng tin tưởng, lòng cậy

Chương 6: Mô tả Con Sâu Khổ Thiêng Liêng

Khi phát biểu điều này, ngài mở ra một điểm cốt lõi trong đức tin và trong sâu khổ thiêng liêng. Điểm cốt lõi của đời sống đức tin Ki-tô giáo là sự tín thác vào Thiên Chúa như Thiên Chúa mạc khải chính mình nơi Đức Ki-tô, tín thác vào tình yêu, sự khôn ngoan và quyền năng cứu độ, vào sự quan phòng của Thiên Chúa đối với mỗi người, và đối với tôi. Khi không thấy có sự đồng thuận của lý trí với đức tin về các chân lý mạc khải, Chúa quan phòng...thì một cách rõ ràng, lập tức, nó được dẫn dắt bởi sâu khổ thiêng liêng. Điều này cũng không thường xuyên và cũng ít hơn nữa trong sự đồng thuận lý trí với các chân lý khác của đức tin. Hơn nữa, điều nguy hiểm là niềm tín thác vào tình yêu cứu độ được chấp nhận của Thiên Chúa dành cho tôi lại mang tính cá vị. Cho dù lý trí chấp nhận chân lý về tình yêu Thiên Chúa, sự khôn ngoan và quyền năng của Thiên Chúa, thì niềm tín thác này có thể là bình thường. Bản phổ thông (Vulgata) của sách Linh Thao xác nhận việc giải thích những lời của thánh I-nhã bằng cách dịch tiếng Tây Ban Nha “không tin” thành “thiếu niềm tin vào ơn cứu độ”. Việc mất niềm tín thác liên quan đến ơn cứu độ của tôi.⁹²

trông và lòng yêu mến.” Việc Corbishley sử dụng từ “tending- ý hướng” là để tránh sự lệch lạc về ý nghĩa; nhưng bản dịch của ngài và bản dịch của các tác giả khác cũng đánh mất hai sắc thái quan trọng có trong bản dịch sát nghĩa hơn; (1) nhấn mạnh đến yếu tố *tín thác* có tính cá vị trong đức tin, điều này đặt nền cho những yếu tố theo sau thuận theo các chân lý; và (2) gợi ý có thể mất niềm hy vọng và mất lòng yêu thương kéo theo mất lòng tin tưởng, hoặc thậm chí qualify sự mất lòng tin tưởng.

⁹² Tất cả các bản La-tinh, cả bản Vulgata và bản *Versio Prima*, dịch tiếng Tây ban Nha *infidencia* là *diffidentia*, và bản Vulgata giải thích nó chính xác hơn là từ *diffidentia de salute*.

Từ tất cả các yếu tố đã được ghi chú trong sâu khổ thiêng liêng cho đến điểm này, mỗi nguy hiểm nghiêm trọng nhất đó là những yếu tố này có xu hướng đánh mất niềm tin thác vào Thiên Chúa. Nếu như con cảm dỗ mất niềm tin thác cứ tiếp tục phát sinh, thì toàn bộ ngôi nhà đời sống Ki-tô hữu sẽ suy tàn dần. Sự trưởng thành trở nên cằn cọc, đức mến và đức cậy trở nên khô héo. Đó là lý do chính tại sao sâu khổ thiêng liêng hẳn là không chỉ bị kháng cự mà còn bị phản công một cách tự tin đầy chín chắn và kiên trì như thánh I-nhã sẽ nói cho ta hay. Khi sâu khổ bị phản công ngược lại, tức là giữ vững đức tin cậy mến mà người đó lớn lên trong tam đức đối thần.

Ngay chính bản chất của trường hợp này, điều mà thực sự xảy ra trong sâu khổ thiêng liêng, và cần có kinh nghiệm về nó, là sự ức chế ngăn chặn sức mạnh niềm tin cậy mến thực để gây ảnh hưởng đến một số chiều kích, cụ thể là chiều kích cảm tính, của đời sống ý thức con người. Một vài hệ quả mà đức tin sống động về phía cảm tính, và ngang qua cảm tính hướng đến toàn bộ con người sẽ bị giảm thiểu hay bị ngăn chặn hoàn toàn. Những sự ngăn chặn như thế về ảnh hưởng của đức tin cậy mến trong cảm tính sẽ tự nó dẫn đến kết quả chỉ có được trong an tĩnh thiêng liêng. Nhưng có một vài thứ cao hơn những ngăn chặn như thế lại liên quan. Trong tâm ảnh hưởng của đức tin sống động, các chuyển động khác lại xuất hiện và hướng trực tiếp tới việc làm suy yếu đức tin cậy mến. Nói cách khác, nói riêng sâu khổ thiêng liêng bắt nguồn từ những chuyển động thiêng liêng đối nghịch. Và nói chung với sâu khổ thì những nguồn này cũng có hậu quả của chúng như “mất lòng tin tưởng, mất niềm hi vọng, mất niềm yêu mến”. Sau đó điều này có thể gây ra những cảm xúc sâu khổ kinh khủng hơn, và lại tiếp tục trong cái vòng luẩn quẩn. Tuy

Chương 6: Mô tả Con Sầu Khổ Thiêng Liêng

nhiên, thánh I-nhã vẫn đang viết về con cảm dỗ, chứ không viết về một sự thất bại thực.⁹³

Kết cục, vấn đề mà thánh I-nhã vừa mới mô tả đó là người đó cảm thấy “lười biếng, khô khan và buồn chán hoàn toàn”. Với những chuyển động đối nghịch đang sôi sục trong ý thức người đó, người đó cảm nhận được và bộc phát nghĩ về mình như đã chết về mặt thiêng liêng hay đang lâm con hấp hối. Người đó buộc phải dựa vào tác động căn bản của Chúa Thánh Thần nhiều hơn nữa, kiên trì bám lấy niềm tin vững chắc và dốc lòng quyết tâm tin tưởng cho dù tất cả vẻ bề ngoài và cảm xúc trái ngược, để hy vọng ngược lại hy vọng, và để yêu thương trong hành động và sự thật thiếu vắng những cảm xúc ấm áp ngọt ngào và vui vẻ mà những cảm xúc này làm cho ta yêu thương và hành động trong an ủi thật dễ dàng. Việc cân nhắc cẩn thận những buồn sâu, khô khan và lười biếng mà thánh I-nhã đề cập tới là cần phải có để thấy rõ rằng cái nào trong số những cảm xúc có tác động theo đúng tên gọi này là những cấu tố của con sầu khổ thiêng liêng.

Hẳn là đã rõ khi xem xét ban đầu về sự buồn sâu trong sầu khổ thiêng liêng, không phải bất cứ nỗi buồn sâu nào,

⁹³ Chính sầu khổ thiêng liêng này có khuynh hướng làm suy yếu đức tin, đức cậy, đức mến, nhưng thực sự nó không thể đưa đến như thế, điều này cũng được xác chuẩn bằng bản văn của các Quy Tắc I: 6-9. Tất cả những lời khuyên này giả định đức tin, đức cậy, đức mến ở nơi một người được khuyên bảo. Hãy chú ý một chút nữa về Quy Tắc I:4 mà thánh I-nhã nêu lên rằng một người trong con sầu khổ nhận thấy mình “như thể xa cách Đấng Tạo Hóa và Đức Chúa chúng Ta.” Rõ ràng, một Ki-tô hữu xa cách Thiên Chúa chỉ ở mức độ rằng anh ta suy giảm niềm tin sống động. Nếu sầu khổ là để nhận thấy mình “như thể” xa cách Thiên Chúa, rồi thì sầu khổ chỉ là một cảm xúc như thể niềm tin sống động đã sa sút.

thậm chí chẳng phải mọi sầu thương đòi tu đều là sầu khổ thiêng liêng. Những dạng thức buồn sầu khác nhau mà đôi khi xuất hiện trong an ủi thiêng liêng có những đặc tính như thế này: nó bắt nguồn trong đức tin, cậy và mến; chúng liên quan đến cảm thức hiện hữu, trao ban bình an của Thiên Chúa và nhận thức ấm áp về tình yêu của Người; chúng hướng chiều cổ võ đời sống đức tin mạnh mẽ hơn. Sự sầu thương hay thống khổ của sầu khổ thiêng liêng lại dẫn đến nản chí buồn chán, nó chẳng có cảm thức về sự hiện hữu của Thiên Chúa, thậm chí có cảm xúc không được Thiên Chúa yêu thương và nếu không bị ngăn chặn thì nó hướng chiều phủ nhận đời sống đức tin. Đặc tính thiêng liêng đối nghịch này là điều phân biệt sự buồn sầu của sầu khổ thiêng liêng với bất cứ nỗi buồn sầu, ngọt ngào hay đắng cay nào mà không phải là thiêng liêng.

Tương tự như vậy, không phải mọi kinh nghiệm lười biếng và khô khan tình cảm đều là kinh nghiệm thiêng liêng đối nghịch (anti -); có lẽ chỉ là kinh nghiệm phi thiêng liêng (non -). Như ta đã thấy sự lười biếng và khô khan mà là những cấu tố trong sầu khổ thiêng liêng thì chúng là thiêng liêng đối nghịch, nên chúng ta cần phải để ý hai sự diễn tả sai lầm này; bởi vì những lời diễn giải sai lệch này là phổ biến và rất nguy hiểm, nên cần lưu ý đến và phải được sửa đổi cho đúng. Lời diễn giải thứ nhất đó là người đó hẳn là đã mắc phải thái độ khô khan lười biếng trong việc phục vụ Thiên Chúa, nếu không thì người đó chẳng rơi vào con sầu khổ. Như đã nêu trước đó, sự khô khan thực tế trong phục vụ Thiên Chúa là một nguyên do khả thể của sầu khổ (quy tắc I,9), nhưng chẳng phải là nguyên do duy nhất và cũng chẳng phải là nguyên do để ta quy kết. Lời diễn giải sai lệch thứ hai đó là theo đúng sự hiện thực đã gặp sầu khổ, người đó bây giờ và ở đây thực sự khô khan và lười biếng trong việc phục vụ Thiên

Chương 6: Mô tả Con Sầu Khổ Thiêng Liêng

Chúa. Trên thực tế, những gì trong con sầu khổ là một cảm xúc lười biếng thiêng liêng, đó là một tâm trạng thờ ơ thiêng liêng và một nhận định đầy cảm tính thiếu phán đoán theo sau mà người đó thực là lười biếng và khô khan trong việc yêu mến và phụng sự Thiên Chúa. Cảm xúc hay chính tâm trạng này có xu hướng làm cho người đó hành động một cách biếng nhác, tuy nhiên không nhất thiết là như vậy. Trong kinh nghiệm cụ thể, cảm xúc này lại hòa hợp với việc phục vụ đầy yêu thương, sáng tạo và quảng đại. Thực ra, đây là phương cách mà thánh I-nhã kêu gọi ai đang gặp sầu khổ cần phải hành xử đáp trả lại (xem quy tắc I: 6-8,12). Ngài không mong chờ rằng kiểu đáp trả này sẽ lập tức làm tan biến con sầu khổ; có thể đây là một cuộc vật lộn lâu dài. Vì vậy, ngài giả thiết rằng tình yêu chủ động quảng đại có thể bền đỗ qua con sầu khổ thiêng liêng cùng với những cảm xúc lười biếng và khô khan.

Trong tất cả các cảm xúc và tư tưởng nơi bất cứ sầu khổ thiêng liêng nào hướng chiều làm mất niềm tin và làm sụp đổ đời sống đức tin Ki-tô hữu, có một điều mà thánh I-nhã vẫn chưa đề cập. Trong cái vòng luẩn quẩn các yếu tố vận hành nơi con sầu khổ thiêng liêng, đó là căn nguyên cho thấy rõ nhất và cũng là hậu quả của cảm xúc đau khổ nhất trong sầu khổ thiêng liêng nói riêng. Càng đau khổ thì người đó càng yêu Thiên Chúa hơn. Đó là căn nguyên và là hệ lụy của mọi cảm xúc tối tăm bối rối và lo lắng, là căn nguyên và hệ quả của mọi cảm xúc và tư tưởng mà đức tin sống động đang chết dần, đó là căn nguyên và hệ quả của mọi cảm xúc lười biếng khô khan và sầu buồn thiêng liêng. Ở mức độ nào đó, nó hiện diện ít nhất một cách ngấm ngầm và không rõ ràng, ngay từ lúc đầu và lớn dần lên khi sầu khổ thiêng liêng gia tăng, một yếu tố luẩn quẩn thu tóm mọi sự mà nó mở ra rõ nhất tính thiêng liêng đối nghịch của sầu khổ thiêng liêng và cho thấy rõ nhất

cha đê của mọi sự đối trá đang hoạt động “đó là nhận thấy mình... như thể xa lìa Đấng Tạo Hóa và Thiên Chúa của mình”.

Như là việc “nhận thấy mình hoàn toàn lười biếng, khô khan và buồn sầu” kinh nghiệm nhận biết mình như thể xa lìa Thiên Chúa được hình thành bởi những cảm xúc và tư tưởng suy luận thiếu phán đoán và thiếu phản tỉnh theo sau, tư tưởng này được đặt trên nền tảng những cảm xúc buồn chán tuyệt vọng, không phải trên sự an tĩnh và cũng chẳng phải dựa trên bằng chứng chấp thuận của lý trí rõ ràng. Thậm chí trong lúc tối tăm, bối rối, cảm đố và lo lắng, lúc mà người đó cảm thấy như thể đức tin đã chết hay đang hấp hối, thì có thể nhận định những chuyển động sức mạnh xuất phát từ Chúa Thánh Thần, những chuyển động của đức tin và lòng mến đối với Thiên Chúa; những chuyển động khao khát kết hiệp với Chúa, ước ao thi hành ý Chúa, ước mong cầu nguyện, làm việc lành đối với lòng yêu thương người thân cận. Những chuyển động thiêng liêng này, chúng diễn ra không pha trộn lòng nhiệt thành giả tạo cảm tính, không có sự ngọt ngào bình an và an vui về sự hiện hữu và tình yêu của Thiên Chúa, chúng diễn ra thậm chí trong suốt cơn sầu khổ thiêng liêng, thì những chuyển động thiêng liêng này là những dấu hiệu minh nhiên về quyền năng và sự hiện diện yêu thương của Chúa Thánh Thần.

Tuy nhiên, điều thường xảy ra trong suốt cơn sầu khổ nơi những người thiếu kinh nghiệm thiêng liêng hay cơn sầu khổ đủ mãnh liệt nơi những người dày dặn kinh nghiệm, đó là họ cảm thấy như thể họ đã phạm tội, như thể họ đã làm mất lòng Chúa, làm sa sút về niềm tín thác, hy vọng và lòng mến mà bây giờ họ đang trên miệng bờ vực mất tất cả các nhân đức này. Một cách dễ dàng tư tưởng bị tác động bởi tình cảm đến

Chương 6: Mô tả Con Sâu Khổ Thiêng Liêng

nổi chỉ có những ai thoát ra khỏi sự nhún nhường nhiều hay ít với quan điểm nông cạn của chính họ, là người đã nhạy bén hơn và qua kinh nghiệm lâu dài, hay là người trong suốt thời gian sâu khổ có được một vị hiểu biết thiêng liêng và đáng tin cậy để giúp họ có được một một cái nhìn đúng đắn.

Vấn đề còn trở nên tồi tệ hơn khi nhiều người theo chiều hướng tâm lý nghĩ rằng mình là người tồi tệ nhất. Niềm tự hào bị tổn thương và việc oán giận mình làm cho những người khác chỉ trích một cách gay gắt, không chút yêu mình và thậm chí không chút công bình với chính họ. Một lương tâm nhạy cảm và giả dối có thể hành xử tương tự. Tất nhiên, thần dữ lợi dụng điểm yếu này và khuyên bảo người đó tự coi thường mình một cách cay nghiệt và lệch lạc như thế (đây là một minh họa về cách thức căn nguyên của sâu khổ thiêng liêng và có thể là nguyên do cấu thành sâu khổ thiêng liêng). Vì một hay một số ảnh hưởng này mà ở mức độ nào đó hầu hết chúng ta đều gặp nguy hiểm bởi cạm bẫy này. Hơn thế nữa, chúng ta càng có ít kinh nghiệm thiêng liêng thì cường độ mãnh liệt của sâu khổ càng lớn.

Trong nhật ký thiêng liêng của thánh Inhã, có một đoạn văn cho thấy cảm thức xa lìa Thiên Chúa trong sâu khổ thiêng liêng có thể hoàn toàn chiếm trọn ý thức, thậm chí của người chắc chắn kết hợp sâu xa với Thiên Chúa ra sao, thậm chí khi mà gần đó thánh Inhã đã có kinh nghiệm an ủi thiêng liêng lâu dài và mãnh liệt. Thực ra, kinh nghiệm sâu khổ này của thánh Inhã đã “thấm sâu” trong hàng loạt những kinh nghiệm thần bí đầy vui sướng và nhân hậu về Thiên Chúa.

Kết thúc Thánh Lễ và sau đó trở về phòng riêng của mình tôi nhận thấy mình lẻ loi và chẳng thấy được an ủi chút nào, chẳng có sức mạnh và yêu mến các vị Vị Trung Gian hay bất cứ Ngôi Vị nào, nhưng chỉ nhận thấy mình xa lạ và bị bỏ rơi

như thế tôi chưa bao có cảm nhận về các Đấng ấy, hay là sẽ chẳng bao giờ cảm nhận thấy bất cứ điều nào ấy nữa. Hơn nữa, những tư tưởng đến với tôi đôi khi chống lại Đức Giêsu, thỉnh thoảng chống lại những vị khác, tôi quá bối rối về những tư tưởng khác biệt này...⁹⁴

Kinh nghiệm này của thánh I-nhã mang đến cho chúng ta một lời cảnh báo và một dấu hiệu. Ở đây chúng ta phải hết sức chú ý. Nhớ lại những điều đã được nhấn mạnh trước đây, điều mà thánh I-nhã đã thông qua quy tắc I.4 được giả định là đã hiểu được ý nghĩa của sự sầu khổ nói chung và được giải thích riêng biệt về sầu khổ thiêng liêng là gì. Khi chúng ta nhớ lại bất cứ sự sầu khổ nào rồi, chúng ta có thể thấy rằng việc nhận ra bản thân mình như thể xa lìa Thiên Chúa là cấu tố trong sầu khổ thiêng liêng, chỉ khi sự tách biệt này có kinh nghiệm đau đớn, chán nản, và có khuynh hướng tuyệt vọng đối với tình yêu nhân lành của Thiên Chúa.⁹⁵ không phải mọi cảm thức xa rời Thiên Chúa nơi bất kỳ ai đều cũng như thế này, nhưng chỉ là một cảm thức xa lìa Thiên Chúa được tạo nên bởi cảm giác không được yêu hoặc sự chia cắt của tình yêu khao khát nên một của một người được Thiên Chúa yêu thương.

Tình yêu tự bản thân tạo nên sự hiện diện và hợp nhất.⁹⁶ Tuy nhiên, người yêu có kinh nghiệm chia cắt đau thương và kéo theo con sầu khổ nếu kẻ được yêu không đáp lại tình yêu (hay ít nhất có suy nghĩ không có hành động đáp trả tình yêu như vậy) và cũng chẳng thêm mong đợi để đáp trả. Khi có

⁹⁴ *Nhật Ký Thiêng Liêng*, [144]; trong bản dịch của W.J Young, no. 40 (March 12), p. 32.

⁹⁵ Hãy chú ý đến bản dịch Vulgata, *de Ipsius Creatoris sui, clementia prope desperare* (*SpExMHSJ*, p. 376).

⁹⁶ Xem Jules Toner, *The Experience of Love*, pp. 116-136.

Chương 6: Mô tả Con Sâu Khổ Thiêng Liêng

tình yêu trưởng thành, chia sẻ cho nhau cách trưởng thành thì kinh nghiệm của sự hợp nhất và niềm vui nên một góp phần lớn lao cho sự cao quý của tình yêu. Để có được tình yêu lớn lao nó đòi hỏi về mặt thời gian chứ không phải cứ thêm cho nhiều những lần gặp gỡ là được. Dẫu vậy sự gặp gỡ rất cần thiết, vì khi những người yêu nhau xa cách nhau thì họ luôn mong đợi để đến với nhau, ở bên nhau vì khi đó họ muốn chia sẻ cho nhau những kỷ niệm, suy tư, tình cảm và chia sẻ cùng sở thích của nhau. Khi nào kinh nghiệm của sự gắn kết mật thiết của những người yêu đang dần mất đi thì thay vào đó là những kinh nghiệm sâu buồn của sự chia cách. Đó là cảm thức về kinh nghiệm của sự âu sầu và đau khổ của sự chia cách. Tuy nhiên điều này vẫn chưa nhất thiết là sâu khổ. Thậm chí kinh nghiệm này có thể là một loại của an ủi nơi một người có ý thức mạnh mẽ trong việc kết hợp gần gũi hơn với người yêu, họ đón nhận một nỗi buồn chóng qua để rồi thay vào đó là sự ngọt ngào, hơi ấm, sự nhẹ nhàng và sự khóa lấp sâu thẳm, trong một số kinh nghiệm trưởng thành về tình yêu. Thực tế rằng người nào đó không có khát vọng ngọt ngào và đau thương trong tình yêu thì dường như đánh mất chính tình yêu.

Trong đời sống thiêng liêng, việc mong đợi để có kinh nghiệm gặp gỡ Thiên Chúa thì cũng như vậy. Để tránh cảm giác của sự chia cách và để yêu Chúa thì sẵn lòng chịu cực khổ về thể lý và cả đến cái chết để được kết hiệp đầy đủ và mật thiết với Thiên Chúa. Mặt khác, nếu sự kết hiệp hoàn hảo đó không có được bây giờ, thì tốt nhất là sự kết hợp được thiết lập bởi sự khao khát yêu thương với hi vọng phải có sự khao khát để có được tình yêu như thế. Dù cho tất cả những nỗi đau khổ của một sự khao khát yêu thương như thế, không có nó và một sự kết hợp không hoàn toàn mà nó tạo nên sẽ làm cho người yêu một cảm giác như là chết, điều này gây khó chịu

ngay cả trong tư tưởng. Chính là khi những nền tảng đích thực của niềm hy vọng sự hiệp nhất được mong chờ lại lu mờ; chính là khi niềm hy vọng dường như là không tương xứng với cái tội tội lỗi; khi mà tất cả những trợ giúp khởi đi từ cảm xúc đều tan biến, thì những người yêu Chúa có thể cảm nghiệm sâu khổ, buồn sầu, không có ngọt ngào, thiếu vắng bình an, sự chua xót mà điều này dường như là một báo trước về cái chết đã bắt đầu. Với những suy tư này, chúng ta hãy quay lại phần mô tả của thánh I-nhã để hiểu yếu tố chính yếu và bao trùm tất cả trong cơn sầu khổ thiêng liêng, khi một người “nhận thấy... như thể xa lìa Thiên Chúa”.

Sâu Khổ Thiêng Liêng như là Một Kinh Nghiệm Đức Tin của Người Ki-tô Hữu Trưởng Thành

Một lần nữa chúng ta phải quay về mối quan hệ tương phản giữa an ủi và sâu khổ thiêng liêng. Hãy nhớ lại một vài đặc điểm của an ủi thiêng liêng. Đó là một kinh nghiệm đặt Chúa là tâm điểm nơi một người với đức tin sống động. Xa hơn nữa, đó còn là kinh nghiệm quy Thiên Chúa mà trong đó người này cảm nhận được sự hiện hữu yêu thương của Thiên Chúa, cảm thấy mình hiện diện yêu thương đối với Thiên Chúa hằng hữu thương yêu. Tóm lại đó là kinh nghiệm đầy cảm xúc có ý thức về sự hiệp thông yêu thương với Thiên Chúa.⁹⁷ Sâu khổ thiêng liêng thì trái với những điều này, nó không đơn thuần là một kinh nghiệm phi tôn giáo tính, một kinh nghiệm không xem Thiên Chúa như là tâm điểm của đời sống (Điều đó có lẽ mâu thuẫn với an ủi thiêng liêng, đó không phải là tương phản). Sâu khổ thiêng liêng cũng là một kinh nghiệm đặt Chúa làm trung tâm của một hình thức tương phản. Thực ra, đó cũng là kinh nghiệm đặt Chúa làm trung

⁹⁷ Ibid., pp. 185-198, phân tích mô tả về hiệp thông tình yêu.

Chương 6: Mô tả Con Sâu Khổ Thiêng Liêng

tâm như là kinh nghiệm an ủi thiêng liêng; ở đây chỉ là việc Thiên Chúa dường như vắng bóng, dường như Thiên Chúa không còn yêu tôi, nơi Thiên Chúa – nơi tôi cảm nhận được lòng yêu thương nhưng nay tôi cảm thấy bị chia cắt, bị bỏ rơi. Bởi vì đối với người tiến bộ thiêng liêng thì Thiên Chúa là tâm điểm của đời sống người ấy, cho đến khi nào người ấy vẫn tiến tới trên đường thiêng liêng, thì rõ ràng sự xa lìa Thiên Chúa đem đến một cảm thức trống vắng buồn đau, cảm thức cô đơn đau xót, trong chiều kích thiêng liêng của của riêng người ấy, nơi đó thái độ căn bản và động lực thúc đẩy chi phối đời sống người ấy là hướng về Thiên Chúa. Cảm giác xa lìa Thiên Chúa khiến cho anh cảm thấy thất vọng tột độ, mất can đảm, đau khổ, có khuynh hướng tuyệt vọng. Chỉ đến khi người này ý thức đời sống mình có Thiên Chúa là trung tâm hoặc hướng về với Ngài thì cảm giác xa lìa Thiên Chúa sẽ sinh ra sự sâu khổ thiêng liêng. Nhưng ý thức về sự kết hiệp với Thiên Chúa của anh càng mạnh mẽ, thì cảm giác xa lìa Thiên Chúa sẽ làm tràn ngập một cảm thức sâu khổ càng nhiều và rõ ràng hơn.

Sâu khổ bắt nguồn từ đức tin thì sâu khổ thiêng liêng không chỉ là kinh nghiệm đặt Chúa làm trọng tâm, mà nó còn là một kinh nghiệm của đức tin! Lời phát biểu và việc giải thích này đan xen với những gì vừa mới được bàn tới về một kinh nghiệm đặt Chúa làm trọng tâm, nhưng tiến xa hơn, dường như có mâu thuẫn lớn tới những gì chúng ta đang phát biểu, bằng cách khẳng định rằng sâu khổ nói riêng có nền tảng nơi đức tin. Việc giải quyết vấn đề này sinh ở đây sẽ giúp chúng ta làm sáng tỏ một vài điều hết sức quan trọng cho việc hiểu trọn vẹn kinh nghiệm này. Thứ vậy, điểm mà ta cần làm sáng tỏ quan trọng đến nỗi nếu chúng ta bỏ lỡ, thì chúng ta có thể kết thúc với việc gán cái vô nghĩa cho thánh I-nhã và ta nắm một mô lý thuyết mà trong thực hành nó có thể gây ra bối

rối, đau đớn và nguy hại không thể diễn tả được. Nói cách khác, việc hiểu biết quan điểm này có thể là nguồn mạch của sự can đảm và sức mạnh để chống lại và chinh phục cơn sầu khổ. Việc lặp đi lặp lại có lẽ gây mệt mỏi nhưng là một cái giá hời để làm cho điểm này được rõ ràng hơn.

Riêng đối với một người có đức tin sống động, đức tin mà hoạt động qua đức mến thì có thể cảm nghiệm sâu khổ. Hơn nữa, một người như thế này có kinh nghiệm sâu khổ thiêng liêng như vậy duy chỉ trong chiều kích về niềm tin sống động của mình, điều này cho thấy sự bày tỏ thiết yếu về lòng khao khát tiến từ điều tốt đến điều tốt hơn trong đàng phục vụ Thiên Chúa. Cảm giác xa lìa Thiên Chúa càng đau đớn tột độ bao nhiêu thì niềm tin và lòng mến đích thực ẩn tàng dưới tất cả bóng tối, bối rối và bất an cũng càng mạnh mẽ bấy nhiêu. Mặc dù niềm tin và tình yêu không có sự nồng ấm, ngọt ngào và những thú tương tự trong thời gian sầu khổ, tuy nhiên, niềm tin và tình yêu này thật mạnh mẽ, bởi vì nếu không thì sẽ không có cảm giác sâu khổ về việc xa lìa Thiên Chúa. Còn đối với một người mà Thiên Chúa không phải là một thực tại hấp dẫn, yêu thương và sống động thì anh không thể cảm nhận sâu khổ thiêng liêng khi xa lìa Thiên Chúa.

Xin hãy tưởng tượng một người có chút ít niềm tin nhưng không phải là niềm tin sống động, đối với anh Thiên Chúa chẳng có giá trị đặc biệt hoặc chẳng đáng quan tâm; con tim của anh không có chút gì may mắn tiến từ điều tốt đến điều tốt hơn trong việc phục vụ Thiên Chúa. Đối với một người như thế, ý thức về việc xa lìa Thiên Chúa chẳng gây lên cảm thức sâu khổ nào trong đời sống của họ. Người mà có niềm tin và đã đánh mất nó và rồi nhìn lại nó như một sự lừa phỉnh (illusion) thì có lẽ hối tiếc sự mất mát này nhiều như thế anh hối tiếc sự đánh mất của thời niên thiếu mà đã cho anh một

Chương 6: Mô tả Con Sâu Khổ Thiêng Liêng

cảm giác an toàn và vui thú. Nhưng hiện tại anh sẽ không nghiệm thấy một cảm thức đau đớn của sự chia cắt với Thiên Chúa yêu thương; cũng chẳng hơn gì bây giờ anh cảm thấy một chia lìa đau thương với những ông tiên hay với ông già giảng sinh mà trước đây anh đã có khi còn là một đứa trẻ.

Đối với một vài người khác, một quan sát viên có đời sống đức tin đang tiên tri thấy rằng, bất cứ ai không có đức tin và đức mến có lẽ xuất hiện như một người sâu khổ, nhưng hạng người thứ hai không có đức mến thì không có kinh nghiệm sâu khổ như vậy.

Dĩ nhiên, người quan sát phát biểu điều đó từ một góc nhìn theo quan điểm tôn giáo. Người không có đức tin thì sâu khổ trong một cách thức mà tương tự như ta nói rằng một khung cảnh hoang tàn hay một thành phố bị đánh bom là sâu khổ. Nhưng chúng ta sẽ không đề cập đến kinh nghiệm của người thứ hai nữa. Chúng ta đi rất xa mục đích của thánh Inh về những thứ được mô tả khi người đó kinh nghiệm về chúng, vì chúng ta cần phải đi vào phần mô tả hữu thể học tôn giáo.

Điểm nhắm đang được thực hiện có thể được củng cố bằng cách chú tâm vào một vài yếu tố khác, mà thánh I-nhã đã lưu ý đến như là những cội nguồn hay những hệ quả của sâu khổ thiêng liêng. Bàn vào những điều mà thánh I-nhã đề cập như thấp hèn, phù phiếm, gây sao nhãng thì không được xem như nguyên do gây nên nỗi buồn cho một người đánh mất niềm tin vào Thiên Chúa, hoặc thậm chí cho một Ki-tô hữu đang sa sút nghiêm trọng. Đây cũng thực là những gì mà thánh I-nhã cho là cảm dỗ, sự nghiêng chiều về những hành vi tội lỗi. Cho đến khi những khuynh hướng thiêng liêng đối nghịch nơi đời sống của một người được nổi bật lên, thì những khao khát này thậm chí sẽ rất hoan lạc trong việc phấn

khích mang đến tinh thần nhiệt tâm với đời. Một người như thế không thấy được sự nguy hiểm của sự suy đồi của đức tin, cậy, mến là nguyên nhân đưa tới sự bối rối, buồn chán nơi anh. Anh chẳng lưu tâm nhiều đến tình trạng của đức tin, cậy, mến nơi anh, và anh chẳng cảm thấy sâu khổ nhiều khi anh nhận ra sự sa đà xuống dốc của ba nhân đức này. Những yếu tố này không đi ngược với thái độ sống căn bản hay động lực chính trong cuộc sống người đó. Tại sao những yếu tố đó làm cho người này có kinh nghiệm sâu khổ?

Khi anh đánh mất sự quan tâm đến những gì anh đang làm hoặc thất bại trong kế hoạch của anh, thì anh sẽ có kinh nghiệm về những hình thức khác của sâu khổ hơn là sâu khổ thiêng liêng, sự thất vọng, trống trải, vô nghĩa. Có lẽ anh có kinh nghiệm lương tâm cắn rứt khi Thánh Thần kêu gọi anh hối cải. Nếu một ai muốn gọi đó là sâu khổ thiêng liêng (I-nhã không cho nó là điều rõ ràng). Nó vẫn đúng rằng sự sâu khổ như thế được kinh nghiệm một cách rõ ràng khi người này được Chúa Thánh Thần tác động đến một kinh nghiệm thiêng liêng về đức tin; và điều này vẫn đúng rằng tội anh càng nhiều, thì anh càng lãnh nhận ít những thúc đẩy khởi đi từ Chúa Thánh Thần.

Nguyên Do Kép của Sâu Khổ Thiêng Liêng: Thiêng Liêng và Thiêng Liêng Đối Nghịch

Sau khi hiểu rằng sâu khổ thiêng liêng, theo một ý nghĩa nào đó, là một kinh nghiệm đức tin, và sau khi sử dụng lối phân tích về cấu trúc căn bản của bất kì sâu khổ nào, chúng ta giờ đây sẵn sàng trả lời câu hỏi được nêu ra trước kia cho đến khi nghiên cứu phần mô tả của thánh I-nhã về sâu khổ. Vấn đề là: làm sao một kinh nghiệm đối nghịch với an ủi thiêng liêng, nghịch cả về an ủi lẫn thiêng liêng, lại được gọi là sâu khổ

Chương 6: Mô tả Con Sâu Khổ Thiêng Liêng

thiêng liêng thay vì sâu khổ thiêng liêng đối nghịch? Cách chung kinh nghiệm này được thúc đẩy bởi thần dữ và những khuynh hướng thiêng liêng đối nghịch trong con người đó; nó bắt nguồn cách chủ động và nhanh chóng trong những thúc đẩy thiêng liêng đối nghịch mà điều này có khuynh hướng phá hủy đức tin, cậy, mến là công trình kiến tạo của Chúa Thánh Thần.

Sâu khổ này có thể được gọi là thiêng liêng nếu theo thuật ngữ mà thánh I-nhã đã cho thấy: sự thúc đẩy bởi một vài thần, tốt hoặc xấu. Cách thức vượt quá sự khó khăn đó dường như là một sự né tránh, việc gán cho hạn từ “thiêng liêng” một ý nghĩa không có nơi đâu khác trong bản văn của thánh I-nhã và có lẽ sẽ đưa tới những hệ quả khác thường nếu thuật ngữ này được dùng một cách nhất quán. Vì tính thống nhất, nên thánh I-nhã sẽ phải đề cập tới một hạng người trong quy tắc I:1 : một người sa vào hết tội này đến tội khác dưới sự ảnh hưởng của thần dữ xét như một người thiêng liêng. Anh được mời gọi xúi quẩy đến những “vui thích xác thịt và những vui thú giác quan” và hơn thế nữa.

Tuy nhiên khi chúng ta nhớ lại sự khác biệt giữa sâu khổ nói riêng và các hệ quả hay cội nguồn chủ thể tức thời của nó, và đồng thời với sự khác biệt này, khi chúng ta nhớ lại cách làm thế nào mà thánh I-nhã gọi sâu khổ thiêng liêng là một một kinh nghiệm niềm tin, theo một số nghĩa đích thực nào đó, rồi chúng ta có thể thấy rằng sự sâu khổ này xét một khía cạnh là một kinh nghiệm thiêng liêng đích thực, thậm chí dưới một khía cạnh khác nó là một kinh nghiệm thiêng liêng đối nghịch. Nó có một nguyên do chủ thể kép: (1) những thúc đẩy thiêng liêng đối nghịch. (2) những thúc đẩy thiêng liêng của đức tin sống động, bởi lý do này mà chủ thể có những cảm xúc sâu khổ trong những thúc đẩy thiêng liêng đối nghịch.

Những Tư Tưởng từ An Ủi và Sầu Khổ

Sau khi ngài hoàn tất việc mô tả những thành phần tác động trong sầu khổ thiêng liêng, mà những thành phần này đưa tới một cao điểm “như thể xa lìa Đấng tạo hoá và Chúa chúng ta”, thánh I-nhã thêm vào: “vì như6 an ủi trái ngược với sầu khổ thế nào, thì các tư tưởng phát xuất từ sầu khổ cũng trái ngược với các tư tưởng phát sinh từ sầu khổ như vậy”. Tại sao Ngài lại bắt đầu câu này với từ “vì”? Thánh I-nhã đã nói gì trong đoạn trước đó mà câu này đưa ra một nguyên do? Hãy nhớ rằng, việc ta nhận thấy mình lười biếng, khô khan, buồn sầu và như thể xa lìa Đấng tạo hoá và Thiên Chúa chúng ta có liên quan không chỉ cảm xúc mà còn những tư tưởng đến chính bản thân ta trong mối liên hệ với Thiên Chúa, với những luồng tư tưởng phát sinh do cảm xúc xa lìa và hòa hợp với cảm thức này. Nên nhớ rằng chúng ta có thể hiểu câu sau cùng của thánh I-nhã như là một lời giải thích tức thời cho câu trước về một vài cảm xúc và tư tưởng cụ thể trong cơn sầu khổ trong việc khái quát hoá về tất cả những tư tưởng mà nổi lên dưới sự ảnh hưởng của an ủi hoặc sầu khổ thiêng liêng.

Trong an ủi thiêng liêng những cảm nhận cảm xúc của chúng ta phát sinh và chúng lại hòa hợp với những chân lý đức tin: rằng Thiên Chúa yêu ta, rằng chúng ta có những nền tảng vững chắc cho sự hy vọng, cho bình an, cho niềm vui, rằng Thiên Chúa thì rất gần và cho dù có những sự dữ đi nữa, thì tất cả đều được gìn giữ an toàn dưới sự quan phòng yêu thương mạnh mẽ khôn ngoan của Thiên Chúa. Những cảm xúc này, đến lượt mình lại dễ dàng hướng chúng ta đến sự hòa hợp với đức tin; những tư tưởng phát sinh từ an ủi, hệ quả của nó là những tư tưởng hoàn toàn phù hợp với chân lý thì hình thành nên an ủi thiêng liêng.

Chương 6: Mô tả Con Sầu Khổ Thiêng Liêng

Sự thật rằng, phát sinh từ cái tội vị kỷ, an ủi thiêng liêng cũng có sự nguy hiểm cho việc nảy sinh những tư tưởng không đúng, không phải vì an ủi thiêng liêng tự bản chất nó có những khuynh hướng như thế nhưng nó là một cơ hội để cái tôi của ta có dịp khẳng định mình. Tuy nhiên, ngay cả sự giả dối có thể xuất hiện nơi tư tưởng của ta trong lúc an ủi thiêng liêng là sự đối lập với sự giả dối trong con sầu khổ bày ra, sự thật được nảy sinh bởi con sầu khổ thì cũng trái ngược như vậy. Trong an ủi chúng ta thường quá tin vào khả năng của mình, đến nỗi không nhận ra sự bất lực của mình và chúng ta dễ gạt bỏ sự nâng đỡ và sự ban phát những món quà từ Thiên Chúa. Chúng ta có thể nhận ra mình tốt lành hơn thậm chí xem thường người khác không có kinh nghiệm được an ủi và họ là những người yếu đuối, dễ bị cám dỗ đánh mất lòng can đảm. Chúng ta có thể tự cho rằng chúng ta chẳng bao giờ bị sụp đổ, thất vọng, mất can đảm một lần nào nữa; chúng ta là những môn đệ trung thành theo Đức Giê-su đây kiên vững như Phêrô: “ dù tất cả có vấp ngã đi nữa, thì con cũng nhất định là không... đầu có phải chết với Thầy con cũng không chối Thầy” Tất cả các môn đệ cũng đều nói như vậy. (Mc 14: 30-31). Chúng ta sẽ thấy thánh I-nhã cảnh báo cho chúng ta về những tư tưởng giả dối và những tư tưởng nguy hại này trong bộ quy tắc I: 9-11.

Trái lại, trong sầu khổ thiêng liêng những tư tưởng chân thật về sự yếu đuối và sự lệ thuộc hoàn toàn vào Thiên Chúa nơi chúng ta là điều tất yếu (inescapable) (I: 9). Tuy nhiên những tư tưởng giả dối cũng như vậy. Chúng không phải là những suy xét thiết thực và không rõ ràng; những tư tưởng nào mà thường ít nhiều gây nguy hại cho việc hình thành những suy xét, nhưng nếu chúng ta chùn bước trước sức mạnh giả tạo của những khuấy động trong sầu khổ thì nó bắt đầu đưa ta đi trên con đường hướng tới ngò vực và sự tuyệt

vọng. Những cảm nhận của chúng ta như vậy thì thật phải lẽ nếu Thiên Chúa thực sự biến mất hoặc ngài hiện diện nhưng không có tình yêu nhân từ. Hệ quả của những tư tưởng nơi chúng ta thì ít nhất là sự lãng quên về những gì chúng ta đã xác tín một cách dễ dàng và mạnh mẽ trong suốt thời gian an ủi, và vượt cả trên sự lãng quên này là có sự phủ nhận ngầm ngấm về sự hiện diện của Thiên Chúa, tình yêu, chân lý, lòng trung thành, quyền năng của Ngài. Những tư tưởng ngầm ngấm này thường được phủ dơi sự minh bạch, cường điệu về sự bất xứng của chính chúng ta. Tư tưởng đó tiếp tục diễn tiến và cho rằng tình yêu của Thiên Chúa thì không vươn tới được (bằng một ẩn ý rằng ta bất xứng) hoặc vượt ra khỏi sự tha thứ của Ngài. (mà bằng một ẩn ý – bị giới hạn) Nó là những tư tưởng vô bổ của ta và nó làm cho ta vượt khỏi việc hướng tới tình yêu của Thiên Chúa, hoặc vượt khỏi sự tha thứ của Ngài. Hoặc chúng ta nghĩ rằng Thiên Chúa không nhớ đến chúng ta – Chúng ta là ai mà Ngài phải nhớ đến? (Như thế ngụ ý là Thiên Chúa cũng giới hạn trong khả năng quan tâm đến chúng ta, hay Thiên Chúa không trung tín trong tình yêu)

Nếu toàn bộ đặc tính đối trá của những ngầm ngấm này được khám phá ra bởi người trong sâu khổ, thì những ngầm ngấm khác hiển nhiên ít đi nhưng sẽ có những tư tưởng giả dối trung dung khác nảy sinh. Một đời sống chỉ hướng tới sự ngợi khen và sự phục vụ Thiên Chúa, một đời sống cần đến sự hi sinh rất lớn của một tâm hồn, thì dường như vượt quá khả năng của con người. Chúng ta nghĩ rằng chúng ta không có ân huệ từ Thiên Chúa để sống đời sống này. Hầu hết những người khác nghĩ rằng lối sống này là gốc ghêch. Chúng ta là ai mà nghĩ rằng chúng ta biết nhiều hơn về Người? Và vì vậy những tư tưởng này tiếp tục diễn ra. Cũng theo những cách thức như thế này những tư tưởng bắt nguồn từ sâu khổ thì sẽ

Chương 6: Mô tả Con Sâu Khổ Thiêng Liêng

mang những dấu tích của Sa-tan: sự lừa phỉnh dẫn tới sự mất can đảm, với một ý định để từ bỏ con đường đang đi, để đi từ điều tốt đến tốt hơn, từ vinh quang đến vinh quang tiến lên vì khi trong thánh thần chúng ta được biến đổi để trở nên giống Đức Giê-su Ki-tô (2Cr 2,18).

Tổng kết: Những Nhân Tố Trong Cấu Trúc Năng Động (dynamic structure) Của Sâu Khổ Thiêng Liêng

Tóm kết lại tất cả những điều được rút ra từ những mô tả của thánh Inhã về sâu khổ thiêng liêng, chúng ta cũng nhận thấy rằng sự sâu khổ xét theo ý nghĩa riêng biệt của từ ngữ, những cảm xúc, thì sâu khổ được hình thành bởi 4 yếu tố trong những mối tương quan sinh động. Hai trong 4 là thiêng liêng và xung đột với hai yếu tố khác là thiêng liêng đối nghịch. (1) Chúa Thánh Thần (2) thực tại hóa niềm tin sống động nơi bản vị con người, dưới sức mạnh của đức tin mà người đó hướng tới và lớn lên trong sự tự do đối với tội, để đi từ điều tốt đến điều tốt hơn trong việc phụng sự Thiên Chúa, để có kinh nghiệm tình yêu của Thiên Chúa trong Đức Ki-tô, để biết Đức Giê-su và yêu Ngài và theo Ngài một cách đầy đủ hơn. Hai yếu tố thiêng liêng đối nghịch đối chọi với hai yếu tố thiêng liêng này. (3) Thần dữ, hoặc đơn giản là sức mạnh của quyền lực tội lỗi trong con người, (4) ục những tư tưởng xúi bẩy và những cảm nhận và hành vi cảm tính mà trái ngược với những điều theo niềm tin sống động phát sinh. Những chuyển động từ thần dữ hay do tội riêng người đó thì rất đa dạng ở mọi hình thức và mức độ, nhưng ở mức độ nào đó đưa đến khuynh hướng đánh mất niềm tin tưởng vào tình yêu và sự quan phòng của Thiên Chúa. Như vậy, qua những mức độ mất can đảm, chúng có khuynh hướng làm cho người đó chẳng bao giờ có hy vọng đạt đến được mục đích mà được phát xuất từ niềm tin sống động. Khi những chuyển động

thiên liêng đối nghịch này khống chế một vài lãnh vực của đời sống ý thức mà những cảm xúc bình an, vui tươi khơi nguồn từ đức tin sống động bị chặn lại hoặc bị nhấn chìm bởi những cảm xúc bối rối, sự buồn phiền và mất can đảm liên can đến đời sống đức tin; khi ấy người này nghiệm thấy sự sầu khổ thiên liêng. Một người có niềm tin, cậy, mến, chỉ có sự sầu khổ nổi lên từ những chuyển động bên trong đi ngược lại với đức tin, cậy, mến mới là sầu khổ thiên liêng. Có lẽ chúng ta sử dụng thuật ngữ sau trong ý nghĩa hạn hẹp vì chúng ta chỉ đề cập tới những cảm xúc sầu khổ khác biệt giữa thiên liêng và thiên liêng đối nghịch, giữa đối tượng và chủ thể, là những nguồn đưa tới cảm xúc này. Tuy nhiên, những nguồn này là những thành phần trong cấu trúc thiết yếu hình thành nên toàn bộ kinh nghiệm này, và thuật ngữ “sầu khổ thiên liêng” có thể được dùng để chỉ toàn bộ kinh nghiệm này xét theo nghĩa rộng hơn.

PHẦN III

THẦN LÀNH TRONG THỜI GIAN SÂU KHỔ

Quy Tắc I : 5 -14

Chương 7:
**NHẬN ĐỊNH VÀ ĐÁP TRẢ THÁNH THẦN TRONG THỜI
GIAN SẦU KHỔ THIÊN LIÊNG: NHỮNG LỜI KHUYÊN
CƠ BẢN**

Bộ I, Quy tắc 5 và 6

Trong Bộ I : từ qui tắc 1 đến qui tắc 4, I-nhã đã phân biệt hai mẫu người trong tương quan của họ với Thiên Chúa, lần lượt đó là những người đang trưởng thành về đời sống thiêng liêng hoặc những người đang trên đà sa sút. Ngài đã nêu lên những dấu hiệu cơ bản để nhận định xem thần nào đang hoạt động trong mỗi mẫu người; và ngài đã mô tả một số chi tiết an ủi thiêng liêng và sầu khổ thiêng liêng như hai kinh nghiệm đối nghịch nhau. Hai kinh nghiệm này có tầm quan trọng đặc biệt đối với những Ki-tô hữu đang tiến tới.

Dựa vào đó, ngài tập trung sự chú ý đến những Ki-tô hữu đang tiến tới, đó là những người đang ngày càng nỗ lực để diệt trừ tội lỗi và đang tiến tới từ điều tốt đến điều tốt hơn trong việc phụng sự Thiên Chúa. Nói khác đi, để trình bày vấn đề này trong những thuật ngữ truyền thống của nền thần học thiêng liêng thông dụng vào thời của Inhã, trong Bộ I : từ qui tắc 5 đến qui tắc 14 và Bộ II : từ qui tắc 1 đến qui tắc 8, ngài đề cập đến những người đang “tiến bộ - advancing” (*proficientes in Summa Theologiae, II - II, Q.24, a.9*) trong chặng “Quang minh” hoặc giai đoạn tăng trưởng hoặc giai đoạn “đời sống” (*vida illuminativa* trong Lt [10]), bằng việc nhiệt thành theo đuổi các đức hạnh Ki-tô giáo, đặc biệt như được minh họa trong Đức Ki-tô.⁹⁸ Đối với những người này, một cách tự nhiên, thần

Chương 7: Đáp trả tiếng Chúa trong sâu khổ thiêng liêng

lành sẽ đem đến những lẽ phải và những chuyển động, chính những điều này sẽ khuyến khích họ, và thần dữ là cha những sự dối trá sẽ đem đến những tư tưởng và những chuyển động khiến họ nản lòng hoặc đánh lừa họ. Tất cả các Quy tắc nhận định thần loại còn lại nhằm để giúp người đang tiến tới đời sống thiêng liêng trưởng thành để phân định thần lành với thần dữ, và đặc biệt sau đó để bảo vệ mình chống lại các cám dỗ và lừa phỉnh của thần dữ.

Về ba con đường hoặc ba giai đoạn của trưởng thành thiêng liêng, xem Thánh Tôma, *Tổng Luận Thần Học*, II-II, Q.24,a.9;E. Cayré, trans. H. Howitt, *Manual of Patrology* (Tournai: Desclée & Co., 1935), I, 21; II, 521; A. Tanquerey, S.S., trans. H. Branderis, *The Spiritual Life* (Tournai: Desclée & Co., 1930), các trang 171-172, 297-303, 454-460; J. de Guibert, S.J., trans. P. Barrett, *The Theology of the Spiritual Life* (New York: Sheed and Ward, 1953), các trang 265-291.

Với những Ki-tô hữu đang trên đà sa sút, và cả cho những người ở tình trạng tĩnh lặng hay thờ ơ lãnh đạm, các quy tắc còn lại (I : 5-14 và II : 1-8) sẽ ít có liên quan cho đến khi họ quy hướng về Thiên Chúa và khởi sự đời sống thiêng liêng trưởng thành. Vì trước khi đến đó, các vấn đề của họ và các cách giải quyết sẽ rất khác đối với các vấn đề của các Ki-tô hữu đang tiến tới đời sống thiêng liêng trưởng thành.

Với các Ki-tô hữu đang tiến tới, trong cái nhìn của thánh I-nhã, thách đố chung và cơ bản nhất họ thường gặp là sâu khổ thiêng liêng, với những cảm dỗ và sự lừa phỉnh của nó trong sâu khổ dẫn đến sự ngã lòng và đi ngược lại đường lối yêu mến và phụng sự Thiên Chúa trọn vẹn.

Những Bước Thực Hành cho Người Trong Sâu Khổ Thiêng Liêng

Các Quy tắc I: 5-14, là các quy tắc còn lại trong bộ nhân định thần loại I, nhằm khuyến khích và hướng dẫn các Ki-tô hữu đang tiến tới trong thời gian trải nghiệm về sự sâu khổ thiêng liêng này. Không có quy tắc nào trong số các quy tắc này đề cập đến việc nhận định an ủi hoặc sâu khổ thiêng liêng từ những yếu tố không thuộc phạm vi thiêng liêng. Cũng không có quy tắc nào bổ sung cho điều đã được nói đến trong việc nhận định các thần thông qua các an ủi và sâu khổ. Ở đây chỉ đề cập đến việc nhận định Thánh Thần Ánh Sáng (Holy Spirit of Light) luôn hiện diện cách yêu thương với chúng ta và hoạt động cách tích cực trong chúng ta ngay cả khi chúng ta thậm chí trong suốt thời gian tăm tối của sâu khổ. Ngài có thể ẩn mặt phần lớn trước cái nhìn tăm tối của chúng ta, nhưng thực tế Ngài luôn soi sáng trong cõi thâm sâu của ta và biểu hiện qua các dấu chỉ chắc chắn về sự hiện diện của Ngài cho những ai biết tìm kiếm. Và I-nhã chỉ cho chúng ta cách

Chương 7: Đáp trả tiếng Chúa trong sâu khổ thiêng liêng

luôn mở lòng ra với Thánh Thần và để cộng tác với Ngài trong khi bị sâu khổ, để chúng ta có thể chống lại và chiến thắng quyền lực tối tăm. Ngay cả điều được nói đến về an ủi thiêng liêng cũng là để chuẩn bị cho sự sâu khổ sau đó hoặc để ngăn ngừa sự sâu khổ đó.

Việc nhấn mạnh về kinh nghiệm của sâu khổ thiêng liêng không phải để đưa đến một sự ám ảnh về mặt tối tăm của cuộc sống. Điều này có thể gây ngạc nhiên đối với một người luôn sống trong vui vẻ nhất. Thực tế I-nhã không có ý nói rằng những quy tắc này nên được tuân thủ cho đến khi người nào đó kinh nghiệm về điều cần cho anh (LT9). Nhưng những quy tắc này được đề cập đến trong khuôn khổ của sách Linh Thao, ở đó, mục đích chính là dẫn đưa đến một kinh nghiệm hiểu biết thâm sâu về tình yêu cá vị của Thiên Chúa cho mỗi người, tình yêu đó được tỏ lộ trong mọi sự, cách đặc biệt nhất trong Đức Ki-tô, một sự hiểu biết có thể đem lại an ủi thiêng liêng. Tuy nhiên, I-nhã đã tinh tế nhận ra rằng “kẻ thù” và cái tội tội lỗi của ta đã ngăn cản chúng ta tiến đến việc hiểu biết như thế về Đức Ki-tô và đến niềm vui của tình yêu quảng đại thuần khiết đối với Ngài.

Những lúc gặp sâu khổ thiêng liêng không phải là những kinh nghiệm đỉnh điểm của đời sống Ki-tô hữu, nhưng chúng là những kinh nghiệm then chốt. Khi chúng ta được an ủi, chúng ta được tiến tới không cần nỗ lực. Nhưng trong lúc tối tăm và rõ ràng thấy vắng bóng Thiên Chúa, những cảm giác chán nản, rối loạn, bị thu hút tới những gì làm phiền lòng Thánh Thần, thiếu sức sống thiêng liêng ... trong những lúc đó, chúng ta phải chiến đấu để tin vào tình yêu của Thiên Chúa, để nhớ và mở lòng ra với Thánh Thần. Nếu chúng ta không học cách chiến đấu và chiến đấu cách thực sự, chúng ta sẽ không bao giờ trở nên người Ki-tô hữu trưởng thành.

Chúng ta cần hiểu Thánh Thần dùng những thời điểm này như thế nào để ta lớn lên trong Đức Ki-tô như thế nào. Chúng ta cần biết mong chờ điều gì từ Thánh Thần, nhận ra sự tác động của Ngài như thế nào trong khi không thấy dấu chỉ an ủi thiêng liêng, và cách chúng ta đáp trả thế nào để Ngài dẫn chúng ta đến sự bình an.

Những lời khuyên I-nhã đưa ra để hướng dẫn chúng ta đến sự bình an có thể được chia ra ba phần. Những Quy tắc I:5-9 và phần hai của quy tắc 11 cho ta biết phải làm gì hoặc không làm gì trong thời gian sâu khổ thiêng liêng. Quy tắc I:10 và phần một của quy tắc 11 cho ta biết phải làm gì trong thời gian an ủi thiêng liêng để chuẩn bị cho sâu khổ trong tương lai và để rút ra ích lợi từ lần gặp sâu khổ trước. Quy tắc I:12-14 mô tả nhiều đặc điểm về cách Sa-tan tấn công và rút ra các chỉ dẫn thực tế từ những kinh nghiệm này để chống lại ảnh hưởng của nó.

Những Quy tắc I: 5-9 về việc phải chiến đấu thế nào khi gặp sâu khổ thiêng liêng có thể được tóm kết lại trong hai chỉ dẫn tổng quát sau: (1) trong cơn sâu khổ, không nên thay đổi các quyết định hay kế hoạch đã có trong thời gian an ủi hoặc yên tĩnh trước đó, nhưng (2) nỗ lực thay đổi chính mình. Hoặc nói theo cách khác: (1) giữ nguyên những quyết định hoặc những quyết tâm trước khi gặp sâu khổ, chúng có vẻ hợp lý và đến từ Thánh Thần, và (2) chủ động tìm cách mở lòng ra với Thánh Thần để nhờ quyền năng của Ngài, bạn có thể chống trả hoặc vô hiệu hóa các ảnh hưởng xấu của sâu khổ và thậm chí loại trừ chúng.

Tuy nhiên, ngoài hai bước trong việc hành xử với sự sâu khổ thiêng liêng mà I-nhã đã rõ ràng nói đến và giả định trước cho mỗi bước, có một bước khác ngài đặt để cách âm tàng, có lẽ vì nó quá rõ ràng. Tuy nhiên, kinh nghiệm dường như chỉ ra

Chương 7: Đáp trả tiếng Chúa trong sâu khổ thiêng liêng

rằng sự quan trọng chính yếu của việc nhấn mạnh đến nó; vì, cho dù nó rất rõ ràng, nhưng trong kinh nghiệm thực tế nó thường và dễ bị bỏ quên – kết quả là người gặp sâu khổ thường không nhớ đến sự cần thiết của hai bước chúng ta đã nói tới. Chính bước đầu tiên để chống lại sâu khổ thiêng liêng là việc nhận ra về nó *một cách có phản tỉnh* và gọi tên *một cách rõ ràng* xem nó là gì.

Do đó có ba bước chính và ngay cả tối cần thiết để đối xử cách khôn ngoan và hữu hiệu đối với sâu khổ thiêng liêng: (1) nhận ra một cách có phản tỉnh (reflectively aware) về nó; (2) chống lại những thúc đẩy đến từ sâu khổ để thay đổi những quyết định trước đó về cách chúng ta yêu mến và phụng sự Thiên Chúa; và (3) thay đổi chúng ta trong những cách thể ngược lại với sâu khổ, bằng cách làm bất cứ điều gì để mở lòng chúng ta ra với quyền năng của Thánh Thần. Vì Ngài luôn hiện diện bên ta cách yêu thương và uy quyền trong khi gặp tối tăm thiêng liêng cũng như trong khi trong ánh sáng.

Bước Thứ Nhất : Nhận ra Một cách có Phản tỉnh về Sâu Khổ Thiêng Liêng

Chúng ta hãy cùng xem xét một cách rõ ràng hơn việc nhận ra một cách có phản tỉnh của sâu khổ thiêng liêng nghĩa là gì và điều quan trọng của sự nhận ra ấy là gì. Chúng ta có thể làm việc này bằng cách xem xét hai lý do cho bước này. Lý do thứ nhất là nếu thành công khi thực hiện bất cứ những gì I-nhã đề nghị trong những quy tắc này để hành xử trong sâu khổ sẽ có thể được dùng làm thước đo để ta nhận ra rõ ràng và chính xác rằng chúng ta không ở trong những trạng thái tiêu cực nào, nhưng là trong sâu khổ thiêng liêng, loại sâu khổ được nói đến trước đây trong Quy tắc 4, loại sâu khổ thiêng liêng đối kháng (anti - spiritual) trong nguồn gốc và trong

động lực. Nếu chúng ta không nhận ra cách có phản tỉnh những gì đang xảy đến trong chúng ta, trước khi chúng ta nhớ lại lời khuyên trong Quy tắc 5 và 6 thì chúng ta có thể lâm vào tình trạng hoàn toàn chán nản và phớt lờ; thậm chí chúng ta bị thúc đẩy đến những quyết định ngớ ngẩn và không thể cứu vãn được. Chúng ta có thể trong một cách thể tâm tối, bối rối ý thức rằng có sự sai lầm khủng khiếp, nhưng cũng không mang lại một kinh nghiệm rõ ràng và cũng không đủ tập trung để giúp chúng ta làm điều gì đó cho tình trạng ấy. Chúng ta sẽ trở nên giống như người bị đau bệnh nhưng chỉ mập mờ nhận ra triệu chứng và không thể làm gì được cho đến khi họ nhận ra rõ ràng triệu chứng mà được chẩn đoán là căn bệnh nào đó và cần một phương cách chữa trị nào đó.

Lý do thứ hai tại sao việc mau mắn nhận ra sâu khổ thiêng liêng lại quan trọng là vì chính việc nhận ra sâu khổ bắt đầu làm giảm sức mạnh thống trị của nó trong tư tưởng và hành động, và bắt đầu làm giảm cường độ của nó. Trước khi tôi suy gẫm và nhận ra rõ ràng tình trạng của tôi là gặp sâu khổ thiêng liêng, ý thức của tôi có thể bị và thường bị sâu khổ đó chiếm hữu hoàn toàn. Tôi trở nên hoặc có khuynh hướng trở nên hoàn toàn đồng nhất với tôi-trong-con-sâu-khổ. Kết quả là, tôi hoàn toàn không thể chống lại nó, không chỉ vì tôi không biết làm gì (lý do thứ nhất ở trên), nhưng còn vì tôi không có nền tảng trong ý thức của tôi về điều nào tôi có thể áp dụng để chống lại nó; nhưng qua việc phản tỉnh về con sâu khổ ấy, ý thức của tôi vượt trên con sâu khổ ấy và thoát khỏi tình trạng chìm ngập hoàn toàn trong đó.

Chúng ta cùng xem xét việc này tiến hành như thế nào. Bằng việc phản tỉnh về tình trạng sâu khổ của tôi, tôi tách tôi-trong-con-sâu-khổ và tôi-đang-phản-tỉnh-về-tôi-trong-con-sâu-khổ. Trong cách này tôi sẽ biến kinh nghiệm cụ thể về sâu

Chương 7: Đáp trả tiếng Chúa trong sâu khổ thiêng liêng

khổ (nguyên nhân, các cảm giác sâu khổ, và hậu quả) thành một đối tượng phân biệt với bản thân tôi là một ngôi vị, và giờ tôi nắm giữ cuộc sống của tôi qua khả năng phản tỉnh và nỗ lực kiểm soát chính tôi qua quyền tự do của tôi. Làm việc đó, tôi đã tạo lập được trong ý thức những khoảng không cho một điều gì đó bên cạnh con sâu khổ với các nguyên nhân và hậu quả của nó. Trong không gian đó, giờ tôi có thể thăm dò, kiểm soát ý hướng, lý do và ý định của tôi, và từ đó [tôi] tấn công, làm suy yếu và ngay cả triệt hạ các nguồn gốc gây sâu khổ.

Thực tế, tôi cho rằng chỉ đơn giản việc phản tỉnh để nhận ra sâu khổ thiêng liêng đã là yếu tố khởi đầu để làm suy yếu hoặc triệt hạ nó. Trong việc phản tỉnh, bất cứ điều nào tôi nhận ra cách trực tiếp gây nên hoặc tăng cường cho sự sâu khổ, thì sẽ trở nên trong một mức độ nào đó là một đối tượng duy nhất của việc phân tích phản tỉnh; và bằng cách đó sức mạnh của chúng trở nên vô hại. Tương tự, phản tỉnh về những phản ứng cảm tính của riêng tôi đối với nguyên nhân dường như làm suy yếu phản ứng ấy. Ở đây có sự tương đương với những gì có thể tiến hành trong khi được an ủi thiêng liêng. Giả định rằng tôi đang chiêm niệm về đẹp của Thiên Chúa tỏ lộ nơi Đức Ki-tô hoặc nơi một số người xinh đẹp nào đó và tôi kinh nghiệm được một sự đáp trả của tình yêu cháy bỏng, hân hoan đối với Thiên Chúa. Hoặc giả định rằng tôi đang kinh nghiệm được sự an bình và niềm vui trong việc hiểu về một số chân lý được mạc khải, ví dụ, Thân thể Mầu nhiệm Chúa Ki-tô. Bây giờ giả định tôi quay lại với chính tôi và nghĩ về chính tôi: để ý xem tôi đang được an ủi thiêng liêng to lớn dường bao, những cảm xúc của tôi sâu thẳm và mãnh liệt dường bao, xem mạc khải của Chúa ảnh hưởng tới tôi như thế nào. Ngay lập tức, vẻ đẹp hoặc sự thật phát sinh an ủi mất đi một cái gì đó, nếu không phải tất cả, trong sức mạnh của nó; ngay lập tức tình yêu, sự bình an, niềm vui giảm xuống. Đó là điều, tôi

nghĩ, được ám chỉ đến khi nói rằng chúng ta cầu nguyện tốt nhất khi chúng ta không biết chúng ta đang cầu nguyện. Điều tương tự cũng rõ ràng với sầu khổ và cảm dỗ phạm tội. Cũng vậy, là điều không tốt nhận ra một cách có phản tỉnh và có chủ ý về một phản ứng đáng ao ước, như là một an ủi thiêng liêng, trong khi việc đó đang thực sự xảy ra; thì lại là điều tốt khi nhận ra một cách có phản tỉnh và có chủ ý về một phản ứng không đáng ao ước trong khi nó đang thực sự xảy ra. Lý do thì giống nhau cho cả hai trường hợp: việc nhận ra cách có phản tỉnh thường phá hủy những phản ứng ấy.

Cuối cùng, khi nhận ra cách có phản tỉnh về kinh nghiệm ấy không chỉ là sầu khổ, mà còn là sầu khổ thiêng liêng, tôi nhận ra các nguồn gây ảnh hưởng xấu và đường như cá hậu quả xấu của chúng. Bao lâu tôi yêu mến Thiên Chúa và tìm kiếm vương quốc của Ngài, nhận thức này phát sinh một sự chê ghét có mục đích, sự chê ghét này là kết quả thiết yếu của đời sống nhân loại, đó là mặt tích cực của việc yêu mến Thiên Chúa và khao khát vương quốc của Ngài, vinh quang của Ngài. Trong việc kiểm chứng lòng yêu mến và khao khát đó, tôi chê ghét những cảm xúc nội tâm đối nghịch lại với lòng yêu mến Thiên Chúa và tha nhân. Tôi chê ghét những nguồn lực xúi bẩy, chính xác là những động lực gây ra những cảm xúc này, coi chúng như kẻ thù của nhân loại. Việc chê ghét này tạo nên sức mạnh và can đảm chống lại và chiến thắng sức mạnh của sự dữ khi chúng bị nhận ra.

Bước Thứ Hai: Chống Lại Việc Thay Đổi Các Quyết Định.

Khi đã nhận ra sầu khổ thiêng liêng và nêu đích danh nó, lời khuyên đầu tiên I-nhã đưa ra là: chống lại bất cứ gợi ý hoặc thúc đẩy nào do sầu khổ gây ra khiến ta thay đổi những ý

Chương 7: Đáp trả tiếng Chúa trong sâu khổ thiêng liêng

định trước đó. Lời khuyên này được nêu trong quy tắc thứ 5 cùng với lý do cho điều đó:

Trong thời gian sâu khổ [thiêng liêng] không nên thay đổi những ý định và quyết định đã có trước khi bị sâu khổ, hoặc quyết định đã hài lòng khi được an ủi trước đó. Trong thời gian này nên kiên định trong những quyết định đó. Vì như thần lành hướng dẫn và khuyên nhủ ta trong khi được an ủi [thiêng liêng], thần dữ cũng làm như vậy trong khi gặp sâu khổ [thiêng liêng] và theo lời khuyên của nó chúng ta không thể đưa ra một quyết định đúng đắn.

Có hai giải thích và một lời cảnh tỉnh để giúp chúng ta đọc quy tắc này cách chính xác. Ý nghĩa của một lời khuyên từ một thần lành hoặc thần dữ cần được chú thích; cũng vậy cần chú thích các quyết định Quy tắc đề cập tới là: không nên thay đổi trong khi gặp sâu khổ. Lời cảnh tỉnh đề cập đến nhiều kết luận sai trái mà độc giả có thể sẵn sàng rút ra từ quy tắc này nếu họ không quen với toàn bộ những gì I-nhã đề cập trong việc nhận định thần loại và nhận định thánh ý Thiên Chúa. Những kết luận này cần được chỉ ra và sửa chữa.

Thứ nhất, ý nghĩa của một lời khuyên từ thần lành hoặc thần dữ có thể được sáng tỏ nếu chúng ta nối kết quy tắc này với quy tắc trước đó, Quy tắc I:4 (Lt 317; xem thêm 314, 315, 329, 333). Nơi đó, ta nhận ra rằng tư sâu khổ thiêng liêng đem đến những tư tưởng đối nghịch với những tư tưởng do an ủi thiêng liêng đem đến. Giả định rằng trong đời sống một Ki-tô hữu đang tiến tới đời sống thiêng liêng trưởng thành, an ủi thiêng liêng đến từ Thánh Thần và sâu khổ thiêng liêng đến từ thần dữ, thì những tư tưởng do an ủi và sâu khổ đem đến có thể do các thần này thúc đẩy. Trong Quy tắc 5, điều này trở nên rõ ràng rằng những tư tưởng do an ủi thiêng liêng và sâu khổ thiêng liêng đem đến, và như thế đến từ thần lành và thần

dữ, có thể là những tư tưởng về những quyết định đã làm hoặc chưa làm, các kế hoạch hành động được thực hiện hay huỷ bỏ. Do đó, nếu tôi kinh nghiệm sự vắng bóng Thiên Chúa, những sầu buồn dẫn đến chán nản thiêng liêng, ngắn gọn là sầu khổ thiêng liêng. Tôi có thể nghiêng chiều về việc từ bỏ một công việc hoặc một cách sống trước đó tôi đã quyết định tiến hành cho Thiên Chúa. Vì ý tưởng từ bỏ công việc hoặc cách sống đó đến từ sầu khổ thiêng liêng, điều đó cho thấy nó do thần dữ đem đến chứ không do Thánh Thần. Không nên chấp nhận hoặc ngay cả xem xét những ý tưởng đó cho đến khi tôi được an ủi thiêng liêng trở lại hoặc ít nhất trong thời gian yên tĩnh thiêng liêng. Một khi sầu khổ đã qua, ý tưởng thay đổi quyết định của tôi dường như trở nên vô lý.

Chú thích thứ hai về Quy tắc thứ 5, liên quan đến các loại quyết định mà quy tắc này đề cập. Chắc chắn quy tắc này không nhằm nói rằng trong khi gặp sầu khổ thiêng liêng, không nên đưa ra một quyết định nào về bất cứ vấn đề gì. Nếu nghĩ như vậy sẽ khiến chúng ta trở nên bất động. Chúng ta nên phân biệt ba loại quyết định. Loại quyết định thứ nhất bao gồm những gì đụng chạm trực tiếp đến đời sống thiêng liêng của cá nhân cũng như cộng đoàn, hoặc công việc tông đồ, và chúng có thể thay đổi những chỉ dẫn đã có khi quyết định đúng đắn. Nếu bị thúc đẩy thay đổi những quyết định loại này trong khi gặp sầu khổ, ta nên kiên định và quyết liệt chống trả. Loại thứ hai là những gì phải quyết định trong khi gặp sầu khổ. Như chúng ta sẽ thấy, chúng ta phải quyết định một số điều liên quan đến việc chúng ta sẽ chống trả lại sự sầu khổ như thế nào, và những quyết định liên quan đến một số công việc hiện thời mà ta không thể trì hoãn được. Nhưng chúng ta phải lưu tâm không để cho sầu khổ giật dây. Loại thứ ba là những quyết định không làm thay đổi những gì đã có trước đó về đời sống thiêng liêng hay công việc tông đồ của

Chương 7: Đáp trả tiếng Chúa trong sâu khổ thiêng liêng

chúng ta và không cần phải quyết định ngay lúc này. Quy tắc chung áp dụng cho loại thứ ba này là không quyết định gì hết cho đến khi qua cơn sâu khổ. Chúng ta dễ có nguy cơ sa bẫy khi thần bóng tối tác động đến cảm xúc của chúng ta, và qua cảm xúc đến các ý nghĩ và khuynh hướng của ta.

Ngoài các giải thích trên, một cảnh báo được đưa ra cách rõ ràng liên quan đến các kết luận hợp lý từ những gì được nói đến trong Quy tắc I:5. Dường như câu rõ ràng nhất ám chỉ những kết luận này là: “cũng như thần lành hướng dẫn và khuyên nhủ ta trong khi được an ủi [thiên liêng], thần dữ cũng làm như vậy khi ta gặp sâu khổ [thiên liêng]. Một độc giả không có kinh nghiệm hiểu biết sâu rộng và thống nhất về các bản viết của I-nhã về nhận định thần loại và nhận định Thánh ý Thiên Chúa có thể dễ dàng đưa ra những kết luận sau: (1) Thánh Thần không khuyên nhủ ta ngoài thời gian được an ủi thiên liêng, và thần dữ không khuyên nhủ ta ngoài thời gian sâu khổ thiên liêng; (2) bất cứ lời khuyên nhủ nào đến với ta trong khi được an ủi thiên liêng chắc chắn đều đến từ Thánh Thần; (3) do đó, lời khuyên này chắc chắn mạc khải Thánh ý Thiên Chúa là gì. Không kết luận nào trong ba kết luận trên phù hợp với những chỉ dẫn thống nhất của thánh I-nhã. Chúng ta sẽ đề cập đến từng kết luận này.

(1) Về kết luận thứ nhất, nói rằng khi được an ủi thiên liêng thần lành tác động đến quá trình quyết định của ta và khi gặp sâu khổ thiên liêng thần dữ cũng tác động như vậy, không có nghĩa mỗi thần chỉ tác động đến ta trong thời gian được an ủi hay sâu khổ đó. Như chúng ta đã thấy và sẽ có cơ hội gặp lại, thần lành không chỉ khuyên nhủ ta trong khi ta được an ủi thiên liêng, nhưng cả khi yên tĩnh và ngay cả khi gặp sâu khổ thiên liêng; và thần dữ không chỉ khuyên nhủ ta trong khi ta gặp sâu khổ thiên liêng, nhưng cả khi yên tĩnh và

ngay cả khi được an ủi thiêng liêng (xem phần trên, trang 61 - 69 và dưới đây trang 177 - 178 - bản tiếng Anh). Có những dấu hiệu nền tảng và chắc chắn hơn là những cảm xúc của an ủi hoặc sầu khổ mà qua đó nguồn gốc của những lời khuyên này có thể được xem xét, ví dụ: sự thống nhất hoặc đối nghịch hiển nhiên của những lời khuyên cùng với những đòi hỏi rõ ràng về đức tin, đức cậy, đức mến, và sự khiêm nhường.

(2) Kết luận quý giá thứ hai từ Quy tắc 5 bỏ qua nhiều yếu tố quan trọng trong cách hiểu của I-nhã về việc nhận định các thần như thế nào. Kết luận đó bỏ qua điểm vừa mới đề cập ở phần trên, đó là thần dữ cũng có thể khuyên và thực sự khuyên ta trong khi ta được an ủi thiêng liêng. Kết luận đó cũng bỏ qua chỉ dẫn của I-nhã trong Quy tắc II: 3-5, đó là đôi khi thần dữ cũng đem đến an ủi để lấy cớ đánh lừa ta (Lt 331-333) (và xem dưới đây trang 222 - 243 - bản tiếng Anh). Nguyên tắc căn bản của I-nhã để nhận định các thần trong đời sống Ki-tô hữu đang tiến tới là nguyên tắc được nói đến trong Quy tắc I:5, đó là an ủi là dấu chỉ của thần lành, và sầu khổ là dấu chỉ của thần dữ. Tuy nhiên, nguyên tắc này phải được hiểu cùng với sự soi chiếu của các yếu tố khác, cụ thể những gì được nói đến trong Quy tắc II: 3-5. Do đó, thực tế một lời khuyên xảy đến trong khi được an ủi thiêng liêng mới chỉ xác định một quan niệm khởi đầu và ước đoán rằng lời khuyên đó đến từ Thánh Thần. Các bằng chứng xa hơn có thể lại ủng hộ cho quan niệm rằng an ủi và lời khuyên đó do thần dữ đưa đến.

(3) Kết luận thứ ba nêu trên dường như rõ ràng rút ra từ điều I-nhã nói đến trong Quy tắc I: 5 rằng một lời khuyên xảy đến trong khi được an ủi chắc chắn diễn tả điều Thiên Chúa muốn. Kết luận thứ ba này đã bị những lập luận trong kết luận thứ hai bác bỏ. Nhưng chúng ta cần đề cập nhiều hơn. Vì

Chương 7: Đáp trả tiếng Chúa trong sâu khổ thiêng liêng

một ai đó có thể nghĩ rằng nếu tất cả các chứng có minh chứng cho phán đoán rằng an ủi và lời khuyên này do Thánh Thần đem đến, thì người có được những an ủi và lời khuyên đó có thể tự tin cách chính đáng đã thấy điều Thiên Chúa muốn. Nhưng I-nhã hiếm khi hay chưa bao giờ dựa vào những kinh nghiệm này để minh chứng cho một phán đoán về Ý Chúa. Ngài nghĩ rằng một phán đoán như vậy đòi hỏi “nhiều ánh sáng và hiểu biết” nhận được qua các kinh nghiệm được đánh giá cẩn thận qua việc nhận định các thần (Lt 176, Nhật Ký Thiêng Liêng 1-40).

Một chú thích cuối cùng trong Quy tắc I: 5 là tâm quan trọng của quy tắc này và việc cần chú ý đến nó có thể ít được đánh giá cao. Bỏ quên quy tắc này trong một số vấn đề nhỏ bé, hoặc không áp dụng được khi nhớ đến, có thể dẫn đến sự rối rắm và phiền toái ngăn cản sự trưởng thành cá nhân trong đời sống Ki-tô hữu, và cũng mất thời gian và sức lực vào những đối tượng không liên quan đến công trình của Thiên Chúa trong thế giới này và thậm chí làm cản trở công trình đó. Bỏ quên quy tắc này trong các trường hợp quan trọng hơn có thể dẫn đến nguy hại trầm trọng. Trong khi gặp sâu khổ ta dễ quên các nguyên tắc hướng dẫn trong quy tắc này. Ngay cả những người hiểu rõ quy tắc này cũng bị như vậy. Có lẽ quá bảo thủ để nói rằng chín trong mười lần những lời khuyên thay đổi các quyết định về đời sống thiêng liêng hoặc việc tông đồ mà ta nghĩ đến trong khi gặp sâu khổ dường như ta không muốn hoặc thậm chí trở nên ngó ngàng khi con sâu khổ qua đi; và mười trong mười lần chúng ta sẽ vui mừng khi chúng ta đã chờ đợi và không phải sống với những hậu quả do một quyết định được đưa ra trong hoàn cảnh đời buộc phải cân nhắc quyết định đó.

Bước Thứ Ba: Thay Đổi Chính Mình Cách Mạnh Mẽ Trong những Cách thế ngược lại với Sầu Khổ Thiêng Liêng

Khi đã rõ ràng nhận ra sầu khổ thiêng liêng (trong bước thứ nhất), và khi người gặp sầu khổ đã được an toàn khỏi một quyết định thay đổi vội vàng (trong bước thứ hai), sau đó trong Quy tắc I: 6-9, I-nhã đưa ra cho người đó một số lời khuyên nên làm gì sau đó. Những lời khuyên này hình thành nên bước thứ ba để chống lại sầu khổ thiêng liêng. Các lời khuyên đó được tổng kết lại trong phần đầu của Quy tắc I: 6 trong một lời khuyên chung để thay đổi chính mình cách mạnh mẽ theo những cách ngược lại với những tư tưởng và cảm xúc mà là đặc tính của sầu khổ thiêng liêng. Quy tắc như sau:

Trong thời gian sầu khổ, chúng ta không được thay đổi các ý định trước đó, nhưng nên thay đổi chính mình cách mãnh liệt theo cách ngược lại với sầu khổ vừa nói tới, ví dụ cầu nguyện nhiều hơn, suy niệm nhiều hơn, và năng làm việc đền tội theo cách thích hợp.

Những cách thay đổi chính mình được nêu lên trong quy tắc này, như chúng ta sẽ thấy, được nói thêm trong ba quy tắc sau đó, Quy tắc I: 7-9.

Hai Nguyên Tắc Cơ Bản làm nền tảng cho Bước Thứ Ba.

Tuy nhiên, trước hết, chúng ta cần xem xét hai nguyên tắc làm nền tảng cho Quy tắc I:6, hai nguyên tắc này có tầm quan trọng lớn trong linh đạo I-nhã. Chúng ta gọi chúng là (1) nguyên tắc tín thác-và-hành động, và (2) nguyên tắc làm ngược lại (counterattack). Đối với những mục đích hiện tại chúng có thể diễn giải như sau. Nguyên tắc thứ nhất: tín thác vào Thiên Chúa và cầu nguyện để mọi sự tùy thuộc vào chỉ một mình Ngài (hành động của bạn coi như không) ; và hành

Chương 7: Đáp trả tiếng Chúa trong sâu khổ thiêng liêng

động như thể mọi sự chỉ tùy thuộc vào nỗ lực cá nhân của bạn. Nguyên tắc thứ hai: khi các động lực tiêu cực tấn công bạn về đời sống thiêng liêng, hãy làm ngược lại. Bước thứ ba để chống trả lại sâu khổ chỉ là việc áp dụng nguyên tắc thứ hai này vào loại động lực tiêu cực cụ thể nào đó, cụ thể là sâu khổ thiêng liêng. Chúng ta cùng xem xét kỹ hơn hai nguyên tắc này sau bước thứ ba.

1. Nguyên Tắc Tín Thác – và – Hành Động

I-nhã luôn luôn nhấn mạnh yếu tố quan trọng trước nhất⁹⁹ đối với hoạt động của Thiên Chúa và bất cứ điều gì giúp liên kết chúng ta với Thiên Chúa và mở lòng chúng ta với các tác động của Ngài để trở nên khí cụ của quyền năng yêu thương và thông thái của Ngài cách hoàn hảo hơn. Tuy nhiên, I-nhã cũng đánh giá cao các tài năng tự nhiên và các nỗ lực nhân loại vì chúng do Thiên Chúa ban tặng, và do tác động của Thiên Chúa trong chúng ta, cả mục đích và sức mạnh của những tài năng đó cũng nhằm giúp chúng ta đạt đến mục đích của chúng. Nguyên tắc hai mặt tín thác-và-hành động xuất phát từ tương quan trong mỗi liên hệ giữa con người với

⁹⁹ Việc lệ thuộc trước hết vào Thiên Chúa và cầu nguyện xuất hiện xuyên suốt trong các bản viết của thánh I-nhã ở mọi bối cảnh. Đối với một số tuyên bố về điểm này, xin xem *The Constitutions of the Society of Jesus* (Trans. by George E. Ganss, S.J. St. Louis, 1970), các trang 119 on [134], 331-333 on [812-814] (viết tắt *ConsSJComm*). Xin xem thư của thánh I-nhã gửi cho John Pelletier, *LettersIgn*, p. 245. Dẫn chứng đầy đủ, chính xác nhất của thánh I-nhã về tính ưu việt của ân sủng Thiên Chúa và sự lệ thuộc vào Ngài, cho dù những ân ban tự nhiên của ai đó lớn lao đến đâu đi nữa, có thể được tìm thấy trong bản thảo đầu tiên của Bản khảo sát, trong bản a, đến năm 1936 bản này mới được in. Điều này có thể tìm thấy trong DeGuiJes, các trang 147-148.

Thiên Chúa. Nguyên tắc này không xuất hiện ở đâu trong các tài liệu của I-nhã đúng như chúng ta vừa viết ra ở trên. Tuy nhiên, với một ít khác biệt về từ ngữ, các học trò của ngài thường quy gán tư tưởng của nguyên tắc đó cho ngài. Họ đã đúng khi làm như vậy, vì tư tưởng đó làm nền tảng cho nhiều hành động và phát ngôn của ngài. Ví dụ, nó thì rõ ràng một chút ít bên dưới bề mặt của hai đoạn văn tuyệt đẹp về Hiến chương dòng Tên của Ngài:

[813] 2. Để gìn giữ và tăng tiến chẳng những thân thể, tức là mặt ngoài, mà cả tinh thần của Dòng, và để đạt tới điều Dòng nhắm đến là giúp đỡ các linh hồn đạt tới mục đích tối hậu và siêu nhiên của họ, những phương thế nối kết khí cụ với Thiên Chúa, và chuẩn bị khí cụ để cho bàn tay Thiên Chúa vận dụng hơn, thì hiệu lực hơn những phương thế chuẩn bị khí cụ cho con người. Những phương thế đó là lòng nhân nghĩa và đức hạnh, nhất là đức mến, cũng như ý hướng chỉ muốn phục vụ Thiên Chúa là Chúa chúng ta trong các việc thiêng liêng do lòng sốt mến, và thực lòng nhiệt thành với các linh hồn, để tôn vinh Đấng đã tạo dựng và cứu chuộc họ, chứ không vì một lợi lộc nào khác. Như vậy, xem ra phải lo sao để mọi người trong Dòng đạt tới các đức hạnh vững chắc và hoàn hảo, và những điều thiêng liêng, coi đó là quý trọng hơn học vấn vững như các năng khiếu tự nhiên và nhân loại khác. Vì chính những điều bên trong đó là những gì làm cho những điều bên ngoài hiệu quả đối với mục đích nhắm tới.

[814] 3. Trên nền tảng ấy, những phương thế tự nhiên nào chuẩn bị khí cụ để Thiên Chúa là Chúa chúng ta dùng cho tha nhân, cách chung sẽ giúp cho việc gìn giữ và tăng tiến toàn thân Dòng, nếu được đón nhận và vận dụng chỉ để phục vụ Thiên Chúa, không đặt tin tưởng ở đó, mà chỉ cộng tác với ơn Chúa, theo trật tự của vị Quan Phòng tối thượng, tức Thiên Chúa là Chúa chúng ta. Người muốn được tôn vinh cả bằng những gì Người ban với tư cách tạo Hoá, tức là những gì tự nhiên, lẫn bằng những gì Người ban với tư cách là tác giả của ân sủng, tức

Chương 7: Đáp trả tiếng Chúa trong sâu khổ thiêng liêng

là những gì siêu nhiên. Như vậy, phải lo sao cho chuyên cần trau dồi các phương thế nhân loại và thủ đắc, cách riêng là giáo thuyết có nền tảng và vững chắc, cách thức trình bày cho dân chúng bằng giáo thuyết hay giảng dạy, cũng như nghệ thuật cư xử và giao tiếp với người ta.¹⁰⁰

Hơn nữa, những gì rất gần với công thức được sử dụng ở trên thì chúng nhận là tư tưởng của Inhã bởi những người đương thời với ngài và hiểu rõ ngài. Cha Ribadeneyra nói:

Về những điều ngài đảm nhận liên quan đến việc phụng sự Thiên Chúa, Chúa chúng ta, ngài vận dụng mọi phương thế nhân loại để đạt thành công, với một sự cẩn trọng và hiệu quả lớn bao nhiêu có thể như thể sự thành công đó tùy thuộc vào phương tiện này; và ngài phó thác trong Chúa và tùy thuộc vào sự quan phòng của Ngài lớn bao nhiêu có thể như thể các phương thế nhân loại ngài đang sử dụng không đem lại hiệu quả gì.¹⁰¹

¹⁰⁰ Bản dịch của cha G. E. Ganss, S.J., trong *ConSJComm*, các trang 332-333.

¹⁰¹ Trích trong tác phẩm Ribadeneyra's *De ratione quam in gubernando tenebat Ignatius*, in *FN*, III, 631, và trong *Fn. 55 of DeGuiJes*, p. 148.

Một thế kỉ rưỡi sau khi thánh I-nhã qua đời, Gabriel Hevenesi (1656-1715) trong tác phẩm *Scintillae Ignatianae* (Vienna, 1705), p. 2, đã gán cho thánh I-nhã một tư tưởng tương tự nguyên tắc Tín-thác-và-hành-động như chúng ta và Ribadeneyra đã nêu lên, nhưng theo kiểu dùng từ đảo ngược khiến nhiều người khó hiểu: "Do vậy hãy tín thác vào Chúa như thể mọi cách thành công tùy thuộc vào bạn và không có gì dựa vào Ngài; nhưng áp dụng mọi nỗ lực của bạn như thể chỉ có Chúa đang làm mọi sự, và bạn không làm gì hết" (cũng trích trong *DeGuiJes*, p. 148) – lời này được một số tác giả gần đây giản lược thành "Cầu nguyện như thể mọi sự tùy thuộc vào bạn, hành động như thể mọi sự tùy thuộc vào Chúa."

Từ năm 1929 xảy ra nhiều cuộc bàn cãi dài dòng và nhiều quan điểm khác nhau trong các tác phẩm nghiên cứu về hai cách

Hòa hợp với giáo huấn của Thánh kinh (ví dụ, Ga 6,44. 65; 15,5; 2Cr 3,5; Pl 2,13), I-nhã luôn tinh tế nhận ra rằng Thiên Chúa hoạt động cách mật thiết trong cuộc sống của chúng ta, chỉ có hoạt động của Thiên Chúa mới có thể làm được những điều đem lại vinh quang trời vượt cho Ngài trong chúng ta và ban sức mạnh cho các nỗ lực của chúng ta để toả chiếu Vương quốc của Ngài cho muôn dân. Vì mục đích đó, không có nỗ

thức của câu châm ngôn trên do các học giả viết về thánh I-nhã đề cập đến, như cha C.A. Kneller, G. Fessard, J.C. Dhotel, Hugo Rahner, E. Pousset, và nhiều học giả khác. Fessard, trong tác phẩm *La dialectique des exercices spirituels de s. Ignace de Loyola* –Biện chứng Linh Thao theo thánh I-nhã (Paris, 1956) đã tán đồng cách thức của Hevenesì và chỉ ra rằng công thức này đã có trước thánh I-nhã khoảng 2 thế kỷ; và quan điểm này được Pousset phản chiếu trong tác phẩm: *La vie dans la foi et la liberté* – Đời sống đức tin và tự do (Paris, 1971), p. 159, và trong bản dịch của E.L. Donahue: *Life in faith and freedom: An essay presenting Gaston Fessard's analysis of the dialectic of the Spiritual exercises of St. Ignatius* (St. Louis, 1980), p. 238. Một đoạn khó hiểu trong bản thảo đầu tiên của *Hiển chương* do thánh I-nhã viết (bản thảo không được in cho đến tận năm 1936 và được trích dẫn trong *DeGuijes*, p. 147-148), và đoạn khác trong tác phẩm *Memorial* của cha Golcalves da Camara (1574) trích trong *FN*, I, 663-664, đôi khi được viện dẫn để chỉ ra rằng công thức phức tạp do Hevenesì phát triển là điều nằm trong tư tưởng của thánh I-nhã. Nhung H.M. de Achaval trong tác phẩm *Gregorianum XXXVIII* (1957), 324-327, rất nghi ngờ việc thánh I-nhã thực sự hiểu hoặc dùng công thức này. Xin xem thêm J.W. Padberg, trong tác phẩm *Studies in the spirituality of Jesuits*, X (1978), 320. Có lẽ cuộc tranh cãi này vẫn chưa thể đưa ra kết luận cuối cùng.

Nhung dù thánh I-nhã có công thức của Hevenesì trong tư tưởng, thì công thức chúng ta dùng ở trên trong cuốn sách này, như nguyên tắc tín thác-hành động của ngài, vẫn hòa hợp với công thức đó. Hai công thức không loại trừ lẫn nhau. Cả hai có thể được dùng trong các hoàn cảnh khác nhau, thậm chí đồng thời trong nhiều hoàn

Chương 7: Đáp trả tiếng Chúa trong sâu khổ thiêng liêng

lực nào của con người là kém giá trị nếu người đó hành động kết hợp với Chúa và trở nên như khí cụ của Ngài. Đây là một mặt trong nguyên tắc hai mặt của thánh I-nhã: Tất cả tùy thuộc vào Thiên Chúa. Mặt kia của nguyên tắc hai mặt là chúng ta phải thực hiện với tất cả những gì tùy thuộc khả năng của ta, dùng các nỗ lực nhân loại để cộng tác với Thiên Chúa. Vì thông thường Thiên Chúa hành động qua chúng ta để đạt mục đích Ngài dành cho chúng ta. Ngài hành động cách hiệu quả qua trí thông minh, tưởng tượng, xúc cảm, tự do, sáng kiến, các hoạt động thể lý của con người. Do vậy, tất cả năng lực hoạt động của chúng ta trong các cách thức có thể, cùng với “sự can đảm và sức mạnh” là để ngợi khen và phụng sự Thiên Chúa. Những tính từ như “quảng đại”, “mãnh liệt”, “tất cả”, “hoàn toàn”, “trọn vẹn” ... cùng với “chín chắn” là đặc trưng nơi bản văn của I-nhã về đời sống thiêng liêng và tông đồ.

Tất cả tùy thuộc vào Thiên Chúa – mặt này của nguyên tắc hai mặt của I-nhã chiếm địa vị hàng đầu và quyết định những yếu tố nào trong hành động của chúng ta để việc phụng sự và ca ngợi Thiên Chúa chiếm địa vị ưu tiên. Khi đức tin, đức cậy, và đức mến được coi là cội rễ của các nhân đức khác, thì tất cả các nỗ lực để lớn lên, dù là đời sống cá nhân trong Đức Ki-tô hay là các trách vụ Ki-tô giáo đối với người khác, phải được khởi đầu và tiến hành với lời cầu nguyện xin Chúa trợ giúp. Cũng vậy, trong suốt quá trình làm việc, chúng ta cũng phải luôn luôn tìm kiếm ý Chúa trong từng tình huống cụ thể. Chúng ta phải lệ thuộc hoàn toàn vào sự khôn ngoan của Ngài để biết đâu là những mục tiêu tốt hơn và các phương cách tốt hơn để đạt mục tiêu đó, dựa vào quyền năng của Ngài để đạt các mục tiêu đó, dựa vào sự quan tâm yêu thương của

cảnh.

Ngài, sự quan tâm đó đảm bảo cho chúng ta rằng Ngài sẽ nghe lời cầu xin của chúng ta và hướng dẫn chúng ta nhận ra ý Ngài; và khi ấy Ngài sẽ hành động trong chúng ta và qua chúng ta để thực hiện ý Ngài. Tìm kiếm và tín thác như vậy cũng là một ân sủng của Thiên Chúa mà chúng ta phải cầu xin. Không có Ngài chúng ta không thể làm gì được.

Đòi hỏi của I-nhã về hành động can đảm và đầy nghị lực (như thể mọi sự tùy thuộc vào ta) tách biệt trong tư tưởng với điều còn lại, và đòi hỏi tùy thuộc hoàn toàn hơn vào chỉ một mình Thiên Chúa (thậm chí hành động của chúng ta coi như không) không thể tránh khỏi một sự châm biếm (caricature) của tương quan người Kitô hữu ấy với Thiên Chúa. Cũng vậy, việc đòi hỏi cầu nguyện và tín thác giải phóng ta về sự cần thiết phải nỗ lực hết sức để tìm hiểu và thực hiện Thánh ý Thiên Chúa có thể bị hiểu sai. Tâm trí I-nhã thấm nhuần các giáo huấn của Thánh kinh và các kinh nghiệm thiêng liêng cá nhân, ngài không sống và dạy theo cách duy hoạt động hoặc duy thụ động, nhưng là một thái độ được hình thành bởi sự giằng co trong đức tin thực chứng về cả hai thái độ này. Mỗi mặt hai thái độ này phủ nhận tính chân thực của điều kia; và đó là điều sai sót của mỗi điều đó. I-nhã không giải quyết vấn đề theo cách phủ nhận tính xác thực trong cả hai thái độ, ngài cũng không gạt bỏ những gì được thừa nhận cách tích cực để giải quyết sự giằng co giữa hai thái độ bằng cách đưa chúng xuống một sự thỏa hiệp ở một nền tảng trung dung. Thay vào đó, ngài phủ nhận tính cách loại trừ lẫn nhau của chúng, ngài thu tóm cả hai điểm và nối kết chúng lại trong sự giằng co thiêng liêng trung thực và lành mạnh của nguyên tắc hai mặt. Ngài không bao giờ muốn phát huy hay coi nhẹ mặt

Chương 7: Đáp trả tiếng Chúa trong sâu khổ thiêng liêng

nào.¹⁰² Sự giằng co nối tiếp cho phép ta thấy được ý nghĩa đầy đủ hơn của mỗi cực điểm bằng cách đối chiếu với cực điểm kia. Việc lệ thuộc vào Thiên Chúa cho chúng ta năng lực hoạt động; vì chúng ta lệ thuộc vào một Thiên Chúa hoạt động qua tự do, tình yêu, trí thông minh, năng lực của ta. Hoạt động là việc diễn tả những lệ thuộc đó vào Thiên Chúa và thẩm nhuần những lệ thuộc đó; vì chính hoạt động đến từ Thiên Chúa, và bất cứ kết quả đạt được nào qua hoạt động để ngợi khen và phụng sự Thiên Chúa đều tùy thuộc vào sức mạnh tình yêu của Thiên Chúa.

2. Nguyên Tắc Làm Ngược Lại (counterattack)

Khi chúng ta nối kết nguyên tắc Tín thác-và-hành động với việc I-nhã nhấn mạnh đến sự can đảm và sức mạnh trong việc phụng sự Thiên Chúa¹⁰³ và tính chất đối nghịch nhau của những chuyển động do thần lành và thần dữ¹⁰⁴ đem đến, chúng ta có thể thấy rõ ràng tại sao trong khi bị cám dỗ và bị sâu khổ thiêng liêng, ngài khuyên chúng ta làm ngược lại (*agere contra*). Phù hợp với nguyên tắc Tín thác-hành động, cách chống trả trước tiên đối với cám dỗ và sâu khổ là: cầu xin

¹⁰² Ngài không cố đưa ra một giải thích mang tính lý thuyết hay thần học, một giải thích có thể liên quan đến các vấn đề như mối liên hệ giữa tự do thụ tạo của con người với sự toàn năng hoặc toàn tri của Đấng Sáng Tạo, hoặc giữa tự nhiên và ân sủng, thời gian và vĩnh cửu. Về những vấn đề này, bất cứ giải thích nào được chấp nhận rộng rãi đều gạt ra những suy đoán có tính thuyết phục của những thần học gia vĩ đại qua các thế kỉ. Các quy tắc của thánh I-nhã nhắm đến việc áp dụng thực tế ở đây và bây giờ, và ngài đã phải để những qui tắc này hoàn toàn tự do, bao xa có thể, đối với những cuộc tranh luận có tính lý thuyết.

¹⁰³ Xem phần trên, các trang 63-69.

¹⁰⁴ Xem phần trên, Quy tắc I: 1-2; II: 7; và chương 3

Thiên Chúa và tín thác hoàn toàn vào Ngài. Tuy nhiên việc lệ thuộc vào Thiên Chúa phải phù hợp với “sự an bài tinh tế của Chúa quan phòng” mà “đòi hỏi sự cộng tác của thụ tạo”.¹⁰⁵ Đối với thánh I-nhã, sự cộng tác này không chỉ có nghĩa là từ chối làm theo cám dỗ hoặc sâu khổ; có nghĩa là làm ngược lại, cố đánh bại và triệt hạ chúng. Sự cộng tác này còn có ý nghĩa hơn thế nữa: cộng tác để rút ra điều tốt từ điều xấu, để thu được lợi ích và lớn lên qua chính sự sâu khổ và cám dỗ, cộng tác với Thiên Chúa, Đấng “làm cho mọi sự đều sinh ích cho những ai yêu mến Ngài” (Rm 8,28) và Đấng thôi thúc chúng ta theo các cách đối ngược với các cách Sa-tan thôi thúc chúng ta. Để nối kết chúng ta bằng sự tự do chọn lựa của chúng ta với công việc của Thiên Chúa trong chúng ta đến mức trọn vẹn nhất có thể, chúng ta phải vượt lên trên việc để yên và chờ cho cám dỗ hoặc sâu khổ biến đi. Chúng ta phải khởi sự với Chúa và cùng với Ngài chuyển tình huống hiển nhiên xấu thành dịp để ca ngợi và phụng sự Thiên Chúa hơn.

Nguyên tắc làm ngược lại thường được các học trò của I-nhã đề cập đến với tên gọi là nguyên tắc *agere contra*. Cũng như nguyên tắc Tín thác và hành động, nguyên tắc này không thấy xuất hiện trong các bản viết của I-nhã đúng theo cách viết tôi vừa dùng. Nhưng nguyên tắc này nằm dưới nhiều đoạn, ví dụ nguyên tắc này được nêu trong bài chiêm niệm về vương Quốc Đức Ki-tô trong (Lt 97) :

Những kẻ muốn yêu mến hơn và trở vượt hơn trong mọi việc phụng sự Vua Hằng sống và Chúa muôn loài không những họ dâng hiến toàn thể bản thân cho việc lao khổ mà còn hành động chống lại {*haziendo contra, certando contra*} tình cảm và lòng yêu chuộng xác thịt, thế gian, họ sẽ dâng lễ vật quý giá hơn và quan trọng hơn...

¹⁰⁵ *ConsSJComm*, [134], p. 119

Chương 7: Đáp trả tiếng Chúa trong sâu khổ thiêng liêng

Một ví dụ khác được thấy trong chỉ dẫn của I-nhã về huấn luyện thiêng liêng cho các tập sinh (HC 265) :

Phải phòng ngừa cám dỗ bằng cách làm những điều trái ngược lại, chẳng hạn khi thấy ai có khuynh hướng kiêu ngạo, phải rèn luyện người ấy trong những công việc thấp hèn nào thấy có thể giúp họ hạ mình; về các xu hướng khác của tâm hồn cũng thế.

Khi nói về một ai đó định dành trọn một giờ cho việc chiêm niệm và người ấy bị cám dỗ rút ngắn giờ đó, I-nhã nói (Lt 13) :

Cũng phải chú ý rằng khi được an ủi thì chiêm niệm đủ một giờ là việc dễ dàng và nhẹ nhàng, còn lúc gặp sâu khổ thì chiêm niệm đủ giờ thì thật là khó. Bởi thế để chống lại sâu khổ và cơn cám dỗ, thảo viên phải luôn làm quá một giờ một chút để không những tập cho quen chống trả mà còn chà đạp được kẻ thù.

Với người đang tìm một lối sống mà Thiên Chúa kêu gọi họ và họ cảm thấy một tâm tình trái ngược lại một đời sống đã được tự do lựa chọn về khó nghèo thực theo gương Đức Ki-tô trong đời sống công khai của Ngài, một sự trái ngược nảy sinh do những lo lắng và khao khát ích kỉ và có thể ngăn cản việc tìm thấy và đi theo tiếng gọi của Thiên Chúa. Với người như thế, I-nhã khuyên như sau (Lt 157) :

Điều giúp ích nhiều để diệt trừ lòng quyến luyến luyến lạc ấy là : trong các tâm sự, nài xin Chúa chọn mình vào sự khó nghèo thực sự (mặc dù nghịch ý xác thịt) và giục lòng ước muốn, cầu xin cho được việc ấy, miễn là để ngợi khen và phụng sự Thiên Chúa nhân lành.

Nguyên tắc làm ngược lại, khi được trình bày cách trừu tượng và không được trình bày trong khung cảnh cụ thể, có thể trở nên một sự diễn tả mập mờ về một tính cách mạnh mẽ không thể dung hòa với yếu đuối của nhân loại. Khi được

nhìn trong bối cảnh tinh thần I-nhã như được soi sáng trong đời sống và sách Linh Thao của ngài, nguyên tắc này là một sự diễn tả tất yếu của một tình yêu cháy bỏng, tha thiết và can đảm, mà sẵn sàng diệt trừ những gì bên trong mình nếu chúng cản trở đời sống với Đức Ki-tô và cho tha nhân. Tình yêu đó muốn cùng với Đức Ki-tô hoàn toàn tuân theo những thúc đẩy của Thần Khí Chúa Cha, chủ động đáp ứng với mọi nghị lực có thể, và mau mắn chống trả với mọi biểu hiện ích kỉ hoặc quyền lực sự dữ trong mình.

Áp dụng Hai Nguyên Tắc Này, Trong Quy Tắc I:6 đối với Sầu Khổ Thiêng Liêng.

Trong đời mình, I-nhã đã có kinh nghiệm về chiều sâu của sầu khổ thiêng liêng, ngài thấy rõ sự buồn chán một người có thể phải chịu trong cơn sầu khổ. Trong phần chỉ dẫn dành cho người hướng dẫn linh thao, I-nhã nhấn mạnh đến tất cả sự dịu dàng, hiền lành dành cho người bị sầu khổ hoặc bị cám dỗ, và cấm không được cứng cỏi, nhưng cùng lúc ngài yêu cầu người hướng dẫn phải đem đến cho thao viên sự “can đảm và sức mạnh” (Lt 7). Ngài không cho phép sự dịu dàng của người hướng dẫn trở thành sự thương xót cảm tính và có hại khiến người hướng dẫn không khuyến khích thao viên nỗ lực và can đảm, và như vậy, người hướng dẫn để cho thao viên vật lộn trong bóng tối của sầu khổ thiêng liêng và khép mình lại với ánh sáng của Thánh Thần.

Bây giờ chúng ta có thể xem xét những chỉ dẫn của I-nhã về nguyên tắc làm ngược này ám chỉ điều gì khi, được áp dụng trong kinh nghiệm sầu khổ thiêng liêng, nguyên tắc đó đòi buộc chúng ta “thay đổi chính mình cách mãnh liệt theo các cách ngược lại với sầu khổ nêu trên”. Ngài gợi ý một số cách thay đổi có hiệu quả: “cầu nguyện nhiều hơn, suy gẫm,

Chương 7: Đáp trả tiếng Chúa trong sâu khổ thiêng liêng

xét mình nhiều hơn, thực hành một số việc hãm mình theo cách thích hợp”. Chúng ta phải xem xét chi tiết mỗi điều gợi ý trên đây về yếu tố tại sao và thế nào. Tuy nhiên, trước tiên chúng ta phải đề cập đến giả định nền tảng là khi chúng ta gặp sâu khổ thiêng liêng, chúng ta có thể làm gì đó cách có hiệu quả để thay đổi chính mình, và khi thay đổi chính mình, chúng ta hy vọng rằng, với quyền năng của Thiên Chúa hoạt động trong chúng ta và qua chúng ta, chúng ta sẽ loại bỏ được sâu khổ. Lưu ý việc I-nhã nói rằng chúng ta có thể “thay đổi chính mình” không có nghĩa khi thay đổi chính mình, chúng ta có thể thoát khỏi sâu khổ và đi vào trong trạng thái yên tĩnh thiêng liêng, hoặc đạt được an ủi thiêng liêng nhiều hay ít. Ngài nói rằng việc thay đổi chính mình theo những cách gợi ý sẽ “giúp ích nhiều” cho việc vượt qua cơn sâu khổ thiêng liêng; việc thay đổi này không được nói đến như là sự chữa lành chắc chắn. Bóng tối của sâu khổ sẽ hết khi Thiên Chúa muốn. Điều này sẽ rõ ràng trong qui tắc I:7-9. Cũng như đối với việc chuyển vượt từ sự yên tĩnh thiêng liêng đến an ủi thiêng liêng, I-nhã cũng nói nhiều lần, đó là “một món quà và ân sủng” của Thiên Chúa.

Cũng chính nhờ ân sủng của Thiên Chúa (vẫn ở với chúng ta trong lúc sâu khổ, như ta sẽ thấy), ân sủng chứ không phải an ủi, mà chúng ta có thể thay đổi chính mình để đón nhận ơn an ủi của Thiên Chúa và từ đó lớn lên trong tin, cậy, mến. Nhưng như chúng ta đã thấy, ân sủng của Thiên Chúa thường hoạt động qua và trong sức mạnh và nỗ lực được tạo lập của ta. Về phía chúng ta, việc thay đổi chính mình tùy thuộc trước tiên vào nỗ lực mong muốn thay đổi. Không phải chúng ta trực tiếp mong muốn mình được thay đổi và được thay đổi theo cách chúng ta muốn. Dù mạnh mẽ đến đâu, không hành động nào của ý chí có thể làm việc đó. Nhưng chúng ta có thể kiên trì mong muốn làm những điều trong cơn sâu khổ chúng

ta bị thôi thúc mạnh mẽ không làm, và khi làm những điều đó, chúng ta không những chống trả mà còn chà đạp được sâu khổ. Trong sâu khổ, chúng ta không cảm thấy như đang cầu nguyện, suy gẫm, xét mình, hay làm việc hãm mình. Thần dữ và cảm giác khô khan thiêng liêng của chúng ta muốn chúng ta nghỉ ngơi cho đến khi chúng ta cảm thấy chúng ta muốn làm những việc đó. “Chẳng phải đó là một sự không chân thành, không phải là chính mình để cầu nguyện, suy niệm và làm việc hãm mình khi bạn không cảm thấy thích nó?” Không gì có thể trở nên ngớ ngẩn và nguy hiểm hơn. Đây là cách thức để từ bỏ mọi sức mạnh chống đỡ và bảo vệ để chống lại thế lực sự dữ. I-nhã khuyên: làm những điều hoàn toàn ngược lại; kiên trì hơn vào chính những điều con sâu khổ thôi thúc bạn từ bỏ.

Từ “kiên trì hơn” thì đa nghĩa. Nó có thể có nghĩa bản thân chúng ta kiên trì cách triệt để hơn những gì chúng ta thường làm hằng ngày trong cầu nguyện, suy gẫm... Nó cũng có thể có nghĩa chúng ta kiên trì làm những việc trên, kiên trì hơn chúng ta thường làm. Ý nghĩa thứ nhất khá hẹp. Rõ ràng trong sâu khổ, bản thân chúng ta phải kiên trì nhẫn nại hơn nếu không chúng ta sẽ thất bại trong đời sống cầu nguyện và suy gẫm, và do đó không thể chống trả lại quyền lực sự dữ. Nhưng kiên trì cầu nguyện nhiều hơn hoặc làm các việc thiêng liêng khác nhiều hơn dường như cũng nằm trong ý nghĩa của thánh I-nhã. Nó phù hợp với lời khuyên của I-nhã trong chú dẫn thứ 13 (Lt 13) dành cho người trong lúc sâu khổ bị cảm dỗ rút ngắn thời gian đã định cho cuộc chiêm niệm. Quy tắc 6 của bản Phổ thông (Vulgata) rõ ràng khuyên như sau: “những việc được quan tâm và được gia tăng chống lại sự thúc đẩy của sâu khổ”.¹⁰⁶ Cách rõ ràng nhất, lời khuyên này được nhắc đến và

¹⁰⁶ SpExMHSJ, p. 378. Emphasis mine.

Chương 7: Đáp trả tiếng Chúa trong sâu khổ thiêng liêng

giải thích trong một lá thư I-nhã gửi cho thánh Phanxicô Borgia ngày 20.9.1548. Trong thư, ngài khuyên thánh Borgia giảm một nửa thời gian cho các việc thực hành thiêng liêng của mình; và ngài giải thích tại sao trước kia ngài đồng ý cho thánh Borgia chiêm niệm lâu giờ, hãm mình nghiêm ngặt, và các việc khác; và tại sao bây giờ ngài thay đổi lời khuyên của mình.

Trước hết, tôi nghĩ rằng thời gian dành cho những thực hành này, cả bên trong lẫn bên ngoài, nên giảm xuống một nửa. Chúng ta phải tăng những việc thực hành này, cả bên trong lẫn bên ngoài, khi các ý tưởng xuất phát từ chúng ta, hay do kẻ thù đem đến, và các ý tưởng này dẫn chúng ta đến việc tập trung vào những đối tượng gây lo ra, lộn xộn, hoặc bị cấm, nếu chúng ta muốn ngăn cản ý muốn về bất cứ thoả mãn nào trong những ý tưởng đó, hoặc phát sinh bất cứ sự hài lòng nào. Tôi nói rằng, như một quy tắc, chúng ta phải tăng những thực hành này lên, cả bên trong lẫn bên ngoài, nếu các tư tưởng ấy càng được nhân lên, thì để chiến thắng chúng, chúng ta phải lưu ý đến tính cách của bản thân và bản chất hay thay đổi của những tư tưởng hoặc cảm dỗ đó, và cân trọng lượng định các thực hành theo khả năng của cá nhân; ngược lại, khi những tư tưởng này mất sức mạnh và ngừng lại, những tư tưởng hoặc cảm hứng thánh thiện sẽ thay thế chúng, và chúng ta phải triệt để chào đón những tư tưởng thánh thiện này bằng cách mở mọi cửa ngõ linh hồn ra với chúng. Kết quả, chúng ta sẽ không cần thêm nhiều vũ khí để loại trừ kẻ thù. Từ những điều trên, thưa ngài công tước (thánh Borgia vẫn đang là công tước xứ Gandee, chưa phải là Giê-su hữu), trong Chúa chúng ta, tôi cho rằng tốt hơn ngài nên dành cho việc học một nửa thời gian hiện giờ ngài dành cho các việc thực hành này. Trong tương lai, việc học sẽ luôn cần thiết và chắc chắn hữu dụng; và việc học không những giúp ta có được kiến thức mà còn giúp đạt được nhiều thứ. Và ngài nên dành một ít thời gian cho việc quản lý gia sản và nói chuyện thiêng liêng. Ngài cố giữ linh hồn luôn luôn bình

an và yên tĩnh, luôn sẵn sàng với bất cứ điều gì Chúa chúng ta có thể muốn hành động trong ngài. Việc có thể chiêm ngưỡng Thiên Chúa ở nhiều nơi, trong nhiều trách vụ là một nhân đức trời vượt của linh hồn, và là một ân sủng lớn lao, hơn là chỉ thấy Chúa trong một việc hoặc một nơi. Trong Chúa nhân từ, chúng ta nên nỗ lực để đạt được điều này.¹⁰⁷

Trong thư, đoạn này được tiếp nối ngay sau đó bằng một đoạn tương tự về việc hãm mình, sẽ được trích ở *phần sau*. Tôi đã trích đoạn thư dài như vậy, bởi vì trong đó chứa đựng một tổng kết chặt chẽ về nhiều thái độ và chỉ dẫn cơ bản của thánh I-nhã, được diễn tả một cách cụ thể áp dụng cho một cá nhân chắc chắn là một trong số những người đang đi từ điều tốt đến điều tốt hơn, nhưng tuy nhiên cũng chắc chắn thiếu sự suy xét mà trong quan điểm của I-nhã nên chi phối mọi tính quảng đại. Đoạn này đáng để nghiên cứu nhiều để hiểu tất cả những ngụ ý trong đó. Đoạn này liên quan đến nhiều chủ đề: thay đổi việc áp dụng các nguyên tắc cho một cá nhân trong những hoàn cảnh khác nhau; thích nghi những quy tắc theo nhu cầu và khả năng của các cá nhân khác nhau; vai trò của chiêm niệm trong cuộc sống của chúng ta; mối liên hệ giữa chiêm niệm đối với sự chuẩn bị hay hoạt động tông đồ; và những mục đích căn bản của một tâm trí bình an, yên tĩnh, và việc thấy Chúa trong mọi sự.

Bất cứ điều gì được nói đến về việc “kiên trì cầu nguyện nhiều hơn” hoặc các cách thức khác như thay đổi chính mình trong sâu khổ phải được hiểu theo quan điểm rõ ràng và quân bình được diễn tả trong lá thư này năm 1548. Tuy nhiên, chúng ta không nên quên rằng điều được ám chỉ đến trong thời gian trước khi viết bức thư này, khi I-nhã khuyên thánh Borgia giảm một nửa thời gian cho các cuộc thao luyện, và

¹⁰⁷ *Letters Ign*, các trang 179-180

Chương 7: Đáp trả tiếng Chúa trong sâu khổ thiêng liêng

ngài khuyên dừng lại tất cả các việc hãm mình. Sự chín chắn đôi khi được hiểu rằng nguyên tắc làm ngược lại không chỉ kêu gọi gia tăng việc suy niệm, xét mình, hãm mình hoặc làm việc, nhưng còn lựa chọn giảm bớt những việc trên cách có suy xét cẩn thận. Nó có thể cần nhiều cho sự nghỉ ngơi và giải trí, hoặc các liệu pháp vật lý hoặc tâm lý nếu những yếu nhược về thể lý dường như trở nên yếu tố chính tạo nên sâu khổ, hoặc sự yếu nhược đó cho thấy rằng sâu khổ hoàn toàn không thuộc phạm vi thiêng liêng. Kể từ đây, khi giải thích Quy tắc I:6, cần giả định rằng độc giả nghỉ ngơi lời khuyên về việc suy xét; do đó, không cần đề cập đến việc suy xét nữa, trừ khi chúng xuất hiện cách tự nhiên từ những điều I-nhã nói đến.

Những Cách Thay Đổi Chính Mình để Chống Lại Sâu Khổ

Dưới ánh sáng của hai qui tắc tín thác-và-hành động và quy tắc làm ngược lại, chúng ta xem xét đến sự chứng minh tổng quát nhằm thôi thúc những cố gắng riêng của chúng ta để thay đổi mình theo cách ngược lại sâu khổ thiêng liêng. Dưới ánh sáng của những gì chúng ta vừa xem xét về việc thánh I-nhã đã áp dụng những qui tắc này trong thực hành như thế nào, chúng ta sẵn sàng tập trung tới một vài cách thức cơ bản thánh I-nhã đề nghị, qua đó chúng ta có thể thực hiện một thay đổi như thế.

Vì qui tắc tín thác-và-hành động có thể làm chúng ta trông chờ, bước đầu tiên và cần thiết nhất trong việc thay đổi bản thân với hy vọng chế ngự được sâu khổ đó là cầu nguyện – trong bối cảnh này là cầu xin. Vì chúng ta, Thiên Chúa đòi hỏi sự cộng tác của chúng ta theo những cách thức kêu gọi sự tập trung của ta sau cầu nguyện. Nhưng nếu Thiên Chúa không hành động trong và qua những cố gắng của chúng ta thì

những cố gắng cộng tác đó trở nên vô ích. Việc hành động theo lời khuyên của tâm lý tốt và tình cảm phổ biến tốt, có thể giúp chúng ta vượt qua tình trạng sầu khổ không phải là thiêng liêng (non - Spiritual desolation). Chúng ta có thể thoát khỏi áp lực của cơn sầu khổ kéo dài qua việc thoát ra khỏi đời sống thiêng liêng, tạm dừng việc lấy Thiên Chúa và nước Thiên Chúa làm trung tâm của sự chú ý và quan tâm của chúng ta, như thế chúng ta có thể được giải thoát không phải chịu đựng cơn cám dỗ, qua việc không phải chống trả nó. Nhưng nếu chúng ta trung thành đủ và cố gắng chinh phục sầu khổ thiêng liêng hơn là chỉ đơn thuần trốn tránh việc chiến đấu, và nếu chúng ta chiến thắng nó bằng một cách nào đó, cách đó làm cho đức tin, đức cậy và tình yêu quảng đại với Chúa của chúng ta lớn lên, rồi chúng ta phải được Thiên Chúa trợ giúp và chúng ta mở lòng ra đón nhận sầu khổ một cách cứng rắn, mạnh mẽ, kiên trì, tín thác và cầu xin với Thiên Chúa.

Việc cầu nguyện này có thể bằng lời nói hay không bằng lời nói. Về cơ bản thì cách cầu nguyện này chỉ đơn giản là một sự khơi nguồn ước vọng từ niềm tin vào quyền năng, tình yêu và sự khôn ngoan của Thiên Chúa, ước mong Thiên Chúa cứu chữa chúng ta. Thiên Chúa thấu hiểu tâm hồn chúng ta. Tuy nhiên, những lời trong trí tưởng tượng hoặc được nói ra thì luôn cần cho chúng ta để giữ sự chú tâm của chúng ta về Thiên Chúa trong cầu nguyện và ước vọng của ta trở nên sống động; hoặc đôi khi chúng giúp giảm bớt một chút căng thẳng và đau buồn của tâm hồn chúng ta. Một vài câu trong Thánh vịnh được linh hứng bởi Chúa Thánh Thần qua một vài người, những người đã có kinh nghiệm về sầu khổ thiêng liêng, diễn tả ước vọng này cách tuyệt đối và đã có sức mạnh trong chúng để nâng đỡ chúng ta, để giữ sự đau khổ của chúng ta kết hợp

Chương 7: Đáp trả tiếng Chúa trong sâu khổ thiêng liêng

với Chúa Ki-tô và thân xác của Ngài. Ví dụ: Thánh vịnh 13, 22, và 25.

Sau khi cầu nguyện, I-nhã thúc giục việc chiêm niệm và xét mình nhiều hơn. Nhiều người đã phải ngạc nhiên để tìm sự chú tâm mạnh mẽ như I-nhã đưa ra đối với chiều kích xúc cảm của đời sống Ki-tô hữu. Ngài cho là sức mạnh của sự chú tâm đó có tầm quan trọng lớn lao, nó làm tăng sức mạnh hoặc làm suy yếu đời sống Ki-tô hữu và tương tự giá trị của sự chú tâm đó để nhận ra ý định của Thiên Chúa. Nhiều hình thức cầu nguyện ngài dạy đã được cho là đụng chạm đến sự nhạy cảm một cách chủ yếu qua những tưởng tượng hoặc qua cảm giác. Dầu vậy, sự thật là ngài không khi nào ngừng nhấn mạnh sự cần thiết để hiểu đúng những chân lý Ki-tô giáo cần thiết, cho những xác tín của trí tuệ, việc nhận biết chính mình và tình trạng cụ thể trong đó chúng ta nhận biết bản thân. Ngài không thôi sự quan tâm về sự phán đoán quân bình và lý luận thực tế cách thẳng thắn. Do đó, trong hoàn cảnh đề cập đến sâu khổ thiêng liêng đang được nói đến, ngay sau khi xin Thiên Chúa giúp đỡ để thoát khỏi sâu khổ thiêng liêng, I-nhã khuyên chúng ta làm ngược lại sự tăm tối, sự bối rối và sự gian dối liên quan đến sâu khổ bằng suy niệm và xét mình. Chúng ta hãy xem xét những điều này để thấy rõ ràng hơn nữa những ý nghĩa chúng góp phần vào việc thay đổi bản thân chúng ta như thế nào theo những cách ngược lại sâu khổ.

Chiêm niệm nghĩa là nhắc đi nhắc lại lời của Chúa nói với chúng ta trong Kinh thánh và trong kinh nghiệm sống, suy gẫm Lời Chúa và áp dụng vào hoàn cảnh cụ thể của chúng ta, đáp lại với ý muốn và những sự yêu mến (Lt 56) trong cuộc đối thoại với Thiên Chúa như một người bạn với một người bạn, một người con đối với cha, và tương tự như trong các mối tương quan khác (Lt 54). Nói đến suy niệm theo nghĩa rộng

của nó¹⁰⁸, I-nhã cũng khuyên ta chiêm niệm trong sự tưởng tượng về các biến cố trong cuộc đời Chúa Ki-tô khi chúng được nói đến trong Tin Mừng (Lt 101-117).¹⁰⁹ Thậm chí ngài khuyên chúng ta đặt mình như những nhân vật trong các biến cố (Lt 114), và suy nghĩ về những gì được chiêm niệm, theo đó rút ra sự hiểu biết và động lực để yêu mến và đi theo Chúa Giê-su, và đi vào cuộc đối thoại với Ngài.

Các chủ đề suy gẫm nên được lựa chọn dựa theo những điều phù hợp với nhu cầu của ta trong kinh nghiệm riêng về sâu khổ với những nguồn, những cảm nhận, và những hậu quả riêng của nó. Trong một kinh nghiệm về sâu khổ, chúng ta có thể suy gẫm về sự hiện diện của Thiên Chúa trong tất cả các thụ tạo, quyền năng và tình yêu của Ngài biểu lộ trong việc tạo dựng, trong lịch sử của dân Chúa trước Chúa Ki-tô. Trong những kinh nghiệm khác về sâu khổ, chúng ta có thể cần suy gẫm về việc Chúa Ki-tô thứ tha tội lỗi, trong những kinh nghiệm khác nữa suy gẫm về sự phục sinh và lời hứa về sự sống lại của ta, trong những kinh nghiệm khác nữa suy gẫm về sự đau khổ của Ngài và những điều tương tự. Trong tất cả những khi sâu khổ thiêng liêng, cách này hay cách khác, chúng ta cần suy gẫm về chính sự thật được mạc khải, sự thật này làm nền tảng cơ bản nhất cho sự bình an của chúng ta, đó là sự khôn ngoan vô hạn của Thiên Chúa, tình yêu nồng nàn, dịu dàng và chung thủy của Ngài đối với chúng ta trong Đức

¹⁰⁸ Theo nghĩa này, suy niệm bao gồm cả điều thánh I-nhã gọi là “chiêm niệm”. Ngài thường phân biệt chiêm niệm và suy niệm; nhưng ở chỗ khác sự phân biệt này tương đương với hai loại suy niệm, suy niệm về những sự hữu hình, và suy niệm về những sự vô hình. Xin xem Lt, [47].

¹⁰⁹ Ở đây đưa ra hai mẫu chiêm niệm, lần lượt trong chiêm niệm về Mẫu nhiệm Nhập thể và chiêm niệm về Mẫu nhiệm Giáng sinh.

Chương 7: Đáp trả tiếng Chúa trong sầu khổ thiêng liêng

Ki-tô và sự hiện diện yêu thương của Ngài dành cho chúng ta mọi lúc và trong mọi sự.

Như thế, nhờ việc mở rộng chính mình ra đối với Lời Chúa, chúng ta có thể hy vọng để có kinh nghiệm nào đó về ánh sáng và hơi ấm ban sự sống của Lời Chúa; hy vọng sẽ kinh nghiệm được sự hiện diện của Thiên Chúa trong Lời của Ngài và như vậy vượt qua sự tăm tối và sự khô khan thiêng liêng và cảm nghĩ xa rời Thiên Chúa, đó là đặc điểm của sầu khổ thiêng liêng. Ít nhất chúng ta có thể hy vọng rút ra “can đảm và sức mạnh” từ Lời Chúa để trung thành và kiên trì bao lâu còn sầu khổ.

Để việc suy gẫm trở nên hiệu quả nhất cho mục đích làm ngược lại sầu khổ thiêng liêng, điều cần thiết là chúng ta phải có một sự hiểu biết rõ ràng và chính xác về điều đang diễn ra trong cuộc sống ý thức của chúng ta, cái gì dẫn đến điều đó, nó đang tác động ở đâu, ánh sáng nào bao trùm nó qua những kinh nghiệm của quá khứ. Chừng nào chúng ta chưa hiểu biết cách có phản tỉnh về đời sống riêng của mình, thì sẽ không biết làm sao để thay đổi chúng, không có cách hiểu biết gì về chân lý đức tin hoặc cuộc sống của Chúa Ki-tô chỉ cho chúng ta về chúng. Đó là lý do tại sao, cũng như việc suy niệm, I-nhã khuyên chúng ta xét mình nhiều. Sự xét mình mà ngài nói đến không chỉ đơn thuần là vấn đề nhận biết về các tội và những sai lầm, cho dù xét mình bao gồm điều đó. Hơn thế, xét mình là vấn đề ghi nhận tất cả những ý nghĩ và những tình cảm hình thành hoặc tác động đến đời sống thiêng liêng, nguồn gốc và tiến trình của chúng và chiều hướng trong tương lai, toàn bộ động lực của đời sống thiêng liêng. Chúng ta cần hiểu nguồn gốc của sự sầu khổ này là gì, hay tại sao chúng ta lại cảm thấy buồn chán, lo lắng và nản chí, thần dữ đang lừa gạt chúng ta như thế nào qua những xảo biện và lý do tồi tệ hoặc

qua những cảm nghĩ phát sinh ra những suy nghĩ giả tạo. Việc biết mình này giúp chúng ta đặt cái tôi hiện tại của ta trước Lời Chúa để Lời Chúa phán quyết chúng ta cách yêu thương để chúng ta được soi sáng và được chữa lành; để được củng cố và thêm can đảm nhờ Lời Chúa theo cách chúng ta cần. Việc biết mình giúp ta biết cách tốt nhất để chống lại sâu khổ.

Nhìn chung, đặc biệt với những người thiếu kinh nghiệm trong việc tìm kiếm sự hiểu biết về bản thân, việc xét mình này chỉ có thể được thực hiện cách thành công với sự giúp đỡ của một vị linh hướng có kinh nghiệm. Qua việc lắng nghe chăm chú, họ có thể giúp chúng ta chú ý, và nói cho chúng ta điều chúng ta có thể không bao giờ biết rõ về chính mình trừ khi chúng ta cố gắng nói ra cho một số người chúng ta tin tưởng và chăm chú lắng nghe ta- một người nghe được đào tạo và có kinh nghiệm để giúp đỡ người khác.¹¹⁰ Như thế một người linh hướng có thể giúp chúng ta qua việc đặt câu hỏi để chúng ta chú ý và đưa ra những dữ liệu quan trọng, cái mà chúng ta đã có thể bỏ qua. Họ có thể giúp chúng ta nối kết và giải thích điều gì chúng ta thấy để đừng chạm đến không chỉ là một sự ý thức về những sự kiện nhưng còn hiểu biết chúng.¹¹¹

Những gì chúng ta vừa nói về sự suy gẫm về mình theo cách của I-nhã có thể đủ để nhận ra sự đáp trả sâu khổ như ngài gợi ý, không chỉ từ bất kì sự bỏ qua không phản tỉnh nào, hay sự chuyển động mù quáng khó kiểm soát, nhưng còn từ bất kì sự tự phản tỉnh nào đó thiếu lành mạnh. Vì điều này có thể là nguyên nhân hoặc là hậu quả của sâu khổ dù là sâu khổ

¹¹⁰ Xem dưới đây, chú thích Quy tắc I: 13, các trang 199-201.

¹¹¹ Về cách mình họa cổ điển làm thế nào một vị linh hướng có thể nối kết và diễn giải dữ kiện, và khi làm như vậy, dạy người khác cách ứng phó với kinh nghiệm thiêng liêng, xem thư thánh I-nhã gửi Têrêsa Rejadella. *letterIgn*, các trang 18 -24

Chương 7: Đáp trả tiếng Chúa trong sầu khổ thiêng liêng

thiêng liêng hay không thiêng liêng. Có một kiểu phản tỉnh khác đó là sự quay trở vào chính mình để cảm thấy hối tiếc cho chính mình, hoặc để chỉ trích chúng ta về việc không hoàn thành những ý tưởng phi thực tế của chúng ta. Sự yêu mình hoặc ghét mình cách vô có, việc che giấu sự giả dối về mình trong mối tương quan với Thiên Chúa do sầu khổ thiêng liêng đem đến, những điều này chỉ làm sầu khổ thêm tội tệ hơn. Sự suy gẫm theo cách I-nhã đề nghị thì không phải vì lý do yêu mình hay ghét mình (ngoại trừ nếu sự thật cần nó và nó giúp đạt tới sự bình an đích thực). Suy gẫm là để hiểu chính mình trong ánh sáng của Chúa Ki-tô để đưa cái tôi thực của mình tới Thiên Chúa trong cầu nguyện, và để hiểu các phương thế khác tôi phải làm để áp dụng một cách thông minh những cách chữa trị có thể giúp chế ngự sầu khổ, hay trong một số trường hợp, giúp tôi lớn lên trong đức tin, đức cậy và đức mến trong lúc sầu khổ và ngay cả qua lúc sầu khổ nhờ sự chịu đựng can đảm. Cách phản tỉnh về mình trong lúc sầu khổ của I-nhã có một ý nghĩa chủ động. Nó là một phần của toàn bộ sự phản ứng khởi đi từ đức mến can đảm, sức mạnh và đức ái chín chắn.

Bên cạnh việc bản thân kiên trì suy niệm và xét gẫm khi chúng ta gặp sầu khổ thiêng liêng, I-nhã cũng đề nghị rằng chúng ta kiên định “gia tăng làm việc hãm mình đền tội trong một vài cách thức thích hợp”. Chúng ta hãy đặt vấn đề xem I-nhã hiểu việc hãm mình đền tội như thế nào, về mối tương quan của hãm mình đền tội để chống lại sầu khổ, và ngài ám chỉ điều gì khi ngài nói hãm mình đền tội theo cách thích hợp. Những câu trả lời cho những câu hỏi này có thể được thấy chủ yếu trong sách Linh Thao (82-89).

Ngài nói việc hãm mình đền tội có thể là bề trong hoặc bề ngoài. Việc hãm mình đền tội bề trong là sự đau buồn về

những tội lỗi của mình với một mục đích kiên định không tái phạm nữa. Việc hãm mình đền tội bề ngoài là hoa trái của việc hãm mình đền tội bề trong và được làm theo ba cách chủ yếu sau: ăn chay, bớt giấc ngủ, phạt xác. Liên quan đến thức ăn, hạn chế bằng sự ăn kiêng thức ăn nào đó có quá nhiều hoặc quá ngon thì chỉ là sự điều độ, không phải là hãm mình đền tội; hãm mình đền tội đòi hỏi việc hạn chế những gì là kiêng cử điều độ. Với giấc ngủ cũng vậy. Việc phạt xác, theo I-nhã là mặc áo nhặm, tự đánh mình hay theo một số cách khác tương tự. I-nhã nói cách thức hãm mình đền tội cuối cùng này không bao giờ nên làm cách công khai, nhưng làm cách riêng tư.

Không một hình thức hãm mình đền tội nào I-nhã thấy là hợp lý nếu chúng đi quá mà gây nên sự khó chịu, và gây ra sự đau yếu, hay nếu chúng mâu thuẫn với những điều tích cực và quan trọng hơn như việc chiêm niệm, việc tông đồ hoặc các việc bác ái khác. Trong lá thư gửi cho thánh Phanxicô Borgia chúng ta đã đề cập phần trên, chúng ta thấy I-nhã đã áp dụng những quy tắc của mình như thế nào. Ngay thời gian đầu cuộc hoán cải của thánh Borgia đến một đời sống thiêng liêng mạnh mẽ, I-nhã đã khích lệ một chương trình hãm mình bên ngoài và đạt những hiệu quả rất tốt. Tuy nhiên, khi những việc hãm mình này (mà thánh Borgia dường như nói rộng thêm) cho thấy dấu hiệu có hại cho sức khỏe của thánh Borgia, I-nhã đã ngăn cản không cho thánh Borgia làm những việc hãm mình đó.

Thứ hai, với việc ăn chay và kiêng cử, tôi khuyên ngài hãy cẩn thận và củng cố bao tử của ngài vì Chúa chúng ta và vì sức khỏe thể lý khác của ngài hơn là làm chúng suy yếu. Lý do của tôi là, trước hết, nếu khi một linh hồn sắp đánh mất đời sống riêng của nó chứ không xúc phạm đến uy danh Thiên Chúa bằng một tội nhẹ nhất có cân nhắc, và hơn nữa, dường như nó không bị các cám dỗ của thế gian, xác thịt, và

Chương 7: Đáp trả tiếng Chúa trong sâu khổ thiêng liêng

sự dữ (tình trạng của linh hồn mà tôi thấy chắc chắn là, nhờ ơn Chúa, ngài công tước sẽ thích thú), tôi rất muốn ngài công tước ghi nhớ trong tâm hồn sự thật rằng, vì cả thân xác và linh hồn là món quà của Đấng Tạo Hoá và Chúa chúng ta, ngài phải cho Chúa thấy ngài quan tâm đến cả hai. Để thực hiện điều này, ngài không được cho phép thân xác mình trở nên ốm yếu, vì nếu ngài để như vậy, con người bên trong sẽ không có khả năng để hoạt động cách chính xác được nữa. Cho dù trước kia tôi rất ca tụng việc ăn chay và kiêng cử ngay cả những thức ăn thông thường hàng ngày và chương trình này phù hợp cho một thời gian nhất định, tôi không thể tán đồng trong tương lai, vì khi tôi thấy rằng bao tử, do nguyên nhân của việc ăn chay và kiêng cử này, không thể hoạt động cách bình thường hay không thể tiêu hoá được bất kì thức ăn hàng ngày nào hay những món ăn kiêng giúp duy trì thân thể hoạt động. Tôi khuyên ngài tốt hơn nên tìm tất cả những cách thức để tăng cường sức khoẻ. Vì thế, ngài nên ăn bất kì thức ăn nào được phép và ăn nhiều lần nếu ngài thấy thích hợp. Nhưng việc đó không được gây có vấp phạm cho người khác. Chúng ta nên quý trọng thân xác trong chừng mực nó tuân phục và hữu ích cho linh hồn vì với sự trợ giúp và phục vụ của thân xác, thì linh hồn chuẩn bị tốt hơn để phục vụ và ca ngợi Đấng Tạo Hoá là Thiên Chúa chúng ta.¹¹²

Chú ý cách I-nhã nhận biết thời điểm thích hợp để chúng ta khắt khe với chính mình và thời điểm thích hợp để nhẹ nhàng hơn với mình, tất cả với sự cẩn trọng để ước lượng mọi sự nhằm đạt được mục đích để tôn vinh và phục vụ Thiên Chúa hơn qua toàn bộ sự hiện hữu của chúng ta –“một sự phục vụ hợp lý”.

¹¹² *Letters Ign*, tr. 180. Lời tuyên bố xuất sắc về ý nghĩa và hiệu quả của ăn chay, xem George T. Montague, S.M., *Riding the Wind* (Ann Arbor, Word of life, 1974).

Thật thú vị khi ghi nhận rằng I-nhã đã đặt giấc ngủ vào một trường hợp đặc biệt. Ngài nói chúng ta không bao giờ nên đi quá việc hãm mình trong việc từ chối giấc ngủ của chúng ta, đó là đừng bao giờ hãm mình theo cách này trừ khi nó cần thiết để vượt qua (*agere contra*) một thói quen là ngủ quá nhiều (Lt 84). Việc xác định giới hạn về tiết độ trong việc từ chối giấc ngủ của chúng ta dĩ nhiên không cấm một ai áp đặt quá nghiêm khắc với bản thân, ví dụ để thức dậy vào nửa đêm hoặc quá sớm vào buổi sáng để cầu nguyện hoặc cắt bớt giấc ngủ để đáp ứng nhu cầu của đức ái. Nó chỉ có nghĩa là chúng ta cần ngủ [đủ] để chúng ta làm việc và cầu nguyện.

Việc đã nói đưa ra hai điều kiện cơ bản cần phải đạt được nếu bất kì sự hãm mình nào được cho là “phù hợp”: nó không được gây ra bất kì sự yếu nhược nào và nó không gây cản trở cho bất kì lợi ích lớn hơn nào. Tuy nhiên như I-nhã lưu ý ở Linh Thao số 89, chúng ta quá dễ dàng để bị làm cho mê muội bởi nỗi sợ về sự khó chịu của chúng ta hay bởi sự hăng hái thiếu suy nghĩ, cho rằng, để đạt được những điều kiện này thì không dễ dàng gì. Hơn nữa, điều một người có thể có khả năng chịu đựng mà không gây ra yếu nhược hay cản trở cái tốt hơn có thể, vì những lý do khác, trở nên không thích hợp cho người này trong thời gian này. I-nhã nhận thức về con người tự nhiên phức tạp như thế nào và mức độ phức tạp của những công trình trong sự quan phòng của Thiên Chúa trong đời sống con người. Cách duy nhất mà ngài thấy chắc chắn về điều hợp cho cá nhân là thực nghiệm và thấy điều gì tỏ ra hữu ích hơn. Hãm mình nhiều có thể chứng minh thành quả cho việc cầu nguyện và làm việc của một người cho người xung quanh trong đời sống của anh; hãm mình ít có thể chứng minh thành quả hơn cho người khác. Trong thời điểm khác những kết quả có thể là khác nhau. Một hình thức hãm mình có thể phù hợp với người này mà không phù hợp với người kia; hoặc

Chương 7: Đáp trả tiếng Chúa trong sâu khổ thiêng liêng

cùng một người mà khác thời điểm có thể tìm thấy các hình thức hãm mình hữu ích. Chỉ có Thiên Chúa biết chắc chắn điều gì là tốt nhất liên quan đến số lượng hay hình thức hãm mình. Nếu chúng ta xin ánh sáng và để làm những gì chúng ta có thể thí nghiệm được, thì Ngài sẽ hướng dẫn chúng ta làm điều phù hợp. Một hình thức hãm mình mà chúng ta chắc chắn có thể phù hợp đó là điều được yêu cầu bởi đức ái có nhận định, cho những người anh em của chúng ta, hy sinh về thức ăn, đồ uống, nghỉ ngơi và tiện nghi để trang bị những sự cần thiết về thể lý, tâm lý, hay thiêng liêng của họ.

Do đó hãm mình thích hợp không chỉ tôn trọng sự đòi hỏi hợp lý của sức khoẻ tâm linh và thân xác cần cho đời sống cầu nguyện và các việc bác ái, và những giới hạn về thời gian và nỗ lực cần cho các việc tốt hơn này; nhưng nó cũng được điều chỉnh cho những mục đích chắc chắn và ích lợi một cách tích cực cho những việc này. Trong Linh Thao số 87 I-nhã nói tới ba mục đích: (1) bắt tình cảm vâng theo lý trí; (2) đền bù tội đã phạm; (3) việc hãm mình của chúng ta trong cầu nguyện để mở lòng mình đón nhận một số ân sủng mà đã ước ao để ca ngợi và phụng sự Thiên Chúa. Không một lý do nào ở trên có bất kì mối liên hệ cần thiết nào với việc chế ngự sâu khổ lúc này và lúc khác. Chúng có thể tác động để chúng ta hãm mình khi chúng ta có bình an thiêng liêng hoặc an ủi thiêng liêng. Dầu vậy, tất cả chúng ta có thể phải chịu đựng sự thay đổi mình theo những cách ngược lại trong sâu khổ thiêng liêng. Chúng ta hãy xem xét kĩ từng cách một.

Lý do thứ nhất là: sự áp dụng rõ ràng nguyên tắc làm ngược lại. Nếu bạn quá nghiêng chiều về một sự đam mê thì nguyên tắc đòi hỏi: với một thời gian, không được bằng lòng với việc chống lại khuynh hướng ăn uống quá nhiều, ngủ nghỉ quá nhiều hay sống thoải mái và mê đắm. Hơn thế, đi xa hơn

sự kiên cữ và hãm mình để chế ngự chiều hướng của sự dữ qua việc làm những điều hoàn toàn ngược lại. Tất nhiên nó phải được hiểu rằng điều này được làm như một sự biểu lộ đức tin và đức mến, điều khích lệ anh làm và như thế tăng cường sự xấp xếp cho đời sống phù hợp với đức tin và đức mến. Lý do trước hết này để hãm mình đề cập đến sự chống trả sâu khổ khi việc đầu hàng những khuynh hướng xấu bị lộ ra, qua việc xét mình, tương tự như một sự góp phần vào việc đánh mất sự an ủi thiêng liêng và rơi vào sâu khổ thiêng liêng.

Lý do thứ hai: để đền bù tội lỗi, nhấn mạnh của mối quan hệ của việc hãm mình bề trong và bề ngoài một cách rõ ràng nhất, việc trở về với Thiên Chúa và xa tránh tội lỗi với sự kiên quyết trở về với ơn Chúa giúp. Lý do hãm mình này là một phần giáo huấn rõ ràng và vĩnh cửu của các tiên tri và kinh nghiệm của dân Thiên Chúa. Nó biểu lộ trực tiếp trong việc chống lại sâu khổ thiêng liêng chỉ khi tội đã phạm được nhìn như là nguyên do cho sâu khổ; có những lý do gây ra sâu khổ khác mà chúng ta sẽ thấy ở quy tắc thứ 9.

Lý do thứ ba: để làm việc hãm mình là để nối kết với cầu nguyện nhằm xin một ơn sủng từ Thiên Chúa mà mình ao ước: như đau đớn về tội lỗi, tăng sức mạnh cho đức tin, sự soi sáng để giải quyết một nghi vấn và tương tự như thế. Đây là lý do chắc chắn I-nhã đã muốn và trong quy tắc thứ 6 ngài đã yêu cầu làm việc hãm mình như là một cách để thay đổi mình, vì cho dù nguyên do của sâu khổ thiêng liêng là gì đi nữa, chúng ta phải hướng về với Thiên Chúa qua cầu nguyện để có sự trợ giúp mà vượt qua nó và trưởng thành trong đời sống thiêng liêng; chúng ta luôn luôn làm thêm một vài việc hãm mình để cầu xin ơn sủng của Thiên Chúa.

Hãm mình là việc cuối cùng I-nhã đề nghị trong quy tắc cơ bản này để đối xử khi gặp sâu khổ thiêng liêng. Điều này

Chương 7: Đáp trả tiếng Chúa trong sầu khổ thiêng liêng

đường như rõ ràng ở bản văn về quy tắc mà tất cả các đề nghị được liệt kê ra trong đó là để minh họa, không phải là bản thống kê đầy đủ- đầu vậy có lẽ nó là những phương thế chủ yếu I-nhã nghĩ là để chống lại sầu khổ. Một ghi nhớ thêm, được yêu cầu qua ghi chú cuối cùng liên quan đến hãm mình đó là làm việc bác ái, đặc biệt đối với những ai đang đau khổ về tinh thần và thể xác. Hình thức này để chống lại sầu khổ rất phù hợp với tinh thần của I-nhã và rất hiệu quả cho việc hướng sự quan tâm ra khỏi nỗi đau riêng của một ai đó, và một câu hỏi rất giá trị là tại sao I-nhã không đề cập đến nó.

Một lý do có thể là, vì những quy tắc đã được đặt vào Linh Thao, I-nhã trước hết nghĩ về những người đang thực hành bài tập này trong thình lạng. Hơn thế nữa nhưng người không ở trong thình lạng như Linh Thao đòi hỏi (Lt 20) thì sẽ làm những việc bác ái phù hợp với ơn gọi của họ; nếu không phải thế, thì họ được bao gồm trong những người được đề cập ở quy tắc thứ 9, những người có kinh nghiệm sầu khổ thiêng liêng như một hậu quả của sự cầu thả và sự thờ ơ trong việc phụng sự Thiên Chúa. Nếu họ đã sẵn sàng để làm những việc bác ái mà cho đến nay nó được coi như là ý muốn của Thiên Chúa cho họ, thì sầu khổ không phải là lúc để thay đổi điều họ đang làm với lý lẽ của một quyết định trước đó (I: 5), làm như thế họ dễ bị lường gạt, như làm những việc ấy có thể làm suy yếu sức khoẻ của họ, họ rút lui khỏi điều Thiên Chúa kêu gọi họ làm, hay đưa họ ra khỏi sự khô khan trong giờ cầu nguyện, mà nơi đó Thiên Chúa đang thanh tẩy và huấn luyện họ vì lợi ích của những người khác.

Như thế những sự cân nhắc này dẫn chúng ta tới một kết luận rằng: trong thời gian bị sầu khổ thiêng liêng, chúng ta không nên vì sáng kiến riêng của chúng ta mà làm những công việc mới trong bất cứ phạm vi rộng lớn nào, trừ khi nó rõ

ràng cho thấy chúng ta đang thấy thiếu vắng Thiên Chúa nơi anh em mình qua sự lười biếng trong công việc, dĩ nhiên một cách rõ ràng trừ khi lòng bác ái đòi buộc nó. Điều quan trọng trong thời gian bị sầu khổ đó là xem xét những thúc đẩy riêng của chúng ta trong những việc đã làm và sự quảng đại để thực hành những công việc đó. Chúng ta cần phải thanh luyện động cơ của chúng ta khỏi sự tư lợi để hướng sự quan tâm đến những nhu cầu và sự đau khổ của người những khác, để khích lệ sự quảng đại thông cảm cho những nỗi đau và niềm vui của họ, quảng đại quan tâm đến nhu cầu của họ và để ta tiếp tục một cách quảng đại trong việc phục vụ họ. Được tham gia vào công việc và ngay cả việc nắm lấy sự ưu tiên trên (trong sự hòa hợp với qui tắc tín-thác-và-hành-động) phải luôn là lời cầu nguyện cách quảng đại cho những người khác trong việc phục vụ họ. Có quá nhiều điều trong đời sống của con người mà chúng ta biết để kêu gọi sự quảng đại thông cảm và cũng biết hài lòng cách vị tha trong điều tốt mà đến với họ và biết ca ngợi, cảm ơn về điều đó. Cũng thế qua những thông tin đại chúng, những thảm kịch và những niềm vui của toàn thế giới được đem đến gần chúng ta hơn, những điều có thể đụng chạm đến tình yêu của chúng ta, được chữa lành bằng sức mạnh của cầu nguyện và tạo nên những lý do cho những lời ca ngợi và cảm tạ của ta. Sự chiêm niệm của Kitô giáo về những bài báo có thể làm cho nỗi sầu khổ của một người trở thành một vấn đề nhẹ nhàng, và cũng khích lệ sự cầu nguyện xả kỷ để ca tụng, cảm tạ và cầu xin (có hoặc không có những tình cảm thích hợp).

Trong những cách này chúng ta thoát khỏi sự thu hút vào nỗi đau của chính chúng ta, thoát khỏi sự nguy hiểm của lòng yêu mình. Chúng ta cũng chống lại tinh thần biếng nhác và chúng tỏ trong hành động về sự giả dối của những ý tưởng đến từ sầu khổ - những ý tưởng làm mất đức tin, đức cậy và

Chương 7: Đáp trả tiếng Chúa trong sâu khổ thiêng liêng

đức mến của chúng ta, cho rằng chúng ta bị cách li với Thiên Chúa. Đời sống yêu thương của chúng ta được diễn tả trong sự quảng đại trong cầu nguyện và phục vụ, sẽ là một lời chứng đến từ Chúa Thánh Thần và tinh thần riêng của chúng ta mà chắc chắn Thiên Chúa ở cùng chúng ta, hành động trong và qua chúng ta. Dù cho nếu những cách hành động như thế không giải toả bóng mây của sâu khổ, thì chúng cũng sẽ giúp chúng ta chịu đựng nó mà không gây hại, thậm chí còn có ích lợi lớn hơn cho chúng ta và những người khác.

Chương 8:

**NHẬN ĐỊNH VÀ ĐÁP LẠI TIẾNG CHÚA THÁNH THẦN
TRONG SUỐT THỜI GIAN GẶP SẦU KHỔ THIÊNG LIÊNG:
PHÁT HUY NHỮNG LỜI KHUYÊN THIẾT YẾU**

Quy Tắc I:7-14

Cụm từ “hãy để người đó suy nghĩ (xem xét, nghiên ngẫm, chiêm ngẫm)” trong các quy tắc tiếp sau quy tắc I:6 hoặc những từ tương đương được lặp lại nhiều lần trong các quy tắc khác, luôn bao gồm những hình thức mà I-nhã muốn ám chỉ tới là việc “suy gẫm và xét mình.” Sự nhấn mạnh đến việc suy gẫm và xét mình không làm mất đi tính chính yếu của việc cầu nguyện xin ơn Chúa giúp trong tất cả các phương thế chống trả trong khi gặp sầu khổ thiêng liêng. Việc cầu nguyện này không cần thêm một sự giải thích riêng biệt nào, xét trong mối tương quan với những khía cạnh hoặc những yếu tố khác của cơn sầu khổ thiêng liêng thuộc những quy tắc tiếp sau quy tắc thứ 6. Việc cầu nguyện này sẽ có thêm màu sắc nhờ việc suy gẫm và xét mình.

Chính vì điều này mà cần sự tỉ mỉ. Chúng ta cần phải dùng đến trí năng của mình, I-nhã nhắc nhở chúng ta nhớ lại và hiểu những gì chúng ta tin với tư cách là những người Ki-tô hữu, để thấy mối quan hệ giữa những điều này với sự sầu khổ thiêng liêng, để ghi nhớ bản chất thực của cả bên trong lẫn bên ngoài, để suy xét những điều này dưới ánh sáng đức tin, và để chúng ta đáp trả sao cho phù hợp tới một mức khi những điều này nằm dưới sự kiểm soát trực tiếp hay gián tiếp của chúng

Chương 8: Trong sào khổ thiêng liêng: những lời khuyên sâu hơn

ta. Bởi vì những quy tắc này nối tiếp quy tắc thứ 6, tất cả đều là sự chi tiết hóa cho quy tắc đó. Có thể chúng lặp lại nhiều không những ở quy tắc thứ 6 mà còn ở những quy tắc khác. Tuy nhiên ở mỗi quy tắc đều làm nổi bật lên một khía cạnh hay một yếu tố đặc biệt trong con thú thách hoặc trong con sào khổ thiêng liêng, và mỗi quy tắc đều nhấn mạnh một vài cách giải quyết mang tính trí tuệ dựa trên niềm tin và kinh nghiệm của người Ki-tô hữu.

Sầu Khổ Thiêng Liêng như là Một Thách Đố: quy tắc I:7

Khía cạnh sầu khổ thiêng liêng được miêu tả trong quy tắc 7 có ý nghĩa như một thách đố, một cơ hội để chứng tỏ lòng trung thành khi sự việc đang diễn ra cam go, và để lớn lên trong đức tin sống động mặc dù mất hết tất cả mọi cảm nhận về on soi sáng trong việc làm đó, mặc dù mọi rắc rối đau thương mà thần dữ dòn ép ngăn cản chúng ta ngợi khen và phụng sự Chúa.

Quy tắc 7: Người đang gặp sầu khổ hãy nghĩ rằng Chúa đã để ta với những khả năng tự nhiên của ta như thế nào, để ta có thể tự chứng tỏ mình trong việc chống trả các xao động và cám dỗ của kẻ thù. Thật vậy, ta vẫn có thể chống trả được, nhờ sự trợ giúp thiêng liêng, điều mà vẫn luôn ở trong ta, dù ta không cảm thấy rõ ràng. Vì Chúa rút bớt lòng sốt sắng nồng nàn, lòng mến bao la và ân sủng mãnh liệt, nhưng vẫn để lại ân sủng đủ cho sự cứu rỗi đời đời.

Chúng ta sẽ thấy, điều này giống như đặc tính thách đố của sầu khổ thiêng liêng mà sẽ được bàn đến trong quy tắc thứ 9, như là lý do chính cho biết tại sao Thiên Chúa cho phép điều đó xảy ra. Để đương đầu với những thách đố đó, một cách chung, I-nhã đưa ra nội dung thích hợp để người gặp sầu khổ suy gẫm và xét mình.

Ngài mời gọi người gặp sầu khổ xem xét lại chân lý đức tin của người Ki-tô hữu rằng Thiên Chúa là Đấng trung tín, Ngài không bao giờ bỏ rơi chúng ta, dù thế nào đi nữa nó cũng chỉ đến với chúng ta trong khoảng khắc; rằng Ngài luôn luôn hiện diện đầy quyền năng và yêu thương; Ngài luôn gìn giữ bảo vệ chúng ta trong bóng cánh của Ngài, Ngài đã đặt sức mạnh của Ngài để chúng ta tự do sử dụng với sự cân nhắc

Chương 8: Trong sàu khổ thiêng liêng: những lời khuyên sâu hơn

và theo cách thức chúng ta cần trong mỗi hoàn cảnh để hoàn tất vinh quang mà Ngài dành sẵn cho chúng ta.

Đọc câu đầu tiên trong quy tắc I:7 mà không phản tỉnh, nó có thể làm chúng ta suy nghĩ điều mà I-nhã nói rằng: Thiên Chúa lấy đi ân sủng của Ngài và để chúng ta một mình. Ngài nói, một người khi gặp sàu khổ “hãy xét xem cách thức Thiên Chúa để ta với sức tự nhiên”. Thật không may, đây là một sự diễn tả không chính xác về ý tưởng của I-nhã, diễn tả theo nguyên văn mà không giải thích theo ngữ cảnh, thì sẽ mâu thuẫn với tất cả phần còn lại trong quy tắc 7 và phần cuối trong quy tắc thứ 11 (mà phần này thực sự là lời phát biểu lại quy tắc thứ 7). Nếu chỉ xem xét theo những khẳng định tức thời, thì người gặp sàu khổ có thể chống lại mọi sự náo động và cảm dỗ “với sự trợ giúp thiêng liêng, on mà luôn luôn ở lại với người đó mặc dù họ không nhận thấy rõ ràng”, và “Thiên Chúa vẫn để lại ân sủng đủ cho sự cứu rỗi đời đời”. Rõ ràng, dưới ánh sáng của những điều khẳng định này thì điều mà I-nhã nói đến trong câu đầu là một trong hai điều này, hoặc cả hai. Có lẽ ngài muốn nói rằng chúng ta cảm thấy như thể để với sức tự nhiên của mình. Hoặc ngài muốn nói chúng ta bị bỏ mặc mà không có ơn an ủi thiêng liêng. Điều này thực sự là ân sủng, nhưng không có nghĩa rằng đó là ân sủng duy nhất hoặc thậm chí quan trọng nhất mà Thiên Chúa ban để giúp ta trung thành và tiến lên từ điều tốt đến điều tốt hơn. Chẳng hạn, những điều được nói ở trên¹¹³ về “can đảm và nghị lực” để sống đời sống đức tin. Điểm này sẽ rõ ràng khi bây giờ chúng ta đề cập đến loại xét mình mà quy tắc này đòi hỏi.

113

Xem phần trên, tr. Error: Reference source not found-Error: Reference source not found

Chúng ta đã thấy khi chú giải quy tắc 6, việc xét mình là cần thiết để chân lý của Thiên Chúa được mặc khải, điều mà chúng ta hấp thụ được trong chiêm ngắm. Nó có ảnh hưởng tràn ngập trong đời sống của chúng ta về phán đoán, hướng dẫn, cảm hứng và hỗ trợ chúng ta trong đời sống Ki-tô hữu. Với mục đích đó, chúng ta cần ghi nhận những điều thực sự đang diễn ra. Chẳng hạn, chúng ta cần xét lại liệu chúng ta có đang để cho chân lý về lòng trung thành của Thiên Chúa định hình những suy nghĩ và cảm xúc của chúng ta không, hay là chúng ta cho phép thần dữ ngang qua sự sầu khổ của mình định hình chúng ta trong đường lối ngược lại. Chúng ta cần ghi lại chúng từ này hơn là sự an ủi thiêng liêng mà Thánh Thần hiện diện và tác động nơi chúng ta. Chúng từ về đức tin mà chúng ta hiện có, về đức ái được thể hiện trong hành động và cũng được thể hiện trong nỗi đau đớn của sầu khổ thiêng liêng (vì, như chúng ta đã thấy, chỉ ai tin tưởng và yêu mến mới trải qua sự sầu khổ thiêng liêng). Chúng ta cần xét lại có hay không sự cầu thả và thờ ơ trong tình yêu của chúng ta dành cho Thiên Chúa và trong việc phục vụ Thiên Chúa, chính điều này đang gây trở ngại cho việc đón nhận sự an ủi thiêng liêng. Chúng ta cần duyệt xét lại những cảm nhận của chúng ta đang bóp méo những suy nghĩ của chúng ta như thế nào? Chúng ta cũng xem những cảm nhận - làm cho suy nghĩ không tương xứng với thực tại - đang ngăn cản thực tại khách quan như thế nào? Chúng ta hiểu rõ những thực tại khách quan nhờ đức tin và sự phản tỉnh trong cầu nguyện về những kinh nghiệm nội tâm.

Nếu bây giờ chúng ta nhớ lại những thứ của hệ quả thực tiễn mà chúng ta đã học về an ủi và sầu khổ thiêng liêng khi chúng ta chú giải các qui tắc I: 2 - 4, thì nó sẽ giúp chúng ta hiểu rõ về những thực tại về hoàn cảnh của chúng ta, khi chúng ta trong cơn sầu khổ thiêng liêng, và do đó cũng giúp

Chương 8: Trong sầu khổ thiêng liêng: những lời khuyên sâu hơn

chúng ta đối mặt với sự thách đố của những sầu khổ này. Chúng ta có thể đi đến kết luận rằng an ủi tự nó không làm tăng thêm cũng như sầu khổ không làm giảm đi những hành động chính yếu của đức tin, đức cậy, đức mến. Hơn nữa, bởi những cảm nhận đối nghịch mạnh mẽ trong mỗi kinh nghiệm này, mà đức tin, đức cậy, đức mến được trải nghiệm như thể mạnh mẽ lên hoặc suy giảm đi. Vì vậy, chúng ta phải hiểu điều Inhã ám chỉ trong quy tắc 7 khi Thiên Chúa rút lui trong cơn sầu khổ thì không phải là những hành động chính yếu của tình yêu, nhưng là rút đi những cảm nhận của tình yêu trào dâng ấm nồng. Không có những cảm nhận ấy thì cũng chẳng có “ân sủng mãnh liệt,” vì chúng đến từ Chúa Thánh Thần ngang qua đức tin sống động, và tự nơi những cảm nhận ấy hướng đến và tạo nên sự dễ dàng hơn cho những hành động mãnh liệt của đức tin, đức cậy, đức mến; cũng như là tạo nên những hành động để diễn tả các nhân đức ấy - tương tự như thế, sự nguội lạnh và khô khan về những cảm nhận thiêng liêng, tạo nên sự khó khăn và tự chúng hướng đến sự suy giảm của những hành động mãnh liệt kia. Tuy nhiên, việc rút đi món quà và ân sủng của những cảm nhận an ủi đầy dịu ngọt, sốt mến, hân hoan và mạnh mẽ thì không giống với việc ta không có bất cứ ân sủng nào của Chúa Thánh Thần mà giúp ta sống một đời Kitô hữu mạnh mẽ.

Có những ân sủng khác, mà chúng ta ít thấy rõ trong khi sầu khổ, nếu biết nhận ra, đón nhận và cộng tác với, thì ít nhất cũng có hiệu quả như sự an ủi. I-nhã chỉ ra chân lý này trong quy tắc 7. Thậm chí nó rõ ràng hơn trong quy tắc 11: “Trái lại, người lâm cơn sầu khổ phải nghĩ mình có thể làm được nhiều với ơn sủng đủ, để chống trả mọi kẻ thù của mình, nhờ lấy sức nơi Đấng Tạo Hóa và Chúa mình”. Bản Vulgate thì nói mạnh hơn. Những ai trong cơn sầu khổ được đảm bảo có khả năng

“chinh phục dễ dàng mọi kẻ thù,” nhờ sức mạnh của Chúa.¹¹⁴ Bằng ân sủng khác hơn sự an ủi, những người trong cơn sầu khổ không chỉ thành công trong việc chống lại thần dữ và cơn sầu khổ hẳn gây ra; họ còn chiến thắng thần dữ và làm như thể một cách dễ dàng. Trong cơn sầu khổ thiêng liêng, chúng ta vẫn có thể làm những gì mà thánh Phaolô nói rằng không một ai có làm nếu không ở dưới tác động của Chúa Thánh Thần, có nghĩa là nói trong tất cả sự chân thành của một niềm tin sống động “Đức Giê su là Chúa” (1Cr 12,3). Trong cơn sầu khổ thiêng liêng: “bác ái..., nhẫn nhục, nhân hậu, từ tâm, trung tín, hiền hòa và tiết độ” (Gl 5,22), là những hoa trái của Thần Khí, có thể rất hiển nhiên trong đời sống của chúng ta, và nó bày tỏ cho người khác “niềm vui và sự bình an” ẩn kín, đây là điều tất yếu để thúc đẩy sự ý thức Kitô giáo, nhưng nó bị ý thức của con người đè bẹp bởi những đợt sóng sầu khổ.

Kiên Nhẫn và Trông Đợi: Quy Tắc I:8

Bao lâu niềm tin tưởng rằng tình yêu tín trung của Thiên Chúa đang ban ân sủng trong mọi lúc, và sự thấu hiểu cặn kẽ thực tại của những kinh nghiệm sầu khổ còn được duy trì, thì chúng ta có thể đối mặt với những thách đố của cơn sầu khổ với lòng can đảm và nghị lực được bén rễ trong đức tin. Tuy nhiên, có những khía cạnh nào đó của cơn sầu khổ làm cho niềm tin tưởng và sự thấu hiểu này khó lòng duy trì. Bỏ đi những khía cạnh sầu khổ này trong tâm trí, thì quy tắc 8 có vẻ là một sự nhắc lại vô ích của quy tắc 6-7 với việc thêm vào sự thúc đẩy như thường lệ về sự kiên nhẫn.

Quy tắc 8: Người đang gặp cơn sầu khổ hãy gắng giữ sự nhẫn nại, là điều trái ngược với những xáo trộn xảy đến cho họ, và nghĩ rằng, chẳng bao lâu nữa sẽ được an ủi,

¹¹⁴ *SpExMHSJ*, p. 382.

Chương 8: Trong sâu khổ thiêng liêng: những lời khuyên sâu hơn

bằng cách nỗ lực vận dụng sự kiên trì chống lại cơn sâu khổ ấy, như đã nói ở qui tắc thứ sáu.

Ở đây không đề cập rõ ràng đến những khía cạnh sâu khổ đã làm cho quy tắc 8 có ý nghĩa, và cho phép độc giả hiểu để thấy được ý nghĩa của quy tắc. Vì thế, chúng ta hãy tìm hiểu những khía cạnh này của sâu khổ. Những khía cạnh được hàm ý bởi sự cần thiết của một loại kiên nhẫn rất đặc biệt dành cho những Kitô hữu muốn băng qua cơn sâu khổ thiêng liêng nghiêm trọng cách tốt hơn là một Kitô hữu yếu đuối.

Một giả định cho sự cần thiết phải có sự kiên nhẫn này là vì thời gian sâu khổ có thể kéo dài. Tuy nhiên, thường thì không. Thường những gì Chúa Giê su nói với các môn đệ có thể được nói trong ý nghĩa áp dụng về những gì đang diễn ra trong lúc an ủi và sâu khổ trong đời sống Ki-tô hữu. “Ít lâu nữa, anh em sẽ không còn trông thấy Thầy, rồi ít lâu nữa anh em sẽ lại thấy Thầy” (Ga 16,16). An ủi và sâu khổ đến rồi đi giống như khoảng cách giữa hai làn sóng gợn nhấp nhô, nên an ủi và sâu khổ cũng thay đổi chiều cao và chiều sâu. Tuy nhiên, khác với những cơn sóng tự nhiên, chu kỳ khoảng cách giữa hai lần gợn sóng trong kinh nghiệm thiêng liêng thì không theo quy luật nào. Đôi khi chu kỳ của an ủi và sâu khổ kế tiếp nhau, cả hai có thể xảy ra rất lâu. Đôi khi chúng xảy ra luân phiên rất nhanh làm cho người ta bối rối.¹¹⁵ Đôi khi cơn sâu khổ thì ngắn, an ủi thì dài, đôi khi an ủi ngắn đến trước và theo sau là sâu khổ dài. Một cách hiển nhiên trong cơn sâu khổ kéo dài, sự kiên nhẫn về điều mà I-nhã nói trong quy tắc thứ 8 được đòi hỏi, xem chúng ta có giữ vững niềm tin vào tình yêu trung tín của Thiên Chúa và hiểu thấu những thực tại trong đời sống đức tin của chúng ta trong suốt thời gian đó hay không.

¹¹⁵ *Autobiography*, số 21; trong tác phẩm *St. Ingatius' Own Story*, p. 18.

Tuy nhiên, kiên nhẫn không chỉ cần thiết khi gặp sầu khổ kéo dài theo một tiêu chuẩn tạm thời cách khách quan. Bất kỳ con sầu khổ mạnh mẽ nào mà là ngắn với một tiêu chuẩn như trên thì lại là dài với tiêu chuẩn thời gian của con người, thời gian của kinh nghiệm con người. Với một người gặp đau đớn, “một ít lâu nữa” có thể là rất lâu! Với một người đang yêu, khi cảm thấy bị chia cắt khỏi người yêu, đặc biệt khi bị cám dỗ nghi ngờ về tình yêu của người kia, và trong khi chờ đợi sự đảm bảo, sự hiện diện và sự hiệp nhất, thì “một ít lâu nữa” cũng là rất lâu! (Nhớ lại trong khía cạnh này những gì chúng ta đã xem xét về sầu khổ thiêng liêng, và rằng điều đó chỉ cân xứng với tình yêu của một người dành cho Thiên Chúa). Sự kiên nhẫn mà Inhã đã nghĩ đến và chúng ta sẽ cân nhắc trong lúc này, thì thậm chí cũng cần cho con sầu khổ ngắn ngủi nhưng mạnh mẽ bất thường một cách bất thường.

Trong khi sầu khổ thiêng liêng nghiêm trọng, thì không chỉ là một ít lâu nữa là một khoảng thời gian dài; mà còn có một cảm giác rằng an ủi sẽ không bao giờ trở lại nữa, rằng cuộc sống sẽ tiếp diễn trong sầu khổ cho đến chết - thậm chí người trong cuộc có thể phán đoán trong trí rằng những cảm giác hay những tư tưởng an ủi như thế là không thật. Trong thực tế, sầu khổ thiêng liêng có khuynh hướng xóa sạch đi không chỉ những trông đợi an ủi trong tương lai, mà còn cả ký ức về những kinh nghiệm an ủi trong quá khứ - dù những kinh nghiệm an ủi trong quá khứ này có thể là nền tảng cho những hi vọng trong tương lai. Những ai có nhật ký thiêng liêng, trong suốt thời gian sầu khổ, đôi khi ngạc nhiên khi nhìn lại những ghi chép về thời gian sống trước đây của họ, và họ thấy chúng được chạm khắc bằng những an ủi thiêng liêng. Sầu khổ thiêng liêng dường như làm quên đi niềm vui thiêng liêng. Hãy nhớ lại những kinh nghiệm mà Inhã đã ghi lại trong nhật ký thiêng liêng của ngài, và nhớ lại những gì chúng

Chương 8: Trong sâu khổ thiêng liêng: những lời khuyên sâu hơn

ta đã đề cập ở trang (136) khi chúng ta mô tả về sự sâu khổ. Giữa một loạt những an ủi thần bí mạnh mẽ, thành linh, ngài cảm nghiệm trong phút chốc nhưng rất mạnh mẽ sự lấn áp hẳn của sâu khổ thiêng liêng, và trong lúc ấy, ngài cảm thấy “xa cách và bị chia cắt [với các ngôi vị trong Ba Ngôi] như thể tôi chưa bao giờ có cảm nhận về hoặc sẽ chẳng bao giờ cảm thấy lại được.”¹¹⁶ Có trường hợp, sự an ủi trong quá khứ trở lại giữa rất nhiều những xô đẩy của sâu khổ, nghĩa là khi cứ nhớ về những an ủi trong quá khứ nó lại làm cho hiện tại đau thương hơn; vì khi đó việc nhớ lại một ơn an ủi đã mất là một yếu tố cấu thành nên sự sâu khổ.

Việc phản tỉnh, và xét mình của cá nhân người đang trải qua kinh nghiệm sâu khổ hiện tại dưới ánh sáng của những điều đã nói trên sẽ chắc chắn giúp anh nắm bắt được tình cảnh thật mà con sâu khổ đang che mắt anh. Thật giúp ích cho chúng ta khi đặt con sâu khổ vào dòng chảy của đời sống thường nhật (temporal life), nơi mà sự an ủi của quá khứ và tương lai là thực. Kết hiệp với việc suy niệm về tình yêu trung tín của Thiên Chúa, và với tất cả những gì I-nhã đã dặn dò trong quy tắc I:6 - 7, việc phản tỉnh như vậy chắc chắn sẽ giúp cho chúng ta trở nên kiên nhẫn hơn.

Tuy nhiên, sự kiên nhẫn mà chúng ta cần, như I-nhã cần thận chỉ ra, thì thường thường không chỉ bất cứ sự kiên nhẫn nào. Đó là một dạng kiên nhẫn rất đặc biệt, có khả năng để chạm trán với sự thách đố của con sâu khổ. Một sự kiên nhẫn mà chỉ để đưa chúng ta tới sự sẵn sàng, để chờ đợi được giải thoát khỏi sự sâu khổ một cách thụ động là tốt, nhưng chắc chắn chưa thỏa đáng. Chúng ta cần sự kiên nhẫn theo đúng nguyên tắc của cuộc phản công, một sự kiên nhẫn có thể giúp

¹¹⁶ *Spiritual Diary*, [144]; trong bản dịch của W.J. Young, số 40 (ngày 12 tháng 3), p. 32.

chúng ta kiên trì mạnh mẽ trong việc “không ngừng chống lại sự sầu khổ như vậy,” để vạch ra sự xô đẩy của nó, và để cắt đứt nguồn sức mạnh của nó. Chúng ta cần một sự kiên nhẫn mà “trái ngược với sự xáo trộn” của sầu khổ hoặc, như bản Vulgate ghi về quy tắc 8 rằng “dứt khoát chống lại sự xáo trộn của sầu khổ và chống trả lại chúng nhờ một lập trường đối nghịch hoàn toàn.”¹¹⁷

Inhã cho rằng, sự kiên nhẫn như vậy sẽ không có được nếu không cầu nguyện, và thậm chí trong việc đáp trả bằng lời cầu nguyện thì sự kiên nhẫn cũng sẽ không đến, nếu chúng ta không có nỗ lực. Ngài nói người gặp sầu khổ không chỉ cầu nguyện mà còn “phải nỗ lực giữ lấy sự kiên nhẫn.” Bản *Prima Versio* nói rằng: “hãy để người gặp sầu khổ nỗ lực với hết khả năng của mình để chính họ tìm được bình an.”¹¹⁸ Trong bản Vulgate có nói với chúng ta: “niềm hi vọng và tư tưởng an ủi đến trong chốc lát phải được ghi nhận” bằng sự chủ động và nỗ lực của chúng ta.¹¹⁹ Sự kiên nhẫn, cũng như những ân ban khác của Thiên Chúa, được trao ban qua chính sự tự do và sự cố gắng của chúng ta (mà những điều này cũng chính là ân sủng của Ngài). Sự nỗ lực hoặc việc làm của chúng ta để đạt được sự kiên nhẫn trong suốt thời gian chống lại sầu khổ thì, giả định là sau khi cầu nguyện, có được bởi sự suy niệm, xét mình, và sám hối mà như quy tắc 6 đã nói. Trong khi có được sự kiên nhẫn, nó sẽ giúp cho người gặp sầu khổ sống trong sự tối tăm với niềm tin thác vào tình yêu trung tín của Thiên Chúa, hi vọng ánh sáng đó sẽ tới, hành động trong khi chờ đợi với lòng can đảm và nghị lực để chống lại những khuynh hướng và những cảm nghĩ phát sinh từ sầu khổ.

¹¹⁷ *SpExMHSJ*, p. 380.

¹¹⁸ *Ibid.*, p. 381 (Emphasis mine).

¹¹⁹ *Ibid.*, p. 380 (Emphasis mine).

Chương 8: Trong sầu khổ thiêng liêng: những lời khuyên sâu hơn

Nếu chúng ta đọc 1Pr 5:6-11 với sự quan tâm đến sự buồn rầu bên trong của con sầu khổ, thì, với sức mạnh Lời Chúa, sự thúc đẩy đang đến phù hợp với những gì I-nhã nói với chúng ta trong quy tắc 7 và 8:

Vậy anh em hãy tự khiêm nhường mà đối xử với nhau, vì Thiên Chúa chống lại kẻ kiêu ngạo, nhưng ban ơn cho kẻ khiêm nhường. Vậy anh em hãy tự khiêm hạ dưới cách tay uy quyền của Thiên Chúa, để Người cất nhắc anh em khi đến thời Người đã định. Mọi âu lo, hãy trút cả cho Người, vì Người chăm sóc anh em. Anh em hãy sống tiết độ và tinh thức, vì ma quỷ, thù địch của anh em như sư tử gầm thét rảo quanh tìm mồi cắn xé. Anh em hãy đứng vững trong đức tin mà chống cự, vì biết rằng toàn bộ anh em trên trần gian đều trải qua một loại thống khổ như thế. Thiên Chúa là nguồn mọi ân sủng, cũng là Đấng kêu gọi mọi anh em vào vinh quang đời đời của Người trong Đức Ki-tô. Phần anh em là những kẻ chịu khổ ít lâu, chính Thiên Chúa sẽ cho anh em được nên hoàn thiện, mạnh mẽ và kiên cường. Kính dâng Người vinh quang và uy quyền đến muôn thuở muôn đời. Amen”.

Nếu chúng ta đối mặt với sầu khổ bằng tinh thần kiên nhẫn của đức tin và đức cậy, chúng ta có thể hoặc không thể lập tức làm giảm sự sầu khổ, nhưng chắc chắn rằng, chúng ta sẽ làm tiêu tan quyền lực hãm hại chúng ta; và chúng ta sẽ lớn mạnh hơn và tâm hồn ta được tinh tuyền hơn qua sự thách đố, và chúng ta có thể đón nhận an ủi của Thiên Chúa, khi Ngài trao ban chúng, một cách khiêm nhường và quảng đại. Kết quả này được I-nhã làm rõ trong những quy tắc tiếp sau.

Những Lý Do Thiên Chúa Cho Phép Sầu Khổ: Quy Tắc I: 9

Sau khi nhìn vào khía cạnh thách đố và dường như bất tận của nó, I-nhã mời gọi chú ý vào quy tắc I: 9 với ba khía cạnh

về kinh nghiệm sâu khổ thiêng liêng; và ngài đưa ra một cách suy niệm và xét mình để đáp trả một cách thích hợp nhất. Khía cạnh sâu khổ đang xem xét là vấn đề tự phát sinh trong chúng ta, và dẫn chúng ta đến chỗ nghi ngờ: Tại sao một Thiên Chúa, Đấng yêu thương tôi lại để tôi gặp tối tăm, đau thương, có nguy cơ mất Ngài, trong khi Ngài có thể cứu tôi? Cách mà I-nhã chỉ cho chúng ta khi gặp bối rối này, và đôi khi với những vấn nạn nguy hiểm là cần xem xét nhiều lý do tại sao chính tình yêu của Thiên Chúa lại dẫn Ngài đến hành động như thế.

Quy tắc 9: Có ba nguyên do chính yếu khiến ta gặp sâu khổ:
Thứ nhất: Vì ta lạnh nhạt, lười biếng hay chênh mảng trong các việc thao luyện thiêng liêng của chúng ta; và như vậy, vì lỗi ta mà sự an ủi thiêng liêng lìa bỏ ta; *Thứ hai:* Để thử coi ta tới đâu và ta đáng giá điều gì trong việc phụng sự và ca ngợi Chúa, khi không được hưởng biết bao sự an ủi và ân sủng bao la như thế. Thứ ba: Để cho ta một sự hiểu biết và nhận thức đích thực đến nỗi ta cảm thấy cách sâu xa rằng không phải tự ta làm phát sinh hay duy trì được lòng sốt sắng vô ngần, lòng mến mạnh mẽ, nước mắt hoặc bất cứ một ơn an ủi thiêng liêng nào khác, nhưng tất cả đều là ân ban và ơn sủng của Thiên Chúa, Chúa chúng ta, ⁴và để ta đừng “làm tổ ở cái khác”, bằng cách nâng trí khôn của ta đến sự kiêu ngạo hay hư danh nào đó, khi tự gán cho mình lòng sốt sắng hay các hình thức khác của ơn an ủi thiêng liêng.

Nếu chúng ta đọc quy tắc này trong toàn bộ mạch văn I-nhã dạy về cách thức hành xử trong khi gặp sâu khổ thiêng liêng, thì chúng ta sẽ thấy rằng điều đó không có ý buộc tội chúng ta hoặc có ý biện hộ cho Thiên Chúa bằng cách nói với chúng ta rằng, chúng ta xứng đáng với những gì chúng ta có, và vì thế, chúng ta nên giữ tinh lạnh và nhận lấy sự trừng phạt. Trái lại, giống như mọi quy tắc khác, nó có ý loại bỏ những sự đau đớn của sâu khổ thiêng liêng, và là nguồn mạch của sự can đảm. Một sự phân tích cẩn thận sẽ chỉ ra ý hướng

Chương 8: Trong sâu khổ thiêng liêng: những lời khuyên sâu hơn

này, và cũng chỉ cho chúng ta cách rút ra từ quy tắc này sự thỏa mãn đã định cho chúng ta.

Để làm được điều này, cần loại bỏ một vài sự hiểu lầm dễ gặp phải. Khi I-nhã nói về “những nguyên nhân giải thích tại sao chúng ta bị sâu khổ”, ngài không có ý để đề cập lại vấn đề ngài đã nói trong bộ nhận định I: 2 - 4, trong đó ngài nói rằng nguyên nhân thúc đẩy hoặc xúi giục sâu khổ thiêng liêng là do thần dữ. Mục đích ở đây là chỉ ra một số nguyên do tại sao Thiên Chúa – Đấng ban ơn an ủi thiêng liêng cho ta - lại để ta đánh mất nó; và thậm chí, hơn nữa, là cho phép thần dữ xúi giục sâu khổ thiêng liêng. Vì rằng, những nguyên do là từ những nguyên do của Thiên Chúa, nên chúng là những nguyên do của sự khôn ngoan và tình yêu vô tận dành cho ta. Do đó, vấn đề mà I-nhã nói với ta trong quy tắc này là để suy gẫm về sâu khổ dưới ánh sáng đức tin của ta trong tình yêu và sự khôn ngoan của Thiên Chúa, để ta hiểu cách thức dù rằng nó không phải là tình yêu của Thiên Chúa, nhưng *vì lý do* nào đó (account of it) , mà ta thấy mình ở trong sâu khổ thiêng liêng. Đây là một cách thức suy gẫm mà ngài mời gọi trong qui tắc I: 6.

Tất cả chúng ta có phần giống các tông đồ khi Chúa Giê su nói với các ông rằng Ngài sắp phải ra đi và các ông sẽ không còn thấy Ngài nữa. Các tông đồ đã buồn sầu. Tất cả những gì mà các ông nghĩ là các ông sẽ mất Chúa. Sự xúc động này đã gắn sự quan tâm của các ông vào sự phiền muộn đó. Vì thế các ông không thể đáp trả bằng việc đồng cảm với tâm hồn của Đức Ki-tô, Đấng đã bảo các ông rằng Ngài sẽ ban cho các ông niềm vui của Người. Thậm chí các ông cũng không nghĩ phải hỏi tại sao Ngài ra đi. Vì thế cuối cùng, Chúa Giê su đã nói: “Thầy nói thật với anh em: Thầy ra đi thì có lợi cho anh em. Thật vậy, nếu Thầy không ra đi, Đấng Bảo Trợ sẽ không đến

với anh em; nhưng nếu Thầy đi, Thầy sẽ sai Đấng ấy đến với anh em” (Ga 16,7). Ngài cố gắng loại bỏ trong tâm trí các ông nỗi buồn phiền về sự chia lìa đã được tiên báo và về những lý do của sự chia cắt đó, những lý do xuất phát từ tình yêu của Ngài và tình yêu của Cha dành cho các ông. Nếu các ông có thể nắm bắt được lý do tại sao Đức Giê su ra đi thì các ông có thể giải quyết được nỗi buồn phiền của mình; và các ông có thể đáp trả lại sự ra đi của Đức Giê su bằng việc cộng tác với những điều Ngài đang thực hiện trong cùng một cách thức như Ngài, và qua đó các ông lớn lên trong tình yêu Ngài muốn. Cũng vậy, I-nhã bảo ta, khi ở trong sâu khổ thì hãy chuyển sự chú ý của mình đến những nguyên do tại sao Thiên Chúa trong tình yêu quan phòng của Ngài lại để nó xảy ra. Chúng ta phải cố gắng đọc ra kinh nghiệm sâu khổ của mình theo cái nhìn của Thiên Chúa, vì Ngài nhìn nó trong tình yêu vô tận mà Ngài ban cho ta.

Để thực hiện điều này, trước hết chúng ta phải loại bỏ bất cứ sự hiểu lầm nào về sâu khổ là do Thiên Chúa, rồi sau đó phải xác định một cách vững chắc và rõ ràng trong tâm trí chúng ta nền tảng căn bản mà nó kiểm soát bất cứ những điều suy đoán nào về những nguyên do Thiên Chúa lấy đi sự an ủi của Ngài và để ta chịu đựng cơn sâu khổ thiêng liêng.

Mặc dù chính Thiên Chúa là Đấng cất khỏi điều an ủi, nhưng thật sai lầm trầm trọng khi nghĩ rằng Thiên Chúa chủ động gây nên sâu khổ cũng như Ngài đã ban cho an ủi. Không thể có vấn đề về việc Thiên Chúa thúc đẩy hoặc xúi bẩy cơn sâu khổ. Ở quy tắc 1 và 2, I-nhã đã khẳng định rất đơn giản rằng chính thần dữ thúc đẩy hoặc xúi bẩy những cảm xúc đưa đến sâu khổ thiêng liêng cho những Ki-tô hữu trưởng thành, trong khi thần lành thì thúc đẩy những điều ngược lại với sâu khổ. Quả thật, thần lành có tác động đến lý trí của người Ki-tô

Chương 8: Trong sâu khổ thiêng liêng: những lời khuyên sâu hơn

hữu đang sa sút, và nhờ lý trí đó thần lành gây ra sự dẫn dắt lương tâm; nhưng điều đó không giống như sâu khổ thiêng liêng và trong một vài trường hợp, quy tắc 9 không đề cập đến những người Ki-tô hữu đang sa sút.

Có ý nghĩa nào không trong việc Thiên Chúa gây nên sâu khổ thiêng liêng? Ngài đã cất bỏ và lấy đi cách trực tiếp ân huệ của an ủi thiêng liêng và như thế để chúng ta trong tình trạng tĩnh lặng. Đây là một bước hướng đến sâu khổ. Ngài cũng cho phép cho các tác nhân khác gây nên sự sâu khổ thiêng liêng; nhưng điều đó thì không giống như sự thúc đẩy của chính Ngài. Người ta có thể chịu trách nhiệm trong việc cho phép điều gì đó xảy ra khi họ có thể ngăn chặn được. Để có thể chịu trách nhiệm trong việc cho phép như thế, ta thấy nguyên nhân chủ động dẫn tới hành động thì không giống với việc gây nên một cách chủ động. Ở đây dường như chỉ có một cách thế mà có thể nói Thiên Chúa góp phần một cách chủ động trong việc làm nên sâu khổ thiêng liêng: trong sự quan phòng của Ngài trên lịch sử con người, Ngài có thể chủ động dẫn chúng ta vào trong những hoàn cảnh mà ở đó chúng ta sẽ bị khuất phục trước những thế lực đưa đến sự sâu khổ. Có lẽ ở đây có một sự song song với việc Thần Khí đã dẫn Đức Giê-su vào trong hoang địa để chịu Sa-tan cám dỗ hoặc đưa Ngài vào trong đau khổ cuối cùng của đời dương thế, trong đó tại Giết-si-ma-ni và trên đồi Can-vê Ngài đã trải nghiệm độ sâu thăm của sự sâu khổ thiêng liêng.

Bây giờ, chúng ta hãy hỏi tại sao Thiên Chúa rút đi an ủi thiêng liêng và cho phép sâu khổ thiêng liêng xảy ra trong ta, thậm chí tại sao Ngài dẫn chúng ta vào trong một hoàn cảnh mà sâu khổ sẽ diễn ra? Nếu an ủi thiêng liêng là hoa trái của một đức tin sống động - được linh hứng bởi Thánh Thần, và tự nó hướng đến việc nâng đỡ và mang lại đời sống đức tin,

cậy, mền trọn hảo hơn - thì tại sao Thiên Chúa lại muốn lấy đức tin đó đi? Tại sao tốt hơn là Ngài không ban cho ta đức tin đó mọi lúc? Mặt khác, nếu sâu khổ thiêng liêng là thiêng liêng đối kháng (anti - spiritual) về căn nguyên và khuynh hướng của nó, thì tại sao Thiên Chúa lại muốn để cho sâu khổ xảy ra? Để trả lời những câu hỏi hợp lẽ này, I-nhã trong quy tắc 9 đã đưa ra 3 lý do chính yếu đã xảy đến cho ngài. Trước khi suy xét những lý do này, ta cần ghi nhớ những gì đức tin của ta trong tình yêu, sự khôn ngoan và quyền năng của Thiên Chúa đòi hỏi chúng ta nắm giữ, thì đó là nguyên tắc hướng dẫn cho bất cứ lý do nào được đưa ra để giải thích tại sao Thiên Chúa để cho sâu khổ thiêng liêng xảy ra. Một trong những bức thư của ngài, I-nhã đã tuyên bố điều này cách chắc chắn, rõ ràng và không dè dặt rằng: “Vì chúng ta phải luôn cho rằng bất cứ điều gì Thiên Chúa là Chúa vạn vật làm trong linh hồn con người là nhằm ban cho chúng ta vinh quang lớn hơn, hoặc để giảm bớt sự dữ trong ta nếu Ngài không tìm thấy những khuynh hướng (disposition) tốt hơn trong ta.”¹²⁰

Nếu Thiên Chúa rút đi an ủi thiêng liêng mà Ngài có thể tiếp tục ban cho, và cho phép sâu khổ thiêng liêng [xảy đến] mà Ngài có thể ngăn cản, thì điều đó chỉ có thể là vì, một lúc nào đó trong cuộc sống của ta, Ngài thấy sâu khổ phục vụ cho những mục đích yêu thương Ngài đối với sự tốt lành của ta hơn là an ủi. An ủi thiêng liêng mà chúng ta trải nghiệm trong cuộc sống này thì không phải là hồi kết, và không phải vì lợi ích của nó, nhưng nó chỉ là một phương tiện - một phương tiện quý giá khi thích hợp - nhưng nó cũng chỉ là một phương tiện được Chúa Thánh Thần sử dụng trong vô số những phương tiện khác để giúp ta lớn lên trong sự kết hiệp với Thiên Chúa và với nhau trong Ngài, để chúng đem lại cho

¹²⁰ *LettersIgn*, p. 18.

Chương 8: Trong sâu khổ thiêng liêng: những lời khuyên sâu hơn

chúng ta điều vinh danh Chúa hơn, và để giúp chúng ta tiến đến sự sống tròn đầy. Đôi khi an ủi thiêng liêng thật cần thiết để giúp ta lớn lên. Nhưng lúc khác, Ngài thấy rằng để cho chúng ta chịu sâu khổ thiêng liêng thì tốt hơn, và suốt thời gian đó Ngài tiếp tục khuyến khích, dạy dỗ và soi sáng cho ta. Bằng cách này, Ngài gia tăng sự tinh tuyền và chiều sâu cho đức tin- cậy- mến của ta, mà điều này lại không thể thực hiện được trong thời gian an ủi thiêng liêng. Rồi lúc khác, Thần Khí thấy rằng sẽ tốt hơn cho chúng ta nếu Ngài rút lại an ủi và những hoạt động trong chúng ta đang khi chúng ta ở trong tình trạng của an tĩnh thiêng liêng.

I-nhã dường như lo lắng về sự an tĩnh kéo dài hơn là sâu khổ thiêng liêng trong suốt thời gian Linh Thao (Lt 6). Tuy vậy, sự lo lắng này của ngài không phải là một sự đổ lỗi cho thao viên hay ngài muốn chê trách họ. Vào những gian đoạn khác hơn là trong thời gian Linh Thao, ngài không hề lo lắng đối với những người mà chưa trải qua nhiều kinh nghiệm về những an ủi, bao lâu họ còn cầu nguyện hết mình, làm việc với ý ngay lành, chỉ tìm ý Chúa trong mọi sự và lớn lên trong các “nhân đức vững chắc”.¹²¹ Sau đây là một đoạn trích trong bức thư thân tình ngài gởi cho cha Francis Borgia, trong đó, ngài tuyên bố rõ ràng chúng ta cần “những quà tặng và ân sủng” là những an ủi thiêng liêng như thế nào để phụng sự Thiên Chúa. I-nhã kết luận rằng: “vì nguyên do này mà chúng ta nên ao ước tất cả hay một số những quà tặng và những ân sủng thiêng liêng; nghĩa là, ở mức độ chúng có thể giúp ta làm vinh danh Chúa hơn”.¹²² Ngài tiếp tục minh họa, trong một vài trường hợp, những những ân sủng đó có thể là một điều cản trở hơn là trợ giúp.

¹²¹ Ibid., tr. 254-255, 342; *Cons.*[260].

¹²² *LettersIgn*, p. 181 (emphasis mine).

Dựa trên nền tảng của nguyên tắc chung này, giờ đây chúng ta có thể thấy rõ hơn ý nghĩa của “ba nguyên nhân chính yếu” gây sầu khổ mà I-nhã đưa ra. Chúng ta có thể xem chúng như những dấu chứng về sự quan tâm đầy thương xót của Chúa. Nếu chúng ta bỏ quên điều này, thì chúng ta cũng bỏ quên toàn bộ. Tuy nhiên, nếu ta xem như vậy thì có hai câu hỏi được đặt ra. Thứ nhất đó là: từ quan điểm thực tiễn có cần để nghiên cứu từng nguyên nhân không? Khi nói về sầu khổ phải chăng là không đủ để tin rằng bất cứ điều gì Thiên Chúa ban cho hoặc cho phép - an tĩnh hoặc sầu khổ hoặc an ủi thiêng liêng - là khởi đi từ tình yêu của Thiên Chúa, và vì thế, ta nên chấp nhận và sinh ích lợi từ điều đó? Phải chăng cách giải thích đơn giản hơn này thì cũng không phải là cách tốt hơn? Câu trả lời là để tốt nhất trong sầu khổ thiêng liêng, chúng ta phải chống lại một cách mạnh mẽ và khôn khéo bằng việc sử dụng những phương cách học được trong những quy tắc 6-8. Bây giờ, để thực hiện điều đó, chúng ta cần tìm biết bao nhiêu có thể là lý do tại sao Thiên Chúa lại cho phép sự sầu khổ đặc biệt này xảy ra, qua đó Ngài muốn cho chúng ta điều gì. Chỉ trong cách thức này chúng ta mới có thể đáp trả một cách trọn vẹn và khôn ngoan được. Vì thế, bên cạnh việc suy gẫm về sự thật Thiên Chúa yêu thương ta và làm mọi việc, thậm chí cả sầu khổ thiêng liêng, để ta lớn lên trong việc kết hiệp mật thiết với Ngài hơn, thì chúng ta cần xét mình về đời sống để nhìn thấy một cách rõ ràng hơn điều Thiên Chúa đang nói với ta ngang qua bất kỳ cơn sầu khổ cụ thể nào nào hoặc Ngài có ý định ban cho ta điều gì ngang qua nó để chúng ta có thể đáp trả một cách thích hợp.

Cho rằng cơn sầu khổ thiêng liêng, không kể đến những biểu hiện của nó, thực sự là kết quả của sự quan tâm đầy thương xót của Thiên Chúa, vậy câu hỏi thứ hai được đặt ra là: thế thì tại sao lại chống lại nó? Phải chăng chúng ta đang

Chương 8: Trong sâu khổ thiêng liêng: những lời khuyên sâu hơn

chống lại ý Chúa dành cho chúng ta qua việc cản trở điều tốt lành Ngài muốn ban cho ta bằng việc chống lại sâu khổ? Hoàn toàn không phải vậy. Hãy nhớ rằng, Thiên Chúa không gây ra sâu khổ cách chủ động. Ngài lấy khỏi an ủi (cái để lại trong ta sự an tĩnh thiêng liêng) và *cho phép* những thế lực của sự dữ, Sa-tan hoặc tội lỗi của chúng ta, thúc đẩy con sâu khổ cách chủ động. Ngài không bao giờ muốn chúng ta chấp nhận sâu khổ mà không chiến đấu chống lại nó; mở ngò lòng mình ra cho nó mà không hề chống lại là cho phép thế lực sự dữ tàn phá đức tin và đức cậy, và cả đức mến của chúng ta dành cho Ngài. Lý do Ngài cho phép sâu khổ là ngang qua việc chống cự đó mà chúng ta lớn lên trong đức tin, đức cậy, đức mến cách can đảm. Những điều đó chúng ta không thể có trong an ủi thiêng liêng hay trong an tĩnh thiêng liêng. Chính lúc chúng ta không đáp trả một cách hăng hái đối với sâu khổ thiêng liêng, thì chúng ta đã không sử dụng một cách trọn hảo mục đích yêu thương của Thiên Chúa trong việc cho phép sâu khổ xảy ra.

I-nhã nói nguyên nhân thứ nhất chúng ta bị sâu khổ là do lỗi lầm của riêng ta, do sự lạnh nhạt, lười biếng hay chênh mảng trong các việc tập luyện thiêng liêng của chúng ta. I-nhã không nói bất cứ ai rơi vào sự lạnh nhạt hoặc những kinh nghiệm giống như sâu khổ thiêng liêng; và ngài lại càng không nói những ai đang gặp sâu khổ thiêng liêng thì thất bại trong cách thế này. Không có một mối dây liên hệ tất yếu nào giữa việc chênh mảng trong việc phụng sự Thiên Chúa và sâu khổ thiêng liêng. Thiên Chúa hoạt động cách tự do. I-nhã nói rằng sự biếng nhác và chênh mảng trong đời sống thiêng liêng tạo ra một lý do khả dĩ trong số những lý do căn bản là tại sao Thiên Chúa đã dẫn chúng ta đến sâu khổ thiêng liêng; và do đó, nó nên được xem xét. Vì sâu khổ thiêng liêng có thể là cách thức của Thiên Chúa nhằm kêu gọi người sâu khổ ý thức và hoán cải lối sống biếng nhác thiêng liêng mà họ rơi vào. Tuy

nhiên, Thiên Chúa có thể đem lại một kết quả như thế nơi một người khác ngang qua an ủi để khơi dậy một sự đáp trả quảng đại hơn. Ngài cũng có thể đạt được mục đích này trong thời gian an tĩnh thiêng liêng nhờ việc soi sáng những chân lý đức tin và nhờ đưa ta đến quyết tâm mạnh mẽ và can đảm. Thiên Chúa biết và ban cho mỗi người bất cứ điều nào tốt nhất trong mỗi hoàn cảnh cụ thể của cuộc sống. Sầu khổ có thể là tốt hơn cho người ấy trong hoàn cảnh này, không chỉ vì nó hiệu quả hơn cho việc ăn năn hối cải hơn là an ủi hoặc soi sáng và quyết tâm trong thời gian an tĩnh, mà còn vì có nhiều lợi ích khác, chẳng hạn, việc dạy dỗ được đưa ra trong nguyên do thứ ba (mà chúng ta sắp nói tới), hoặc sự lớn lên trong việc hiểu biết đầy cảm thông những người khác cũng lắm con sâu khổ.

Nếu thiếu trung thành và lòng quảng đại là lý do mà Thiên Chúa lấy đi an ủi và để cho sầu khổ xảy đến với bất cứ người nào, thì thật là quan trọng cho người đó ngang qua việc xét mình, để nhận thức được nó. Vậy thì, nếu có lý do nào khác hơn do lạnh nhạt thiêng liêng, thì tuy việc chiến đấu chống sầu khổ là hiển nhiên nhưng sẽ mang một đặc tính khác. Trái lại, cũng như việc nghĩ rằng sầu khổ do mình thiếu quảng đại mà thực sự không phải thế sẽ gây nên sự bối rối tồi tệ, đau khổ và ngăn cản người bị sầu khổ cộng tác với sự quan phòng của Thiên Chúa đang hoạt động ngang qua sầu khổ.

Lý do thứ hai có thể có đối với sầu khổ của chúng ta là Thiên Chúa muốn gọi sầu khổ đến để thử sức ta. Thật vậy, Ngài cho ta một cơ hội để tỏ lòng quảng đại trong việc tán dương và phụng sự Ngài thế nào mà không có những sự vui sướng nào đền bù hay những món quà ngọt ngào và êm dịu nào. Thực ra có hai nguyên do ở đây, hay chúng ta có thể nói là hai khía cạnh của nguyên do thứ hai này.

Chương 8: Trong sầu khổ thiêng liêng: những lời khuyên sâu hơn

Khía cạnh thứ nhất là điều mà chúng ta đã lưu ý trong quy tắc 7: sầu khổ phục vụ như một thử thách. Thậm chí một người không lạnh nhạt, không bê trễ, và không biếng nhác trong việc ca ngợi và phụng sự Thiên Chúa thì đôi khi cần có một thách thức để rút ra và phát triển những khả năng, mà những khả năng ấy có thể phát triển tốt nhất ngay trong khi sầu khổ. Điều này sẽ xảy ra dưới sự linh hứng và hướng dẫn của Chúa Thánh Thần. Ngài là đấng, như chúng ta thấy, ở trong ý nghĩ thực tế chứ không ở trong cảm nhận của ta, như sự hiện diện một cách uy quyền, yêu thương và thành tín với ta trong bóng đêm của sầu khổ cũng như trong ánh sáng của an ủi. Khi chịu đựng và đấu tranh bằng sự can đảm, nghị lực, kiên nhẫn và cẩn trọng, điều mà Thánh Thần hoạt động trong mỗi người chúng ta, thì sầu khổ giúp chúng ta tẩy sạch khỏi tính ích kỷ, khỏi tính trẻ con lấy phần thường làm động cơ cho việc ca ngợi và phụng sự Thiên Chúa. Nó đòi hỏi chúng ta một sự hiện thực hóa của tinh thần phó thác hoàn toàn theo ý Chúa. Chính đây là cơ hội để nhận ra niềm tin tinh tuyền vào Thiên Chúa, tìm kiếm Chúa trong chính Ngài và chỉ vì Ngài hơn là tìm kiếm những an ủi của Chúa cho riêng bản thân ta. Sự thật thì không một người Ki-tô hữu nào có thể lớn lên mà không có bất cứ an ủi thiêng liêng nào; nhưng cũng đúng là nếu không có sầu khổ thiêng liêng, thì chúng ta, những kẻ bị thương tổn bởi tội nguyên tổ, có thể vẫn ở lại trong sự nông cạn - như trẻ con, có thể nói, hư hỏng về đàng thiêng liêng.

Chúng ta đã đề cập rằng có hai khía cạnh của lý do thứ hai mà Thiên Chúa cho phép sầu khổ thiêng liêng xảy ra. Khía cạnh còn lại của lý do thứ hai được liên kết mật thiết với khía cạnh thứ nhất mà chúng ta vừa mới xem xét: ngang qua sầu khổ thiêng liêng chúng ta có thể được soi sáng về tình yêu cá vị của ta đối với Thiên Chúa. Nếu trong sầu khổ chúng ta ngạc nhiên bởi sự ích kỷ mà chúng ta không mong chờ để thấy, thì

sự soi sáng như thế sẽ là một sự giúp đỡ để ta khiêm tốn. Nếu chúng ta thấy ngạc nhiên bởi tình yêu thành tín mà ân sủng của Thiên Chúa có thể ban cho ta ngay cả trong sâu khổ, thì sự soi sáng này sẽ khích lệ ta. Có lúc chúng ta cần một trong những mặc khải này và lúc khác ta cần những mặc khải khác. Ta hãy nói một chút về mỗi loại ấy.

Trong an ủi thiêng liêng, chúng ta được mang đi bởi những cảm xúc của mình. Tất cả đều dễ dàng vì mọi sự đều ngọt ngào và thỏa mãn bản thân ta. Trong một vài an ủi thiêng liêng, thật khó để xác định (1) đâu là chừng mực việc cầu nguyện của ta và việc làm của chúng ta với sự thiết tha và lòng sốt mến; cách hành xử khoan dung và hòa nhã với người khác của ta, là kết quả khởi đi từ lòng yêu mến Chúa vì chính Ngài và yêu thương tha nhân của ta với Chúa và trong Chúa vì chính họ, và (2) đâu là chừng mực mà chúng ta hành động như chúng ta là, bởi vì điều đó mang lại cho chúng ta sự ấm áp, sự ngọt ngào và niềm vui sướng. Suốt trong thời gian an ủi hầu hết chúng ta cảm thấy tự tin rằng những điều đó là quá khứ bởi vì lúc này, chúng ta cảm thấy không có chút vị kỷ nào trong tình yêu của ta với Thiên Chúa. Nhưng khi những cảm xúc an ủi bị lấy đi thì khi đó là giây phút của sự thật.

Chúng ta thấy rằng chúng ta đều giống như hầu hết những người đang yêu. Những người đang yêu họ cảm thấy hoàn toàn bỏ mình, mỗi người trong cái nhìn hướng về người khác (ước muốn vị kỷ cho người khác như đối tượng tình dục không phải là vấn đề mà tôi trình bày đối với những người đang yêu). Những người đang yêu có thể sẵn sàng liều mình hoặc hy sinh rất nhiều cho người yêu. Nhưng câu hỏi đặt ra ở đây là: khi phân tích một cách triệt để, liệu đây có phải là hoàn toàn cho người được yêu hay cho chính người đang yêu, người được yêu đang hiện diện như một đối tượng đáng khao

Chương 8: Trong sầu khổ thiêng liêng: những lời khuyên sâu hơn

khát và trọn vẹn đối với người đang yêu? Họ đang thực sự yêu nhau phải chăng vì những trải nghiệm ngọt ngào của tình yêu đó? Sự thật thì tình yêu như thế có thể đem đến những kỳ tích đáng khâm phục. Nhưng đối tượng cuối cùng của tình yêu là ai, người khác hay chính mình? Sự thật lộ ra khi những cảm xúc chết đi trong một thời gian dài. Tại sao người này có thể hành động hướng về người khác và như thế nào? Liệu họ có tiếp tục nhân hậu và quảng đại, suy nghĩ và chú ý, sẵn sàng để phục vụ, để hy sinh hạnh phúc hoặc thậm chí ngay cả mạng sống mình không? Hơn nữa, liệu người yêu hành động trong cách thức này khởi đi từ sự quan tâm đích thực cho người kia hay là bởi vì họ sợ xấu hổ về mình khi làm khác đi?

Trong khi phân tích cách triệt để, tình yêu lãng mạng thì thường quy kỷ nếu không phải hoàn toàn như thế. Những năm của đời sống hôn nhân hoặc của tình bạn trao hiến, những năm tháng làm việc qua những thời kỳ đen tối, hiểu lầm, ích kỷ đối với nhau, những năm tháng hy sinh bản thân cho nhau và kiên nhẫn, với nhiều phản tình cầu nguyện và chiến đấu với chính mình, tất cả nhờ hồng ân của Thiên Chúa - những năm tháng đó thật cần thiết để điều đã được khai mở trong tình yêu lớn lên trong bất cứ chuẩn mực cao cả nào của tình yêu vị tha chân thật mà mỗi người dành cho nhau trong và cho chính chàng hay nàng mà thôi.

Ở đây có một sự tương tự với tình yêu của ta dành cho Thiên Chúa. Trong thời gian an ủi trước khi có những thanh luyện của sầu khổ thiêng liêng, tình yêu của ta đối với Thiên Chúa, suy xét cho cùng, thường là tình yêu chủ yếu dành cho mình: chúng ta cảm thấy vui sướng và hạnh phúc trong việc yêu mến và phụng sự Ngài; và liệu chúng ta có nhận ra lý do tại sao chúng ta hành động như vậy hay không – không chỉ vì lý do này mà còn vì đó là nguyên do chính yếu nữa. Trong sầu

khổ, chúng ta *cảm thấy* Thiên Chúa không yêu ta và ta cũng *cảm thấy* không yêu Ngài. Sự soi sáng, dịu ngọt, hoan lạc, bình an đều mất hết. “Chẳng còn gì cho ta” lúc này. Khi đó, ta có thể quảng đại, sốt mến và trung tín như thế nào? Đó là bài kiểm tra. Nếu chúng ta đánh mất con tim, chệnh mảng trong việc cầu nguyện và phận sự của mình, cảm ràm, trở nên khó chịu với người khác, khinh suất và thờ ơ với người khác, thì chúng ta có thể suy nghĩ cách chắc chắn rằng những cảm xúc dạt dào của tình yêu và bề ngoài quảng đại vị tha trong thời gian an ủi có lẽ chỉ bên ngoài, hoặc may mắn lắm, có lẽ là một điều gì đó nhất thời phụ thuộc hoàn toàn vào việc có những cảm xúc ngọt ngào.

Đôi khi, điều rất có thể xảy ra là suốt trong thời gian sâu khổ đó chúng ta tiếp tục phụng sự và ngợi khen Thiên Chúa một cách trung tín và yêu mến Ngài như trong khi được an ủi. Chúng ta có thể thấy sự thật này nơi chính mình, mà không cần giúp đỡ; hoặc, do bị lầm lạc vì mất cảm giác yêu thương trong trực giác tình cảm của ta nên, chúng ta có thể cần một người linh hướng để chỉ cho chúng ta thấy sự thật này - điều rất hiển nhiên đối với những người khác. Cũng trong trường hợp này, Thánh Thần cho phép sâu khổ là để qua đó Ngài có thể tỏ bày cho ta biết đức ái được bén rễ cách mạnh mẽ mà Ngài đang kiến tạo nơi ta, và do đó dẫn dắt ta trở về với sự an ủi được dựa trên kinh nghiệm của sâu khổ. Có khi chúng ta cần loại an ủi này để ta can đảm và hoan hỉ hơn trong việc nhận ra rằng cho dù sự yếu đuối của ta lúc thấy thiếu vắng Thiên Chúa, thì Ngài thực sự vẫn đang ở bên ta, biến đổi ta trở nên giống như Ngài, rằng đời sống cầu nguyện, sự hy sinh, nỗ lực phấn đấu của ta ngang qua sức mạnh và lòng nhân hậu của Ngài cũng là đang bày tỏ vinh quang của Ngài.

Chương 8: Trong sầu khổ thiêng liêng: những lời khuyên sâu hơn

Theo thánh I-nhã, điều thứ ba trong các nguyên do chính yếu mà Thiên Chúa đã lấy đi khỏi ta niềm an ủi và cho phép sầu khổ xảy đến cũng là để soi sáng, dạy dỗ ta thái độ trung thành và khiêm tốn để hướng đến kinh nghiệm an ủi thiêng liêng. Lý do này giả định rằng, mặc dù an ủi thiêng liêng là một quà tặng của Thiên Chúa, nhưng nó có thể bị hiểu sai và bị lạm dụng. Như chúng ta đã thấy, tự thân sự an ủi là giúp gia tăng đức tin - cậy- mến; nhưng nó không nhất thiết tác động đến sự tăng trưởng đó. Chúng ta có thể lấy nó làm dịp cho hư danh, dịp để ta huênh hoang nghĩ về chính mình hơn là nghĩ về người khác, không coi mình là khí cụ của Chúa, không đến với Chúa một cách chân thật trong sự lệ thuộc hoàn toàn và lòng biết ơn về ân huệ mà chỉ một mình Ngài mới có thể ban cho.

Để ngăn chặn hay cứu chữa sự thật bị méo mó và gây nguy hại đến những điều mà Thiên Chúa ban để giúp chúng ta, Ngài phải làm cho ta biết sự thật theo cách mà nó sẽ biến đổi cách hiệu quả con tim của ta. Nói cho cùng, Ngài phải cho chúng ta biết rằng chính bản thân chúng ta chẳng có thể đạt được an ủi thiêng liêng khi chúng ta muốn và bằng nỗ lực của riêng mình, và chúng ta cũng chẳng chiếm giữ được nó khi nó được ban cho ta. Chúng ta phải hiểu rằng Thiên Chúa ban cho và lấy đi theo ý Ngài muốn, và rằng, trong sự an ủi như thế cũng như ra khỏi sự an ủi đó, chúng ta chẳng là gì khi tách khỏi sức mạnh yêu thương của Thiên Chúa. Để bài học ấy được nhấn mạnh, chúng ta cần phải biết thêm rằng chúng ta thậm chí không thể tránh khỏi rơi vào sự trái ngược của nó, đó là sầu khổ thiêng liêng; và chúng ta thậm chí không thể đạt được hoặc chỉ chiếm giữ trạng thái an tĩnh thiêng liêng chỉ bằng ý riêng và nỗ lực của mình. Để kiến thức trở nên hữu hiệu và ảnh hưởng đến sự thay đổi thái độ trong chúng ta, thì thật không thể là bất cứ lý thuyết gì được rút ra từ sách vở

hoặc từ những kinh nghiệm của những người khác kể lại. Nó không thuần túy chỉ là một kết luận của riêng chúng ta từ những lập luận về những chân lý mặc khải. Nó phải là một hiểu biết từ kinh nghiệm nội tâm về sự bất lực hoàn toàn trong lúc tối tăm của sâu khổ. Trong kinh nghiệm đó, chúng ta biết được sự thật nhờ “sự nhận thức kinh nghiệm bên trong”. Sự tuyệt vọng mà thần dữ muốn dẫn ta ngang qua sâu khổ thiêng liêng là sự tuyệt vọng về tình yêu và sự cứu giúp của Thiên Chúa. Sự tuyệt vọng mà Thánh Thần muốn dẫn dắt chúng ta ngang qua sâu khổ thiêng liêng là tuyệt vọng về chính chúng ta khi bị tách khỏi Thiên Chúa. Sự tuyệt vọng sau là sự thật; nó dẫn đến lòng khiêm nhường và cậy trông vào Chúa, để phụng thờ, ngợi khen và tạ ơn khi Ngài ban cho an ủi.

Từ ba nguyên do mà I-nhã đưa ra trong quy tắc 9 về lý do mà Thiên Chúa rút an ủi thiêng liêng đi và cho phép sâu khổ thiêng liêng xảy ra, thì những nguyên do khác có thể được thêm vào. Một điều ăn khớp với toàn bộ tinh thần của cuốn Linh Thao, và phù hợp với lý tưởng tình yêu mà I-nhã muốn gửi gắm cho chúng ta, là khát khao được nên một với Đức Giê su nghèo khó, chịu đau khổ và khiêm nhường trong công trình cứu chuộc của Người. Lý do này có thể được xem là được gồm tóm trong hoặc được rút ra từ nguyên do thứ hai mà I-nhã đưa ra. Nhưng khía cạnh cứu chuộc thì không có ở đây, ít nhất cũng không rõ ràng lắm, thậm chí là sự hàm ý. Trong một vài trường hợp, thật là ích lợi để làm rõ khía cạnh cứu chuộc này, bởi sự xác tín - là một trong những nguyên do Thiên Chúa cho phép sâu khổ xảy ra - có thể đem lại một ý nghĩa cho khía cạnh cứu chuộc này như là nguồn mạch của sự can đảm. Sự xác tín như thế cho chúng ta sức mạnh để chịu đau khổ trong sự kết hiệp với Chúa Giê su sâu khổ trong vườn Giếtsemani và trên đồi Canvê - kết hiệp với Chúa Giê su đang sống trong chúng ta, đang yêu thương chúng ta và đang đổ

Chương 8: Trong sâu khổ thiêng liêng: những lời khuyên sâu hơn

trần trong chúng ta điều mong muốn để chịu đau khổ cho thân thể của Ngài là Giáo Hội.

Một nguyên do khác đến với ta khi đọc những lời của thánh Phao-lô gửi giáo đoàn Cô-rin-tô:

³ Chúc tụng Thiên Chúa là Thân Phụ Đức Giê-su Ki-tô, Chúa chúng ta. Người là Cha giàu lòng từ bi lân ái, và là Thiên Chúa hằng sẵn sàng nâng đỡ ủi an.⁴ Người luôn nâng đỡ ủi an chúng ta trong mọi gian nan thử thách, để sau khi đã được Thiên Chúa nâng đỡ, chính chúng ta cũng biết an ủi những ai lâm cảnh gian nan khốn khó.⁵ Vì cũng như chúng ta chia sẻ muôn vàn nỗi khổ đau của Đức Ki-tô, thì nhờ Người, chúng ta cũng được chứa chan niềm an ủi.⁶ Chúng tôi có phải chịu gian nan, thì đó là để anh em được an ủi và được cứu độ. Chúng tôi có được an ủi, thì cũng là để anh em được an ủi, khiến anh em có sức kiên trì chịu đựng cùng những nỗi thống khổ mà chính chúng tôi phải chịu.⁷ Chúng tôi lấy làm an tâm về anh em, vì biết rằng anh em thông phần thống khổ với chúng tôi thế nào, thì cũng sẽ được thông phần an ủi như vậy. (2Cr 1,3-7)

Sâu khổ, cũng như an ủi, không chỉ dành cho riêng chúng ta. Chúng ta không có gì là của riêng mình; vì chúng ta không chỉ là sống cho chính mình. Chúng ta thuộc về nhau trong Đức Ki-tô, và an ủi hay sâu khổ của mỗi người là để cho người khác. Qua việc chịu đau khổ theo con đường của Đức Ki-tô, chúng ta học cách để hiểu và cảm thông với người khác trong sâu khổ, chúng ta học cách an ủi tha nhân trong con sâu khổ của họ. Nếu I-nhã không bao giờ chịu những sâu khổ khủng khiếp như ngài đã chịu, thì ngài sẽ không bao giờ có thể dạy chúng ta hiểu kinh nghiệm của chúng ta và cho chúng ta sự khích lệ và hướng dẫn mà ngài đã đưa ra.

*Trong Lúc An Ủi [Chúng ta hãy] Chuẩn Bị Cho Lúc Sầu
Khổ: quy tắc I: 10 - 11*

Sau khi trình bày cho chúng ta thấy tại sao tình yêu khôn ngoan của Thiên Chúa cho phép, thậm chí dẫn chúng ta đến kinh nghiệm sầu khổ thiêng liêng, I-nhã trở lại an ủi thiêng liêng và nói cho chúng ta trong các quy tắc I: 10 và 11 về những gì phải làm gì trong suốt kinh nghiệm [an ủi] đó.

Trong các khuynh hướng thì có một huynh hướng để đọc hai quy tắc này như thể chúng song đối với quy tắc 5-9, hơn là sự tiếp nối với các quy tắc đó. Ý kiến ấy như sau, trong quy tắc 5-9, I-nhã đã chỉ cho chúng ta về thái độ của chúng ta khi gặp sầu khổ thiêng liêng và những gì chúng ta nên làm trong khi kinh nghiệm về nó. Bây giờ, trong quy tắc 10 và 11 ngài sẽ chỉ cho chúng ta về thái độ của chúng ta đối với an ủi thiêng liêng và những gì chúng ta nên làm trong khi kinh nghiệm về những an ủi ấy.

Tuy nhiên, nếu đó là ý định của I-nhã thì nội dung của quy tắc 10 và 11 này có lẽ gây thất vọng; có quá nhiều điều bị bỏ sót mà chúng ta mong đợi, nếu như ngài có ý hướng đặt tương ứng cách chữa trị sầu khổ của ngài. Không có chỉ dẫn nào về vai trò của an ủi thiêng liêng trong đời sống Ki-tô hữu. Chẳng hề có điều gì nói về thời kỳ an ủi như là thời kỳ tìm kiếm thánh ý Thiên Chúa và thời kỳ đi đến những quyết định mới, và cũng không có chỉ dẫn nào về việc lưu ý đến những thúc đẩy của Thánh Thần trong thời điểm này. Không có sự cảnh báo nào về việc [ta] đang bị tách rời, và không bám víu vào an ủi hay sự tự mãn.

Do đó việc đọc quy tắc 10 và 11 chỉ tương ứng như lời khuyên trong thời gian sầu khổ thì sẽ khiến cho chúng ta thất vọng. Hơn nữa, nó sẽ làm cho chúng ta bối rối. Vì tất cả những

Chương 8: Trong sầu khổ thiêng liêng: những lời khuyên sâu hơn

gì chúng ta thấy là hai phát biểu vẫn tất hoàn toàn nói về sự an ủi trong mối quan hệ với sầu khổ, và không có đích nhắm trực tiếp nào khác hơn là tiếp tục chỉ dẫn chúng ta cách để chống lại cơn sầu khổ. Trong quy tắc 5-9 ngài nói cho chúng ta cách chống lại cơn sầu khổ đang khi chúng ta kinh nghiệm về nó. Trong quy tắc 10 và 11 chúng ta được mách bảo cách phải chuẩn bị thế nào trong suốt thời gian an ủi để chiến đấu với cơn sầu khổ khi nó đến, một khi chắc chắn nó sẽ đến. Chúng ta phải làm điều này bằng cách đặt kế hoạch hành động thế nào trong cơn sầu khổ, và bằng cách xây dựng hệ thống phòng thủ để chống lại những cám dỗ đến trong suốt thời kỳ an ủi, và bằng cách loại bỏ bất cứ thái độ nào trong chúng ta mà ở đó chúng ta không coi sầu khổ như là cách Chúa dạy chúng ta. Ở đây không có cách đề cập nào về an ủi thiêng liêng như đề tài đáng quan tâm theo đúng nghĩa của nó. Nhưng chúng ta hãy nhìn vào chính những quy tắc và hãy xem ở đó nói gì.

Quy tắc 10 bao gồm một câu cô đọng được nói cho một người trong khi được an ủi thiêng liêng.

Quy tắc 10: : Người đang được an ủi, phải nghĩ tới cách xử sự trong cơn sầu khổ sẽ đến, bằng cách dành lấy sức mạnh mới cho lúc đó.

Câu này có thể được dàn trải vào ba vấn đề phân biệt nhưng có tương quan với nhau, mỗi vấn đề rất đáng chúng ta chú ý một cách cẩn thận: (1) sầu khổ sẽ đến sau an ủi; (2) một người trong lúc an ủi nên nghĩ về cách hành động thế nào khi sầu khổ đến; và (3) nên làm mới lại sức mạnh và nghị lực của họ để đối mặt với sầu khổ đó.

Trong suốt thời gian an ủi thiêng liêng, nếu chúng ta thực hiện một cách nghiêm túc và hành động theo lời khuyên để suy nghĩ về cách chúng ta sẽ phải đối mặt với sầu khổ thế nào

khi nó đến và cũng vậy chúng ta sẽ chuẩn bị cách thức để đối mặt với nó, thì trước tiên chúng ta phải có một sự nhận thức mãnh liệt, hay ít nhất là một xác tín vững chắc rằng sầu khổ sẽ sớm theo sau. Điều này nghe có vẻ không dễ tiếp nhận. Dù chúng ta dễ dàng đồng ý với lời xác nhận rằng sầu khổ sẽ sớm theo sau, và để nhận ra sự thật về nó trong suốt thời gian an ủi trong cách thức mà làm cho chúng ta có sự chuẩn bị tích cực cho con sầu khổ sắp đến thì cũng khó như việc nhận ra an ủi sẽ sớm trở lại trong khi ta đang lâm con sầu khổ.

Chúng ta đã thấy trong quy tắc I:8, khi sầu khổ, chúng ta có khuynh hướng quên những kinh nghiệm an ủi trong quá khứ của chúng ta (ngoại trừ những lúc nhớ đến chỉ làm tăng thêm con sầu khổ), và tưởng chừng sự an ủi sẽ không bao giờ quay trở lại – mặc dù chúng ta không thể có được sự phán đoán có tính cách phê bình và phản tỉnh đến hệ quả của nó. Theo một cách thức tương tự, suốt thời gian an ủi, chúng ta thường hay quên sầu khổ (trừ khi trí nhớ làm tăng thêm sự an ủi hiện tại) và tưởng chừng sầu khổ ấy sẽ không bao giờ trở lại – mặc dầu chúng ta sẽ không bao giờ đánh giá theo kiểu phê bình ở đây. Vào lúc này, sự hiện diện và tình yêu thương của Thiên Chúa, sự quan phòng của Ngài đang hoạt động trong đời sống chúng ta, những nền tảng của niềm hy vọng của chúng ta về niềm hoan hỉ ở sự kết hợp hoàn hảo trong đời sống vĩnh cửu, vẻ đẹp của Thiên Chúa, kỳ công của hữu thể trong Đức Ki-tô – tất cả những điều này thì rõ ràng và chắc chắn cho chúng ta. Chúng làm cho con đường sự sống của chúng ta dường như hoàn toàn rõ ràng. Chúng khiến tất cả những điều đối nghịch với Thiên Chúa hoặc không thích hợp với việc tìm kiếm Ngài, hay việc đem Nước của Ngài vào giữa nhân loại, có vẻ như là những thứ hiển nhiên đáng khinh thường. Lời mời gọi để sống trong Đức Ki-tô cho Chúa Cha và cho anh chị em là vinh dự. Bất cứ ai trong tư cách là một Ki-tô

Chương 8: Trong sầu khổ thiêng liêng: những lời khuyên sâu hơn

hữu, người đó đã tin như thế nào, khi anh ta đã từng bị hạ gục, bị ngã lòng, buồn sầu, bị bối rối, bị lôi kéo vào những điều phạm tục, cảm thấy bị chia cắt khỏi Thiên Chúa với chúng ta trong Đức Ki-tô? Cũng vậy khi sầu khổ đến với chúng ta. Tất cả điều đó làm cho chúng ta có phần giống với tâm tình của thánh vịnh gia:

Thuở được yên vui, có lần tôi tự nhủ:
Mình sẽ chẳng bao giờ nao núng!
Lạy Chúa, vì yêu thương, Ngài đã đặt con trên núi an toàn.
Nhưng khi ngài vừa ẩn mặt đi, con liền thấy bàn hoàng sự
hãi. (Tv 30:5-6)

Cho đến khi Thiên Chúa ẩn mặt, chúng ta nhận ra là hoàn toàn không thật khi nghĩ rằng sầu khổ không bao giờ trở lại. Chúng ta phải nỗ lực để nhớ rằng nó đã xảy đến và dự đoán rằng nó sẽ lại đến.

Tuy nhiên, nếu chúng ta không suy nghĩ trước và chuẩn bị cho điều hầu như sớm xảy đến, thì điều ấy sẽ đến với tôi với một cú sốc bất ngờ gây bối rối, cộng thêm những thứ khác trong lúc sầu khổ khiến ta kém đi khả năng chịu sự xô đẩy của tất cả thứ ấy. Sự tuyệt vọng có lẽ là nguyên nhân gây ra mất bình tĩnh hoàn toàn, thậm chí cay đắng bởi khuynh hướng kết án bản thân một cách sai lầm, hay nghi ngờ sự tín trung của Thiên Chúa, hay trở nên giận dữ với cuộc sống, vụng vầy để loại bỏ sự thất vọng và bực mình về người khác hay về điều gì khác. Vào thời điểm khác, sự thay đổi bất ngờ từ an ủi sang sầu khổ một cách đơn giản có thể khiến tôi nhụt chí và để lại nơi tôi tình trạng trì trệ tột độ. Trong mỗi trường hợp như thế, sầu khổ sẽ cho thấy tôi đã không chuẩn bị để suy nghĩ ngay lập tức về cách thức đối mặt với tình huống này, chỉ sau cuộc chiến đấu nghiêm túc nhằm phục hồi từ sự sụp đổ bất ngờ của an ủi và để kéo tôi đi cùng, tôi mới đủ khả năng phòng ngừa

một cách khôn ngoan. Vào lúc đó, tôi có lẽ đã lãng phí quá nhiều thời giờ và năng lực tình cảm, và đánh mất những thứ khác đang cần đến, có lẽ đã lãng quên hoàn toàn quy tắc I:5 và đã có những quyết định tai hại.

Mặt khác, nếu tôi suy tính trước, chờ đợi sự an ủi ra đi và sầu khổ sẽ tới như những dòng sự kiện bình thường, nhờ ân sủng của Chúa, tôi sẽ duy trì sự kiểm soát tình huống đó, và làm vô hiệu những thúc đẩy của sầu khổ nhằm chống lại việc cầu nguyện, công việc và những quyết định của tôi. Tôi đang trong thế phản công một cách tức khắc với tất cả những phương tiện trong tay để làm như vậy.

Trước khi xem xét làm thế nào để chuẩn bị cho sầu khổ, chúng ta nên ghi nhận một thái độ khác trong suốt thời gian an ủi, một thái độ có tương quan rất gần, thậm chí chỉ là nguyên nhân góp phần, là những mong đợi giả tạo trong khoảng thời gian an ủi. Thái độ đó là một sự đeo bám ích kỷ vào an ủi vì chính nó, bởi vì nó làm vui thú, chứ không phải vì nó giúp để ngợi khen và phụng sự Thiên Chúa. Vì khi có sự đeo bám ích kỷ vào an ủi thì chúng ta không được tự do hướng đến ý của Thiên Chúa, và làm ngăn trở sự uốn nắn và dạy dỗ của Ngài dành cho chúng ta qua sầu khổ thiêng liêng và an tĩnh thiêng liêng cũng như qua an ủi thiêng liêng. Liên quan đến quy tắc 10, thái độ này khiến chúng ta không sẵn lòng đối mặt với sự thật là sầu khổ sẽ đến. Do đó, nó ngăn cản chúng ta suy nghĩ về việc chúng ta sẽ đối mặt với nó thế nào và cản trở chúng ta làm mới lại năng lực của chúng ta. Khi sầu khổ đến với một người mang trên mình một thái độ như thế, hay ngay cả khi an ủi nghiêng về an tĩnh thiêng liêng, thì kết quả có thể đem đến là sự bực mình, buồn rầu, cay đắng cách phi lý, một con tim khép lại trước ân huệ can đảm, sức mạnh và năng lực của Thánh Thần.

Chương 8: Trong sâu khổ thiêng liêng: những lời khuyên sâu hơn

Tiền giả định rằng chúng ta được thuyết phục là sâu khổ sớm xảy đến và chúng ta sẵn sàng đón nhận nó từ tình yêu Chúa cùng với những gì cần thiết cho cuộc chiến đấu đau thương chống lại nó, và cũng tiền giả định rằng chúng ta biết là trong lúc được an ủi, chúng ta nên chuẩn bị để giáp mặt với nó, thì chúng ta đi đến việc chuẩn bị như thế nào? Điều trước tiên phải làm là suy nghĩ. Dù chúng ta đang trong sâu khổ hay an ủi, I-nhã tiếp tục đề nghị chúng ta nên suy nghĩ; rằng chúng ta không bao giờ để chính mình phải bị cuốn theo những cảm xúc, hay ước muốn hay những sợ hãi, nhưng chúng ta phải khẳng định sự khôn ngoan của chúng ta bằng việc phản tỉnh, đánh giá những cảm giác yếu mền của chúng ta, và phải nắm chắc lấy các chân lý của niềm tin, những tính xác thực của kinh nghiệm, những đòi hỏi của lẽ phải.

Trong quy tắc 10, I-nhã không đưa ra lời gợi ý về nội dung suy nghĩ của chúng ta ngoại trừ những điều có liên quan đến cách hành động trong cơn sâu khổ. Xét theo ngữ cảnh, ngài có thể quả quyết một cách chính xác rằng nội dung đó là hiển nhiên, nên ngài chỉ đưa ra 5 quy tắc về những gì chúng ta phải làm trong lúc sâu khổ. Sự chuẩn bị cho sâu khổ ắt hẳn bao gồm việc nhớ lại và nắm rõ những chỉ dẫn thực tiễn được đưa ra trong bộ quy tắc I: 5 - 9, nhờ đó chúng ta sẽ không lúng túng (at loss) khi sâu khổ đến.

Thật ra, trong suốt cuộc an ủi, chúng ta cũng có thể bắt đầu làm một số chỉ dẫn đã được đề nghị trong các quy tắc trước và bằng cách này, chúng ta thực hiện điểm thứ ba của quy tắc 10, đó là “giành lấy sức mạnh và nghị lực mới cho thời điểm đó”. Trước hết, chúng ta có thể cầu nguyện để được sự can đảm, sức mạnh và nghị lực khi chúng ta sẽ cần đến. Chúng ta có thể suy niệm một vài chân lý đức tin sẽ được coi là nguồn sức mạnh trong thời điểm đó, chẳng hạn như sự

trung tín của Thiên Chúa trong tình yêu và uy quyền của Ngài. Cuộc an ủi thiêng liêng hiện tại có thể là một sự trợ giúp cho điều này nếu chúng ta không chỉ tìm kiếm để hưởng nếm sự ngọt ngào của ân sủng nhưng còn hết sức chú tâm đến tình yêu và sự hiện diện của Đấng Ban On, khi chúng ta đào sâu và làm cho niềm xác tín của ta vào tình yêu cá vị của Thiên Chúa với niềm hy vọng hợp lý đó là niềm tin vẫn tồn tại mà không cần có an ủi để duy trì nó. Qua chiêm niệm và cầu nguyện, chúng ta có thể xây dựng những điều xác tín thuộc lý trí có tính liên hệ để hỗ trợ chúng ta trong thời gian sầu khổ. Do đó, chẳng hạn, chúng ta có thể suy nghĩ về giá trị của sầu khổ trong việc lớn lên trong đức tin – cậy – mến khi sự thách thức đối mặt với lòng dũng cảm và kiên trì. Chúng ta có thể suy xét về kinh nghiệm quá khứ của chúng ta để nhận ra điều tốt lành mà Thiên Chúa hành động nơi chúng ta trong suốt cơn sầu khổ; chúng ta có thể dâng lời chúc tụng và cảm tạ Ngài về điều này. Chúng ta nên canh chừng để chống lại cơn sầu khổ thúc đẩy chúng ta trong việc thay đổi quyết định, hay nhớ lại bất cứ những lỗi lầm gốc gác nào trong quá khứ đã gây nên.

Trong quy tắc 11, chính I-nhã đã trình bày hai điều chuẩn bị xa hơn nhằm đối phó với cơn sầu khổ thiêng liêng mà cần phải được thực hiện trong cuộc an ủi.

Quy tắc 11: Những người đang được an ủi hãy gắng tự khiêm và tự hạ hết sức có thể, bằng cách nghĩ mình nhỏ hèn biết mấy trong thời gian sầu khổ không có ân sủng và sự an ủi của Thiên Chúa. Trái lại, người lâm cơn sầu khổ hãy tâm niệm rằng, bằng cách lấy sức nơi Đấng Tạo Hóa và Chúa mình, với ân sủng đủ, mình có năng lực lớn để chống trả mọi kẻ thù của mình.

Hai sự chuẩn bị liên kết tương xứng với nhau một cách rõ ràng: việc thứ nhất, hãy nhớ lại yếu đuối của chúng ta trong

Chương 8: Trong sâu khổ thiêng liêng: những lời khuyên sâu hơn

con sâu khổ trước đó và nhớ chúng ta thấp hèn [biết mấy] điều đó giữ chúng ta khỏi thế quá tự tin và bất cẩn khi chúng ta trông chờ con sâu khổ; việc thứ hai, hãy nhớ lại quyền năng của Thiên Chúa hoạt động trong chúng ta để vượt qua tất cả sức mạnh thiêng liêng thù nghịch, điều đó giữ cảm giác thật của sự yếu đuối của chúng ta khỏi sự khởi đầu căng thẳng và sợ hãi khi chúng ta dự trù con sâu khổ sẽ tới. Giữa hai điều này chúng ta có thể duy trì một tâm trí yên tĩnh, cảnh giác và tin tưởng, chứa đầy lời ngợi khen và cảm tạ về những gì Chúa đã làm trong thời gian sâu khổ ở quá khứ và tràn đầy hy vọng về những gì Ngài sẽ làm khi con sâu khổ đến.

Ngoài việc soi sáng chúng ta về cách chuẩn bị cho con sâu khổ sẽ đến, khi đọc trong sự liên kết chặt chẽ với quy tắc I:9 về những lý do Thiên Chúa cho phép sâu khổ thiêng liêng xảy ra, quy tắc I:11 khuyên chúng ta về cách làm thế nào để loại trừ lý do thứ ba trong các lý do được đưa ấy. Trong làm như vậy, nó đi đến việc chuẩn bị xa cho chúng ta khi gặp sâu khổ để ngăn chặn con sâu khổ sẽ đến nếu như sự sâu khổ cần thiết vì lý do đó. Lý do thứ ba được đưa ra trong quy tắc 9 về sâu khổ thiêng liêng là để chữa trị hay ngăn cản hư vinh phát sinh từ sự an ủi thiêng liêng. Thật ra, an ủi thiêng liêng sẽ chẳng bao giờ tự nó dẫn đến một điều xấu nào. Tuy nhiên, on an ủi thiêng liêng không gạt bỏ tính ích kỷ của con người hay ngăn ngừa thần dữ từ việc thúc đẩy tính ích kỷ của chúng ta đến chỗ lạm dụng hồng ân Thiên Chúa, bằng cách đưa ra cho chính chúng ta lời khen ngợi về những gì là hồng ân Thiên Chúa, bằng cách tin tưởng vào sức mạnh riêng của chúng ta để đối mặt với những cám dỗ thay vì tín thác thuần khiết vào Thiên Chúa, bằng cách kín đáo hay công khai tự xem mình hơn so với người khác bởi vì chúng ta cảm nhận được quá nhiều lòng nhiệt thành hay sốt mến.

Cách đáp trả ân huệ an ủi thiêng liêng mà I-nhã hiểu biết khi ngài nói về hư vinh, và lý do tại sao ngài đề cập đến nó, có thể được thấy trong câu chuyện Tin Mừng của Phêrô:

Đức Giê-su nói với các ông: "Tất cả anh em sẽ vấp ngã, vì Kinh Thánh đã chép: Ta sẽ đánh người chần chừ, và chần chừ sẽ tan tác. Nhưng sau khi trời dậy, Thầy sẽ đến Ga-li-lê trước anh em. Ông Phê-rô liền thưa: "Đầu tất cả có vấp ngã đi nữa, thì con cũng nhất định là không. Đức Giê-su nói với ông: "Thầy bảo thật anh: hôm nay, nội đêm nay, gà chưa kịp gáy hai lần, thì chính anh, anh đã chối Thầy đến ba lần. "Nhưng ông Phê-rô lại nói quả quyết hơn: "Đầu có phải chết với Thầy, con cũng không chối Thầy". (Mc 14:27-31)

Tất cả chúng ta đều biết phần hậu của câu chuyện. Nếu trong thời gian an ủi của Phêrô, ông biết khiêm nhường và nhận thức được yếu đuối của mình và cần đến ân sủng của Thiên Chúa để trung thành trước thử thách, có lẽ ông không cần đến sầu khổ thiêng liêng với sự cảm dỗ và ngay cả thất bại thực tế để rút ra bài học. Thiên Chúa có lẽ đã cứu ông ngay từ lúc ông chối Đức Giê-su. Nếu chúng ta đã suy niệm đoạn này và suy xét về chính chúng ta, tất cả chúng ta đều thấy mình ở nơi Phêrô, khi Thiên Chúa đào luyện ông về đức khiêm nhường ở đây đó trong câu chuyện Tin Mừng.

Khác biệt với hư danh, kiêu ngạo hay những điều tương tự hay hệ quả của chúng có một nguy hiểm khác nữa trong khi được an ủi. Nó là điều mà dường như I-nhã đã tính đến ở đây nếu như mục đích của ngài là nhằm cung cấp một phương dược về cách thức hành động trong lúc an ủi, và không chỉ thuần túy về cách thức chuẩn bị cho cơn sầu khổ trong lúc được an ủi. Thật đúng đắn khi chú ý đến mối nguy hiểm này trong khi chúng ta vẫn đang xem xét những nguy hiểm đã được đề cập ở quy tắc I:10-11 rồi. Mối nguy hiểm này được đề cập trong số những lời chỉ dẫn cho vị hướng dẫn Linh Thao.

Chương 8: Trong sào khố thiêng liêng: những lời khuyên sâu hơn

Nếu vị hướng dẫn thấy rằng thao viên có nhiều an ủi, vị ấy nên khuyên can họ đừng khẩn hay thề nguyện cách thiếu suy xét và vội vàng (Lt 14). Ở đây, cũng như ở một vài nơi khác, ngài nhấn mạnh rằng chúng ta phải tính đến những hiểu biết thực tế bao gồm: những hoàn cảnh của con người trong cuộc sống, tính khí, có hay khuyết thiếu những ơn riêng, những trợ lực hay chướng ngại rất có khả năng gặp phải trong việc thực hiện khẩn hay hứa, v.v. Một số người ở trong niềm an ủi cao độ nhưng thiếu kinh nghiệm về đời sống thiêng liêng có thể dễ dàng bị thúc đẩy vào sự khẩn hứa nông nổi và vô có. Không phải mọi chiều hướng nào được nghiệm thấy trong suốt cuộc an ủi thiêng liêng cũng đều bởi là ý Chúa. Sự thận trọng của I-nhã theo chiều hướng này được thể hiện rõ ràng ngay cả khi những thúc đẩy đến thường xuyên và trong suốt lúc an ủi thiêng liêng rất mạnh mẽ. Điều này được đề cập trong *Nhật Ký Thiêng Liêng* của ngài.¹²³

Chiến Thuật và Cách Thức của Ma Quỷ. Quy tắc I: 12-14

Bộ quy tắc thứ I được khép lại với một tốp ba quy tắc trong đó I-nhã khuyên hãy chú tâm đến ba đặc điểm theo cách thần dữ tấn công chúng ta. Ngài làm như vậy vì muốn chúng ta cảnh giác và chuẩn bị cho chúng ta đối mặt với những tấn công của Sa-tan một cách có hiệu quả bằng cách làm ngược lại. Như vậy tốp quy tắc cuối cùng của bộ này tiếp tục và gộp lại với quy tắc I: 5-11. Tất cả các quy tắc trong bộ thứ nhất, sau các quy tắc 1-4, tạo nên một sự thống nhất: tất cả chúng tập trung vào cách chống lại hoạt động của quyền lực thiêng liêng đối kháng (anti - spiritual) xuất hiện trong con sào khố thiêng liêng và của những cảm dỗ thô thiển (head on) hay phỉnh gạt.

¹²³ *Spiritual Diary*, [1-153]; theo bản dịch của W.J. Young, tr. 1-34.

Quy tắc 12 đề cập đến cảm dỗ thô thiển và thậm chí hung dữ. Chúng ta hãy đọc nó trong khi ghi nhớ điều vừa rồi:

Quy tắc 12: Kẻ thù xử sự như một người đàn bà đánh đá, trở nên yếu đuối và ương ngạnh; Quả vậy, đặc tính tự nhiên của đàn bà là khi gây gỗ với đàn ông, là mất can đảm mà chạy trốn khi người đàn ông vững mạnh đương đầu lại. Trái lại, khi người đàn ông bắt đầu chạy trốn vì mất can đảm, thì sự báo thù giận dữ, và sự dữ tợn của người đàn bà thật kinh khủng và không sao lường được. Cũng vậy, đặc tính của kẻ thù trở nên yếu nhược và mất can đảm, bằng cách bỏ chạy với những chước cảm dỗ của nó, khi người thực hiện linh thao thể hiện sự thẳng tay chống trả các cảm dỗ của kẻ thù bằng cách làm điều ngược hẳn lại. Trái lại, nếu người tập luyện bắt đầu sợ hãi và mất can đảm khi chịu các cảm dỗ, thì không có một thứ vật nào trên mặt đất này hung dữ cho bằng kẻ thù của bản tính loài người trong việc theo đuổi ý định xấu xa của nó cùng với sự hiểm độc lớn lao dường ấy.

Trong những quy tắc đầu I-nhã nói về kiên nhẫn và tin tưởng vào sự trợ giúp của Thiên Chúa ngay cả khi không cảm thấy gì, và nỗ lực chống lại cơn sầu khổ. Trong quy tắc 12, tất cả những điều trên đều được đề cập đến nhưng giọng điệu và điểm nhấn thì khác. Giọng điệu thì sôi nổi và điểm nhấn thì nhắm vào kết quả hạnh phúc hay thảm bại của việc chúng ta đối phó lại với thần dữ lúc nó mới bắt đầu: những kết quả hoan hỉ là đối mặt với thần dữ một cách mau lẹ và can đảm, bằng cách chống lại nó một cách triệt để và mạnh mẽ; những kết quả thảm bại là nhút nhát, nhún nhường, hay thỏa hiệp. Giọng điệu của đoạn này thì không phải của người thầy dạy hay thậm chí của nhà chiến lược hay nhà chiến thuật mà là giọng điệu của người lãnh đạo, người đã chiến đấu với kẻ thù này nhiều lần; người hiểu biết qua kinh nghiệm về sức mạnh khủng khiếp và sự yếu kém lỗ bịch của kẻ thù, đặc tính lạ thường và kiêu xảo quyệt của nó; người chế ngự sự sợ hãi nơi

Chương 8: Trong sào khố thiêng liêng: những lời khuyên sâu hơn

mình mà không trở nên bất cần hay cầu thả; người biết được sức mạnh thánh thiêng sẵn có nơi mình và tin là chiến thắng được kẻ thù bằng sức mạnh đó; người có thể bảo đảm cho người khác chiến thắng được mình nếu lòng họ không trở nên yếu đuối (fail).

Nhưng nếu tâm hồn trở nên yếu thì kẻ thù này gặm nhấm và lớn mạnh trên sự rụt rè, hèn nhát và chán nản của chúng ta. Nó nhanh chóng trở nên dã man hung tợn hơn bất kỳ một cầm thú nào trên mặt đất, và uy quyền của nó không thể sánh hơn bất cứ quyền uy địa giới nào, nó bám chắc một cách mãnh liệt với mục đích hiểm ác của nó xuất phát từ “ác tâm hiểm độc”. (Lt 331)

Mặc khác, khi một người không chân chừ đối mặt một cách mạnh mẽ với kẻ thù này, và làm ngược lại những gì nó đang hướng đến, thì sự hung tợn và quyền lực của nó sẽ biến dần. “*Hãy chống lại ma quỷ, chúng sẽ chạy xa anh em*” (Gc 4, 7). Nó giống như một con chó sủa, gầm gừ và làm như thể tấn công và chặc chấn tấn công nếu ai tỏ ra sợ hãi; nhưng khi ai đó công kích lại nó, nó sẽ chạy xa và sủa ăng ăng đến nơi an toàn, nó tức điên lên nhưng vô hại. Kết luận: giữ lấy tâm hồn mình, trở nên mạnh dạn, làm ngược lại hướng cám dỗ của Sa-tan. Không dừng lại ở quyết định mù quáng nhưng đi đến tín thác có ý thức vào Thiên Chúa, nhận ra sức mạnh, sự khôn ngoan và tình yêu của Ngài.

Thiên Chúa là nơi ta ẩn náu, là sức mạnh của ta. Người luôn luôn sẵn sàng giúp đỡ khi ta phải ngặt nghèo. Nên đầu cho địa cầu chuyển động, núi đồi có sập xuống biển sâu, đầu cho sóng biển ầm ầm sôi sục, núi đồi có đảo đảo khi thủy triều dâng, ta cũng chẳng sợ gì. (Tv 46, 1-3).

Đứng trước một người với tinh thần như thế, Sa-tan sẽ rút lui.

Nhưng nó sẽ quay trở lại bằng lối tiếp cận khác. Quy tắc 13 cảnh giác chúng ta vì e rằng chúng ta nghĩ tất cả đều ổn thỏa khi chúng ta đã đối mặt một cách mạnh dạn với sự khởi đầu của cơn cảm sốt hay sâu khổ và chinh phục được uy lực của Sa-tan để chúng ta thoát khỏi sự hèn nhát. Khi đợt tấn công mở ra, sự hung tợn và cuộc đối đầu không làm chúng ta sợ hãi, sức mạnh tấn công dồn dập cũng không nghiền nát sức chịu đựng của chúng ta, khi đó kẻ thù sẽ cảm sốt tinh tế, xảo quyệt, lừa dối. Sự chống trả ngược lại ở đây phải mau lẹ và táo bạo hơn.

Quy tắc 13: Kẻ thù cũng còn xử sự như kẻ si tình phù phiếm, muốn giữ bí mật để khỏi bị lộ diện. Quả vậy, khi một anh chàng phù phiếm dùng lời xảo trá quyến rũ một thiếu nữ con nhà lành, hoặc vợ một người đứng đắn, hẳn muốn cho những lời nói và lời dụ dỗ của hắn được giữ kín. Trái lại, hẳn rất bất mãn khi thiếu nữ mách với cha, thiếu phụ mách với chồng những lời nói lừa lọc và những ý đồ đầy dục vọng của hắn; vì hắn dễ dàng suy ra rằng, hắn không thể nào thực hiện được ý đồ mà hắn đã bắt đầu. Cũng vậy, khi kẻ thù của bản tính loài người luồn vào người công chính những mưu chước và cảm dỗ của nó, thì nó ước mong mãnh liệt rằng những điều đó được tiếp nhận trong bí mật và được giữ bí mật. Nó thật sự mất nhuệ khí khi người đó tỏ ra với cha giải tội tốt hay một người thiêng liêng nào khác sự dối trá và hiểm độc của nó; vì khi sự dối trá rõ rệt của nó bị đưa ra ánh sáng, nó kết luận rằng không thể thực hiện kế hoạch tội lỗi mà nó đã bắt đầu.

Có những con đường vô tận mà thần dữ chơi trò mạo danh, đội lốt thần lành để lừa dối chúng ta, đưa ra một điều kém tốt thay vì tốt hơn, nhằm chi phối chúng ta, cảm dỗ chúng ta vào cạm bẫy qua sự vô ý hay ngụy biện của chúng ta. Noi bắt kỳ những lừa bịp hay quyến rũ xác phàm xảo quyệt nào, một điểm căn bản của phương pháp này là chơi “trò chơi

Chương 8: Trong sào khố thiêng liêng: những lời khuyên sâu hơn

giành lấy lòng tin - confidence game” (hành động lừa gạt ai bằng cách trước hết giành lấy lòng tin). Qua cảm giác giả tạo của niềm cậy trông mật thiết, qua sợ hãi hay tính tham lam hay một vài chuyển động khác, nạn nhân bị thuyết phục giữ kín những gì đang diễn ra - Trừ khi vấn đề được bàn hỏi với người không hiểu biết gì về những cách lừa gạt của thế gian thì khiến cho người hướng dẫn không thể đưa ra lời khuyên tốt lành và có lẽ thậm chí biến anh thành kẻ tòng phạm. Một khi vấn đề được bàn hỏi với người hướng dẫn có hiểu biết và trung thực thì sự lừa dối bị phanh phui. Do đó trong việc lừa dối của thần dữ, điều cần thiết cho mục đích của hắn là nạn nhân không nên nói cho ai về vấn đề này, có lẽ là để thiêu cháy chính anh ta – trừ phi vấn đề được nói cho người không có kinh nghiệm, và người không được học hỏi trong những vấn đề thiêng liêng và người được nhờ vả để cho lời khuyên xấu.

Đó là lý do tại sao cách thức để vạch trần và thoát khỏi Satan có 2 yếu tố:

(1) Chính chúng ta cởi mở với người khác về đời sống thiêng liêng của chúng ta và (2) chính chúng ta chắc chắn rằng người mà chúng ta cởi mở thì không chỉ là một người tốt, người mà thật sự muốn điều tốt nơi chúng ta, mà còn là một người có học và từng trải trong các cách thế hoạt động của thần lành và thần dữ.

Trước hết về sự cởi mở của chúng ta, thực sự rằng kinh nghiệm đời sống thiêng liêng của ai càng sâu, thì người ta càng phản tỉnh nó, người ta càng tiến triển trong việc tự nhận biết đời sống thiêng liêng, kiến thức thiêng liêng, và còn có kinh nghiệm hướng dẫn thiêng liêng, vừa có vai trò là người tư vấn và được tư vấn, người như thế càng đối phó (giải quyết) những vấn đề của mình tốt hơn. Tuy nhiên những

người có cơ hội và có khả năng cho những kinh nghiệm, sự phản tỉnh và khuyên nhủ, học thức như thế thì tương đối hiếm; và thậm chí họ có nhu cầu cần đến người khác để tham khảo. Số còn lại trong chúng ta có nhu cầu cần hơn, Chúng ta càng có ít học thức và kinh nghiệm hơn thì chúng ta càng chú trọng hơn vào những vấn đề mà chúng ta quan tâm. Bước đầu tiên và quan trọng nhất trong việc cởi mở với người khác là chúng ta đi đến biết rõ cách có ý thức những gì đang diễn ra trong đời sống chúng ta. Rất hiếm người có thể đi đến sự hiểu biết này ngoại trừ họ nỗ lực chia sẻ cho người khác. Vì thế hai bước để đạt được sự hiểu biết về những gì đang xảy ra trong chính chúng ta và biết bộc lộ nó ra cho người khác phải trở nên một với nhau. Sự thường khi chúng ta đi thẳng vào vấn đề một cách rõ ràng thì toàn bộ vấn đề sẽ được giải quyết; nó khiến cho giải pháp được rõ ràng và mang lại sự bình an. Ở những thời điểm khác chúng ta cũng cần phải bàn hỏi.

Tuy nhiên không phải ai cũng biết cách lắng nghe tốt, biết cách làm cho người khác cảm thấy tự do để bộc bạch một cách chân thành, bằng cách cho phép người khác tiến bước và bộc lộ về những điều họ thực sự đang nghiệm thấy theo cách riêng của họ, bằng cách giúp người khác biết được những vấn đề quan trọng khi sự trợ giúp là cần thiết, nhưng không nhất thiết phải áp đặt tư tưởng riêng của người hướng dẫn vào trong người khác, hay không cho lời khuyên nhủ trước khi đủ lắng nghe để thấu hiểu, hay cho lời khuyên vào lúc mà người khác không thể chấp nhận nó. Trong số những người biết lắng nghe, không phải tất cả mọi người đều hiểu biết thiêng liêng hay kinh nghiệm thiêng liêng đầy đủ để hiểu những điều họ nghe hay cho lời khuyên đúng đắn. Hệ quả là họ chỉ làm cho tôi tệ thêm đối với những vấn đề của những người đang tìm sự giúp đỡ. Một nhà tư vấn tâm lý giỏi không được nhằm với một vị linh hướng đạo hạnh hay ngược lại, dĩ nhiên một người

Chương 8: Trong sào khố thiêng liêng: những lời khuyên sâu hơn

có thể đóng vai trò cả hai. I-nhã khuyên rằng chúng ta không nên cởi mở những cảm dỗ của ta với bất kỳ người tốt lành nào nhưng chỉ đối với vị giải tội đạo hạnh hay người thiêng liêng khác, người mà đã quen với sự lừa đảo và ác tâm của thần dữ.

Trong khi cởi mở với một người như vậy thì rất hữu ích, và khi chúng ta từ chối hay trì hoãn sử dụng sự giúp đỡ đó là từ chối hay làm ngơ sự giúp đỡ mà Thiên Chúa ban cho qua những người khác. Tuy nhiên, người ta nói rằng những ai khao khát chân thành sự giúp đỡ đó và tìm kiếm nó thì những người như thế không bị quấy rối cho dù họ không tìm được sự giúp đỡ. Trong kế ấy Thánh Thần có thể hoạt động trực tiếp bất cứ điều gì mà Ngài đã hạ cố hoạt động qua người khác, và chính Ngài sẽ khuyên nhủ những ai có thiện chí mà không thể tìm thấy sự hiểu biết và hướng dẫn của con người.

Những gì chúng ta vừa nói chỉ ra rằng sự cởi mở giúp ta tự biết mình và ngược lại khi biết mình lại giúp ta biết cởi mở, cả hai hành động cùng giúp nhau vượt thắng những lừa dối của Sa-tan đang hoạt động. Tự biết mình có một vai trò liên hệ khác mà I-nhã chỉ ra ở quy tắc 14 : Nó giúp ta đón trước và chuẩn bị đối phó với những cuộc tấn công của Sa-tan.

Cho dù Sa-tan cố gắng đánh gục ta bằng con sào khố và cảm dỗ dữ dằn hay cố bắt lấy chúng ta bằng những cú lừa gạt tinh tế trong lúc ta ở trong sào khố hay an ủi, an tĩnh, hấn thực hiện được như vậy nhờ biết được sự yếu đuối và sức mạnh của ta. Hấn phân công lại những điểm yếu của ta và lẫn tránh sức mạnh của ta - ngoại trừ khi sự yếu đuối của ta có thể giúp hấn sử dụng sức mạnh của ta mà chống lại ta. Để làm được điều này hấn phải biết được ta. Quy tắc 14 mời gọi chúng ta nghĩ về điều này và đưa ra một kết luận thực tiễn:

Cũng thế, để chế ngự và cướp đoạt những gì hấn thèm muốn, kẻ thù của bản tính con người lại còn xử sự như một

tướng quân. Vì như một vị chỉ huy hay vị tướng quân, sau khi đặt bản doanh trại và xem xét lực lượng và cách bố trí của một thành trì, sẽ tấn công vào nơi nào yếu hơn, cũng thế, kẻ thù của bản tính loài người lượn quanh để dò xét lần lượt hết các nhân đức đối thần, cốt trụ và luân lý của ta. Điểm nào nó thấy ta yếu hơn và cần thiết hơn cho phần rỗi đời đời của ta, điểm đó nó sẽ tấn công và cố hạ gục ta.

Tất cả quy tắc 14 nhằm mô tả cách thần dữ hoạt động trong việc chuẩn bị để tấn công ta mà không đưa ra bất kỳ kết luận thực tiễn nào. Nhưng chắc chắn rằng I-nhã muốn chính chúng ta thực hiện điều đó. Ngài sẽ nói cho chúng ta về Sa-tan để giúp chống lại nó một cách sáng suốt cũng như can đảm. Một kết luận thật minh nhiên đó là chúng ta cần biết chính chúng ta, những điểm mạnh và điểm yếu của chúng ta và chuẩn bị đối phó với thần dữ, nếu chúng ta không muốn nhận ra những phòng thủ thiếu sót trước khi chúng ta biết những gì xảy ra. Chúng ta trở lại việc nhấn mạnh của I-nhã về vấn đề xét mình và phản tỉnh về đời sống cách có ý thức của chúng ta, để lấy sự sở hữu của mình cho việc phụng sự Thiên Chúa.

Những gì việc xét mình này cho thấy sẽ khác với mỗi người. Người ta có thể thấy rằng như Phêrô trong Tin Mừng, ông tin vào Đức Giê-su nhưng vẫn còn quá vội vàng và thiếu suy nghĩ, hay giống như Gioan và Giacôbê nhiệt tâm lo cho nước Chúa một cách thiếu kiên nhẫn và có ác tâm: *“Thầy có muốn chúng con gọi lửa từ trời xuống?”* Có người thấy rằng mình yêu mãnh liệt nhưng không có nhiều hy vọng nên dễ dàng bị thất vọng và mất can đảm. Người khác lại có tính tình sôi nổi và đầy hy vọng nhưng lại thiếu trung thực với chính mình và với người khác. Có người luôn có sự trung thực và thiện tâm trong các tương quan cá nhân của mình nhưng lại có khuynh hướng bất trung thực và tàn nhẫn trong các việc kinh doanh hay chính trị, hay vô tâm đối với công bằng xã hội. Có

Chương 8: Trong sào khố thiêng liêng: những lời khuyên sâu hơn

những người tích cực xả kỷ cho công bằng xã hội và khất khe với các cá nhân hoặc có những yếu đuối về chèn chén hay tình dục. Có người thì dịu dàng, quảng đại và có lý tưởng cao đẹp nhưng sợ đau khổ hay si nhục khinh chê. Người năng nổ và mạnh dạn lại khuyết điểm trong việc phán đoán lành mạnh. Dù điểm yếu nằm ở đâu đi nữa rất có thể đó là nơi Sa-tan thách đố chúng ta.

Khi đó chúng ta cần biết điểm mạnh và điểm yếu của chúng ta để biết nên cầu xin gì và cố gắng trưởng thành ra sao, hoàn cảnh nào cần tránh, và trong hoàn cảnh nào cần sự giúp đỡ hay hướng dẫn, những hoàn cảnh nào cần phải tìm kiếm sự nâng đỡ hay hướng dẫn và tình huống nào cần được chuẩn bị, và ngay tức khắc có sự chống cự kiên quyết, hay thậm chí phản công lại. Cũng thật là tốt để khi biết được ở điểm nào chúng ta mạnh và điểm nào ít nguy hiểm cho ta, để trong khi chúng ta không có sự bất cẩn, chúng ta có thể tự do đối với sự quan tâm và cố gắng cho những điều nào cần nhất, và không phải bị căng thẳng trong việc cảnh giác và hào hứng để chống lại sự công kích bằng nhiều hướng, vì e rằng sự căng thẳng sẽ phản tác dụng.

Ngoài việc biết điểm mạnh và điểm yếu của ta, lại nữa, ta thật cần thiết để ý thức những gì đã và đang diễn ra trong ta. Sức mạnh của sự dữ sẽ tấn công ở đâu và thế nào phụ thuộc phần lớn vào những tác động vừa mới xảy ra. (người ta có thể nghĩ về nhiều việc tương đồng, không chỉ bằng cuộc giao tranh, nhưng bằng tất cả những kiểu hoạt động có tính cạnh tranh). Vì thế, nếu chúng ta chỉ mới ngăn chặn được những cảm dỗ do xét đoán không tốt về người khác bởi việc nhớ lại những thất bại và những xét đoán sai trong quá khứ của ta, thì kẻ thù cố gắng sử dụng cái đà tấn công ngược lại của ta và lôi chúng ta đến một nhận thức khiêm tốn giả tạo, tự chê trách

mình một cách phi lý, đến làm mất can đảm. Nếu chúng ta chống lại cám dỗ đó bằng cách suy niệm về tình yêu vị tha và cao cả của Thiên Chúa, thì hẳn sẽ dẫn chúng ta đến sự kiêu ngạo. Nếu chúng ta chống lại cám dỗ bằng cách gọi lại sự công bình và những hình phạt tội lỗi của Thiên Chúa, thì hẳn sẽ đẩy chúng ta đến sợ Thiên Chúa quá đáng. Nếu chúng ta thực hiện những điều thiện cho Thiên Chúa thì hẳn làm cho chúng ta rơi vào hư danh. Khi chúng ta chống lại cám dỗ đó bằng lòng căm ghét, thì kẻ thù sẽ gợi ý rằng tốt hơn chúng ta nên bỏ qua những công việc thiện, và vì thế chống lại mối đe dọa của hư danh, nhường công việc tốt lành cho người khác, người mà khiêm tốn hơn ta. Nó tiếp tục như vậy, hẳn luôn luôn cố gắng lợi dụng mọi hoàn cảnh để làm cho ta kiệt sức, mất can đảm và quay lưng lại với con đường bác ái hơn hay theo sát Chúa Ki-tô hơn. Về phía chúng ta phải luôn ý thức điều gì đang diễn ra trong mỗi bước và để chống lại chúng bằng cách đi ngược lại những gì hẳn đang dẫn chúng ta (Lt 349-351).¹²⁴

Để thu tóm kết luận thực tiễn được rút ra từ việc mô tả cách hoạt động của ma quỷ chống lại chúng ta như được đưa ra trong I:12-14, chúng ta có thể nói được rằng việc chống lại từ phía chúng ta có thể đem lại ba điều: (1) tự biết mình (self-knowledge), về những điểm mạnh và những điểm yếu của chúng ta và những gì đang diễn ra hiện thời, hiểu dưới ánh sáng của những kinh nghiệm của quá khứ; (2) phản kháng cách mau lẹ, can đảm, dứt khoát, bằng sự tin tưởng bắt nguồn trong đức tin vào sự khôn ngoan, quyền năng và yêu thương của Thiên Chúa; (3) cởi mở với người có thể hiểu kinh nghiệm thiêng liêng, lắng nghe tốt, và cho lời khuyên đúng đắn khi cần và đúng lúc để hành xử đúng. Nhờ ân sủng của Thiên Chúa luôn luôn hoạt động trong chúng ta, cho dù chúng ta

¹²⁴ Xem thêm *LettersIgn*, tr. 19-22.

Chương 8: Trong sầu khổ thiêng liêng: những lời khuyên sâu hơn

thấu hiểu hay không, nếu chúng ta đáp trả lại những cuộc tấn công của kẻ thù bằng cách thức này, thì chúng ta dần dần có thể lớn lên trong đời sống thiêng liêng, bình an, hợp nhất và quân bình, và đời sống này được tràn đầy vinh quang Thiên Chúa. Chúng ta có thể làm việc này, không chỉ nhờ sầu khổ và cám dỗ, mà còn nhờ những nguyên do mà chúng gây ra, nghĩa là, nhờ việc đối mặt với những thách thức chúng đưa tới với tình yêu thầm kín, can đảm, mạnh mẽ, trung thành - tình yêu mà Ánh sáng của Chúa Thánh Thần luôn hiện diện trong sự tối tăm của con sầu khổ thiêng liêng của ta - đổ vào tâm hồn những ai biết tin thác vào Ngài bằng niềm tin.

Chương 9:
TỔNG HỢP QUA MỘT CÂU CHUYỆN
KINH THÁNH

(Quy tắc I: 1-14)

Chúng ta đã thấy từ đầu những lần hiện ra của Đức Giêsu với những môn đệ Người yêu mến sau cuộc phục sinh minh họa và xác chuẩn những mô tả của I-nhã về an ủi thiêng liêng của người tín hữu.¹²⁵ Mỗi điểm chính trong những điều mô tả của ngài về kinh nghiệm thiêng liêng, cả về an ủi và sầu khổ, và trong các lời khuyên của ngài về việc phải làm gì với sầu khổ, nhận được sự xác minh nổi bật trong trình thuật của hai người môn đệ trên đường Emmau (Luca 24:13-52). Sự kiện này là điều thú vị của nhiều người bởi vì thánh Luca đã kể lại nó một cách rất tự nhiên, và còn bởi vì tất cả chúng ta đều tìm thấy mình ở trong đó. Nhờ nghiệm lại câu chuyện đó sẽ giúp làm am hợp và soi sáng những gì chúng ta đã tìm thấy trong những qui tắc của I-nhã –và hơn thế nữa, có lẽ những gì chúng ta đã tìm thấy trong những quy tắc của ngài sẽ giúp chúng ta đọc diễn từ của Tin Mừng sâu xa hơn.

Hai người môn đệ này chính xác là hạng người chúng ta đã miêu tả dưới danh xưng là người Ki-tô hữu trưởng thành (Bộ I:1-2). Sự thúc đẩy chính yếu của đời sống họ là hướng về Thiên Chúa. Họ chưa phải là những người vững tin, như là những người chúng ta thường xem họ là những “vị thánh”. Theo lời của Chúa Ki-tô, họ là “những kẻ ngu muội và kém

125

Xem phần trên, pp. Error: Reference source not found-Error: Reference source not found

Chương 9: Tổng hợp qua một câu chuyện Kinh Thánh

lòng tin” (Lc 24, 25). Tuy nhiên, nhìn vào toàn bộ đời sống của họ, họ là những người đang đi từ chỗ tốt đến tốt hơn, mặc dù hiện giờ nhìn về khía cạnh của đời sống họ là những người đang sa sút. Rõ ràng rằng dù họ chậm hiểu và chậm tin vào những lời tiên báo trong sách Thánh về sự si nhục, đau khổ, và cái chết của Đấng Messiah, nhưng họ vẫn tin vào Đấng Giavê, vẫn tin vào lời tuyên báo về một Đấng Messia sẽ đến, và vì thế họ vẫn hy vọng Người sẽ cứu chuộc Israel, chỉ có điều không phải là Đức Giê-su. Họ là những người đang nghiệm thấy sự sâu khổ thiêng liêng. Nếu họ đã không tin, không yêu dân Chúa, không hy vọng sự cứu chuộc của Israel, nếu họ không yêu mến Đức Giê-su như là một vị ngôn sứ của Thiên Chúa “đây uy quyền trong lời nói và việc làm trước mặt Thiên Chúa và dân Người” (mặc dù không phải là Đấng Messiah) thì sự sâu khổ của họ có thể không là sâu khổ thiêng liêng, và không hơn gì sự sâu khổ được nghiệm thấy bởi những người nhiệt thành về chính trị hay người lính chiến tham vọng bị đánh bại.

Chúng ta hãy nhìn kỹ vào sự sâu khổ của họ, chú ý đến những tình cảm của họ và những nền tảng cảm xúc này. Những cảm xúc ấy thể hiện ra cách rõ ràng là trông họ có vẻ buồn rầu (Luca. 24, 25). Tuy nhiên không khó khăn để hiểu điều gì đang xảy ra trong tâm hồn họ, khi chúng ta một cách đầy cảm thông đặt mình vào hoàn cảnh của họ. Những kỳ vọng của họ về Đức Giêsu sẽ giải thoát Israel đã bị tan vỡ, một cách chắc chắn và ở mọi khía cạnh đều là không thể. Nguồn sức mạnh chính yếu của họ, Tin Mừng của nước Thiên Chúa, đột nhiên tan biến. Người mà họ yêu mến hết lòng, tôn kính như một vị ngôn sứ quyền năng đã bị xử tử, bị giết chết bởi chính dân của họ. Người đã bị đem đi, Ngài là Đấng làm cho Thiên Chúa trở nên rất sống động và gần gũi, đã giúp họ nghiệm thấy tình yêu của Thiên Chúa, bộc lộ cho họ thấy nơi Ngài vẻ đẹp, sức mạnh và sự dịu hiền của Thiên Chúa, đã ban cho họ lòng hăng sống đốt nóng trong lòng họ, và đã soi sáng trong lúc tối tăm. Ngài đã bị đem đi, bị tiêu diệt bởi quyền lực của thế gian và sự ác. Làm sao họ không cảm thấy buồn sâu, bối rối, nản lòng, vô vọng, mất can đảm, cảm thức về niềm tin và hy vọng đang suy sụp, và cảm giác tẻ nhạt nhất là xa rời Thiên Chúa mà trước đây Ngài đã đụng chạm đến họ trong Đức Giêsu, là Đấng được sức dầu và là con yêu dấu của Ngài, một cảm giác tách rời Thiên Chúa bởi vì họ đã đồng tình với những người trước đó đã loại trừ và giết chết ngôn sứ của Thiên Chúa?

Chúng ta thấy trong phân tích của chúng ta về an ủi và sâu khổ, có những kết quả cảm xúc làm nên những trạng thái tình cảm này. Những cảm xúc này hướng chiều chúng ta, ngay cả thúc giục chúng ta đến suy nghĩ và hành động dưới những cách thức nào đó. Nếu chúng ta để mình trong con sâu khổ chúng ta có thể nghĩ rằng những gì cảm xúc của chúng ta

Chương 9: Tổng hợp qua một câu chuyện Kinh Thánh

đưa đến là đúng và khi đó có ý qui chiếu để thay đổi những quyết định trước của chúng ta. Chúng ta bắt đầu nghĩ rằng Thiên Chúa thật sự xa rời chúng ta và Ngài không quan tâm đến, nghĩ rằng chúng ta đã cắt đứt với Ngài và Ngài đã chối từ chúng ta; chúng ta bắt đầu mất niềm tin, cậy, mến và có thể quyết định quay khỏi con đường mà trước đó chúng ta đã khởi sự để phục vụ Thiên Chúa. Những kết quả có thực này thì không phải là thiết yếu, nhưng chỉ khuynh hướng trong đường hướng đó mới là thiết yếu. Chúng ta có thể chế ngự và chống lại được khuynh hướng đó. Trong hai môn đệ ấy, chúng ta thấy có một thí dụ cho những ai đánh mất tâm hồn và đã để khuynh hướng ấy chế ngự. Trong lúc Đức Giêsu còn ở với họ cách hữu hình, nói những lời đầy uy quyền, làm những việc lớn lao, để họ nghiệm ra sự tốt lành và uy quyền về nhân cách của Ngài thì bấy giờ chẳng có vấn đề trong việc tin Ngài là Đấng Messiah và niềm hy vọng nước trời. Tuy nhiên, giả như họ giống nhóm mười hai, sự chậm hiểu của họ sau cái chết của Chúa Ki-tô đã có trước thì họ thậm chí không thể hiểu về những gì Đức Giêsu đã nói khi Ngài tiên báo về cuộc khổ nạn và cái chết của Ngài trước cuộc thương khó. Họ không hiểu điều đó. Đây là “mặt yếu” mà Sa-tan đã tìm thấy khi hắn thực hiện “chuyển thanh tra của hắn”. Nơi nào hắn thấy ta yếu hơn và cần củng cố hơn vì phần rỗi đời đời của ta, ở đó hắn tấn công ta và nỗ lực dồn ép ta. (I:14). Họ đã không chuẩn bị cho cơn cám dỗ và sâu khổ: Họ đã không biết điểm yếu của mình, họ đã không và sẽ không lường trước những điều sẽ xảy đến mà Đức Giêsu đã nói với họ (I:10).

Khi thách thức về niềm tin và cậy trông xuất hiện, họ không thể đáp ứng nó bằng những xác tín của lý trí, bằng can đảm và nghị lực. Niềm tin và hy vọng của họ vào Đức Giê-su đã bị sụp đổ. “*Trước đây chúng ta vẫn hy vọng rằng chính Ngài là Đấng sẽ cứu chuộc It-ra-el*” (Lc 24, 1-21). Nếu trước

đây họ đã biết lắng nghe lời cảnh báo của Đức Giê-su và đã chuẩn bị thì nhờ ân sủng của Ngài, ắt hẳn họ đã hy vọng ngược lại trong lúc tối tăm, nhờ bám vào lời tiên báo của Đức Giê-su trong niềm tin, có lẽ cũng cả trong lời tiên báo của Cựu Ước mà qua đó Đức Giê-su sẽ sớm khôi phục niềm tin, cậy trông và an ủi.

Trước khi xem Đức Giêsu làm điều này như thế nào, chúng ta nên chú ý những môn đệ này có lẽ đã vi phạm như thế nào quy tắc I: 5 của thánh I-nhã - quy tắc nhắc nhở rằng sâu khổ thiêng liêng thì không phải là lúc thay đổi những quyết định mà dường như tốt trong lúc an ủi hay bình an, trước khi sâu khổ nhắc nhở rằng sâu khổ thiêng liêng là thời gian để giữ vững trong những ý hướng đã được chọn lựa trong những thời gian đó. Nó ăn hợp với mọi ý hướng mà họ nói và làm, nếu chúng ta giả sử rằng hai môn đệ đang rời Giêrusalem bởi vì họ đã từ bỏ toàn bộ sự nghiệp dưới quyền lãnh đạo của Đức Giêsu. Họ đang trở lại để thu góp đời sống mong manh của họ, họ đã cố gắng hết sức, nơi mà họ đã bỏ để đi theo Đức Giê-su –chính xác, cái quyết định mà thần dữ muốn đổi hướng những ai đang dẫn thân trở nên tình bạn thân thiết với Đức Giê-su và hoàn toàn phục vụ cho Ngài và Tin Mừng. Quyết định này xuất hiện dường như nó rất có lý trong lúc sâu khổ, nhưng khi an ủi hay bình an thiêng liêng trở lại thì nó trở nên rất ngớ ngẩn và có thể rất bi kịch (tragedy). Đức Giêsu sẽ đến cứu họ khỏi sự ngu muội và bi kịch. Chỉ mình Ngài mới có thể.

Trong hai người này chúng ta có một hình ảnh điển hình của chính chúng ta trong lúc sâu khổ thiêng liêng, khi chúng ta “cần thay đổi chính chúng ta bằng những cách chống lại với cơn sâu khổ ấy” (I: 6). Họ hoàn toàn “yếu nhược” trong những lúc như thế (I:11). Ở đó họ đang nói chuyện với nhau nhưng

Chương 9: Tổng hợp qua một câu chuyện Kinh Thánh

cả hai đều không giúp được nhau, có lẽ chính họ đang chôn mình sâu hơn trong cái hố của sầu khổ thiêng liêng với mọi kết quả xấu xa của nó trong đời sống của họ, bởi vì người này không có đủ đức tin, hiểu biết hay kinh nghiệm thiêng liêng để giúp đỡ người kia. Họ cần mở lòng ra cho ai đó am hiểu về mặc khải của Thiên Chúa tốt hơn họ, người có khả năng hiểu cách thức các thế lực của thần lành và thần dữ hoạt động trong tâm trí họ, người có thể hiểu những gì đang xảy ra trong tâm trí họ và dẫn họ đến chỗ tự nhận biết mình, người có thể cho họ các chỉ dẫn về cách chế ngự hay chống lại thần dữ, sầu khổ và cám dỗ của họ nhờ vào cầu nguyện, suy niệm, xét mình và làm việc lành cho người khác (I: 13).

Người hướng dẫn như thế thì ở bên họ mặc dù họ không biết. Họ dường như còn lại chính mình mà không có ơn Chúa, không có Đức Giêsu. Nhưng như I-nhã nói “sự trợ giúp thiêng liêng... luôn có” với người đang sầu khổ “cho dù họ không hiểu rõ ràng”. (I: 7). Chúa Thánh Thần ở trong lòng họ đang chờ đợi để đánh động họ đáp lại Đức Giêsu, Người mà bây giờ đang tiến đến gần họ trên đường mà họ đã không nhận ra “Đang lúc họ trò chuyện và bàn tán, thì chính Đức Giê-su tiến đến gần và cùng đi với họ. Nhưng mắt họ còn bị ngăn cản, không nhận ra Người (Lc 24, 15-16). Sầu khổ thiêng liêng dường như không còn trong cuộc đời còn lại của họ. Điều gì đã đưa họ lại sự bình an và hoan hỷ trong Chúa mà trước đây họ đã có? Bây giờ phải chăng nguồn an ủi của nó đã bị phá hủy? Bằng cách nào mà họ đã vui mừng trở lại? Thậm chí bình an và hoan hỷ của những ngày trước đây được nhớ lại bây giờ là nguyên nhân của cay đắng buồn phiền. Mặc cho con người của thời đại tương lai sẽ ra sao khi Giavê gọi Đấng Messiah của Ngài đến để cứu It-ra-el, đối với họ bóng tối sẽ là mãi mãi. Ánh sáng trong thế giới của họ đã bị tắt, ngọn lửa trong tim họ đã lụi tàn vĩnh viễn. Dường như là thế. Khi Ánh Sáng thực

đang đến, một cách không nhận biết cùng trên chính con đường họ đang đi, Thánh Thần sẵn sàng đốt nóng tâm hồn họ nên an ủi chi ở quanh chặng đường kế tiếp đó thôi! Như quy tắc I:8 nói “để ta nhớ rằng ta sẽ sớm được an ủi.”

Bây giờ chúng ta hãy xem cách chính Đức Giêsu bắt đầu vai trò của người hướng dẫn thiêng liêng đối với những người đang chìm sâu trong sâu khổ thiêng liêng. Ngài bắt đầu bằng việc hỏi họ theo cách có tính toán nhằm đưa họ ra khỏi những gì đang làm họ bối rối (Lc 24, 17-19). Tường thuật của họ về những buồn rầu (19-24) chắc chắn là một bản văn cô đọng trong Tin Mừng Luca, đồng thời là tường thuật của Đức Giêsu mở cho họ hiểu Kinh Thánh (Lc 24, 27) một khi họ đã mở lòng ra cho Ngài. Cả hai bên đều phải mất thời gian đáng kể. Không phải cho đến lúc họ thôi tiết lộ về chính họ thì Đức Giêsu mới nói điều gì đó thêm. Dưới ánh sáng của những gì họ kể về chính họ cho Ngài, Ngài dẫn họ đến việc nhận thức về chính họ sâu xa hơn, Ngài sử dụng Kinh Thánh để đánh giá (judge) họ và sự phản hồi của họ đối với sự kiện vừa xảy ra. Họ được dẫn đi nhờ vào việc suy niệm Kinh Thánh và xét mình dưới ánh sáng của Kinh Thánh (I: 6) để thấy sự khờ khạo và lòng chậm tin của họ vào những điều các ngôn sứ đã nói trước đó và cũng trước đó chính Ngài đã tiên báo ít nhất ba lần cho họ trước khi sự việc xảy ra (Lc 24, 25). Bắt đầu từ Môsê Ngài dẫn họ đến các tiên tri người mà họ đã nghe đi nghe lại, chỉ ra tâm hồn chậm chạp của họ mà trước đó họ không hiểu, bị mù tối bởi những giả định khờ khạo và sợ hãi, đó là “Nào Đấng Ki-tô lại chẳng phải chịu khổ hình như thế, rồi mới vào trong vinh quang của Người sao” (Lc 24, 26-27).

Nhờ Đức Giêsu dẫn dắt mà kết quả của việc suy niệm và xét mình đã bẻ gãy sự sâu khổ, khôi phục lại niềm tin và hy vọng như thuở ban đầu - hay ít ra coi bỏ lòng cứng tin, thất

Chương 9: Tổng hợp qua một câu chuyện Kinh Thánh

vọng và đem lại tia hy vọng và niềm tin, bằng an ủi thiêng liêng được xây dựng trên nền tảng của sự hiểu biết Thánh Kinh và hướng về niềm tin, cậy, mến hơn. ""Đọc đường, khi Người nói chuyện và giải thích Kinh Thánh cho chúng ta, lòng chúng ta đã chẳng bùng cháy lên sao? "" (Lc 24, 32) Lúc này họ rất có thể đáp lại như nhóm 12 khi Đức Giêsu hiện ra với họ và vì mừng quá nên họ chưa tin (Lc 24, 41). Điều này dường như quá phi thường, họ không thể nghi ngờ bằng chứng Kinh Thánh sống động mà Đức Giêsu trình bày hay bằng chứng của chính nhận thức của các ông.

Khi họ gần đến nơi và Đức Giêsu làm như muốn đi xa hơn, họ nài nỉ Ngài, "ép buộc" Ngài ở lại với họ. Hiệu quả khác của việc suy niệm và xét mình nhờ Đức Giêsu dẫn dắt bây giờ Ngài xuất hiện. Việc ép buộc Đức Giêsu (chưa biết Ngài là Đức Giê-su) ở lại với họ đã bộc lộ một sự khao khát được bắt rễ trong niềm hy vọng, trong sự lóe sáng niềm tin phục hồi. Họ muốn Đức Giêsu ở lại – không nghi ngờ nữa bởi vì họ đã yêu mến con người này, người trước đó đã kéo họ ra khỏi những hố sâu, nhưng còn bởi vì họ khao khát để cuộc sống của họ được khôi phục trọn vẹn hơn. Có thể họ đã tin một nửa và lòng khao khát đang bùng cháy trong lòng họ là cầu nguyện để tăng thêm niềm tin và hy vọng, tăng thêm bình an và hoan hỉ của Thiên Chúa nhờ đức tin (1:6 cầu nguyện như phản ứng đầu tiên của người trong cơn sầu khổ). Chính nhờ việc đáp lại lời cầu nguyện này mà Đức Giêsu mang lại cho họ lòng hoàn toàn tin vào sự thật phục sinh của Ngài và vì thế an ủi thúc đẩy họ trên đường quay trở lại Giêrusalem, trở lại với đoàn chiên nhỏ bé, trở lại lối sống mà họ đã chọn trước cơn sầu khổ thiêng liêng và sự buồn thảm khiến họ không kịp chuẩn bị và đã tránh xa nó.

Bây giờ Người mới vào và ở với họ. Khi đồng bàn với họ, Người cầm lấy bánh, dâng lời chúc tụng, bẻ ra trao cho họ. Mắt họ liền mở ra và họ nhận ra Người, nhưng Ngài lại biến mất. Họ mới bảo nhau “đọc đường, khi Người nói chuyện và giải thích Kinh Thánh cho chúng ta, lòng chúng ta đã không bùng cháy lên sao?” (Lc 24, 29-30)

Ở Giêrusalem niềm tin vừa khôi phục của họ được xác nhận bởi minh chứng của nhóm Mười Hai và những người khác (Lc 24, 33-34) và nhờ lần hiện ra của Đức Giêsu cho tất cả mọi người trong họ, minh chứng hơn về thực tại hữu hình của Ngài (Lc 24, 36-43), một lần nữa Ngài mở lòng cho họ hiểu Kinh Thánh (24, 44-46), trao sứ mạng cho họ (24, 47-48), hứa ban Thánh Thần và sức mạnh (24, 49) và lên trời (24, 50-51). Toàn bộ mầu nhiệm của Đức Giêsu được nghiệm thấy và hiểu hơn nhiều bởi hy vọng vào Chúa Thánh Thần. Tất cả được tràn đầy “niềm vui” và “không ngừng... chúc tụng Thiên Chúa” (24, 52).

Bây giờ hai người trong số họ chắc chắn sẽ cảm thấy rằng họ không bao giờ nghiệm thấy sâu khổ nữa. Làm sao họ còn thất vọng, khi mà bây giờ họ chắc rằng Đức Giêsu đã phục sinh và đã hứa ở với họ luôn mãi? Nhưng điều không thể lại xảy ra. Những gì I-nhã bảo họ hay bất kỳ ai trong những lúc được an ủi như thế sẽ đợi sâu khổ và chuẩn bị nó đến. Đừng để chính mình một lần nữa bị lấy đi hoàn toàn sự bình an và không chuẩn bị như ở lần trước. Bây giờ hãy nhớ bạn yếu đuối như thế nào khi gặp sâu khổ, làm sao bạn dựa vào sự trợ giúp của Chúa hoàn toàn để vượt qua được nó, cách Ngài hiện diện, yêu thương và quyền năng khi Ngài dường như để ta cô đơn một mình, cách bạn mạnh mẽ đối đầu với sâu khổ và cảm dỗ khi Ngài đến giúp bạn nhờ suy niệm và cầu nguyện.

Chương 9: Tổng hợp qua một câu chuyện Kinh Thánh

Hãy phản tỉnh toàn bộ kinh nghiệm, biết điểm yếu của bạn và cầu xin để được giúp đỡ. Nếu bạn sẵn sàng và mở ra với Thánh Thần của Đức Giêsu, Ngài sẽ cho bạn chịu đựng (endure) trong sự can đảm và nghị lực, thậm chí bước vào sâu khổ để vào sâu trong mầu nhiệm của Chúa Ki-tô hơn; và Ngài sẽ lại mang bạn ra trong niềm vui bình an của Chúa Phục Sinh.

PHẦN IV

THẦN DŨ TRONG THỜ GIAN AN ỦI

Quy tắc II:1-8

Chương 10:
TRÒ LỬA PHỈNH KHỞI ĐI TỪ
AU THIÊNG LIÊNG

Như chúng tôi đã nói, bộ quy tắc thứ nhất có ba mục đích:

- (1) Để giúp chúng ta nhận thức một cách thấu đáo và có suy xét rõ ràng thúc đẩy nào là thiêng liêng và thúc đẩy nào là phản- thiêng liêng trong vô số những thúc đẩy nội tâm.
- (2) Để giúp chúng ta hiểu biết từng đặc trưng, nguồn gốc và hậu quả của các thúc đẩy đó.
- (3) Cuối cùng và quan trọng, để giúp chúng ta luôn giữ vững ánh sáng của Thánh Thần một cách tích cực – thứ ánh sáng mà trong suốt thời gian tối tăm của SK được trải nghiệm như là niềm xác tín của trí hiểu, dù không khan nhưng vững chắc, về những chân lý đức tin trung tâm, và như niềm tin thác trung kiên, lòng can đảm và năng lực để đứng vững và chống lại lại quyền lực của bóng tối, bất chấp bất kỳ và tất cả những *cảm giác* của sự hồ nghi, của sự tuyệt vọng, lười biếng và buồn chán thiêng liêng, của sự lạnh nhạt đối với Thiên Chúa và những sự trên trời.

Mục Đích và Chủ Đề của Bộ Quy Tắc Thứ Hai. Quy Tắc II:1

Tương tự mục đích tổng quát nhắm đến ba hướng của bộ quy tắc thứ nhất, như đã được trình bày ngay trên, vẫn còn hiện diện trong bộ quy tắc thứ hai. Có cùng một mối liên hệ chính yếu với nhận biết và chế ngự những chuyển động đến

từ thần dữ và con người tội lỗi của chúng ta. Nhưng trong bộ nhận định thứ hai, I-nhã thu hẹp điểm nhấn của mình vào một chủ đề cụ thể: “những lý lẽ giả tạo, cầu kỳ và nguy hiểm không cùng” đến từ thần bóng tối trong suốt thời gian AUTL. Rất cần thiết làm sáng tỏ và nhấn mạnh mối quan tâm chính yếu này nếu chúng ta muốn tránh việc đọc bộ quy tắc II: 1-8 theo cách thức gán tầm quan trọng thái quá cho cấu tố này hay cấu tố khác mà nó tương đối nhỏ bé khi được xem xét theo viễn cảnh trong toàn bộ những điều thánh I-nhã dạy về phân định thần loại và nhận định ý Chúa. Qua cách đọc sai lầm này, chúng ta có thể quá dễ dàng hạ thấp giá trị của những thành phần quan trọng hơn, hoặc thậm chí không cần suy xét cân nhắc chúng, và do đó, chúng ta có thể bóp méo toàn bộ giáo huấn của thánh Inhã.¹²⁶

126

Hiểu đúng về những gì thánh I-nhã nhấn thực hiện trong bộ quy tắc thứ 2 là ngăn cản những mong chờ sai lệch và những điểm nhấn không có cơ sở trên tầm quan trọng của ơn AU không có nguyên do trước trong phân định thần loại và nhận định ý Chúa của thánh I-nhã.

Những quy tắc này không phải là một bộ hướng dẫn tích cực về việc làm thế nào để tìm được ý Chúa qua các kinh nghiệm về AU và sâu khổ và phân định thần loại. Những quy tắc này chỉ trực tiếp liên quan đến hai phạm bẫy tinh tế của ma quỷ có thể gây cản trở cho việc nhận định, những phạm bẫy này bắt đầu với một trong hai loại AU đã được phân biệt và miêu tả trong bộ quy tắc này duy chỉ nhằm giúp hiểu những phạm bẫy này. Thực tế việc phân biệt giữa ơn AU có và không có nguyên do trước không được đề cập nhiều trong những bài viết của thánh I-nhã, đối với thánh I-nhã sự phân biệt này không quan trọng vì nó nằm ngoài bản văn giới hạn này. Để bàn luận sâu hơn, xin xem Phụ Lục IV trong trang Error: Reference source not found-Error: Reference source not found.

Chương 10: Cạm bẫy bắt nguồn từ an ủi thiêng liêng

Trong tiêu đề của bộ quy tắc thứ hai và trong quy tắc II:1, chính thánh I-nhã đã cho thấy mục đích tổng quát của những quy tắc này, ngài chỉ rõ chủ đề của chúng, và trình bày mối quan hệ của chúng với bộ quy tắc 1.

328. Những quy tắc về cùng một hiệu quả với việc nhận định tốt hơn về các thần loại và các quy tắc này thích hợp hơn cho tuần thứ hai.

Quy tắc 1: Đặc điểm của Thiên Chúa và các thiên thần của Ngài, trong các thúc đẩy những chuyển biến nội tâm, là ban sự hoan hỉ và mừng vui thiêng liêng thật, bằng cách xoá bỏ mọi buồn sầu và xao xuyến do kẻ thù đưa vào.¹²⁷ Còn đặc điểm của kẻ thù là chiến đấu chống lại sự hoan hỉ và niềm AUTL ấy bằng cách đưa ra những lý lẽ giả tạo, xảo quyệt và ngụy biện không cùng.

Chúng ta đã thấy, những TLP có liên can đến những con SK và cám dỗ được giải quyết trong những quy tắc đầu; nhưng trong bộ quy tắc thứ hai này, chúng theo một dạng đặc biệt. Điểm khởi đầu của chúng, như chúng ta sẽ thấy chi tiết hơn, không phải là SKTL và lời cuốn đến sự dữ hoặc đến những thứ hèn hạ; thay vào đó, chúng bắt đầu từ những tư tưởng thánh thiện và những AUTL của hai loại riêng biệt, được xem như những cơ hội cho hai loại TLP riêng biệt. Mặc dù trong bộ thứ nhất (I:1-14), thánh I-nhã cho thấy rằng, trong AUTL bản thân nó luôn hướng về điều thiện, mà nó có thể

¹²⁷ Chính sự buồn chán và bối rối trong bản chất của sự việc kẻ thù dẫn dắt chúng ta xa rời với an ủi thiêng liêng. Những hình thức khác của sự buồn chán và bối rối, thiêng liêng và không thiêng liêng, dĩ nhiên không dĩ định chạm gì đến ơn an ủi thiêng liêng, tuy nhiên, chính ơn an ủi thiêng liêng giúp chúng ta cảm thấy dễ dàng hơn khi mang lấy chúng và khám phá ra ý nghĩa nơi những hình thức buồn chán đó.

được sử dụng sai mục đích trở thành nguyên cớ cho một cảm thức an toàn lệch lạc một cách nguy hiểm (quy tắc I:10) hay trở thành nguyên cớ cho hư vinh (I:9,11). Việc sử dụng AUTL của thần dữ có thể xảo trá hơn thế. Bất cứ ai có bất kỳ sự hiểu biết và trải nghiệm cơ bản về đời sống thiêng liêng có thể, nếu cảnh giác, dễ dàng nhận ra những cách thức sử dụng sai lạc sự AU đã được giải quyết trong bộ quy tắc thứ nhất. Những cách thức được xử lý trong bộ quy tắc thứ hai có thể quá ngầm ngàm tới mức đôi khi để trải nghiệm giới hạn ngay cả với những người có nhiều trải nghiệm, cảm thức và hiểu biết về đời sống thiêng liêng.

Sự chuyển dịch điểm nhắm từ SKTL và sự mất can đảm, bắt nguồn từ những tư tưởng sai lạc, đến AUTL được thần dữ sử dụng như một cơ hội TLP- đó là sự chuyển dịch cần thiết phải có bộ quy tắc II. Những quy tắc của bộ quy tắc thứ nhất thì không đầy đủ để hiểu và kháng cự lại những thúc đẩy tinh vi hơn của thần dữ. Thực ra, không xét đến tính chất và sắc thái, trong nhiều tình huống của những quy tắc đầu tiên đơn thuần là sai lạc và theo đuổi những quy tắc ấy là góp tay cho thần dữ. Trong quy tắc I:2, 4 và 5, AUTL được gọi là kết quả và dấu hiệu của Chúa Thánh Thần nơi một người Ki-tô hữu tiến tới, mà không có điều kiện và sự khác biệt nhỏ nào; và những tư tưởng xuất phát từ AUTL cũng được xem là xuất phát từ Thánh Thần. Bây giờ chúng ta sẽ thấy rằng, vì mục đích xấu xa của hắn, thần dữ có thể gọi lên cho chúng ta AUTL và những tư tưởng tốt lành, sau cùng chúng sẽ dẫn chúng ta đến SK hoặc những suy nghĩ lệch lạc (II:3-4). Hoặc thần dữ có thể đưa chúng ta đến sự lẫn lộn trong suy nghĩ, thậm chí những điều đó phát sinh dưới sự tác động của nó, với những tư tưởng đến từ AUTL điều mà nó không và không thể gọi lên trong chúng ta (II,8). Lý do tại sao phải có bộ quy tắc thứ hai là để cảnh báo chúng ta về những mối nguy hiểm

Chương 10: Cạm bẫy bắt nguồn từ an ủi thiêng liêng

xa hơn và hướng dẫn chúng ta cần phải làm gì đối với chúng: làm thế nào để nhận định kẻ thù đang cố gắng dẫn đưa chúng ta lìa xa Thánh Thần, Đấng đang cố gắng đưa chúng ta đi trên con đường của sự thật và bình an.

Do đó, không có sự dịch chuyển nào trong bộ quy tắc thứ hai từ mối quan tâm chính của bộ quy tắc thứ nhất, ấy là, nhờ ánh sáng và sức mạnh của Thánh Thần để chú ý và để khắc phục vượt qua những chuyển động bên trong của chúng ta mà đến từ thần dữ và tội lỗi của chúng ta. Bộ quy tắc thứ hai là phần tiếp theo của bộ quy tắc thứ nhất, một sự phát triển mạch lạc của bộ thứ hai. Lý do phân chia quy tắc thành hai bộ, mỗi bộ được cho là thích hợp hơn cho tuần này hay tuần khác của Linh Thao là hoàn toàn thực tiễn và chỉ là bề ngoài đối với bản thân các quy tắc, ấy là sự cần thiết cho những người đang được hướng dẫn (LT 8-10).¹²⁸ Bộ quy tắc thứ nhất cần thiết hơn cho tuần 1 và bộ quy tắc thứ hai cần thiết hơn cho tuần 2 trong Linh Thao, nhưng không nhất thiết phải như thế.¹²⁹

¹²⁸ Chẳng có chi phải bàn để cho rằng bộ qui tắc thứ hai dành riêng cho Tuần Hai Linh Thao hoặc bộ qui tắc thứ nhất cần được giải thích trước khi Tuần Hai bắt đầu. Việc giải thích những qui tắc này hay không là còn tùy thuộc vào nhu cầu của thao viên (Lt [8]). Đó là quy tắc chú giải số 8 của thánh I-nhã qua đó người thao viên có thể tự giúp mình. Hai điều kiện, luôn luôn đi với nhau, được đưa ra để chỉ cho biết lúc nào người hướng dẫn không nên nói bộ quy tắc thứ hai với thao viên trong Tuần Một: (1) Thao viên không phải là người thành thạo trong đàng thiêng liêng và (2) thao viên gặp bị cám dỗ một cách thô thiển và rõ ràng (Lt [9]). Khi thiếu vắng hai điều kiện này và thao viên có thể rút ra lợi ích nhờ hiểu bộ quy tắc thứ hai, thì thật phù hợp với lời hướng dẫn của thánh I-nhã là giải thích bộ quy tắc 2 cho họ.

¹²⁹ Lý do thánh I-nhã đưa ra đó là những con cám dỗ tinh tế, chúng đội lốt sự thánh thiện, những con cám dỗ này thích hợp hơn trong tuần hai. Bởi vì những thao viên được hướng dẫn thì đang tập luyện chính mình trên chặng đường soi sáng và, sau thời kỳ thanh luyện ở Tuần Một, họ

AU Có và Không Có Nguyên Do Trước. Quy tắc II:2-3

Như đã đề cập ở trên, hai loại kinh nghiệm mà người ta cần đến bộ quy tắc thứ hai là hai kinh nghiệm của sự lừa dối mà nó lấy AUTL như là nguyên có và là điểm xuất phát. Thánh I-nhã đã xử lý chúng qua ba bước chính. Thứ nhất, trong quy tắc II:2 và 3, ngài chia làm hai loại AU. Thứ hai, trong quy tắc II:4-7, ngài diễn tả cách thức trong đó người đang trải nghiệm một trong hai loại AU này có thể bị lừa gạt, và làm thế nào để người đó có thể vượt qua và thoát khỏi TLP. Thứ ba, trong quy tắc II:8, ngài mô tả ngắn gọn hình thức khác của sự lừa gạt liên quan đến loại AU còn lại, và ngài cho biết làm thế nào để tránh khỏi nó. Ba bước chính này chứa đựng tất cả những chỉ dạy mà ngài muốn nhấn trực tiếp trong bộ quy tắc thứ hai.

Chúng ta hãy trở lại bước thứ nhất, (được tiếp tục bởi quy tắc II: 2và 3)

Quy tắc 2: Chỉ có Thiên Chúa, Chúa chúng ta, mới ban cho linh hồn sự AUKNDT; vì quyền riêng của Đấng Tạo Hóa là đi vào, đi ra, làm phát sinh nơi nó một chuyển động lôi cuốn trọn vẹn linh hồn vào tình yêu mến Thiên Chúa Chí Tôn.

Tôi nói không có nguyên do [trước], nghĩa là, không có bất cứ một tình cảm hay một hiểu biết nào trước đây về bất cứ một đối tượng nào, nhờ đó một sự AU như thế phát sinh qua trung gian những hoạt động của trí hiểu và ý chí của người đó.

Quy tắc 3: Có nguyên do thì thiên thần lành cũng như thiên thần dữ đều có thể an ủi linh hồn, nhưng nhằm

có thể đứng vững tốt hơn để chống lại những cám dỗ lộ liễu phạm tội hay làm mất sự can đảm (Lt [10]).

Chương 10: Cạm bẫy bắt nguồn từ an ủi thiêng liêng

mục đích trái ngược nhau: thiên thần lành nhằm mưu ích cho linh hồn, để nó lớn lên và tiến bước từ điều tốt đến tốt hơn, còn thiên thần dữ nhằm điều ngược lại, để rồi lôi cuốn linh hồn theo ý muốn và sự hiểm độc xấu xa của nó.

Bởi vì các nhà chú giải về Thánh I-nhã trước đó và đương thời không trình bày phần giới thiệu để hiểu, mạch lạc và thống nhất về on AUKNDT của Thánh I-nhã. Có người đơn sơ đề cao việc Suarez thừa nhận thẳng thắn đối với on AUKNDT: “tôi thấy rằng để hiểu những lời này không dễ dàng chút nào” J.H.T Berg đã giải thích rõ ràng việc trình bày rõ ràng về Thánh I-nhã, tức là “on AUKNDT”, chỉ xuất hiện trong linh thao 330 và 336, không có trong các thư riêng, nhật ký thiêng liêng và tự thuật của Thánh I-nhã, thậm chí không có trong là thư thời danh của ngài về nhận định gởi cho Sr. Teresa Rejadell. Chúng ta buộc phải đồng ý với K. Rahner rằng ở đây Thánh I-nhã đã hoàn tất một kiệt tác khúc chiết nhưng chưa rõ ràng.¹³⁰

Bởi vì thiếu rõ ràng trong quy tắc II: 2, nên nhiều nhà bình luận xử lý quy tắc này rất thận trọng, chỉ dẫn giải những lời của I-nhã, còn người khác lại phỏng đoán hay tuyên bố về ý nghĩa của quy tắc này. Đáng tiếc thay, giữa những nhà chú giải tào bạo này lại bất đồng ý kiến với nhau.¹³¹

Nếu không chấp nhận bất cứ một quan điểm nào đã được đưa ra hoặc bổ sung một quan điểm nào khác, và lại còn thực

¹³⁰ H. Egan, *Mystical Harizon*, p. 32

¹³¹ Về cuộc thảo luận liên quan đến một vài chú giải gây xung đột hiện thời về on AU không có nguyên do trước, xem Phụ lục IV, pp. Error: Reference source not found-Error: Reference source not found.

hiện nhiều hơn việc diễn giải hay giải quyết qua loa trên văn bản, chúng ta hãy nhìn nhận xem liệu chúng ta có thể rút ra từ quy tắc này một vài điểm rõ ràng trong bất cứ bài đọc nào có thể chấp nhận được chăng. Ít nhất điều này có thể đủ để cho thấy vài sự khác biệt dễ hiểu giữa ơn AUCNDT và không có nguyên do trước. Do vậy, nó có thể giúp chúng ta hiểu những vấn đề về ơn AUKNDT mà chúng ta cần khám phá; hơn nữa, điều đó cho phép chúng ta hiểu sự khác biệt giữa hai loại TLP mà bộ quy tắc thứ hai đề cập đến.

Dù chúng ta có thảo luận những chú giải của mình về một vài khía cạnh khác biệt giữa AU có và không có nguyên do, không có vấn đề gì về thực tế chính thánh I-nhã nêu lên hai sự khác biệt chính yếu giữa hai dạng thức của ơn AU. Sự khác biệt thứ nhất là một trong chúng “có nguyên do trước” trong chính những hành vi chủ thể đó, còn AU thứ hai thì không. Sự khác biệt thứ hai tiềm ẩn trong sự khác biệt thứ nhất; ơn AUKNDT chỉ có thể đến từ Thiên Chúa và trực tiếp từ Ngài. Hai sự khác biệt này là ngoại tại đối với chính ơn AU: những khác biệt này đề cập đến nguồn gốc của ơn AU cách rõ ràng, không phải đến bản chất nội tại của ơn AU. Trong một quan điểm khác, hàm ý có sự khác biệt thứ ba do tác động không qua trung gian của Thiên Chúa trong ơn AUKNDT. Hẳn phải là khác biệt nào đó trong chính ơn AU này nếu nó không có một tác nhân thụ tạo hay những hành vi của người được AU làm trung gian. Một quan điểm khác phủ nhận quan điểm này: không có sự hàm ý nào như thế, tất cả những gì thánh I-nhã quan tâm là mối quan hệ với nguyên do trước, với cách thức qua đó ơn AU phát sinh. Tôi tạm gác lại vấn đề của những sự khác biệt nội tại này để tìm hiểu về hai sự khác biệt đầu tiên.

Chương 10: *Cạm bẫy bắt nguồn từ an ủi thiêng liêng*

Sự khác biệt đầu tiên có lẽ rõ ràng nhất đối với đọc giả bởi vì đó là sự khác biệt mà các on AU được gọi theo: on AUCNDT và on AUKNDT, đôi khi rút gọn thành on AU có nguyên do và không có nguyên do.¹³² Nguyên do trước được đề cập không phải là nguyên do thúc đẩy hay xúi giục tác động¹³³ lên chủ thể để mang lại sự AU, đó là, Thiên Chúa hoặc thiên thần lành của Ngài hoặc một thần dữ; nguyên do đó xuất hiện trong sự khác biệt thứ hai. Những gì được đề cập ở đây là đối tượng những hành vi đi trước của người ấy (sự cảm nhận, hiểu biết, ước muốn), qua trung gian của những hoạt động này mà chúng mang lại on AU khi người ấy trải nghiệm. Đó là những hoạt động có đối tượng này hay một cách chính xác đối tượng này vì được lãnh hội ra hay hiểu được hoặc được đáp trả theo ý muốn thì đó là nguyên do trước đã được đề cập.

Ý tưởng chung về “nguyên do trước” trong bản văn này dường như khá rõ ràng. Nó vẫn có thể được làm sáng tỏ hơn, nếu thấy cần thiết, theo những chỉ dẫn của thánh I-nhã trong sách Linh Thao. Ngài khuyên những người làm linh thao rằng trước khi bắt đầu suy niệm hay chiêm niệm họ nên xin on được ao ước, như sự buồn rầu vì tội lỗi và nước mắt (LT 55), hiểu biết thâm sâu và yêu mến Chúa Giê-su (LT 104), có lòng thương cảm với Chúa Giê-su chịu khổ nạn (LT 203), hoan hỉ trong niềm hân hoan và vinh quang của Ngài (LT 221). Những kinh nghiệm này, ngài gọi là AUTL (LT 316), đạt được qua việc suy niệm những chân lý được chỉ dạy trong Kinh Thánh,

¹³² Xem chú thích chính 9, chương 2.

¹³³ Về một vài ý nghĩa của từ “nguyên do” trong cách dùng của thánh I-nhã, xem Daniel Gil, *La Consolación Sin Causa Precedente - AU Không Có Nguyên Do Trước* (Rome, 1971), p.30 (bản viết tắt theo Gil, *La Consolación*).

chiêm ngắm Chúa Ki-tô trong Tin Mừng, suy xét về những ơn huệ của Thiên Chúa đối với mỗi thao viên một cách cá vị (LT 2). Dường như không phóng đại chút nào khi nói rằng mỗi bài tập luyện trong linh thao có ý định mang lại ơn AUCNDT nếu Thiên Chúa lựa chọn ban ơn AU này. Ôn AUKNDT có thể cũng hy vọng có được, và toàn bộ quá trình của sự thanh luyện khỏi tội lỗi và lớn lên trong tình yêu dành cho Chúa Giê-su để chuẩn bị cho thao viên nhận lãnh ơn AUKNDT nếu Thiên Chúa muốn và trao ban ơn đó. Tuy nhiên, không có bài linh thao nào có thể được sắp xếp nhằm làm trung gian cho nó. Đó sẽ là một sự mâu thuẫn trong từ ngữ.

Sự khác biệt thứ hai giữa ơn AU có và không có nguyên do trước ám chỉ đến nguyên do thúc đẩy. Nếu một ơn AU được nhận biết chắc chắn là ơn AUKNDT, thì người ta cần phải rõ ràng về nguồn khai nguyên ra ơn AU này: nguồn không thể là bất cứ tác nhân nào ngoài Thiên Chúa đang hoạt động trực tiếp nơi người được ơn AU. Không có thần dữ nào có thể gây hiệu ứng ơn AU không nguyên do trong chúng ta, và cũng không có một thiên thần lành nào có thể, ngay cả khi thiên thần đó là công cụ của Chúa. Nói cách khác, nếu một ơn AU được nhận biết là có nguyên do trước thì luôn luôn có sự mơ hồ về nguồn căn nguyên của nó và cần được làm sáng tỏ. Nguồn căn nguyên chỉ có thể là một mình Thiên Chúa, hay hoạt động của Thiên Chúa ngang qua thần lành, hoặc có thể là thần dữ. (Xin được nói thêm, không có một lý do rõ ràng nào có thể được thêm vào, rằng tại sao không thể là một nhân vị nào khác). Thật sự, quy tắc 3 đề cập rõ ràng đến những thiên thần lành và những thiên thần dữ; nhưng không loại trừ Thiên Chúa hoạt động một mình. Chúng ta không nói rằng ở trong mọi trường hợp ơn AUCNDT đều từ một thiên thần lành hay dữ; mà chỉ nói rằng những tác nhân này *có thể* làm phát sinh sự AU đó, trái lại, đối với ơn AUKNDT thì chỉ có Thiên Chúa

Chương 10: Cạm bẫy bắt nguồn từ an ủi thiêng liêng

là tác nhân. Trong mọi trường hợp, không có sự khác biệt thực hành. Thậm chí khi một mình Thiên Chúa ban ơn AUCNDT thì cũng chính là việc Ngài ban ơn ấy thông qua một thiên thần lành; và khi ơn ấy được ban qua một thiên thần, ơn đó vẫn bắt nguồn chính yếu từ Thiên Chúa và được trao ban vì mục đích của Ngài. Mục đích của thiên thần lành không thể là gì ngoài ý định của Thiên Chúa. Sự mơ hồ về một mình Thiên Chúa hoặc hoạt động của Thiên Chúa qua một thiên thần để tạo ra ơn AU có thể sẽ không bao giờ được giải quyết – và cũng không có nhu cầu thực tiễn nào để làm điều đó.

Bất cứ điều gì khác mà I-nhã có thể đã có ý phân biệt giữa AU có và không có nguyên do trước, điều này khá rõ ràng. Bất cứ ơn AU nào phát sinh và tùy thuộc vào suy niệm hay chiêm niệm trước đó, hay vào bất kỳ một kinh nghiệm xúc cảm nào trước đó như là nền tảng của nó đều là ơn AUCNDT. (Tất cả các ơn AU được tìm thấy qua các bài mẫu và chỉ dẫn về suy niệm hay chiêm niệm trong Linh Thao đều là AUCNDT). Tuy nhiên, trong sự quan phòng thông thường của Thiên Chúa, ơn AUKNDT, có những tùy thể ngoại tại và không cần thiết phụ thuộc vào những điều kiện tích cực và tiêu cực, loại bỏ những trở ngại hay thực tại hóa những sự sắp xếp tốt lành. Do đó một người đang dính vào sự nuông chiều xác thịt tội lỗi, hoặc phạm hết tội trọng này đến tội trọng khác, hoặc hoàn toàn bị sao lãng bởi những quyến luyến trần tục lôi kéo thì không thể có kinh nghiệm về ơn AU này; nhưng cuộc sống trong sạch và tập trung vào cầu nguyện trong đó đức tin và lòng mến thực sự mạnh mẽ sẽ giúp người đó chuẩn bị để nhận lãnh ơn AU này. Ôn AUCNDT thường hoặc luôn luôn có thể là sự sắp đặt cho ơn AUKNDT. Tuy nhiên, không có sự sắp xếp nào cho đầu bằng bất cứ cách nào nhằm thực tại hóa hay gia tăng ơn AUKNDT hay làm trung gian cho hành động của Thiên Chúa

để tạo ra AU này. Nếu một on AU đến thông qua trung gian như thế, nó sẽ là on AUCNDT.

Lý do đưa ra tại sao nói rằng chỉ một mình Thiên Chúa mới có thể mang lại on AUKNDT cho thấy một sự khác biệt thứ ba, một sự khác biệt nội tại. Tất nhiên có thể là *cách thức* qua đó on AU đến có thể đòi hỏi rằng chỉ một mình Thiên Chúa gây hiệu ứng cho AU này, không cần một trung gian nào. Trong trường hợp đó, không có sự khác biệt nội tại đối với on AUCNDT được dùng để phân biệt on AU này với on AU khác. Tuy nhiên, chẳng gì ngạc nhiên khi tìm thấy điều nội tại đối với on AUKNDT vốn là đặc thù của nó, một điều qua đó chúng ta có thể thấy tại sao AU này không thể phụ thuộc vào những hành vi có trước của lý trí hay ý chí chúng ta như là trường hợp AUCNDT, tại sao AU này không thể được gây ra bởi thần dữ hay thần lành thụ tạo, nhưng chỉ duy bởi Thiên Chúa mà không cần bất cứ một trung gian thụ tạo nào. Phải chăng sẽ không có một điều nội tại đặc thù nào trước kinh nghiệm vuron tới quyền năng tối cao của Thiên Chúa bao trùm cuộc sống ý thức nội tâm của chúng ta, sức mạnh mà qua đó Ngài và chỉ mình Ngài, không cần thông qua tiến trình tự nhiên đòi hỏi phải có của nguồn gốc on AU, thì mới có thể gây hiệu ứng cho on AU không nguyên do như ý Ngài muốn? Chúng ta hãy xem.

Một vài người nghĩ rằng có một sự nhận biết trực tiếp phi ý niệm về Thiên Chúa ẩn trong câu nói của thánh I-nhã, rằng chỉ một mình Thiên Chúa mới có thể gây ra on AUKNDT, đó là, họ nói rằng, không có đối tượng thuộc ý niệm. Điều này đặt chúng ta vào những vấn đề thần học khó khăn mà tốt hơn là bây giờ chúng ta nên bỏ qua. Tuy nhiên, điều rõ ràng và minh bạch trong quy tắc II:2 là những lời nói về việc Thiên Chúa “lôi cuốn trọn vẹn người đó vào tình yêu của Thiên Chúa Chí

Chương 10: Cạm bẫy bắt nguồn từ an ủi thiêng liêng

Tôn". Từ "trộn vụn" dường như là một từ khóa, nhắm đến điều đặc thù nhất trong kinh nghiệm của chúng ta khi nhận được ơn AU như thế. Nó duy nhất thuộc về Thiên Chúa để đi vào thụ tạo và để chuyển hóa tình yêu của người đó vào tình yêu viên mãn của Thiên Chúa. Dường như có quá nhiều điều nhấn mạnh tương tự xuất hiện trong lá thư gọi nữ tu Teresa Rejadell. I-nhã đã viết về nó mà không gọi tên là ơn AUKNDT như trong hai quy tắc II:2 và 8 . Trong thư , ngài nói về Thiên Chúa nâng con người lên "trộn vụn vào tình yêu thần thiêng của Người".¹³⁴

Trong *Nhật ký thiêng liêng* , I-nhã cũng nói bằng những từ ngữ tương tự như vậy về những kinh nghiệm cá nhân, có lẽ đó là những ơn AUKNDT.

Bước vào nhà nguyện và tràn ngập sự hiến dâng lớn lao cho Ba Ngôi chí thánh, với tình yêu được gia tăng nhiều và nước mắt, mà không nhìn thấy những Ngôi Vị riêng biệt, như là trong hai ngày cuối cùng, nhưng trong luồng sáng rõ ràng tôi nhận thấy một bản thể duy nhất. Tôi được lôi cuốn trộn vụn vào trong tình yêu, và sau đó, trong khi chuẩn bị bàn thờ và lễ phục, một sự dâng hiến lớn lao và nước mắt, ân huệ luôn củng cố với sự thỏa mãn nhiều của linh hồn.

Sau đó, tư tưởng xảy ra cho tôi là ngày mai tôi sẽ giảng về Thánh lễ Ba Ngôi chí thánh, xác quyết những gì đã làm hay kết thúc nó hoàn toàn, nhiều chuyển động xảy ra cho tôi và những giọt nước mắt, và lúc này tới lúc khác, sự chuyển động mạnh, sự khốc nức nở và những dòng nước mắt, lôi cuốn vào tình yêu của ba ngôi chí thánh, với nhiều cuộc tâm sự.

¹³⁴ *LettersIgn*, p. 22.

Có lẽ sẽ giúp chúng ta hiểu cụm từ “lôi cuốn trọn vẹn tôi vào tình yêu của Thiên Chúa chí tôn” nếu chúng ta xem lại phần mô tả thứ nhất về on AU TL trong quy tắc I:3 và phần diễn giải trong chương 5. Trong phần mô tả đó, I-nhã nói rằng người đang gặp AU thì “bùng cháy” lửa yêu mến Thiên Chúa, đến nỗi người ấy “không thể yêu tạo vật nào trên mặt đất vì chính tạo vật ấy, nhưng chỉ yêu trong Đấng tạo dựng mọi sự”. Với tình yêu như thế, không nghi ngờ gì, là tất cả tình yêu đều dành cho Thiên Chúa, không có chỗ cho bất kỳ một tình yêu nào khác ngay cả với bản thân không ở trong Thiên Chúa, và trở nên người yêu tự do đối với mọi sự khao khát ngoại trừ khao khát thi hành thánh ý Chúa. Khi thảo luận về quy tắc I:3, chúng ta thấy rằng với sự tinh khiết của tình yêu như thế là điều khả thể không có on AU. Nhưng khi sự AU được trao ban và bao gồm tình yêu như thế, thì có một vài lý do để nghĩ rằng on đó được I-nhã gọi là on AUKNĐT.

Trong khi điều đã được nói không mang lại đầy đủ hiểu biết chắc chắn về việc I-nhã phân biệt on AUCNĐT và AUKNĐT, tuy nhiên nó cũng giúp ta hiểu được một vài ý nghĩa tài tình của những thuật ngữ này, tôi nghĩ rằng, nó đủ để cho phép chúng ta hiểu (1) hai TLP mà Sa-tan cố gắng gây ra qua hai loại AU đó là gì, và (2) làm thế nào để tránh chúng.

Tôi không biết làm thế nào để giúp độc giả khẳng định vấn đề ngoại trừ cách tiếp xúc khảo sát ngay bộ quy tắc và cú thể, sự thật của nó sệt lộ. Tôi không nói rằng nó không có giá trị lớn để hiểu rõ ràng và chắc chắn hơn về những điều thánh I-nhã muốn nói, với sự sâu xa và đầy đủ hơn chúng ta có. Tôi chỉ nói rằng chúng ta không cần đợi những kiến thức như thế mới tránh những mối nguy hiểm mà ngài đang chỉ ra.

Chương 10: Cạm bẫy bắt nguồn từ an ủi thiêng liêng

TLP qua Ôn AUCNDT. Quy tắc II:4

Cả hai TLP mà thánh I-nhã đã đưa ra trong bộ quy tắc thứ hai thường xảy ra nơi những người ngài gọi là “linh hồn sốt mến” hay “linh hồn công chính”, và những người mà chúng ta gọi Ki-tô hữu tiến tới. TLP xảy ra với những người này khi họ đã hiểu được thế nào là SKTL và cạm bẫy, và làm gì để bảo vệ mình hay chống lại chúng nhờ tin vào Thiên Chúa, khi đó họ sẽ mạnh mẽ kháng cự và chế ngự những cuộc tấn công bị phát hiện thế lực sự dữ từ bên trong hay từ bên ngoài của con người họ. Bước tấn công đầu tiên của thần dữ nhắm vào những người này là cắt khỏi họ sự phòng vệ bằng cách giả dạng một thiên thần ánh sáng vốn là vị mang lại ơn AUTL và những tư tưởng thánh thiện.

Quy tắc 4: Đặc điểm của thiên thần dữ là giả dạng thành thiên thần ánh sáng đi vào cùng với linh hồn sốt mến và đi ra theo chính nó; nghĩa là nó bày ra những tư tưởng tốt lành thánh thiện hợp với linh hồn công chính, rồi lần lần gắng lôi kéo linh hồn ra theo những mưu mô ẩn kín và những ý định tồi tệ của nó.

Thực tế cho thấy, điều quan trọng đối với I-nhã về loại thức của TLP này đã được đề cập trong các bài viết tay của ngài. Trong thư gởi cho hai trong số những Giê-su hữu đầu tiên được sai đi trong một sứ vụ khó khăn, I-nhã đã mô tả rõ ràng hơn và chính xác hơn bản thân quy tắc này. Chúng ta tìm thấy trong thư một tư tưởng lạ và thú vị. Thay vì nói về thần tối tăm đội lốt thiên thần ánh sáng, ngài khuyên con cái mình hãy bắt chước chiến thuật của thần dữ để thực hiện điều tốt cho người khác, khi nó cố gắng làm tổn hại những con người đó. Lời khuyên này nghe có vẻ “hiếm”; nhưng toàn bộ lá thư có thể được tóm lại như là lời khuyên con cái mình nên giống thánh Phao-lô: “Tôi đã trở nên tất cả cho mọi người” (1 Cr

9,22). Quan điểm của Thánh I-nhã là Sa-tan cũng làm giống như thế, nhưng chỉ nhằm mục đích trái ngược.

Bất cứ khi nào chúng ta muốn chinh phục một ai đó và lôi kéo người đó vào phục vụ Thiên Chúa Chúa chúng ta hơn, chúng ta nên dùng cùng một chiến lược dẫn tới điều tốt những gì kẻ thù sử dụng để lôi kéo linh hồn lành thánh đến tội lỗi. Hắn đi vào qua cửa của người khác và đi ra qua cửa của mình. Hắn đi vào cùng với người khác bằng cách không chống đối những cung cách của người đó nhưng là ca ngợi họ. Hắn hoạt động thân thiện với linh hồn, gọi lên những tư tưởng tốt lành thánh thiện mang lại bình an cho linh hồn lành thánh. Sau cùng, dần dần hắn cố gắng đi ra cửa của mình, luôn luôn đề nghị vài lỗi phạm hay sự ảo tưởng dưới dạng thánh thiện, những cái đó sẽ luôn luôn là sự dữ. Do đó, với một mục đích tốt lành chúng ta có thể tán khen ngợi hay thỏa hiệp với người khác bằng những quan tâm đến vài điều đặc biệt, che dấu bất cứ điều gì có thể là sai. Sau khi có được sự tin tưởng của người đó, chúng ta sẽ thành công hơn. Theo cách này, chúng ta đi vào người đó bằng cách của người ấy, nhưng đi ra qua cửa của chúng ta.¹³⁵

Để thấm nhuần và tỏ lộ đầy đủ hơn TLP tinh quái của thế lực bóng tối xâm nhập vào ánh sáng, chúng ta cần xem xét chi tiết hơn điểm khởi đầu của nó và sau đó đến tiến trình. Điểm khởi đầu bao gồm những tư tưởng tốt lành thánh thiện mang lại bình an và AU, hoặc khởi nguồn từ on AU đó. Chính trong quy tắc 4, không đề cập đến on AU (và chỉ đề cập gián tiếp một lần trong quy tắc 5); nhưng bối cảnh xác định chắc chắn

¹³⁵ *LettersIgn*, pp. 51-52.

Chương 10: Cạm bẫy bắt nguồn từ an ủi thiêng liêng

rằng on AU phải được thừa nhận.¹³⁶ Tuy nhiên, điều I-nhã muốn nhấn mạnh là những tư tưởng này. Đó là những tư tưởng phát sinh on AU hay nảy sinh khỏi nguồn từ on AU và sau đó đưa tới những lời khuyên tồi tệ hoặc SKTL khiến phải để tâm chú ý. Những tư tưởng tốt lành bắt đầu một tiến trình phải là loại tư tưởng mà kẻ thù biết trước là có thể dùng được. Đó là tư tưởng tạo cơ hội cho kẻ thù điều khiển lối suy nghĩ và cảm xúc của chủ thể không hề hồ nghi; đồng thời và thông qua những điểm yếu đã biết trước hay được trông mong mà kẻ thù có thể lợi dụng. “Đó là chiêu bài của thần dữ đề nghị hay gọi lên một sự thật, hoặc thậm chí, vài điều chân thật để che dấu sự dối trá và đưa chúng ta vào TLP”.¹³⁷

Vài minh họa về những điểm khởi đầu và hướng dẫn nhằm vào những người có tính khí hay cá tính chắc chắn hoặc người đang trên đà tiến tới sẽ giúp chúng ta nhận ra điều I-

¹³⁶ Điểm nhấn của quy tắc II:3 là thần dữ có thể thúc đẩy on AU để đánh lừa chúng ta. Quy tắc II:5 cho thấy một trong những tiêu chí lượng giá các tư tưởng đến từ thần dữ đó là thực tế chúng kết thúc bằng cách phá hủy sự bình an và an tịnh của tâm trí mà thao viên có trước đó. Quy tắc II:6 đòi hỏi chúng ta phân tích toàn bộ kinh nghiệm để thấy cách thức thần dữ đã cố gắng dẫn đưa chúng ta rời xa khỏi “sự ngọt ngào và niềm vui thiêng liêng trước đó.” Chú ý rằng trong lá thư vừa được trích dẫn cho thấy thần dữ đã bắt đầu bằng việc đề nghị những tư tưởng tốt lành thánh thiện “mang đến sự bình an cho tâm hồn.” Vài điều được nói đến là để chúng ta hiểu được quy tắc, thực sự kết cục của những luồng tư tưởng đến từ thần dữ sẽ là sự dữ, sự sao lãng, hay kém tốt hơn trước. Thực tế, bằng việc liên tưởng hay bắt đầu những lý do nguy hiểm xuất phát từ những tư tưởng do thần lành, Satan có thể dẫn đưa chúng ta vào bẫy của nó. Do đó, từ quan điểm thực tiễn, việc cảnh giác đối với loại cạm bẫy này thì rất cần thiết. Tuy nhiên, trong một vài trường hợp, đặc biệt khi nhận định ý Chúa qua AU và sâu khổ, điều quan trọng là nhận biết nguồn gốc của AU từ thần lành hay thần dữ.

¹³⁷ *LettersIgn*, p. 195.

nhã muốn nói khi ngài nói bằng những thuật ngữ chung chung. Hầu hết những kinh nghiệm được minh họa bên dưới và những kinh nghiệm khác giống như thế thông thường là đủ, nhưng hầu hết chúng ta không có cảnh giác về những điều sắp xảy ra khi những kinh nghiệm đó xuất hiện. Việc thần dữ tự điều chỉnh nó cho hòa hợp hơn với người Ki-tô hữu đạo đức, người có khuynh hướng tự nhiên duy hoạt động, một cách cố tình đẩy sức thuyết phục, thần dữ có thể gọi lên những tư tưởng và những hoạch định cho những việc tông đồ trực tiếp hay những việc lành khác. Dần dần, hấn cố đưa nạn nhân đã được định trước tới những điều gây tổn hại cho chính người đó hoặc cho những người khác: làm xao lãng việc suy niệm và chiêm niệm, làm mệt mỏi và, nếu những việc này không được tiến hành như người đó đã hoạch định, thì kẻ thù làm cho người ấy trở nên phân nộ, mất can đảm, không muốn hiến đời mình cho việc phục vụ dân Chúa. Tìm kiếm một người nhiệt thành nhưng bốc đồng, thần dữ có thể bắt đầu bằng cách gọi lên những tư tưởng hài hòa với lòng nhiệt thành khôn ngoan và sau đó dần dần dẫn đưa người đó tới những ao ước nông nổi để thực hiện những việc đại sự tức thời, nhìn chung vượt qua tầm vóc của người đang bị cám dỗ, mà người đó chẳng có những ân huệ và cũng không có sự huấn luyện cho những việc đại sự đó. Thảm họa theo sau là gì thì không khó hình dung. Con cám dỗ chiều hướng trái ngược với một người nhát đảm và thiếu quyết đoán trong hành động hoặc với những người có khuynh hướng chiêm niệm: nó bắt đầu với những suy nghĩ về tầm quan trọng của chiêm niệm trong cuộc sống Ki-tô hữu, khơi gọi lên những hy vọng AU đối với kinh nghiệm về Thiên Chúa trong cầu nguyện, và sau đó lôi kéo người đó xao lãng những công việc phù hợp với ơn gọi của họ hay nhu cầu của đức ái đòi hỏi ở đây và bây giờ.

Chương 10: Cạm bẫy bắt nguồn từ an ủi thiêng liêng

Một số người có khả năng kinh doanh lớn có thể được gọi hứng với suy nghĩ tạo dựng cơ đồ để giúp đỡ tha nhân vì lòng mến Chúa và rồi bị dẫn đưa dần tới lòng ham muốn của cái chi phối tất cả cũng như trở nên nhẫn tâm và bất công. Cũng vậy, thần dữ có thể gọi hứng cho một người thuyết giáo hoặc nhà thần học với tư tưởng thánh thiện và AU về việc làm cho Tin Mừng thích ứng với con người trong thời đại của chúng ta và sau đó qua từng bước nhẹ nhàng, thần dữ làm cho lời giảng dạy của người đó về những gì là thiết yếu căn bản đối với sứ điệp của Ki-tô giáo trở nên trống rỗng.

Trong những kinh nghiệm như thế, chúng ta luôn luôn phải nhớ rằng những tư tưởng mà TLP thực hiện tại điểm khởi đầu thì chính bản thân chúng là tốt. Chúng có thể không tốt cho người này, không phải điều Thiên Chúa mời gọi người đó hướng tới, ít nhất là không phải lúc này; và trong trường hợp đó nên bỏ toàn bộ ý tưởng đó đi. Nhưng một lần nữa, gọi hứng ban đầu có thể là tốt, thậm chí rất tốt đối với người này; và việc khước từ gọi hứng đó đơn thuần chỉ vì thần dữ đã gắng sức sử dụng sai lệch, sẽ mang lại chiến thắng cho thế lực sự dữ.

Những gì đã được nói làm cho mục đích và ý định của việc thần dữ giả dạng thần lành dễ hiểu hơn. Đây là tiến trình ở giữa khởi điểm và mục đích đạt được? Thần dữ “dẫn dắt một người từ những tư tưởng tốt lành thánh thiện vào những tư tưởng lệch lạc” như thế nào? Nói chung, câu trả lời đã được báo cho biết một cách thầm kín trong quy tắc thứ nhất: bằng “những lý lẽ giả tạo, những ảo tưởng tinh vi và tế nhị”. Ma quỷ gọi những ích lợi rõ ràng nhưng thực ra lại là hư ảo hay gọi ra điều bất lợi thực sự cho việc ngợi khen và phục vụ Thiên Chúa (LT 181, 182). Chúng làm cho người đó từ từ xa lìa chân lý đã được đề nghị ra khỏi những chân lý giúp bình tâm,

và chúng đưa nạn nhân đến một sự ám ảnh suy tàn. Thông qua một tiến trình kết hợp phức tạp giữa ý niệm, tưởng tượng và cảm xúc bắt nguồn từ những tư tưởng AUTL. Kẻ thù đưa người đó đến những kết luận sai lầm. Hay kẻ thù xúi giục gọi lên những lý lẽ đầy lập luận rõ ràng mà kiểu lập luận này trở nên yếu dần do việc sử dụng từ hay khái niệm mơ hồ, hay bởi giả định sai về sự kiện hay nguyên tắc, v.v.

Một khía cạnh thiết yếu của kinh nghiệm này phải được nhấn mạnh; không nắm vững khía cạnh thiết yếu này sẽ dẫn đến bối rối và lỗi lầm nghiêm trọng trong việc suy xét những kinh nghiệm của chúng ta. Thánh I-nhã đang nói đến một tiến trình, hàng loạt những tư tưởng và cảm xúc trong đó có sự liên tục từ điểm khởi đầu đến điểm kết thúc. Ngài nói rằng từ những tư tưởng ban đầu thần dữ “dẫn đưa” người ta đến những điều sai trái. Hẳn làm rất từ tốn, từng bước một đến bước cuối cùng cũng là đích nhắm ngay từ ban đầu. Tính liên tục không phải là thứ tự nhất thời, không có sự trì hoãn về thời gian nào cả giữa các bước. Có thể đó là từng phút, từng giờ, thậm chí là nhiều ngày giữa các bước trong tiến trình. Tuy nhiên, có sự liên tục và tiến trình này gồm những bước mang tính thống nhất và nhằm một mục đích, trong đó bước mới nối tiếp từ những bước trước đó, xây dựng trên các bước đó, và phát triển từ những bước đó hướng đến mục đích. Vì thế chủ thể dần có thể gạt sang một bên luồng tư tưởng để khởi một mới hay vì những tư tưởng khác gây chú ý cho họ, rồi cuộc chỉ là để tiếp tục lại luồng tư tưởng sau đó. Hoặc giả một tư tưởng thoáng qua có thể đến lúc này, một tư tưởng khác có thể xuất hiện ngay lúc khác, v.v., nhưng với tất cả chúng kết hợp và tạo nên thái độ hoạt động của trí tuệ và tâm hồn. Hoặc giả một tư tưởng đến và đi, và qua nhiều giờ hay nhiều ngày sau quay lại và lại liên kết dẫn đến một thái độ khác,... và cứ thế cho đến khi chủ thể đạt tới thái độ mà tên cảm dỗ nhắm đến. Chủ thể

Chương 10: Cạm bẫy bắt nguồn từ an ủi thiêng liêng

có thể không ý thức rằng tiến trình có tính liên tục cho đến sau khi phản tỉnh lại toàn bộ kinh nghiệm.

Bất kỳ tư tưởng nào làm gián đoạn tiến trình, cho dù chúng có đối lập với tiến trình hoặc không có mối liên hệ mang tính logic hay liên kết, thì những tư tưởng đó không phải là thành phần của tiến trình lừa phỉnh đặc thù này. Kết cục do tư tưởng này dẫn đưa, những hành vi cảm tính và xúc cảm do tư tưởng này mang lại thì không được xem là xuất phát từ nguồn thúc đẩy của tiến trình đặc thù này, tiến trình mà những tư tưởng đó xen vào. Chúng ta nên xét độc lập từng tư tưởng một. Chúng có thể là những yếu tố trong một TLP khác, hay chúng có thể xuất phát từ Thánh Thần, hay chỉ là những phần của một kinh nghiệm phi thiêng liêng.

Ở thái cực khác, có những TLP mà từ điểm khởi đầu đến kết thúc tồ tộ lại trôi qua quá nhanh đến nỗi dường như không thể diễn tả thuộc loại nào mà quy tắc 4 đề cập; về những TLP này chẳng có gì là “tiệm tiến”. Tuy nhiên, mặc dầu kiểu mẫu được thu gọn lại, nhưng thiết yếu nó tương tự. Hãy suy xét kinh nghiệm mà thánh I-nhã kể về chính bản thân ngài. Để hiểu kinh nghiệm này, chúng ta phải nhớ rằng Thiên Chúa đã vẽ đường thẳng bằng những đường cong. Sau nhiều lần lang thang, thánh I-nhã được Thánh Thần soi sáng để thấy rằng nếu ngài đáp trả lời mời gọi của Thiên Chúa dành cho ngài, thì ngài phải đi học. Ngài đã bắt đầu việc học của mình.

Trở lại Barcelona, kẻ ấy bắt đầu học hành chăm chỉ. Nhưng có một chuyện rất phiền phức là khi kẻ ấy bắt đầu học thuộc lòng, thường phải làm như thế trong bước đầu học, ngài nhận được ánh sáng mới về những chuyện thiêng liêng và những hứng khởi mới. Những hứng khởi này mạnh mẽ đến nỗi kẻ ấy không nhớ gì và

tuy có nhiều cố gắng nhưng cũng không thể buông chúng ra được.

Nghĩ về nó thường xuyên, kẻ ấy tự nhủ: “ngay cả khi cầu nguyện hay tham dự thánh lễ những ánh sáng này cũng không đến với tôi quá sinh động.” Rồi dần dần, kẻ ấy nhận ra đó là cám dỗ. Sau khi suy niệm, kẻ ấy đến nhà thờ Santa Maria del Mar, gần nhà thầy giáo, người mà trước đó kẻ ấy xin đến nhà thờ để nghe kẻ ấy nói. Ngồi ở đó, kẻ hành hương kể cho thầy giáo nghe về những gì xảy đến trong tâm hồn, ít tiến bộ trong học tập và lý do đáng quan tâm. Kẻ ấy hứa với thầy: “con xin hứa với thầy sẽ không bao giờ bỏ học trong hai năm này, bao lâu con có bánh mì và nước lã để sống ở Barcelona. Kẻ ấy hứa với tất cả quyết tâm nên kẻ ấy không bao giờ bị cám dỗ¹³⁸ nữa.

Trong trường hợp này, có những soi sáng thiêng liêng thật sự và mới mẻ đã mang đến AUTL và cũng mang lại hiệu quả đáng nghi ngờ. Cái gì là tiệm tiến, “từng bước,” thì không phải là tiến trình của tư tưởng nhưng là sự thừa nhận của thánh I-nhã về TLP này. Tuy nhiên trong cách thức này, chúng ta có thể nói rằng toàn bộ sự sai lầm đã làm mất thời gian; vì mặc dầu những tư tưởng đã không phát triển qua một khoảng thời gian để dẫn đến một hậu quả xấu, nhưng hậu quả tiêu cực này phải được phát sinh lặp đi lặp lại khiến trở nên nghiêm trọng thật sự. Một bằng chứng thối qua của loại tư tưởng này không gây trở ngại to lớn cho việc học của thánh I-

¹³⁸ *Autobiog*, nos. 44-45; trong tác phẩm *Own Story* của thánh I-nhã, pp. 39-40. Khi thánh I-nhã nói rằng ngài không gặp rắc rối với những cơn cám dỗ nữa, hẳn là ngài muốn nói đến cơ hội đặc biệt này hoặc trong suốt thời gian sống ở Barcelona; vì sau đó, như ngài nói, ngài đã trải qua nhiều dạng cám dỗ tương tự và ngài chống trả nó theo cùng một cách thức. (Ibid., số 82, p. 59).

Chương 10: Cạm bẫy bắt nguồn từ an ủi thiêng liêng

nhã. Con cạm dõ tương tự đã đến ngay thời điểm đầu, một cạm dõ khác nảy sinh để gây nguy hại cho sức khỏe của thánh I-nhã, cho đời sống cầu nguyện và công việc tông đồ của ngài.

Ngoài bảy giờ cầu nguyện, kẻ ấy dành thời giờ giúp đỡ người khác đến gặp mình về đời sống thiêng liêng. Tất cả thời gian còn lại, kẻ ấy dùng để suy nghĩ những điều thuộc về Thiên Chúa, về những điều đã suy niệm hay đã đọc trong ngày. Nhưng khi đi ngủ, kẻ ấy thường được soi sáng mãnh liệt và được AU mãnh liệt, khiến kẻ ấy mất một số giờ để ngủ vốn đã chẳng nhiều nhận gì. Sau khi suy đi nghĩ lại nhiều lần, kẻ ấy tự nhủ đã định thời giờ để trò chuyện với Chúa rồi, lại còn những dịp khác trong ngày nữa, nên tự hỏi không biết những ánh sáng ấy có do thần lành không. Cuối cùng kẻ ấy kết luận nên gạt bỏ để đến giờ ngủ thì đi ngủ. Kẻ ấy đã làm như vậy.¹³⁹

Trong tất cả những kinh nghiệm này, điều đáng chú ý là thánh I-nhã thực hành những điều ngài dạy. Ngài cảnh tỉnh một cách có suy xét đối với những gì đang xảy ra trong chính ngài và thắc mắc nguồn gốc và chiều hướng của nó. Khi ngài nhận ra những dấu chỉ của thần dữ đang hoạt động, ngài lập tức cương quyết làm theo hướng ngược lại.

Quy tắc II: 5 sẽ hướng dẫn chúng ta cách thức phải làm thế nào để biết được thần dữ hoạt động giả dạng thiên thần ánh sáng. Nhưng trước khi chúng ta chuyển sang bước kế tiếp, có một vấn đề phát sinh. Trước hết, vấn đề hầu như mang tính học thuật nghiên cứu nhưng câu trả lời hóa ra lại có những kết quả thực tiễn quan trọng và loại bỏ nhưng bối rối khác có thể

¹³⁹ Ibid., số 26; p. 21 trong tác phẩm *Own Story* của thánh I-nhã. Xem *Letters Ign*, p. 25, và liên hệ những cạm dõ này được diễn tả ở đây với những gì thánh I-nhã nói trong bộ quy tắc nói về việc sám hối (Lt [84]).

xảy ra. Vấn đề là thế này: Liệu AU được thúc đẩy bởi thần dữ là on AUTL thật sự hay chỉ là giả tạo? Có phải nó hoàn toàn xác thực hay chỉ phần nào đó¹⁴⁰? Dĩ nhiên đây có thể là AUTL thật ở vẻ ngoài (specious) bởi vì nó có vẻ bắt nguồn từ niềm tin sống động, nhưng thật sự không phải là thế. Thánh I-nhã không viết điều đó trong quy tắc II: 3-5. Ngài giải quyết AU có trong những tư tưởng tốt lành và thánh thiện, những tư tưởng

¹⁴⁰ Havey Egan (*Ignatian Mystical Horizon*, pp. 61, 83) trình bày đầu là sự giải thích rất đối bình thường của thánh I-nhã khi ngài nói rằng AU đến từ thần dữ chỉ là giả tạo, chỉ có Thiên Chúa và những thiên thần của Ngài có thể mang đến AU thật sự (xem chú thích 20 và 21). Ngài nói đến quy tắc I:1 và II:1(Lt, [314, 329]). Ngay việc đọc những quy tắc này có vẻ mang lại sự hỗ trợ cho lời khẳng định của ngài. Tuy nhiên, xét kỹ thì thấy dường như không phải vậy.

Trước hết, trong quy tắc I:1 (314), thánh I-nhã viết về hiệu năng của thần dữ ảnh hưởng trên người ki-tô hữu đang sa sút, người phạm từ tội này đến tội khác, không có vấn nạn nào ở đây về thần dữ đang nỗ lực để lừa gạt một người bắt đầu từ những tư tưởng tốt lành thánh thiện, tương tự như một người tín hữu trung tín, và từ AU thiêng liêng, như thánh I-nhã nói trong quy tắc II:4-5. Thực ra, bộ quy tắc thứ nhất không đề cập chút nào đến cam bẫy theo AU thiêng liêng, cho dù giả tạo hay đích thực. Kế đến, trong quy tắc I:1, thánh I-nhã nói rằng những gì thần dữ gây ra là những mãn nguyện vui thú ảo tưởng, trong bối cảnh này rõ ràng đó là tội lỗi, hoàn toàn không có gợi ý giả tạo nào khởi đi từ Chúa Thánh Thần.

Đối với quy tắc II:1, ở đây thánh I-nhã không nói rằng chỉ có Thiên Chúa và các thiên thần của Ngài mới có thể mang đến AU thực. Ngài nói rằng cùng một bản chất, đặc điểm của Thiên Chúa và các thần của Ngài, để mang đến on AU đích thực như vậy. Điều đó không loại trừ khả năng thần dữ cũng có thể làm như thế. Trong quy tắc II:3 nói rằng một thần dữ có thể gây ra AU tương tự mà một thiên thần lành có thể đem đến, không có dấu hiệu nào cho biết đó là AU giả tạo. Và trong quy tắc II: 4 nói rằng thần dữ hành động như là thiên thần ánh sáng, làm những điều có đặc điểm tương tự như thiên thần lành, đó là, thúc đẩy

Chương 10: Cạm bẫy bắt nguồn từ an ủi thiêng liêng

có lẽ bắt nguồn từ niềm tin sống động và chúng hòa hợp với tâm trí của người tín hữu thành tâm. Điều này xem ra có vẻ là AUTL thật, cũng như bất cứ AUTL nào khởi phát từ việc lắng nghe bằng niềm tin đối với một người thuyết giảng lôi cuốn, người này cũng có thể tình cờ là người sống một đời sống tội lỗi và được thúc đẩy trong việc giảng dạy chỉ bởi tham vọng ích kỷ. Khi có một sự đáp trả niềm tin thật sự xuất phát trong bình an và hoan lạc trong Thánh Thần, sự AU như vậy khởi đi từ Chúa Thánh Thần, tác giả của niềm tin – mặc dầu đó là người giảng dạy hay thần dũ mang đến cơ hội đó. Vì thế, AU được thúc đẩy bởi thần dũ này có thể không hoàn toàn xác thực.

Liệu chúng ta có thể nói rằng AU là xác thật, nhưng trong một vài cách thì nó không tinh ròng, bị ô uế, do bản chẳng? Chúng ta có thể nói rằng nguồn gốc ngoại tại là tì ố, nhưng về mặt nội tại AU là xác thực và không tì ố. Tuy nhiên, ý định tồi tệ của kẻ thù thúc đẩy những tư tưởng, những cảm giác và những khát khao chỉ phát sinh từ những người có niềm tin sống động và chính những điều đó diễn tả sự năng động và làm gia tăng niềm tin. Kẻ thúc đẩy xấu xa có ý định hướng chủ thể tới điều xấu, nhưng lại không ảnh hưởng đến họ ngay lúc này.

Có lẽ rất hữu ích nếu chúng ta đẩy xa hơn mối tương quan song hành được kể trên với vị thuyết giáo con người. Một người phát ngôn lôi cuốn có thể khơi dậy niềm tin tôn giáo của người khác, thức tỉnh những đáp trả dâng hiến tốt lành đích thực với mục đích lừa đảo để lấy tiền bằng một lời kêu gọi bác ái gian dối của họ, hoặc hơn nữa, giống như Sa-tan từ từ bóp méo sự đáp trả đích thực đó và dẫn tới sự giận dữ bạo

AU thiêng liêng thật – cuối cùng để đạt được mục đích của nó như một thiên thần bóng tối.

lực không thương xót và hành động phá phách. Chúng ta cũng có thể nghĩ về về tên cám dỗ mà thánh I-nhã đề cập trong quy tắc I:13. Có lẽ hẳn bắt đầu bằng việc khơi dậy những cảm xúc đạo đức của một phụ nữ, đó là những cảm xúc tinh khiết và chính chúng đưa đến những gì là trong sáng, nhưng một cách tinh vi và tiệm tiến sau đó chiếm trọn niềm tin của cô, hướng cô đến những khao khát của hẳn. Trong môi trường hợp như thế, kẻ xúi bẩy bắt đầu bằng việc thúc đẩy những tư tưởng và cảm xúc tốt lành thánh thiện thật sự nơi người ta nhưng với một động cơ xấu xa, ý định nhẹ nhàng, tài tình để lôi kéo sự thay đổi trong tính cách đáp trả của người đó để rồi nó sẽ hoán chuyển điều tốt lành thật sự thành điều xấu xa tội lỗi trước khi đương sự ý thức được điều đã xảy ra. Nếu tiến trình kết thúc trước khi nó bị hướng tới thất bại, thần dữ hay kẻ bịp bợm, hay tên cám dỗ loài người không ước muốn làm điều đó nữa sẽ có lợi cho nạn nhân đã được nhắm tới. Khi đó tình huống này sẽ rất giống như tình huống của một kẻ lừa đảo ban đầu cố gắng gài bẫy nạn nhân bằng cách để cho nạn nhân nếm mùi chiến thắng với mục đích lôi kéo anh đến một chiến thắng lớn nhưng anh mất trắng tất cả. Tạm thời, nạn nhân thực sự dẫn đầu cuộc chơi. Nếu anh nghi ngờ những gì sẽ đến và rút khỏi cuộc chơi ngay tại thời điểm đó anh sẽ giàu hơn trước.

Xem ra có vẻ xa lạ, nhưng dường như chúng ta buộc phải nói rằng thần dữ có thể thúc đẩy những tư tưởng thánh thiện thật và những AUTL thật mà không cần thiết phải từ chối trong mọi tình huống sau khi đã khám phá. Chúng ta có thể rút khỏi cuộc chơi khi chúng ta dẫn đầu. Điều vô cùng quan trọng là phải lưu ý càng sớm càng tốt bao nhiêu có thể về thời điểm và cách thức những tư tưởng tốt lành và những AUTL chuyển thành những tư tưởng không thánh thiện và AU giá

Chương 10: Cạm bẫy bắt nguồn từ an ủi thiêng liêng

tạo hay SKTL. Bây giờ chúng ta hãy xem thánh I-nhã nói những gì về cách thức thực hiện điều đó trong quy tắc II:5¹⁴¹

Cách Thức Vạch Trần TLP Thứ Nhất. Quy tắc II:5- 6

Trong quy tắc II: 5, một trong những quy tắc quan trọng nhất trong tất cả các quy tắc mà thánh I-nhã đưa ra, chúng ta sẽ được hướng dẫn cho thấy đâu là tiêu chuẩn thỏa đáng để đánh giá nguồn gốc của những thúc đẩy bên trong mà chúng ta quan tâm, tức là những AUCNDT; và vì thế chúng ta có thể

¹⁴¹ Tuy nhiên, rõ ràng rằng cho dù AU được thúc đẩy bởi thần dữ là một AU thật sự hay là giả tạo, chúng ta sẽ bàn vấn đề này sau. Điều này có lẽ được diễn tả khác nhau theo từng trường hợp, nhưng cơ bản nó giống nhau. Giả thiết rằng nguồn gốc xuất phát từ thần dữ chưa hẳn đã gây ảnh hưởng đến nội tại tính của AU, tức là, chưa hẳn đã loại bỏ tính thiêng liêng ra ngoài, những tiêu chuẩn trong chương hai đủ để phân định xem AU đó có thực là AU thiêng liêng không; nhưng những tiêu chuẩn này lại không đủ để nhận định xem AU đó được thúc đẩy bởi thần lành hay thần dữ. Chúng ta vẫn phải thắc mắc: đâu là tiêu chí cho việc nhận định liệu tác nhân thúc đẩy của AU thiêng liêng đích thực là tốt hay xấu? Giả thiết rằng AU được thúc đẩy bởi một thần dữ có thể chỉ là thiêng liêng giả tạo, những tiêu chuẩn trong chương 2 cho mục đích nhận định AU thiêng liêng không vẫn chưa thỏa đáng thậm chí cho mục đích đó. Đối với người chưa thỏa thì một kinh nghiệm AU dường như chỉ nhằm thỏa mãn tất cả những tiêu chuẩn đã đặt ra và như thế thì vẫn chỉ là thiêng liêng giả tạo. Vì thế, chúng ta phải đặt vấn đề: đâu là tiêu chuẩn nhận định xem đâu là AU thiêng liêng thật hay giả tạo? Cuối cùng, đối với mục đích của quy tắc này, không có sự khác biệt nền tảng nào cả cho dù chúng ta nghĩ AU thiêng liêng trong quy tắc II:4-6 là xác thực hay giả tạo. Vì vậy tôi sẽ nói đơn giản về AU thiêng liêng mà không cần xác định AU đó là có thực hay không có thực. Dù cho độc giả có thể xác định đó là AU gì, chúng ta phải tìm kiếm một chuẩn mực sâu xa hơn để quyết định liệu AU và những tư tưởng bắt nguồn từ AU hay trực tiếp đến từ AU là khởi phát từ thần lành hay thần dữ. Đây là những gì mà thánh I-nhã nói đến trong quy tắc II:5.

chống lại một trong những TLP nguy hiểm và thông thường nhất mà ngay cả người có ý tứ tốt mấy cũng có thể sa sút trong đời sống thiêng liêng. Thậm chí AUCNDT đích thực không phải là một tiêu chuẩn thoả đáng, như chúng ta vừa thấy, những gì bắt đầu như là AUTL thật thì có thể xuất phát từ thần dữ, được thúc đẩy vì những mục đích xấu. Vì thế, chúng ta cần một chuẩn mực để đánh giá nguồn gốc của chính AUTL. Nếu nó đưa đến SKTL, thì rõ ràng nguồn gốc của AUTL này xuất phát từ thần dữ. Nhưng nếu thậm chí nó không đưa đến SKTL, thì có những dấu hiệu khác buộc ta phải lượng giá. NĐTL không được thực hiện chỉ trên nền tảng của AU và SKTL. Vì thế, mặc dầu chúng là những tiêu chuẩn hữu hiệu cho việc đánh giá nguồn gốc của những tư tưởng và những thúc đẩy, nhưng SKTL mới là đầy tiêu chuẩn tương đồng cho việc đánh giá nguồn gốc AUTL. Những gì thánh I-nhã yêu cầu chúng ta tìm kiếm như thế là dấu hiệu của Thần Khí đang thúc đẩy chúng ta là *một kinh nghiệm vẹn toàn trong đó tất cả những yếu tố cùng xác nhận giá trị lẫn nhau, một kinh nghiệm về những tư tưởng, cảm xúc và những thúc đẩy để chọn lựa và hành động, tất cả đều có mối liên hệ với nhau ảnh hưởng hoặc bị ảnh hưởng, rất cuộc tất cả đều bén rễ sâu trong niềm tin sống động và hướng tất cả thông qua tiến trình trải nghiệm thực tế tới việc diễn tả niềm tin sống động và sự trưởng thành trong đức tin*. Thừa nhận một kinh nghiệm là kinh nghiệm do Thần Khí thúc đẩy chỉ vì nó khởi đầu - có vẻ như và thậm chí thật sự - là những tư tưởng thánh thiện hoặc AUTL, hay cả hai cùng lúc thì có thể là chính chúng ta đang rơi vào TLP nguy hiểm. Một nghiên cứu chi tiết và cẩn thận về quy tắc II: 5 sẽ giúp chúng ta tránh khỏi TLP như thế.

Như trong quy tắc II: 4, điểm quy chiếu trong quy tắc 5 không ở nơi AU nhưng ở những tư tưởng; tuy nhiên, không ở

Chương 10: Cạm bẫy bắt nguồn từ an ủi thiêng liêng

những tư tưởng ban đầu nhưng ở diễn tiến của những tư tưởng từ điểm khởi và trên hết là ở điểm kết thúc.

Quy tắc 5: Cần chú ý nhiều về diễn biến của tư tưởng. Nếu từ khởi đầu, ở giữa và cuối cùng đều tốt, hoàn toàn hướng về điều thiện, là dấu hiệu của thiên thần lành. Nhưng nếu diễn biến của tư tưởng đưa ta tới bất cứ điều nào xấu hoặc gây lo ra, hay không được tốt như điều trước đó linh hồn định làm, hoặc làm giảm sút, khiến ta lo lắng, làm cho linh hồn bối rối khi lấy mất sự bình an, sự tĩnh lặng và an tĩnh đã có từ trước, đó là dấu hiệu rõ ràng điều ấy bởi thần dữ, kẻ thù của sự tiến tới và phần rỗi đời đời của ta.

Qui tắc ám chỉ rằng chúng ta nên cho phép luồng tư tưởng khởi xuất từ AUTL tiến tới một cách tự do cho đến khi một vài dấu hiệu rõ ràng của thần dữ xuất hiện – vì không có bất cứ nghi ngờ nào gây ra nếu chúng xuất phát từ sự thúc đẩy của thần dữ (*xem trang 343-350*) làm khác đi sẽ không hữu ích cho việc NĐTL, và cũng gây hại cho đời sống thiêng liêng và sức khỏe tâm lý. Ngay tại khởi đầu của những tư tưởng và AUTL này, ta không thể dùng bất kỳ phương cách nhận định nào để tìm xem thần nào là căn nguyên của những tư tưởng ấy. (Có lẽ người nào có đặc sủng thiêng liêng sẽ lĩnh hội được, mà không cần đến phương pháp phân định, ít nhất trong vài trường hợp; nhưng bộ quy tắc không nhắm đến điểm này). Hơn nữa, mối bận tâm về những chuyển động này và cuộc khảo sát về chúng cách tức thời chỉ tổ làm đóng lại mọi thúc đẩy như thế từ Thần Khí và làm cho tâm lý chúng ta căng thẳng quá sức chịu đựng, khiến chúng ta thêm âu lo hão về thiêng liêng. Dựa trên nền tảng của các qui tắc tổng quát, dấu hiệu của Thần Khí đã được biết đến từ bộ quy tắc I: 2,3,5 và II: 1, người ta có thể cho rằng những chuyển động hiện tại, những tư tưởng thánh

thiện và AURL, đều xuất phát từ Ngài, và người ta lãnh nhận chúng một cách ngập ngừng nhưng thận trọng khi chúng đến từ Ngài cho đến khi bằng chứng kế tiếp cho thấy sự đối lập hoặc bằng chứng này củng cố tính đúng đắn của giả định đó đây thuyết phục.

Không có lý do nào để lo lắng về tính khả thể của TLP, và cũng không cần lý luận nhiều như thế. Trong bất cứ trường hợp nào, những tư tưởng và những cảm giác ban đầu là tốt lành và thánh thiện, hay ít là vô hại và có thể hữu ích nữa. Một lý do duy nhất phải lưu tâm nhưng cứ bình tĩnh là hãy để ý đến bất kỳ dấu hiệu nào có thể phát xuất từ thần dữ, cũng như chúng ta có thể nhận thấy ngay tại giai đoạn trưởng thành thiêng liêng hiện tại của mình, mà không căng thẳng quá mức. Thần Khí cư ngụ trong chúng ta sẽ bồi đắp cho sự giới hạn của chúng ta, một cách trực tiếp hay gián tiếp qua những người Ngài mong đợi chúng ta mở ra (quy tắc I: 13). Đe dọa thật sự và nguyên nhân chính đáng gây ra bất an đó là không sống cho đúng một đời sống nhận định cũng như khả năng và những hoàn cảnh của ta cho phép. Ở đây chúng ta phải chú ý rằng thất bại này có lẽ không là chung chung, nhưng bị giới hạn vào một khía cạnh riêng biệt của cuộc sống, nơi đó một cá nhân hết sức yếu đuối, nơi đó một người biết phản tỉnh trung thực và quảng đại sẽ tạo ra một đường biên khoảng cách và làm cho chính mình trở nên mù loà với những gì mà mình không muốn nhìn thấy. Một lần nữa, cách thức ngăn chặn sự thất bại này không phải là lo lắng về chính mình, nhưng luôn bồi rỗi sợ hãi những điều thuộc kiểu thất bại này sắp xảy đến. Tốt hơn là cầu nguyện để xin ánh sáng của Thần Khí mạc khải sự thật về chính chúng ta và, qua nhận định thường xuyên và trung thực với vị hướng dẫn khi có nhu cầu, để mở lòng mình ra với ánh sáng đó một cách bình thản.

Chương 10: Cạm bẫy bắt nguồn từ an ủi thiêng liêng

Với sự hiểu biết về thái độ phải có trước khả năng là TLP qua AUTL mang những tư tưởng tốt lành thánh thiện, những gì mà giờ đây chúng ta cần nhận định sâu xa hơn là một vài dấu hiệu của thần dữ chúng ta nên cảnh tỉnh. Sự diễn tả của thánh I-nhã về những tiêu chuẩn đánh giá AUTL có nguyên nhân có trước được trình bày chủ yếu theo những thuật ngữ nhắm đến thần dữ; nếu dấu hiệu của thần dữ không xuất hiện, chúng ta có thể chứng minh rằng những tư tưởng, AU, và tất cả những điều tiếp theo đều bắt nguồn từ thần lành. Bởi vì như đã đề cập ở trên, trong ánh sáng của những gì được nói ở trước trong những quy tắc (I: 1-3; II: 1), khi có một AUTL hay những tư tưởng xuất phát từ niềm tin, cậy, mến, không cần có thêm dấu hiệu tích cực nào của thần lành để phải thận trọng suy xét chắc chắn rằng kinh nghiệm đó do Thần Khí thúc đẩy. Điều cần thiết để xác chuẩn việc đánh giá sơ khởi và dẫn đo là sự thiếu vắng bất kỳ dấu hiệu đối nghịch liên tiếp với điểm khởi xuất; bởi vì, nếu kinh nghiệm này khởi đi từ thần lành, thì khởi đầu, ở giữa và cho đến kết thúc đều tốt đẹp.

Luồng tư tưởng mà quy tắc đề cập có thể dẫn đến những tư tưởng giả tạo; đến khao khát xấu xa, ám ảnh hay sợ hãi; đến những tư tưởng hay cảm xúc làm cho ta xao lãng cầu nguyện hay những việc lành, hay hướng chúng ta làm những điều không tốt, hơn là những điều chúng ta định hướng làm cách hợp lý. Đây là những dấu hiệu của thần dữ. Bản Vulgate Linh Thao nói đến những dấu hiệu này một cách ngắn gọn và chính xác: “Một điều gì đó tự nó là xấu xuất hiện hay đi theo sau, hay xoay hướng ra khỏi sự thiện, hoặc hướng dẫn đến một điều thiện ít hơn điều mà linh hồn đã định làm trước đó”. Bất kỳ một trong những dấu hiệu này cũng là đủ. Nhưng thậm chí nếu không có bất kỳ dấu hiệu nào trong số này, thì thần dữ có thể tiết lộ sự ảnh hưởng của hấn vào tính nhạy cảm với những những cảm xúc của SK thay thế cho AU trước đó.

Theo thánh I-nhã, nếu ở đầu, ở giữa và ở cuối đều đúng và tốt, thì đó chính là dấu hiệu của thiên thần lành dẫn dắt chúng ta ngay từ lúc đầu. Nếu không như vậy thì thần dữ đang hoạt động. Rõ ràng là, những gì được nói ở trên liên quan đến tính liên tục cấu thành nên kinh nghiệm tổng thể từ nhiều kinh nghiệm nhỏ nay là một tiến trình – điều vô cùng quan trọng để đánh giá liệu khởi đầu, ở giữa và kết thúc đều tốt hay có chăng một vài điều xấu đã xảy ra. Điều gì đã diễn ra khi gián đoạn và không nằm trong tiến trình này thì không phải là yếu tố để đánh giá kinh nghiệm trên là một tổng thể liên tục. Hãy giả sử tôi được thúc đẩy đến với những tư tưởng tốt lành thánh thiện, những tư tưởng này mang đến cho tôi sự bình an và hoan lạc thiêng liêng. Rồi tôi trở nên dính bén đến vài hoạt động lôi kéo tư tưởng và tình cảm của tôi tập trung vào một đường hướng làm cho tôi không thực hiện những điều hợp với những tư tưởng và AU trước đó đã định. Hãy giả sử trong thời gian này, tôi nhận ra chính mình đang suy nghĩ những tư tưởng xấu, lập những kế hoạch ích kỉ, hay đang trải qua SKTL. Sau đó, bằng phương pháp logic hoặc liên tưởng kết hợp, tôi nhớ lại những tư tưởng tốt lành lúc đầu, tôi được lèo lái đến những tư tưởng sâu xa hơn, những tư tưởng này cũng tốt lành. Những tư tưởng xấu và SKTL xuất hiện lúc giữa thì chẳng ăn nhập gì đến chính kinh nghiệm này – kinh nghiệm khởi đi từ những tư tưởng và AU tốt lành. Cho đến nay, tất cả đều tốt. Cho đến nay, không có lý do gì để nghĩ rằng AU và những tư tưởng này xuất phát từ thần dữ.

Nhờ vào những khai sáng vừa đề cập ở trước và ghi nhớ những minh họa được trình bày trong chú giải về quy tắc trước, bây giờ chúng ta có thể thảo ra bản quy tắc này tỉ mỉ hơn qui tắc của thánh I-nhã với nỗ lực làm rõ hơn và chính xác hơn những gì mà qui tắc tổng quát đã đưa ra cùng với những hàm ý đặc thù của nó.

Chương 10: Cạm bẫy bắt nguồn từ an ủi thiêng liêng

Xét về mặt tổng quát, điều chính yếu có thể được diễn tả theo cách thức này: một kinh nghiệm về những tư tưởng tốt lành thánh thiện xuất phát từ hay đưa đến AUTL có thể được đánh giá là bắt nguồn trực tiếp từ Thánh Thần hay gián tiếp qua một thiên thần khi và chỉ khi này tất cả những tư tưởng và tình cảm nối tiếp điểm ban đầu đó không có bất kỳ dấu hiệu nào của thần dữ. Nếu bất kỳ yếu tố đặc thù nào trong kinh nghiệm liên tục cho thấy sự ảnh hưởng của thần dữ, thì toàn bộ diễn tiến của những tư tưởng và tình cảm từ chính lúc ban đầu được xem như xuất phát từ hắn. Nói khác đi, không có một yếu tố nào biệt lập khỏi kinh nghiệm tổng thể này lại có thể là dấu hiệu của thần lành; chỉ có kinh nghiệm tổng thể mới có thể là điều đó. Khi thần lành hoạt động toàn bộ tiến trình mang dấu ấn của ngài. Khi thần dữ hoạt động thì không phải tất cả đều xấu, nhưng có vài điều xấu xuất hiện như là điểm kết thúc của tiến trình .

Chúng ta tìm hiểu xem điều này có ý nghĩa gì đối với một số trường hợp đặc biệt. Chúng ta đang giải quyết một kinh nghiệm quan trọng, một TLP rất phổ biến trong đời sống của những Ki-tô hữu đang nỗ lực tiến lên trên đường trọn lành, đó là một TLP có thể rất nguy hiểm và là TLP mà chúng ta cần hiểu biết càng rõ ràng và chính xác điều sắp xảy ra để có khả năng khép mình lại trước những con đường tội lỗi. Trước tiên, xem xét nguyên tắc tổng quát bên trên có ý nghĩa gì đối với những tư tưởng và những ước muốn thánh thiện. Rõ ràng những tư tưởng và những ước muốn như thế ngay lúc đầu chưa hẳn là bằng chứng chắc chắn để kết luận chúng ta được thúc đẩy bởi thần lành. Điểm cần được nhấn mạnh hơn là: Những tư tưởng và ước muốn xuất hiện ở giữa *hay ở cuối* của tiến trình cũng chưa hẳn là bằng chứng xác thực. Chúng mang giá trị như thế là dấu hiệu của thần lành bị vô hiệu hóa khi chúng làm chúng ta xao lãng thi hành một việc lành mà Thiên

Chúa đã mời gọi chúng ta. (Hãy nhớ lại kinh nghiệm AUTL mãnh liệt của thánh I-nhã khi ngài cứ cố nhớ đến chuyện bài vở của hay chuyện xảy ra khi đi ngủ). Hơn nữa, thậm chí nếu điểm kết thúc những tư tưởng gọi nhớ những ước muốn tốt đẹp nhưng không tốt bằng điều đã quyết tâm trước đây, hay nếu chúng tạo ra ước muốn cho những điều nhằm ca ngợi và phụng sự Thiên Chúa nhưng theo kiểu thay thế những gì nhằm ca ngợi và phụng sự Ngài hơn, đó cũng là một dấu hiệu của thần dữ.

Thêm nữa, thậm chí nếu những tư tưởng và ước muốn đều tốt lành, không làm xao lãng, và được đánh giá là để phụng sự và ngợi khen Thiên Chúa hơn, chúng cũng có thể được xem là tác động của thần dữ nếu chúng mang đến SK *thiên liêng* (SKTL thật sự và không đơn thuần là một nào động phi thiên liêng, sợ hãi hay buồn chán khi nghĩ về những gì có giá của nó cho việc phụng sự Thiên Chúa). Mặt khác, nếu AUTL duy trì từ đầu đến kết thúc kinh nghiệm, thì chính kinh nghiệm này không phải là bằng chứng thích đáng cho

việc thần lành gọi hứng những tư tưởng và những ước muốn. Đó trước tiên đó là sự bối rối (xem I: 2 và 5): nhưng ý nghĩa của bối rối trước tiên ấy có thể bị vô hiệu hóa, không chỉ bởi những tư tưởng và ước muốn trong kinh nghiệm được đánh giá lý lẽ là tội trọng, mà còn bởi những tư tưởng được xét là làm xao lãng hay không tốt lành mấy, như đã được giải thích ở trên. Tóm lại, để là một dấu hiệu của Thánh Thần, thì tiến trình phải là tốt lành hoàn toàn, trong đó mọi phần phải có giá trị và định giá lẫn nhau trong toàn bộ kinh nghiệm.

Sự phản tỉnh đã đề cập ở quy tắc 5 cho chúng ta một kết luận quan trọng đây ý nghĩa: Thánh I-nhã không nghĩ rằng chúng ta cần ơn AUKNDT để lượng định xác đáng rằng

Chương 10: Cạm bẫy bắt nguồn từ an ủi thiêng liêng

chúng ta đang được Thánh Thần tác động trực tiếp hay gián tiếp qua một thiên thần lành – trừ khi ai đó đặt một giả thiết rằng một thiên thần lành hành động độc lập với Thánh Thần và có lẽ không thực hành những gì Thiên Chúa định cho chúng ta. Vì thánh I-nhã nói rằng nếu khởi đầu, ở giữa và kết thúc đều tốt và hướng đến những gì hoàn toàn đúng đắn, thì đó là dấu hiệu của một thiên thần lành.

Tuy nhiên, sự cảnh báo rất phù hợp. Đúng như on AULT có những tư tưởng tốt lành thánh thiện thì chính nó không đảm bảo cho tôi xác định rằng Thánh Thần đang thúc đẩy tôi, cũng thế, thậm chí ở giữa và kết thúc của tiến trình đã khởi sự cũng tốt lành và toàn bộ kinh nghiệm là một dấu hiệu của Thánh Thần, thì điều này không đảm bảo rằng một sự thúc đẩy hay một kế hoạch hành động do kinh nghiệm thiêng liêng mang đến được đóng ấn như là ý Chúa cho tôi và mời gọi tôi. Kinh nghiệm đặc thù này thường mang lại rất ít bằng chứng nói lên ý Chúa, không có sức thuyết phục nào cả. Thông thường những kinh nghiệm như vậy, đôi khi rất nhiều, cũng cần phải có trước khi tôi có thể nghĩ chắc rằng mình có “*nhieu ánh sáng và hiểu biết từ AU và SK và NĐTL*” (LT 176)¹⁴² mà thánh I-nhã mời gọi trong cách thức tìm kiếm ý Chúa này. Và hơn nữa, tất cả những bằng chứng này phải được đưa vào một

¹⁴² *The Spiritual Diary - Nhật Ký Thiêng Liêng*, ([1-40], Ferbruary 2- March 13, 1544; pp. 1-34 trong bản dịch của Young) cho thấy rõ ràng đây là những chứng từ tích lũy từ AU thiêng liêng mà thánh I-nhã xét thấy phải có để đưa ra một quyết định quan trọng khi phải đối diện với nó. Tập tài liệu này là những chỉ dẫn liên quan đến nhận định ý Chúa của thánh I-nhã không chỉ qua AU và sâu khổ nhưng còn qua những cách thức khác nữa. Ví dụ, chú ý ngài đã dành nhiều giờ để suy xét những “lý do,” có thể là những thuận lợi hoặc những bất lợi cho việc quyết định cách này hay cách khác như trong “thứ ba” của phương pháp chọn lựa. Xem Linh Thao, [181 – 182].

hệ thống lớn hơn của tư tưởng liên quan tới việc nhận định ý Chúa. Chúng ta đã đề cập ở *trang 12* rằng nhận định ý Chúa sẽ trùng khớp với với NĐTL trong cảm nhận của thánh I-nhã về thuật ngữ đó, nhưng cũng có liên quan nhiều hơn – thực tế nhiều đến mức giáo huấn của thánh I-nhã về việc tìm ý Chúa cần được trình bày trong một cuốn khác.

Rút bài học nhờ phản tỉnh kinh nghiệm. Quy tắc II: 6

Trong quy tắc II:5, chúng ta có một cách dò ra TLP dựa trên kinh nghiệm của AUTL. Bây giờ trong quy tắc II:6, thánh I-nhã nói cho chúng ta biết phải làm những gì ngay khi chúng ta nhận ra thần dữ đang hoạt động nếu chúng ta muốn phát triển năng lực nhận định thiêng liêng của mình. Chính ngài đã học biết được ngang qua việc phản tỉnh trong cầu nguyện về các kinh nghiệm thiêng liêng của ngài; và giờ đây trong quy tắc này, ngài mời gọi chúng ta làm như vậy.

Quy tắc 6: Khi kẻ thù của bản tính loài người bị cảm thấy và nhận biết bởi cái đuôi rắn của nó và mục đích xấu xa nó muốn đưa tới, thì điều có ích cho người bị cảm dỗ là sau đó xem xét diễn biến về những tư tưởng tốt nó bày ra và khởi đầu của những tư tưởng ấy, và xem nó đã lần lần tìm cách khiến ta rời sự dịu ngọt và niềm vui thiêng liêng vốn có trước, cho đến chỗ đưa ta tới ý định tội tệ của nó như thế nào; để nhờ một kinh nghiệm đã được nhận biết và được ghi chép lại như thế, ta sẽ giữ mình cho khỏi những đối trá thường lệ của nó sau này.

Tự duyệt xét được yêu cầu ở đây là một hình thức khác trong nhiều hình thức tự kiểm thảo được thánh I-nhã đề xuất. Mối quan tâm chính của các hình thức xét mình là, không quá chú trọng đến việc giải quyết chỗ mà tôi thất bại và với trách

Chương 10: Cạm bẫy bắt nguồn từ an ủi thiêng liêng

nhiệm gì, nhưng đúng hơn với việc đi đến một sự kiểm soát chắc chắn các sự kiện đã thực sự xảy ra nhờ hiểu biết tường tận các sự kiện đó; và sau đó thông qua sự hiểu biết này, tiến đến một sự hiểu biết về chính tôi (điểm mạnh và điểm yếu trong tính cách của tôi, lối phản ứng của tôi và những điều tương tự như thế), và đồng thời đi đến sự hiểu biết về sự chăm sóc đầy quyền năng và tình yêu thương của Ngài đối với tôi và những lối xử trí của Chúa Thánh Thần với tôi; cuối cùng, đi đến một sự hiểu biết về các mục đích đê tiện của thần dữ và các cách thức chúng dùng để đạt được các mục đích đó. Kinh nghiệm đã bắt đầu như thế nào? Những tư tưởng tốt nào mà thần dữ thấy được bằng cách này hay cách khác có liên quan đến sự yếu đuối của tôi và hữu hiệu cho việc lôi kéo tôi? Thần dữ đã dẫn dắt tôi xa lìa những ý tưởng tốt lành và sự AULT như thế nào? Bằng những liên tưởng và sự tưởng tượng nhạy cảm hay bằng những khái niệm? Bằng sự lập luận logic từ một nguyên tắc sai mà không được làm rõ? Bằng sự mơ hồ nguy hiểm về những khái niệm hoặc những ngôn từ? Bằng cách từng bước khơi dậy cảm xúc? Bằng cách nào Chúa Thánh Thần làm cho tôi chú tâm đến những điều đang xảy ra? ... Bằng những câu hỏi đặt ra như vậy chúng ta có thể thành công trong việc nhớ lại những điều đã xảy ra và rút ra được kinh nghiệm ích lợi cho bản thân.

Mục đích của công việc này, ngay khi có thể thực hiện hợp lý, là vì hầu như trí nhớ của chúng ta về những gì đã xảy ra thường phai nhạt cách nhanh chóng; nó trở nên mơ hồ hoặc lộn xộn hoặc đầy những chỗ hổng. Ngay cả khi chúng ta mau mắn phản hồi, thì đôi khi công việc cũng không dễ dàng chút nào. Tiến trình hẳn đã được trải rộng suốt một giai đoạn lâu dài với những gián đoạn dọc theo thời gian. TLP ắt hẳn đã tùy thuộc vào sự cộng tác ẩn sâu bên trong đến nỗi khó có thể nhận ra và chỉ được phỏng đoán mà thôi. Có thể có những giả

định không rõ ràng và không được nhận biết trong việc này. Việc phát hiện những nguồn sức mạnh tiềm ẩn trong tiềm thức của chúng ta có thể là một giá trị rất lớn đối với việc để Thiên Chúa đến chiếm hữu chúng ta. Hiển nhiên trong công việc này chúng ta cần sự trợ giúp của Chúa Thánh Thần và hãy luôn luôn thực hiện điều đó trong sự hiện diện của Ngài với lời cầu nguyện xin ánh sáng từ Ngài.

Nếu chúng ta làm điều này chúng ta có thể hy vọng sẽ không bị lừa gạt theo cách thức tiêu biểu này nữa. Nếu chúng ta kiên trì làm điều này nhiều lần, chúng ta có thể hy vọng lớn lên trong sự biết mình, để trở nên ngày càng nhạy bén hơn trước hoạt động của Chúa Thánh Thần và của thần dữ, và có thể kháng cự và chống trả chước cám dỗ trước khi nó bén rễ sâu và gây nguy hiểm, hoặc trước khi chúng ta có thể sai lầm làm một điều gì đó tổn hại cho người khác hay cho chính bản thân mình.

Sự Bảo Đảm và Sự Diễn Giải. Quy tắc II:7

Một nghi vấn vẫn có thể gây phiền hà cho người đọc: Liệu chúng ta có chắc rằng trong mọi trường hợp, khi thần dữ khơi lên những tư tưởng thánh thiện và sự AUTIL, thì hấn sẽ tiết lộ ảnh hưởng của hấn bằng một trong các dấu hiệu mà thánh I-nhã đã đề ra trong quy tắc 5? Đây là vấn đề mà quy tắc 7 ngụ ý như là một sự giả định và cũng là giải đáp cho nó nữa.¹⁴³ Khi

¹⁴³ Phải thừa nhận rằng Quy Tắc II:7 thật rắc rối. Quy tắc này không minh nhiên nêu hoặc trả lời câu hỏi về việc thần dữ luôn đưa ra dấu hiệu nào đó phản bội lại chính sự ảnh hưởng của nó. Một cách minh nhiên, qui tắc này lặp lại những điều đã nói trong bộ qui tắc I: 1, 2 và II:1, và rồi thêm phần giải thích nữa. Như đã nói lúc đầu, qui tắc này, với sự kết cấu chặt chẽ hoàn hảo, đã được chèn tức thì vào giữa qui tắc I:1 và 2, như trong phần giải thích. Chắc chắn, nếu thánh I-nhã đặt qui tắc II:7 sau qui tắc II:6, thì phải có ý nào đó hơn là đơn thuần chỉ nhắc nhớ

Chương 10: Cạm bẫy bắt nguồn từ an ủi thiêng liêng

trả lời câu hỏi ngụ ý này, đầu tiên thánh I-nhã nhắc nhớ và đề ra cách rõ ràng những gì mà ngài đã tuyên bố trước đó, đặc biệt trong quy tắc I:1 - 2 và II:1, về những cách thức trái ngược mà qua đó thần lành và thần dữ tác động lên chủ thể tùy thuộc vào sự thúc đẩy trong đời sống của họ với tư cách là những Ki-tô hữu đang tiến tới hoặc sút giảm. Đối với những tuyên bố này, bây giờ ngài thêm vào một sự giải thích. Chính giải thích này trả lời cho câu hỏi liệu thần dữ cuối cùng sẽ luôn tiết lộ chính hần hay không, cho dù TLP của hần có đến mức nào đi nữa.

Quy tắc 7: Đối với những người đang tiến từ điều tốt đến điều tốt hơn, thiên thần lành chạm vào linh hồn cách êm ái, nhẹ nhàng và dịu ngọt, như giọt nước thấm vào miếng bọt biển; còn thiên thần dữ lại chạm vào cách chất chứa, cách ồn ào và cách náo động, như khi giọt nước rơi trên tảng đá. Và với những người đi từ điều xấu đến điều tệ hơn, thì chính các thần nói trên chạm vào theo cách thức ngược lại. Lý do là tùy theo tình trạng của linh hồn trái ngược hay hòa hợp với các thiên thần nói trên, vì khi trái ngược, thì chúng đi vào cách chất chứa, để cảm thấy và nhận ra, còn khi hòa

những gì ngài đã nói trong những qui tắc ban đầu và bây giờ, gần cuối những qui tắc này, ngài mới đưa ra một lời giải thích muộn mng, một ý tưởng đến sau mà đáng lý ra phải xuất hiện sớm hơn. Nếu chúng ta đọc qui tắc II:7 trong đúng bối cảnh, thì cứ để cho luồng tư tưởng chạy theo đà của nó ở trong qui tắc này, rồi chúng ta có thể thấy được điều thánh I-nh muốn nhắm tới v thấy lý do tại sao qui tắc này lại được đặt đúng nơi nó phải đặt. sau khi đọc những qui tắc đó chúng ta vẫn cảm thấy phân vân không biết liệu tầm ảnh hưởng của thần dữ sẽ luôn luôn hay thỉnh thoảng mới xuất hiện trong những điều theo sau an ủi và những tư tưởng thánh thiện mà cạm bẫy bắt đầu. bây giờ thánh I-nh bảo đảm rằng và giải thích lý do tại sao, thậm chí khi no thần dữ đến như một thiên thần ánh sáng, rất cục buộc thần dữ phải lộ diện một cách cụ thể.

hợp thì chúng đi vào cách lặng lẽ như vào nhà của mình, cửa đã mở sẵn.

Việc chi ra về các sự kiện, cách thức mỗi thần tác động lên những người đang tiến tới hay sa sút về thiêng liêng, đã được giải quyết chi tiết trong chương 2 rồi. Vì thế, bước đầu tiên trong quy tắc 7 này được bỏ qua ở đây và quan tâm của chúng ta nhắm đến mục thứ 2, sự giải thích. Lý do tại sao thần lành đụng chạm và đi vào ý thức của một Ki-tô hữu đang tiến tới một cách ngọt ngào, nhẹ nhàng, êm ái, yên tĩnh, như là giọt nước thấm vào miếng bọt biển, hoặc như đi vào nhà của mình khi cửa mở sẵn – lý do là vì tình trạng của mỗi người phù hợp với mỗi thần.¹⁴⁴ Điều đó có ý nghĩa gì? Tình trạng của những Ki-tô hữu đang tiến tới là “tiến bước cách mạnh mẽ từ điều tốt đến điều tốt hợp trong việc diệt trừ tội lỗi của mình và trong việc phụng sự Thiên Chúa, Chúa chúng ta” (I:2). Tình trạng của thần lành, những gì là cùng bản chất với thần lành, là hòa hợp với thúc đẩy trong đời sống mà qua đó tình trạng căn bản và chi phối người Ki-tô hữu đang tiến tới nhận ra sự biểu lộ

¹⁴⁴ Lưu ý rằng thánh I-nhã bận tâm đến sự hoà hợp hay xung khắc của thần dữ hoặc thần lành cùng với việc sắp đặt nền tảng hiện có mà qua đó thao viên sắp xếp đời mình một cách tích cực hay tiêu cực nhằm hướng tới sự tiến bộ thiêng liêng. Chính sự hoà hợp hay xung khắc này giải thích tại sao AU hay sâu khổ được phát sinh khi một thần lành hay dữ tác động lên người đó. Trong quy tắc này, ngài không bận tâm đến tính tương hợp hay xung khắc mà AU đã phát sinh cùng với kế hoạch hay giải pháp đã đề nghị. Vì thế, quy tắc II:7 không thể được sử dụng nhằm hỗ trợ cho bất kỳ sự hiểu biết nào về việc nhận định ý Chúa của thánh I-nhã bằng cách tìm kiếm hiệu ứng của những đề nghị khác nhau về AU thiêng liêng thực. Cho dù hiểu biết việc nhận định của thánh I-nhã về ý Chúa là đúng hay sai, thì bất cứ lối sử dụng quy tắc II:7 để hỗ trợ cho điều này còn nằm trong việc đọc hiểu quy tắc đó mà nó vượt xa bất cứ điều gì mà thánh I-nhã minh nhiên diễn tả hay ngụ ý đề cập trong quy tắc này.

Chương 10: Chạm bắt nguồn từ an ủi thiêng liêng

này. Thần lành và những Ki-tô hữu đang tiến tới cùng một hướng. Cho đến khi bạn là một Ki-tô hữu đang tiến tới, bạn sẽ cảm nghiệm được hoạt động của Chúa Thánh Thần giống như một làn gió phía sau bạn – thường là một làn gió nhẹ nhàng, hòa hợp với bạn một cách trù mền như là bạn bẫy giờ và giúp bạn tiến tới cách dễ dàng, thú vị, bình an, thậm chí gia tăng sức đẩy hướng bạn đến mục tiêu của bạn. Nhưng Thánh Thần hoạt động vô cùng êm ái, với sự đụng chạm nhẹ nhàng này, đến nỗi không cảm biết được trừ khi điều bạn quan tâm đặt trọng tâm vào hoạt động của Ngài trong cuộc sống của bạn và sự nhạy cảm thiêng liêng của bạn trở nên tinh tế và sắc bén bởi tình yêu tinh tuyền và khắc khoải dành cho Thiên Chúa, để rồi bạn khao khát lắng nghe và cảm nhận từng tiếng thì thầm và đụng chạm của Thánh Thần.

Tuy nhiên, cần chú ý một vài định lượng thiết yếu. Thứ nhất, sự gọi hứng từ thần lành lên chủ thể thoát tiên có thể gây xáo động; nhưng sau đó mang lại bình an. Trong trường hợp này, thậm chí cơn gió phía sau bạn có thể làm cho bạn xáo động, buồn rầu, khi nó đến đột xuất và với tốc lực rất lớn dội vào chuyển động hiện tại của bạn; nhưng chỉ nhất thời mà thôi, cho đến khi nó cuốn bạn vào chính tốc lực của nó để bấy giờ bạn tiến tới một cách bình an, dễ dàng. Thứ hai, bình an này có thể hòa lẫn với sự đau đớn, sợ hãi và những điều tương tự, khi sự khởi hứng mời gọi người đó can đảm và chịu đựng đau khổ. Thứ ba, ngay cả người tốt lành có những chiều kích về cá tính cũng chưa hướng về Thiên Chúa. Khi thần lành đụng chạm cào những người này có thể có sự xáo trộn.

Trong tầm mức mà một Ki-tô hữu đang tiến tới trở nên nhạy bén với Chúa Thánh Thần, thiết nghĩ người ấy cũng nhạy bén với những chuyển động ngược lại vốn xung khắc với đời sống trong Thần Khí. Xu hướng của thần dữ trái

ngược trực tiếp với xu hướng của những Ki-tô hữu đang tiến tới và của Thánh Thần. Đó là đặc tính của nó để “đặt chuông ngại bằng cách gây bồn khoăn lo lắng với những lý lẽ giả tạo để người ta khỏi tiến tới” (I:2). Khi hấn đụng chạm và gây ảnh hưởng đến ý thức của người Ki-tô hữu đang tiến tới, nhất thiết sẽ có xáo động, ồn ào, những dấu chỉ dễ thấy như có thể nhận thấy như khi lao mình ngược chiều gió.

Toàn bộ trường hợp bị đảo ngược khi chúng ta nói về những Ki-tô hữu đang sa sút; vì tình trạng và chuyển động chi phối đời sống của họ trùng hợp với những gì mà thần dữ tự bản chất muốn ảnh hưởng trong họ và đương đầu chống lại những gì là cùng bản chất đối với ảnh hưởng từ Chúa Thánh Thần.

Tất cả những điều mà chúng ta đang nói dễ dàng phù hợp với bộ quy tắc đầu tiên, nhưng mới nhìn thì có vẻ thiếu tương hợp với các quy tắc 3-6 trong bộ quy tắc thứ hai. Nếu tình trạng của người đang tiến tới trên đường thiêng liêng và của thần dữ chạm nhau, thì sẽ tạo ra những xáo động và ồn ào rõ rệt, lúc đó liệu thần dữ có thể mang đến cho hạng người này những tư tưởng tốt lành và thánh thiện sinh ra AUTL như thế nào? Hấn cải trang chính mình như một thiên thần ánh sáng ra sao?

Có lẽ thánh I-nhã đang triển khai những gì mà ngài đang nói trong các quy tắc liền trước đó, để làm sáng tỏ vấn đề này hơn. Có lẽ bây giờ ngài đang ngụ ý rằng thậm chí khi thần dữ mang đến AUTL, chắc chắn có một vài sự xáo động để chỉ ra thần nào đang hoạt động, ngay trong cảm nghiệm đầu tiên về tư tưởng và AU từ dòng tư tưởng bị lừa gạt phát sinh. Có lẽ ngài có ý rằng nếu chúng ta chú tâm và nhạy bén đủ, và qua phản hồi về kinh nghiệm thiêng liêng đủ khôn ngoan, chúng ta sẽ có thể nhận biết thần dữ hoạt động thậm chí trước khi

Chương 10: Cạm bẫy bắt nguồn từ an ủi thiêng liêng

hấn bắt đầu. Điểm nhấn của quy tắc lúc đó sẽ là một lời cảnh báo và một sự bảo đảm chẳng hạn như: Hãy ý thức về bất kỳ AUTL và những tư tưởng tốt lành nào khi có liên với một vài xao trộn; và chắc chắn rằng tức khắc sẽ có một vài xao động như thế có thể nhận thấy được nếu những tư tưởng và AU đến từ thần dữ. Chỉ khi nào cảnh giác đủ thì bạn mới có thể nhận ra nó. Vì vậy quan điểm này vận hành; thoát nhìn, việc giải thích quy tắc 7 như thế là hợp lý và khá hấp dẫn như một giải pháp đơn giản nhẹ nhàng về một mâu thuẫn hiển nhiên.¹⁴⁵

Tuy nhiên, sự chú tâm sâu sắc đến những gì thánh I-nhã nói trong quy tắc II: 3-6 khiến cho khó hoặc không thể chấp nhận giải pháp đơn giản hấp dẫn này đối với vấn đề như vậy. Trong các quy tắc này thánh I-nhã dường như muốn nói rằng thần dữ bắt đầu bằng việc che dấu thành công tất cả những dấu hiệu lộ tẩy, nó hành động một cách chính xác giống như một thiên thần ánh sáng. Trong quy tắc 3, ngài đơn thuần nói rằng một thần lành hoặc một thần dữ có thể mang lại AU có nguyên do có trước. Trong quy tắc 4, ngài nói rằng thần dữ bắt đầu bằng việc thúc đẩy những tư tưởng “tốt lành và thánh thiện, hòa hợp” với một người sốt mẩn và trung tín. Cụm từ cuối này đặc biệt phù hợp. Không có đề xuất về sự bất nhã thậm chí chẳng đáng kể, va chạm hoặc bất cứ xao trộn nào và phải nói rằng những tư tưởng này hòa hợp với người đó thì chắc chắn cũng hòa hợp với tình trạng của họ như một Ki-tô hữu đang tiến tới. Trong quy tắc 5 (và 6), khi trực tiếp chú ý đến những dấu hiệu của thần dữ, thánh I-nhã không đòi hỏi chúng ta tìm kiếm chúng ngay lúc đầu nhưng tại điểm kết

¹⁴⁵ Dường như đây là phần chú giải của Michael Buckley (*The Way, Supplement* 20, pp. 32-35). Ngài cho rằng có một vài dấu chỉ thuộc thần dữ xuất hiện ngay từ lúc khởi đầu, nhưng những dấu hiệu này quá tinh tế đến nỗi hầu hết mọi người chẳng thể nhận ra.

thúc diễn tiến của tư tưởng, điều nào là điều kết cục. Trong quy tắc 6, khi ngài chỉ dẫn cho chúng ta phản hồi toàn bộ kinh nghiệm, ngài muốn chúng ta chú ý cách thức mà nó bắt đầu bằng “niềm vui thiêng liêng và sự dịu ngọt”, và *sau đó* cách thức thần dữ khéo léo dẫn đưa chúng ta dần dần ra khỏi sự ngọt ngào và niềm vui thiêng liêng để hướng đến đích nhắm của hắn.

Đối diện với tất cả bằng chứng đang qui về này, dường như chúng ta buộc phải kết luận rằng thánh I-nhã không nghĩ rằng những dấu hiệu của thần dữ lại hiện hữu và thấy được vào lúc khởi đầu của kiểu lừa phỉnh mà ngài đang mô tả. Vì vậy, tại thời điểm này, chẳng gì phải nhận định ngay cả với những người có kinh nghiệm thiêng liêng và nhạy cảm nhất! Sự giải thích cần thiết hay thích hợp hơn đối với quy tắc 7 có vẻ là trong khi thần dữ có thể bắt đầu TLP của hắn mà không có bất kỳ sự ồn ào hoặc xáo động, hoàn toàn hòa hợp với tình trạng và xu hướng sống nền tảng của một người đang tiến tới về thiêng liêng, những gì thần dữ sẽ không và không thể làm là duy trì hành động như thiên thần ánh sáng. Sớm hay muộn, một vài dấu hiệu sẽ lộ diện, một vài sự va chạm dễ nhận ra giữa hắn với một người mà hắn đang tác động. Một vài tư tưởng, hành động cảm xúc, hoặc một vài cảm nhận cảm xúc sẽ tiết lộ sự ảnh hưởng của hắn. Thần dữ sẽ không tiếp tục tác động những gì phù hợp với tình trạng thiêng liêng của một người bị lừa phỉnh nếu không cố gắng dẫn dắt người đó bằng những mưu mô nhằm đưa đến những điều đối nghịch với tình trạng Ki-tô hữu của họ. Làm như vậy sẽ thúc đẩy sự lớn lên của người Ki-tô hữu, một điều hoàn toàn trái ngược với xu hướng lừa gạt của thần dữ.

Một khẳng định mạnh mẽ và hấp dẫn về lời giải thích này là ý nghĩa thực tiễn của quy tắc này trở nên tương đương với

Chương 10: Cạm bẫy bắt nguồn từ an ủi thiêng liêng

cách đánh giá những kinh nghiệm thiêng liêng thường hằng mà Thánh Teresa vẫn sử dụng để đánh giá những huyền thị của ngài. Điều này xuất hiện liên tục trong các bài viết của thánh nữ. Một minh họa là đủ rồi. Trong khi thánh nữ dễ dàng nhận ra ba hay bốn thị kiến về Chúa Ki-tô như có một nguồn gốc ma quỷ, có những thị kiến khác mà thánh nữ không chắc chắn nguồn gốc của chúng cho đến khi thánh nữ phản tỉnh được cách thức mà chúng tác động lên đời sống của thánh nữ.

Bởi vì có sự khác nhau rất lớn ở mọi phương diện, và chẳng hoang tưởng chút nào, nhưng tất cả như vậy có thể thấy được rõ ràng. Trước đây, khi tôi lan lợi vô cùng, tôi đã kết luận, tôi không thể tin rằng, nếu ma quỷ đang làm điều này để đánh lừa tôi và lôi tôi xuống hoả ngục, ma quỷ đã lợi dụng những phương tiện đánh lừa hoàn toàn những cùng đích của những phương tiện đó bằng việc lấy đi những nét xấu và làm tôi mạnh mẽ và đạo đức; vì điều đó thì rất rõ ràng đối với tôi rằng những kinh nghiệm này tức khắc đã làm cho tôi trở nên một người khác.¹⁴⁶

Điều giải thích ở trên về các quy tắc II:3-7 không ngụ ý rằng không có những kinh nghiệm về AURL với những tư tưởng tốt lành kèm theo một vài dấu hiệu của thần dữ đủ tinh tế làm hầu hết mọi người xao lãng. Tất cả những gì tôi đang nói đó là trong các quy tắc này thánh I-nhã không bàn về những kinh nghiệm như thế. Tuy nhiên, những quy tắc này nhằm ứng phó các kinh nghiệm như thế. Michael Buckley đã có một vài lời bình xuất sắc về những thời điểm hoặc những giai đoạn mà qua đó một người có thể hy vọng lớn lên trong sự nhạy cảm với bất kỳ dấu hiệu nào của thần dữ ngay từ lúc khởi đầu của TLP mà kẻ thù đã định. Thứ nhất, người ta có

¹⁴⁶ *The Life of the Holy Mother Theresa of Jesus*, in *The Complete Works of St. Theresa*, bản dịch của E. A. Peers (London, 1972), I, ch. 28, pp. 184-185.

thể học cách nhận ra những hậu quả tội lỗi hoặc kém tốt lành, khi chúng xuất hiện rõ ràng, và để truy chúng ra trong trí nhớ, như thánh I-nhã khuyến khích trong quy tắc II:6. Thứ hai, bằng cách truy ra được lập lại như thế từ trí nhớ, người đó học cách ghi nhận nhanh nhạy khi có điều gì đó bắt đầu đi đến sai trái. Thứ ba, cuối cùng người này cần học cách nhận ra giọng điệu sai trái thậm chí trong kinh nghiệm căn cốt về AUTL.¹⁴⁷

¹⁴⁷ Michael Buckley, *op. cit.*, p. 35.

Chương 11:
TRÒ LỪA PHỈNH TRONG THỜI GIAN DƯ HƯỜNG
CỦA AU THIÊN LIÊNG

Quy tắc II:8

Quy tắc II:7 hoàn tất việc bàn luận về TLP do thần dữ khởi xướng trong AUTL đích thực có nguyên do trước. Chúng ta đã thấy, có hai bước trong TLP đó. Bước thứ nhất, hấn thực hiện điều liên hệ tới bản tính của một thần lành và trái ngược với kiểu hành động theo bản tính riêng của hấn bằng cách mang tới AUTL, với những tư tưởng tốt lành và thánh thiện. Bước thứ hai, bắt đầu từ những tư tưởng đó trong AUTL, những tư tưởng do Thiên Chúa thúc đẩy, hấn gọi lên một luồng tư tưởng dẫn dắt theo cách này hay cách khác tới mục đích xấu xa của hấn. Vì AU *không có* nguyên do trước chỉ có thể đến từ Thiên Chúa (II:2), nó miễn nhiệm khỏi TLP như thế. Thần dữ không thể tạo ra AUKNDT cũng không thể gây ảnh hưởng tới những tư tưởng và những ao ước nảy sinh trong nó. Tuy nhiên, hấn có một cách sử dụng ngay cả sự AU như thế để đánh lừa chúng ta, và chính vì có kiểu lừa phỉnh này mà thánh I-nhã muốn cảnh báo chúng ta trong Quy tắc 8.

Quy tắc 8: khi an ủi không có nguyên do, dù không có cạm bẫy nơi nó, vì như đã nói trên, đó là của một mình Thiên Chúa, Chúa chúng ta. Tuy nhiên người thuần thiêng được Chúa ban ơn an ủi như thế phải xem xét và nhận định, với sự tỉnh thức và cẩn trọng, chính thời gian được an ủi hiện tại với thời gian tiếp sau, khi linh hồn còn nóng nảy và sung sướng vì ơn huệ và sự dư hưởng của ơn an ủi vừa qua. Quả vậy, trong thời gian thứ hai này, do suy diễn riêng của mình dựa vào thói

quen và vào những kết quả của những ý niệm và phán đoán, hoặc do thần lành hay thần dữ, ta hoạch ra những dự định và ý kiến khác nhau mà không phải do Thiên Chúa, Chúa chúng ta, trực tiếp ban cho, và vì thế, cần xem xét thật cẩn trọng trước khi hoàn toàn tin tưởng vào những điều ấy và đem ra thực hành.

Chương 11: Cạm bẫy trong thời gian dư hưởng của an ủi thiêng liêng

Có rất nhiều điều được cô đọng ở trong quy tắc này, và mỗi phần đều phụ thuộc rất nhiều về ý nghĩa đối với những phần khác, đến mức một sự hiểu biết hoàn toàn và chính xác đòi hỏi một sự khảo sát về từng bước trong văn cảnh, ngay cả khi điều này kéo theo một vài sự đan chéo lên nhau.

Bước thứ nhất: Không Có TLP trong AUKNDT

Bước thứ nhất là một lời khẳng định về những gì chúng ta có thể đảm bảo chắc chắn và lý do tại sao chúng ta có thể: “Khi AU không có nguyên do, dù không có cạm bẫy nơi nó, vì như đã nói trên, đó là của một mình Thiên Chúa, Chúa chúng ta”. Hai điểm trong phát biểu này cần chú ý và chú giải: thứ nhất, vị trí phụ thuộc và đặc tính thoái nhượng của điều được nói tới; và thứ hai, việc giải thích mệnh đề “không có cạm bẫy trong nó”.

Lời mời gọi chú ý tới vị trí phụ của lời phát biểu rằng AUKNDT thì không có cạm bẫy sẽ giúp chúng ta giữ vững cảnh và tránh việc đọc ra những gì thánh I-nhã không đề cập ở đây. Thánh I-nhã không quan tâm trực tiếp để đưa ra hay làm nổi bật giá trị tích cực của AUKNDT cho việc NĐTL hay việc nhận định ý Thiên Chúa. Lý do Ngài nêu ra ngay nguồn gốc thần linh của AUKNDT và sự giải phóng tất yếu của nó khỏi TLP chỉ là để cảnh báo chúng ta về những gì có thể xảy ra sau này. Vài bài viết gần đây về mục đích của việc nhận định của thánh I-nhã đưa ra: AUKNDT là nguyên tắc đầu tiên cho tất cả việc NĐTL hoặc nhận định ý Thiên Chúa.¹⁴⁸ Chấn chấn, nếu

148

Trong số những người cho rằng on AU không có nguyên do trước là nguyên tắc đầu tiên cho mọi cuộc nhận định, trước hết phải nói đến K. Rahner, S.J. và Harvey D. Egan, S.J. ta có thể tìm thấy phần trình bày về quan điểm và đánh giá của họ trong phần Phụ Lục IV, pp. Error:

thánh I-nhã đã nghĩ như vậy, ngài đã không viết no rõ ràng trong Quy tắc II:8; và ít nhất điều đó cũng có thể được bàn cãi xem liệu cách nhìn như vậy có ẩn chứa trong quy tắc đó hay không. Như đã lưu ý ở trên (trang 234), Quy tắc II:5 dường như ngụ ý rõ ràng rằng AUCNDT là một dấu hiệu xác thực của Thánh Thần nếu không có dấu hiệu nào của thần dữ kèm theo diễn biến của AU. Thực tế nói rằng không có những dấu hiệu của thần lành và thần dữ nào khác và nền tảng hơn AU và SKTL.

Từ “cạm bẫy” mà thánh I-nhã ghi nhớ khi ngài nói rằng AUKNDT không có cạm bẫy nào bên trong nó thì chắc chắn là TLP có thể có trong AUCNDT, thứ lừa phỉnh mà ngài đã đưa ra lời khuyên đối với nó trong bốn quy tắc trước (II:4-7), vừa được giải thích trong chương 10. Điều đó nói lên rằng, thần dữ không thể đóng giả một thiên thần của ánh sáng và thúc đẩy những tư tưởng tốt lành và thánh thiện phù hợp với đức tin, và sau đó, từ những điều này làm phát sinh AUKNDT. AU như thế thì không trải qua trung gian là tư tưởng của chúng ta. Nó trực tiếp đến từ một mình Thiên Chúa. Vì vậy, những tư tưởng hay những kế hoạch khởi đi từ AU như thế không thể có TLP được.

Bước thứ hai: Phân Biệt AU với Sự Dư Hưởng

“Tuy nhiên”, thánh I-nhã nói rõ, “người thuần thiêng được Chúa ban ơn an ủi như thế phải xem xét và nhận định, với sự tỉnh thức và cẩn trọng, chính thời gian được an ủi hiện tại với thời gian tiếp sau, khi linh hồn còn nóng nảy và sung sướng vì ơn huệ và sự dư hưởng của ơn an ủi vừa qua”. Chính sự nhận thức của chúng ta về sự miễn nhiễm khỏi TLP trong AUKNDT có thể tự nó là một dịp cho chúng ta sa vào TLP

Reference source not found-Error: Reference source not found.

Chương 11: Cạm bẫy trong thời gian dư hưởng của an ủi thiêng liêng

trong thời gian ngay sau AU đích thật đó. Đó là lý do tại sao, trong bước thứ hai của quy tắc, thánh I-nhã cảnh báo chúng ta hãy phân biệt cẩn thận AU thực tại với thời gian của sự dư hưởng. Tạm gác qua một bên mục đích của lời cảnh báo này, chúng ta hãy cố gắng hiểu những gì thánh Inhã đang nói về thời gian tiếp ngay sau AUKNDT. Chúng ta cần làm sáng tỏ điều này nếu chúng ta muốn phân biệt nó với AU đích thật trực tiếp đến từ Thiên Chúa.

Như vậy, có ý gì khi nói người đó vẫn nhiệt tình và sung sướng bởi sự dư hưởng của ơn AU có thực vừa qua? Sự hiểu biết của chúng ta sẽ bị giới hạn trên vài phương diện do không chắc chắn về những đặc tính tích cực cách riêng cho AUKNDT với những gì tương phản với sự dư hưởng. Tuy nhiên, nhờ qui lại tất cả những gợi ý trong bản văn và liên hệ chúng với cấu trúc của bất cứ kinh nghiệm AU nào, mà chúng ta có thể hiểu biết thoả đáng những gì thánh I-nhã muốn nói.

Hãy nhớ lại cấu trúc thiết yếu của bất cứ loại AU nào. Hãy nhớ lại rằng trong sự nhạy bén cảm xúc của người nhận được AU có những cảm xúc của sự vui thích, mãn nguyện, phấn khởi, bình an, v.v... . Chúng được cô đúc đến trong đối tượng của những hành vi nhận thức và cảm xúc. Giờ đây nó là một kinh nghiệm bình thường khi nguồn gốc của một AU chấm dứt ảnh hưởng thực sự lên nhận thức chủ thể, ký ức về nó cùng với những cảm xúc, hoặc thậm chí với những cảm xúc sẽ tiếp diễn một lúc, rồi mới từ từ mất đi, giống như sức nóng của kim loại khi rời khỏi lửa, hoặc như sự tươi tắn của những đóa hoa khi bị cắt khỏi bộ rễ. Hãy nghĩ về một ai đó được AU bởi âm nhạc tuyệt hay hoặc bởi một dấu chỉ tình yêu từ người yêu. Khi những điều ảnh hưởng đến AU, chẳng hạn âm nhạc hay dấu chỉ của tình yêu trong các minh họa vừa nói đến, không còn hiện diện nữa ngoại trừ còn trong trí nhớ, những

cảm xúc thích thú của sự AU có thể vẫn tiếp diễn. Trên thực tế, khi sự chú ý của chủ thể giờ đây bị cuốn hút hoàn toàn với một số điều nữa, thậm chí khi không có một ký ức thực tế hiện tại về những gì đã mang tới những cảm xúc vui mừng hay hứng khởi, thì những cảm xúc đó vẫn có thể tiếp tục sôi nóng.

Điều chúng ta thấy trong tất cả những kinh nghiệm trên cũng tương tự với điều thánh I-nhã đang nói về một loại AUTL có thật mà Thiên Chúa ảnh hưởng lên con người không qua bất cứ trung gian nào và về sự dư hưởng của chính kinh nghiệm thiêng liêng đó. Trong Quy tắc II:8, ngài nói rõ rằng khi ảnh hưởng trực tiếp của Thiên Chúa chấm dứt, thì sự AU kiểu đó cũng kết thúc, nhưng những cảm xúc có thể vẫn rung động, sôi nóng. Trong tình trạng này, ngài cảnh báo chúng ta, nếu chúng ta không tỉnh táo, chúng ta có thể dễ dàng nhầm lẫn sự dư hưởng này với AU có thực được ảnh hưởng trực tiếp từ Thiên Chúa. Sự nhầm lẫn như vậy dẫn tới một TLP mà ngài mô tả trong bước thứ ba của quy tắc này. Trước khi khảo sát, chúng ta hãy bàn đến một nghi vấn nảy sinh tại điểm này và mang một ý nghĩa đáng suy xét cho việc NĐTL và việc nhận định ý Chúa nhờ NĐTL.

Một câu hỏi: Phải Chẳng Sự Dư Hưởng là Một AUTL?

Phần dư hưởng cảm xúc có nên được gọi là AUTL không? Chỉ cần chúng ta biết rằng chúng ta đang nói về một dư hưởng, chứ không phải nói tới AU có thật do ảnh hưởng trực tiếp từ Thiên Chúa, phải chăng là có vấn đề về tên mà chúng ta đặt cho nó? Có một lý do tốt để nghĩ rằng nó tạo ra một sự khác biệt, và sự khác biệt đó giải thích tại sao thánh I-nhã không gọi kinh nghiệm đó là về AUTL, thậm chí không phải AUTL ở một mức độ thấp hơn hoặc ở một dạng khác, nhưng

Chương 11: Cạm bẫy trong thời gian dư hưởng của an ủi thiêng liêng

chỉ là phần dư hưởng, là sự sốt nóng còn dư lại sau khi AUTL chấm dứt (*pasada*).¹⁴⁹

Cần phải xem xét cẩn thận điểm này. Ngay sau ơn AUKNDT, trí nhớ sống động về nó và sự phản tỉnh trên nó như một sự biểu lộ về tình yêu của Thiên Chúa dành cho tôi và sự hiện diện của Người trong cuộc sống của tôi có thể mang đến cho tôi sự AU. Sự AU này không phải một AUTL không có nguyên do trước hoặc không đơn thuần là phần dư hưởng của nó. Đây rõ ràng là một AUTL có nguyên do. Nó phát sinh từ ảnh hưởng hiện tại của việc Thánh Thần làm tăng thêm đức tin, đức cậy, và đức mến của tôi, *ngang qua trung gian của trí nhớ, trí hiểu và ý muốn của tôi*. AUKNDT không phải được dàn xếp như vậy; nó đến trực tiếp từ Thánh Thần (Quy tắc II:2). Mặt khác, phần dư hưởng cảm xúc hoặc sự dư hưởng của AU như vậy không qua trung gian của những hành vi bất rỗi trong đức tin sống động, hoặc nó không đến từ bất cứ ảnh hưởng trực tiếp *hiện thời* của Thánh Thần. Đó là lý do tại sao nó không cho thấy thần nào đang tác động trên tôi hiện thời và nó không được dùng cho việc NĐTL, và trong cách phân loại của thánh I-nhã, nói cách chính xác nó không phải AUTL được.

Nếu chúng ta nghĩ rằng sự dư hưởng là một AUTL, thì xét theo ý nghĩa về những hạn từ này của thánh I-nhã, hẳn nó không là AUKNDT cũng không phải AUCNDT. (Để ngăn ngừa sự bối rối ở đây, xin nhớ rằng “nguyên do trước” trong những mệnh đề này quy về những hành vi riêng của trí hiểu và ý muốn của chủ thể hướng tới một đối tượng AU (II:2), chứ

¹⁴⁹ Kark Rahner gọi sự dư hưởng này là AU không có nguyên do “cấp độ thứ hai” (trong phần “The Logic of Concrete Individual Knowledge in Ignatius Loyola,” của tác phẩm *Dynamic Element*, p. 158). Để thảo luận điểm này, xin xem Phụ Lục IV.

không quy về ảnh hưởng có trước của Thiên Chúa hoặc của bất cứ thụ tạo thần linh nào trong việc thúc đẩy những hành vi của trí hiểu và ý muốn). Vì thế sự dư hưởng trong Quy tắc II:8 là kinh nghiệm mà một người có được khi AUTL không có nguyên do trước đã chấm dứt, nó không thể là chính sự AU trong một mức độ thấp hơn; vì AU như thế được định nghĩa như là đến trực tiếp từ Thiên Chúa. Trong khi thực tế, chính sự AU có nhiều mức độ khác nhau về độ mạnh, tính trọn vẹn..., nhưng những gì xảy ra trong thời gian sau đó, khi nguyên nhân trực tiếp từ Thiên Chúa chấm dứt, đơn giản chỉ là một *loại* kinh nghiệm khác, chứ không phải một mức độ thấp hơn của kinh nghiệm gốc. Nó cũng không phải là AUTL có nguyên do trước. Đó là điều không thể nghĩ tới trên hai loại AU được bàn tới: nó chỉ là một *phần dư hưởng* của AUTL, và hơn nữa, nó là một phần dư hưởng của AUTL *không có nguyên do trước*. Vậy thì nó không phải là sự AU từ một đối tượng có thật qua trung gian của những hành vi trí hiểu và ý muốn của chủ thể. Như đã trình bày ở trên, AUTL có nguyên do trước có thể được cảm nghiệm trực tiếp sau AUTL không có nguyên do trước nhờ trung gian trí nhớ của tôi về AUKNDT và những suy nghĩ của tôi về tình yêu của Thiên Chúa dành cho tôi. Nhưng đó sẽ là một dạng khác của kinh nghiệm từ sức nóng dư dật của AU có thật không qua trung gian.

Vậy thì nên chăng chúng ta thêm một cách phân chia thứ ba về AUTL? Thánh I-nhã đã không làm. Có một lý do rất chắc chắn để không làm như vậy. Nếu chúng ta làm như vậy, mọi điều thánh I-nhã nói về AUTL cách tổng quát sẽ phải kéo dài, nhưng đã không thể như vậy. Theo thánh I-nhã, bất cứ AUTL nào, ít ra tại sự lộ diện ban đầu là dấu hiệu của Thánh Thần *tại đây và bây giờ* đang ảnh hưởng đến những tư tưởng và những thúc đẩy xúc cảm hướng đến quyết định và hành động mà có thể nảy sinh từ ảnh hưởng của nó hoặc trong suốt ảnh hưởng

Chương 11: Cạm bẫy trong thời gian dư hưởng của an ủi thiêng liêng

của nó. Đúng là AUTL có nguyên do có thể được thúc đẩy bởi thần dữ đội lốt một thiên thần ánh sáng. Nhưng ngoại trừ vài dấu hiệu của thần dữ xuất hiện trong số những tư tưởng và tình cảm tiếp nối trong sự liên tục với AU đó, thì AU được xét thấy như sự bắt nguồn từ Thánh Thần (Quy tắc II: 5, 7). Nếu vì chúng ta gọi sức nóng dư dật của AUKNDT là một AUTL, thì hẳn là chúng ta sẽ có thể sử dụng AUTL có nguyên do để lượng giá những tư tưởng và thúc đẩy đến từ Thánh Thần. Nhưng không có điều nào mà thánh I-nhã nói tới trong Quy tắc II:8 chỉ ra rằng sự dư hưởng của AUKNDT có thể phục vụ cho mục đích tương tự. Thật là sự trái ngược!

Để phục vụ như là bằng chứng khả thể biện minh một phán đoán rằng những tư tưởng (những “dự định và ý kiến”) đến từ Thiên Chúa, thì sự dư hưởng của AUKNDT sẽ phải được nhìn nhận như là kết quả và dấu hiệu Thiên Chúa hoạt động trên ý thức nhân bản tại chính thời điểm của kinh nghiệm đó; rằng điều biện minh cho những tư tưởng và những thúc đẩy được phát sinh trong sự AU như là đến từ Thiên Chúa. Nhưng điểm chính của Quy tắc 8 là khi hoạt động thần linh đã chấm dứt và sự dư hưởng không phải là một dấu hiệu của sự ảnh hưởng thần linh có thật hiện tại trên ý thức nhân bản của chủ thể liên quan. Những gì chủ thể cảm nghiệm lúc này đúng là điều thánh I-nhã gọi là, một “phần dư hưởng” (residue), một vinh quang đang mờ dần trong sự nhạy bén xúc cảm về một AU *đã đến* từ ảnh hưởng trực tiếp có thật của Thiên Chúa, một sự ảnh hưởng đã kết thúc. Đó là lý do tại sao sự dư hưởng là không đáng kể cho đâu là bằng chứng để NĐTL và không đưa ra sự chỉ dẫn cho bất cứ loại nào về nguồn gốc của những dự định và ý kiến đến trong tâm trí

trong suốt thời gian đó.¹⁵⁰ Đây là những gì thánh I-nhã đang nói với chúng ta trong bước thứ ba của Quy tắc II:8. Chúng ta hãy cùng khảo sát.

Bước thứ ba: TLP Khả Thế

Để hiểu ý nghĩa quan trọng đầy đủ về bước thứ ba này, hãy nhớ lại hai bước đầu tiên: (1) Trong AU thực không có nguyên do trước không thể có một TLP nào; và (2) tuy nhiên, chúng ta nên nhận định cẩn thận trong kinh nghiệm của chúng ta giữa ơn AU thật và phần dư hưởng. Giờ đây thánh I-nhã thêm vào bước thứ ba, “lý do tại sao có sự phân biệt này” là “thông thường xuất hiện trong thời gian thứ hai này, do suy diễn riêng của mình dựa vào thói quen và vào những kết quả của những ý niệm và phán đoán, hoặc do thần lành hay thần dữ, ⁵ta hoạch ra những dự định và ý kiến khác nhau mà không phải do Thiên Chúa, Chúa chúng ta, trực tiếp ban cho.” Ấn ý rõ ràng là chúng ta có xu hướng bỏ qua sự chuyển tiếp từ AU thật đến phần dư hưởng và cho rằng dự định và ý kiến đến trong thời kỳ sau là trực tiếp từ Thánh Thần.

Trong thực tế những dự định và ý kiến này xuất hiện như thế nào? Thánh I-nhã nói, chúng khởi đi do suy diễn riêng của chúng ta dựa theo cách riêng của chúng ta từ nhận thức, hiểu biết, liên hệ đến những ý tưởng, và tương tự, hoặc chịu ảnh hưởng bởi những thần lành hay dữ. Phải nói rằng, điều này

¹⁵⁰ Trong sự nhất quán hoàn toàn với quan điểm của ngài về AU không có nguyên do trước là nguyên tắc đầu tiên cho mọi nhận định thần loại, Kark Rahner nói rằng thời gian ngay sau ơn AU đó thì chỉ là lúc mà phân định ý chúa có thể diễn ra trong cách lựa chọn thứ hai của thánh I-nhã, cuộc lựa chọn theo kinh nghiệm AU, sâu khổ và nhận định thần loại (Lt, [176]). “Điều này không chỉ là một điều có thể [đối với cuộc nhận định như vậy] nhưng lại là một khả thể, miễn là chúng ta liên quan đến cách chọn lựa thứ hai” (*Dynamic Element*, p. 161).

Chương 11: Cạm bẫy trong thời gian dư hưởng của an ủi thiêng liêng

“rất thường” xảy ra theo cách này. Ngụ ý của từ “rất thường” là nó không luôn luôn xảy ra cách thức này. Như vậy, chúng ta có thể kết luận rằng đôi khi tự Thánh Thần trực tiếp linh hứng cho chúng ta mà không ban bất cứ dấu hiệu xác thực nào về AUTL thực không có nguyên do trước qua đó chúng ta có thể suy xét Người đang linh hứng những tư tưởng. Vì thế, thực tế những dự định và ý kiến đến trong thời kỳ sốt sáng này ngay sau khi AUTL có thật đã chấm dứt thì không mang lại dấu chứng nào rằng chúng được thúc đẩy bởi Thánh Thần hay bởi thần dữ hoặc nảy sinh từ những khuynh hướng và lối suy tư riêng của chúng ta.

Sâu xa hơn, bằng sự ẩn ý, quy tắc này đòi hỏi chúng ta giả định rằng những dự định và ý kiến đôi khi được ban cho trong AU thực không có nguyên do trước, không chỉ là trước hay sau, và giả thiết rằng khi chúng được đưa tới như vậy, thì về lý, chúng ta có thể chấp nhận ơn AU này như là bằng chứng cho thấy những dự định và ý kiến đó đến từ Thiên Chúa, mà không phải kiểm nghiệm lại như cách chúng ta phải kiểm chứng những gì đến trong thời gian tiếp sau. Mặt khác, điểm nhấn mà thánh I-nhã muốn nhắm tới là trong sự dư hưởng đối nghịch với AU có thật, có thể có những dự định và ý kiến “không được ban trực tiếp từ Thiên Chúa, Chúa chúng ta” và do đó “cần phải duyệt xét lâu dài và cẩn trọng” mục đích và những quan điểm mục đích và những quan điểm? Phải chăng không có một giả thiết rõ ràng về những dự định và ý kiến được ban trực tiếp từ Thiên Chúa là Chúa chúng ta trong kinh nghiệm về AU thực không có nguyên do trước? Nếu không, thì đâu là TLP đặc biệt đối với thời gian tiếp sau?¹⁵¹

¹⁵¹ Kark Rahner không cho phép bất cứ sự thông dự nào từ Thiên Chúa lại dính bén đến những mục đích hay kế hoạch của chúng ta hoặc bất cứ

Thực ra, đây mới đích thị là điểm mấu chốt của toàn bộ quy tắc: những dự định và ý kiến này sinh cả trong AU thật không có nguyên do trước và trong thời gian dư hưởng; AU thật không có nguyên do trước là một dấu hiệu cho thấy những dự định và ý kiến này sinh trong on AU này được ban trực tiếp bởi Thiên Chúa; còn phần dư hưởng chẳng phải là dấu hiệu như vậy bao giờ. Nó bỏ ngỏ những khả thể khác, ngay cả khả năng phát sinh những dự định và ý kiến của chúng ta dưới ảnh hưởng của thần dữ khơi dậy sự dốt nát, vô ý, nhu nhược, và lòng quy kỷ của chúng ta.

Bước thứ tư: Làm thế nào để tránh TLP

Như vậy chúng ta thấy tại sao thánh I-nhã, trong bước thứ tư và cuối cùng của Quy tắc II:8, khuyên chúng ta rằng: “Vì thế, cần xem xét thật cẩn trọng và lâu dài trước khi hoàn toàn tin tưởng vào những điều ấy và đem ra thực hành.” Điều cần làm cho sáng tỏ trong lời phát biểu này là: “xem xét cẩn trọng và lâu dài” để nhờ đó chúng ta xác định xem liệu mình có đồng thuận hoàn toàn hoặc thực hiện những dự định và ý kiến đáng ngờ này hay không. Chúng ta tiến hành việc duyệt xét này như thế nào? Như chúng ta đã thấy, những mục đích phán đoán xuất hiện trong lúc AU dư hưởng thì dư hưởng này chẳng giúp được gì, thậm chí dư hưởng còn tạo cơ hội đưa đến TLP. Vậy, làm sao chúng ta nhận ra liệu điều Thiên Chúa muốn chúng ta đồng thuận và thực hiện những dự định và ý kiến là đáng nghi ngờ? Đây là những tiêu chuẩn đánh giá liệu Thiên Chúa đang khuyên bảo chúng ta hay không? Rõ ràng những gì được bàn về dư hưởng của AU cho ta thấy rằng, trong tình huống chung tương tự, vào bất cứ lúc nào,

thực tại thụ tạo nào trong suốt thời gian AU thực không có nguyên do trước (*Dynamic Element*, pp. 136 – 137).

Chương 11: Cạm bẫy trong thời gian dư hưởng của an ủi thiêng liêng

chúng ta ở bất cứ tình huống cụ thể nào cho sự lựa chọn, chúng ta phân vân không biết Thiên Chúa muốn chúng ta làm gì và như không có bằng chứng thuyết phục để lượng định. Như vậy, câu hỏi của chúng ta hóa ra trở thành câu hỏi tổng quát hơn: Thánh I-nhã muốn chỉ dạy chúng ta điều gì về cách thức mà mỗi cá nhân có thể nhận định ý Thiên Chúa để lựa chọn và hành động trong một tình huống cụ thể? Câu trả lời cho vấn đề này đi quá giới hạn của cuốn sách này.¹⁵²

Tóm Tắt và Những Kết Luận

Chúng ta vừa hoàn tất việc phân tích chi tiết và khá phức tạp về Quy tắc II:8. Giờ đây có thể tóm tắt những khám phá của chúng ta theo cách sẽ truyền đạt rõ ràng hơn và đúng đắn hơn ý nghĩa của quy tắc này cho bất cứ ai chấp nhận việc phân tích này.

1. Vì AUTL không có nguyên do trước chỉ có thể, trên thực tế, (lúc này không có gì nghi ngờ về những gì mà người được AU nghĩ đến) đến trực tiếp từ Thiên Chúa, nó không thể nhập nhằng hoặc lừa dối trong cách mà AUTL có nguyên do trước có thể như vậy. Trực giác ban đầu cho thấy AUCNDT mang những dấu hiệu khởi đi từ Thiên Chúa hoặc thiên thần lành của Người (Quy tắc I:2 và II:1); nhưng nó thiếu bằng chứng xác đáng về nguồn gốc của nó (Quy tắc II:3-4); cho đến khi nó được trải nghiệm (Quy tắc II:5). Trước khi qua cuộc trải nghiệm đó, có khả năng rằng AU được thúc đẩy bởi thần dữ và dẫn đi sai đường vì nguồn gốc của những tư tưởng gây ra nó hoặc khởi đi từ nó. Mặt khác, đối với AUKNDT, trong khi AU này có thật (đối lập với dư hưởng của AU này), thì nó loại trừ mọi

¹⁵² Xem phần trên, pp. Error: Reference source not found-Error: Reference source not found.

nghe ngò về nguồn gốc của nó bởi Thiên Chúa (II:2), và kết quả là AU loại trừ bất cứ ý nghĩ nào cho rằng nó có thể đến từ thần dữ. Vì thế, những tư tưởng và thúc đẩy bắt nguồn từ AU không nguyên do trước cũng thoát khỏi khả năng đến từ thần dữ và khả năng dẫn tới mục đích xấu xa của hần trong khi AU.

2. Nếu đúng thế thì có thật sự chính sự AU này cũng loại trừ bất cứ nghi ngờ nào trong tâm trí của người được AU chẳng? Phải chăng người nhận AU xác tín trong chính kinh nghiệm này rằng AU và những tư tưởng đều đến trực tiếp từ Thiên Chúa đồng thời giải phóng khỏi mọi TLP, hoặc phải chăng cần sự chỉ dẫn đảm bảo nào đó? Thánh I-nhã cũng không khẳng định hay phủ nhận rằng một sự xác tín như vậy được trao ban trong kinh nghiệm đó. Không có bất cứ sự hiểu biết chắc chắn nào về những gì tiếp diễn trong AUKNDT vượt quá việc được lôi kéo hoàn toàn vào trong tình yêu dành cho Thiên Chúa, chúng ta không thể đưa ra bất cứ phỏng đoán xác thực nào.
3. Tuy nhiên, điểm chính yếu của Quy tắc 8 không phải là sự chắc chắn rằng AUKNDT thoát khỏi những TLP đã kể trên, ít nhiều có lý do tại sao nó là như vậy. Những gì được đảm bảo đều dẫn tới điểm chính nhằm cảnh báo rằng, *mặc dù* AUKNDT giải phóng khỏi TLP, tuy nhiên chúng ta vẫn phải lưu ý đề phòng về thời gian ngay tiếp sau khi nó chấm dứt. Vì sau đó là thời điểm mà một TLP có thể hình thành. Sự thật là Thiên Chúa vẫn có thể khởi hứng những tư tưởng đến vào lúc đó. Thiên Chúa không bị giới hạn trong những khởi hứng của Người đối với thời gian của sự AU, ít nhiều đối với thời gian của AUKNDT; còn chúng ta là những kẻ bị giới hạn trong những cách thức của mình về việc xác định khi nào Thiên Chúa đang dẫn đường chỉ lối

Chương 11: Cạm bẫy trong thời gian dư hưởng của an ủi thiêng liêng

cho chúng ta. Tuy nhiên những tư tưởng đến sau đó có thể chỉ là những kết quả từ lý luận riêng của chúng ta và thậm chí còn chịu ảnh hưởng bởi một thần dữ. Nếu chúng ta đồng thuận ngay với chúng và đem ra thực hành, chúng ta có thể đi đến sai lầm và gây tổn hại cho chính mình lẫn người khác.

4. Những phương thế để tránh bị lừa phỉnh, lỗi lầm, và tổn hại là duyệt xét phản tỉnh trong cầu nguyện về kinh nghiệm. Thánh I-nhã không nói về cầu nguyện trong quy tắc này, thế nhưng qua những gì chúng ta đã học hiểu, chắc chắn rằng ngài sẽ nghĩ chúng ta thật khờ khi nhận lời thách đố với thần bóng tối mà không cầu nguyện xin ánh sáng từ Thánh Thần. Cuộc duyệt xét tự nó gồm có hai bước: (1) phản tỉnh cẩn thận trên toàn bộ kinh nghiệm để nhận định khi nào ơn AU chấm dứt và thời kỳ của dư hưởng cảm xúc bắt đầu; (2) nếu những tư tưởng dưới sự suy xét phản tỉnh đến sau khi ơn AU tự nó chấm dứt, sự thuộc của những tư tưởng này vào sự xem xét kéo dài và sự xét đoán cẩn trọng theo những tiêu chuẩn phù hợp đã được nói tới ở các qui tắc khác.¹⁵³
5. Dường như thế này: mặc dù thánh I-nhã không nói rõ ở bất cứ chỗ nào mà tôi biết được, sự hiểu biết của chúng ta về TLP này liên hệ tới AUKNDT có thể phải chú ý tới khả năng của một loại TLP tương đồng liên quan đến AUCNDT. TLP này sẽ khác TLP được lưu ý trong các Quy tắc II:3 và 4 bắt đầu trong thời gian của AU có nguyên do, và thậm chí có thể được hoàn tất trong AU đó. Vì tất cả những gì chúng ta đã lưu ý về cấu trúc của AU cách chung và dư hưởng cảm xúc cho ta thấy chắc chắn rằng kinh

¹⁵³ Lt, [169- 188, 333]; Autograph Directory III, [17- 21] trong tác phẩm *Dir SpExMHSJ*, pp. 74- 77.

những nghiệm AUTL có nguyên do trước cũng có hai thì: thì của AU thật sự bắt nguồn trong đức tin sống động ở đây và bây giờ trong hành động dưới sức mạnh của Thánh Thần; và thì của dư hưởng AU, đó là dư hưởng của thì thứ nhất. Ở đây chúng ta phải canh chừng sự nhầm lẫn phần dư hưởng với AU thực. Chỉ có AU thực mới có thể có giá trị đối với NĐTL và nhận định ý Chúa mà thánh I-nhã gán cho là AUCNDT. Chúng ta cũng có thể bị đánh lừa tại thời điểm này nếu chúng ta không phân biệt được hai thì trong kinh nghiệm của ta.

Thí dụ, tôi suy niệm Kinh Thánh và tôi được tác động AUTL diễn tả qua sự đáp trả đích thực của niềm tin được tái sinh trong tình yêu diệu kỳ của Thiên Chúa dành cho tôi được biểu lộ trong Đức Giê-su Ki-tô. Sau đó tôi trở về với công việc của mình. Lúc bấy giờ, thực sự chẳng nhớ chút nào về Lời Chúa và cũng như chẳng đáp trả lời ấy, nhưng tôi vẫn cảm thấy niềm vui dâng trào. Trong suốt thời gian này, vài ý tưởng có đến với tôi và thúc đẩy tôi hướng tới một khía cạnh của quyết định mà tôi đã đang cân nhắc kỹ càng. Phải chăng sự thật là tư tưởng và sự thúc đẩy này đẩy đã đến đúng lúc cung cấp bằng chứng nào đó - thậm chí chỉ một phần và mang tính thăm dò cho thấy Thánh Thần đã lay động tôi, và Người đang khuyên bảo tôi đi theo một đường lối nào đó của hành động? Chẳng có lý do gì để suy nghĩ như vậy cả. Dư hưởng đơn thuần của AU đó không phải là dấu hiệu cho thấy rằng những tư tưởng và thúc đẩy hoặc những kế hoạch đến trong AU dư hưởng, thậm chí hợp nhất với AU dư hưởng, nảy sinh do tác động của Thánh Thần. Khi tôi cảm thấy bình an, vui mừng đang được bắt nguồn từ một sự đáp trả thật sự của đức tin sống động (không chỉ trùng hợp với thời điểm dư hưởng), khi đó sẽ có lý do vững chắc để nghĩ rằng tư tưởng và thúc đẩy dẫn tới một quyết định đã đến từ Thánh Thần. Tôi hẳn đã có

Chương 11: Cạm bẫy trong thời gian dư hưởng của an ủi thiêng liêng

thể có một vài bằng chứng khả thể mang tính thăm dò. Vì chỉ có sức mạnh của Thánh Thần mới có thể giải thích cho đức tin sống động. Khi những cảm xúc của tôi về sự bình an và niềm vui bắt nguồn từ một kinh nghiệm thực của đức tin sống động, và chúng hoàn toàn gắn với đức tin, thì chúng cũng là những cảm xúc thiêng liêng. Khi mục đích, thúc đẩy, nảy sinh *bên trong* toàn bộ kinh nghiệm này, *dưới ảnh hưởng* của đức tin và những cảm xúc như thế, chỉ khi đó tôi mới có thể nghĩ rằng tôi có bằng chứng nào đó rằng nó đến từ Thánh Thần. Trong thời gian sự dư hưởng của AUTL, khi không có sự đáp trả thực sự của đức tin sống động, tôi không có lý do gì để nghĩ rằng những cảm xúc còn lại không khởi đi từ sự đáp trả đức tin thực sự lại là dấu hiệu của Thánh Thần ảnh hưởng lên tôi lúc này. Phần dư hưởng của ơn AU (có nguyên do cũng như không có nguyên do trước) không có ý nghĩa tích cực đối với việc NĐTTL hay nhận định ý Chúa; nó chỉ có ý nghĩa tiêu cực như một cơ hội cho một TLP.

Một vấn đề và một giải pháp được đề nghị

Bất cứ điều gì độc giả có thể đánh giá về sự mở rộng được gợi ý đối với AUCNDT xuất phát từ TLP mà thánh I-nhã nói đến trong quy tắc II :8 có liên hệ tới AUKNDT, thì sự mở rộng này không giúp ích mà cũng không ngăn trở hay ảnh hưởng gì đến cách hiểu của chúng ta về quy tắc đó. Chúng ta đủ hiểu để nắm chắc điểm nhắm mà thánh I-nhã đang thực hiện và chúng ta biết ngay yêu cầu chúng ta thực thi điều gì nếu chúng ta có và nhận thấy mình có kinh nghiệm thiêng liêng mà ngài đang nói tới. Tuy nhiên, điều ta nắm bắt về AUKNDT như ý của Inhã lại chẳng hoàn thiện nên ta không thể thừa nhận chắc chắn mình có hoặc không có một kinh nghiệm như thế và áp dụng quy tắc đó vào thực hành. Có quá nhiều quan điểm xung đột không đủ những lý lẽ để thuyết phục quan điểm khác. Có

quá nhiều ghi vấn chưa giải quyết, và lời giải đáp thật cần thiết để có thể đánh giá chắc chắn liệu có hay không có vài AUTL riêng biệt từ AUKNDT¹⁵⁴ mà thánh I-nhã muốn nói tới.

Chúng ta không muốn hành động hoặc khuyên nhủ người khác một cách mạo hiểm. Làm thế nào chúng ta có thể đương đầu với một tình huống như vậy trong thực tiễn trong khi những nhà chú giải và những nhà thần học suy lý còn đang tiếp tục nỗ lực để làm sáng tỏ? Ngay cả khi thiếu hiểu biết thích đáng về AUKNDT, thì những gì chúng ta đã rút tía được từ những quy tắc trước đã chỉ cho chúng ta một cách tránh TLP mà Quy tắc II:8 đã cảnh báo chúng ta. (Nếu điều vừa được nói tới về sự nguy hiểm tương tự của TLP trong sự dư hưởng của AUCNDT là sự thật, khi đó một nguyên tắc tổng quát có thể áp dụng cho *tất cả* AUTL là cần và đủ: quy tắc này sẽ đưa ra một lời chỉ dẫn đơn giản hơn, thống nhất hơn cho việc NĐTL mà nó vận hành theo cung cách thánh I-nhã một cách trọn vẹn.)

TLP được cảnh báo trong Quy tắc II:8 chỉ có thể xảy ra khi chủ thể bị đánh lừa rời vào vài tình huống giả định, hai giả định dựa trên thực tế và một về mặt thần học. Những giả định dựa trên thực tế là: thứ nhất, AU được cảm nghiệm đúng vào lúc này là không có nguyên do trước; và thứ hai, những tư tưởng đã nảy sinh trong AU (sự dư hưởng) và như là hoàn toàn đồng hóa với AU. Giả định về mặt thần học, một cách khách quan, cho rằng bất cứ tư tưởng nào đến trong một AUKNDT đều không thể là TLP, vì ơn AU và những ý tưởng trực tiếp đến từ một mình Thiên Chúa mà thôi.

¹⁵⁴ Để bàn sâu hơn, xin xem phần Phụ Lục IV, pp. Error: Reference source not found-Error: Reference source not found.

Chương 11: Cạm bẫy trong thời gian dư hưởng của an ủi thiêng liêng

Chúng ta cứ cho giả định thần học này là chắc chắn không nghi ngờ. Nếu chúng ta đơn giản quyết định không bao giờ thừa nhận những giả định dựa trên thực tế được thực hiện, và thậm chí không màng tới bản chất AUKNDT của thánh I-nhã, chúng ta có thể an toàn thoát khỏi bất cứ TLP loại này như trong Quy tắc II:8. Nếu khi ta phản tỉnh kinh nghiệm thiêng liêng, một cách đơn giản ta có thể kiểm soát mọi AU và tư tưởng dường như đến trong AUTL đích thực (có hoặc không có nguyên do trước) trước những cuộc trắc nghiệm đã được miêu tả trong Quy tắc II:5, chúng ta sẽ an toàn khỏi những TLP như khi chúng ta trang bị một kiến thức hoàn hảo để phân biệt AU có hoặc không có nguyên do trước như những gì thánh I-nhã muốn nói tới. Bởi khi làm như vậy, chúng ta sẽ không đi trệch khỏi những chỉ dẫn riêng của ngài hoặc cũng không gặp nhiều rủi ro hơn. Chúng ta chỉ cần thừa nhận sự bất lực của mình để đi một bước xa hơn và để miễn chuẩn cho mình khỏi cần phải kiểm soát những tư tưởng và những mục đích của chúng ta trong lúc AU được công nhận không có nguyên do trước trước những cuộc trắc nghiệm phải có khi những tư tưởng và những mục đích xuất hiện bên ngoài AU này.

Thêm nữa, với những giới hạn của con người trong thực tế, thì ngay cả khi chúng ta đã biết đầy đủ và xác tín chắc chắn AU không nguyên do trước là gì nói chung - và ngay cả trong vài kinh nghiệm riêng chỉ cho ta thấy AU chỉ là như vậy đó, phải chăng phần lớn chúng ta sẽ không khôn ngoan (nếu không nói là tất cả chúng ta) vào nhiều lúc (nếu không nói là mọi lúc) để chấp thuận và thực thi những dự định và ý kiến mà dường như chúng phát sinh trong suốt on AUKNDT trước khi đưa chúng vào cuộc khảo sát kỹ lưỡng? Thật dễ dàng đánh giá sai kinh nghiệm riêng của chúng ta! Chúng ta có chắc chắn rằng những gì chúng ta nghĩ là AUTL KCNDT là đúng

như vậy chăng? Nếu là như vậy, trong nhiều trường hợp chúng ta có thể chắc rằng những tư tưởng đã phát sinh khi gặp AU thật và không đến khi AU chấm dứt? Nếu đôi khi chúng ta có thể, chúng ta có chắc chắn rằng những gì chúng ta có được lúc này nhờ những tư tưởng đã đến trong lúc AU thật thì chính xác là những tư tưởng đã đến sau đó? Chúng ta có chắc chắn rằng chúng ta không bỏ sót vài đặc tính có trong sự thông tri của Thiên Chúa? Chúng ta có chắc chắn rằng sau này, khi không ý thức về việc làm như vậy, chúng ta không thêm vào hoặc loại bỏ hoặc giải thích sai lạc điều gì đó, và trong khi thực hiện như vậy chúng ta thay đổi nội dung chính của thông điệp?¹⁵⁵

Nếu chúng ta không thể chắc chắn về tất cả những vấn đề này, thì chỉ có một cách để tránh TLP là đưa các tư tưởng vào suy xét kỹ lưỡng. Điều này dường như tạo ra một chút khác biệt hoặc những tư tưởng này đã đến trong AU có hoặc không có nguyên do trước; và như vậy, nó là điều bận tâm không đáng trước mục tiêu tránh TLP cho đến chúng ta biết hoặc không biết chắc những AU này là gì hoặc chúng ta nhận được loại AU nào. Điều cần đủ là: (1) biết rằng AU đó là một *AUTL*, và (2) phải thấy rằng những dự định và ý kiến nảy sinh thì thật sự hòa hợp với on AU đó, và (3) phải chắc rằng chúng không hướng ta tới dấu hiệu nào đó của thần dữ ngang qua một vài kiểu tiến bộ liên tục (Quy tắc II:5). Nếu những điều kiện này thỏa, thì chúng ta có lý do xác đáng để nghĩ rằng AU được gây ra bởi Thánh Thần và rằng chúng ta có ít nhất vài bằng chứng cụ thể (không phải bằng chứng bình thường tự nó thuyết phục được) để đánh giá những dự định và ý kiến đến trong AU cũng phát xuất từ Thánh Thần. Nếu chúng thực sự

¹⁵⁵ *Letters Ign*, pp. 22- 23. xin xem những điều thánh I-nhã nói về các ngôn sứ, *ibid.*, p. 197; đương nhiên là phần song song.

Chương 11: Cạm bẫy trong thời gian dư hưởng của an ủi thiêng liêng

từ Thánh Thần và nếu chúng ta thi hành những gì gọi húng trong lòng ta để ta học, biết chúng, thì chúng ta có thể chắc chắn rằng Người sẽ ban cho chúng ta những dấu hiệu thiết yếu sâu xa hơn để minh chứng cho điều ta đang hướng tới là một phán quyết, mà phán quyết này thật cần để ta sống đời sống đức tin cho vinh quang của Người.

PHẦN V PHỤ LỤC VÀ CÁC VẤN ĐỀ TRÍCH DẪN GIỚI THIỆU VỀ PHỤ LỤC

Trong một quyển sách viết cho đông đảo độc giả hơn là chỉ cho một nhóm các học giả nghiên cứu về (thánh I-nhã, thì thật không khôn ngoan khi nhằm đưa ra sự phân tích đầy những khó khăn phức tạp về lời dạy của thánh I-nhã với những chủ đề khó hơn và dài hơn, chẳng hạn như lời dạy của ngài và các học thuyết thần bí của thánh Gioan Thánh Giá. Cũng vì lý do đó, dường như không hợp lý khi gây cho các độc giả sự bối rối do việc suy xét các những giải thích bất đồng nhau về học thuyết của thánh I-nhã hoặc do việc suy xét những quan điểm thần học trái ngược về Sa-tan. Tuy nhiên, điều đó dường như không chỉ hữu ích mà thậm chí cần thiết để ít nhất ghi chú và bình luận cách ngắn gọn một số cách nhìn khác nhau của tất cả những người cộng tác trong một nghiên cứu chung này để hiểu đúng về kinh nghiệm thiêng liêng và đặc biệt là về học thuyết của thánh I-nhã. Dĩ nhiên, không thể đánh giá đúng hoàn toàn về các quan điểm này trong vài trang giấy được. Trái lại, những điều nói đây ít nhất sẽ giúp cảnh giác những người không nghiên cứu sâu rộng về thánh I-nhã với thực trạng là có nhưng cách giải thích khác nhau, và thậm chí khác xa nhau về thánh I-nhã; và nó cũng giúp để nhấn mạnh những bước phê bình quan trọng mang tính đối lập trong việc trình bày những giải thích của chính tôi.

Phụ lục I: SỰ TỒN TẠI CỦA SA-TAN VÀ ÁC THẦN

Những quan điểm thần học về điều này như một đối tượng của niềm tin Ki-tô giáo.

Rất nhiều Ki-tô hữu trong thời đại của chúng ta cảm thấy không thoả mãn với niềm tin vào các thần được tạo dựng, cả thần lành và thần dữ. Hai lý do để có cảm nhận này thì thật rõ ràng. Thứ nhất niềm tin, vào các thần này tỏ ra có vẻ khờ khạo và ban sơ đối với nhiều người trong thời đại khoa học của chúng ta. Thứ đến, niềm tin vào Sa-tan và ác thần đã có một lịch sử thật đáng sợ của việc chạy theo mê tín và bạo tàn.¹⁵⁶ Nhưng đây hầu như không phải là những lý lẽ vững chắc để bác bỏ niềm tin về các thần như vậy. Chẳng phải là đã có không ít những lý lẽ tương tự được viện dẫn ra để chối từ niềm tin vào Thiên Chúa đấy sao?

Có thể câu hỏi liên quan đến sự tồn tại của các thần được tạo dựng, thần dữ và thần lành thì không là câu hỏi đứng trong trật tự quan trọng nhất trong số những câu hỏi thuộc về thần học. Mặc dù không phải tất cả các nhà thần học sẽ đồng ý với quan điểm này như sẽ thấy sau (tr. 268-270). Trong cả hai trường hợp không cần thiết giải quyết câu hỏi đó với mục đích là để sử dụng các quy tắc NĐTL của thánh I-nhã cách hữu ích, như đã thấy trên (tr. 34-37). Trái lại, nó sẽ rất có giá trị đối với những ai muốn sử dụng những quy tắc này mà lại có được

156

Xin xem, e.g., Henry Ansgar Kelly, *The Devil, Demonology and Witchcraft* (Garden City, N.Y., 1968). Tiếp theo phần tham chiếu *The Devil..*

chút ít những quan điểm về những gì các nhà thần học hiện nay đang nói về niềm tin vào các thần lành và thần dữ. Cho đến gần đây, cách chung các nhà thần học không gặp vấn đề gì về sự tồn tại của các thần này. Tuy nhiên, hiện nay các công bố được trình bày phổ biến trên sách báo, trong các cuộc thảo luận, thậm chí trong các bài thuyết giảng hay thuyết giáo đưa đến hậu quả là nhiều nhà thần học hiện nay nghi ngờ về sự tồn tại của các thiên thần và ma quỷ. Những công bố này, thường được trình bày cách thoáng qua và không có sắc thái cũng như chứng cứ đầy đủ, đang làm xáo trộn nhiều người đang nghiên cứu, làm, hay hướng dẫn Linh Thao của thánh I-nhã hoặc áp dụng các quy tắc của ngài để NĐTL ngoài Linh Thao. Trước khi vào chi tiết các quan điểm thần học, trước hết tôi sẽ trình bày vấn đề đang được tranh cãi một cách chính xác có thể. Sau đó tôi sẽ giới thiệu một loạt các quan điểm của các nhà thần học Công giáo.

Thiếu sự chính xác về trọng tâm của vấn đề đang được bàn cãi thì chắc chắn sẽ dẫn đến sự xáo trộn làm vô hiệu hóa những giải đáp cho vấn đề đó. Vấn đề đặt ra không liên quan đến tính thần bí, sự tương tượng các phương thức diễn đạt các thiên thần được lịch sử kiểm nghiệm, nhân đức hoặc ác tâm, những điều được tìm thấy trong Kinh Thánh. Không nghi ngờ gì, sự giải trừ huyền bí tính thì cần thiết để tìm thấy sự điệp mặt khái. Nhưng sự giải trừ huyền bí đó không thể đùng chạm được tâm điểm của vấn đề, liệu sự tồn tại của các thiên thần lành và thiên thần dữ, loại bỏ những cách diễn tả mang tính huyền thoại, có phải là một phần của sự điệp mặt của Thiên Chúa.

Sự phân biệt này thì rất cần thiết để một số người khởi chấp nhận những những sự giải thích mang tính huyền thoại theo một nghĩa đen và những giải thích khác không loại bỏ các thiên thần với sự vật huyền thoại vì không có một lý do nào tốt hơn cho bằng việc họ nhầm lẫn cả hai. Dĩ nhiên, vấn nạn của ta ít nhiều liên quan đến những sự mê tín dị đoan về các thiên thần, đặc biệt nơi những thiên thần độc ác phát triển từ các thời kỳ Kinh Thánh giữa các Ki-tô hữu và mọi người. Thậm chí những suy đoán lý thú và sâu sắc của các thần học gia nổi tiếng về bản chất và hoạt động của các thiên thần thì không liên quan đến vấn đề đặt ra ở đây.

Ta thừa nhận sự huyền bí tính là cần thiết, sau đó chúng ta thấy rằng điểm chính của vấn đề là sự tồn tại của các thần lành và thần dữ là những hữu thể thuộc ngôi vị, không thuộc về con người, được nói trong Kinh Thánh và trong các tài liệu của Giáo Hội với những tên gọi thiên thần, Sa-tan, ma quỷ, các thần, các hữu thể mà tất cả đều có thể và tác động trên con người để giúp đỡ hay đánh mất ơn cứu độ. Sự ảnh hưởng đến đời sống con người và ơn cứu độ mà chúng tôi đề cập không

phải là ảnh hưởng của những ảo tưởng, hay của sự chiếm đoạt của quỷ dữ, hoặc nỗi ám ảnh hoặc những sự kiện thần kỳ hay bất cứ những loại nào như vậy. Trên nguyên tắc, đó là ảnh hưởng của chúng trên những chuyển động nội tâm trong tâm trí và trong lòng người, theo những cách thầm kín và ngang qua các sự kiện của lịch sử con người, trong một bình diện lớn hơn nơi các điều tốt và xấu được mô tả rộng rãi theo những cách sáng láng hay ghê tởm. Thậm chí những công bố và giải thích trước đây về vấn đề này thì chưa chính xác đủ. Vấn đề không chỉ đơn giản dừng ở chỗ liệu các hữu thể thiên thần có tồn tại và ảnh hưởng trên đời sống con người hay không, nhưng là các tín hữu có nên tin vào sự tồn tại và ảnh hưởng của các thiên thần như là một chân lý mặc khải không? Có phải Kinh Thánh, những công bố của Công Đồng hoặc những giáo huấn thông thường của Giáo Hội xác minh quan niệm cho rằng tin vào các thần lành và thần dữ là một vấn đề của niềm tin Ki-tô giáo không?

Mặc dù vấn đề nhất thiết phải bao gồm cả các thiên thần lành, vì như đã trình bày về họ trong thời đại của chúng ta, người ta nhấn mạnh cách đặc biệt đến thiên thần dữ, Sa-tan và ác thần. Trước đây và hiện nay có những quan tâm về sự dữ. Trong những thập kỷ gần đây đã xuất hiện một số bài viết nghiêm túc về các đề tài này. Hầu hết các bài viết đều thừa nhận thực tại của thần dữ và bàn luận về bản chất cũng như tác động của chúng trên đời sống con người. Như vậy, điều ấy chỉ đúng rất ít hoặc không đúng chạm gì đến đúng vấn đề mà ta quan tâm. Như đã đề cập ở trên, ta nghe hay đọc rất nhiều lời bàn luận hời hợt (thường từ những người tự tin xóa bỏ niềm tin vào các thần và coi đó là chuyện của trẻ con, không hợp thời). Nhưng bất kỳ bài viết nào có nền tảng chắc chắn và mang tính thần học có chiều sâu bàn trực tiếp đến vấn đề nóng bỏng đang còn tranh cãi, thì không hề lẫn lộn với những

vấn đề khác có liên quan, những nhận biết và đánh giá đúng mức bằng chứng thần học có giá trị; những bài viết loại này thì không nhiều.

Trong số những người từng viết về vấn nạn này với một cách thức đáng được ta quan tâm, kính trọng, chúng ta thấy một chuỗi những luận điểm được đưa ra. Sự tồn tại của các thiên thần lành và dữ được coi là: một cách hiển nhiên đó là vấn đề của niềm tin; không đi xa hơn vấn nạn được đặt ra, nhưng hoàn toàn phù hợp, vì thế bất kỳ ai khước từ sự tồn tại đó thì sẽ bị hướng dẫn sai và bị lầm lạc, không chắc chắn, đáng nghi ngờ; không chắc chắn và không khả thi. Quan điểm nào phổ biến hơn trong số các nhà thần học và các nhà bình luận, thì cách này hay cách khác đây là vấn đề dường như không có bằng chứng chắc chắn. Một lần nữa, những điều quả quyết đây tự tin về hai mặt của vấn đề có thể được đọc ra, nhưng tôi không nhận ra được bất kỳ bằng chứng xác thực nào cho phần lớn quan điểm.

Điều có ý nghĩa là dường như không có tác giả nào đây danh giá, đầu cho cả các nhà bình luận Kinh Thánh và các thần học gia, sau khi xem xét nghiêm túc các bằng chứng thần học, lại sẵn sàng khẳng định rằng sự tồn tại các thiên thần thì hiển nhiên không là vấn đề của niềm tin, và rõ ràng không được mặc khải. Ít nhất là tôi thấy không có một kết luận nào như vậy và không có ai mà tôi tham khảo về thần học và Kinh Thánh đọc nhiều hơn tôi.

Các thần học gia cao siêu nhất dường như có thể tiếp tục việc phân tích căn bản các bằng chứng thần học phải nói rằng sự tồn tại của các thụ tạo thiên thần thì không phải chắc chắn là một chân lý được mặc khải để phải tin bằng đức tin. Điều đó rất khác với việc nói rằng sự tồn tại của chúng thì chắc chắn

không phải là một chân lý được mặc khải, hoặc nói cách khác, chắc chắn không phải là đối tượng của niềm tin Ki-tô giáo.

Sự mô tả tóm tắt về những quan điểm trái ngược sẽ phục vụ để minh họa chuỗi ý kiến được đề cập ở trên.

Mặc dù những người khác đã giải quyết những vấn nạn khác về thần lành và thần dữ một cách đầy đủ hơn, theo tôi biết, không ai đã giải quyết cách đầy đủ và cẩn thận với vấn đề cốt lõi về sự tồn tại của chúng hơn Karl Rahner. Chúng ta hãy xem viễn cảnh mà ông đã cho rằng chúng ta có thể giải quyết được vấn đề này và sau đó ta xem xét kết luận và lý lẽ của ông đối với vấn đề đó.

Vào thời đại khi chúng ta sẵn sàng giả định rằng có những hữu thể thông minh hơn con người trong vũ trụ, thì Karl Rahner cho rằng thật rất vô lý khi chối bỏ các thiên thần, với điều kiện là các thiên thần phải được thanh lọc khỏi mọi sự thêm thắt mang tính thần thoại và được xem như “lãnh thần và quyền thần” của vũ trụ, thuộc về cùng một thế giới của chúng ta bởi nguyên lý hiện hữu của họ. Trong cách nghĩ này, xét về nguyên tắc, đó là những chủ thể mà nhận thức của con người không thể hiểu được, không thể dùng khoa học để tiếp cận. Vì thế khi nói về các thiên thần, mặc khải đang giải thích một thực tại của vũ hoàn trong mối liên hệ với Thiên Chúa và việc cứu độ của Ngài nơi con người và tất cả những khẳng định của mặc khải về họ thì thuộc về nhân loại học và Ki-tô học của thần học.¹⁵⁷ Quan điểm này chi phối toàn bộ cách giải quyết của Rahner về các thiên thần và các ác thần: mặc dù là vô hình, nếu các thiên thần tồn tại thì ắt các ngài hoàn toàn

157

Karl Rahner, “Angels,” *Sacramentum mundi* (New York, 1968) I, pp. 28-29.

gắn kết với thế giới hữu hình của chúng ta; những ảnh hưởng siêu đẳng trên lịch sử loài người thì được cho biết cách tinh tế nơi tâm trí con người. Ông nghĩ, trong viễn cảnh này, những phát hiện tương đối có tính tôn giáo về lịch sử của các thiên thần trong tư tưởng con người, sự phát triển, những thay đổi, những cách diễn đạt thần bí và sự ảnh hưởng của chúng có thể trở nên hiểu được.¹⁵⁸

Với Rahner, bằng chứng có tính quyết định của giáo huấn Giáo Hội, điều cho phép ta coi bằng chứng Kinh Thánh như là chính Giáo Hội đã làm, được tìm thấy trong chương 1 của lời tuyên xưng đức tin duy nhất được Công đồng Lateranô IV đưa ra năm 1215. Những người khác, như chúng ta sẽ thấy, đọc điều công bố của Công đồng Lateranô IV theo cách khác với cách của Rahner và nó trở thành điểm then chốt cho cuộc tranh cãi. Vì thế sẽ rất tốt để trích những lời của Công đồng Lateranô IV.

“Chúng ta tin mạnh mẽ và tuyên tín một cách chắc chắn mà không có do dự, rằng chỉ có một Thiên Chúa thật, vĩnh hằng, toàn năng và khôn tả siết. Ba ngôi vị nhưng chỉ một bản thể, cả ba là một và chỉ một nguyên tắc trong mọi sự. Đấng tạo dựng mọi loài hữu hình và vô hình, thiên thần và thể xác bằng chính sức mạnh toàn năng của Ngài, từ khởi đầu đã dựng nên mọi sinh vật từ hư không, thế giới thiêng liêng hay thiên thần và thế giới xác phàm hay hữu hình. Sau cùng người tạo dựng con người có cả hai hữu thể gồm cả hồn và xác. Với các ma quỷ và các ác thần, được tạo dựng bởi Thiên Chúa tốt lành theo bản tính của họ là tốt lành. Nhưng họ đã làm chính mình thành tội lỗi bằng việc làm của mình, và với con người tội được thúc đẩy bởi sự dữ.¹⁵⁹

¹⁵⁸ Ibid

Từ tài liệu này, Rahner kết luận: “ Sự tồn tại của các thiên thần thì không thể chối cãi”. Ông thêm: “Kết quả là điều ấy được xác nhận cách chắc chắn rằng sự tồn tại của các thiên thần và các ác thần được khẳng định trong Kinh Thánh và không chỉ đơn thuần được chấp nhận như là một giả thiết mà ngày nay ta có thể bỏ qua”. Ông nói tiếp: “Sự khẳng định này chỉ nói về sự tồn tại của các thiên thần và các ác thần mà không bao gồm “vật hữu hình mang tính tượng trưng, được lịch sử kiểm chứng và thuộc về huyền thoại”; nhưng điều này có thể xuất hiện trong Kinh Thánh.¹⁶⁰ Đặc biệt về Sa-tan Rahner nói rằng, nó không được xem như là sự hiện thân huyền thoại của thần dữ trong thế giới; Sự tồn tại của ác thần thì không thể chối bỏ.¹⁶¹

Trong khi Công Đồng giải quyết vấn đề với phái Nhị nguyên, những người tin vào ma quỷ như là vị tạo dựng của thực tại thể lý, những người khác giải thích điều mà Công Đồng nói như là một sự thừa nhận hơn là một công bố dứt khoát về sự tồn tại của các thiên thần tốt và quỷ dữ. Vì thế Adolf Darlap nói rằng: Công đồng công bố dứt khoát chống lại phái Nhị nguyên, và khẳng định rằng mọi sự ngoại trừ Thiên Chúa đều được tạo dựng bởi Thiên Chúa. Tuy nhiên Công đồng cũng thừa nhận và ngụ ý rằng sự tồn tại của phẩm trật thiên thần thuộc về tạo vật, “và rằng điều này được bảo

¹⁵⁹ Denzinger – Schunmetzer, 800; Denzinger – Banwart, 428; bản dịch Tiếng Anh từ *The Church Teaches: Documents of the Church in English Translation*, by J. F. Clarkson, S.J. et al. (St. Louis: B. Herder, 1955), p. 146.

¹⁶⁰ K. Rahner, *Sacramentem Mundi*, I, p. 73

¹⁶¹ “Devil,” *Sacramentum, Mundi*, II, p. 73.

đảm bời quyền giáo huấn và truyền thống thông thường của Giáo Hội.”¹⁶²

Đọc công bố chung của công đồng Lateranô IV như một sự thừa nhận hoặc giả định nhưng không có ý định để công bố chính thức và để xác nhận sự tồn tại của các thần được tạo dựng, Phêrô Schoonenberg được hướng dẫn để nêu ra câu hỏi về hiệu tính của điều khẳng định rõ ràng rằng sự tồn tại của các thần như vậy phải là một đối tượng của niềm tin. Bởi vì, không giống như Darlap, Phêrô Schoonenberg không chắc rằng liệu giáo huấn thông thường của Giáo Hội, ví dụ như trong thư của Đức Giáo Hoàng Piô XII “*Humani Generis*”, hoặc bất cứ bằng chứng nào từ Kinh Thánh hoặc phụng vụ hoặc truyền thống có đặt nền tảng cho vấn đề đó không. Schoonenberg cẩn thận không đưa câu hỏi đi xa hơn. Ông không chối bỏ sự tồn tại của các thiên thần lành và dữ, hay cũng không từ chối sự tồn tại của họ là một tín điều Ki-tô giáo. Ông chỉ đưa ra những vấn nạn mà các thần học gia nên tự hỏi chính mình: liệu họ có thể tuyên bố mà không có định mức thần học rằng sự tồn tại của các thiên thần và quỷ dữ là một tín điều, liệu sự tồn tại của họ có nhất thiết là được giả định bởi bất kỳ chân lý mặc khải rõ ràng nào không hay chỉ đơn thuần là một phần của một thế giới quan đã được lịch sử kiểm chứng, trong đó những sự thật này được bày tỏ. Như Rahner đã làm là, sau khi xem xét nghiêm túc khả năng tồn tại của các thiên thần và quỷ dữ, ông khẳng định rằng: các thiên thần và quỷ dữ tồn tại, thì người ta phải có nó như là sự thuộc về một thụ tạo và như thế có một “liên hệ nhân quả” với thế giới hữu hình và đang tiến hóa của chúng ta. Ông nói: họ có thể nhận

¹⁶² Adolf Darlap, *ibid*, p.71.

biết sự sung mãn của mình bằng bằng cách duy nhất là thông hiệp cách này cách khác với thế giới hữu hình.¹⁶³

Với những cảm nhận mạnh mẽ về vấn đề được đặt ra và sự quan tâm lớn về những tổn hại mà ông thấy được hậu quả từ việc tin vào các ma quỷ và sự dữ trong mọi thời, Henry Ansgar Kelly¹⁶⁴ đưa ra một giải đáp có dứt khoát về vấn nạn của Shoonenberg đặt ra cho các nhà thần học. Ông nói, các nhà thần học không đưa ra hoặc kêu gọi một sự phê chuẩn chưa được xác định về niềm tin đối với sự tồn tại của các thần dữ. Ông cũng sẵn sàng đồng ý rằng sự tồn tại của chúng thì không khả thể. Quan điểm này được tuyên bố trong trang đầu của một quyển sách ông viết. Nhưng cho đến 10 trang cuối ông mới đưa ra những lý lẽ của mình cho quan điểm của ông. Hầu như toàn cuốn sách đưa ra một báo cáo có tính chỉ trích về qui học trong Cựu ước và Tân Ước và trong lịch sử từ trường tây Phương tiếp theo đó. Bên cạnh báo cáo lịch sử này, Kelly giải trừ huyền thoại tính của niềm tin vào bản chất, nguồn gốc và hoạt động của quỷ dữ. Ông cũng nhấn mạnh kết quả tai hại của những niềm tin đó trong đời sống con người. Dĩ nhiên, tất cả những điều này cách gián tiếp có liên quan đến câu trả lời của ông cho vấn nạn Shoonenberg đặt ra và cách trực tiếp hình thành kết luận thực tiễn của ông.

Khi đưa ra vấn nạn, liệu ngày nay chúng ta có nên tin vào sự tồn tại của những thụ tạo hiểm ác này không, thì ông đã lấy lời khẳng định ngắn gọn của Shoonenberg về các lý do phải đặt ra vấn đề cho niềm tin vào chúng làm cơ sở của mình. Ông phát triển những nguyên do đó và qua chúng ông tìm cách để làm suy yếu hàng loạt sự ủng hộ thường được vận dụng cho

¹⁶³ Peter Schoonenberg, *God's World in the Making* (Pittsburgh, 1964), pp. 8- 10.

¹⁶⁴ Xem trong chú thích thứ nhất của phần phụ lục I.

niềm tin vào Sa-tan và quỷ dữ. Cuối cùng ông vươn đến một quan điểm khẳng định chắc chắn rằng chúng ta không có những cơ sở nền tảng cho sự xác quyết mang tính thần học về sự tồn tại của chúng.¹⁶⁵

Tuy nhiên, với những người khác, vấn đề quan trọng nhất dường như là làm sao để giải thích tuyên bố của công đồng Lateranô IV. Trong phân giải thích của mình, Kelly tiếp theo Shoonenberg, dẫn giải tuyên bố đó cẩn thận hơn Shoonenberg và sắp xếp giải thích của mình cách rõ ràng trực tiếp trái ngược với phần giải thích của Karl Rahner và Herbert Vorgrimler.¹⁶⁶

Khi rút ra những kết luận của mình để kết thúc dòng tư tưởng này, Kelly thực hiện cùng lúc (1) những kết luận dựa trên các chương đầu là chương giải quyết các vấn nạn khác và (2) kết luận được đưa ra từ sự tranh luận của ông ở chương cuối này. Tất cả các kết luận của ông được nói ở đây nhắm đến sự cần thiết phải giải trừ huyền thoại tính nơi các câu chuyện Kinh Thánh và nơi sự hiện hữu của các thiên thần. Và cũng

¹⁶⁵ H. A. Kelly, *The Devil*, pp. 122- 131

¹⁶⁶ Ibid., pp. 128-129. Kelly đang dùng những công trình đầu tiên của Karl Rahner và Herbert Vorgrimber, *Theological Dictionary* (New York, 1965), pp. 126- 127. Phải thừa nhận rằng vấn đề này chưa được rõ ràng. Rahner đã đưa ra cho chúng ta những câu văn rõ ràng và đầy đủ hơn về quan điểm của ông trong những bài về “Angels” và “Devil” trong tác phẩm sau vào năm 1968, *Sacramentum mundi* (New York, 1968 – 1970), I, 27-28 và II, 73- 75; và tôi đã dùng phần này. Nếu như tác phẩm sau này đã có khi Kelly xuất bản cuốn sách của ông vào năm 1965, thì có một vài điểm ông không chắc chắn là quan điểm của Rahner. Tôi thiết nghĩ, ông sẽ không hiểu lầm về điểm này (có lẽ được biện minh trong những hoàn cảnh khác) trừ phi Rahner đã thay đổi quan của mình trong công trình nghiên cứu sau của mình. Sự trái ngược giữa quan điểm của Kelly và Rahner hẳn là có thể sắc nét hơn.

vậy, tất cả các kết luận của ông nhằm đến giải quyết vấn đề mê tín và sự quỉ ám có thể được chấp nhận hoàn toàn nơi những người đưa ra câu trả lời chắc chắn đối với câu hỏi liệu sự tồn tại của quỉ dữ (và của thiên thần lành) có phải là thuộc niềm tin Ki-tô giáo hay chẳng. Kết luận duy nhất của Kelly rút ra từ luân lý của ông về câu hỏi đó là: “mặc dù có thể các thần dữ tồn tại, nhưng hiện tại điều đó dường như không thể.”¹⁶⁷ Có lẽ có một kết luận trung thực hơn từ những biện luận mà ông đã đưa ra đó là không có một câu trả lời chắc chắn cho vấn nạn đó. Ngay khi chấp nhận giá trị pháp lý của những giải thích của ông về Công Đồng Lateranô IV và giá trị pháp lý của những biện luận khác của ông, thì tất cả như không nằm ngoài việc nhằm cho thấy rằng, những biện luận đến từ phía khác nhau đều không thuyết phục, chứ không phải nhằm khẳng định rằng có một cái nhiên tính thuộc về phía tiêu cực. Trong mọi trường hợp, Kelly đưa ra kết luận thực tiễn của ông một cách chắc chắn: vì đối với ông, sự tồn tại của thần dữ dường như không diễn ra trong hiện tại; Và vì niềm tin vào các thần dữ thì dường như không cần thiết để đối đầu với những vấn đề của đời sống con người, những mối lợi do niềm tin đó mang lại có thể có được bằng những cách khác; Hơn nữa, vì trong quá khứ những tội ác lớn đã bắt nguồn từ niềm tin này, cho nên với tất cả các lý do đó, Kelly kết luận rằng: “dường như tốt nhất là hãy hành động như thể các ác thần dữ không tồn tại, khi đó, sự tồn tại của chúng trở nên sự áp đặt đối với chúng ta”.¹⁶⁸ Những lý luận của ông ngụ ý rằng thậm chí lúc đó, theo trình tự cụ thể thì tốt nhất là bỏ qua việc xét đến các thần dữ, trừ khi được cho biết là một mối lợi mà không thể đạt được bằng cách nào khác ngoài cách vạch mặt chỉ tên chúng.

¹⁶⁷ H. A. Kelly, *The Devil*, p. 131.

¹⁶⁸ *Ibid*, và xem pp.117-118

Kết luận có tính thực tiễn mà tôi đã đưa ra ở đây có thể được chấp nhận nơi một con người có niềm tin vững chắc vào các hữu thể thiên thần, những cá vị ảnh hưởng trên thế giới con người. Chúng ta hãy tìm hiểu một người có lý luận khác với Kelly, khi đưa ra những lời khuyên rất thực tiễn tương tự vậy.

Lussier, một học giả Kinh Thánh, trong một bài báo tương đối gần đây¹⁶⁹ đã đưa ra một đáp án cho vấn nạn của chúng ta dựa trên Kinh Thánh và giáo huấn thông thường của Giáo Hội. Mặc dù ông tuyên bố rằng, giáo huấn của Giáo Hội hỗ trợ cho kết luận của ông nhưng ông lại không có minh chứng và phát triển điều khẳng định của mình. Ông không nói gì về Công Đồng Lateranô IV. Dẫn chứng Kinh Thánh đã được khai triển rất dài.

Toàn bài báo nhắm đến việc trả lời chính xác câu hỏi hiện đang bàn luận. Sau một phần mưu tả khá đầy đủ về dữ liệu Kinh Thánh và lời bình về nó như thể nó cũng ảnh hưởng đến câu hỏi về sự tồn tại của Sa-tan, Lussier đưa ra một số tự biện và thực tiễn đã được cân đối kỹ lưỡng. Niềm tin vào Sa-tan và ác thần xuất hiện như một hệ thống quan trọng thứ hai trong lịch sử mặc khải và cứu độ. Hơn nữa, những điều được nói trong Kinh Thánh về Sa-tan và ác thần phải được gột bỏ xem xét huyền thoại tính nếu như chúng ta muốn hiểu được nội dung thực sự nghèo nàn của thông điệp thực mà không sợ bị rơi vào mê tín hay làm sai lệch, “thực tế không có gì xa hơn sự thật trần trụi về sự tồn tại của các thần dữ”. Bởi vì vấn đề quá màu nhiệm, niềm tin vào sự tồn tại của thần dữ thì không vượt quá khả năng của sự nghi ngờ thực tế”. Tuy nhiên, quan điểm thần học khả thể nhất là các thần dữ đó thực sự tồn tại, và bất kỳ ai hiểu chắc chắn rằng Sa-tan không tồn tại thì sẽ bị sai lệch hoặc hiểu lệch lạc những giáo huấn thông thường của

¹⁶⁹ Ernest Lussier, S.S.S., “Satan,” *Catholic Mind* (9-1974), pp. 13-25.

Giáo Hội. Về mặt thực tế, Lussier dường như ngụ ý rằng, vấn nạn đặt ra có tầm ít quan trọng. Ông nói, sự dữ thì không bị chế ngự bằng việc nhận biết được sự tồn tại của Sa-tan nhưng bằng quyết định với tự do của ta, trong tình huống cụ thể, để ủng hộ sự tốt lành và chống lại mọi loại sự dữ trong thế giới chúng ta.¹⁷⁰

Những người khác nghĩ rằng tin vào sự tồn tại của Sa-tan như một ngôi vị thì cần thiết cho việc hiểu Tin Mừng và đời sống Ki-tô giáo trong thế giới ngày nay. Trong một quyển sách được rất nhiều nhà thần học xem như một nghiên cứu thần học tốt nhất về những phép lạ đã được viết¹⁷¹, Louis Monden đặt câu hỏi về các phép lạ giả của quỷ thần.¹⁷² Trước tiên để giải thích vấn đề đó, ông phải đối diện với câu hỏi về sự tồn tại của Sa-tan. Để trình bày một cách chi tiết câu trả lời của ông cho câu hỏi này thì không cần thiết ở đây. Tự câu trả lời của ông và lập luận cơ bản của nó thì đã đủ, và chúng được diễn tả trong đoạn văn sau:

Thật ra tư tưởng hiện nay thiên về mục đích để hiểu mọi điều được đề cập về quỷ thần theo ý nghĩa ẩn dụ, và để nhìn ác thần như một hiện thân của quyền lực sự dữ. Sự hiện hữu này thuộc về bất cứ cái gì biểu trưng cho sự dữ, được tìm thấy trong tài liệu Cựu Ước và Tân Ước, dường như trở nên một phần của lớp vỏ huyền thoại mà qua đó hết thảy sứ điệp của Chúa đến với ta. Đối với vấn đề này cũng như các vấn đề khác, thần học hiện sinh ngày nay tìm kiếm để rút ra cốt tủy của giáo thuyết Ki-tô giáo từ mọi chuyện huyền thoại, để giải

¹⁷⁰ Ibid., p 25

¹⁷¹ Louis Monden, *Signs and Wonders* (New York, 1966). Về việc khán giả rất tán thưởng cuốn sách này, Xin xem Lời Ngỏ của Avery Dulles, p. vi

¹⁷² Ibid., pp.139-168

phóng những giáo thuyết đó khỏi những dạng thức khái niệm lỗi thời và trình bày nó theo một diễn đạt tôn giáo chân chính hơn.

Tuy nhiên nếu ai đọc Kinh Thánh với một não trạng cởi mở, không bị trói buộc bởi những ý niệm có trước, thì rất dễ để thấy rằng người đó không thể loại bỏ ác thần như một ngôi vị thực thể mà không thay đổi sứ điệp Ki-tô giáo trong bản chất của nó. Trong mức độ các tác giả Tin Mừng đã quan tâm, thậm chí xa hơn điều đó, trong chính tư tưởng của Chúa Ki-tô, trước hết, ma quỷ không là vật mà là ngôi vị. Cuộc đấu tranh chống lại “ngôi vị ma quỷ” đó là một đặc điểm cá vị lý thú, và chính xác là mà vì lý do này mà cuộc chiến nhân danh Nước Chúa, giống như cuộc chiến ghi dấu tất cả đời sống thường ngày của mỗi người chúng ta, mang một dáng vẻ của một sự nghiêm túc, một sự giằng co mãnh liệt và tất yếu, đó là điều chắc chắn có trong đời sống Ki-tô hữu đích thực. Một truyền thống được người Ki-tô hữu nhận từ thế kỷ trước về việc thương xuyên gột bỏ màu sắc huyền thoại của Sa-tan, vì thế nó đảm trách bản chất của sự chạy trốn khỏi những ràng buộc nghiêm ngặt quá mức của hoàn cảnh Ki-tô giáo.¹⁷³

Trong bài viết ngắn gọn này tôi không có kỳ vọng trình bày một tổng thể về những quan điểm thần học hiện nay liên quan đến vấn đề của niềm tin Ki-tô giáo vào sự tồn tại của mọi loài quỷ dữ. Ít nhiều tôi có ý cố gắng đưa ra mọi giải phóng cho vấn đề đó. Tôi chỉ cố gắng để làm sáng tỏ vấn đề và trình bày những quan điểm ngang tầm ảnh hưởng tiêu biểu của các nhà thần học đương thời. Tuy nhiên, những gì tôi tìm thấy được đối với tôi dường như là để chứng thực được một vài kết luận, những điều mà có thể đưa ra những lời khuyên hợp lý,

¹⁷³ Ibid., p. 140.

nếu không muốn nói là đã được kiểm chứng, cho những người sử dụng những quy tắc NĐTL của thánh I-nhã.

Trước tiên, việc dẫn ra những gì mà Tân Ước, khi đặt đối diện với giá trị (sau khi đã loại bỏ lớp vỏ mang tính thần thoại), nói về Sa-tan và qui thần; đưa ra những công bố của Công Đồng Lateranô IV; đưa ra truyền thống giữa các nhà thần học, các thánh và các tín hữu một cách chung cho đến những thời điểm gần đây nhất – với tất cả những điều được đưa ra này, thì bốn phận chứng minh thuộc về những ai chối bỏ hoặc thắc mắc về niềm tin truyền thống vào sự hiện diện của Sa-tan và các thần dữ khác. Cái vấn đề niềm tin nào (cả hai quan điểm đều là niềm tin) là đúng thì không phải là điểm nhắm của tôi trong lúc này. Điểm nhắm của tôi là những con người chối bỏ hoặc thắc mắc về một niềm tin truyền thống mang bốn phận chứng minh và đến đây, thì không có lý lẽ nào được đưa ra và được hiểu một cách chung là thể ủng hộ cho bốn phận đó¹⁷⁴.

¹⁷⁴ Paul M. Quay, S. J., “Các Thiên Thần và Ma Quỷ: Giáo huấn của công đồng Lateran IV,” trong *Theological Studies*, XIII, số 1 (tháng 3-1981) là bài viết đưa ra điểm chính xác về Phụ Lục này và về điểm rất quan trọng về điều này. Thật không may, bài viết này chỉ xuất hiện ngay sau khi cuốn sách này đã được đọc duyệt và vì thế chúng ta chỉ có thể đưa ra một tham chiếu ngắn gọn này. Tác giả đã nghiên cứu kỹ lưỡng các tuyên ngôn của công đồng dưới ánh sáng của bối cảnh lịch sử. Dựa trên nghiên cứu này, ông đã đưa ra những phân tích có tính phê bình, đó là những lập luận những nhà thần học cho rằng công đồng Lateran IV đã không có ý xác quyết sự tồn tại của các thiên thần và ma qui như là một vấn đề của đức tin Công giáo.

Ông kết luận rằng: “những nghi ngờ hay phủ nhận sự tồn tại của các thiên thần và qui dữ là một vấn đề thuộc niềm tin Công giáo thì có thể cho thấy rằng những nghi ngờ đó không có nền tảng vững chắc (p. 45).

Thứ hai, những lý do được đưa ra để khẳng định rằng chính chúng ta không nên quan tâm đến các thần dữ, thậm chí nếu chúng ta tin một cách chắc chắn về sự hiện diện của chúng, thì dường như những lý do đó cũng không chứng thực được một lời khẳng định vô dụng như vậy được. Không hề nghi chút nào, tuyên bố có một tâm điểm chính xác, một điểm quan trọng: đó là phớt lờ đi các thần dữ, thậm chí nếu chúng tồn tại, thì chắc chắn tốt hơn là luôn quan tâm một cách quá đáng về chúng, với lòng luôn đầy những nỗi sợ không nền tảng và mê tín xấu, điều mà sẽ dẫn đến sự loạn trí hay tội ác thuộc về cảm xúc trên bình diện cá nhân hay xã hội. Vì thế đối với một vài người, rất khôn ngoan chỉ cần đơn giản đặt các thần dữ ra khỏi tâm trí của mình. Nhưng cần cảnh tỉnh rằng, trong đời sống Ki-tô hữu thường ngày, nếu chúng ta phớt lờ sự hiện diện và ảnh hưởng của thần dữ có thể đem đến những nguy hiểm và tác hại. Đưa ra một niềm tin về sự hiện hữu của Sa-tan và các thần xấu, cách thức tốt nhất để giải quyết niềm tin này là phải duy trì niềm tin ấy ở một nơi phù hợp với nó, thuộc về niềm tin nhân quan của niềm tin Ki-tô giáo, thuộc về sự phát triển tâm lý và thiêng liêng của mỗi cá nhân, nằm trong những nhu cầu và khả năng hiện tại của mỗi người. Trong viễn tượng của niềm tin Ki-tô giáo thì tất cả mọi sự đều được xem xét trong một mối tương quan với tình yêu vô hạn của Thiên Chúa dành cho mỗi con người, sự khôn ngoan, sức mạnh và sự quan phòng của Ngài dành cho mọi đời sống nhân loại. Trong viễn tượng đó, chúng ta thấy sự cần thiết để bảo vệ chống lại mọi quyền lực bóng tối, nhưng chúng ta cũng nhận ra được giới hạn của những quyền lực này, để ta sống tràn đầy bình an mà không có sự sợ hãi nào, luôn tự tin để vượt qua sự dữ nhờ sức mạnh tình yêu của thần khí Thiên Chúa hoạt động trong chúng ta.

Theo quan điểm này Ki-tô giáo, một thái độ đúng đắn của quan điểm thần học về phía qui dữ có thể có một ảnh hưởng tích cực, thúc đẩy chúng ta cách nghiêm túc hơn, quảng đại hơn, và can đảm hơn để đi vào trong sự đấu tranh chống lại sự dữ và đồng thời cũng cho chúng ta cách thức để giải quyết những cám dỗ và SKTL một cách khôn ngoan và tinh tế. Tuy nhiên, khi xét đến sự phát triển đầy giới hạn và không lành mạnh của một cá nhân, thì trong nhiều trường hợp có lẽ cần phải lưu ý đến các thần dữ hoặc thậm chí cũng có thể phớt lờ chúng. Tất cả những người nào bị loạn thần kinh hay là chưa tin một cách trọn vẹn vào tình yêu của Thiên Chúa – một tình yêu được dành cho họ một cách cá vị, và chưa tin vào sự che chở uy quyền của Thiên Chúa trên cuộc đời họ, thì có lẽ sẽ không thể xử lý một cách hiệu quả với niềm tin vào Sa-tan và ác qui được.

Kết luận thứ ba là dường như không có bất kỳ nền tảng nào đối với một tuyên bố rộng rãi thường được nghe trong thời đại ngày nay đó là kinh thánh ngày nay rằng và những nhà thần học đương thời về tín lý hay Kinh Thánh một cách chung hoặc hầu như nghi ngờ hay chối bỏ sự hiện diện của các thần tốt và dữ đã được tạo dựng. Thực vậy, có một lý lẽ nào đó để thắc mắc liệu xem có nhà thần học công giáo rất nổi tiếng nào đã từng chối bỏ hay thực sự chối bỏ, ít nhất là trong bản viết, sự tồn tại của các thần đó như là một đối tượng của niềm tin Ki-tô hữu. Để chắc chắn, một vài nhà thần học cũng đặt câu hỏi về niềm tin, nhưng niềm tin như vậy thực sự không chỉ được thần học cho phép mà còn được quý trọng nữa.

Cuối cùng, từ những kết luận đã nói trên đây, điều tiếp theo cần đề cập là những ai sử dụng các quy tắc NĐTL của thánh I-nhã, trong suốt kỳ Linh Thao hay ngoài Linh Thao, sẽ

không có lý do để cảm thấy bối rối nếu họ tiến tới dựa trên nền tảng của niềm tin vào sự hiện hữu của các thần dữ và lành được tạo dựng. Họ đang hành động dựa trên nền tảng của những gì có cơ sở thần học vững chắc hơn nhiều so với những người chối bỏ hoặc nghi ngờ những điều họ tin. Dĩ nhiên, họ chỉ nên cẩn thận khi xét đến năng lực cá nhân để hành xử với niềm tin này, như chúng tôi đã lưu ý ở trên khi chúng tôi diễn giải kết luận thứ hai.

Phụ lục II:
SO SÁNH VÀ ĐỐI CHIẾU:
“SÀU KHỔ THIÊN LIÊNG”
CỦA THÁNH I-NHÃ LOYOLA VÀ
“ĐÊM TỐI” CỦA THÁNH GIOAN THÁNH GIÁ

Có một kinh nghiệm SK ở người Ki-tô hữu đang trưởng thành thánh I-nhã không nói đến trong các quy tắc của ngài, thế nhưng kinh nghiệm đó nên được ghi lại để chúng ta không sử dụng sai các quy tắc đó, vì con SK này khác căn bản đối với con SK thánh I-nhã đã miêu tả –khác từ trong gốc gác, trong nội dung lẫn trong những kết quả. Đó là một kinh nghiệm thiêng liêng, theo nghĩa đầy đủ hơn chứ không hẳn là con SK theo thánh I-nhã đã miêu tả; và kinh nghiệm đó chẳng bao giờ phụ thuộc vào tác nhân của thần dữ. Kinh nghiệm này xuất hiện ngay trong giai đoạn tiến triển hơn nữa của tiến bộ thiêng liêng, đồng thời đây không phải là một kinh nghiệm bình thường như con SKTL đã được miêu tả trong các quy tắc của thánh I-nhã. Để nhận định loại SK này và xuất xứ của nó từ một loại SK bình thường hơn, và để cho chỉ dẫn phải xử sự như thế nào khi nhận ra được nó, việc nhận định này bao gồm công việc chính yếu của việc linh hướng. Chẳng có ai, hoặc thậm chí là rất ít, trong số những người chúng ta gọi là người trưởng thành thiêng liêng có thể trải nghiệm được con SK của đêm tối linh hồn với các đau khổ cùng cực trong đó. Nhưng dường như đủ, đặc biệt trong những loại ít xúc cảm hơn của nó, để nói rõ rằng chẳng có vị linh hướng nào được chuẩn bị đầy đủ cho công việc của mình, người không thể nhận thấy rõ loại SK này để cho một chỉ dẫn hợp lý, hoặc là gọi người cần linh hướng cho người có thể làm việc hướng dẫn đó. Thánh

Gioan Thánh Giá đã có một vài lời nghiêm khắc đối với những người, do bởi sự dốt nát tự phụ của mình cản trở công việc của Thiên Chúa và gây ra sự đau khổ không đáng có bởi những chỉ dẫn sai trái của họ cho người đang phải gánh chịu SK như vậy.¹⁷⁵

175

The Living Flame of Love, stanza 3, nn. 29-62 (trang sách này nói gọn là *Living Flame*).

Lối miêu tả cổ điển về con SKTL loại thứ hai này được thánh Gioan Thánh Giá ghi dưới đề mục “đêm tối”, hay chính xác hơn, đêm tối thụ động, đêm tối thanh luyện, trong những giai đoạn thanh luyện đau khổ của SKTL. Vì rất cần thiết để phân biệt những đêm tối chủ động với đêm tối thụ động; và trong mỗi đêm tối này còn phải phân biệt đêm tối giác quan với đêm tối tinh thần; và hơn nữa, trong mỗi loại đêm tối thụ động còn phân biệt thời gian đau khổ, thanh luyện với thời gian sung sướng và bình an của nó.¹⁷⁶ Toàn bộ đêm tối liên quan đến việc hãm dẹp tất cả những năng lực của con người để bắt những năng lực cảm giác lệ thuộc năng lực tinh thần (những đêm tối giác quan), và sau đó dùng đức tin để hướng tinh thần vào Thiên Chúa (những đêm tối tinh thần).

Trong những đêm tối giác quan chủ động, và đêm tối tinh thần chủ động, con người cộng tác chủ động với Thiên Chúa trong việc đạt đến mục đích kép này. Thánh Gioan Thánh Giá đưa ra ba lý do để gọi thời gian, chủ động nỗ lực hướng đến việc hiệp nhất với Thiên Chúa là một “đêm”.¹⁷⁷ Lý do thứ nhất, sự bỏ mình đi khỏi nhiều thứ mình khao khát, là điểm khởi hành đến việc kết hiệp. Bị tước đoạt theo nghĩa nào đó là ở trong bóng tối và sự trống rỗng. Lý do thứ hai, cách để đạt

¹⁷⁶ Đêm tối chủ động được bàn tới một cách chính thức trong cuốn *Ascent of Mt Carmel* (nói gọn là *Ascent*): trong Quyển Thứ I, đêm tối chủ động của giác quan; trong Quyển II - III, đêm chủ động của tinh thần. Đêm tối thụ động được xem xét một cách chính thức trong cuốn *The Dark Night* (nói gọn là *Dark Night*): trong Quyển I, đêm tối giác quan thụ động; trong Quyển II, đêm tối tinh thần thụ động.

¹⁷⁷ *Ascent*, I, 2,1 Những lý do này dành cho đêm tối giác quan chủ động, nhưng chúng cũng và thậm chí hơn nữa dành cho đêm tối tinh thần chủ động – cũng như cho đêm tối thụ động. Những lý do khác sẽ được đưa ra sau.

được sự hiệp nhất đó là đức tin; và đối với trí tuệ của con người đức tin là một loại đêm tối¹⁷⁸, lý do thứ ba là thuật ngữ nỗ lực, Thiên Chúa, đối với ta trong cuộc sống này cũng như một đêm tối, một luồng sáng vượt quá khả năng nhận biết của chúng ta, và vì thế là một đêm tối đối với chúng ta.¹⁷⁹ Sự thanh luyện chủ động đối với việc kết hiệp với Thiên Chúa có thể gây đau khổ cho bất kỳ ai trong mức độ mà chủ nghĩa vị kỷ và sự đam mê khoái lạc nhục dục chống lại kỷ luật, nhưng chính sự thanh luyện chủ động đó không dẫn đến loại đau khổ để tạo nên SKTL. Kinh nghiệm đấu tranh và đau khổ trong thanh luyện chủ động có thể tràn đầy ơn AU TL, phấn khởi thiêng liêng, niềm vui thiêng liêng trong việc chiến thắng chủ nghĩa vị kỷ đó như ân sủng của Thiên Chúa cho tình yêu của Ngài, cho vinh danh của Ngài. Những chỉ dẫn mà thánh Gioan đưa ra đối với đêm tối chủ động này làm phát sinh một sự tương đồng nổi bật đối với những thúc đẩy mạnh mẽ trong tư tưởng trong *Linh thao* của thánh I-nhã; và những SK và AU xảy ra trong suốt đêm tối chủ động cũng tương đồng với những gì thánh I-nhã đã miêu tả.¹⁸⁰

¹⁷⁸ Cụ thể đức tin được xem như một đêm tối đối với linh hồn, xem *Ascent*, II, 2-3.

¹⁷⁹ Khi việc thanh luyện con người trong đêm tối, và kinh nghiệm ý thức về Thiên Chúa được gia tăng sau đó, thì ánh sáng Thiên Chúa trở nên ngày càng rõ ràng hơn theo một nghĩa nào đó; nhưng khi xảy ra như vậy, thụ nhân thấy rõ hơn và nhận ra sâu hơn sự bất khả tri vô biên về Thiên Chúa, và vì vậy lúc này người đi vào đêm tối tinh thần- một đêm tối tràn ngập ánh sáng, một cách vui mừng và hoan hỷ.

¹⁸⁰ Lưu ý sự tương đồng giữa điều thánh Gioan nói trong *Ascent* I, 13, và toàn bộ những thúc đẩy trong *Linh Thao* của thánh I-nhã: (Nguyên Lý và Nền Tảng, chiêm niệm về Chúa Giê-su, cuộc tâm sự trong Hai Cờ Hiệu, Ba Bậc Khiêm Nhường). Cả hai vị đều nhắm đến một cuộc thanh luyện đức tin, cậy, và mến để chuẩn bị ánh sáng phú bẩm nơi Thiên Chúa trong đêm chiêm niệm thụ động, nếu khi và trong mức độ Thiên Chúa

Trong những đêm tối giác quan thụ động và đêm tối tinh thần thụ động, sự thanh luyện và tập trung đầy đặn hơn nữa của toàn bộ khả năng con người vào Thiên Chúa bị chiếm đoạt bởi hành động của duy mình Thiên Chúa mà thôi. Nguồn gốc của hai đêm tối thụ động này giống nhau: *ánh sáng thần linh phú bẩm* (infused devine light) đối đầu những yếu đuối và tội lỗi tạo vật nơi con người. Chính sự chiếm ngự này tạo nên sự thanh luyện đó. Những nỗ lực cộng tác của con người cần thiết trong đêm tối chủ động lại cản trở công việc của Thiên Chúa trong đêm tối thụ động.

Sau cùng, hai đêm tối thụ động này là một sự thanh luyện, là một đêm dù đêm tối giác quan có trước đêm tối tinh thần, “việc thanh luyện giác quan thực sự bắt đầu với” và chỉ được trọn vẹn trong việc thanh luyện tinh thần vì “tất cả những bất toàn và vô trật tự của phần cảm giác được bén rễ trong tinh thần, đồng thời từ đó cảm giác nhận được sức mạnh từ tinh thần.”¹⁸¹ Chính trong đêm tối thụ động mà chúng ta tìm thấy một con SKTL khác với con SKTL thánh I-nhã đã đề cập trong các quy tắc NĐTL (hoặc bất cứ con SK nào thánh Gioan thấy trong đêm tối chủ động).

ban cho nhưng không, đáng lưu ý là thánh Gioan cũng như thánh I-nhã đều mong chờ sự dư hưởng AU thiêng liêng trong đêm tối chủ động nếu ta quảng đại (*Ascent* I,13, 7): nhưng cả thánh Gioan và thánh I-nhã đều cho phép sâu khổ thiêng liêng này sinh từ khía cạnh tội lỗi, phân loạn, của cái tôi và của sự xúi dục của thần dữ.

¹⁸¹ *Dark Night* II, 3, 1, trong *The Collected Works*, bản dịch của Kavanaugh, p. 333, cho thấy thánh Gioan đi xa như thế nào về cách hiểu vấn đề theo thuyết tân Platon, khả giác như là nguồn gốc của sự xấu, ngài thấy rõ rằng cội rễ của sự dữ luân lý nằm ở sự dữ của tinh thần của con người, trong kiểu ngạo, ích kỉ, chứ không phải trong phần cảm giác của bản chất con người.

Đối với mục đích của chúng ta, không nhất thiết cứ phải tiếp tục phân biệt hai đêm tối thụ động hoặc đi sâu vào chi tiết của chúng. Ta chỉ cần đưa ra một sự so sánh và đối chiếu ngắn gọn về con SK xảy đến trong đêm tối thụ động với con SKTL trong các quy tắc NĐTL của thánh I-nhã. Điều này có thể được thực hiện bằng cách đề cập đến năm nhân tố chúng ta đã thấy là nguồn phát sinh hay tạo thành SKTL như thánh I-nhã nói về SKTL, và sau đó chú ý vào năm nhân tố tương đương trong đêm tối thụ động, đặc biệt là đêm tối tinh thần.

Như đã nói¹⁸², con SK được thánh I-nhã miêu tả là một kinh nghiệm thiêng liêng cũng như một kinh nghiệm phản thiêng liêng, nghĩa là, nó có những yếu tố thiêng liêng và phản thiêng liêng xung khắc. Chính sự xung khắc này giải thích cách nói chính xác về con SK, những cảm xúc SK. Bởi vì kinh nghiệm đó thiêng liêng, nhân tố *đầu tiên* là hoạt động của Chúa Thánh Thần, chứng thực cho một nhân tố *thứ hai*, đức tin sống động với khao khát và nỗ lực chủ động theo sau giải phóng khỏi tội lỗi và để đi từ điều tốt đến điều tốt hơn trong việc ngợi khen và phụng sự Thiên Chúa. Con SKTL chỉ có thể được trải nghiệm trong chủ thể với một cách hành xử thực tế như thế. Nếu không SKTL thì cũng chẳng có đau khổ nào vượt qua những cảm nghiệm của những tư tưởng và cảm xúc (những chuyển động) phản thiêng liêng; không có đau khổ nào vượt lên trên sự mất mát đức tin, cậy, mến; không có đau khổ nào vượt trên cảm giác chia cách khỏi Thiên Chúa. Mặt khác, những tư tưởng và cảm xúc phản thiêng liêng xuất phát từ tội lỗi của con người, từ chiều kích phản thiêng liêng của nhân cách con người, tạo nên một nhân tố *thứ ba*. Nhân tố *thứ tư* là thần dữ, kẻ hành động trong chiều kích phản thiêng liêng

¹⁸² Xem chương 6, đặc biệt phần trong trang Error: Reference source not found- Error: Reference source not found.

của chủ thể để khơi lên con cảm dỗ, SK và cuối cùng là sự chán nản. Đối với lối suy nghĩ của thánh I-nhã, thần dữ thường đóng vai chủ động trong SKTL; nhưng thánh I-nhã cũng nhận thấy như bất kỳ ai khác rằng tội lỗi của con người và thế gian tội lỗi nơi con người sống trong đó tạo nên cơ sở để giải thích những kinh nghiệm thực sự của con cảm dỗ và con SK. Điều này không phản lại cách suy nghĩ của ngài, trong chừng mực chúng ta đã cho phép hành vi của thần dữ như một điều bình thường, trong nhiều bối cảnh để “thần dữ” thay thế cho những tính tình quý quyết trong chính cá nhân chúng ta và trong ảnh hưởng xấu của thế giới này. Cuối cùng, như là một kết quả của sự giằng co và bất đồng của (1) nhân tố thứ nhất và thứ hai với (2) nhân tố thứ ba và thứ bốn, đó là những gì chúng ta đã gọi là SK theo cách nói chính xác, những cảm xúc SK trong sự nhạy bén xúc cảm; những cảm xúc u ám, cảm xúc bối rối, cảm xúc đau đớn trong tình trạng căng thẳng, SK, đau khổ, cay đắng, trống rỗng, nặng nề và sự xa rời Thiên Chúa. Đó là nhân tố *thứ năm*.

Nếu chú ý những nhân tố tương đồng trong đêm tối thụ động trong mức độ đó là đêm thanh luyện, chúng ta cố gắng lưu ý đến bản văn của Thánh Gioan, thì chúng ta cần cho phép có sự trùng khớp trong việc giải thích các nhân tố: đó là cách thánh Gioan đã bàn luận về những nhân tố tương đồng đó và đó cũng là cách chúng ta mong đợi vào những nhân tố tương đồng đó, khi chúng ám chỉ cho nhau.

Nhân tố *đầu tiên* trong đêm tối thụ động là một sự phú bẩm ánh sáng thần linh, ánh sáng này có trước và độc lập với bất kỳ sự hợp tác tự do nào của thụ nhân, nó chiếu rọi và thanh luyện người nhận để kết hợp sâu hơn với Thiên Chúa qua đức tin, cậy, mến. Đó là một sự “đổ tràn của Thiên Chúa”, là một “sự chiêm niệm phú bẩm”, là một “sự khôn ngoan

huyền bí” đã hướng dẫn cho linh hồn trong tình yêu trọn hảo mà không cần linh hồn làm bất kỳ điều gì hoặc hiểu điều ấy diễn ra như thế nào.¹⁸³ Nếu xem ra lạ lẫm để gọi sự soi sáng thần linh này là một đêm thì thánh Gioan trả lời rằng nó được gọi là bóng tối và một đêm, thứ nhất, bởi vì sự khôn ngoan thần linh vượt quá khả năng của linh hồn con người, thứ hai, bởi vì nó là “sự đau buồn và nỗi thống khổ” đối với linh hồn.¹⁸⁴ Sự đau buồn và nỗi thống khổ này ít nhất cũng có nhiều điểm giống nhau rõ ràng đối với con SKTL thánh I-nhã nói đến trong các quy tắc của ngài, đồng thời thánh Gioan nói đến trong đêm tối chủ động. Tuy nhiên, hai con SK này khác nhau cơ bản. Khi hoặc cho tới khi được thanh luyện bởi ánh sáng phú bẩm này, người nhận có thể nghiệm được ánh sáng này như niềm sung sướng không nói nên lời. Một ánh sáng trở nên đau khổ và khó chịu hay vui mừng và thích thú, đều tùy thuộc vào điều kiện của người tiếp nhận nó¹⁸⁵. Tại sao và làm thế nào mà sự soi sáng thần linh này - theo như thánh Gioan nói tư bản chất thì “nhẹ nhàng” - lại gây SK và đau đớn cho chủ thể, thì thánh Gioan có giải thích chi tiết, như chúng ta sẽ thấy trong việc so sánh và đối chiếu này.

Chúng ta hãy nhìn vào những điều tương đương với nhân tố *thứ hai* trong con SKTL của thánh I-nhã, những hiệu quả của ơn soi sáng thần linh nơi người tiếp nhận. Vượt trên đức tin, cậy, mến thông thường được giả định trong đêm tối thụ động, đức tin, cậy, mến của người được dẫn qua đêm tối giác quan chủ động và từ đêm tối tinh thần chủ động đi đến một sự hiểu biết sâu hơn về mầu nhiệm của Đức Ki-tô, sự tinh tuyền của tình yêu và khát vọng cùng với sự vâng phục Chúa Thánh

¹⁸³ *Dark Night*, II, 5, 1.

¹⁸⁴ *Idid.*, II, 5, 2.

¹⁸⁵ *Ibid.*, II, 13, 10; xem thêm 12, 5.

Thần; và chính Thần Khí chiếm ngự con người đến nỗi nỗ lực chủ động cộng tác sau đó trở nên vô nghĩa hoặc thậm chí trở thành cản trở đối với những gì chỉ một mình Thiên Chúa mới có thể thực hiện nơi những ai sẵn sàng để Ngài hoạt động. Nếu chúng ta bỏ qua những cách thế đa chiều kích ở đó sự soi sáng và thanh luyện được hoàn tất, thì chúng ta cũng nên lưu ý đến những hiệu quả chính yếu của sự soi sáng và thanh luyện này. Những điều này tương đương với nhân tố thứ hai trong SKTL mà thánh I-nhã đã miêu tả.

Ngay từ đầu đã có sự gia tăng của những điều mà thánh Gioan gọi là “sự kính mến” (esteeming love) Thiên Chúa hay “yêu trong sự kính trọng” (love of esteem), cũng như ngài phân biệt giữa “tình yêu cháy bỏng” (burning love) hay “sự say đắm của tình yêu” (the passion of love). Yêu trong sự kính trọng là một tình yêu, dù không có những cảm giác say đắm, tình yêu đó vẫn luôn đặt Thiên Chúa trên mọi sự và phát sinh từ ước muốn mãnh liệt, một tình yêu quá cao cả đến nỗi người yêu sẵn sàng chịu mọi đau khổ và chịu chết nhiều lần vì người mình yêu, nếu chỉ trong cách này họ mới có thể làm đẹp lòng Thiên Chúa.¹⁸⁶ Sau đó, cộng thêm vào sự kính mến là sự say đắm cháy bỏng tình yêu thiên phú – một sự say đắm thiêng liêng, mà ít nhiều giống như một niềm say mê cảm giác nhưng lại khác niềm say mê cảm giác, cũng như tinh thần thì khác những gì thuộc về thân xác hay cảm giác.¹⁸⁷ Khi cảm nghiệm được sự đụng chạm của ngọn lửa thiêng liêng này, con người không còn khao khát yêu mến bất cứ thứ gì, không còn tìm thỏa mãn trong bất cứ điều gì khác ngoài Thiên Chúa. Họ sẽ yêu Thiên Chúa hết trí khôn, hết lòng, hết linh hồn và hết sức lực. Kỳ lạ thay, có một cảm giác về sự hiện diện của người yêu

¹⁸⁶ Ibid., II, 13, 5.

¹⁸⁷ Ibid., II, 11, 1; 13, 4.

và cảm giác của việc được thêm sức mạnh, nhưng tất cả đều ở trong bóng tối và lo lắng, không có thỏa mãn, một sự hiện diện khơi nên đau khổ do mong chờ.¹⁸⁸ Sự say đắm cháy bỏng này đến rồi đi; nó sẽ không thể tồn tại lâu được trong những giai đoạn ban đầu của việc thanh luyện trong đêm tối tinh thần, trước khi đạt được sức mạnh và sự thanh luyện do sự tuôn tràn của chiêm niệm thần bí. Thực tế, trong những giai đoạn triển đầu tiên này, “chính lửa thần linh được dùng để hong khô và chuẩn bị” cho linh hồn đón nhận ngọn lửa, cũng như củi ướt muốn đốt cháy cần phải hong khô.¹⁸⁹

Hiệu quả tất yếu cuối cùng được cảm nghiệm là sự soi sáng của trí hiểu. Khi điều đó xảy ra – và nó chỉ xảy ra sau “nhiều thử thách và sau phần lớn quá trình thanh luyện” - sự hiệp nhất của trí hiểu và ý muốn khi nghiệm ra Thiên Chúa đây tràn là một kinh nghiệm rất phong phú và rất vui thích, một khởi đầu của sự hiệp nhất vì đó mà linh hồn hy vọng, từ đó mà tất cả sự thanh luyện gian khổ đều hướng đến. Trong thời gian này, lửa thần linh bùng cháy trong ý muốn hết như một “ngọn lửa sống động”.¹⁹⁰

¹⁸⁸ Ibid., II, 11.

¹⁸⁹ Ibid., II, 10, 1-9; 12, 5.

¹⁹⁰ Ibid., II, 12, 5-6. Độc giả có lẽ xa lạ đối với việc lửa mến thiên phú đã được kinh nghiệm trước khi tri thức thiên phú được nghiệm trong trí năng. Xin nhớ lại điều thánh Gioan thánh giá khi ngài mô tả lòng mến huyền nhiệm rằng có một ý thức mờ tối hiện hữu nơi “con người.” Nhưng ngài nói rõ rằng (*Dark Night*, II, 12, 7) Thiên Chúa có thể phú bẩm tình yêu mà không cần biết để đặt nền cho nó và cũng không cần biết hệ quả của tình yêu. Lý do tại sao tình yêu phú bẩm (kính trọng và đam mê) đi trước và thường hằng hơn tri thức phú bẩm mà ngài giải thích trong *Dark Night*, II, 13, 3. Một sự tương đồng thú vị có thể tìm thấy trong tác phẩm của George T. Montague, S.M., *Riding the Wind* (Ann Arbor, 1974), pp. 57- 62.

Nhân tố *thứ ba* trong SKTL mà thánh I-nhã miêu tả là những thúc đẩy phản thiêng liêng, thì mạnh mẽ và dai dẳng hơn mức bình thường, những thúc đẩy phản thiêng liêng này là nguyên nhân chủ quan dẫn đến những cảm giác SK trong người yêu mến Chúa. Những cảm giác này bao gồm cả các cơn cám dỗ dữ dội chống lại đức tin, cậy, mến, những khuynh hướng thô thiển “về những điều tầm thường và trần tục”, đồng thời nó gây khó khăn và nhạt nhẽo trong cầu nguyện, với một cảm giác bị tách rời khỏi Thiên Chúa và sự chán nản về trưởng thành thiêng liêng theo sau.¹⁹¹

Một cách rõ ràng có một vài điểm tương đồng trong những cảm xúc và những tư tưởng được trải nghiệm trong cơn SK này với những cảm xúc, và tư tưởng được trải nghiệm trong đêm tối thụ động, ví dụ: Một cảm giác thiếu lòng tin tưởng, niềm trông cậy, và tình yêu mến; buồn chán; bối rối; những tư tưởng đau đớn khi bị tách khỏi Thiên Chúa; những cảm xúc của chán nản. Nhưng có rất nhiều điểm bất đồng, đặc biệt liên quan đến nguồn gốc của SK. Về việc tại sao người này gặp SK khác người kia. Lời giải thích nền tảng cho thấy sự trái nghịch nơi mỗi người, nên cần đến những lời khuyên trái nghịch nhau để giải quyết tình huống của họ. Chúng ta cần xem xét một số khác biệt

Trong đêm tối thụ động, nguyên do một người không thể sử dụng tự do và sự tưởng tượng trong cầu nguyện không phải vì những rối loạn phản thần linh, nhưng vì ánh sáng thiêng liêng phú bẩm. Ánh sáng này lôi kéo nghị lực tâm linh của một người ra khỏi nguyên do và sự tưởng tượng để đi vào chiều sâu của tinh thần, nói trong sự mờ tối về đức tin, anh kinh nghiệm về Thiên Chúa vượt xa tất cả sự tưởng tượng và ý nghĩ. Người này chưa thể lĩnh hội những gì đang xảy ra

¹⁹¹ Quy tắc I: 4.xem chương 6 phần trên.

trong chính mình và vì thế anh chỉ ý thức không thể cầu nguyện như anh đã cầu nguyện vào một thời điểm ban đầu và kinh nghiệm được sự ngọt ngào của Thiên Chúa như ở cách thức cầu nguyện cũ. Tất cả dường như tối tăm và vắng bóng Thiên Chúa đối với người nhận ánh sáng thần linh. Tuy nhiên sự thực là chính ánh sáng của ngập tràn và sự thân mật quá mức đẩy con người vào sự tối tăm và tách biệt bề ngoài.¹⁹² Do đó, bất cứ những nỗ lực chủ động nào như thánh I-nhã giới thiệu ở quy tắc I: 6 có thể vô ích hoặc thậm chí có hại cho một người ở trong cơn SK của đêm thụ động; có thể chúng sẽ cản trở những gì Thiên Chúa đang thực hiện và là nguyên nhân của sự đau đớn và giằng co thêm cho người đó. Chỉ dẫn của thánh Gioan cho người trong cơn SK này hoàn toàn trái ngược với quy tắc I: 6 và, như ngài ghi chú, chỉ dẫn đó cũng trái ngược hoàn toàn với lời khuyên của riêng ngài cho người gặp SK trong đêm tối thụ động. Ngài khuyên họ đừng làm gì cả, giữ thinh lặng và đợi chờ trong sự tối tăm của đức tin thanh khiết, phó dâng chính mình cho Thiên Chúa trong khi ngài hoàn tất những gì ngài muốn.¹⁹³

Điều khiến những người trong đêm tối thụ động không bình an để làm theo lời khuyên này là vì đức tin, cậy, mến của họ dường như suy giảm có khi mất hẳn. Lý do tại sao họ thấy chính họ như vậy không phải vì rối loạn và bối rối từ những động cơ phản thiên liêng bao gồm những cuộc tấn công trực tiếp vào đức tin, cậy, mến như trong dạng thức trước đó của SK. Lý do là vì các hành động của các nhân đức này đang trở nên thanh thoát và sâu xa hơn, tập trung vào Thiên Chúa một cách trọn vẹn hơn ở chính nơi Ngài, vượt qua tất cả những hình ảnh, những biểu tượng, những khái niệm, và những lý

¹⁹² *Dark Night II*, 5, 3; xem thêm I, 9, 4.

¹⁹³ *Ibid.*, I, 9, 6-7; 10.

luận. Do vậy, những hành động này thoát khỏi sự chú ý thông thường. Những gì giải thích cho những hành động này đang trở nên tinh ròng hơn, sâu xa hơn và thiêng liêng hơn là ánh sáng thần linh phú bẩm. Dù nó xuất hiện đến người tiếp nhận ánh sáng như thế nào thì đức tin sống động không thực sự bị tấn công như trong con SK thánh I-nhã mô tả. Hơn thế, đức tin này an toàn hơn bao giờ hết.¹⁹⁴

Thay vì những khuynh hướng quá mạnh mẽ và bền bỉ đến những điều trần tục gây rối loạn cho những người trong đêm tối thụ động và gây ra sự SK, những khuynh hướng như thế bị loại trừ bởi quyền năng của ánh sáng thần linh phú bẩm. Trong khi những người này không thể tìm thấy sự mãn nguyện ở nơi Thiên Chúa, thì họ cũng không thể tìm được sự mãn nguyện hay nghiệm thấy sự quyến luyến đối với bất cứ điều gì khác ngoài Thiên Chúa. Hoặc họ mãn nguyện nơi Thiên Chúa, hoặc họ không có gì. Đây là một trong những dấu hiệu chính để thánh Gioan phân biệt về đêm tối thụ động với bất kỳ con SK nào khác, thiêng liêng hay không thiêng liêng.¹⁹⁵ Tuy nhiên, trong đêm tối thụ động này có một sự SK dựa trên khuynh hướng đối với tội do thói quen, thậm chí do bẩm sinh. Sự tội này trước đây bị che giấu hay do sự soi sáng thần linh phú bẩm được tiếp nhận mãnh liệt, thấu suốt rõ ràng và với nhạy bén đến điều xấu và sự kinh khủng của bất cứ điều gì đối nghịch với Thiên Chúa, Đáng mà những người như thế giờ đây được đụng chạm đến tình yêu khắc khoải và khao khát. Cho đến khi sự thanh luyện và thêm sức mạnh bởi ánh sáng thần linh phú bẩm hoàn tất, thì sự xấu được tỏ lộ nhờ ánh sáng thần linh sẽ làm cho người nhận được ánh sáng cảm thấy không trong sạch, khổ sở, không thể yêu nổi, xấu xa và

¹⁹⁴ Ibid., II, 16.

¹⁹⁵ Ibid., I, 9, 1-2.

gớm ghét Thiên Chúa cũng như con người, họ chống lại Thiên Chúa và Thiên Chúa chống lại họ. Họ nghĩ và họ cảm thấy như vậy mặc dù họ yêu Chúa một cách vô hạn – đó chính là lý do họ cảm thấy khốn khổ khi không thể yêu trong con mắt của Ngài và không được Ngài yêu, vì họ nhìn nhận sai về chính mình.¹⁹⁶

Cộng thêm vào việc sự nhận ra tình trạng tội lỗi là sự yếu đuối tinh thần con người, tinh thần đó không thể gánh chịu sức mạnh của sự thật thần linh. Đây là nguồn gốc của sự đau đớn và SK lớn như là tình trạng tội lỗi. Thậm chí không phải là sự tội đi nữa, thì một khi còn mang bản chất con người, chúng ta không được làm cho lớn mạnh về mặt siêu nhiên để đảm đương mối tương giao như thế với Thiên Chúa, con người thấy kinh nghiệm đó là một sự đau đớn không thể chịu đựng được và là nguồn gốc của SẼU KHỔ. Vì thế, cho đến khi những người trong đêm tối được củng cố, trong một cách thức được thánh thiêng hóa, trong tinh thần bởi ánh sáng của sự chiêm niệm mà tự bản chất nó nhẹ nhàng và dễ chịu,¹⁹⁷ thì ánh sáng được chạm quá nặng nề trên sự yếu đuối trong con người của họ đến nỗi họ cảm thấy bị đè nặng, bị đè nén bởi nó như trong lượng của một ngọn núi.¹⁹⁸ Chất liệu thiêng liêng của họ “được giải thoát và được tan biến đi” bởi sức mạnh của ánh sáng đến nỗi họ cảm thấy bị mụn lồi, được tháo còi, bị cắn rứt và bị giày vò trong sự tối tăm, sự chết, sự trống rỗng, bị tiêu diệt.¹⁹⁹ Thực tế, một điều gì đó như vậy đang xảy ra ở trong những năng lực có ý thức khi tính cách hoạt động tự nhiên của năng lực ý thức bị loại bỏ để năng lực đó có thể

¹⁹⁶ Ibid., II, 5, 5; 7, 7.

¹⁹⁷ Ibid., II, 9,10.

¹⁹⁸ Ibid., II,5,6-7.

¹⁹⁹ Ibid., II,6.

hoàn toàn quy phục sự thúc đẩy của Thánh Thần ngay cả ở những thúc đẩy đầu tiên của chúng.²⁰⁰

Khi phải chịu đựng tất cả những đau khổ này mà không nhận ra nguồn gốc của chúng, ta dường như không thể giải thích được cho những người chịu đau khổ trừ phi chính họ đã tức giận Thiên Chúa và ngài đã bỏ rơi họ. Cảm thấy bị khước từ bởi một người mà toàn bộ năng lực yêu thương của họ và sự khao khát được thắt chặt với người này, đây là điểm cốt lõi và đau khổ tột cùng của suốt đêm tối.²⁰¹ Nếu họ có thể thực sự quả quyết rằng Thiên Chúa yêu họ, mà mọi sự khốn khổ họ chịu đựng sẽ làm cho vinh danh Thiên Chúa và sự kết hợp của họ với ngài, thì họ có thể chịu đựng đau đớn và vui mừng bởi vì Thiên Chúa vui lòng khi làm điều này. Nỗi đau có thể tồn tại nhưng không phải là SKTL; thực tế, thậm chí họ có nhận được qua ơn AUTL lớn lao trong chính đau khổ của họ.²⁰² Không có giáo lý hay lời chỉ dẫn thiêng liêng nào có thể cho họ bất cứ cảm giác được bảo đảm nào về việc làm vui lòng Thiên Chúa hay được Thiên Chúa yêu.²⁰³ Với sự phán đoán dựa trên lý trí của họ, họ có thể tán thành những kết luận logic từ sự mạc khải mà họ tin tưởng, nhưng họ không thể cảm thấy tin chắc hay kiểm soát những phán đoán đến từ những cảm xúc của sự khước từ.

Điều tệ hại nhất của những đau khổ này không tồn tại lâu. Không ai có thể chịu đựng được chúng nếu chúng không ngừng và tồn tại lâu. Có nhiều khoảnh khắc lặng hơn và thậm chí là những ngắt quãng, khi sự tối tăm được cất khỏi và sự

²⁰⁰ Ibid., II,9.

²⁰¹ *Dark Night*, II, 2, 6.

²⁰² Ibid., II,13,5.

²⁰³ Ibid., II,7,3.

tuôn chảy từ Thiên Chúa được kinh qua như là sự soi sáng, niềm vui, chứ không phải sự đau đớn và SK. Nhưng những điều này qua đi và sự tối tăm lại đến.²⁰⁴ Sự khô khan trong cầu nguyện, một sự thiếu thỏa lòng trong Thiên Chúa và sự không thể tìm thỏa mãn ở bất cứ nơi đâu ngoài Thiên Chúa, cảm giác của sự tối tăm và SK, tất cả những điều này khác nhau ở cường độ nhưng ở vài cấp độ thì thường hằng và bền vững, Thánh Gioan nói, đối với những lần lâu hơn và ngắn hơn, thường thường là một vấn đề của nhiều năm nếu thực sự có hiệu quả.²⁰⁵ Không có lời khuyên nào như thánh I-nhã cho ở quy tắc I: 8 về sự mong đợi AU trở lại sớm có thể được cho đến bất cứ ai trong đêm tối thụ động.

Nếu chúng ta hiểu những gì đang xảy ra, tại sao lại như vậy, thì chúng ta phải ý thức về hai điều. Trước tiên, ánh sáng phú bẩm *tự bản chất* là soi sáng, yêu thương, trao ban sự sống, an vui, lớn mạnh, bình an. Tuy nhiên, trước khi ánh sáng đó làm cho tinh thần con người thanh khiết một cách tương xứng và mạnh mẽ lên, thì nó được tiếp nhận trong tinh thần tội lỗi và yếu đuối. Kết quả, ánh sáng đó được kinh qua như là sự tối tăm, đau đớn, sợ hãi, SK. Một mặt, món quà càng tràn đầy hơn và càng thấm nhập sâu sắc hơn, mặt khác sự nhu nhược và tội lỗi của người tiếp nhận nó ở mặt khác càng nhiều hơn thì sự tối tăm, sự giày vò và những cảm xúc SK càng lớn hơn và lâu hơn. Thứ hai, cần chú ý đích nhắm mà tất cả quá trình chuyển đổi hướng đến.²⁰⁶

Một phương diện của đích nhằm gây kinh ngạc đến nỗi người ta có thể dễ dàng đọc những gì Thánh Gioan nói về nó

²⁰⁴ Ibid., II,7,4.

²⁰⁵ Ibid., II 7,3-4.

²⁰⁶ Ibid., II 5; 13,10.

mà không để ý đến ý nghĩa quan trọng đích thực của nó. Thật ra thánh Gioan nói và nói đi nói lại rằng cách hoạt động tự nhiên ở trong trí nhớ, trí hiểu và ý chí sẽ đến hồi kết khi chủ thể được thanh luyện kết hiệp trọn vẹn với Thiên Chúa; và có thể kéo dài trước khi đi đến hồi kết. Những năng lực hoạt động này và những hoạt động của năng lực đó được thần linh hóa. Chủ thể được thúc đẩy để hành động không phải bởi sự kích thích cảm thức vật chất (material sense) hay ký ức tự nhiên nhưng bởi chính Thiên Chúa. Hệ quả là, thậm chí ngay những thúc đẩy đầu tiên cũng hoàn toàn hòa hợp vào ý muốn của Thiên Chúa; chủ thể hoàn toàn tự do thực hiện bất cứ điều gì anh nghiệm thấy được thôi thúc.²⁰⁷ Trong tác phẩm *The Living Flame Of Love* (Ngọn lửa sống động của tình yêu), thánh Gioan đã diễn tả chi tiết điều này khi nói về những gì xảy ra ở mỗi loại năng lực tự nhiên và kết luận với lời phát biểu gây sùng sốt như sau: “Vì vậy, trí hiểu của linh hồn là trí hiểu của Thiên Chúa; ý muốn của linh hồn là ý muốn của Thiên Chúa; ký ức của linh hồn là ký ức của Thiên Chúa; vui thích của linh hồn là vui thích của Thiên Chúa; và mặc dù bản thể của linh hồn không phải là bản thể của Thiên Chúa - vì linh hồn không thể trải qua một sự biến đổi bản thể thành Thiên Chúa - nên linh hồn chỉ trở thành Thiên Chúa nhờ tháp nhập vào Thiên Chúa, được kết hiệp và được hòa hợp trong Ngài, như nó ở tình trạng như vậy”.²⁰⁸ Đây là sự tiến gần đến vinh quang vĩnh cửu, đến mức có thể là, không cần nhiều thị kiến vinh phúc.²⁰⁹

Nhân tố *thứ tư* thánh I-nhã mô tả về SKTL là thần dữ. Thần dữ có thể là một nhân tố quan trọng của SK trong suốt đêm tối chủ động, mà tự nó, tự bản chất nó không bao hàm

²⁰⁷ Idid., II, 4, 2; *Canticle*, st. 27,7; *Living flame* st. 1, 36.

²⁰⁸ *Flame* st. 2, 34, trong *The Collected Works*. Kavanaugh dịch, trang 608.

²⁰⁹ *Canticle*. st. 38, 3- 4

bất cứ sự SKTL nào, nhưng trong suốt đêm tối chủ động này bởi tội và sự xúi giục của thần dữ, chủ thể thỉnh thoảng có thể trải qua sự SK. Trong đêm tối thụ động, đặc biệt là đêm tối tinh thần, hành động của ma quỷ thì không có nghĩa lý gì đối với sự SK dành riêng cho đêm tối này. Nếu thần dữ gây ra SK trong suốt thời gian thanh luyện và đau đớn của đêm tối thụ động, thì SK đó đơn thuần chỉ là sự lớn mạnh dần theo ngẫu nhiên hay làm trầm trọng SK, kết quả tác động của ánh sáng thần linh phú bẩm trong lên tình trạng tội lỗi bình thường và những yếu đuối tự nhiên của bản chất con người. Không phân biệt được hai nguồn gốc trái ngược nhau của hai loại SK trái ngược sẽ dẫn đến sự đấu tranh chống lại ánh sáng phú bẩm của Thiên Chúa như thể nó là quyền lực của sự dữ, thay vì sinh ích và trông chờ trong khi ánh sáng này thanh luyện cách đau thương nhưng đầy yêu thương và trao ban sự sống.

Sau cuộc thanh luyện nhiều đau đớn, người đó bắt đầu có kinh nghiệm kết hợp với Thiên Chúa qua “sự hiểu biết yêu thương và đơn sơ” do Thiên Chúa trực tiếp thông ban khi người đó tiếp nhận cách thụ động mà không có những hành động cụ thể của trí hiểu hay trí tưởng tượng²¹⁰. Do đó, một khi việc suy niệm chủ động của người đó trở nên đó một điều ngớ ngẩn và sự cản trở Thiên Chúa hoạt động, thì thần dữ sẽ cố gắng thâm nhập, không bằng sự SK nhưng bằng kiến thức tốt lành và sự thỏa mãn [AU]” nhưng rất ít điều tốt, còn điều tệ hại thì không thể đếm xuể được.²¹¹ (Quy tắc II: 5 của thánh I-nhã sẽ thích hợp với kinh nghiệm này). Trong suốt những giai đoạn sau đó của đêm tối thụ động, khi tinh thần con người nghiệm thấy sự đơn độc trong Chúa đầy bình an sâu thẳm, thì thần dữ sẽ cố gắng hơn nữa theo cách riêng của nó, làm rối

²¹⁰ *Living Flame*, st. 3, 34.

²¹¹ *Idid.*, st. 3, 63- 64.

loạn bằng việc xâm phạm dữ dội đến bình an nội tại và sự kết hiệp với Thiên Chúa theo bất cứ cách nào nó có thể. Đôi khi nó gây ra sự đau khổ khủng khiếp²¹², nhưng không phải SKTL theo nghĩa chính xác đã nói. Ít nhất, đó là SKTL thiết yếu cho đêm tối thụ động.

Nhân tố *thứ năm* trong SKTL của thánh I-nhã là những cảm xúc giả tạo phát sinh tại một đối cực hay chiều kích từ sự nhận thức Ki-tô hữu bởi vì những gì được trải qua tại đối cực hay chiều kích phản thiêng liêng. Nhân tố tương ứng trong đêm tối thụ động đã được mô tả cùng với nhân tố thứ ba.

Dù một sự mô tả tóm tắt về SK trong đêm tối thụ động được đưa ra và những khác biệt của nó so với SK trong quy tắc NĐTL của thánh I-nhã giúp ta ý thức rằng quy tắc của thánh I-nhã không thích hợp để giúp ta nhận ra SK hay hướng dẫn những người gặp SK hành sử trong đêm tối thụ động. Những quy tắc này thậm chí có thể có hại. Ta cần những tiêu chuẩn khác để nhận định những gì đang tiếp diễn và lời khuyên khác để đáp trả lúc cần thiết.²¹³

²¹² *Dark Night*, II, 23, 1-9.

²¹³ Theo tôi biết, một cuốn sách vẫn còn rõ ràng nhất, và thực sự là nguồn trợ giúp hữu ích cho những tiêu chí cần thiết đó là cuốn *The Graces of Interior Prayer* của A.Poulain, S.J., phiên bản thứ 6 (London, 1950), các chương III – XIV, Poulain nhấn mạnh nhiều về Gioan Thánh Gia và làm sáng tỏ chú thuyết của Thánh Gioan Thánh Giá từ nhiều nguồn khác nhau.

Phụ lục III:
MỘT VÀI GIẢI THÍCH KHÁC NHAU VỀ AU VÀ SK
THEO THÁNH I-NHÃ

Ý nghĩa một người đưa ra về các thuật ngữ AUTL và SKTL trong bản viết tay của thánh I-nhã về NĐTL ảnh hưởng, và thậm chí có thể quyết định, vào sự hiểu biết của người đó về tất cả những gì ngài nói trong chủ đề này. Ý nghĩa được đưa ra cho AUTL thì căn bản hơn ý nghĩa được đưa ra cho SKTL, bởi vì SKTL phần lớn được diễn tả như một sự trái ngược với AUTL (LT317). Khi đó, việc đảm bảo chắc chắn về điều mà thánh I-nhã có ý nói bằng AUTL theo ý nghĩa cơ bản của nó và ý nghĩa chung chung, có ý nghĩa quan trọng trước khi tạo nên sự phân biệt giữa AU có và AUKNDT.

Có những hiểu biết hiện hành về AU theo thánh I-nhã khác biệt so với cách hiểu mà tôi đã trình bày trong cuốn sách này.²¹⁴ Hai trong số những hiểu biết phổ biến nhất loại bỏ khía cạnh này hay khía cạnh khác trong hai khía cạnh mà lời giải thích của tôi về thánh I-nhã lại cho là thiết yếu đối với khái niệm của ngài. Sự hiểu biết thứ nhất không đề cập đến tính chất thiêng liêng của kinh nghiệm; còn hiểu biết kia thì không đề cập đến tính chất AU của nó.

Sự hiểu biết sai lệch thứ nhất, bỏ qua tính chất thiêng liêng của sự AU, thường được bắt gặp hơn nơi những người không được đào luyện kỹ về NĐTL. Như tôi được biết, thì không có nhà văn nổi tiếng nào và cũng không có học trò đáng nể nào

214

ở trên.

Xem đặc biệt chương 4 và 6

của thánh I-nhã theo cách hiểu đó. Nhưng tôi thường xuyên đối diện với cách hiểu này trong các cuộc đàm thoại; và các vị hướng dẫn dày dặn kinh nghiệm cũng nói với tôi rằng họ cũng hiểu như vậy. Quan niệm này trong thực tế chỉ nhận được chấp thuận rộng rãi nơi những người chỉ quen với việc NĐTL cách hời hợt mà thôi, và sự chấp thuận rộng rãi ấy chỉ là một luận điệu về những điều mà chúng tôi chẳng chú ý mấy. Theo cái nhìn này, bất cứ một cảm xúc trong sáng nào của bình an, niềm vui, hay sự thoả mãn, sự hoan hỉ, vui mừng và những cái tương tự như vậy, đặc biệt nếu như cảm xúc đó diễn ra trong thời gian cầu nguyện thì nó được quy cho là dấu chỉ của Chúa Thánh Thần đang hoạt động nơi con người đang trải qua kinh nghiệm đó. Sự phân biệt giữa AUTL và AU không thiêng liêng bị bỏ qua. Cách suy nghĩ này đánh mất đi toàn bộ trọng tâm các quy tắc NĐTL của thánh I-nhã. Nó mở ra con đường về sự nhầm lẫn giữa chuyển động của Chúa Thánh Thần và bất cứ một cảm xúc tình cảm hứng khởi nào mà xét theo bản chất thì đó là cảm xúc hoàn toàn mang tính tự nhiên, thậm chí là một cảm xúc ích kỷ. Nếu như những phản ứng đầy tội lỗi được loại ra khỏi những cái được coi là dấu chỉ của Chúa Thánh Thần, thì theo quan niệm này, chúng ta vẫn có thể phải suy nghĩ rằng, trong lời dạy của I-nhã, Chúa Thánh Thần trực tiếp gọi hứng cho mọi cảm xúc hứng khởi vô tội của tâm hồn, hay Chúa Thánh Thần là Đấng không ban cho những sự khởi hứng trực tiếp nào cả. Bất cứ kết luận nào trên đây đều hoàn toàn đối nghịch với điều mà thực tế I-nhã muốn nói.

Chú giải thứ hai về AU và SK theo thánh I-nhã được tìm thấy nơi những người có sự học hỏi và sự hiểu biết thiêng liêng và đáng được ta quan tâm kỹ lưỡng. Đối với những người này, họ quá chú trọng đến đặc tính thiêng liêng của những kinh nghiệm này mà lại bỏ qua ý nghĩa thông thường của AU và SK; họ coi tất cả những cái mà không ai cho là AU và SK là sự AU và SKTL theo nghĩa thánh I-nhã muốn đề cập. Họ bỏ qua đặc tính bất động hay chấp thuận, đau khổ hay vui sướng của các kinh nghiệm thiêng liêng và coi những điều này như là nằm ngoài ý hướng của sự AU hay SK theo cách dùng của I-nhã. Bất cứ chuyển động cảm xúc con người nào thì đều được xem như là một AU theo ý thánh I-nhã muốn nói nếu nó được hướng thẳng đến Thiên Chúa; SK được xem như là một chuyển động theo chiều hướng ngược lại. Trong một dạng của quan niệm này, ý niệm của sự AU bị giới hạn hơn vì trọng tâm đặt trong cụm từ của quy tắc I:3 “mọi sự gia tăng của niềm tin, cậy, mến” (tôi nhấn mạnh). Có hoặc không có sự giới hạn này, những người đang nắm giữ quan niệm này xem như là sự không cần thiết đến “AU” trong cách dùng của I-nhã điều mà các cách dùng thông thường coi như là thiết yếu đối với kinh nghiệm được đề cập đến bằng cách dùng từ AU.

Việc trình bày rõ ràng nhất và có sức thuyết phục nhất về lối suy nghĩ này mà tôi đã đọc được, đó là cách trình bày của cha Michael J. Buckley, S.J. Bài viết của ngài thể hiện dưới dạng bài tiểu luận nhằm phân tích cấu trúc toàn bộ các quy tắc của thánh I-nhã. Ngài biểu đồ hóa các nhân tố liên quan đến kinh nghiệm thiêng liêng nhằm chỉ ra mối liên hệ và những tác động qua lại giữa chúng.²¹⁵ Vì thế, tất cả những điều ngài nói về bản chất của AU và SK không phải là quan điểm chính

yếu của ngài, nhưng là vấn đề ngài khai triển với sự nhấn mạnh kỹ càng. Tôi không dám chắc rằng chúng ta có thể tìm thấy một lời khẳng định tốt hơn tượng trưng cho phần giải thích mà ngài đã thừa nhận.

Cha Buckley nhận thấy hai khái niệm AU và SK là hai khái niệm khá quan trọng về các thuật ngữ mà trong đó thánh I-nhã có thể “liên kết những thực tại đa dạng của cảm tính”²¹⁶ vì mục đích của ngài trong các quy tắc NĐTL. Buckley khẳng định, việc dùng những hạn từ AU và SK của thánh I-nhã cần phải được phân biệt từ cách sử dụng của chúng nơi những tác giả viết về thiêng liêng khác²¹⁷ (và có thể thêm vào, từ vấn đề mà bất cứ người nào khác sẽ hiểu khi dùng những hạn từ theo nghĩa thông thường của chúng). Nói cách khác, cha Buckley khẳng định rằng theo thánh I-nhã, AU và SK là những từ ngữ được ngài sử dụng với ý nghĩa mang tính chuyên biệt của mình – đó là biệt ngữ, thậm chí đối với ngài, là những biệt ngữ của riêng ngài. Vì thế ngược với tất cả mọi cách sử dụng thông thường và cũng trái với cách sử dụng thông thường của các tác giả về thiêng liêng khác, cha Buckley đã viết, thánh I-nhã đã tách khỏi khái niệm chính yếu của AU bất cứ đặc tính vui sướng nào, bất cứ lưu ý nào của việc được hứng khởi, hay được vui đi nổi đau, bất cứ cảm giác ngọt bùi nào, vui sướng nào; và ngài đã tách biệt khái niệm chính yếu về SK, bất cứ

Michael J. Buckley, S.J., “Các Quy Tắc Nhận Định Thần Loại,” *The Way, Supplement* 20 (Autumn, 1973), pp. 19- 37. Những qui tắc nhận định thần loại đó có nền tảng lịch sử nơi kinh nghiệm và tư tưởng đời tu sẽ tìm thấy phần dẫn nhập, pp. 19- 26, đặc biệt phân biệt minh xuất sắc về giáo huấn của thánh I-nhã dạy nhận định thần loại phù hợp thể nào với lịch sử đó.

²¹⁶ Ibid., p. 28

²¹⁷ Ibid., p. 29

khoảng ghi chú trái ngược nào về những điều chán nản, sự cay đắng hay nỗi đau buồn nào. Cha Buckley không chỉ đề cập vấn đề này một cách ngẫu nhiên, ngài còn nhấn mạnh về điều đó và lặp đi lặp lại nhiều lần. “AU và SK không nhất thiết phải đồng nhất với niềm vui và đau đớn”. “không một ý nghĩa nào cho thấy, AU phải hòa trộn với niềm vui và SK với đau đớn”.²¹⁸ Niềm vui và nỗi đau đớn bị loại ra khỏi khái niệm tất yếu về AU và SK thì không chỉ là những niềm vui và đau đớn của cảm giác mà còn là thiêng liêng nữa. Chúng hiển nhiên là những trạng thái của cảm giác nhưng chúng không được biểu lộ bằng niềm vui, hay thậm chí bằng cả niềm vui thiêng liêng.²¹⁹ Vậy thì đâu là điểm khác biệt căn bản giữa AU và SK theo thánh I-nhã? Cha Buckley xem AU hay SK là những kinh nghiệm của việc được lôi kéo hay bị đẩy vào những khuynh hướng trái ngược nhắm tiến gần hay là xa cách Thiên Chúa. Chúng là “những trạng thái cảm xúc... được định nghĩa bởi những hướng chuyển động.”²²⁰ “AU là bất kỳ sự thúc đẩy bên trong nào của sự nhận thức – bất chấp nguyên do – mà mọi sự hướng dẫn đó là từ Thiên Chúa... dù sự hiện diện của nó là niềm vui được trải qua hay không?”²²¹ “AU là bất cứ chuyển động bên trong nào của tình cảm, cảm xúc hay sự nhận thức mà đích nhắm của chúng là Thiên Chúa – tâm hồn được lôi kéo hay được đưa dẫn đến Thiên Chúa”.²²² Tất cả những gì mà bản văn của thánh I-nhã đưa ta đến sự hiểu biết về SK thì được đề cập đến một cách sinh động qua lược đồ: “theo thánh I-nhã,

²¹⁸ Ibid.

²¹⁹ Ibid.

²²⁰ Ibid., p. 28

²²¹ Ibid., p. 29

²²² Ibid., pp. 28-29

những người bị trói hai tay đang hát những bài hát thô thiển và đang trên đường đến động đĩ điểm thì ở trong SK”.²²³

Việc giải thích trên đây về thánh I-nhã đối nghịch với việc chú giải trong cuốn sách này. Bất cứ sự lý giải sâu rộng nào về bản văn của thánh I-nhã nhằm để thể hiện giải thích này đều không thể xét trong phạm vi giới hạn bài viết của cha Buckley, và điều đó hoàn toàn không được mong đợi. Tuy nhiên, thật chính đáng để nói rằng công việc đó không những được kêu gọi mà còn là một gánh vác quan trọng về luận chứng thuộc khía cạnh giải thích ý nghĩa của AU và SK theo cách dùng thông thường, cách giải thích đó không giống nhau, hoặc theo cách dùng chuyên biệt đối với một số tác giả thuộc lĩnh vực thiêng liêng trong bất cứ ngôn ngữ nào mà với cách dùng đó thánh I-nhã đã quen, và ngài dùng cách đó để truyền đạt. Với sự hiểu biết của tôi, thì chưa từng có ai đảm nhiệm về luận chứng đó và đưa ra những cách lý giải cần thiết ngược lại toàn bộ những điều được nêu trong các chương 4-6. Do đó, không thể so sánh, đối chiếu và đánh giá những lý do về hai sự đối nghịch. Ngoài việc đề cập cho độc giả ở các chương 4-vấn đề mà tôi có thể làm là đưa ra một vài lý do để suy nghĩ, rằng mọi nỗ lực để thực hiện việc lý giải được đề cập đến bởi cha Buckley thì sẽ gặp nhiều khó khăn trở ngại.

Trước hết, nếu khi viết về “AUTL” hay “SKTL” mà thánh I-nhã mang trong mình một ý nghĩ rằng đó chỉ đơn thuần là những chuyển động của cảm xúc hướng đến hoặc đẩy xa khỏi Thiên Chúa - những chuyển động mang tính thiêng liêng của thần lành hay của thần dữ - vậy thì tại sao ngài lại không gọi chúng với cái tên là những chuyển động như vậy thay vì làm cho độc giả phải bối rối qua việc sử dụng những từ ngữ mà

²²³ Ibid., p. 29

theo cách sử dụng thông thường có nghĩa bao hàm điều gì khác nữa?

Thậm chí nếu khó khăn trên đây dường như không đủ sức thuyết phục cho những người khác như đối với tôi, thì còn có những nền tảng vững chắc khác để gợi ý sự vô nghĩa trong việc cố gắng đưa ra một ý nghĩa đối với I-nhã về AU và SK (dù thiêng liêng hay không thiêng liêng) hơn là về cách sử dụng thông thường đó. Có một lý do có thể lôi cuốn chúng ta đến cách giải thích đó: nó làm nên ý niệm chính về AU để hiểu một cách đơn giản hơn và hy vọng, dễ hơn nhiều để áp dụng trong thực tế.

Tuy nhiên việc xem xét bản văn của thánh I-nhã và kinh nghiệm thiêng liêng của ngài chứng tỏ rằng sự đơn giản như trên có thể đạt được bằng cách không đếm xỉa đến sự phức tạp của kinh nghiệm thực và những xung đột cũng như những phức tạp nơi bản văn của thánh I-nhã. Khi đưa ra cách hiểu riêng của cá nhân về thánh I-nhã, tôi ý thức rõ và ghi nhận rằng nếu những bản văn ấy trong bài viết của thánh I-nhã được xem xét theo cách tách biệt thì chúng có thể được hiểu là ủng hộ cho quan điểm của cha Buckley. Tôi đã lí giải tại sao, khi xem xét chúng trong ngữ cảnh đầy đủ, thì chúng lại được hiểu theo cách khác. Tất cả những gì tôi sẽ chỉ ra đây có thể là những điều đối nghịch và không có tính liên mạch mà ta có thể gán cho thánh I-nhã, nếu chúng ta không hiểu AU và SK theo ý nghĩa thông thường của chúng.

Chẳng hạn, mọi sự miêu tả thánh I-nhã đưa ra về AU và SKTL đều được điểm tô bằng những lời lẽ như bình an, niềm vui, sự hoan hỉ, ngọt ngào, sự ấm áp, niềm hân hoan và những lời tương tự; đó là những điều chứng tỏ chắc chắn những cảm xúc vui tươi và phấn khởi. Hàng loạt những thuật ngữ đối nghịch khác tô điểm cho những miêu tả về SK. Những thuật

ngữ này xác định rõ những kinh nghiệm vui buồn và có thể tìm thấy chúng trong các trang Nhật Ký Thiêng Liêng của thánh I-nhã²²⁴, nơi ngài miêu tả những AU của riêng mình. Những thuật ngữ tương tự như vậy cũng được tìm thấy ở trong sách Linh Thao (316, 317, 329, 335), và trong Bản Thủ Bút hướng dẫn Linh Thao.²²⁵

Trong các lá thư của thánh I-nhã ta thấy xuất hiện những cách thức diễn tả tương tự. Trong lá thư gửi cho chị Teresa Rejadell, thánh I-nhã viết: khi có được AU thì “tất cả mọi thứ thách đêu thấy vừa lòng và tất cả mọi chán ngán đêu đợc nghi ngơi. Những ai đàng tiến tới trên đờng hăng hái, nhiệt thành và có niềm AU nội tâm thì đêu thấy mọi gánh nặng trở nên nhẹ nhàng thử thách và sự ăn năn sám hối sao mà ngọt ngào đến thế.”²²⁶ Cũng trong bức thư này, AU đợc đối chiếu tương phản với “tăm tối và buồn sầu”. Hơn nữa, một sự thật xuyên suốt ở đây là chúng ta có thể tiếp tục tin tưởng, cậy trông và yêu mến dù sống trong AU hay phải chịu SK; AU đợc đề cập đến như là một sự trợ giúp đối với các hành vi thiết yếu của đời sống Ki-tô giáo, chứ không phải đợc đồng nhất với các hành vi ấy. Khi viết cho thánh Borgia, thánh I-nhã miêu tả “các ân huệ của AU trong đó sự tăm tối và mọi mối lo lắng bị xóa sạch,” thay vào đó là sự “hài lòng.”²²⁷ Trong một lá thư khác, thánh I-nhã coi AU như là một sự đối nghịch của đau khổ và khốn quẫn.²²⁸ Để khích lệ các Giê-su hữu trẻ đàng

²²⁴ Xem *The Spiritual Journal of St. Ignatius Loyola*, bản dịch của William J. Young, S.J., (Woodstock, Md., 1958).

²²⁵ *DirSpEx* MHSJ, [11-12] trang 72, [18] trang 76.

²²⁶ *LettersIgn* pp. 21- 22.

²²⁷ *Ibid.*, p. 84. Xin xem p. 18.

²²⁸ *Ibid.*, p. 318-319

trong thời kỳ học hành nhưng lại nhận thấy chuyện học hành dường như làm nghẹt sự AUTL, thánh I-nhã phân biệt cho họ giữa sự AU với các hành vi đức mến, sự khiêm nhường, vâng phục và những điều tương tự. Ngài bảo đảm với họ rằng nếu các hành vi này được quan tâm chú ý đến, thì chẳng cần phải bận tâm nhiều về chuyện Thiên Chúa ban cho mức độ AU bao nhiêu. Điều thứ hai này (AU) thực tế không quan trọng lame.²²⁹ Ngài động viên một phóng viên khác rằng hãy tin thác vào Chúa, dâng hiến chính bản thân và quyết tâm đừng nghĩ đến những AU mình đang khao khát nhưng lại không được Thiên Chúa ban cho. Thánh I-nhã bảo đảm với anh rằng Chính Thiên Chúa về sau sẽ ban cho những ơn AU như phần thưởng dành cho một niềm tin và lòng mến kiên vững trong khi không được AU.²³⁰ (không chỗ nào ở đây phù hợp với cách hiểu về AU như là những đáp trả cảm tính đối với Thiên Chúa.) Một cách rõ ràng thánh I-nhã đã chứng kiến rất nhiều những phản ứng của cảm xúc đối với Thiên Chúa mà không có AU hiểu theo nghĩa bình thường. Cụ thể AU được diễn tả như một điều gì đó có liên quan đến niềm vui và sự hoan hỉ thiêng liêng. Ngài thấy những kinh nghiệm sâu xa hơn của cảm xúc mà sự AUTL dựa vào đó, nhưng có thể những kinh nghiệm này lại không mang lại AU.

Hơn nữa, việc chấp nhận AU và SK như những khái niệm hoàn toàn độc lập với cảm xúc vui buồn không thể có hiệu lực trong lời dạy của thánh I-nhã về việc nhận định thánh ý Thiên Chúa. Nếu chúng ta cho rằng AU, xét theo bản chất, độc lập với sự hoan hỉ, niềm vui, thì chúng ta có thể giải thích như thế nào về ý nghĩa của Linh Thao 177, nơi thánh I-nhã miêu tả thời yên tĩnh để tìm ý Chúa như một điều tách biệt với thời kỳ AU

²²⁹ Ibid., p. 342

²³⁰ Ibid., p. 417

hay SK? Bởi vì trong thời yên tĩnh được nói tới (ở đoạn đó), thánh I-nhã chắc rằng người đang tìm kiếm thánh ý Thiên Chúa có một đức tin lớn mạnh và đang yêu mến thiên Chúa bằng một tình yêu tinh tuyền, chỉ khao khát được biết và thực thi thánh ý Ngài mà thôi (LT 177, 179-180, 184). Những cảm xúc đặt cùng đích nơi Chúa ấy cũng không phải là AU, vì đối với định nghĩa riêng của thánh I-nhã (LT 177), thời yên tĩnh là thời kỳ khi tâm hồn không nghiệm thấy được các chuyển động của các thần, hay cũng có thể nói không nghiệm được AU hoặc SKTL.

Có một trở ngại khác nảy sinh liên quan đến điều thánh I-nhã gọi là “thì thứ hai” cho việc tìm kiếm thánh ý Chúa, thời kỳ của AU và SK, và nhận định các thần (LT 176). Nhận định ý Chúa theo cách này không đơn giản chút nào, và tôi không có ý muốn nói rằng tất cả những điều tôi đề cập ở đây là một lời khẳng định chính xác về những gì có liên quan đến cách thức ấy. Tất cả những điều tôi sẽ nói hy vọng cũng đủ cho những ai đã hiểu biết được lời dạy của thánh I-nhã về cách thức ấy có thể nhận ra vấn đề khó khăn tôi đang nêu lên khi cố gắng làm cho khái niệm về AU hay SK phù hợp với cách thức ấy, cách thức của bất kỳ phản ứng nào thuộc về cảm xúc hướng đến hay xa lìa khỏi Thiên Chúa – không quan tâm đến sự ngọt ngào hay cay đắng, niềm vui hay sự đau đớn và những điều khác tương tự.

Trong mọi tình huống nhận định thánh ý Thiên Chúa theo quan điểm của thánh I-nhã, chúng ta có hai (hay nhiều hơn) cách chọn lựa mà tất cả trong số đó đều chứng tỏ là những cách thức đáng được ao ước cho việc phục vụ và làm vinh danh Chúa. Người làm việc chọn lựa phải xem xét mỗi cách thức như là điều có ích cho vinh danh Thiên Chúa (thậm chí phải lưu tâm đến điều hơn khi so sánh với những điều khác)

và khao khát chọn theo cách ấy, hoặc thấy cách ấy không thích hợp cho việc nhận định ý Chúa. Trước khi bắt đầu thực hiện việc nhận định xem điều nào là theo ý Chúa, thánh I-nhã muốn người làm việc chọn lựa để cho ước muốn thúc đẩy về phía hoặc là sự lựa chọn *duy nhất*, hoặc ít nhất về phía điều chiếm ưu thế hơn cho việc phụng sự và tán dương Thiên Chúa (LT 23,166,169, 178, 184).²³¹ Vấn đề đặt ra là phải nhận định xem điều nào trong số các điều phải chọn lựa mà mình ao ước thực sự được Chúa Thánh Thần xác chuẩn nhằm cho vinh danh Chúa hơn. Giờ đây, những dấu chỉ trong cách nhận định này là sự AU và SK. Thánh I-nhã hướng dẫn chúng ta đi cầu nguyện và khi được Chúa ban cho ơn AU, thì hãy ghi lại điều chọn lựa mà mình cảm thấy được lôi cuốn hơn như thể là được cuốn đến điều Chúa muốn. Ơn AU là dấu chỉ của Thánh Thần cuốn hút chúng ta, thúc đẩy ta yêu thích điều chọn lựa đó hơn, sự SK là một dấu chỉ của thần dữ, biểu thị điều ngược lại.²³² Điểm chính yếu của toàn bộ vấn đề này chính là ở chỗ thánh I-nhã quả quyết cách rõ ràng từ đầu đến cuối rằng sự AU không phải là bất cứ phản ứng nào của cảm xúc đối với Thiên Chúa; loại cảm xúc mà nhờ đó tâm hồn được lôi kéo đến sự hành động đúng như thánh ý Chúa thì tự nó cũng không phải là một sự AU, nhưng nó cần đến AU như một dấu chỉ cho việc xác định nguồn gốc của nó.

²³¹ Trong Thủ Bản (Autograph) hướng dẫn Linh Thao, thánh I-nhã nhắc người hướng dẫn không được cho thao viên làm việc “Lựa Chọn” trừ khi họ đã rõ ràng đạt đến bậc khiêm nhường thứ hai, và có thể bậc thứ ba, (*DirSpEx* MHSJ, [17] trang 74-77). Ở bậc khiêm nhường thứ hai, thao viên không nghiêng chiều về cách thức lựa chọn nào xét nơi chính nó, nhưng chỉ vì phụng sự Chúa.

²³² *DirSpEx* MHSJ, [18] trang 76-77. Xem quy tắc I:5.

Một sự phân biệt tương tự như vậy cũng xuất hiện ở Quy Tắc II:3-5, nơi thánh I-nhã hướng dẫn chúng ta cách thức xác định một sự AU, đích thực là thiêng liêng, được thúc đẩy bởi một thần lành hay thần dữ. Nếu sự AU đến từ thần lành, thì tất cả những ước muốn nảy sinh sau đó theo cùng một diễn tiến với AU sẽ không phải là những ước muốn điều xấu hay điều kém hơn cho việc phụng sự và tán dương Thiên Chúa so với những ước muốn nảy sinh trong suốt khi được AU ban đầu. (Nếu khác đi, AU đó đến từ thần dữ; và ước muốn ban đầu do AU đưa đến cũng là do thần dữ thúc đẩy) Tương tự, ước muốn ban đầu, điều xảy đến trong lúc nhận AU, được coi là đến từ thần dữ nếu như nó tiếp tục diễn tiến nhưng qua quá trình phát triển liên tục sự AU chuyển biến thành SK. Đồng thời đây là sự phân biệt minh bạch giữa một bên là AU với bên kia là một phản ứng của khát vọng thuộc cảm xúc cho một điều nào đó để làm vinh danh Chúa. Nếu như AU chỉ đơn thuần là bất cứ chuyển động nào của cảm xúc đối với Thiên Chúa thì khi đó trong việc nhận định thánh ý Chúa, mọi ước muốn tự phát đối với bất kỳ điều chọn lựa đối nghịch nào được thúc đẩy bởi tình yêu dành cho Thiên Chúa cũng sẽ được phê chuẩn như là một sự khởi hứng của Chúa Thánh Thần. Nếu vậy thì đâu là vị trí của chủ thể nhận định các thần. Và đâu là ý nghĩa thánh I-nhã muốn chỉ ra cho chúng ta khi đề nghị ta nhận định ý Chúa ngang qua chính sự AU, SK và bằng việc nhận định các thần?

Dưới ánh sáng của các bằng chứng trên đây, cùng với việc nhớ lại cách thánh I-nhã nhìn nhận SK như là điều đối nghịch với AU, cần phải làm sáng tỏ một chuyện là theo cách dùng từ của ngài thì không có một kinh nghiệm nào của SK mà lại không có sự buồn sầu, sự bất đồng và đôn đau. Khi đó, cho dù thánh I-nhã bày tỏ lòng thương cảm đối với những người mà Buckley miêu tả như là những kẻ đi đến động đĩ điểm với

lòng đầy vui sướng, nhưng tuyệt nhiên ngài không miêu tả thái độ đầy tội lỗi của họ như sự SK, ít ra như sự SKTL. Trong phạm vi thánh I-nhã muốn đề cập thì những con người này, ít nhất trong suốt thời gian sau đó, rất có thể là không có một sự SKTL đích thực. Không chỉ niềm tin sống động hiện đang bị kiểm chế không cho khởi xuất những niềm vui thiêng liêng của cảm xúc tình cảm; nhưng niềm tin dường như bị khô cứng, hay quá ít sức sống, đến mức những con người này không có cảm giác SK gì khi tự tách mình ra khỏi Thiên Chúa bằng cách rút lại tình yêu của mình đối với Thiên Chúa và kết quả là không chấp nhận tình yêu của Thiên Chúa.

Khi đọc về thánh I-nhã, sẽ không gặp phải bất cứ khó khăn nào ở trên nếu ta hiểu được AU và SK theo nghĩa thông thường, nắm bắt được cấu trúc thiết yếu của chúng qua các phân tích có tính miêu tả, và định rõ được tính chất thiêng liêng của chúng dựa trên mối liên hệ với niềm tin sống động. Ngoài ra, ta nhận thấy rằng, khi thánh I-nhã miêu tả AU và SK hoặc khi sử dụng các khái niệm này trong những bức thư hướng dẫn thiêng liêng và trong việc chỉ dẫn về cách thức nhận định ý Chúa, tất cả những điều thánh I-nhã nói đều gắn kết chặt chẽ với nhau.

**Phụ lục IV:
“ON AUKNDT” CỦA THÁNH I-NHÃ: CÁC CHÚ GIẢI VỀ
VAI TRÒ VÀ BẢN CHẤT CỦA ON AUKNDT TRONG
VIỆC NĐTL**

Hiện tại có một tình trạng rất mơ hồ về bản chất của điều mà thánh I-nhã gọi là “on AUKNDT”, mơ hồ về cách thức nó vận hành ra sao trong NĐTL, nhận định ý Chúa. Sự mơ hồ sẽ trở nên mơ hồ hơn chi cần chúng ta nghĩ đến một vài câu hỏi liên hệ vốn không có lời giải đáp đi đến sự đồng thuận chung. On AUKNDT khác với on AUCNDT về mặt nội tại hay ngoại tại? Nghĩa là, có phải nó khác nhau vì một số đặc điểm trong nội dung của kinh nghiệm hay vì cách thức nguồn gốc phát sinh? Nếu sự khác biệt thuộc nội tại, thì yếu tố nhận thức trong AU là hữu niệm hay phi ý niệm (vô niệm)? Nếu vô niệm, thì on AUKNDT, hiểu theo nghĩa chặt của hạn từ, có phải là thần bí không? Nó có mang trong mình một bảo đảm khách quan về nguồn gốc phát sinh tức thời từ một mình Thiên Chúa, mà không có bất cứ một trung gian thụ tạo nào? Liệu có một xác tín chủ quan (subjective certitude) nơi thụ nhân được phát sinh và là một kinh nghiệm về Thiên Chúa? Liệu có thể có sự hiệp thông thuần thiêng nào về một đối tượng thụ tạo trong on AU này chẳng, ví dụ như, về điều gì đó mà Thiên Chúa muốn người này thực hiện? Những lời giải đáp về khía cạnh nhận thức của kinh nghiệm và việc mô tả mà thánh I-nhã đưa ra ở khía cạnh cảm xúc có cho phép ta kết luận on AUKNDT là kinh nghiệm thường hằng, thậm chí tương đối bình thường trong đời sống Ki-tô hữu tốt lành, hay là một kinh nghiệm hiếm có của một số người chẳng? Đây là

mối tương quan của ơn AUKNDT và AUCNDT? Nó đóng vai trò gì trong NĐTL và nhận định ý Chúa?

Cho tới những năm gần đây, có rất nhiều điều diễn giải về ơn AUKNDT, cho dù những giải thích này như thế nào đi nữa thì chúng đều tác động một chút đến suy tư thực tiễn về việc NĐTL và ý Chúa của thánh I-nhã. Tuy nhiên, tình hình này đã thay đổi rất lớn kể từ năm 1956 khi Karl Rahner xuất bản bài viết có nhan đề “Tính logic của thánh I-nhã về tri thức hiện sinh: Những vấn đề thần học trong bộ quy tắc thực hiện cuộc chọn lựa trong Linh Thao của thánh I-nhã.”²³³ Đối với Rahner, vấn nạn về ơn AUKNDT - bản chất và vai trò của nó trong NĐTL của thánh I-nhã - không chỉ là một vấn nạn giữa bao vấn nạn, mà còn là một vấn nạn tối quan trọng. Đó là một vấn nạn cơ bản. Vấn nạn này lại được xem là có tính quyết định đối với tất cả những gì thánh I-nhã phải nói về tiến trình nhận định. Hơn nữa, điều ngài nói có rất nhiều đổi khác với điều truyền thống.

Qua bài viết này Rahner trở thành nhà cách mạng và là nhân vật trung tâm trong công cuộc nghiên cứu và thảo luận về bộ NĐTL của thánh I-nhã hiện nay. Một số người toàn tâm toàn lực đi theo đường lối của ngài. Một số chấp nhận quan

Đây là tựa sách dịch sát nghĩa của Rahner khi xuất hiện trong cuốn *Ignatius von Loyola: seine geistliche Gétalt und sein Vermachtnis* (1556-1956), Friedrich Wulf, S. J., chủ biên (Wurzburg: Echter- Verlag, 1956), pp. 343- 405. Bài nghiên cứu này đã chuyển dịch sang tiếng Anh, tựa đề viết tắt làm giảm tính truyền thông, “The Logic Of Concrete Individual Knowledge in Ignatius Loyola,” pp. 84- 170 trong cuốn *The Dynamic Element in the Church* (New York: Herder and Herder, 1964). Bài viết 10 trang gốc tiếng Đức, được soạn thảo do các học trò của Rahner với sự phê chuẩn của Rahner, được tìm thấy trong cuốn *Ignatius of Loyola: His Personality and Spiritual Heritage, 1556- 1956* (St. Louis, 1977), pp. 280-289. Rồi (pp. 290- 293) Rahner phát triển xa hơn học thuyết của ngài bằng cách trả lời những vấn nạn mà Avery Dulles nêu lên.

điểm của ngài với thái độ hơi e dè và có sửa đổi đôi chút. Một số khác lại bác bỏ những luồng tư tưởng chính của ngài vì chúng không có những nền tảng trong chính trước tác của thánh I-nhã.²³⁴ Những vấn nạn này ngay từ lúc đầu đã bị gạt vãn, nhưng chẳng bao giờ chúng gây khó chịu cho các học giả của thánh I-nhã, các vị linh hướng, các vị hướng dẫn linh thao; thì giờ đây những vấn nạn đó lại có tầm quan trọng lớn lao cho việc NĐTL xét về lý thuyết cũng như trong thực hành.

Mục Đích Kép

Trong những giới hạn hiện nay, việc trình bày một bài nghiên cứu hoàn hảo hay thậm chí có tính mở rộng trong chiều sâu của những quan điểm đương thời là không thể. Cũng vậy, mục đích kép của cuộc thảo luận hiện thời này là không cần thiết. Mục đích thứ nhất chỉ đưa ra một vài cảm giác về tính bất tương hợp và không chắc chắn đối với AUKNDT, điều đã dẫn tôi đưa ra những gợi ý thực tiễn đã nói ở cuối chương 11. Mục đích thứ hai là phơi bày chi tiết những luồng tư tưởng chính của Karl Rahner về việc NĐTL của thánh I-nhã và việc đánh giá phê bình nó.

Đối với mục đích thứ hai này, một bài nghiên cứu gần đây của Harvey Egan²³⁵ đã được thực hiện dưới sự chỉ dẫn của Rahner và đã được xuất bản có kèm theo lời mở đầu của Rahner, có thể rất hữu ích. Khi Egan trung thành theo những nền tảng thần học của Rahner, cha cũng lôi kéo rất nhiều học giả mang tư tưởng của thánh I-nhã lừng danh nhất của thế kỷ 20 và đưa những hiểu biết sâu sắc của họ vào cuộc nghiên

²³⁴ Xin xem ví dụ của Adrien Demoustier, S.J., trong *Christus*, số 99 (tháng 6, năm 1978), 378- 379.

²³⁵ Harvey D. Egan, S.J., *The Spiritual Exercises and the Ignatian Mystical Horizon*, với phần Lời Ngỏ của Karl Rahner, S.J. (St. Louis, 1976).

cứu của mình. Theo quan điểm đánh giá chung, Egan dường như đạt được một phiên bản thần học siêu nghiệm của Rahner về NĐTL sáng sủa hơn và có lẽ cải thiện hơn.

Cũng nên chú ý rằng bài nghiên cứu của Egan chỉ là một bản trình bày của Rahner về NĐTL có sửa đổi. Qua cuốn sách này, ngài sẽ đạt tới sự hiểu biết điều mà ngài gọi là tâm nhìn thần bí (mystical horizon) của thánh I-nhã, đó là “ma trận thần bí nền tảng... hay nguồn gốc của mọi kinh nghiệm hiểu biết, yêu mến của thánh I-nhã.”²³⁶ Tâm nhìn thần bí này ngài nhận thấy nó được viết rõ ràng và đầy đủ nhất trong sách *Linh Thao*, nhưng nó lại được soi sáng nhờ những bản văn khác của thánh I-nhã, cụ thể là *Nhật ký thiêng liêng* và *Tự thuật* trong đó kể lại những năm tháng đầu tiên sau cuộc hoán cải của thánh I-nhã. Một mặt, phạm vi nghiên cứu của Egan vượt xa sự nghiên cứu on AUKNDT. Mặt khác, ngài tuyên bố rằng on AU này là “bản rút gọn tuyệt vời của *Linh Thao* và tâm nhìn thần bí của thánh I-nhã”, “dưới dạng thức của kinh nghiệm và được cô đọng cao độ”.²³⁷

Điều quan trọng hơn đối với mục đích của chúng ta là, Egan cũng quả quyết rằng theo cách thức cô đọng thì on AUKNDT giới thiệu điều gì là tiêu biểu nhất về lập trường quan điểm nền tảng của mọi người nhưng thường là lập trường dấu kín trong ân sủng của Đức Ki-tô. Thực sự đó “là một kinh nghiệm rõ ràng nhất, một kinh nghiệm mang tính đề tài nghiên cứu về tính thần bí của cuộc sống thường nhật”.²³⁸

Tất cả những điều mà Egan viết về on AUKNDT là để giải thích điều Rahner phát biểu hay sửa lại điều đó dưới sự

²³⁶ Ibid., P. xviii.

²³⁷ Ibid., pp. xviii- xix, 31.

²³⁸ Ibid., p. 31.

hướng dẫn của Rahner (nhưng không nhất thiết phải có sự tán đồng của Rahner về những bản chỉnh sửa). Vì vậy, chúng ta có thể có sự rõ ràng và tránh khỏi những trùng lặp chỉ cần chúng ta đối chiếu những phần Egan đã làm sáng tỏ, phần phát triển thêm và những chỉnh sửa với phần trình bày quan điểm của Rahner.

Cùng với mục đích thứ nhất đã nêu trên, vốn đem lại ấn tượng về tính không chắc chắn hiện thời đối với on AUKNDT, trước hết chúng ta sẽ xem xét tư tưởng của Rahner về chủ đề này, bao gồm cả những phần làm sáng tỏ và chỉnh sửa của Egan. Sau cùng chúng ta có thể so sánh và đối chiếu với hai quan điểm quan trọng khác. Chúng ta có thể tìm thấy một quan điểm có tính truyền thống hơn, hợp với Rahner, nhưng trong phần phân tích sau cùng lại cho thấy sự bất hợp sâu sắc nằm trong cuốn *Nội quan của thánh I-nhã*²³⁹ của Hervé Coathalem. Cuốn sách này hiện nay có thể là cuốn chú giải *Linh Thao* hữu dụng nhất và được sử dụng rộng rãi nhất. Bài nghiên cứu gần đây của Daniel Gil, SJ có tựa đề *On an úi không có nguyên do trước*²⁴⁰ đã trình bày một lối giải thích hết sức tương phản với cả quan điểm của Rahner và Coathalem. Việc đưa ra những trích dẫn trong chính bản văn là rất thuận tiện, vì vậy những phần tham khảo tác phẩm của mỗi tác giả sẽ dùng ký tự đầu và số trang được đặt trong dấu ngoặc đơn.

²³⁹ Hervé Coathalem, S.J., *Ignatian Insights: A guide to the Complete Spiritual Exercise*, phiên bản 2 (Taichung, Taiwan, 1971).

²⁴⁰ Daniel Gil, S.J., *La consolación sin causa precedente* (Rome, 1971).

A. Phân Giải trình

Karl Rahner và Harvey D. Egan

Trong khi Rahner có ý định thần học hóa phần nền tảng *Linh Thao* của thánh I-nhã, thì bài viết của ngài lại mang tính luận lý thần học hơn là nguyên cứu luận bình về bản văn của thánh I-nhã. Rahner sử dụng thần học siêu nghiệm mà ngài đã phát triển nhằm đề nghị một cách hiểu về NĐTL của thánh I-nhã, trong đó Rahner coi mọi sự đều lệ thuộc vào ơn AUKNDT. Trong bài viết của ngài, tâm điểm chú ý là nhận định ý Chúa của thánh I-nhã; còn NĐTL và vai trò của ơn AUKNDT trong NĐTL được xét trong tương quan với nhận định ý Chúa. Tâm điểm trình bày và đánh giá của tôi về Rahner nhắm vào những hiểu biết được ngài đề nghị về ơn AUKNDT, bản chất và cách vận hành của nó trong NĐTL. Điều Rahner nói về các cách thức nhận định ý Chúa của thánh I-nhã sẽ liên quan đến chúng ta ở đây thì thật cần thiết cho việc giải thích quan điểm của ngài về AUKNDT và NĐTL. Phần giới thiệu tương đối chính xác của tư tưởng Rahner về nhận định ý Chúa cần đến phạm vi rộng lớn hơn mà có thể đưa ra ở đây; và việc đánh giá phê bình tư tưởng này đòi hỏi phải có chú giải các bản văn của thánh I-nhã có liên quan một cách chi tiết và rộng mở như đã trình bày trong cuốn sách hiện hành này.

Chìa khóa để hiểu thần học siêu nghiệm của Rahner và Egan về AUKNDT là điều mà các ngài nói đến như là siêu nghiệm siêu nhiên, đó là siêu nghiệm tự nhiên của ý thức nhân linh (human consciousness) được nâng lên một cách siêu nhiên trong trật tự hiện sinh (existential order). Siêu nghiệm tự nhiên tự nó mặc nhiên và vô niệm (phi niệm ý) thế nên nó luôn luôn có tương quan giống như tầm nhìn và điều kiện đối

với tính khả thể của bất cứ hành động nào hướng tới niệm vật (đối tượng mang ý niệm) (R145). Ta không thể nắm bắt được quan điểm của Rahner về AUKNDT nếu tách ra khỏi siêu nghiệm siêu nhiên; bởi vì theo quan điểm của cha, ơn AU như thể phụ thuộc vào siêu nghiệm này đang trở nên rõ ràng như là trung tâm của ý thức (R151). Trái lại siêu nghiệm siêu nhiên không thể hiểu được trừ phi trong những phạm vi hai khía cạnh của việc nâng lên cách siêu nhiên nhờ ân sủng (E 39).

Chúng ta hãy xem xét: (1) Hai khía cạnh này là gì; (2) làm thế nào mà Rahner nghĩ rằng chúng ta kinh qua siêu nghiệm đến mức độ minh nhiên (tức là rõ ràng và là có ý thức); (3) Đây là “dấu chỉ” cho sự kiện này; (4) Dựa vào tiêu chí nào để đánh giá tính xác thực của nó; (5) Đây là tính chắc chắn mà chúng ta có để tin rằng Thiên Chúa gây ảnh hưởng tức thì đối với siêu nghiệm tự nhiên đó; (6) Siêu nghiệm này mang những hình thức nào; (7) Nó có vai trò gì trong việc NĐTL; và sau cùng (8) Nó thường xuyên xuất hiện hay bình thường.

1. Cha Rahner quan niệm tính xung năng tự nhiên của lý trí và ý chí trực tiếp hướng về Thiên Chúa như là cùng đích của siêu nghiệm nhân linh. Theo cách này, Thiên Chúa luôn hiện hữu một cách ẩn tàng và phi ý niệm như là chân trời (viễn tượng) của bất cứ ý thức minh nhiên nào. Trong mọi hoạt động của hiểu biết và yêu mến, tinh thần nhân linh quay về mình (quy ngã) và nhận biết Thiên Chúa một cách mờ tối như là đích cùng vô biên và tinh khiết của xung năng đó. Nhờ ân sủng Chúa, siêu nghiệm này được nâng lên tới mức độ của siêu nhiên. Hơn nữa, nhờ mầu nhiệm nhập thể, đời sống, khổ nạn phục sinh của ngôi lời mà ý thức nhân linh và thế giới của ta khác nhau. Điều gì Đức Ki-tô là theo bản tính thì là điều con người nhân linh là theo ân sủng. Chúng ta và thế giới ta được kinh nghiệm khác với chúng là nếu không có việc nhập thể

của Đức Ki-tô. Chiều kích siêu hình này cũng thể hiện trong chân trời ý thức của chúng ta. Phải nói rằng mọi người trên thế gian này đều có tất cả điều đó, kể cả trước khi được thanh luyện nhờ ân sủng. Chúng ta sống trong một thế giới có tác động của Đức Ki-tô và được định hướng siêu nhiên, chúng ta có định hướng và chân trời siêu nhiên của ý thức (Ralner,124-125; Egan,38-39,42).

2. Siêu nghiệm siêu nhiên, tức là viễn cảnh mờ tối của ý thức, trở nên minh nhiên và chủ đề ra sao trong ý thức – không phải là một đối tượng trừu tượng của suy tư thần học, nhưng là chính điểm tập trung quy chiếu của nhận thức? Chúng ta vẫn chưa đề cập đến việc miêu tả nội dung của ý thức khi điều này xảy ra, những đặc điểm cốt yếu của ý thức, nhưng chỉ đề cập đến cách thức nó diễn ra như thế nào, tức là cách thức nó xảy ra.

Rahner cho rằng thật rõ ràng siêu nghiệm siêu nhiên về Thiên Chúa như là đích cùng tinh rỗng vô hạn của xung năng vô biên đó có thể ngày càng trở nên không lẫn lộn với việc đáp trả có ý niệm mà siêu nghiệm siêu nhiên này là viễn cảnh của việc đáp trả có ý niệm. Niệm vật (đối tượng có ý niệm) có thể trở nên rõ ràng, kỳ thực lại tan biến và không lưu tâm đến nữa (Ralner,145). Rồi hướng chiều nội tại, độc nhất cụ thể về Thiên Chúa hình thành nên bản chất sâu thẳm bên trong của con người (Ralner,160-161), chiều hướng này xuất hiện trong nhận thức minh nhiên, không còn là tình trạng mờ tối đối với hiểu biết ý niệm (niệm tri), chân trời của ý thức.

Harvey Egan đưa ra một lời phát biểu đầy đủ hơn về cách thức điều này xảy ra, trong khi thực hiện như vậy, ngài đề nghị cách đối chiếu tương quan trong kinh nghiệm thiêng liêng giữa AU có và không có nguyên do trước, và rồi đề nghị cách thức làm sáng tỏ tính quy Ki-tô của điều sau. Egan nói

rằng viễn tượng được nhắc bằng nhờ ân sủng của ý thức nhân linh xuất hiện mọi cách bình thường đối với người hiểu biết chỉ là việc xảy ra mờ tối vô ý niệm của ý thức, thậm chí cần thiết. Ngài hỏi rằng nếu như đối tượng hữu niệm trong ý thức trở nên rõ ràng và chân trời phi niệm ý chuyển thành tâm điểm quy chiếu của ý thức, mà được nhìn thấy qua đối tượng có ý niệm cách rõ ràng thì sao? Giả như điều này xảy ra, thì người đó sẽ có kinh nghiệm vô niệm khôn tả về siêu nghiệm siêu thăng và siêu nghiệm được Đức-Ki-Tô tác động. Theo Egan kinh nghiệm này là những gì mà thánh I-nhã gọi là AUKNDT (E,40). Egan lý luận rằng, bây giờ kinh nghiệm hữu niệm là kinh nghiệm ân sủng của on AUCNDT, kinh nghiệm này xuất hiện khi người đó đang thiền niệm về Đức Giê-su trong thời gian người đó làm linh thao. Theo cách này, đó là bằng có làm cho AUCNDT phát sinh nhờ vào cuộc chiêm niệm Đức Giê-su trong Tin Mừng trở thành một điều kiện thiết yếu cho on AUKNDT, Egan suy tính tìm cách giải thích cách thức chiều hướng quy Ki-tô của siêu nghiệm nhân linh trở nên một chủ đề và giải thích on AUKNDT thực sự là AU Ki-tô hữu như thế nào (E, 40-43).

3. Bởi lẽ on AUKNDT khởi đi từ on AUCNDT (E,41) là sự viên mãn của on AUCNDT (E,57), là sự hoàn thành theo lẽ thường (E,56), và có được kinh nghiệm on AUKNDT chỉ khi việc chiêm niệm (thiền định) và on AUCNDT trở nên minh nhiên của siêu nghiệm siêu nhiên, và vì nhận ra mình là phi niệm ý (vô niệm ngã) vì tất cả những lý luận này, Egan cho rằng thường thì rất khó phân biệt trong kinh nghiệm on AUCNDT với on AUKNDT và khó nhận ra on AU này sở đắc on AU trước. Làm như vậy “đòi hỏi nên có sự hiểu biết, kinh nghiệm tập thành và sự nhạy bén cao” (E,153, x.44) Ngài ca ngợi Daniel Gil về một ý tưởng, đó là ngài chỉ ra một “dấu chỉ” lôi cuốn chú ý của mọi người vào một điểm khởi xuất và

điểm kết thúc của ơn AUKNDT. Thật không tương xứng giữa kinh nghiệm được lôi kéo hoàn toàn vào tình yêu thương của Thiên Chúa và khát khao hy vọng ơn AU phát sinh từ cuộc chiêm niệm đặc biệt (E,35-36,56-57). Có thể nhận ra dấu hiệu này khi ơn AU bắt đầu, nhưng thường chỉ khi ơn AU kết thúc và người đó cảm nghiệm thấy có sự thay đổi theo chừng mực nào đó, cảm thấy đánh mất lòng sốt sắng (E.57). Không được nhầm lẫn dấu hiệu này với tiêu chuẩn đối với ơn AUKNDT, mà đó là phẩm tính của nó, những đặc điểm nội tại. Bây giờ chúng ta hãy chuyển sang những điều này.

4. Rahner phân biệt tính phủ định và khẳng định của ơn AU. Ngài nói “không có nguyên do trước” thực ra nghĩa là “không có nguyên do”; và “không có nguyên do” nghĩa là “không có đối tượng”. Phải nói rằng, AU là một kinh nghiệm phi ý niệm (R 132-133). Sự vắng mặt của đối tượng là thụ nhận tuyệt đối với Thiên Chúa, là kinh nghiệm phi ý niệm khôn tả của tình yêu thương Thiên Chúa, là sự lôi kéo trọn vẹn con người, với chính nền tảng hữu thể người đó vào tình yêu thương của Thiên Chúa như Thiên Chúa, Đấng chí tôn (R 135-136). Vậy toàn bộ là kinh nghiệm này được xem xét cả về mặt âm bản và dương bản mà nó cho phép bởi vì chẳng có ý niệm nào và không có phán đoán nào của bất cứ AU nào trong kinh nghiệm này. Đó là kinh nghiệm về ánh sáng tinh tuyền phi ý niệm về ơn AU của trọn vẹn con người nhân linh được lôi kéo lên trên và trỗi vượt lên trên tất cả những gì định danh (R,136-137). Tuy nhiên, Rahner dứt khoát muốn tách ra khỏi bất cứ trực quan nào về Thiên Chúa trong cảm giác của phúc kiến này thậm chí của các hữu thể gia. Thiên Chúa được nhận thấy như là cứu cánh của siêu nghiệm nhân linh; đó là siêu nghiệm được siêu thắng mà nó xuất hiện trong tri thức mà Thiên Chúa như là cứu cánh của tiên kiến này vượt qua lòng khao khát (R,148). Chính bản chất của kinh nghiệm này giải thích tại sao

kinh nghiệm này lại mang trong mình một sự xác tín nội tại về căn cội thiêng liêng tinh tuyền của nó, giải thích tại sao nó lại sở đắc một tính chất (đặc tính) tự cung tự cấp hiển nhiên không thể giản đơn hơn nữa (R 145). Cũng vậy, sự thụ nhận và cời mở tinh ròng chẳng loại bỏ chi hết, chẳng có suy xét hữu hạn nào có thể giả tạo giam hãm Thiên Chúa hay gán bất cứ quan điểm mục đích nào cho Ngài như là căn nguyên của nó; và không thể lừa dối như vậy được (R,149).

Ba yếu tố trong phần triển khai những đặc điểm này của Egan là đáng lưu ý. Như Rahner thực hiện, Egan cứ khẳng khẳng nhấn mạnh đến việc lôi cuốn vào tình yêu của Thiên Chúa như là tâm điểm khởi đầu của ơn AUKNDT, Ngài chú ý đến điểm này giống như kẻ diệt ngã trong lòng mền dưng dung tinh tuyền vô vị, một cách sâu xa Ngài cảm nếm được màu nhiệm thập giá như là lời mời gọi sâu thẳm nhất, lời mời gọi thoát ra khỏi tinh thần yêu mình, muốn mình và quan tâm mình, đồng thời là tự hoàn thiện mình, hoàn toàn kiểm soát mình, nhưng hoàn toàn hiến dâng chính mình cho Đấng chí tôn yêu thương của đời mình kêu gọi người đó vượt lên chính mình, thì người đó có kinh nghiệm về ơn AUKNDT. (Consolación sin causa precedente)

5. Yếu tố thứ hai đáng lưu ý trong phần trình bày lại của Egan về Rahner đó là sự khác biệt về quan điểm của Egan với những lời phát biểu ban đầu của Rahner về tính chắc chắn của ơn AUKNDT là tác nhân bởi một mình Thiên Chúa. Những gì mà Rahner nói về ơn AU như là có được sự xác tín nội tại về căn nguyên thần khiết, là rõ ràng, đầy đủ (R,143), ít nhất là cho phép ta hiểu ngài có ý muốn nói rằng những ai mà có kinh nghiệm ơn AU như thế này thì người đó đảm bảo chắc chắn nguồn gốc ơn AU này. Nếu như Rahner không có ý nói như vậy thì chính Egan sẽ mổ xẻ vấn đề với ngài. Nếu như Rahner

không có ý như vậy, thì ít ra Egan mang đến cho vấn đề một sắc thái và tính mạch lạc cần thiết. Egan nói rằng nếu on AUKNDT thực sự được ban cho, một cách khách quan mà nói chắc chắn on AU này là do Thiên Chúa (E,44). Tuy nhiên, người thụ ơn này ít nhiều có bằng chứng chủ thể, rằng kinh nghiệm thực đó xuất phát từ Thiên Chúa, bằng chứng đó phụ thuộc vào phẩm tính của AU và sức mạnh trưởng thành về nhận định của thụ nhân đó (E,45). Trong những trường hợp này, rõ ràng thánh I-nhã nghĩ rằng thụ nhân AU có thể đạt tới tính bền vững chắc chắn bằng cách phản tỉnh về kinh nghiệm đó và chú ý đến sự thay đổi khi kinh nghiệm thực này chấm dứt (E,44; Linh Thao 336). Tuy nhiên, có một vài kinh nghiệm về on AUKNDT mà trong chính những kinh nghiệm này lại không có sự xem xét theo sau về độ chắc chắn một cách khách quan cũng như chủ quan. Egan đề cập đến bức thư của thánh I-nhã gửi cho Teresa Rejadell như là một bằng chứng rõ ràng về quan điểm của thánh I-nhã (E,47).

6. Yếu tố thứ 3 đáng lưu ý trong cách giải quyết của Egan đối với những đặc điểm của on AUKNDT đó là ngài trả lời vấn nạn liệu việc nhận thức phi ý niệm về Thiên Chúa bằng cách lôi kéo trọn vẹn vào tình yêu thương của chúa có hoàn toàn thu hút ý thức, loại bỏ nhận thức về các đối tượng thụ niệm và làm cho bất cứ sự hiệp thông nào từ Thiên Chúa đối với đối tượng thụ niệm này trở nên bất khả thể trong suốt on AU tinh ròng kéo dài chẳng. Như chúng ta đã thấy, Rahner lý luận như vậy. Nhưng Egan lại không cho như thế. Egan nghĩ rằng lời lẽ diễn tả của bộ quy tắc II:8 hàm ý đến sự hiệp thông này; Egan nói quy tắc này và lá thư thánh I-nhã gửi cho Teresa để lại bằng chứng xác thực chắc chắn, đó là thánh I-nhã đang mô tả on AUKNDT và thánh I-nhã khẳng định rằng đôi khi Thiên Chúa ban sự hiệp thông on AUKNDT. Egan lý luận sâu hơn mà cho rằng bởi vì có thể có những mối hiệp thông hữu

niệm hay phi niệm ý hoặc chẳng có mối hiệp thông nào, nên chúng ta kể đến 3 loại on AUKNDT (E,48-51).

7. Như đã mô tả ở trên về on AUKNDT, Rahner hiểu vai trò và cách vận hành của on AUKNDT trong NĐTL của thánh I-nhã như thế nào? Rahner cho rằng kinh nghiệm về on AUKNDT như là điều kiện thiết yếu đối với mọi cuộc NĐTL của thánh I-nhã, và nhận định ý Chúa. Rahner quả quyết rằng tất cả những quy tắc khác chỉ là áp dụng niềm xác tín căn bản trong con AU này. Rồi giả thiết trước rằng các quy tắc ấy đều có on AU này và on AU này làm cho các quy tắc ấy có thể có. Ngài tuyên bố rằng, đối với NĐTL, AUKNDT có cùng cách vận hành giống như những nguyên tắc đầu tiên của logic học và hữu thể học đối với những hiểu biết khác (R,130). (ý niệm - khái niệm - suy luận - tư duy). “mọi sự đều lệ thuộc vào việc chúng ta nhận ra on AUTL tinh ròng này mà như thế là hữu thể của nguồn cội thiêng liêng. Đây là nguyên tắc độc nhất, tối thượng và thiết thực của những nguyên tắc NĐTL còn lại và chung quy đây là một tiến trình làm cuộc chọn lựa.” (R,164). Chính xác hơn, on AUKNDT có đặc điểm nổi bật là bằng chứng rõ ràng không thể giảm thiểu và là bằng chứng đầu tiên, đặc điểm này giúp cho on AUKNDT vận hành trong tính logic học của những nguyên lý đặc thù cụ thể như những nguyên tắc tổng quát nhất vận hành trong thực tại trừu tượng (R,142).

8. Việc quy kết vai trò này cho AUKNDT hàm ý một số điều quan trọng mà Rahner đã không ngần ngại phác họa. Một trong những hàm ý quan trọng đó là on AUKNDT không phải là bất thường mà thực sự on AU này vừa là nền tảng và vừa là cao điểm của đời sống Ki-tô hữu bình thường. Egan hoàn toàn đồng quan điểm với Rahner về AUKNDT như là

nguyên tắc nhận định đầu tiên và cũng là kinh nghiệm thường của đời sống Ki-tô hữu (E 43.144).

Trước khi đánh giá về sự hiểu biết tiếp theo đối với on AUKNDT, chúng ta hãy nhìn vào hai quan điểm tương phản của Herve Coathalem và Daniel Gil.

Hervé Coathalem

Đồng quan điểm với cha Rahner, cha Coathalem thấy một sự khác biệt nội tại đáng chú ý, một sự khác biệt trong nội dung, giữa AU có nguyên do trước với AUKNDT. Cũng như cha Rahner, cha Coathalem nghĩ rằng kinh nghiệm về on AUKNDT chứa đựng “sự bảo đảm về tính xác thực của nó”, đó là AU đó chỉ phát xuất từ Thiên Chúa (C,271). Cha Coathalem đi xa hơn cha Rahner trong việc tuyên bố AUKNDT là một kinh nghiệm thần bí. Cha Rahner muốn bỏ sang một bên vấn đề về tính thần bí theo như ý nghĩa xác thực của on AUKNDT và dường như nghĩ rằng on AUKNDT theo cấp độ thấp hơn của nó thì không cần là thần bí theo ý nghĩa trên (R, 151- 153). Ngược lại, cha Coathalem nghĩ rằng tất cả những on AUCNDT “có những ý nghĩa thần bí” và giống như có một sự tương đương thực tế đối với điều thánh Têrêsa Avila gọi là Cảm nghiệm - “Gustos”. Khi nghĩ như thế cha Coathalem xếp mình với nhiều nhà chú giải nổi tiếng về Linh thao của thánh I-nhã (C, 256 – 257). Dầu vậy khi cha (cùng với một số nhà bình luận khác) muốn so sánh on AUKNDT với kinh nghiệm được thánh Têrêsa Avila và những người khác mô tả, cha không nói đến cảm nghiệm (Gustos) của thánh Têrêsa, nhưng mà nói về mức độ cao hơn và hiếm hơn của kinh nghiệm thần bí, kinh nghiệm mà thánh Têrêsa Avila gọi là “cầu nguyện kết hợp” hay điều thánh Gioan thánh giá gọi là “sự đụng chạm cốt yếu” (C, 271).

Trong việc đánh giá rằng mọi on AUKNDT quả thật là một kinh nghiệm thần bí cao siêu và hiếm hoi, cha Coathalem không chỉ vượt xa cha Rahner nhưng còn đối lập với cha Rahner về hai yếu tố cơ bản, liên kết chặt chẽ, trong sự giải thích về bộ NĐTL của thánh I-nhã. Theo quan điểm của cha Coathalem, on AUKNDT không thể là một kinh nghiệm thông thường nơi các Ki-tô hữu đạo đức và cũng không thể là nguyên tắc thứ nhất, duy nhất, và cần thiết cho việc NĐTL của thánh I-nhã. Hơn thế, đối với cha Coathalem, on AUKNDT là một sự bất thường mà qui tắc II: 8, qui tắc nói về cách: làm thế nào để phòng chống sự lừa gạt tinh vi đến ngay sau on AU, “dường như không có nhiều ích lợi thực tế” (C,276).

Do đó, thoát nhìn thì điều dường như là một sự tương đồng giữa việc giải thích về on AUKNDT của cha Rahner và việc giải thích về on AUKNDT của cha Coathalem lại trở nên bất đồng sâu sắc, ám chỉ đến những tư tưởng đối nghịch về việc NĐTL và sau đó về việc nhận định ý Chúa. Điều cha Rahner cho là nền tảng và quan trọng của tiêu chuẩn đời sống Ki-tô hữu và cần thiết đối với bất cứ việc nhân định thần loại nào, thì đối với cha Coathalem lại là rất bất thường, nó chỉ được quan tâm ít hơn và không hoàn toàn cần cho việc NĐTL hay ý Chúa.

Daniel Gil

Cha Daniel Gil nghĩ rằng cho đến nay, chưa có một sự chú giải có sức thuyết phục nào về bản văn của thánh I-nhã. (cha nghĩ sự thật này trả lời cho sự giải thích về on AUKNDT của cha Rahner (G, 90, note 11). Sự giải thích mà cha Gil cho là không đúng. Sự giải thích riêng của cha Gil đối lập ở mức độ cơ bản với sự giải thích của cả cha Rahner và cha Coathalem.

Theo cha Gil thì thánh I-nhã phân biệt giữa ơn AUCNDT và ơn AUKNDT, không dựa vào bất kỳ sự khác nhau nào về sự nhận biết về Thiên Chúa (ý niệm hay phi ý niệm, thần bí hoặc không thần bí), hoặc không dựa trên bất kỳ đặc điểm nội tại nào của chính ơn AU đó. Việc phân biệt chỉ được căn cứ vào yếu tố ngoại tại đối với chính ơn AU và yếu tố đó xảy ra trước ơn AU. Hoặc AU phát sinh hay không phát sinh từ một vài đối tượng của hành động nhận thức và chủ quan của người được ơn AU, đôi khi phụ thuộc vào những đối tượng đó. Ôn AU có thể được cho là phát sinh từ đối tượng của những hành động trên, chỉ khi có một sự phù hợp tương ứng và thoả đáng giữa ơn AU và những hành động với đối tượng của những hành động đó. Nếu có sự tương ứng thì ơn AU gọi là ơn AUCNDT, nếu không có sự tương ứng thì gọi là ơn AUKNDT. Cha Gil phủ nhận bất kỳ bằng chứng nào về sự khẳng định của cha Rahner rằng: ơn AUKNDT được cảm nghiệm một cách không thể nghi ngờ, vì duy nhất và trực tiếp từ Thiên Chúa. Một mặt cha Gil nói rằng bất kỳ sự đánh giá nào về sự trải nghiệm cụ thể ơn AU như thế, liên quan đến một số yếu tố, và không có một sự khẳng định tuyệt đối nào về các yếu tố đó và như thế, sự đánh giá trong mọi trường hợp chỉ mang tính cần trọng. Mặt khác, tất cả những thông tin cần thiết đều được ý thức và xác minh trong những nhận xét thông thường về sự cảm nghiệm đó, miễn là sự nhận xét được thực hiện cách cẩn thận và có tính xây dựng. Không cần phương pháp chuyên môn cao nào để đạt được một sự đánh giá cần trọng (G,31-36).

B. Đánh Giá – Phê Bình Tiêu Luận của Cha Rahner về Bộ Nhận Định của Thánh I-nhã

1. Tiêu Chí Đánh Giá Tiêu Luận Này: Mục Đích Của Cha Rahner Và Những Giới Hạn Trong Việc Đánh Giá Này

Để đánh giá tiêu luận của cha Rahner về bộ nhận định của thánh I-nhã, chúng ta nên lưu ý đến ý định của cha được thể hiện trong bản viết. Sau khi cho thấy, làm thế nào mà các nhà thần học nên tiếp cận sách Linh thao, như một đề tài thần học, và kể như mọi sự trong cuốn linh thao đã được biết hết từ lâu, cha Rahner nói:

Quả như, nếu có một vài vấn đề được đưa ra ở đây, cho thấy rằng: các nhà thần học đã nghiên cứu linh thao một cách nghiêm túc, thì độc giả không nên xem đó như một sự giải thích độc đáo có sẵn và độc giả cũng không nên phàn nàn nếu như một đáp án không được áp dụng đúng lúc (R, 89).

Việc cha Rahner thực sự có ý định nêu ra một vài vấn đề, được nhấn mạnh bằng một cước chú cho phần trình bày trong bản văn. Cha chỉ rõ điều cha không dự tính làm và tầm quan trọng hơn của điều cha không làm.

Với mục đích được giới hạn (mọi người được phép chọn chủ đề riêng của mình) và trong giới hạn khuôn khổ cho phép, không thể nói rằng mục đích của chúng ta ở đây là nghiên cứu kỹ lưỡng về đời sống và bản viết của thánh I-nhã và giải thích cũng như bàn luận về chủ thuyết của những nhà chú giải sách linh thao. Những điều này cũng cần thiết. Trong thực tế, chúng quan trọng hơn những điều chúng ta đang làm ở đây, và tự chúng có thể đạt tới đích nhắm mà một tác nhân được nhắm đến ở đây, nơi một và chỉ một nêu ra, thậm chí là nơi không trở nên quá đơn điệu, những biểu hiện hình thức của một lời khẳng định chắc chắn (R, 169).

E rằng, chúng ta sẽ xem nhẹ mục đích thực của cha Rahner trong quá trình đọc bản văn của cha, trong đó cha đưa ra nhiều lời khẳng định, cuối cùng, cha Rahner lại nhắc chúng ta nhận ra mục đích và nên đọc những lời khẳng định của cha như thế nào, nếu chúng ta thực sự hiểu cha.

Trong những phần cuối này, xem ra chúng ta phải đưa ra nhiều lời khẳng định, hơn là chúng ta đặt ra những vấn đề. Nhưng, thậm chí như thế đi nữa thì mục đích thực sự chỉ cho phép sách linh thao khơi lên những vấn đề cho nền thần học. Đặc biệt vấn đề là, liệu có được chuẩn bị một cách thích đáng để trình bày và giải thích những hoạt động tôn giáo, được diễn tả, và trên tất cả, được qui định trong sách linh thao (R, 169).

Việc đọc một cách cẩn thận lời khẳng định của riêng cha Rahner về mục đích trong tiểu luận của cha, không cho phép chúng ta nghĩ rằng, chính cha muốn đạt tới, hay cho là công việc của cha đạt đến những kết quả, được xác minh một cách đúng đắn, dựa vào sự chú giải tỉ mỉ và đáng tin cậy, những bản văn của thánh I-nhã. Hai lý do nảy sinh có thể coi như một sự hiểu sai của độc giả về mục đích của cha Rahner và sự đánh giá của riêng cha về công trình của cha. Lý do thứ nhất, đối với sự thừa nhận của chính cha Rahner, đó là việc cha đưa ra quá nhiều lời khẳng định chắc chắn, trong khi, tất cả những gì cha nhắm đến, là việc đặt ra vấn đề. Lý do thứ hai là việc hiểu biết về nhận định, được hình thành trong quá trình lý luận thần học (mang hình thức các lời khẳng định), xét về mặt nội dung thì quá đầy đủ và rõ ràng và được phát triển với kỹ năng thần học, như thế để làm cho độc giả quên hay không quan tâm nhiều đến lời cảnh báo, được nhắc đi nhắc lại của cha Rahner, liên quan đến ý định của cha.

Giả như, tôi hiểu sai quá nghiêm trọng những tuyên bố về những giới hạn trong mục đích của cha Rahner, thì những gì

tôi sẽ nói ở đây phải được đọc như là việc tranh luận với cha về một vài vấn đề cơ bản. Dù thế nào đi nữa, nếu như tôi hiểu đúng ý định của cha Rahner, thì điều tôi sắp nói đây nên được đọc như là một việc đưa ra những câu giải đáp cho những vấn đề cơ bản đó- với hy vọng rằng, điều tôi nói có thể giúp được điều gì đó cho cha và cho các thần học gia khác, như Harvey Egan, người đang nghiên cứu môth chủ đề thần học NĐTL của thánh I-nhã.

2. Hai Vấn Đề Cơ Bản

Trong số những vấn đề được cha Rahner nêu ra trong tiểu luận của cha, chỉ có một số điều tôi mong muốn đào sâu, đó là những vấn đề về việc giải thích điều thánh I-nhã đã viết, trong khi gạt ra bất kỳ vấn đề nào chỉ mang tính lý thuyết. Trong số những vấn đề về sự giải thích này, mối quan tâm chủ yếu của tôi bây giờ được giới hạn vào những vấn đề liên quan đến NĐTL của thánh I-nhã, gạt ra vấn đề liên quan đến nhận định ý Chúa, ngoại trừ việc đề cập đến chúng thì cần thiết cho việc bàn luận về NĐTL. Hơn thế, trong số những vấn đề của cha Rahner liên quan đến NĐTL, mục đích của tôi chỉ cần đề cập hai vấn đề là đủ. Vấn đề đầu tiên đối với tôi, dường như là một vấn đề cốt yếu, tính hợp lý trong tất cả những lời giải thích cha Rahner đưa ra dựa vào đó vấn đề liên quan đến nguyên tắc thứ nhất của việc NĐTL. Vấn đề thứ hai sẽ được đưa ra, chỉ vì tầm quan trọng của nó đối với việc giải đáp vấn đề thứ nhất.

Vấn đề thứ nhất có phải on AUKNDT là nguyên tắc của việc NĐTL không?

Điều gì khiến cha Rahner cho rằng: đối với thánh I-nhã on AUKNDT là nguyên tắc thứ nhất của toàn bộ việc NĐTL và nhận định ý Chúa (R,130; E,43-64), điều kiện tiên quyết,

“nguyên tắc duy nhất của phần còn lại của bộ NĐTL và do đó là nguyên tắc duy nhất của tiến trình làm việc lựa chọn” (R,164)? Có bản văn cụ thể nào trong số những bản văn của thánh I-nhã mà cha Rahner thấy là chỉ ra cách rõ ràng và có sức thuyết phục về ơn AUKNDT là nguyên tắc thứ nhất không? Nếu có, thì sau nhiều lần đọc bản văn của cha Rahner, tôi không thấy bất kỳ bản văn nào của thánh I-nhã nói về ơn AUKNDT như là nguyên tắc thứ nhất, tôi cũng đã không thấy bản văn nào như thế trong số những tác giả theo sau cha Rahner trong vấn đề này. Hơn nữa, cha Rahner dường như bắt đầu tiên đề của riêng ngài rằng: toàn bộ việc nhận định phải được đặt nền tảng trên một số sự biến đổi thần linh cách không thể nghi ngờ, có trong kinh nghiệm của chúng ta. Khi đưa ra tiên đề này, cha biện luận rằng: không có sự biến đổi thiêng liêng rõ ràng, như thế được nói đến trong các bản viết của thánh I-nhã, ngoại trừ ơn AUKNDT, và do đó ơn AU này đối với thánh I-nhã phải là một nền tảng cần thiết của toàn bộ việc NĐTL (R, 123-131). Cha Rahner hỏi:

Đối với thánh I-nhã, có một bằng chứng căn bản và chắc chắn nào được giả định trước bởi những quy tắc và những kỹ năng khác nhau, trong việc NĐTL,, và diễn tả cùng một chức năng như những nguyên tắc thứ nhất, về tính logic và bản thể học, đối với phần còn lại của sự hiểu biết, và khác biệt với những quy tắc, làm cho chúng trở nên khả thể, để những quy tắc này được áp dụng và được điều chỉnh để áp dụng sự chắc chắn cơ bản này không? Như vậy, những quy tắc, có thể diễn tả như là một sự logic siêu tự nhiên và chính nó hướng trở về nguyên tắc thứ nhất của riêng nó (R,130).

Cha Rahner tự giải đáp cho vấn đề của riêng mình (có phải câu giải đáp cho vấn đề khác của cha được cho là một sự

khẳng định không?): “một cách rõ ràng, thánh I-nhã ghi nhớ điều gì đó trong tâm trí về những quy tắc NĐTL trong tuần hai” (R,130). Điều cha nghĩ thánh I-nhã có trong tâm trí dĩ nhiên là ơn AUKNDT.

Có bất kỳ bằng chứng nào của thánh I-nhã, cho phép chấp nhận hoặc luận đề của cha Rahner hoặc rút kết luận từ chúng như cha Rahner đưa ra hay không? Nếu có, thì cha Rahner đã không dẫn chứng. Thay vào đó cha chuyển ngay sang một sự diễn tả về ơn AUKNDT. Sự diễn tả này, cho dù nó sẽ được chấp nhận hoàn toàn, không thể làm gì, hơn việc cho thấy rằng: ơn AU được miêu tả là một luận cứ khả thể, được coi như là nguyên tắc thứ nhất của việc NĐTL. Việc diễn tả trên không thể làm mất đi tính khả thể rằng: ơn AU này, chỉ đơn thuần, là một cách đặc biệt về việc biến đổi nhờ Chúa Thánh Thần, ban một loại đặc ân chắc chắn, không phải là một điều cần thiết cho toàn bộ việc NĐTL, hoặc thậm chí, cũng không cần thiết với hầu hết việc NĐTL. Do đó, có lẽ chúng ta nên xem xét điều cha Rahner đang làm ở đây chỉ đơn thuần là việc đưa ra một vấn đề cơ bản cho bất kỳ ngành thần học nào về NĐTL, và hỏi xem có phải đối với thánh I-nhã, ơn AUKNDT là sự giải đáp cho vấn đề trên.

Khi những vấn đề liên quan đến điều cha Rahner nói về ơn AUKNDT, như là nguyên tắc thứ nhất của việc NĐTL được phân loại và sắp xếp theo thứ tự, những vấn đề này có thể được nêu lên trong một chuỗi ba vấn đề rõ ràng, vấn đề đầu tiên là về tính lý thuyết và hai vấn đề khác về tính lịch sử và tính giải thích. Thứ nhất, có phải tất cả việc NĐTL xét về tính khả thể của nó phụ thuộc vào một vài chuyển động thần linh cách rõ ràng và không thể nghi ngờ, là nguyên tắc thứ nhất trong toàn bộ việc NĐTL không? Thứ hai, có phải những bản viết của thánh I-nhã, đưa ra bằng chứng mà ngài đã thấy

sự cần thiết đối với kinh nghiệm như thế, như nguyên tắc thứ nhất của tất cả việc NĐTL không? Thứ ba, giả như, chúng ta chấp nhận một câu giải đáp quá quyết cho vấn đề thứ hai, thì có bằng chứng nào cho thấy thánh I-nhã nghĩ rằng on AUKNDT là một kinh nghiệm, mà kinh nghiệm ấy hình thành nguyên tắc thứ nhất không?

Về ba vấn đề này, chỉ vấn đề thứ ba tôi đề nghị trả lời: có phải thánh I-nhã đã dạy một cách rõ ràng hoặc thậm chí một cách lờ mờ rằng, on AUKNDT là nguyên tắc thứ nhất trong toàn bộ việc NĐTL chân chính không? Trong việc đọc về bản viết của thánh I-nhã, tôi đã không tìm thấy bằng chứng mà có thể cho phép tôi giải đáp một cách khẳng định cho vấn đề này. Không bằng chứng nào cho phép tôi tiếp tục nghi ngờ về câu trả lời. Điều thánh I-nhã đã nói tới và điều ngài đã không nói tới, buộc tôi đưa ra một câu giải đáp phủ định; một câu giải đáp khẳng định đối với tôi là một sự mâu thuẫn rõ ràng với lời dạy của ngài.

Đầu tiên, xem xét về điều thánh I-nhã đã không nói tới. Rõ ràng, sự tranh luận từ một điều không được nói đến thì thường không phải là một vấn đề có sức thuyết phục lắm. Tuy nhiên có một vài trường hợp trong đó lại rất có sức thuyết phục. Sau đây là một trong số các trường hợp đó. Giả định rằng thánh I-nhã coi on AUKNDT như nguyên tắc thứ nhất của việc nhân định thân loại, cần thiết cho chính tính khả thể của nó. Ngài có thể đã không nói cho chúng ta một cách quá rõ ràng chẳng? Chúng ta có thể không hy vọng cha nhắc nhở chúng ta về nó nhiều lần, cha cảnh báo chúng ta không bao giờ cố gắng NĐTL hay ý Chúa bằng bất kỳ sự chỉ dẫn nào đi nữa, cho dù là ý chí hay tình cảm, ngoại trừ on AUKNDT hay sao? Thực tế là on AU như thế không được đề cập ở bất kỳ đâu trong bản viết của thánh I-nhã – không có trong sách linh

thao mà cũng không có ở đâu khác nữa – ngoại trừ ở bộ qui tắc II: 2 và 8; và ở trong hai qui tắc này chúng ta không tìm thấy bất kỳ một ngụ ý rõ ràng nào cho thấy chúng ta đang nói về một nguyên tắc thứ nhất trong bộ nhận định. Ít nhất, không có lời tuyên bố rõ ràng nào với ý nghĩa như thế. Không chỗ nào trong toàn bộ các sách hướng dẫn linh thao được các học trò đầu tiên của thánh I-nhã viết bất kỳ ai có thể tìm thấy một sự chỉ dẫn rõ ràng với ý nghĩa như thế. Chúng ta có thể nghĩ rằng thánh I-nhã và những người ngài huấn luyện đã hoàn toàn bỏ qua việc tuyên bố cách rõ ràng ngài cho là rất cần thiết để NĐTL, hoặc là để áp dụng những cách thức nhận định ý Chúa của ngài không? Vậy sự so suât khó hiểu như thế có đáng tin không?

Nhưng, mặc dù chúng ta thừa nhận khả năng không chắc chắn này, trong thực tế điều thánh I-nhã nói dường như rõ ràng loại trừ bất kỳ ý kiến nào về on AUKNDT như là nguyên tắc thứ nhất của việc NĐTL. Trong bộ thứ hai, ngài đã dành phần lớn thời gian của mình (qui tắc II:4 – 7) để cho thấy làm thế nào mà chúng ta có thể nhận định về thần nào đang thúc đẩy chúng ta trong on AUCNDT (qui tắc II: 4,5) và tại sao chúng ta có thể tự tin để làm như thế (qui tắc II: 7) và điều chúng ta phải làm khi chúng ta nhận rõ thần dữ đang hoạt động (qui tắcII:6). Bộ qui tắc này rõ ràng muốn nói rằng chúng ta không cần on AUKNDT để NĐTL.²⁴¹

On AU mà thánh I-nhã nói ở các qui tắc II: 4 – 7 rõ ràng là on AUCNDT. On AU đã được diễn tả trong qui tắc II:3. Đối với vấn đề được nêu thì các qui tắc này có thể giúp chúng ta giải đáp xem thần lành hay thần dữ là tác nhân của on AU mà nó có thể đến từ một trong hai thần, nhưng ngược lại không

²⁴¹ Về bản phân tích chi tiết những qui luật này, xem trang 222 – 242; và ghi chú đặc biệt trang 235.

phải thần dữ mà cũng không phải thần lành là tác nhân của ơn AUKNDT. Thánh I-nhã chỉ ra trong qui tắc II:4 rằng: thần dữ vì mục đích không tốt lành của nó có thể tạo ra những tư tưởng “tốt lành và thánh thiện”; và trong qui tắc II: 5, thánh I-nhã cho rằng những cảm giác của “sự bình an, sự thình lảng và an tĩnh” đi đôi với những tư tưởng này. Qui tắc II: 5 cho chúng ta thấy làm thế nào để thấy những dấu hiệu rõ ràng của thần lành và thần dữ đang thúc đẩy những tư tưởng và những cảm xúc này và theo đó để đạt được một kết luận hữu ích. Các qui tắc II: 6,7 chứng thực cách hiểu qui tắc 5 đó. Qui tắc II:6 cho rằng chúng ta đã phát hiện ra thần nào hành động và thôi thúc chúng ta, khi là thần dữ chúng ta phải xét lại toàn bộ tiến trình để hiểu hơn về cách nó hành động như thế nào. Qui tắc II: 7 khi được đọc trong văn cảnh với những qui tắc 4 – 6, đảm bảo với chúng ta rằng khi thần dữ đang tác động lên một người đang tiến lên trong việc phụng sự Thiên Chúa, chắc chắn sẽ có cho dù không ngay tức khắc “những dấu hiệu của sự ồn ào và dễ cảm thấy”, dấu hiệu ấy làm nó bị lộ diện. Cũng thế, khi không có dấu hiệu nào như vậy bị lộ diện, nhưng chỉ thấy sự “nhẹ nhàng, êm ái và dịu ngọt” có từ lúc khởi đầu cho đến khi kết thúc của tiến trình, như vậy chắc chắn là thần lành đang hoạt động. Không chỗ nào trong toàn bộ những qui tắc này để nhận định về nguồn gốc đưa tới ơn an ủi có nguyên do trước cho thấy rằng chúng ta cần ơn AUKNDT để thực hiện việc nhận định; hơn thế, có một sự tuyên bố rõ ràng và mạnh mẽ rằng chúng ta có thể thực hiện việc nhận định theo những cách khác.

Vấn đề thứ 2: Tính thông thường của AUKNDT

Câu hỏi về tính thông thường của ơn AUKNDT liên hệ mật thiết với câu hỏi trước về vai trò của ơn AUKNDT trong việc NĐTL của thánh I-nhã. Có phải loại ơn AU này là một

kinh nghiệm hiếm thấy trong đời sống Ki-tô hữu, hay có phải đó là một on AU quá thông thường hoặc ít thông thường không? Cách này hay cách khác, thánh I-nhã không đưa ra lời xác định rõ ràng rành mạch nào để chúng ta có thể dựa vào đó trả lời cho câu hỏi này. Một đoạn trong bức thư thánh I-nhã gửi cho chị Têrêsa Rejadell (ngày 18/6/1536) được trích dẫn (E, 55); nhưng tôi sẽ cố gắng chỉ ra rằng đoạn thư đó rất đáng nghi ngờ khi đề cập đến ý tưởng của thánh I-nhã về tính thông thường của on AUKNDT.

Do vậy chúng ta phải tìm một câu trả lời qua việc rút ra những ẩn ý từ sự miêu tả của thánh I-nhã về on AUKNDT và từ những giả định rõ ràng và được chấp nhận cách rộng rãi xuyên suốt các bản viết của ngài. Những giả định cho rằng việc NĐTL là điều chúng ta cần làm hàng ngày nếu chúng ta muốn trở nên Ki-tô hữu trưởng thành.

Nếu on AUKNDT là một kinh nghiệm ít gặp, và cần thiết cho việc NĐTL, thì cũng hiếm khi cần NĐTL. Thánh I-nhã và những người theo truyền thống của ngài coi NĐTL và cả nhận định ý Chúa là một phần không thể thiếu và rất quan trọng trong đời sống thiêng liêng. Do đó, những người nghĩ rằng on AUKNDT hiếm khi xảy ra, thì họ không nghĩ on AU này cần thiết cho việc NĐTL; trong khi đó, những người coi on AUKNDT như là nguyên tắc thứ nhất của mọi việc nhận định lại nghĩ về on này như một kinh nghiệm thông thường. Vì vậy, chúng ta thấy cha Egan cho rằng loại on AU này thuộc “viễn cảnh bình thường của đời sống thiêng liêng”; on AU này khó có thể bất thường hơn những on AU khác trong khi làm linh thao; thực tế, on AU này có thể được coi là “sự lên ngôi bình thường của AUCNDT (E, 55-56). Chúng ta có thể cho rằng cha Egan ủng hộ cho quan điểm của cha Rahner khi phát biểu như trên. Cha Rahner cũng cho rằng, đối với thánh I-nhã,

on AUKNDT là một kinh nghiệm thông thường của các Ki-tô hữu đang trưởng thành. Cha Rahner giải thích điều được cho là do thánh I-nhã dạy như sau: trừ “thì lựa chọn thứ nhất” (thì này cha Rahner coi là mạc khải của Thiên Chúa {R, 107}), không thể nhận định ý Chúa trừ phi, ít nhất, sự nhận định đó chấm dứt trong việc nhận định qua kinh nghiệm on AU và SK, như trong “thì thứ hai”. Theo cha Rahner, cách nhận định này chỉ có thể làm trong thời gian ngay sau khi trải nghiệm thực tế on AUKNDT (R, 95-96, 160-161). Nếu đây là sự giải thích chính xác tư tưởng của thánh I-nhã, thì cha Rahner phải nghĩ rằng, on AUKNDT là thông thường như ngài nghĩ nhận định ý Chúa nên làm trong đời sống của một Ki-tô hữu đang trưởng thành.

Trong khi ý tưởng on AUKNDT là một kinh nghiệm thường xảy ra phù hợp với ý tưởng on AUKNDT là nguyên tắc thứ nhất của việc nhận định, nếu ý tưởng sau được coi là không chắc chắn, thì ý tưởng trước mất đi tính quan trọng; và ý tưởng này có thể được giải quyết nếu có một lý do mạnh mẽ thôi thúc chúng ta làm như vậy. Ít nhất có một lý do mạnh mẽ dựa trên những đặc tính nội tại của on AUKNDT, on AU này được nói đến trong Quy tắc II:2 và 8, và trong những đặc điểm được cha Rahner và Egan phát triển như là những đặc điểm tiềm ẩn trong những quy tắc này. Vì những đặc điểm này chỉ ra một kinh nghiệm không hoàn toàn là kinh nghiệm thông thường kinh nghiệm này không xảy ra ngay cả với những Ki-tô hữu rất tốt lành.

Trong những đặc điểm của on AUKNDT này, chúng ta chú ý đến đặc điểm không có nguyên do trước và đặc điểm chắc chắn chỉ đến trực tiếp từ Thiên Chúa. Cha Rahner phát triển đặc điểm này, để chỉ ra một sự nhận biết Thiên Chúa cách rõ ràng, phi ý niệm, không qua trung gian, được gọi là

siêu nghiệm, xét về mặt chủ thể và đối tượng chắc chắn là một kinh nghiệm trực tiếp đến từ Thiên Chúa (nhưng không luôn luôn chắc chắn xét về mặt chủ thể, theo cha Egan). Đúng vậy, có thể có những cấp độ mạnh mẽ, rõ ràng, và chắc chắn trong một kinh nghiệm như thế. Nhưng ngay cả những cấp độ thấp những đặc điểm đó dường như không bình thường, xét trên đa số các Ki-tô hữu tốt lành. Liệu chúng ta có bằng chứng thực nghiệm nào khác để đi xa hơn những gì do những người đã đi qua các giai đoạn của đời sống thiêng liêng từ thấp đến cao nhất cung cấp, hoặc do những người linh hướng của những người đó cung cấp không? Không phải chúng cứ đồng nhất của họ cho thấy, ngay cả cấp độ thấp nhất của kinh nghiệm phi ý niệm, trực tiếp về Thiên Chúa xảy đến cách thông thường chỉ với những người đã sống một đời sống cầu nguyện lâu năm và trung tín, và đang tiến mạnh trong việc thanh tẩy tâm hồn hay sao? Có bằng chứng nào về những kinh nghiệm này, như là một kinh nghiệm thông thường, ngoại trừ những người được Thiên Chúa dẫn dắt từ việc cầu nguyện qua loa dần dần sang đến những sự khởi đầu của chiêm niệm thụ động hoặc chiêm niệm phú bẩm, chiêm niệm này thường được thánh Têrêsa gọi là “cầu nguyện trong thầm lặng” không? Và kinh nghiệm tôn giáo này ở các cấp độ thấp hoặc giai đoạn thấp hơn có đặc điểm hướng trọn tình yêu về Thiên Chúa cách có ý thức không? Kinh nghiệm trong giai đoạn đầu tiên của “cầu nguyện trong thầm lặng” có đủ rõ ràng và chắc chắn để trở nên hữu ích như là nguyên tắc thứ nhất của việc nhận định không? Khi những vấn đề này chưa được giải đáp, thì bất cứ sự khẳng định nào về một kinh nghiệm nhận biết Thiên Chúa cách rõ ràng, trực tiếp, phi ý niệm vẫn còn là vấn đề mập mờ khó hiểu.

Cho đến nay, chúng ta mới chỉ đề cập cách gián tiếp với một lý do chưa chắc chắn về tính thông thường của ơn

AUKNDT. Chúng ta còn tập trung vào yếu tố cốt lõi được cảm nghiệm trong mô tả của thánh I-nhã về ơn AUKNDT, bỏ qua tính liên hệ trực tiếp với Thiên Chúa và tính chắc chắn của AU này. Có một vài điều, không thể được nghĩ theo cách nào đó là thông thường, đó là: việc “lôi cuốn ta trọn vẹn vào tình yêu mến Thiên Chúa” (Quy tắc II:2), hoặc “hướng trọn vẹn ta vào tình yêu Thiên Chúa” (thư ngày 15.6.1536 gửi cho chị Têrêsa Rejadell). Những gì được nói đến trong chương 10 (trang 220-221) về những câu này đều có tính quan trọng thiết yếu. Hơn nữa, cha Rahner và Egan coi những câu này của thánh I-nhã là cần thiết và quan trọng để hiểu ngài nói về ơn AUKNDT nghĩa là gì (R,135; E,36). Những mô tả về ơn AU loại này được hai cha rút ra từ những câu trên làm cho việc chấp nhận ơn AU này, như là một kinh nghiệm Ki-tô hữu thông thường trở nên khó hơn.

Cha Rahner nói về toàn bộ con người được lôi cuốn vào tình yêu của Thiên Chúa như Thiên Chúa (R, 35), toàn bộ nhân vị, được lôi cuốn vượt trên và xa hơn tất cả những gì có thể được gọi là vào tình yêu của Thiên Chúa (R, 137). Cha Rahner nói kinh nghiệm này lôi cuốn linh hồn trọn vẹn (153). Việc ý thức được chiếm ngự hoàn toàn cho thấy, trong khi được ơn AUKNDT, không thể có phán đoán hoặc ý niệm nào trong đó (R, 136, 158). Trong ơn AUKNDT, dường như nó là một sự “cảm nhận” về Thiên Chúa, sự cảm nhận đó không thể giải thích và không thể chống cưỡng lại được, rõ ràng, như là đến trực tiếp từ Thiên Chúa (R,143, 153-154). Một kinh nghiệm như thế sao có thể nghĩ là thông thường trong đời sống Ki-tô hữu được? Tôi nghĩ rằng hầu hết chúng ta dường như sẽ nói chúng ta chưa bao giờ có một kinh nghiệm như thế.

Những gì cha Egan đưa ra, nếu xem xét cẩn thận, có thể không bao giờ nói đến bất cứ điều gì ngoài một kinh nghiệm

cực kì hiếm. Chúng ta lưu ý rằng, như thánh I-nhã, cha Egan và Rahner đang mô tả những sự kiện trong ý thức, những sự kiện xảy ra ở một mức độ có thể trải nghiệm được. Cha Egan cho rằng trong ơn AUKNDT, Thiên Chúa chiếm hữu hoàn toàn người được AU bằng cách chuyển những yếu tố thiêng liêng chính yếu sâu thẳm nhất sang sự nhận biết có thể diễn tả và mang tính rõ ràng (E,37). Do đó, người này ý thức hoàn toàn về mình, kiểm soát mình hoàn toàn, và dâng hiến mình hoàn toàn (E,56). Toàn bộ hữu thể người đó được thay đổi ứng với ân sủng do tình yêu của Thiên Chúa thấm nhập vào tất cả mọi chiều kích và khía cạnh của người đó và kết hợp họ với chính những nguồn gốc đó (E,61-62). Sự kết hợp hoàn toàn mọi khía cạnh và chiều kích của nhân cách, sự chiếm hữu và dâng hiến hoàn toàn bản thân – khó có thể chấp nhận việc gọi một kinh nghiệm với những đặc điểm trên là thông thường được (ngay cả với những người khác thường).

Tôi xin được nói rõ hơn. Tôi không gặp khó khăn gì với những chi tiết trong câu của thánh I-nhã. Tôi nghĩ dường như chúng diễn tả chính xác những gì thánh I-nhã nói đến: người đó được lôi cuốn trọn vẹn, hoàn toàn để yêu mến Thiên Chúa chí tôn và, để được lôi cuốn, lúc đó người đó phải được kết hợp và dâng hiến hoàn toàn. Điều tôi không hiểu là làm sao một kinh nghiệm được mô tả như thế lại có thể được nghĩ là điều gì đó, chứ không phải là một kinh nghiệm rất đặc biệt, kinh nghiệm này rất ít Ki-tô hữu có thể nói họ đã có, nếu họ thực sự hiểu sức mạnh của từ “hoàn toàn”, “toàn thể”, “trọn vẹn” và những gì nằm trong những mô tả này. Dường như chỉ những kinh nghiệm phù hợp với những lời mô tả khi chúng không những mang tính thần bí theo nghĩa chính xác nhất của chiêm niệm thụ động hay chiêm niệm phú bẩm, nhưng còn là những kinh nghiệm cao siêu và ít gặp, cho dù chúng thuộc những kinh nghiệm thần bí này đi nữa.

Tôi cho rằng, chính sự tiên đoán về việc khó xác định này khiến cha Rahner nói về những cấp độ khác nhau của ơn AUKNDT. Cha Rahner cho rằng không sai khi nghĩ rằng kinh nghiệm này “có thể xảy đến ở nhiều cấp độ khác nhau mà không làm tổn hại đến căn tính của nó” (R,144). Việc nhận biết Thiên Chúa được gọi bằng thuật ngữ “siêu nghiệm” và tình yêu đối với Ngài, có thể trở nên gia tăng mạnh mẽ, trong sáng và tinh tuyền (R,145-146). Cha Rahner nghĩ rằng kinh nghiệm này, không phải là điều hiếm hoi khi xảy ra ở trong các cấp độ thấp nhất của kinh nghiệm đó. Ở cấp độ cảm xúc hay tinh tuyền nào kinh nghiệm này trở thành sự chiêm niệm thần bí, phú bẩm, đây là một vấn đề cha Rahner cho là không quan trọng khi đưa ra những chỉ dẫn căn bản về một nền thần học nhận định (R 151-152).

Thoạt nhìn, việc dùng đến các cấp độ của kinh nghiệm này hứa hẹn một giải pháp đơn giản và thoả đáng cho vấn đề của chúng ta. Tuy nhiên, khi được xem xét cẩn thận hơn, vẫn có những nghi ngờ nảy sinh. Làm sao một người có thể được lôi cuốn trọn vẹn vào tình yêu của Thiên Chúa trong một cấp độ không đáng kể được? Được chiếm hữu hoàn toàn và dâng hiến hoàn toàn trong một cấp độ không đáng kể?. Và câu hỏi khó nhất là, làm sao một người có thể kết hợp hoàn toàn, hợp nhất hoàn toàn, trong một cấp độ không đáng kể? Dường như người đó đơn giản hoặc là được lôi cuốn trọn vẹn vào tình yêu hoặc là không, hoặc là được kết hợp và dâng hiến hoàn toàn hoặc là không. Tuy nhiên, có lẽ chúng ta có thể quy định từ “hoàn toàn” và “trọn vẹn” chỉ đề cập đến một sự không thể chia cắt và một tình yêu không thể chia cắt luôn hiện diện; từ “cấp độ thấp” đề cập đến cảm xúc mạnh mẽ của tình yêu. Về mặt ý niệm, một tình yêu ở cấp độ cảm xúc thấp có thể là một tình yêu không chia sẻ dành cho Thiên Chúa, không vương bận với bất kì sự yêu chuộng bản thân hay thụ tạo nào vì

chúng không được quy hướng hoàn toàn về tình yêu dành cho Thiên Chúa, không vương bận trong khoảnh khắc ngay cả việc có thể có bất kì sự yêu chuộng bản thân hay thụ tạo nào. Khái niệm về một tình yêu dành cho Thiên Chúa không bị chia sẻ, và thậm chí trong một khoảnh khắc tình yêu đó không thể bị chia sẻ, không xung khắc với khái niệm về một tình yêu ở cấp độ cảm xúc không đáng kể. Nhưng một tình yêu với hai đặc điểm nêu trên có thể có trong thực tế không? Nếu có thể có thì chắc chắn đó là một tình yêu hoa hiếm.

Trong bất cứ trường hợp nào, không đúng hay sao việc những người đạt được sự hiểu biết thâm sâu về những gì đang diễn ra trong thâm tâm họ và trong thâm tâm người khác thường đồng ý với quan điểm của thánh Bernard Clairvaux rằng: chỉ những vị thánh lớn và chỉ qua những khoảnh khắc đang đi qua, họ mới đạt đến một tình yêu hoàn toàn kết hợp và thanh thoát, loại bỏ dù bất kì sự yêu chuộng bản thân nào nếu sự yêu chuộng đó không được lôi cuốn trọn vẹn vào tình yêu dành cho Thiên Chúa (trang 96) ?

Có lẽ tính thông thường của on AUKNDT có thể được chấp nhận nếu chúng ta cho rằng thánh I-nhã, cha Rahner và Egan đều dùng phép ngoa dụ khi họ dùng các từ “hoàn toàn”, hay “trọn vẹn”, để mô tả loại on AU này. Nếu thừa nhận như vậy, chúng ta có thể hiểu rằng họ có ý nói trong khi được on AU loại này, người được on AU được lôi cuốn vào một tình yêu thanh thoát đối với Thiên Chúa cách đáng kể (nhưng không hoàn toàn) với một cấp độ mạnh mẽ cao hoặc thấp của tình yêu. Kinh nghiệm này có thể trở nên hoàn toàn thông thường để áp dụng việc NĐTL cách chính xác.

Giả định về việc dùng phép tu từ cho từ “hoàn toàn” có phải là một giả định hợp lý không? Ít nhất một sự giải thích những gì thánh I-nhã nói vẫn còn bị nghi ngờ khi Quy tắc II:2

được đọc trong bối cảnh của linh thao và dường như không phù hợp chút nào với những quan điểm của cha Rahner và Egan khi mô tả ơn AUKNDT. Hơn nữa, giả định đó yêu cầu loại trừ bất kỳ sự khác biệt nội tại nào trong khía cạnh cảm tính của AU có và không có nguyên do trước, một sự loại trừ tôi nghi ngờ cha Rahner và Egan có lẽ sẵn sàng thực hiện.

Có lẽ nên đưa ra một viện dẫn cuối cùng, một viện dẫn trong thư của thánh I-nhã gửi chị Têrêsa Rejadell được nói đến ở phần trước khi vấn đề tính thông thường của ơn AUKNDT được nêu lên trước tiên (trang 307). Trong thư đó, thánh I-nhã nói:

Điều thường xảy ra là Chúa chúng ta lay động và thúc giục linh hồn đến hoạt động này hay hoạt động khác. Ngài khởi sự bằng việc soi sáng linh hồn; hay nói cách khác, bằng việc nói cho linh hồn cách sâu kín bên trong mà không có sự vang vọng nào của lời, hướng linh hồn hoàn toàn về tình yêu chí thánh của Ngài và hướng bản thân chúng ta đến ý định của Ngài mà về phần chúng ta, chúng ta không có khả năng kháng cự lại, cho dù chúng ta có muốn kháng cự đi nữa.²⁴²

Với lý do thoả đáng, đoạn này thường được diễn giải như là một sự mô tả về ơn AUKNDT, trong đó Thiên Chúa trao ban một sự thúc đẩy tới một số hành động, được xác định bằng AU, như là một sự thúc đẩy từ Thiên Chúa đến hành động đó. Diễn giải này được những gì tiếp sau đó củng cố; vì trong thư, thánh I-nhã cảnh báo chị Têrêsa về sự lừa dối có thể xảy ra trong thời gian ngay sau kinh nghiệm được mô tả trên, như ngài nói đến trong Quy tắc II:8. Đọc lướt qua, đoạn thư này dễ dàng bị cho là bằng chứng để nói rằng thánh I-nhã coi

²⁴² *LettersIgn*, p. 22.

on AUKNDT là một kinh nghiệm thông thường, thậm chí thường xuyên của đời sống Ki-tô hữu.

Tuy nhiên, sự phản tỉnh cần trọng cho thấy đoạn thư khá mập mờ và dường như không có tác dụng đối với vấn đề chúng ta đang bàn. Giả định rằng chúng ta đúng khi nghĩ rằng thánh I-nhã đang nói về on AUKNDT, đoạn thư là chủ đề mang nhiều ý nghĩa, những ý nghĩa có thể phủ nhận đoạn thư như là chứng cứ cho quan điểm on AUKNDT được coi là thường xuyên, thông thường trong đời sống của một Ki-tô hữu đang trưởng thành. Cần lưu ý rằng tính thông thường và tính không thông thường là hai thuật ngữ có liên hệ với nhau. Khi dùng hai thuật ngữ này, chúng ta chỉ có thể hiểu chúng có ý nghĩa gì nếu chúng ta hiểu trong tương quan với những gì thông thường hoặc không thông thường. Ví dụ, có thể thánh I-nhã ám chỉ rằng với những người như chị Têrêsa, những người hướng mạnh mẽ đến một đời sống chiêm niệm và thực thi ý Chúa trong từng khía cạnh của cuộc sống, kinh nghiệm xảy đến như ngài viết là thông thường, cho dù kinh nghiệm đó hiếm hoi xét trong tương quan với đa số những Ki-tô hữu tốt lành nhưng họ không hướng đến đời sống chiêm niệm và thực thi ý Chúa cách mạnh mẽ và hoàn toàn như những người này. Hoặc có thể ngài có ý nói rằng trong số tất cả các Ki-tô hữu đang trưởng thành, kinh nghiệm này là thông thường như, cách chúng ta nói những vụ tai nạn nghiêm trọng xảy ra thường xuyên trên xa lộ, mặc dầu thực tế hầu hết các lái xe không bao giờ gặp phải; hoặc theo cách chúng ta nói rằng lốc xoáy xảy ra thường xuyên ở một vùng nào đó, có nghĩa nó xảy ra trung bình một hoặc hai lần một năm, xảy ra như vậy được gọi là thường xuyên khi so sánh với các vùng khác khi nó chỉ xảy ra năm năm hoặc mười năm một lần.

Cũng có thể thánh I-nhã không trực tiếp đề cập đến tính thông thường của ơn AU này, thay vào đó, có thể ngài nói rằng nhiều lần khi Thiên Chúa thực sự ban cho ơn AU này (có thể không thông thường so với tất cả các Ki-tô hữu đang trưởng thành), Ngài cũng thông ban cùng với ơn AU đó một số thúc đẩy hoặc chuyển động hướng tới hành động này hoặc hành động khác. Nghĩa là, cho dù nếu ơn AU như được mô tả là một kinh nghiệm rất khác thường giữa các Ki-tô hữu cách chung, ơn AU này có liên hệ đến số lần được thông ban, số lần khi một sự thúc đẩy hướng đến hành động này hay hành động khác đi kèm với ơn AU đó xảy ra thường xuyên- thường xuyên đến nỗi chúng ta nói rằng trong số những Ki-tô hữu sống một đời sống theo các lời khuyên Tin Mừng trong một dòng tu (một số ít người sống như vậy so với toàn bộ các Ki-tô hữu), ơn AU thường xảy ra để làm cho họ lớn lên trong những gia đình thiêng liêng trong đó đức tin Ki-tô giáo và sự biểu lộ đức tin đó trở nên sống động.

Ý nghĩa khả thể của đoạn thư được đề cập không loại trừ khả năng đoạn thư cũng có thể có nghĩa rằng ơn AUKNDT là việc xảy ra thường xuyên trong đời sống của Ki-tô hữu đang trưởng thành. Đoạn thư chỉ đơn thuần đưa ra ý nghĩa không chắc chắn, việc giải thích phải được các ngụ ý của những điều được nói ở những chỗ khác soi chiếu.

Kết luận

Như chúng ta đã thấy, điều thánh I-nhã nói đầu đó dẫn chúng ta đến kết luận rằng ngài không coi ơn AUKNDT như là một sự kiện thông thường trong đời sống Ki-tô hữu đang trưởng thành cách chung, chắc chắn không thích hợp cách thông thường để có thể tiến hành việc NĐTL và nhận định ý Chúa, sự nhận định này ngài nghĩ tạo nên nét đặc sắc trong đời sống của họ. Nếu kết luận này đúng, thì nó sẽ đưa ra một

sự khẳng định chắc chắn cho việc trả lời vấn đề thứ nhất, đó là có phải on AUKNDT được thánh I-nhã coi là nguyên tắc thứ nhất của mọi việc NĐTL và nhận định ý Chúa, AU này cần thiết cho khả năng nhận định này.

Tuy nhiên, cho dù nếu kết luận của tôi về vấn đề thứ hai, đó là về tính thông thường của on AUKNDT, không đúng, và cho dù on AU này có thể được cho là thông thường theo tư tưởng của thánh I-nhã, thì câu trả lời của tôi cho vấn đề thứ nhất cũng không cần thay đổi gì. Một lý do phụ thêm có thể không cần thiết; thế thôi. Bằng chứng cơ bản làm nền cho câu trả lời của tôi về vấn đề thứ nhất không cần thiết phải phụ thuộc vào câu trả lời cho vấn đề thứ hai.